Giáo dục đạo đức Phật Giáo trong Trường học và Xã hội (HVPGVN TP HCM; TT Thích Nhật Từ chủ biên)

Giáo trình Phật học

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

CỐ VẤN VÀ CHỈ ĐẠO Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG Phó Pháp chủ đệ nhất kiêm Giám luật GHPGVN

BAN TỔ CHỨC
Trưởng Ban
Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
Phó Chủ tịch GHPGVN
Phó Ban Tổ chức
TS.TT. Thích Tâm Đức
TS.HT. Thích Bửu Chánh
TS.TT. Thích Viên Trí
TS.TT. Thích Phước Đạt
Phó Ban thường trực kiêm Chủ biên TS.TT. Thích Nhật Từ

Thư ký TS.TT. Thích Quang Thạnh

Ủy viên Ban Tổ chức
TS.TT. Thích Đồng Văn
TS.TT. Thích Chơn Minh
TS.TT. Thích Giác Hoàng
TS.ĐĐ. Thích Lệ Ngôn
TS.NS. Thích Nữ Như Nguyệt
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Chủ biên: THÍCH NHẬT TỪ

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

v

MỤC LỤC

Lời giới thiệu - HT. Thích Trí Quảng..... ix Giáo dục Phật giáo: Mục tiêu và những giải pháp thực hiện - TS.TT. Thích Đức Thiện .....xiii Đề dẫn Hội thảo - TS.TT. Thích Nhật Từ.....xvii

-I- GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI 1. Giáo dục đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của nó đối với xã hội - TS.HT. Thích Gia

Quang.....3 2. Ý nghĩa của giáo dục Phật giáo trong hình thành nhân cách, lối sống cho thế hệ trẻ - TS.HT. Dương Quang Điện .....13 3. Triết học giáo dục Phật giáo: Phương pháp, nội dung và vai trò - TS.TT. Thích Nhật Từ.....27 4. Giáo dục đạo đức học Phật giáo và sự ảnh hưởng đối với xã hội - TS.TT. Thích Nguyên Thành.....47 5. Giáo dục đạo đức Phật giáo là góp phần an sinh xã hội - NCS. NCS.SC. Thích Nữ Đồng Hòa.....55 6. Vai trò giáo dục đạo đức của Phật giáo ở Việt Nam - TS. Lê Đức Hạnh.....75 7. Giáo dục đạo đức Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay - NCS.ĐĐ. Thích Huệ Đạo.....95 8. Giáo dục Phật giáo trong đời sống cộng đồng hiện nay - TS. Trần Đức Nguyên - ThS. Lưu Ngọc Thành..... 131 9. Vai trò của giáo dục Phật giáo đối với sự phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh - ThS. Đào Văn Trưởng..... 143 10. Vai trò của Phật học trong giáo dục hướng thiện và trợ giúp xã hội - TS. Hoàng Thị Anh Đào..... 165

vi GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

11. Tầm quan trọng của Văn hóa Phật giáo Việt Nam đối với nền giáo dục Phật giáo Việt Nam hiện nay - TS. Thích Hạnh Tuệ & TS.SC. Thích Nữ Thanh Quế..... 179 12. Giáo dục Phật giáo nhìn từ hoạt động giáo dục của mô hình câu lạc bộ - ThS. Vũ Ngọc Định..... 189 13. Triết lý giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam - ThS. Đinh Đức Hiền..... 209 14. Đường hướng giáo dục trong tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam - TS.SC. Thích Nữ Tường Nghiêm..... 219 15. Chính niệm Phật giáo ảnh hưởng tới xã hội Việt Nam hiện nay - TS.ĐĐ. Thích Quảng Hợp..... 231

- II - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀO TRƯỜNG HỌC 16. Sự cần thiết đưa Phật giáo vào học đường - TS. Trần Minh Đức, ThS. Nguyễn Văn Tiến..... 243 17. Giáo dục thiền dành cho tuổi trẻ - TS.NS. Thích Nữ Hằng Liên.. 257 18. Thiền trong trường học ở phương Tây và cơ hội tại Việt Nam - ThS. Phạm Thị Ngọc Thủy..... 277 19. Ứng dụng các giá trị của đạo Phật trong việc giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên Việt Nam hiện nay - NCS. Lê Tấn Lộc... 291 20. Giáo dục triết lý Phật giáo qua tác phẩm văn học dân gian - PGS.TS. Nguyễn Thanh Tú & ThS. Đào Thị Ngân Huyền..... 309 21. Nhận diện văn học Phật giáo trong văn xuôi Việt Nam hiện đại - NCS.ĐĐ. Thích Chấn Đạo..... 319 22. Thiền định và dạy học Toán - NSC. Tạ Thị Minh Phương..... 333 23. Ứng dụng tâm lý học trong phương pháp giảng dạy - TS. SC. Thích Nữ An Diệu..... 343 24. Các yếu tố hỗ trợ ứng phó với stress của tín đồ Phật giáo tại TP. Huế - NCS.ĐĐ. Thích Pháp Tịnh 353

MỤC LỤC vii

25. Quá trình chuyển hóa cảm xúc - TS.ĐĐ. Thích Nguyên Pháp.....367

- III - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO CHO THANH THIẾU NIÊN, HỌC SINH VÀ SINH VIÊN 26. Giáo dục đạo đức Phật giáo cho trẻ em để phát triển bền vững xã hội - TS. Trần Hồng Lưu..... 391 27. Giáo dục kỹ năng sống cho thiếu nhi hướng đến thực hành luật nhân-quả - TS. Huỳnh Lâm Anh Chương & NCS. Lý Siêu Hải...407 28. Giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi trong cuộc sống - NCS. Lý Siêu Hải & TS. Huỳnh Lâm Anh Chương..... 413 29. Giáo dục Phật giáo về "thiện" cho trẻ em từ góc độ gia đình ở Việt Nam hiện nay - TS. Phạm Thị Quỳnh..... 423 30. Giáo dục Phật giáo về giá trị sống cho trẻ vị thành niên hiện nay - NCS. Nguyễn Thị Thanh Tùng..... 435 31. Giáo dục trẻ em nhìn từ góc độ Phật giáo - Trần Thị Thanh Hà & ThS. Đoàn Thị Vịnh..... 447 32. Giáo dục Phật pháp cho thanh thiếu niên hiện nay - ĐĐ. Thích Tâm Thông..... 455 33. Giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi - ThS.SC. Thích Nữ Hòa Nhã.. 471 34. Vận dụng giáo dục đạo đức Phật giáo cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay - TS. Lê Thị Hạnh..... 483 35. Giáo dục Phật giáo Việt Nam trong việc giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay - TS. Nguyễn Thị Liên..... 501 36. Giáo dục đạo đức Phật giáo trước lối sống vô cảm của thanh niên hiện nay - ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt..... 521 37. Khóa tu mùa hè - một đường hướng giáo dục nhân cách cho giới trẻ hiện nay - TS. Lương Minh Chung..... 533 Vài nét về tác giả 545

viii

ix

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển sách quý vị đang cầm trên tay, "Giáo dục đạo đức Phật giáo trong trường học và xã hội" là 1 trong 4 quyển tuyển tập các bài nghiên cứu trong Hội thảo học thuật cùng tựa đề do Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM (viết tắt là HVPGVN) tổ chức vào ngày 07-12-2019 tại Cơ sở 2, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP.HCM. Ba quyển còn lại là: (i) Giáo dục Phật giáo: Bản chất, phương pháp và giá trị, (ii) Phật học Việt Nam thời hiện đại: Bản chất, hội nhập và phát triển, và (iii) Chương trình Phật học tại Việt Nam và trên thế giới. Các quyển sách này là một trong những hoạt động đánh dấu 35 năm Học viện Phật giáo Việt Nam đóng góp cho Phật giáo Việt Nam và giáo dục Phật học tại Việt Nam, đồng thời thảo luận đặc điểm, bản chất, phương pháp và giá trị của giáo dục Phật giáo cũng như nhu cầu đưa đạo đức Phật giáo vào trường học và các vấn đề Phật học đương đại từ góc độ nghiên cứu đa ngành. 35 năm là chặng đường không dài đối với lịch sử giáo dục Phật giáo tại Việt Nam thời cận đại nhưng đối với Học viện Phật giáo Việt Nam là cả quá trình hội nhập và phát triển nền Phật học Việt Nam xứng tầm với khu vực và trên thế giới. Một trong các thành quả quan trọng là Học viện Phật giáo Việt Nam đã đào tạo nên nhiều thế hệ tăng, ni tài - đức, hiện đang gánh vác các vai trò quan trọng trong Hội đồng Trị sự, các ban, ngành, viện trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng như trong Ban thường trực của

các Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại các tỉnh, thành trên toàn quốc. Hơn ba thập niên qua, tôi rất hoan hỷ khi được phục vụ Học viện Phật giáo Việt Nam với 3 tư cách. Thứ nhất là giảng viên các môn kinh điển Đại thừa từ thời điểm thành lập Học viện Phật giáo Việt Nam (lúc đó gọi là Trường cao cấp Phật học Việt Nam) vào năm 1984 đến 2005. Thứ 2 hai là vai trò Phó Viện trưởng của Học viện Phật giáo Việt Nam từ năm 2006-2009, tiếp tục giảng dạy kinh điển Đại thừa. Thứ ba là Viện trưởng kế thừa Trưởng lão HT. Thích Minh Châu từ năm 2009 đến nay. Với vai trò lãnh đạo cao nhất của Học viện Phật giáo Việt Nam, từ mô hình tín chỉ với 6 khoa, tôi đã chỉ đạo Hội đồng Điều hành phát triển thành 13 khoa, nhằm nỗ lực biến Học viện Phật giáo Việt Nam trở thành đại học tổng hợp như tiền thân của nó là đại học Vạn Hạnh (1960-1975). Nghĩa là trong tương lai, Học viện Phật giáo Việt Nam không chỉ đào tạo chuyên sâu về Phật học từ cấp cử nhân đến tiến sĩ, mà còn đào tạo đa ngành, đặc biệt là các ngành khoa học xã hội và nhân văn và khoa học tự nhiên. Học viện Phật giáo Việt Nam là Học viện Phật giáo đi tiên phong trong việc tuyển sinh từ 4 năm đến 2 năm một lần và từ 2018 trở đi, mỗi năm tuyển sinh một lần. Từ năm 2009, cứ 2 năm một lần, Học viện Phật giáo Việt Nam tuyển sinh cử nhân Phật học, hệ đào tạo từ xa, mỗi khóa có hơn 500 sinh viên theo học. Từ năm 2012, Học viện Phật giáo Việt Nam là trường đầu tiên đào tạo chương trình thạc sĩ Phật học. Năm 2019, Học viện Phật giáo Việt Nam bắt đầu đào tạo chương trình tiến sĩ Phật học. Từ năm 2017, Học viện Phật giáo Việt Nam đã hợp tác với các trường Cao đẳng Phật học Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ và Tiền Giang, đào tạo chương trình cao đẳng Phật học liên thông. Sau khi tốt nghiệp, các tăng, ni sinh tiếp tục học 2 năm cuối tại Học viện Phật giáo Việt Nam là có thể tốt nghiệp cử nhân Phật học. Từ năm 2019, Học viện Phật giáo Việt Nam đào tạo thêm cao đẳng Phật học liên thông nội trú cho tăng, ni tại TP.HCM.

Một trong các dấu ấn quan trọng là vào năm 2006, Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam đón nhận chủ trương của Cựu bí thư Thành ủy TP.HCM Nguyễn Minh Triết về việc cấp 23,8 hecta đất tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh. Vào năm 2012, sau khi hoàn tất thủ tục đền bù và hỗ trợ di dời cho các hộ dân, dưới sự chỉ đạo của cựu Bí thư Thành ủy Lê Thanh Hải, UBND TP.HCM đã chính thức cấp sổ đỏ cho Học viện Phật giáo Việt Nam. Sau hơn hai năm xây dựng, Học viện Phật giáo Việt Nam đã khánh thành giai đoạn 1 của Cơ sở 2 gồm tòa Hành chánh, tòa Học đường, 1 tòa Tăng xá, 1 tòa Ni xá. Năm 2019, Học viện Phật giáo Việt Nam hoàn tất thêm 1 tòa Ni xá và hiện nay bắt đầu khởi công xây dựng Chánh điện và hội trường. Từ nhiều thập niên qua, mơ ước của nhiều bậc cao tăng trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam về mô hình tu học nội trú cho tăng, ni sinh, nay đã trở thành hiện thực tại Học viện Phật giáo Việt Nam từ mùa an cư đầu tiên vào năm 2016 đến nay. Mỗi năm có khoảng 750-850 tăng, ni sinh tu học nội trú được hoàn toàn miễn học phí, ký túc xá phí và sinh hoạt phí để chuyên tâm học Phật đến nơi, đến chốn và dành trọn thời gian cho việc thực hành Phật pháp, hoàn thiện giới đức, thiền định và trí tuệ. Từ năm 2019 trở đi, có hơn 1.000 tăng,

ni sinh nội trú trong Học viện Phật giáo Việt Nam. Tính toàn bộ sinh viên cử nhân, học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh Phật học thì Học viện Phật giáo Việt Nam đang đào tạo khoảng 3.000 tăng, ni. Có thể nói, lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, Học viện Phật giáo Việt Nam có nhiều tăng, ni tu học nội trú nhất trên toàn quốc với các điều kiện thuận lợi cho việc học Phật và tu Phật. Đây là môi trường thuận lợi, giúp tăng, ni sinh trở thành các tăng, ni tài, đức, vững vàng trong học Phật, tu Phật và làm Phật sự về sau. Mỗi ngày, các tăng, ni nội trú đều thực tập ngồi thiền và tụng kinh 2 lần vào buổi khuya, buổi tối, trưa ăn cơm trong chánh niệm, đi thiền hành 3-4 lần mỗi ngày từ tăng xá, ni xá đến Chánh điện tạm. Ngoài việc học và tu, các tăng, ni sinh còn làm vườn, trồng

nấm, làm giá làm đậu hũ và làm thủy canh để đảm bảo an toàn thực phẩm. Quỹ Đạo Phật Ngày Nay cúng dường bảo hiểm y tế cho hơn 2.000 tăng, ni sinh mỗi năm nhằm chăm sóc sức khỏe cho tăng, ni. Vào các mùa an cư, Hội đồng Điều hành cùng cộng tu với tăng, ni sinh để truyền trao kinh nghiệm học, tu và làm Phật sự cho các tăng, ni sinh. Các điều kiện thuận lợi nêu trên cho thấy sự quyết tâm lớn của tôi và Hội đồng Điều hành trong việc nâng cao chất lượng đào tạo Phật học, nghiên cứu Phật học và thực tập Phật pháp không chỉ đối với Học viện Phật giáo Việt Nam mà còn góp phần phát triển nền Phật học tại Việt Nam ngày càng chất lượng hơn. Tôi tin tưởng rằng với thế mạnh đang có gồm hơn 200 giảng viên tốt nghiệp thạc sĩ, phó tiến sĩ và tiến sĩ từ nước ngoài về khoa Phật học và các khoa thuộc khoa học xã hội và nhân văn, Học viện Phật giáo Việt Nam sẽ tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho nền Phật học tại Việt Nam nói riêng và giáo dục Phật giáo nói chung. Tôi tin rằng Học viện Phật giáo Việt Nam sẽ trở thành trường đại học đẳng cấp trong khu vực và trên thế giới như cựu Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết khi còn là Bí thư thành ủy TP.HCM đã tin tưởng và trông đợi.

Lê Minh Xuân, ngày 01-11-2019
HT. THÍCH TRÍ QUẢNG
Phó Pháp chủ GHPGVN
Viện trưởng HVPGVN tại TP.HCM
xiii

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO: MỤC TIÊU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Giáo dục Phật giáo, đào tạo tăng tài luôn luôn là một trong những hoạt động Phật sự trọng yếu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Phật sự đầu tiên sau khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981, Đức đệ nhất Pháp chủ GHPGVN Thích Đức Nhuận đã đề nghị Chính phủ về việc thành lập các trường đào tạo Phật giáo. Ngay sau đó, trong năm 1981, Trường cao cấp Phật học Việt Nam đã được thành lập tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội. Sau 35 năm đến nay Giáo hội có 4 Học viện mà tiền thân là trường Cao cấp Phật học Việt Nam: Học viện Phật giáo tại Hà Nội, tại Huế, tại TP. Hồ Chí Minh và tại TP. Cần Thơ. Hệ Cao đẳng Phật học có 08 cơ sở đào tạo lớp Cao đẳng Phật học và cả nước hiện nay có 35 Trường Trung cấp Phật học. Hầu hết các tỉnh đều mở lớp Sơ cấp Phật

học. Thành tựu nổi bật sau 38 năm của công tác đào tạo Tăng Ni là việc GHPGVN đã chủ động gửi các Tăng Ni sinh đi du học nước ngoài: Ấn Độ, Tích Lan, vùng lãnh thổ Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Myanmar, Thái Lan... Đến nay đã có hàng trăm tăng ni đã tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ, tiến sĩ về nước phục vụ trong nhiều ban ngành trung ương của GHPGVN. Đây là nguồn nhân lực của hệ thống đào tạo giáo dục Tăng Ni của Giáo hội.

xiv GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Với đội ngũ giảng viên có trình độ ngang bằng các trường Đại học trong nước và Quốc tế, GHPGVN đã được Nhà nước cho phép đào tạo hệ Cao học thạc sĩ, tiến sĩ Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội và Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu trong thời gian tới của giáo dục Phật giáo là nâng cao công tác quản lý chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và tu học tại các cơ sở đào tạo Tăng Ni của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu đó, hệ thống các trường đào tạo, giáo dục Phật giáo trong cả nước cần tập trung vào các nhiệm vụ cơ bản như sau: Thứ nhất, thống nhất quản lý chương trình giáo dục đào tạo Phật giáo trong toàn hệ thống các trường đào tạo của Giáo hội theo từng cấp học. Mặc dù trong những nhiệm kỳ vừa qua, Ban Giáo dục Tăng Ni trung ương, nay đổi tên thành Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương đã rất nỗ lực trong việc định hình khung chương trình thống nhất, biên soạn giáo trình, giáo án, tài liệu giảng dạy trong hệ thống các trường đào tạo của Giáo hội từ Sơ cấp Phật học, Trung cấp Phật học, đến hệ đào tạo Cử nhân Phật học tại các Học viện Phật giáo. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa đạt kết quả cao và vẫn đang là nhiệm vụ cơ bản của Ban Giáo dục Phật giáo. Hoàn thành bộ sách giáo khoa chương trình thống nhất trong tất cả các trường hệ Trung cấp Phật học trong cả nước. Đặt yêu cầu giáo trình, giáo án đối với các bộ môn tại các Học viện Phật giáo. Xây dựng khung chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ Phật học chung cho các Học viện. Thứ hai, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục Phật giáo. Đổi mới phương pháp giảng dạy, nhấn mạnh tính sư phạm, tính hệ thống, tính thống nhất trong giảng dạy các vấn đề Phật học. Quản lý chất lượng, chủ động nguồn nhân lực giảng sư ở các cấp học, đặc biệt các HVPGVN. Xây dựng thêm cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn quốc tế, tăng cường các trang thiết bị phục vụ

việc giảng và dạy học, hệ thống ký túc xá cho tăng ni sinh, hệ thống thư viện Phật học đa ngôn ngữ, phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy Phật học có hiệu quả. Thứ ba, đề cao quá trình tu tập trong quá trình đào tạo Phật học ở các cấp học. Các thầy giáo Phật học và Tăng, Ni sinh phải chú trọng sự thực tập đạo đức, thiền định, trí tuệ trong Nội viện của các trường Trung cấp, Cao đẳng và các Học viện Phật giáo Việt Nam trên toàn quốc. Cần coi trọng đạo hạnh, kỹ năng hoằng pháp, lý tưởng trụ trì trong việc phụng sự nhân sinh một cách hiệu là tiêu chuẩn chất lượng của việc đào tạo Phật học, chứ không dừng lại ở phương diện truyền trao và tiếp tu tri thức. Cần chú trọng sự quản lý chất lượng đầu ra nhằm đào tạo những thế hệ Tăng Ni có đạo hạnh mô phạm, vừa uyên thâm về giáo lý Phật giáo, giữ gìn tinh hoa, cốt lõi của giáo lý Phật giáo, vừa

thâm nhập vào đời sống thực tiễn tu hành, và đủ khả năng để truyền tải Phật pháp ứng dụng giúp quảng đại quần chúng nhân dân và đồng bào Phật tử nhận thức đúng, hiểu sâu chân lý Phật, nhằm giải quyết các các vấn nạn thực tế đặt ra trong đời sống đương đại. Với sự hoàn thành ba mục tiêu quan trọng nêu trên, tôi tin rằng HVPGVN tại TP.HCM do Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Quảng lãnh đạo sẽ tiếp tục phát triển nhiều hơn nữa các thành quả đào tạo, học thuật, nghiên cứu, góp phần cung ứng nguồn nhân tài trọng yếu cho GHPGVN và các ban, ngành, viện trung ương của Giáo hội. Tôi tin tưởng rằng HVPGVN tại TP.HCM sớm trở thành trường đại học Phật giáo xứng tầm khu vực và trên thế giới như cựu Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã từng mong mỏi, khi ký chủ trương giao 23,8 ha đất cho HVPGVN xây dựng cơ sở II tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh này.

TT.TS. Thích Đức Thiện Phó Chủ tịch – Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN

xvi

xvii

ĐỀ DẪN HỘI THẢO

Tác phẩm “Giáo dục đạo đức Phật giáo trong trường học và ngoài xã hội” là một trong các diễn đàn chính của hội thảo “Phật học Việt Nam thời hiện đại: Bản chất, hội nhập và phát triển” do Hội đồng Điều hành HVPGVN tổ chức, nhằm kỷ niệm 35 năm thành lập HVPGVN tại Tp. HCM trong 3 ngày 6-8/11/2019. Với 37 bài nghiên cứu của các nhà Phật học và các học giả thuộc các lĩnh vực khác nhau, tuyển tập này chia làm 3 phần: (i) Giáo dục đạo đức Phật giáo trong xã hội, (ii) Giáo dục đạo đức Phật giáo vào trường học, (iii) Giáo dục đạo đức Phật giáo cho thanh thiếu niên, học sinh và sinh viên. Chuyên đề này đón nhận được sự quan tâm nồng nhiệt của các giáo sư và nhà giáo thuộc các trường Đại học khác nhau trong nước. Điều này cho thấy đạo đức Phật giáo và thiền học Phật giáo có thể được sử dụng làm nền tảng thực tập và phục hưng nền đạo đức Việt Nam có dấu hiệu suy thoái, do khủng hoảng về lối sống và lý tưởng sống trong một bộ phận giới trẻ Việt Nam được sinh ra và lớn lên trong giai đoạn môn đạo đức học đã bị bỏ ra khỏi chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong nhiều thập niên, từ 1954 ở miền Bắc và 1975 ở miền Nam, cho đến một thập niên trở lại đây môn này mới được đưa vào học đường như trước đây. 1. Về giáo dục đạo đức Phật giáo trong xã hội, HT. Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Viện trưởng Phân viện

xviii GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Nghiên cứu Phật học Việt Nam, trong bài nghiên cứu “Giáo dục đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của nó đối với xã hội” cho rằng ba trụ cột đạo đức Phật giáo gồm phòng phi, dứt ác và hành thiện với động cơ cao quý là nền tảng thăng hoa hạnh phúc và giá trị con người. Nền đạo đức Phật giáo từ lâu đã ảnh hưởng đời sống xã hội Việt Nam, góp phần mang lại các giá trị cao quý cho nhân sinh. Bài “Ý nghĩa của giáo dục Phật giáo trong hình thành nhân cách, lối sống cho thế hệ trẻ” của HT. Dương Quang Điện (Thích Thanh Điện), Phó Tổng thư ký, Chánh văn phòng GHPGVN, được nghiên cứu trên nền tảng mục tiêu, phương pháp và nội dung giáo dục Phật giáo. Theo đó, tác giả phân tích

các mặt trái của lối sống tiêu cực, chủ nghĩa hưởng thụ trong giới trẻ dẫn đến nhiều hậu quả xấu. Tác giả kêu gọi giới trẻ tiếp nhận giáo dục Phật giáo để hình thành nhân cách, lối sống tích cực và cao quý, nhằm xây dựng hạnh phúc và tương lai tươi sáng. TT. Thích Nhật Từ, Phó Ban Giáo dục Phật giáo GHPGVN, nhấn mạnh triết học giáo dục của Phật giáo bao gồm giáo dục về tự do khỏi các trói buộc tâm, tư duy và lý luận về chân lý, giáo dục về các giá trị sống nhằm giúp con người đạt được các phẩm chất cao quý bao gồm đạo đức, trí tuệ, giác ngộ và giải thoát. Bên cạnh đó, tác giả giới thiệu bốn phương pháp giáo dục chính của đức Phật gồm: (i) Phương pháp người dạy là trọng tâm, (ii) phương pháp người học là trọng tâm, (iii) phương pháp nhấn mạnh nội dung, và (iv) phương pháp dạy tương tác. TT. Thích Nguyên Thành, Phó Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương, Phó Viện trưởng HVPGVN tại Huế, cùng quan niệm như trên trong bài "Giáo dục đạo đức Phật giáo và sự ảnh hưởng đối với xã hội". Theo tác giả, niềm tin về nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, sự tu tập từ, bi, hỷ, xả, tâm vô ngã, lòng vị tha, năm điều đạo đức, mười điều thiện, sáu ba-la-mật và 37 yếu tố giác ngộ... sẽ giúp con người trở nên hiền thiện và có giá trị cho đời, góp phần phát triển đất nước, xây dựng hòa bình trên thế giới.

ĐỀ DẪN HỘI THẢO xix

Sư cô Đồng Hòa trong bài "Giáo dục đạo đức Phật giáo là góp phần an sinh xã hội" chứng minh rằng năm điều đạo đức Phật dạy mang lại hòa bình thế giới, đề cao sự chân thật trong tương quan xã hội, khích lệ sự chung thủy trong hôn nhân, kêu gọi truyền thông chân chính và hữu ích, khẳng định giá trị hạnh phúc gia đình qua việc từ bỏ ma túy và rượu gây say. Ứng dụng năm điều đạo đức, mười điều thiện, bố thí và nuôi dưỡng lòng từ bi là cách tạo nên sự an sinh xã hội một cách bền vững. Bài "Vai trò giáo dục đạo đức Phật giáo ở Việt Nam" của TS. Lê Đức Hạnh cho rằng đạo đức Phật giáo góp phần phát triển nhân cách người Việt Nam và ổn định xã hội Việt Nam, có giá trị tích cực trong lĩnh vực xã hội, y tế, văn hóa, nghệ thuật và giáo dục. ĐĐ. Thích Huệ Đạo trong bài "Giáo dục đạo đức Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay" chỉ ra các giá trị cốt lõi của đạo đức Phật giáo gồm hành thiện, từ bi, tu tâm, đoàn kết, tự chủ, khoan dung, yêu nước, hài hòa, vị tha... đã định hướng cho sự phát triển nhân cách, tư duy và lối sống của con người Việt Nam. Với chủ trương "Giáo dục Phật giáo trong đời sống cộng đồng hiện nay", TS. Trần Đức Nguyên và ThS. Lưu Ngọc Thành cho rằng tinh thần nhập thế Phật giáo giúp cộng đồng bỏ ác, hướng thiện theo đó, con người trở nên tiến bộ và hạnh phúc hơn. Bài viết "Vai trò của giáo dục Phật giáo đối với sự phát triển bền vững của TP.HCM" của ThS. Đào Văn Trưởng khẳng định vị trí, vai trò, ảnh hưởng của giáo dục Phật giáo đối với thành phố đầu não kinh tế, tài chánh, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ trên toàn quốc. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp phát triển thành phố theo quan điểm Phật giáo. TS. Hoàng Thị Anh Đào trong bài "Vai trò của Phật học trong giáo dục hướng thiện và trợ giúp xã hội" tin rằng tư tưởng từ bi, độ lượng, vô ngã, vị tha của Phật giáo được phổ biến trong các khóa tu mùa hè dành cho thanh thiếu niên Việt Nam đã góp phần định hình nhân cách sống và giá trị sống cho con người Việt Nam.

Với quan điểm “Tầm quan trọng của văn hóa Phật giáo Việt Nam đối với nền giáo dục Phật giáo Việt Nam”, sư cô Thanh Quế lược dẫn lịch sử phát triển của văn hóa Phật giáo Việt Nam góp phần tạo ra bản sắc văn hóa Việt Nam. Qua đó, tác giả đề nghị đưa môn Văn hóa Phật giáo vào chương trình giảng dạy trong các trường Phật học. “Giáo dục Phật giáo nhìn từ hoạt động giáo dục của mô hình Câu lạc bộ” của ThS. Vũ Ngọc Định kêu gọi phát triển con người toàn diện có tri thức, đạo đức, văn hóa, thể chất, nghề nghiệp trên tinh thần Phật dạy để vượt qua vô minh, vị kỷ, chấp ngã. Theo tác giả, đây là cách bồi dưỡng nhân tài đúng nghĩa, góp phần phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Theo ThS. Đinh Đức Hiền “Triết lý giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam” có ảnh hưởng tốt đẹp đến nếp sống hiền thiện của thanh thiếu niên Phật tử nói chung và các tầng lớp nhân dân nói riêng. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần phát triển các giá trị giáo dục của tổ chức này. Cùng quan niệm như trên, Sư cô Tường Nghiêm trong bài “Đường hướng giáo dục trong tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam” cho rằng Phật giáo là đạo của tuổi trẻ, do đó giáo dục các phẩm chất như tinh tấn, hỷ xả, trí tuệ, từ bi, anh dũng cho thanh thiếu niên là góp phần mang lại hạnh phúc cho con người. Nói về lợi ích của thiền, ĐĐ. Quảng Hợp qua bài “Chánh niệm Phật giáo ảnh hưởng đến xã hội Việt Nam” chứng minh rằng chánh niệm và tỉnh thức có khả năng giải phóng căng thẳng, khai thông tâm trí, vượt qua trì trệ, xóa bỏ cố chấp và sai lầm, nhờ đó, con người sống hạnh phúc và hữu ích hơn. 2. Về chủ đề “Giáo dục đạo đức Phật giáo vào trường học”, các tác giả trong tuyển tập này đề nghị truyền bá đạo đức và thực tập thiền định cho học sinh và sinh viên. TS. Trần Minh Đức và ThS. Nguyễn Văn Tiến trong bài “Sự cần thiết đưa Phật giáo vào học đường ở cấp Tiểu học, Trung học, Cao đẳng và Đại học sẽ giúp học

sinh và sinh viên tiếp thu các giá trị nhân văn, nhân bản, góp phần dấn thân, cống hiến cho xã hội Việt Nam. Trong bài viết “Giáo dục thiền dành cho tuổi trẻ”, Ni sư Hằng Liên từ kinh nghiệm thực tiễn của người dạy thiền, đề nghị hướng dẫn thiền hơi thở và thiền minh sát cho thanh thiếu niên, nhằm giúp các cháu trở nên tỉnh thức, chân chánh và chuẩn mực. Nhờ đó, phát triển đạo đức, trí tuệ bên cạnh sự khỏe mạnh về thể chất. Như tựa đề của bài viết “Thiền trong trường học ở phương Tây và cơ hội tại Việt Nam”, ThS. Phạm Thị Ngọc Thủy dựa vào phong trào thiền được các trường học ở phương Tây áp dụng, kêu gọi lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo nên làm tương tự để mang lại các lợi ích về sức khỏe thể chất và sức khỏe cảm xúc cho học sinh và sinh viên, giúp các cháu sống hạnh phúc và hữu ích trong đời. NCS. Lê Tấn Lộc trong bài “Ứng dụng các giá trị của đạo Phật” kêu gọi việc giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên Việt Nam là trách nhiệm của mỗi gia đình, trường học và các nhà tôn giáo. Theo tác giả, nghiên cứu và áp dụng các giá trị của đạo Phật trong công tác giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên Việt Nam sẽ tạo ra các ảnh hưởng tích cực đối với hành vi và lối sống của người Việt Nam. Từ góc độ văn học, bài viết “Giáo dục triết lý Phật giáo qua tác phẩm văn học dân gian”, TS. Nguyễn Thanh Tú đề nghị các nhà giáo nghiên cứu các

câu chuyện dân gian và truyền trao tư tưởng Phật giáo cho các thế hệ học sinh và sinh viên nhằm giúp các cháu sở hữu được các viên ngọc đạo lý và nhân cách sống cao quý, có lợi ích cho mình và người. Từ góc độ nghiên cứu liên ngành, ĐĐ. Chấn Đạo qua bài viết "Nhận diện văn học Phật giáo trong văn xuôi Việt Nam hiện đại" cho rằng tư tưởng Phật giáo không chỉ có mặt trong văn học Phật giáo thuần túy mà còn có ảnh hưởng lớn trong văn xuôi Việt Nam hiện đại với tần số lớn. Qua đó, tác giả đề nghị cần có nhiều nghiên cứu về tư tưởng và ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học Việt Nam. NCS. Tạ Thị Minh Phương nối kết sự liên hệ "Thiền định và dạy

học toán" cần được triển khai và ứng dụng trong các cấp học nhằm tìm ra các chìa khóa rèn luyện sức tập trung, giải quyết các vấn nạn, chuyển hóa căng thẳng, giúp cho học sinh và sinh viên đạt được kết quả cao trong học tập và sống hạnh phúc trong đời. Sư cô An Diệu trong bài viết "Ứng dụng tâm lý học trong phương pháp giảng dạy" đã đề nghị các trường Phật học nên áp dụng mô hình này. Theo tác giả, phương pháp giảng dạy mới này không chỉ giúp người giảng dạy được các học trò quý kính mà còn có tác dụng định hướng sự ứng dụng những điều được học vào cuộc sống. Bài nghiên cứu "Các yếu tố hỗ trợ, ứng phó với stress của tín đồ Phật giáo tại TP. Huế" của ĐĐ. Pháp Tịnh là một nghiên cứu định tính đối với 224 nam và 240 nữ Phật tử từ 18-35 tuổi. Kết quả khảo cứu cho thấy các Phật tử có tu học Phật pháp ít bị stress và sống hạnh phúc hơn so với người bình thường. Qua đó, tác giả kêu gọi mọi người thực tập Phật pháp mang lại hạnh phúc cho mình và con người. ĐĐ. Nguyên Pháp trong bài "Quá trình chuyển hóa cảm xúc" kêu gọi mọi người thực tập thiền Phật giáo để tự kiểm soát, chế ngự và làm chủ các phản ứng cảm xúc, vượt qua tâm lý tiêu cực, nhờ đó, sống hạnh phúc, sống khỏe, sống thọ và hữu ích trong đời. 3. Chuyên đề "Giáo dục đạo đức Phật giáo cho thanh thiếu niên, học sinh và sinh viên" là nội dung nhấn mạnh sự quan tâm đến đối tượng thanh thiếu niên trong nhà trường. TS. Trần Hồng Lưu qua bài "Giáo dục đạo đức Phật giáo cho trẻ em để phát triển bền vững xã hội" chứng minh rằng những lời Phật dạy về đạo đức có tác dụng định hình, dẫn dắt, soi sáng hành vi và lối sống của tuổi trẻ, nhờ đó, tuổi trẻ sống tốt và hạnh phúc hơn. TS. Huỳnh Lâm Anh Chương trong bài "Giáo dục kỹ năng sống cho thiếu nhi hướng đến thực hành luật nhân quả" nhấn mạnh lợi ích của niềm tin nhân quả, sự thưởng phạt ở hiện tại và kiếp sau. Theo tác giả, giáo dục kỹ năng sống cho giới trẻ theo hướng này có khả năng giúp giới trẻ sợ hãi và xa lánh cái ác, đồng thời huân tập điều thiện, lối sống thiện để đón nhận hạnh phúc ở hiện tại và tương lai.

Bài viết "Giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi trong cuộc sống" của NCS. Lý Siêu Hải và TS. Huỳnh Lâm Anh Chương cung cấp các thông tin hữu ích về các lợi ích mà việc giáo dục đạo đức Phật giáo trong nhà trường và tại gia đình, góp phần mang lại hạnh phúc cho nhiều gia đình. Bài nghiên cứu "Giáo dục Phật giáo về thiện cho trẻ em từ góc độ gia đình ở Việt Nam hiện nay" của TS. Phạm Thị Quỳnh được xem là quốc sách. Theo tác giả, giáo dục thiện giúp con người chuyển hóa cái xấu, phát huy mặt tốt, chuyển hóa

nghiệp và định mệnh để tạo nên cuộc sống hạnh phúc và có giá trị. NCS. Nguyễn Thị Thanh Tùng tin rằng "Giáo dục Phật giáo về giá trị sống cho trẻ em vị thành niên hiện nay" là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu vì trẻ em là thành phần dễ bị người xấu dụ dỗ, bắt chước các hành vi lệch chuẩn, sa vào con đường phạm pháp và tội lỗi. Cùng với gia đình và trường học, Phật giáo đã góp phần không nhỏ trong việc giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ em, giúp các cháu sống tích cực và hữu ích hơn. Bài viết "Giáo dục trẻ em nhìn từ góc độ Phật giáo" của Trần Thị Thanh Hà và ThS. Đoàn Thị Vịnh là chiến lược giúp các gia đình có được con cháu với lối sống chuẩn mực. Theo tác giả, Phật pháp có khả năng giúp trẻ em hoàn thiện nhân cách, phát triển đạo đức, trở thành con ngoan, trò giỏi và công dân hữu ích cho gia đình, xã hội. ĐĐ. Tâm Thông cho rằng "Giáo dục Phật pháp cho thanh thiếu niên hiện nay" là trách nhiệm của các bậc cha mẹ tại nhà, các thầy cô giáo tại trường và các Tăng Ni tại chùa. Tác giả tin rằng khi Tăng Ni năng động hơn trong việc giảng dạy Phật pháp cho thanh thiếu niên sẽ góp phần xoa dịu nỗi đau, giảm tệ nạn xã hội, tránh vi phạm luật pháp, giúp các bạn trẻ có mục đích và lý tưởng sống cao quý. Cùng quan niệm như trên, sư cô Hòa Nhã cho rằng "Giáo dục Phật giáo cho thiếu niên" cần được quan tâm hàng đầu. Thành công trong việc giáo dục Phật pháp cho thiếu niên ở phạm vi gia đình và xã hội sẽ giúp các cháu có cuộc sống hạnh phúc và tương lai tươi sáng.

xxiv GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

TS. Lê Thị Hạnh đề nghị "Vận dụng giáo dục đạo đức Phật giáo cho sinh viên các trường Đại học ở Việt Nam hiện nay" cần được triển khai càng sớm càng tốt. Tác giả cho rằng giáo dục đạo đức Phật giáo giúp cho lối sống sinh viên trở nên hiền thiện, hữu dụng và có giá trị cho mọi người. Với bài viết "Giáo dục Phật giáo Việt Nam trong việc giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay", TS. Nguyễn Thị Liên tin rằng việc làm này cần được nâng thành chính sách giáo dục của quốc gia, theo đó, thói quen và lối sống của thanh niên Việt Nam sẽ trở nên hiền thiện và hữu ích trong mọi hoàn cảnh. Trong bài nghiên cứu "Giáo dục đạo đức Phật giáo trước lối sống vô cảm của thanh niên hiện nay", ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt cho rằng sẽ là quá muộn và có nhiều tác hại nếu gia đình và nhà trường không quan tâm đến lối sống lệch chuẩn của thanh thiếu niên hiện nay. Theo tác giả, đạo đức Phật giáo giúp con người có niềm thông cảm sâu sắc trước nỗi khổ niềm đau của con người, theo đó, dấn thân phụng sự với lý tưởng cao quý, góp phần mang lại hạnh phúc cho nhân loại. TS. Lương Minh Chung tin rằng "Khóa tu mùa hè: Đường hướng giáo dục nhân cách cho giới trẻ hiện nay" là hướng đi đúng mà Phật giáo Việt Nam đã vận dụng thành công từ năm 2007. Từ mô hình chỉ có chùa Hoằng Pháp và chùa Giác Ngộ khởi xướng, khóa tu mùa hè nay đã được nhân rộng trên toàn quốc. Theo tác giả, mở rộng mô hình này tại tất cả các chùa trên toàn quốc sẽ góp phần mang lại hạnh phúc cho gia đình và xã hội Việt Nam. *** Các bài nghiên cứu về giáo dục đạo đức Phật giáo trong nhà trường và xã hội trong tập sách này phản ánh các vấn nạn suy thoái đạo đức trong giới trẻ, tình trạng trẻ hóa tội phạm cũng như tội phạm trở nên tàn nhẫn hơn ... tại Việt Nam, có gốc rễ từ việc thiếu quan tâm về đạo đức và lối sống của con người Việt Nam. Tiếng nói thống nhất của các nhà nghiên cứu trong tập sách này là sớm đưa

môn đạo đức Phật giáo và thiền định Phật giáo vào học đường với các cấp học khác nhau nhằm góp phần cứu vãn tình hình bất ổn nêu trên. Nếu giáo dục đạo đức Phật giáo có khả năng định hướng thanh thiếu niên trong việc xây dựng mục đích sống, lý tưởng sống cao quý, hữu ích cho mình, có giá trị cho đời thì việc giảng dạy và thực hành thiền trong nhà trường sẽ giúp cho các thế hệ học sinh và sinh viên trở nên điềm tĩnh, sâu sắc, làm chủ nghịch cảnh, vượt qua các biến cố để sống hạnh phúc bây giờ và tại đây. Các nước phương Tây vốn theo các tôn giáo hữu thần như Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo, thế mà nhiều trường học của họ đã mạnh dạn giảng dạy môn đạo đức và thiền định Phật giáo cho học sinh và sinh viên. Tương tự, nhiều nhà tù tại Ấn Độ vốn theo Ấn Độ giáo và nhiều nhà tù tại Hoa Kỳ vốn theo Tin Lành giáo và Thiên Chúa giáo lại mạnh dạn đưa thiền học Phật giáo vào trại giam, cho phạm nhân thực hành. Tôi tin rằng, không chóng thì chày, Việt Nam sẽ đưa môn đạo đức Phật giáo và thiền định Phật giáo vào trường học và trại giam để góp phần chuyển hóa nhân cách, bình ổn xã hội, đề cao lý tưởng sống cao quý, giúp con người làm mới cuộc sống, trở nên hạnh phúc, hữu ích hơn, góp phần phát triển đất nước Việt Nam, mang lại hạnh phúc và hòa bình trên thế giới.

HVPGVN, Cơ sở Lê Minh Xuân, ngày 20-11-19 TT. Thích Nhật Từ

xxvi

-I- GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI XÃ HỘI TS.HT. Thích Gia Quang*

Xã hội ngày càng phát triển, tiến bộ về mọi mặt đã nâng cao đời sống con người, xã hội ngày càng văn minh hơn. Tuy nhiên, trong quá trình vận động và phát triển đã nảy sinh những mặt trái của xã hội đương đại, do vậy, cần sự quan tâm, chung sức giải quyết ở cấp độ quốc gia và toàn cầu chẳng hạn vấn đề suy thoái đạo đức, con người trở nên vô cảm và thiếu niềm tin. Chúng ta cần phải đưa giáo lý Phật giáo ứng dụng vào trong giáo dục và đào tạo, góp phần giải quyết các vấn đề về đạo đức xã hội. Giáo dục Phật giáo có khả năngkhơi nguồn tuệ giác, gieo mầm đạo đức, nhân quả, ban rải tâm từ bi, yêu thương soi rọi ánh sáng Phật pháp thấm nhuần sâu rộng trong đời sống nhân sinh. ỨNG DỤNG ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀO ĐỜI SỐNG TÂM LÝ CON NGƯỜI Phật giáo là một tôn giáo có sức ảnh hưởng và lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội. Phật giáo đã tham gia giải quyết các vấn đề đang đặt ra cho cuộc sống, việc ứng dụng những giá trị đạo đức Phật giáo đem lại lợi lạc cho chúng sinh và nhân loại. Ở khía cạnh giáo dục, quan

*. Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Viện trưởng Phân viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trưởng Ban Thông tin – Truyền thông GHPGVN.

điểm của Phật giáo về thế giới, về con người đặc biệt về sự chế ngự cảm xúc, điều phục nhân tâm, làm tăng trưởng lòng từ bi và các liệu pháp tinh thần áp dụng để trị liệu các

tổn thương tâm lý mang lại kết quả tốt, giúp cho cá nhân tự mình vượt qua các biến cố, khủng hoảng, trầm cảm của bản thân. Con người được đặt làm tâm điểm của sự tồn tại và phát triển để nghiên cứu về thế giới khách quan. Đức Phật đã đưa ra chân lý về Khổ đế, chỉ ra nỗi khổ của chúng sinh, những cái khổ trên thế gian có thể chia làm ba loại và nó có tên là "tam khổ". Tam khổ là nói về ba thứ khổ: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Khổ khổ (dukkha dukkhata) (the suffering of suffering): là cái khổ này chồng lên cái khổ nọ. Tấm thân của chúng ta tự nó cũng đã khổ, mà hoàn cảnh chung quanh lại mang đến cho chúng ta không biết bao nhiêu nỗi khổ khác. Đã gánh bao khổ đau bởi vì sự sống chết bất ngờ mà chính mình không làm chủ được. Hoại khổ (samskara dukkhata) (the suffering of composite things): là mọi vật trong thế gian này đều bị chi phối bởi luật vô thường, có nghĩa là không có gì là bất biến, cố định mãi mãi. Có sinh tất phải có diệt, có kết tụ tất có phân ly. Bởi thế, trong Khế kinh có ghi: "Phàm vật có hình tướng đều phải bị hủy diệt". Hành khổ (viparinama) (the suffering associated with change): Mỗi khi lục căn (six sense organs) tiếp xúc với lục trần (six sense objects), thì tư tưởng sẽ được phát sinh và do đó tâm hồn chúng ta không thể nào yên ổn được. Tư tưởng càng phát sinh, thì tâm tư càng quay cuồng và dục vọng cũng theo đó mà dẫn chúng ta đi lên đi xuống để tạo nên nghiệp báo. Phật mới dạy rằng: "Tâm viên, ý mã". Chân lý về khổ đế chỉ ra cho chúng ta thấy tận cùng bản chất cuộc sống. Khi ta thấu triệt nguồn gốc sâu xa ấy thì tự nhiên tâm sẽ dịu lắng, không cố tìm kiếm vọng tưởng và chìm đắm mãi trong khổ đau. Muốn hết khổ, thì phải tận diệt nó. Nhưng làm sao có thể diệt trừ chúng nếu chúng ta không hiểu rõ nguyên nhân nào sinh ra cái khổ. Đây chính là giai đoạn thứ hai mà Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng sinh. Vậy Tập đế là bước thứ nhì trong bộ Tứ Diệu Đế cốt tìm nguyên nhân phát sinh ra sự khổ đau. Tập đế là sự thật vững

chắc nói về nguyên nhân của những nỗi khổ đã tích lũy lâu đời, lâu kiếp trong mọi chúng sinh và đây chính là cội rễ của sinh tử luân hồi. Khi Lục căn tiếp xúc với Lục trần thì tâm chúng ta phát sinh ra vọng tưởng. Chính những vọng tưởng này đã gieo vào tâm ta không biết bao nhiêu là phiền não. Đức Phật đã đem tất cả những phiền não này gom lại thành 10 loại chính: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến. Đức Phật đã chia tất cả 10 loại phiền não này ra thành hai loại: kiến hoặc và tư hoặc. Kiến hoặc: Kiến là sự thấy biết từ bên ngoài vì thế kiến hoặc là những cái sai lầm về mê lý và vọng chấp từ bên ngoài mà thấm vào trong tâm của chúng ta. Do đó một khi con người đã thấu suốt chân lý của Đức Phật thì những mê lầm này sẽ từ từ biến mất. Tư hoặc: Tư là phần bên trong tức là tâm tư vì thế tư hoặc là những điên đảo mê lầm đã có sẵn trong tâm thức của con người. Nó có khả năng ăn sâu vào tận gốc rễ và rất khó tiêu trừ. Đó là tham, sân, si, mạn. Tham, sân, s, mạn gắn liền với con người như hình với bóng. Hễ có con người là có nó và mình đi đâu thì nó theo đó. Nó ăn sâu vào trong tiềm thức của chúng ta để sai khiến, đọa đày và bắt chúng ta phải thỏa mãn những dục tính, nhu cầu của nó. Càng nghe lời nó thì chúng ta càng sa vào vòng sinh tử luân hồi bởi những ác nghiệp mà chúng ta đã gây ra. Người xưa có câu: "Cao nhân tắc hữu cao nhân trị" cho nên dù nó có nguy hiểm như thế nào, nhưng

nếu chúng ta trì công tu hành thì bốn món độc kia sẽ bị tiêu trừ. Trong bài pháp Tứ đế đầu tiên đức Phật giảng tại vườn Lộc Uyển, về phương pháp hành trì hay Đạo đế, con đường dẫn đến an vui Niết bàn. Đức Phật đã chỉ Bát chính đạo cho năm bạn đồng tu là nhóm Kiều Trần Như. Đó là con đường thánh gồm tám chi: Chính kiến, Chính tư duy, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng, Chính tinh tấn, Chính niệm và Chính định. Bát chính đạo là con đường chân chính có tám chi, giúp chúng sinh hướng đến một đời sống cao thượng, hạnh phúc. Bát chính đạo là tám phương tiện vi diệu đưa chúng sinh đến đời sống an lạc, giải thoát, tiến đến quả vị giác ngộ. Đó chính là phương pháp để chúng ta áp dụng

6 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

để giữ thăng bằng và loại bỏ sự lo âu phiền muộn của cá nhân. Khi con người thấy được sự vô thường thì sẽ không bám chấp vào vật chất, khi buông bỏ sẽ được giải thoát khỏi khổ đau. PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC Giáo dục là một trong những vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm trong bất kỳ thời đại nào, bởi vì giáo dục là nền tảng để xây dựng đời sống hạnh phúc, xây dựng xã hội hòa bình, xây dựng nhân gian tịnh lạc. Trải qua hơn 2.500 năm nhìn lại, những quan điểm về giáo dục Phật giáo đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Ngày nay giáo dục Phật giáo không những tập trung ở Tăng đoàn mà còn phát triển ra ngoài cộng đồng xã hội, ở các tầng lớp từ những em thiếu niên nhi đồng đến tầng lớp thanh thiếu niên, người trung tuổi và người cao tuổi có xu hướng tìm hiểu Phật giáo ngày càng tăng. Đường hướng giáo dục Phật giáo không đề cao, cổ vũ niềm tin mù quáng, ngược lại lấy chính trí, chính kiến làm nền tảng cho giác ngộ giải thoát, làm động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội, cũng là nền móng cho sự thương yêu, cảm thông. Vì chỉ có trí tuệ và từ bi mới đẩy lùi những hành vi bất chính như các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, gia đình; tranh giành quyền lợi… vốn xuất phát từ vô minh. Giáo dục Phật giáo rất giàu nhân bản, nhân văn, luôn luôn nhắm đến mục tiêu đào tạo con người hướng thiện, có niềm tin chân chính, đem đến lợi lạc cho bản thân, gia đình và xã hội, cùng cộng đồng chung tay xây dựng nền hòa bình, thịnh vượng. Giáo dục Phật giáo có thành công hay không chính là dựa vào đội ngũ tăng, ni phải ra sức học tập, rèn luyện, trau dồi “giới – định – tuệ” để trở thành một vị tu sĩ có phẩm chất, đạo hạnh chân chính thì mới đem lại niềm hạnh phúc, an lạc cho mình và cho xã hội. Theo báo cáo nghiên cứu được Bộ Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc công bố ngày 20/12/2016 thì bạo lực học đường là một trong những vấn đề nóng nhất của trường học phổ thông hiện nay.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI XÃ HỘI 7

Có 80% học sinh cho biết từ trước đến nay đã bị bạo lực giới trong trường học ít nhất một lần; 71% học sinh bị bạo lực học đường trong vòng 6 tháng trước đó. Trong đó, 73% học sinh bị bạo lực tinh thần (mắng chửi, đe dọa, bắt phạt, đặt điều, sỉ nhục…), 41% bạo lực thể chất và 19% bị bạo lực tình dục. Một giải pháp hữu hiệu trong Phật giáo để giải quyết vấn đề bạo lực học đường đó là các bậc phụ huynh nên khuyến khích các em đến chùa để các em được gieo trồng hạt giống yêu thương, nhân ái, hiểu được cội nguồn nhân quả, phân biệt được việc đúng sai, từ đó, ngăn cản những hành vi

bạo lực. Hiện nay nhiều chùa trên cả nước thường xuyên tổ chức khóa tu một ngày hay khóa tu mùa hè là khoảng thời gian quý giá để các em được trau dồi nhân cách, đạo đức, được tiếp xúc với những người bạn thân thiện, cảm thông, chia sẻ. Thông qua những khóa tu học ở chùa đã giúp các em có cơ hội nhìn ra lỗi lầm của mình, nhiều em sau khi đến chùa đã có lối sống tích cực hơn. Phật giáo Việt Nam hiện nay có 4 học viện, 9 trường cao đẳng và 30 trường trung cấp Phật học. Hằng năm các trường Phật học đã đào tạo hàng nghìn vị tu sĩ tốt nghiệp có trình độ Phật học, thế học cao, đủ năng lực để cùng gia đình, xã hội giáo dục thế hệ trẻ trên tinh thần giáo dục Phật giáo. Bạo lực học đường đứng trên quan điểm của Phật giáo thì có thể đưa ra các nguyên nhân căn bản của nó chính là phát khởi bởi lòng "tham – sân – si". Ba nguồn độc này đã dẫn các em đi vào con đường sai lạc trong hành vi đạo đức. Vì vậy, ngoài việc giảng dạy chữ nghĩa, nhà trường cần phải dạy các em con đường đạo đức"tiên học lễ, hậu học văn". Bằng cách đưa vào nhà trường những bài học hiếu thảo đối với cha mẹ, biết kính trọng thầy cô giáo, và cần hun đúc cho tâm linh các em bằng những phương pháp giáo dục của Phật giáo để đánh thức thiện tâm của các em. Thứ nhất, đưa tinh thần từ bi, bất bạo động vào để các em biết thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau, diệt trừ những mối thù hận riêng tư trong mối quan hệ bạn bè;

8 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Thư hai, khuyến khích các em tham gia các khóa tu để giải tỏa căng thẳng, lo âu và các khóa tu về đạo đức Phật giáo sẽ giúp các em trải nghiệm và hiểu về nhân quả, đạo đức làm người, từ đó các em sẽ ý thức được hành động của mình; Thứ ba, những gia đình Phật tử thì nên áp dụng năm giới đạo đức của Phật giáo và tinh thần lục hòa để giáo dục con cái. Nếu chúng ta thử áp dụng những phương pháp này vào học đường, tôi tin chắc rằng nó sẽ đem lại hiệu quả cao cho các em. Học tập tốt, đạo đức tốt, chấm dứt bạo lực học đường, có hiếu thảo với cha mẹ, làm cho xã hội văn minh tốt đẹp. Ngoài ra, vấn đề đáng lo ngại trong ngành giáo dục hiện nay như "bằng giả", "học giả bằng thật" đang là vấn đề nhức nhối. Hiện chưa có báo cáo nào về tỷ lệ học giả bằng thật bằng những con số chính xác nhưng nhìn chung những năm gần đây tỷ lệ dùng bằng giả để "thăng quan tiến chức", khiến nhiều người bức xúc và nghi ngờ về chất lượng giáo dục đang được cảnh báo, nhất là ở tầng lớp trí thức. Giáo lý Phật giáo dạy "tu là bỏ cái giả nhận ra cái chân thật", tôi tin rằng khi giáo lý Phật giáo được phổ biến thì sẽ hạn chế được vấn đề "học giả bằng thật, bằng giả", từ đó xây dựng môi trường giáo dục chất lượng, đào tạo những con người đủ đức, đủ tài, đáp ứng được nhu cầu xã hội đương đại. Bản chất của nền giáo dục Phật giáo là từ bi hỷ xả, tất cả vì con người, vì hòa bình và an lạc cho mọi chúng sinh. Nói về giáo dục có thể hiểu thành hai phần đó là giáo dục về chuyên ngành và giáo dục về đạo đức. Một người chỉ giỏi về chuyên ngành mà thiếu đạo đức thì có thể làm hại cả một quốc gia, trở thành người vô dụng như Hồ Chủ tịch từng nói "Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó". Như vậy muốn có những người tốt, có ích cho quốc gia, xã hội thì cần phải chú trọng vào việc bồi dưỡng cả hai. Giáo dục về kỹ năng, giáo dục về chuyên ngành, giáo dục về kiến thức khoa học thì phải cần giáo dục về đạo đức, khơi gợi tinh thần

sáng tạo, khoa học, tư duy độc lập, thích nghi được với cuộc sống hiện đại, làm được như vậy chính là đang áp dụng chính kiến, chính tư duy vào việc giáo dục. Đức Phật dạy về chính kiến, chính tư duy chính là tự mình suy nghĩ, sáng tạo, độc lập trong mọi hoàn cảnh, mọi vấn đề. Tuy nhiên, để làm được điều đó, trước tiên Giáo hội cần phải chỉnh đốn nền giáo dục Phật giáo trong bộ máy tổ chức, trước hết là nền giáo dục về mặt đạo đức tu sĩ chân chính, sống đời sống phạm hạnh giữ gìn "giới luật", sau đó mới bồi dưỡng kiến thức đạo và đời; cả về nền tảng khoa học, xã hội nhân văn thì mới mong đưa nền giáo dục Phật giáo nhập thế vào đời sống hiện nay. GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI Trong xu thế hội nhập và bối cảnh kinh tế xã hội ngày càng phát triển đa dạng, đời sống được nâng cao, con người có điều kiện để trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ. Tuy nhiên, mặt trái của nó cũng phát sinh, đó là: đạo đức trong gia đình, cơ quan, trường học cũng như xã hội xuống cấp nghiêm trọng; xu hướng tranh giành quyền lợi, quyền lực; lối sống hưởng thụ, hành vi trục lợi, chạy theo đồng tiền bằng nhiều thủ đoạn, làm ảnh hưởng đến lối sống lành mạnh của con người trong xã hội đương đại. Những biến đổi từ xã hội đang tác động làm thay đổi cơ cấu gia đình và đặt ra nhiều vấn đề mới, những vấn đề của gia đình Việt Nam hiện đại đang trở nên bức xúc và đáng quan tâm hơn. Cơ cấu gia đình ít chặt chẽ hơn, những mâu thuẫn, đổ vỡ hôn nhân trong gia đình ngày càng cao. Theo số liệu từ Viện Nghiên cứu gia đình và giới, cả nước trung bình có trên 60.000 vụ ly hôn/năm, tỷ lệ 30%, tức là cứ 10 cặp vợ chồng kết hôn thì có 3 cặp ly hôn. Xu hướng này tiếp tục tăng ở cả thành phố và nông thôn. Điều đáng nói, 70% số vụ ly hôn thuộc về các gia đình trẻ, vợ hoặc chồng trong độ tuổi từ 18-30; trong đó có 60% ly hôn sau khi kết hôn từ 1-5 năm, nhiều trường hợp chỉ mới cưới nhau được vài tháng. Nghiên cứu cho thấy, mâu thuẫn về "lối

sống" là nguyên nhân hàng đầu (27,7%) dẫn đến ly hôn. Các yếu tố tiếp theo là ngoại tình (25,9%), kinh tế (13%), bạo lực gia đình (6,7%), sức khỏe (2,2%), xa nhau lâu ngày là 1,3%. Hôn nhân tan vỡ không chỉ làm ảnh hưởng đến gia đình, người thân mà còn ảnh hưởng đến xã hội. Sau những cuộc hôn nhân không thành là những đứa con vô tội phải sống trong cảnh thiếu tình thương và sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và các tệ nạn xã hội ngày một gia tăng. Nói về vấn đề này, đức Phật đặc biệt quan tâm đến đời sống hạnh phúc con người. Ngài đã có những bài pháp giảng về đời sống hôn nhân gia đình như trong kinh Đỉnh Lễ Sáu Phương: Chồng đối với vợ thì phải thương yêu vợ, chung thủy với vợ, săn sóc đời sống vật chất cho vợ, trao cho vợ quyền quản lý những công việc trong gia đình, kính trọng gia đình vợ; Còn vợ đối với chồng thì phải thương kính chồng, chung thủy với chồng, quản lý gia đình tốt, siêng năng làm việc, đối đãi thân thiện với gia đình chồng và bạn bè của chồng. Đấy là những phép ứng xử rất hợp tình hợp lý, là nếp sống đạo đức lành mạnh, là nhân tố tạo nên hạnh phúc trong đời sống hôn nhân gia đình. Trong kinh Tăng Chi Bộ I (chương 4), đức Phật dạy: Này các gia chủ, có bốn hạng người sống chung: Một là, người đàn ông thấp hèn sống chung với người phụ nữ thấp

hèn. Hai là, người đàn ông thấp hèn sống chung với người phụ nữ cao thượng. Ba là, người đàn ông cao thượng sống chung với người phụ nữ thấp hèn. Bốn là, người đàn ông cao thượng sống chung với người phụ nữ cao thượng. Đức Phật kết luận, hạng người sống chung thứ tư, tương đồng phẩm chất tâm lý cao thượng là "đời sống nhiều hạnh phúc, chờ đợi hai người." Như vậy, giáo lý đức Phật dạy cách đây hơn 2.500 năm đã có những bài pháp để xây dựng hạnh phúc gia đình. Bằng trí tuệ và lòng thương yêu, đức Phật đã chỉ dạy những vấn đề hết sức thiết thực và trọng yếu để tạo lập một cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Dù ở quốc gia nào hay thời đại nào đi nữa, những lời dạy của đức Phật về hôn nhân gia đình vẫn phù hợp và rất có giá trị.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI XÃ HỘI 11

Hiện nay, bên cạnh các lễ cưới truyền thống, có không ít các lứa đôi chọn cách tổ chức lễ cưới tại chùa theo các nghi thức Phật giáo, lễ cưới này được gọi là lễ hằng thuận. Đây được xem là nét văn hóa tâm linh đặc thù thể hiện rõ tinh thần nhập thế giữa Phật giáo và hạnh phúc đời thường thông qua sự kiện trọng đại nhất trong cuộc đời. Theo thống kê, ở nước ta trung bình mỗi ngày có nhiều người chết vì tai nạn giao thông. Trước tình trạng đó Phật giáo cần có những chuyên đề, hội thảo để tiếp cận và giải quyết vấn đề như thế nào, làm thế nào để giáo lý Phật giáo được ứng dụng để nâng cao sự nhận thức của người tham gia giao thông. Phật giáo đứng đầu là các vị tu sĩ cần có biện pháp để giảm thiểu sự thương vong, mất mát đó. Trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Việt Nam hiện nay có rất nhiều bài phản ánh về tình trạng tham ô, tham nhũng, điều đó cho thấy sự suy thoái đạo đức ở một bộ phận có chức danh trong xã hội, gây ra sự khủng hoảng niềm tin đến quần chúng nhân dân, kìm hãm sự phát triển kinh tế, có thể xem đây là căn bệnh thế kỷ của quốc gia Việt Nam. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KẾT LUẬN Từ thực tiễn đời sống, chúng tôi đưa ra một số giải pháp: Thứ nhất, góp ý về chương trình Giáo dục Phật giáo có 2 điều cần quan tâm, giáo dục chuyên sâu tại các Trường Phật học dành cho tăng, ni và người nghiên cứu, thực hành sâu về giáo lý Phật giáo và giáo dục đạo đức Phật giáo cho đại chúng. Thứ hai, chương trình sinh hoạt Phật giáo ở các nơi trên khắp cả nước ngày càng được phát triển về chất lượng và số lượng có gia tăng đáng kể. Tuy nhiên chỉ mới tập trung tại các chùa ở thành phố lớn, chưa triển khai trên diện rộng, nhiều nơi chương trình sinh hoạt còn tự phát, chưa chú ý đến chất lượng. Vì vậy mỗi chùa cần nhanh chóng thành lập các câu lạc bộ, đạo tràng phù hợp với từng đối tượng và có chương trình sinh hoạt đều đặn để tạo thói quen cho Phật tử đến chùa, tham dự các khóa tu và các bài giảng cần đi sát với thực tế làm sao cho dễ hiểu và dễ áp dụng. Tăng, ni đóng vai

12 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

trò quan trọng trong việc truyền bá chính pháp đến tín đồ Phật tử, vì vậy tăng, ni cần nghiêm túc hành trì giới luật, nâng cao trình độ giảng dạy, phẩm hạnh của vị tu sĩ chân chính thì mới mang lại lợi lạc cho bản thân và xã hội. Thứ ba, Phật giáo đã cung cấp những nền tảng và phương pháp luận về đạo đức xã hội thật tuyệt vời. Tuy nhiên, để vai trò của Phật giáo được nhân rộng và mang lại giá trị lớn cho xã hội thì trước hết tổ chức Giáo hội cần phải ứng dụng giáo lý Phật giáo một cách thực tiễn trong đời sống tu

hành, giữ gìn "giới luật" một cách miên mật để đạo pháp được xương minh, đúng như lời đức Phật dạy, giới luật còn thì đạo Phật còn. Các vị tu hành phải nêu gương về đạo đức, ngoài khẩu giáo cần có thân giáo sao cho Giáo hội là một tổ chức đạo đức mỗi tăng ni, cư sĩ, Phật tử là một tấm gương về đạo đức thì mới có sức mạnh trở thành điển hình tiêu biểu lan tỏa ngoài xã hội. Nói tóm lại, Giáo hội cần xây dựng Chương trình Giáo dục sát thực tế, giải quyết được vấn đề thực tiễn trong đời sống đương đại, tránh lý luận suông, kinh điển giáo điều, đặc biệt không ngụy biện trên tinh thần tùy duyên nhưng bất biến, bất biến nhưng tùy duyên. Có làm được như vậy, thì mới xứng đáng là tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, mới xứng đáng với tinh thần giáo dục vì nhân sinh của Phật giáo để không hổ thẹn với lịch đại Tổ sư và các bậc tiền bối đã hy sinh cả đời mình vì đạo pháp, vì dân tộc.

***

Ý NGHĨA CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO
TRONG HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH, LỐI SỐNG
CHO THẾ HỆ TRẺ
TS.HT. Dương Quang Điện*

MỞ ĐẦU Hơn 2.000 năm kể từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã trở thành một trong những bộ phận của văn hóa tinh thần dân tộc. Triết lý từ bi, hỷ xả, Phật giáo đã nhanh chóng được tiếp nhận và định hướng cho mỗi người Phật tử lối sống nhân văn, đạo đức, vị tha. Trải qua các triều đại phong kiến, Phật giáo là tôn giáo không thể thiếu trong các triều đại, đã trở thành nét truyền thống và có quan hệ thân chặt với xã hội. Thời nào Phật giáo cũng đều có những đóng góp quan trọng cho đất nước. Vì thế, mà nhiều giá trị tích cực của Phật giáo được hình thành và lưu giữ trong tâm thức người dân Việt Nam. Quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế, dưới tác động của toàn cầu hóa. Và mặt trái của nền kinh tế thị trường, không ít bộ phận giới trẻ rơi vào lối sống vị kỷ, thực dụng, chỉ nghĩ đến cá nhân, mà không có những việc làm thiết thực, giúp ích cho xã hội... Vì thế, Phật giáo đã

*. Phó Tổng thư ký, Chánh văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

mở ra và tổ chức nhiều khóa đào tạo cho thế hệ trẻ (nhất là thanh thiếu niên học sinh, sinh viên), giúp những người trẻ có cái nhìn về cách sống, cách ứng xử, cũng như suy nghĩ về những công việc thiết thực với xã hội. Qua đó khẳng định thanh niên luôn năng động sáng tạo. Từ đó, có thể khẳng định, giáo dục Phật giáo tác động to lớn, tích cực đến việc hình thành nhân cách, lối sống của thế hệ trẻ hiện nay. NỘI DUNG Chúng ta đều khẳng định và thừa nhận rằng: Nhân cách con người phần lớn do giáo dục mà nên hay nói cách khác giáo dục có ý nghĩa quyết định đến việc hình thành nhân cách của mỗi con người. Cùng với các yếu tố khác như văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo, môi trường sống... Giáo dục Phật giáo có vai trò đặc biệt quan trọng trọng việc giáo dục tầng lớp tri thức của dân tộc trong lịch sử cũng như hiện nay. Với đội ngũ thanh niên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh

dân tộc. Vì vậy, Việt Nam luôn giáo dục, bồi dưỡng tổ chức thanh niên thành lực lượng hùng hậu, trung thành, kế tục sự nghiệp của Đảng và dân tộc1. 1. Giáo dục Phật giáo - mục tiêu phương pháp và nội dung cơ bản Hiện nay trong thời đại xã hội văn minh, đời sống nâng cao, khi tiện nghi vật chất của con người ngày càng tiến bộ bao nhiêu thì mặt trái của nó là đời sống tâm linh càng sa sút bấy nhiêu, khoảng cách giữa người và người ngày càng xa cách, lối sống cá nhân, ảnh hưởng xấu không chỉ đến cá nhân mà còn xã hội. Vì thế, nhiều người đã tìm đến Phật giáo như một nơi để gửi gắm tinh thần, nương tựa. Có học tập và nghiên cứu Phật pháp, nhưng chưa có nhận thức về Phật pháp thậm chí sai lầm. Vì thế quá trình học Phật không đạt được kết quả mong muốn. Người học Phật, muốn đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp rất khó2. Vì thế, việc giáo dục Phật giáo càng trở nên quan trọng hướng con người tìm lại nét truyền thống vốn có.

vn/i3841-nghi-quyet-dai-hoi-dang-xii-voi-thanh-nien-viet-nam.aspx. 2. Thích Tịnh Không, Việt dịch: Thích Tâm An, Nxb. Phương Đông.

Ý NGHĨA CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH, LỐI SỐNG 15

Đi qua quá khứ, con người luôn hướng đến cái mới, theo hướng thời đại, nhiều khu vực trên thế giới còn đi trước thời đại. Việt Nam mặc dù không phải là nước phát triển nhanh nhưng cũng đang có không ít những mục tiêu hướng đi không đúng đắn, dẫn đến nhiều hệ lụy cho đất nước cho xã hội, một trong những đối tượng đã và đang chịu tác động tiêu cực không nhỏ là thế hệ trẻ. Để bình ổn vấn đề này trước tiên là giáo dục một cách ngiêm túc, đào tạo những con người mới, những con người toàn diện (đức, trí, thể, mỹ và lao động), thiện chí phải là công dân toàn cầu, để làm chủ xã hội: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. * Mục tiêu cơ bản của giáo dục Phật giáo Giáo dục Phật giáo hướng đến mục tiêu cơ bản đó là giải thoát khỏi khổ đau cho những người đang lầm than, khổ cực. Mẫu người lý tưởng mà giáo dục Phật giáo muốn con người vươn tới là cõi Niết bàn, là được trở thành Phật. Học tập, tu hành là để làm Phật. Con người lý tưởng mà giáo dục Phật giáo cần lấy khuôn mẫu để đào tạo là chư Bồ-tát, chư Thánh tăng đã chứng đạo, chư Tổ sư mà trình độ giải thoát đã được ghi nhận. Chư Phật và chư Thánh giả nói trên là một trong những mẫu người lý tưởng của Phật giáo và mục tiêu của giáo dục Phật giáo là đào tạo những con người có khả năng học tập và phát triển cao để đạt đến trình độ giải thoát như những mẫu người lý tưởng ấy. Mặt khác, mục tiêu phải được hiểu là điểm cần hướng đến của những chặng đường mà các đối tượng của giáo dục (người học) phải đạt đến trên con đường dài có nhiều chặng cần phải vượt qua để đạt được lý tưởng hướng tới. Do đó, mà giáo dục tùy hoàn cảnh tùy trình độ từng cá nhân phải có những mục tiêu đề ra trước mắt khác nhau. Đấy là những mẫu người chủ yếu là những Tăng Ni có tài, đức và có khả năng tu tập, chứng đạt một trình độ tâm linh cao cả và có khả năng giảng dạy, hướng dẫn giới trẻ các Tăng Ni và các cư sĩ Phật tử trong sinh hoạt hàng ngày, tạo một xã hội khang

16 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

lạc, vui tươi3. Phật giáo tuyên bố đời là bề khổ nên mọi hoạt động của Phật giáo, đặc biệt là giáo dục Phật giáo, đều lấy cuộc đời làm đối tượng, lấy những con người đang sống trong tập thể xã hội làm đối tượng. Cho nên, mẫu những con người người đào tạo của Phật giáo ở trong mọi thời đại chính là những con người thâm hiểu và mang ý nguyện tu tập theo giáo lý của Đức Phật, và cũng đồng thời người ấy lại phải thích nghi với xã hội, với những kiến thức kỹ năng hiện đại4. Qua đó giúp con người có cái nhìn chính kiến vô hậu, giải thoát, cái nhìn duyên khởi, vô ngã, Đức Phật dạy: "Đây là khổ đau, đây là nguyên nhân của khổ đau, đây là sự diệt khổ và đây là con đường đưa đến sự diệt khổ". Là con người, nếu có cái nhìn đúng đắn thì chúng ta phải tự tu tập để có thể chuyển hóa tham, sân, si thành vô tham, vô sân, vô si, và chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc đích thực ngay trong cuộc sống này5. Cũng như mọi nền giáo dục khác, giáo dục Phật giáo nhằm hoàn thiện con người. Theo quan niệm của Phật giáo: Con người là chúng sinh có khả năng thành Phật: "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành". Đây có thể nói là một chân lý mà Phật giáo hướng đến đối tượng giáo dục là con người đầy sức sống, đầy năng lực và tính nhân bản. Con người ấy được trở về đúng bản vị làm người, trở về chính mình. Trong Kinh Trường Bộ I, Kinh Đại Niết Bàn, lúc sắp nhập Niết bàn, Đức Phật dạy ngài A Nan: "Vậy nên, này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác". Phật giáo khuyên con người phát huy tính tự lực, tự thân,

muc-tieu-cua-giao-duc-phat-giao muc-tieu-cua-giao-duc-phat-giao 5. Trần Thị Hoài Thương, Giáo dục Phật giáo – Một số vấn đề cơ bản giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức, luận văn thạc sĩ.

nỗ lực hoàn thiện mình trên lộ trình giải thoát6. * Phương pháp của giáo dục Phật giáo Phương pháp giáo dục là lĩnh vực hoạt động của khoa học giáo dục về việc giảng dạy và học tập, tổ chức các phương tiện giáo dục, soạn thảo các chương trình giáo dục, giáo hóa và truyền bá chính pháp, nhằm đáp ứng với mọi trình độ căn cơ của chúng sinh, với sự thật, lẽ phải, thực tế, với các nhu cầu lý luận, với các nhu cầu thời đại và hoàn cảnh xã hội. Các nhà giáo dục xưa nay khi đề cập phương pháp giáo dục thường quan tâm đến ba lĩnh vực cơ bản: phương pháp soạn thảo chương trình, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp tổ chức học đường và các tiện ích giáo dục. Muốn đạt hiệu quả giáo dục, ba lĩnh vực này phải được vận dụng một cách linh động, tiến bộ mãi để phù hợp trình độ đáp ứng nhu cầu đưa con người và xã hội tiến lên. Ngày nay xã hội thay đổi nhất là tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và sự ra đời của công nghệ 4.0 dẫn đến các phương pháp giảng dạy cũng dần thay đổi để phù hợp với hiện tại nhằm đáp ứng nhu cầu cao của thực tiễn đặt ra. Với việc bùng nổ công nghệ thông tin, cuộc cách mạng 4.0 ra đời thì trong giáo dục và đào tạo cũng áp dụng nhiều thành tựu khoa học trong đổi mới phương pháp và phương tiện giảng dạy hiện đại. Nhờ có công nghệ truyền thông nhanh chóng, mà các tổ chức có thể dễ dàng mở ra các lớp bồi dưỡng. Thu hút nhiều người quan tâm vì có một mạng xã hội linh động,

truyền tải mọi thông tin chi tiết đến tất cả cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ, lứa tuổi sử dụng internet nhiều nhất. Nhờ vậy mà giới trẻ nắm bắt nhanh tình hình, để có thể sắp xếp thời gian địa điểm tham gia. Ngoài ra các tổ chức phối hợp với nhau mở ra các buổi khóa Phật ở các địa phương, trực tiếp đến các địa bàn để thực hiện việc giảng pháp. Ví dụ: Giảng dạy ở chùa Hoằng Pháp, chùa Khai Nguyên được truyền trực tiếp thu hút ngàn lượt người xem và chia sẻ.

6. Trần Thị Hoài Thương, Giáo dục Phật giáo – Một số vấn đề cơ bản giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức, luận văn thạc sĩ.

18 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

* Nội dung cơ bản của giáo dục Phật giáo Giáo dục Phật giáo là giáo dục lối sống lành mạnh tích cực cho giới trẻ. Nhìn chung, thế hệ trẻ Việt Nam được giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng ngày một tốt hơn. Phần lớn thanh thiếu niên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước, sống có trách nhiệm với Tổ quốc, gia đình và bản thân, đồng thời có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Luôn giữ trong mình được sự năng động trẻ trung vốn có. Tuy nhiên, đang có một bộ phận giới trẻ giảm sút niềm tin, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, thiếu lý tưởng, xa rời truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Thường phạm phải sai lầm, đi nhầm hướng dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến bản thân và gia đình. Việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ phải được được triển khai bằng nhiều hình thức. Nhưng, những thay đổi nhanh chóng của đất nước và thế giới hiện nay trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi các tổ chức phải lên kế hoạch và thực hiện, phát huy thế mạnh của các phương tiện truyền thông hiện đại trong việc bồi dưỡng lý tưởng Phật giáo về lối sống tích cực cho thế hệ trẻ. Phật giáo đã có nhiều công lao trong việc giáo dục, hóa giải rất nhiều những câu chuyện của các thanh niên trẻ tuổi, muốn xuống tóc, bỏ lại hồng trần đến chốn bồng lai thanh tịnh. Luôn dạy con người hướng đến những điều thiện lành, suy nghĩ thấu đáo trước khi hành động, hướng đến một lối sinh hoạt lành mạnh. Giáo dục giá trị nhân văn cho thế hệ trẻ. Giá trị nhân văn được hiểu: “Nhân” là người, “Văn” là văn hóa, văn minh, nhân văn là những giá trị đẹp đẽ của con người thông qua suy nghĩ hành động. Vì thế truyền đạt tư tưởng nhân văn là hết sức cần thiết và quan trọng. Giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường. Cần giáo dục về tình yêu quê hương đất nước, biết ơn với cách mạng. Luôn sẵn sàng dốc sức cho quê hương đất nước, hăng hái tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt là nghĩa vụ quân sự, không trốn tránh.

Ý NGHĨA CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH, LỐI SỐNG 19

Luôn có một tinh thần tự lực không dựa dẫm người khác, cần cù siêng năng. Luôn là chỗ dựa vững chắc cho người thân, gánh vác những trọng trách cho gia đình. Giáo dục môi trường góp phần phát triển bền vững cho đất nước. 2. Thực trạng nhân cách, lối sống của thế hệ trẻ hiện nay * Tích cực: Trong thời đại mới hiện nay - thời đại văn minh, khoa học kỹ thuật phát triển mạnh, thời đại của cách mạng 4.0, của nền kinh tế

tri thức, văn hóa được nâng cao, nhất là công nghệ thông tin phát triển vượt bậc trên các lĩnh vực đã làm cho đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng cao hơn. Thực trạng đáng mừng là thanh thiếu niên ngày nay có trình độ học vấn cao, có kiến thức hiểu biết đa dạng, phong phú, nhất là về khoa học, kỹ thuật... Quan niệm phong kiến đã được xóa bỏ tận gốc, nhu cầu tự khẳng định bản thân, vai trò cá nhân được đề cao, hết sức coi trọng, đây là một tiến bộ lớn, tạo cơ hội cho tuổi trẻ có điều kiện sáng tạo và phát triển. Dường như có thể nhận thấy ở mọi lúc mọi nơi đó chính là lối sống sẵn sàng hy sinh vì người khác. Một lối sống chủ động năng động trong các hoạt động cộng đồng. Hoặc đơn giản chỉ là việc các bạn trẻ chủ động học tập tích cực hơn, sống có đạo đức và chuẩn mực hơn hay đơn giản là cách sống hòa nhập với thiên nhiên... Việc làm theo lối sống tích cực không những góp phần hoàn thiện bản thân của mỗi người mà nó còn mang ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cộng đồng và xã hội7. Theo đó, một lối sống tích cực sẽ làm cho giá trị của người đó luôn được đề cao trong mắt người đối diện. Không những vậy, sống lành mạnh còn tạo được thiện cảm, niềm tin yêu và sự tôn trọng của mọi người xung quanh. Ngoài ra, sống tích cực còn giúp thế hệ trẻ trở nên tự tin và thành công hơn trong cuộc sống. Trong giai đoạn hiện nay, thế hệ trẻ đang ngày càng ra sức rèn

7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 25-NQ/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa", ngày 25/7/2008.

luyện để bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp nhằm hướng tới xây dựng một lớp thanh niên có tâm trong, trí sáng, hoài bão lớn. Trong nhiều năm tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp tác động trực tiếp đến nước ta, tạo ra cả thời cơ và thách thức; hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và là xu thế lớn, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức tiếp tục được đẩy mạnh. Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á đã trở thành một cộng đồng quốc tế, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động có vị trí địa lý, kinh tế, chính trị chiến lược ngày càng quan trọng; đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn như tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển đảo trong khu vực và trên Biển Đông còn diễn ra gay gắt. Hiện nay, có hàng ngàn thanh niên trí thức, họ đóng góp sức lực, trí tuệ cho sự phát triển đất nước. Giúp đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hàng năm, có hàng ngàn công trình khoa học ở nhiều lĩnh vực khác nhau của thanh niên được công nhận trong nước và quốc tế. Ngoài ra nhiều thanh niên đã tham gia phong trào tình nguyện đến các bản làng khó khăn, thậm chí có những thanh niên đã ngã xuống và còn vô số những công việc thiện nguyện khác. * Tiêu cực, hạn chế: Hiện nay, một bộ phận không nhỏ thanh niên đã và đang hình thành lối sống "sống chết mặc bay". Cụ thể là rất nhiều bạn trẻ vẫn thản nhiên sống ích kỷ, sống vì lợi ích của bản thân mà không hề nghĩ đến mọi người hay mọi việc đang diễn ra xung quanh. Hơn nữa, một số bạn trẻ còn sa đà vào những trò chơi vô bổ mang tính chất kích động,

khiêu dâm. Nhận thức giá trị đạo đức của thanh thiếu niên hiện nay đang bị xói mòn bởi chủ nghĩa thực dụng, đa số coi trọng vật chất, kéo theo đó là cả một hệ lụy tiêu cực. Hơn nữa, thanh thiếu niên ngày nay, chạy theo lối sống hưởng thụ, cầu an, vọng ngoại, lai căng… mà họ cho là hợp thời, sành điệu, bỏ qua những giá trị truyền thống, đạo đức là nền tảng giá trị cơ bản của dân Việt.

Ý NGHĨA CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH, LỐI SỐNG 21

Một bộ phận khác lại lao vào con đường hút chích và nghiện ngập… Hậu quả, ngày càng có nhiều trường hợp phạm tội khi đang ở độ tuổi thanh thiếu niên. Điều này, không chỉ làm mất đi giá trị của bản thân mà còn khiến cộng đồng xa lánh, chán ghét… thậm chí là rơi vào cảnh phạm pháp tù tội. Mặt khác, việc tập theo lối sống tiêu cực còn làm ảnh hưởng rất lớn sự phát triển trong tương lai của mỗi người. Bởi lẽ, lối sống tiêu cực được hình thành từ suy nghĩ và thể hiện ra hành động, từ đó gây nên những tác hại không mong muốn cho gia đình, bạn bè, thậm chí xã hội. Hiện nay thanh thiếu niên đang đi tìm chỗ đứng cho chính mình trong sự tấn công của các nền văn hóa khác biệt, các cám dỗ tha hóa ngày càng hấp dẫn, sự kích thích bản năng ngày càng mạnh và tinh vi. Đồng thời, sự tự khẳng định mình là một mục tiêu mà rất đông bạn trẻ thời đại hướng đến. Coi đó như là ưu thế của tuổi trẻ. Nhưng tự khẳng định theo hướng nào? Có người ăn chơi bừa bãi để tự khẳng định mình, hút thuốc uống rượu, hành động bạo lực… cũng để tự khẳng định mình. Thật sự là một mối nguy lớn cho các bậc làm cha mẹ và những nhà xây dựng, quản lý xã hội. Thực trạng đạo đức thanh thiếu niên học sinh – sinh viên hiện nay đáng báo động, các chuẩn mực đạo đức của giới trẻ đã đến mức đáng lo ngại, còn đâu nữa “Tiên học lễ hậu học văn” “Giấy rách phải giữ lấy lề” hoặc “Đói cho sạch rách cho thơm”8… Đó cũng chính là lý do, giới trẻ ngày nay cần học tập và làm theo những lối sống tích cực hơn9. Có thể thấy, việc giáo dục nhân cách, lối sống thanh niên, đang còn có một số vấn đề đặt ra cần giải quyết là: Từ những hạn chế trên cho thấy cần phải thay đổi nền giáo dục cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Không thể để một thế hệ tương lai của đất nước lại đang ngày một đi xuống nghiêm trọng hơn. Cần phải có những giải pháp hay hướng đi mới để có thể giáo

thieu-nien vn/i3841-nghi-quyet-dai-hoi-dang-xii-voi-thanh-nien-viet-nam.aspx

22 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

dục. Giáo dục Phật giáo cần phải đẩy mạnh, tác động quyết liệt hơn nữa để có thể giúp thế hệ trẻ tuổi thay đổi, lấy lại những phẩm chất vốn có của mình. Phải có nhiều hơn những buổi diễn đàn, kiến thức chuyên sâu, khoét sâu hẳn vào những điểm tiêu cực, để họ dễ nhìn nhận ra mặt trái qua đó tiếp thu tốt hơn. Đặc biệt với xu hướng công nghệ, ngoài việc truyền đạt trực tiếp thì cần áp dụng triệt để các kênh thông tin trên các nền tảng như: Facebook, YouTube, Instagram,... Đây là các nền tảng được giới trẻ sử dụng nhiều nhất. Đưa thông tin nhanh chính xác, mà cũng cực kì hiệu quả. Tùy vào từng điều kiện mà có thể áp dụng các phương pháp khác nhau, để đạt được kết quả tốt nhất. Trước mắt Ban Hoằng pháp, Ban Giáo dục và Ban hướng dẫn Phật tử nên có kế hoạch phối hợp xây dựng và hoàn thiện về nội dung, chương trình thường xuyên giáo

hóa thế hệ trẻ bởi: “Thân cận thiện hữu như vũ lộ trung hành, tuy bất thấp y thời thời hữu nhuận, ác tập ác giã trưởng ác tri kiến”. Đó là gần gũi bạn lành như đi trong sương đêm, tuy chẳng ướt áo, nhưng lâu ngày sẽ thấm. Tiếp xúc với người ác sẽ dễ làm theo việc ác10. Các cơ sở thờ tự cần tổ chức các buổi sinh hoạt văn nghệ, sử dụng âm nhạc, thiết lập sân chơi bổ ích, lành mạnh, thu hút giới trẻ. Chuyển thể kinh Pháp cú từ dạng thơ kệ qua dạng bài hát, đều là những phương pháp hoằng pháp cho thanh thiếu niên đem lại hiệu quả cao. Tổ chức Tết Trung thu để khen thưởng cho con em đồng bào, Phật tử học giỏi, tổ chức khen thưởng cho con cháu hiếu thảo vào ngày Vu lan báo hiếu,... có như thế mới từng bước đưa thanh thiếu niên trở về với cửa chùa. Tất cả những gì đề ra trong giáo dục Phật giáo cũng chỉ hướng đến duy nhất một mục đích đó là giáo dục triệt để nhân cách đạo đức lối sống chuẩn mực.

thieu-nien

Ý NGHĨA CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH, LỐI SỐNG 23

3. Ý nghĩa của giáo dục Phật giáo đến việc hình thành nhân cách, lối sống cho thanh niên * Hình thành nhân sinh quan thế giới quan tích cực cho thanh niên: Góp phần hình thành nhân sinh qua thế giới quan tích cực cho thanh niên. Nhân sinh là sự xem sét, suy nghĩ về sự sống của con người, hoặc nói văn vẻ hơn, Nhân sinh quan là quan niệm của chúng ta về những định luật diễn hóa trong đời sống nhân loại và sự sống của con người. Thế giới quan là hệ thống tổng quát những quan điểm của con người về thế giới (toàn bộ sự vật và hiện tượng thuộc tự nhiên và xã hội), về vị trí con người trong thế giới đó và về những quy tắc xử sự do con người đề ra trong thực tiễn xã hội11. Thanh niên có thể nhanh chóng nắm bắt hiểu biết được cái đạo lý luật lệ và đạo lý ở đời, để có một hành trang tốt để bước đến một cuộc chiến đúng nghĩa, mang lại niềm vui không chỉ cho mình mà còn cho xã hội. Biết được trình độ vị trí của mình trong xã hội để rèn luyện và học tập cho tốt. Qua đó chỉ rõ được các hoạt động của thanh niên có tác dụng cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, và qua đó mà tự cải tạo, tự nâng mình lên. Tạo nên sự phát triển nhân cách khi trong quá trình đó những sức mạnh của bản thân trẻ được thúc đẩy, khi nhu cầu, động cơ, hứng thú của thế hệ trẻ được chú ý, khi giảng dạy và giáo dục phù hợp với những quy luật bên trong của sự phát triển cá nhân. Đó là nhân tố quyết định sự tiến bộ của thế hệ trẻ. * Hoàn thiện, hoàn chỉnh hành vi chuẩn mực cho thanh niên trong bối cảnh trong nước và quốc tế diễn biến phức tạp: Góp phần hoàn thiện, điều chỉnh hành vi, đạo đức, lối sống chuẩn mực của thanh niên. Giáo dục Phật giáo quyết định rất lớn về hành vi đạo đức của giới trẻ vì, đây là lứa tuổi đã và sắp rời xa ghế nhà trường, bắt đầu một cuộc sống tự lập. Nên việc Phật giáo mở ra các hoạt động giáo dục là hết sức cần thiết có nhiều ý nghĩa cho giới trẻ nói riêng và xã hội nói chung. Là bước tiến quan trọng trong

24 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

quá trình đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, giúp đất nước có nền móng vững chắc để phát triển trước thế hệ trí thức đầy tiềm năng. Việc giáo dục của Phật giáo còn làm hoàn thiện những thiếu sót trên ghế nhà trường, điều chỉnh được các hành vi hoạt

động, đạo đức, lối sống đúng đắn. Nâng cao trình độ kiến thức xã hội, các kỹ năng mềm để có thể xử lý các tình huống cho xã hội. Có khả năng làm việc giao tiếp tốt trong cuộc sống. Làm cho mọi người có một cái nhìn toàn diện về thế hệ trẻ của đất nước. Mặc dù chiến tranh đã lùi xa, nhưng hậu quả của nó để lại thật khủng khiếp khi vẫn đang còn rất nhiều những nạn nhân bị nhiễm chất độc màu da cam, rất nhiều trong đó đang là lứa tuổi thanh niên. Khi bao người khác được thoải mái tự do làm những gì mình muốn. Thì họ đang phải chịu những nỗi đau từng ngày. Rất nhiều thanh niên rơi vào cảnh ngán ngẩm thờ ơ với cuộc sống, buông xuôi, suy nghĩ tiêu cực. Nhưng rồi nhờ có giáo dục Phật giáo họ có một nghị lực phi thường. Họ thay đổi suy nghĩ, hành động, rất nhiều người đã vượt lên trong cuộc sống. Ngoài ra, giáo dục Phật giáo còn giúp đỡ rất nhiều hoàn cảnh bất hạnh, truyền cho họ một tinh thần cháy bỏng. Giúp họ có một ý chí vươn lên mọi khó khăn trong cuộc sống. KẾT LUẬN Đạo Phật rất quan tâm đến việc hình thành giáo dục thanh thiếu niên. Trong Kinh Thiện Sanh, Đức Phật đã dành những lời giáo huấn cho chàng thanh niên giàu có Yasa con một trưởng giả12. Giáo dục Phật giáo có giá trị quan trọng trong việc hình thành nhân cách lối sống của thế hệ trẻ. Nâng cao giá trị mà giới trẻ đem lại, khai thác tối đa nguồn nhân lực phổ biến này. Những giá trị không chỉ mang tính cá nhân, mà còn mang tính quốc gia. Một quốc gia phát triển nhất thiết phải có nguồn lực từ con người, đó chính là các thế hệ trẻ. Trong bối cảnh hiện nay, bên cạnh những tác động tích cực, còn có nhiều tác động tiêu cực dẫn đến nhân cách, lối sống của thanh niên

thieu-nien

Ý NGHĨA CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH, LỐI SỐNG 25

đi xuống nghiêm trọng. Ngày càng mất đi hình ảnh đẹp, thay thế vào đó là những lời ra tiếng vào rất đáng báo động. Ngoài giáo dục trên ghế nhà trường thì giáo dục Phật giáo là rất quan trọng. Đặc biệt thanh niên đang có xu hướng trượt dài trước những tác động xấu của xã hội. Bằng nhiều biện pháp khác nhau mà Phật giáo đã có thể chung tay giúp thế hệ trẻ nhận thức được giá trị cuộc sống, giá trị của bản thân cũng như trách nhiệm trước xã hội, gia đình và người thân. Để sớm là con người được trọng dụng, có ích cho xã hội. Không bị tác động bởi các tác nhân xấu. Trải qua hàng ngàn năm, dù ở thời đại nào giáo lý Phật dạy rất phù hợp với thế hệ trẻ. Thanh thiếu niên, giới trẻ ngày nay có thể thực hành giáo lý của Phật dạy để xây dựng bản thân, gia đình, xã hội và đạo pháp. Chúng ta cần tiếp tục phát triển tăng cường biện pháp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục Phật giáo để thế hệ trẻ trưởng thành hơn. Không còn cách nào khác để thay đổi chính là dạy. Cần nỗ lực hơn nữa để đẩy mạnh, các hình thức giảng dạy. Về cường độ cũng như tính chất nghiêm túc hơn.

***

26 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Tài liệu tham khảo Đặng Thị Lan, Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam, Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Hội đồng trị sự, Hội nghị kỳ 3-Khóa

VIII Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, ngày 10, 11 tháng 1 năm 2019. Hoàng Văn Nam (Thích Trí Như), Giáo dục và đào tạo Tăng Ni sinh Phật giáo Việt Nam ở miền Bắc, Nxb. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Học viện Khoa học xã hội. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Hội đồng trị sự, Ban Thường trực Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, ngày 12, 13 tháng 7 năm 2019. Nghị quyết Đại hội Đảng XII với Thanh niên Việt Nam, dang-xii-voi-thanh-nien-viet-nam.aspx. Thích Tịnh không, Việt dịch: Thích Tâm An, Nxb. Phương Đông. phat-voi-thanh-thieu-nien. Trần Thị Hoài Thương, Giáo dục Phật giáo – Một số vấn đề cơ bản giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức, luận văn thạc sĩ. orga29375muc-tieu-cua-giao-duc-phat-giao.

TRIẾT HỌC GIÁO DỤC PHẬT GIÁO: PHƯƠNG PHÁP, NỘI DUNG VÀ VAI TRÒ TS.TT. Thích Nhật Từ*

I. KHÁI NIỆM "TRIẾT HỌC GIÁO DỤC PHẬT GIÁO" Triết học giáo dục Phật giáo (Buddhist Philosophy of education) là một lĩnh vực của triết học Phật giáo ứng dụng (applied Buddhism) nhằm phân tích các vấn đề thuộc về bản chất và mục đích của giáo dục Phật giáo cũng như những vấn đề triết học phát sinh từ lý thuyết và thực hành giáo dục Phật giáo trong thực tiễn. Các chủ đề của triết học giáo dục Phật giáo rất rộng, bao gồm triết học xã hội, triết học tâm, nhận thức luận, bản chất của sự giảng dạy có giá trị nhận thức, đặc điểm và chất lượng giáo dục (educational quality), chính sách giáo dục (educational policies), chương trình giáo dục tiêu chuẩn hóa (standardized curricula), các chiều kích xã hội, kinh tế, pháp lý và đạo đức của giáo dục (the social, economic, legal and moral dimensions of education) Phật giáo. Nếu lịch sử triết học giáo dục của phương Tây bắt nguồn từ

*. Tiến sĩ Triết học, Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó Ban giáo dục Phật giáo Trung ương, Phó Ban Hoằng pháp trung ương, Phó Ban Phật giáo quốc tế Trung ương, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phó Viện trưởng HVPGVN tại TP.HCM.

28 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Socrates1 và phát triển mạnh từ thời của John Locke2 thì triết học giáo dục Phật giáo có nguồn gốc từ 9 thể loại kinh điển trong Phật giáo Nguyên thủy hoặc 12 thể loại kinh điển trong Phật giáo Đại thừa. Nền triết học giáo dục phương Tây tập trung các tranh biện về bản chất của giáo dục qua các học thuyết như phân tích tâm lý (psycho-analysis), thuyết hiện sinh (existentialism), thuyết hiện tượng (phenomenology), thuyết thực chứng (positivism), thuyết hậu hiện đại (post-modernism), thuyết tự do mới (neo-liberalism) và mấy thập niên trở lại đây là triết học phân tích (analytic philosophy),3 đang khi, triết học giáo dục Phật giáo nhấn mạnh đến tính thực tiễn (pragmatism) trong việc kết thúc các nỗi khổ, niềm đau, trải nghiệm an vui, hạnh phúc trong đời. Triết học giáo dục hiện đại thảo luận các học thuyết dạy (teaching) và học (learning), kiến thức, chân lý và học, giáo dục và tiêu chuẩn sống, động cơ và quản trị lớp học, và giáo dục nghề. Triết học giáo dục Phật giáo nhấn mạnh đến mục đích nhận thức của giáo dục (epistemic aims of education), giáo

dục tự do (liberal education) khỏi các trói buộc tâm, tư duy và lý luận chân lý, giáo dục các giá trị (values education), thiền định, trí tuệ, giác ngộ và giải thoát. Về mục đích nhận thức luận (epistemic aims), theo Phật giáo, "chân lý" (sacca) là mục đích quan trọng nhất của giáo dục, theo đó, con người cần nỗ lực giải phóng tâm khỏi các trói buộc (cetovimutti, tâm giải thoát). Đức Phật cho rằng giải thoát đích thực phải được thực hiện bằng trí tuệ (paññāvimuti, tuệ giải thoát). Nói cách khác, chân lý và trí tuệ là mục đích nhận thức nền tảng nhất của giáo dục (the fundamental epistemic aim of education). Triết học giáo dục có liên hệ đến các học thuyết đạo đức, triết học chính trị - xã hội, triết học luật, nhằm hướng đến các biện pháp 1. Phillips, D.C., 1985, "Philosophy of Education", in International Encyclopedia of Educa- tion, Torsten Husén and T. Neville Postlethwaite, (eds.), pp. 3859–3877. 2. John Locke's Some Thoughts Concerning Education (1693). 3. Trường phái triết học phân tích của Moore và Wittgenstein là đỉnh cao điển hình của khuynh hướng này. Xem, C.D. Hardie, Truth and Fallacy in Educational Theory (1941); R.D. Archambault edited Philosophical Analysis and Education (1965).

thích hợp về đạo đức, xã hội và chính trị về giáo dục, các đánh giá đạo đức về phương pháp và hiệu quả của giáo dục. Triết học giáo dục Phật giáo đề cập chính yếu đến bản chất, mục đích và các phương tiện giáo dục con người, nhằm giúp con người đạt được 3 hoàn thiện (tisikkhā) về trí tuệ (paññā), đạo đức (sīla) và thiền định (adhicitta, vô thượng tâm). Triết học giáo dục Phật giáo không nhấn mạnh về cấu trúc của kiến thức, ngược lại, phân tích sâu về tâm của người học, bản chất của sự học, động lực, sự thành tựu tri thức và hiểu biết như kết quả tất yếu của giáo dục Phật học. II. BỐN PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CĂN BẢN CỦA ĐỨC PHẬT Dựa vào các phương pháp giáo dục căn bản trong giáo dục học hiện đại, tôi trình bày tóm tắt các phương pháp giáo dục được đức Phật sử dụng phù hợp với từng căn tính (Carita, cariyā) của người thành phần nghe chân lý. Chẳng những không mâu thuẫn trong việc sử dụng các phương pháp giáo dục khác nhau, đức Phật cho chúng ta thấy rằng việc giảng dạy chân lý và đạo đức với nhiều phương pháp khác nhau nhưng phù hợp với người nghe sẽ giúp người học/ nghe đạt được sự giác ngộ, sống hạnh phúc trong đời. 2.1. Phương pháp người dạy là trọng tâm (teacher/ instructor centred method) Đây là phương pháp giảng dạy, theo đó, người giảng dạy (teacher) hay người hướng dẫn (instructor) đóng vai là bậc thầy chuyên môn về một lãnh vực (a master of the subject matter), có tiếng nói thẩm quyền (authority). Người học sẽ vào vai người nghe để đón nhận nguồn tri thức chân chính được truyền đạt khéo léo từ người thầy. Trong nhiều pháp hội được đức Phật thuyết giảng suốt 45 năm, với vai trò "đấng pháp vương", vua của chân lý, đức Phật là bậc siêu chuyên gia về các lãnh vực chân lý (dhamma) và đạo đức (vinaya), người mở đường giác ngộ và cánh cửa bất tử cho chúng sinh, đã truyền bá chân lý một cách không mệt mỏi, để lại cho đời mấy vạn bài kinh sâu sắc, có khả năng giải quyết các nỗi khổ và niềm đau. Nếu trong giáo dục thế học, phương pháp người dạy là trọng

tâm được xem là “phương pháp giảng bài” (lecture method), không có chỗ cho người học dự phần trong tiến trình giảng dạy, thì ngược lại, phương pháp này phát huy vai trò “đạo sư” (satthā) của đức Phật, theo đó, đức Phật là người chỉ đường (satthā) chân lý, theo sau ngài, là các đệ tử thánh và đệ tử tại gia cùng đồng hành trên con đường giác ngộ (bodhi magga). Ở đây, người học (sekkha) cần phải hoàn thành ba nội dung học thánh (tisikkhā)4 gồm học đạo đức cao cấp (adhisīla sikkhā), học thiền định cao cấp (adhicitta sikkhā) và học trí tuệ siêu việt (adhipaññā sikkhā), hướng đến sự đạt được tri kiến thanh tịnh, giác ngộ, giải thoát. Thực tập tâm linh về bản chất là sự tham dự vô ngôn (non-verbal participation) của các đệ tử, gồm đệ tử thánh và đệ tử tại gia trong tiến trình giáo dục giác ngộ của đức Phật, theo đó, người học sẽ chứng đắc quả thánh nhân siêu việt (lokuttaraphala).5 2.2. Phương pháp người học là trọng tâm (learner-centred method) Trong phương pháp người học là trọng tâm thì người dạy là nguồn tài nguyên tri thức hơn là một thẩm quyền chân lý đối với người học. Trong Phật giáo, đối với những tình huống giáo dục chân lý cần có người nghe tham gia tích cực để được tỉnh thức, đức Phật chọn “phương pháp người học là trọng tâm”. Người học ở đây được gọi là “bậc hữu học” (Sekkha)6 tức còn nhu cầu tu học về trí tuệ, đạo đức và thiền định để chứng đắc các thánh vị, thánh quả gồm Sơ đạo, Sơ quả, Nhị đạo, Nhị quả, Tam đạo, Tam quả và Tứ đạo, Tứ quả. Cụ thể hơn, bậc hữu học phải tiếp tục học tập để lần lượt chứng các quả thánh gồm Tu-đà- hoàn (Sotāpattiphala), Tư-đà-hàm (Sakadāgāmiphala), A-na-hàm (Anāgāmiphala) và bậc A-la-hán đạo (Arahattaphala).7 4. D. III.220; A. I.229. 5. D. III.227, Vbh. 335. 6. A.I.62. buddhismtoday.com/viet/phatphap/097-tnt-thanhnhan.htm

Học trí tuệ để hiểu thẩm thấu hai loại chân lý8 gồm chân lý tương đối (sammatisacca, tục đế) vốn là các sự thật và quy luật theo quy ước và chân lý tuyệt đối (paramatthasacca, chân đế) chính là sự thật theo bản thể, vốn là pháp tính của mọi sự vật và hiện tượng trong vũ trụ. Ở ngữ cảnh khác, theo Phật giáo, người học cần siêng năng học tất cả lời Phật dạy (sāsana)9 gồm: (i) Chân lý trong pháp học (Pariyatti sāsana) bao hàm chín thể tài văn học Phật giáo, (ii) Chân lý trong pháp hành (Paṭipatti sāsana) gồm giữ gìn giới hạnh thanh cao, làm chủ các giác quan, tiết độ trong ăn uống, sống chánh niệm, tỉnh thức và thực tập ba mươi bảy yếu tố giác ngộ (Bodhipakkhiyadhamma)10 và (iii) Pháp thành (Paṭivedha) gồm có: (a) Sự thực hành chân chánh (sammā paṭipatti), (b) Sự thực hành thuận lý (anuloma paṭipadā), c) Sự thực hành bất nghịch (apaccanīka paṭipadā), d) Sự thực hành tùy mục đích (anvattha paṭipadā) và (e) Sự thực hành pháp trình tự (dhammānudhamma paṭipadā). 2.3. Phương pháp nhấn mạnh nội dung (content-focused method) Với phương pháp nhấn mạnh nội dung, cả người dạy và người học đều tập trung vào nội dung được giảng dạy (fit into the content taught), tức là cách học theo chương trình đã được lên kế hoạch (the programmed learning approach) nhằm giúp người học đạt được kết quả hay nguồn tri thức trong từng buổi học với từng chủ đề học cụ thể. Với 34 bài Kinh Trường bộ, đức Phật truyền đạt kinh nghiệm đối thoại liên tôn giáo và liên triết học, nhằm giúp người khác đạo hiểu sâu đạo Phật và trở thành Phật tử tự nguyện. Với 152 bài Kinh

Trung bộ, đức Phật trình bày toàn bộ con đường tỉnh thức của ngài gồm thế giới quan, nhân sinh quan, xã hội quan, chính trị quan, đạo đức

8. Ā. I.95; Kvu A.34 9. Nd 1. 143. 10. Vbh. 249: Gồm Tứ niệm xứ (Satipaṭṭhāna), Tứ chánh cần (Sammappadhāna), Tứ như ý túc (Iddhipāda), Ngũ quyền (Indriya), Ngũ lực (Bala), Thất giác chi (Bojjhaṅga), Bát chi đạo (Ariyamagga).

quan, tu tập quan và giải thoát quan. Với Kinh Tăng chi, đức Phật nhấn mạnh cách dạy các chủ đề chân lý theo con số từ 1-11. Với Kinh Tương ương, đức Phật phân tích chuyên sâu nội dung nhân duyên, 12 mắt xích sự sống, 5 uẩn, vô ngã, vô thường. Với Kinh Tiểu bộ, đức Phật giải thích chân lý của ngài qua 15 chuyên đề với nội dung rất phong phú và khai sáng. Trong suốt 45 năm truyền bá chân lý, đức Phật luôn sử dụng phương pháp dạy nhấn mạnh nội dung. Chẳng hạn, khi giảng dạy về thiền, đức Phật giải thích bốn cảnh giới thiền sắc giới (Rūpajhāna) mà người tu thiền cần thực tập và đạt được. Đức Phật không giảng rộng qua các nội dung khác. Người học với đức Phật sẽ tập trung vào các cảnh giới thiền, tu thiền và đạt được thành quả thiền11 như dưới đây. Với Sơ thiền (Paṭhama jhāna), người tu thiền phải nương vào 5 yếu tố thiền gồm gán tâm trên thiền (tầm), an trú tâm trên thiền (tứ), hoan hỷ, an lạc và định. Sơ thiền là kết quả tất yếu của quá trình chuyển hóa ái dục (kama) nên được gọi là “hỷ lạc do ly dục sanh”. Với Nhị thiền (Dutiya jhāna), hành giả chỉ cần tập trung ba nội dung là hoan hỷ, an lạc và định, không cần nương vào tầm và tứ như phương tiện an trụ tâm nữa. Nội dung căn bản của cấp thiền thứ hai là “hỷ lạc do định sanh”, nhấn mạnh sự an trú tâm vào định. Với Tam thiền (Tatiya jhāna), hành giả chỉ cần tập trung hai nội dung an lạc và định, vì về bản chất, đây là trạng thái thiền “diệu lạc” do không chấp vào cảnh giới hỷ và lạc trong hai tầng thiền trước. Với Tứ thiền (Catuttha jhāna), hành giả tập trung vào nội dung “xả niệm” để buông thư tâm một cáh tuyệt đối, giúp tâm được thanh tịnh trọn vẹn. Thực chất, “xả niệm” là loại định cao cấp. Do đó, muốn đạt định tâm, người tu thiền phải buông xả các cảm xúc, ý niệm, thái độ hóa. Việc đức Phật giảng dạy chân lý nhấn mạnh nội dung có khả

11. M. I.40.

năng dẫn dắt người nghe thành tựu mục đích tu học từng phần, phù hợp với mô hình giáo dục nội dung trong hệ thống Đại học ngày nay. 2.4. Phương pháp dạy tương tác (Interactive method) Còn gọi là phương pháp tham dự (participative method), phương pháp dạy tương tác đề cao sự tham dự của người dạy và người học, theo đó, người dạy hướng dẫn kỹ năng đặt vấn đề và phản biện, trong khi người học phải đề cao tinh thần tự học, không xem kiến thức của người dạy là hệ quy chiếu chân lý. Trong phương pháp dạy tương tác của đức Phật, người thầy là người dẫn đường chân lý, giúp mọi người được tỉnh thức, trong khi người học đạo tương tác với sự hướng dẫn của đức Phật để khai mở tuệ giác. Trong cách thức dạy tương tác này, ngoài việc giải thích chân lý trong từng chủ đề cụ thể, đức Phật đưa ra các câu hỏi trực tiếp vào nội dung, mà việc

trả lời sẽ giúp cho người học Phật hiểu và đạt ngộ chân lý. Nói cách khác, theo đức Phật, phương pháp dạy tương tác là phương pháp giáo dục sáng tạo và khai phóng. Ví dụ, trong Kinh Vô ngã tướng,12 khi phân tích thân thể được cấu tạo bởi các tổ hợp đất, nước, lửa, gió nên bị vô thường chi phối, đức Phật muốn người học đạt được "trí tuệ phổ cập tướng" (sammasanañāṇa) đối với sắc thân. Để tạo ra sự tương tác trong dạy và học về chủ đề này, đức Phật hỏi "Cái gì vô thường là khổ hay vui?" Bằng kinh nghiệm thực tiễn, người học/ nghe sẽ trả lời: "Bạch Thế Tôn, cái gì vô thường sẽ đem đến khổ đau". Để giải quyết khổ đau trong vô thường, đức Phật dạy đề cao trí tuệ biết rõ thực trạng vô thường và khổ tướng để vượt qua: "Này các đệ tử, cái gì vô thường mang đến khổ đau, có nên chấp là ta, sở hữu của ta và tự ngã của ta?" Người học chắc chắn sẽ trả lời: "Bạch Thế Tôn, để vượt khổ đau trong vô thường, không nên chấp dính thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức" theo công thức: "Cái này không phải là tôi, không phải là của tôi, không phải là tự ngã

12. Xem bản dịch của Thích Nhật Từ trong Kinh Phật cho người tại gia, NXB. Hồng Đức, 2013.

của tôi".13 Do đó, quán phi ngã tưởng (Anattasaññā) là cách dạy tương tác nhằm giúp cho người học Phật vượt qua mọi chấp thủ và khổ đau. III. ĐỨC PHẬT DẠY CHÂN LÝ QUA 12 THỂ LOẠI KINH Ngoài bốn phương pháp dạy chân lý và đạo đức căn bản nêu trên, trong Văn học Phật giáo Pali và Agama tương đương, đức Phật giới thiệu 9 thể tài kinh,14 hay chín phần giáo lý Phật (Navaṅgasatthu sāsana), trong khi trong Kinh điển Đại thừa, đức Phật giới thiệu 12 thể loại kinh (dvādaśa-anga, dvādaśāṅga-buddha-vacana,).15 Các thể loại kinh điển Phật giáo tương thích với bốn cách giảng dạy của đức Phật như nêu trên. Mười hai thể loại kinh còn gọi là mười hai phần giáo (S. dvādaśāṅ- ga-dharma-pravacana,) hoặc "Tam thừa thập nhị bộ phần giáo" () là các thể tài kinh điển quan trọng, theo đó, hơn 17.500 bài kinh Pali, khoảng 17.000 bài kinh A-hàm tương đương và hàng trăm bài kinh Đại thừa dựa vào để phát triển thành nền văn học đề cao vai trò của trí tuệ trong việc giải quyết các nỗi khổ và niềm đau. Mười hai thể loại kinh bao gồm như sau: (i) Khế kinh (S. sutra, P. Sutta,), còn gọi là tu-đa-la ( ) hay chánh kinh, hoặc gọn là kinh () chỉ chung những bài kinh bằng văn xuôi, phần lớn là giải thích (Niddesa) và phân tích (Vibhaṅga). Trong kinh tạng Pali thì Kinh Trường bộ và Kinh Trung bộ thuộc khế kinh. (ii) Trùng tụng (S. geya, P. geyya,), phiên âm là Kì-dạ ( ), còn gọi là Ứng tụng () gồm những bài kinh với hai thể loại văn xuôi và kệ ngôn (Sagāthā) thuộc Kinh Tương ưng bộ. (iii) Thọ ký (S. vyākaraṇa, P. Veyyākaraṇa,), phiên âm là Hoa-già-la-na (), tương đương khái niệm "Ký thuyết" trong văn học Pali. Nếu trong Đại thừa, văn học Thọ ký gồm những lời Phật xác quyết về các Bồ-tát sẽ thành Phật trong tương lai thì 13. M. III. 240. 14. Vin.III.8; M.I.133; A.I.5; A.III.86. 15. (Phật Quang Đại Từ điển). Taipei: Fo-kuang ch'u-pan-she, 1988.

trong văn học Pali, Ký thuyết là thể loại văn xuôi với hệ thống luận lý vững chắc, như tạng Vi diệu pháp (Abhidhamma). (iv) Phúng tụng (S=P. gāthā,), phiên âm là kệ-đà (), còn gọi là Ký chú () hay kệ ngôn gồm những bài kinh được Phật dạy theo thể loại văn vần, tức kệ ngôn, cú kệ, mà về bản chất độc lập với bài kinh văn xuôi. Trong văn học Pali, các tập Trưởng lão Tăng kệ (Theragāthā), Trưởng lão Ni kệ (Therīgāthā), Kinh Pháp cú (Dhammapada), một số kệ ngôn trong Kinh tập (Suttanipāta) thuộc văn học phúng tụng này. (v) Vô vấn tự thuyết (S=P. udāna,) phiên âm là Ưu-đà- na (), còn gọi là Tán thán kinh () hay Cảm hứng ngữ (Udāna). Trong kinh tạng Pali, Udāna gồm 82 bài kệ được đức Phật tự hoan hỷ thuyết giảng, không do ai thỉnh pháp. (vi) Quảng thuyết (nidāna,), phiên âm là Ni-đà-na ( ), còn gọi là nhân duyên () gồm các bài kinh nói rộng về nhân duyên Phật thuyết pháp và người nghe pháp. Không có tương đương trong văn học Pali. (vii) Thí dụ (avadana,), phiên âm là A-ba-đà-na ( ), còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh () gồm các bài chưa chứa đựng nhiều ẩn dụ và ngụ ngôn. Không có tương đương trong văn học Pali. (viii) Bản sự (S. itivṛttaka, P. Itivuttaka,) phiên âm là Y-đế-mục-đa-già (), còn gọi là như thị pháp hiện ( ) gồm các bài kinh nói về chuyện đời trước của các Bồ-tát và thánh hiền. Tương đương với Như thị thuyết (Itivuttaka) trong văn học Pali gồm 110 bài kinh trong Tiểu bộ kinh. (ix) Bản sanh (S=P. jātaka,), phiên âm là Xà-đà-già ( ). Trong văn học Pali, Kinh bản sanh gồm 550 bài kinh về chuyện tiền thân của đức Phật. (x) Phương quảng (S. vaipulya, P. vedalla,), phiên âm là Tì-phật-lược (), còn gọi là Phương đẳng () hay Quảng

đại kinh (). Trong văn học Đại thừa, Phương Quảng gồm các bài kinh giới thiệu triết lý cao siêu, trong khi trong văn học Pali, Phương Quảng (Vedalla) gồm những bài kinh thể loại vấn đáp. (xi) Vị tằng hữu (S. adbhutadharma, P. abbhūtadhamma,), phiên âm là A-phù-đà đạt-ma (), còn gọi là hy pháp () gồm các bài kinh nói về oai lực, cảnh giới đặc biệt của Phật và Bồ-tát, những điều lạ lùng, khó xảy ra nhưng có thật. (xii) Luận nghị (upadeśa,), phiên âm là Ưu-ba-đề-xá, ( ), còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh () gồm các bài kinh có sự thỉnh giáo, đức Phật nhân đó giải thích chi tiết, rõ ràng. Không có tương đương trong văn học Pali. Phối hợp 4 cách giảng dạy chính của đức Phật và 12 thể tài kinh điển Phật giáo thì phương pháp dạy nhấn mạnh người dạy chỉ có thể loại Bản sanh (S=P. jātaka, , vị trí 9) đang khi phương pháp dạy nhấn mạnh người học gồm có Thọ ký (S. vyākaraṇa, P. Veyyākaraṇa, , vị trí 3), Vô vấn tự thuyết (S=P. udāna, , vị trí 5), Quảng thuyết (nidāna, , vị trí 6) và Bản sự (S. itivṛttaka, P. Itivuttaka, , vị trí 8). Phương pháp dạy nhấn mạnh chủ đề gồm có Khế kinh (S. sutra, P. Sutta, , vị trí 1), Trùng tụng (S. geya, P. geyya, , ví trí 2) và Thí dụ (avadana, , vị trí 7) cũng như văn học Bản sinh về tiền thân Phật và Bản sự về tiền thân Bồ-tát. Phương pháp dạy tương tác gồm có thể tài Phương Quảng (S. vaipulya, P. vedalla, , vị trí 10) và thể tài Luận nghị (upadeśa, , vị trí 12) gồm các bài kinh theo cách đức Phật đặt câu hỏi và người học trả lời. Cụ thể như các Kinh vô ngã tướng, kinh Cūlavedalla, Mahāvedalla, Sammādiṭṭhi, Sakkapañhā, Saṅkhārabhāja-nīya, Mahāpuṇṇama v.v... Nói cách khác, trong 12 thể tài văn học, phương pháp nhấn mạnh

người dạy ít được phổ cập như các phương pháp nhấn mạnh người học, phương pháp nhấn mạnh nội dung và phương pháp tương tác.

TRIẾT HỌC GIÁO DỤC PHẬT GIÁO: PHƯƠNG PHÁP, NỘI DUNG VÀ VAI TRÒ 37

IV. GIÁO DỤC CHÂN LÝ Với vai trò là người đạt được Chánh biến tri (P. Sammāsambuddho), bậc đầy đủ trí tuệ và đạo đức (P. Vijjācaranasampanno, Minh Hạnh Túc), đức Phật được tôn vinh là bậc thầy trời người (P. Satthā devamanussānaṃ, Thiên Nhơn sư), vì cốt lõi của giáo dục Phật giáo là giáo dục chân lý (sacca) nhằm giúp mọi người đạt được trí tuệ (paññā).16 Theo đức Phật, chân lý là đối tượng cần nhận thức rõ (abhiññeyyā dhammā), theo đó, con người nhận diện được bản chất cuộc sống và các quy luật trong thiên nhiên (P. niyāma). Đức Phật giáo dục chân lý là giúp mọi người hiểu rõ phương pháp giải phóng khổ đau gồm bốn sự thật thánh (P. Ariyasaccāni) như được trình bày trong kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakka ppavattana sutta)17 gồm bốn bước như sau. Bước một, nhận diện sự thật về khổ đau (Dukkhaṃ ariyasaccaṃ) hay sự thật về khổ (Dukkhasacca) cần phải biết tường tận (Pariññā, biến tri). Về thân thể gồm có các khổ hiển nhiên như sinh, già, bệnh, chết. Về tâm gồm có các khổ: Thương phải chia lìa, ghét phải hội ngộ, muốn không toại nguyện, chấp tâm vật lý. Đề cao trách nhiệm giải quyết khổ đau, theo Phật giáo, con người nên tránh thái độ đào tẩu vì tắc trách, thái độ phớt lờ vì liều lĩnh, thái độ cường điệu vì hành hạ bản thân về cảm xúc. Bước hai, nhận diện sự thật về nguyên nhân khổ đau (dukkhasamudayo ariya saccaṃ hay samudaya sacca) chính là tham ái (taṇhā)18 cần được đoạn trừ (Pahāna), hay chấm dứt (pahātabbā dhammā) gồm: (i) Khao khát tính dục (kāmataṇhā, dục ái) đặt nặng sự hưởng thụ 5 dục lạc (sắc, thinh, hương, vị và xúc), (ii) Khao khát hiện hữu (bhavataṇhā, hữu ái) mong được tiếp tục tái sinh, chấp vào thường kiến (sassa-tadiṭṭhi), (iii) Khao khát hư vô (vibhavataṇhā, vô hữu ái) tức sự tuyệt vọng, kết liễu sự sống trong

16. A. IV. 284. 17. D.III.277, S.V.421, Vbh.99, Vin.I.9. 18. A. III.445.

bế tắc, rơi vào đoạn kiến (ucchedadiṭṭhi). Từ đó, dẫn đến tình trạng ái luyến, bám víu chỗ này, vướng dính chỗ kia không dứt được, tiếp tục trôi lăn trong luân hồi. Bước ba, trải nghiệm sự thật về niết-bàn (dukkhanirodho ariya saccaṃ, khổ diệt thánh đế), hay diệt đế (Nirodha sacca) tức chân lý về sự kết thúc toàn bộ khổ đau và nguyên nhân gây tạo khổ đau, không còn tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ. Niết-bàn cần được chứng đắc (sacchikiriyā) trong hiện đời, là trạng thái tâm thuần tịnh, an lạc tuyệt đối, đạt được khi còn sống, bây giờ và tại đây. Bước bốn, sự thật về con đường diệt khổ (dukkhanirodh gāminīpaṭipadā ariyasaccaṃ, khổ diệt đạo lộ thánh đế), hay đạo đế (magga sacca) cần tu tập (bhāvanā) trọn vẹn. Chính đạo gồm tám yếu tố chân chính: Tầm nhìn chân chính, tư duy chân chính, lời nói chân chính, hành động chân chính, nghề nghiệp chân chính, siêng năng chân chính, chính niệm hiện tiền và đại định nhất tâm. Đây là phương pháp quan trọng nhất của đức Phật, có khả năng giải quyết tất cả nỗi khổ, niềm đau; được Phật xem như pháp thoại cao cấp (sāmukkaṃsikā

dhammadesanā) cần được xiển dương và phổ biến rộng rãi, vì lợi ích cho nhân sinh. Giáo dục chân lý của đức Phật đi từ việc nhận diện mặt mũi của khổ đau và nguyên nhân gây tạo, hướng đến sự chấm dứt khổ đau bằng việc phát triển 3 loại trí tuệ (ñāṇa)19 đối với bốn chân lý thánh gồm có: (i) Sự thật trí (saccañāṇa), trí tuệ nhận thức rõ: "Đây là khổ, đây là nhân khổ; đây là niết-bàn, đây là con đường diệt khổ", (ii) Sở dụng trí (kiccañāṇa), trí tuệ ứng dụng trong bốn đế gồm: "Khổ cần biết rõ, khổ cần kết thúc, niết-bàn cần chứng đắc và con đường diệt khổ cần tu tập", và (iii) Sở tác trí (katañāṇa), trí tuệ biết rõ biết điều đã làm đối với bốn đế: "Sự thật về khổ cần biết đã biết, nhân khổ cần biết đã chấm dứt, niết-bàn cần đạt đã chứng đắc và chánh đạo cần tu đã tu thành công".

19. S. V.422: Ba trí này còn gọi là ba luân (Parivaṭṭa) về sự giác ngộ bốn đế, tạo thành mười hai thể (Ākāra).

Không chỉ dừng lại ở việc giáo dục chân lý với giá trị cốt lõi là chấm dứt khổ đau, đức Phật nhấn mạnh vào giáo dục kỹ năng đạt được trí tuệ với ba phương diện (tam tuệ):20 (i) Trí tuệ nhờ học (sutamaya paññā, văn tuệ) tức trí tuệ do học từ thầy giáo, học từ đàm luận, (ii) Trí tuệ nhờ nghiền ngẫm (cintāmaya paññā, tư tuệ) các chân lý và quy luật được Phật giảng dạy, (iii) Trí tuệ nhờ tu tập (bhāvanāmaya paññā, tu tuệ) tức phát triển tâm qua tu thiền định. Theo đức Phật, người đạt được trí tuệ sẽ thành tựu ba pháp vô thượng (anuttariya)21 gồm (i) Sự thấy vô thượng (dassanānuttariya), thấy bằng trí tuệ, nhận diện rõ bản chất của danh sắc và giác ngộ chân lý, (ii) Sự thực hành vô thượng, (paṭipadānuttariya), thực hành chánh pháp, hoàn thiện đạo đức, thiền định và trí tuệ nhờ tu bát chánh đạo, (iii) Sự giải thoát vô thượng (vimuttānuttariya), kết thúc toàn bộ phiền não, giải phóng tâm khỏi các trói buộc, thoát khỏi sanh tử và luân hồi. Nói cách khác, theo đức Phật, giáo dục chân lý là nhằm giúp mọi người kết thúc toàn bộ khổ đau, trải nghiệm hạnh phúc, trở thành bậc giác ngộ, bây giờ và tại đây. V. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC Bên cạnh việc giáo dục chân lý, giúp mở tuệ nhãn, đức Phật chú trọng giáo dục đạo đức, giúp con người sống hữu ích và có giá trị hơn. Theo đức Phật, giáo dục đạo đức bắt đầu từ giáo dục tại nhà, tăng cường tại trường học và ngoài xã hội mà mỗi người tự nỗ lực hoàn thiện để sống hạnh phúc và có giá trị. Về giáo dục đạo đức tại nhà, đức Phật đề cao vai trò giáo dục của cha mẹ đối với con cháu. Cha mẹ được đức Phật gọi là "người dạy đầu đời" (pubbācariya, tiên sư) trước khi gửi con đến các trường mầm non, cấp 1, cấp 2, cấp 3 và đại học. Làm tiên sư của các con, các bậc cha mẹ cần huấn luyện về đạo đức (sīla), kỹ năng sống (life skills) và giá trị sống (life values).

20. D. III.219; Vbh. 324. 21. D. III.219; M. I.235

Về giáo dục đạo đức tại nhà trường và ngoài xã hội, đức Phật nhấn mạnh 3 phương diện: (i) Không làm các điều ác (sabbapāpassa akaraṇaṃ) gồm phòng phi và dứt ác, (ii) Làm các nghiệp lành (kusalass' ūpasam-padā), (iii) Thanh lọc nội tâm

(sacittapariyodapanaṃ). Ba điều này là cốt lõi những lời dạy đạo đức của đức Phật (Buddha-ovāda).22 Không làm điều ác gồm hai phương diện: Phòng phi đối với các điều ác (āratī viratī pāpā) chưa phát sinh, đồng thời, nỗ lực dứt ác đối điều phạm pháp, trái đạo đức, ngược lương tâm đã lỡ làm trong quá khứ, gây tác hại cho mình, cho người, ở hiện tại và tương lai. Người phòng phi sẽ hưởng được "hạnh phúc do vô tội" (anavajjasukha, lạc vô tội)23 tức là sự an lạc do không làm điều ác, không sợ người khác chê trách về hành vi, thói quen và lối sống. Về phương diện luật pháp, xã hội và dân sự thì dứt ác tức nỗ lực chấm dứt 10 nghiệp bất thiện (akusalakammapatha). Liên hệ đến nghiệp ác của thân (kāya-kamma) hay thân ác hạnh (kāyaduccarita), có 3 nghiệp giết hại (pāṇātipāta), nghiệp trộm cắp (adinnādāna) và tà hạnh ngoại tình (kāmesu micchācārā). Liên hệ đến truyền thông xấu của miệng (vacī-kamma) hay khẩu ác hạnh (vacīduccarita), có 4 nghiệp nói dối (musāvāda), nói lời chia rẽ (pisuṇāvācā), nói lời độc ác (pharusavācā) và nói chuyện phiếm (samphappalāpa). Liên hệ đến tâm ý (manokamma) hay ý ác hạnh (manoduccarita), có 3 nghiệp tham lam (abhijjhā), giận dữ (byāpāda) vàtà kiến (micchādiṭṭhi).24 Làm tất cả điều thiện bắt đầu bằng sự làm chủ 3 cánh cửa tạo nghiệp25 gồm ý môn (mano dvāra), thân môn (kāya dvāra), khẩu môn (vacī dvāra). Không chỉ dừng lại ở việc phòng ngừa và chấm dứt nghiệp xấu, người đạo đức cần phát triển các đức hạnh đối lập với nghiệp bất thiện. Mười nghiệp thiện (kusalakam mapatha) gồm

22. Dhp. 183, 234; D.II.49.

23. A. II.69.

24. D. III. 269; A. V.264.

25. D. II.49.

có 3 thiện về thân, 4 thiện về miệng và 3 thiện về tâm, còn được gọi là chánh pháp hành (dhammacariyā), tịnh pháp (soceyya), thánh đạo (ariya-magga), diệu pháp (saddhamma) hay pháp chân nhân (sappurisa dhamma).26 Về thân môn thiện gồm có: (i) Từ bỏ nghiệp giết hại (pāṇātipātaṃ pahāya), phát triển tâm từ bi đối với loài hữu tình (sabbapāṇabhūtahitānu kampī hoti), (ii) Từ bỏ việc trộm cắp (adinnādānā pahāya), tôn trọng sở hữu của người khác (adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ anādātā), biết chia sẻ, giúp người vượt qua khó khăn, (iii) Từ bỏ ngoại tình (kāmesu micchācāraṃ pahāya), không sai quấy trong hưởng dục (na cāritaṃ āpajjitā). Về khẩu môn thiện gồm có: (i) Từ bỏ nói dối (musāvādaṃ pahāya), chỉ nói sự thật, tôn trọng sự thật, (ii) Từ bỏ lời nói chia rẽ (pisuṇaṃ vācaṃ pahāya), chỉ nói những lời làm cho hòa hợp (samagga-karaṇiṃ vācaṃ bhāsitā), (iii) Từ bỏ lời nói độc ác (pharusaṃ vācaṃ pahāya), chỉ nói lời thương mến (bahujanamanāpā tathārūpiṃ vācaṃ bhā-sitā), (iv) Từ bỏ phiếm luận (samphappalāpaṃ pahāya), chỉ nói lời hợp thời, lời đúng lý, lời hữu ích, nói về pháp, nói về luật, nói lời đáng lưu giữ (kālavādī bhūtavādī atthavādī dhammavādī vinayavādī nidhā navatiṃ vācaṃ bhāsitā). Về ý môn thiện gồm có: (i) Không tham lam tài vật (yaṃ taṃ parassa paravittūpakaraṇaṃ taṃ n' ābhijjhātā hoti), (ii) không sân tâm (abyāpannacitto kho pana), mong chúng sanh tự cẩn trọng an vui

(sukhī attānaṃ pariharantū' ti), (iii) Có chánh kiến (sammādiṭṭhi kho pana). Theo đức Phật, giữ gìn 10 điều đạo đức (dasasīla) là cách giúp bản thân đạt được ba hoàn thiện cao cấp (tisikkhā, tam học).27 Hoàn thiện đạo đức (adhisīla sikkhā, tăng thượng giới học) là nền tảng phát triển và hoàn thiện tâm định cao cấp (adhicitta sikkhā, tăng

26. M. I. 287; A. V.266, 275, 278. 27. D. III.220; A. I.229.

thượng định học). Hoàn thiện định tâm là nền tảng phát triển trí tuệ siêu việt (adhipaññā sikkhā, tăng thượng tuệ học). Theo giáo dục Phật giáo, khi đạt được 3 sự hoàn thiện đạo đức, thiền định và trí tuệ, con người bình thường sẽ trở thành chân nhân, chân nhân thành tiệm cận thánh nhân, tiệm cận thánh nhân trở thành thánh nhân, Bồ-tát và Phật. Nói cách khác, giáo dục đạo đức Phật giáo là giúp con người trở nên hoàn thiện, thánh thiện, an lạc. VI. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DẠY Vì cốt lõi của giáo dục Phật giáo là nhằm giúp con người đạt được trí tuệ và đạo đức, theo đức Phật, vai trò dẫn dắt của người dạy rất quan trọng và góp phần quyết định tương lai thành công và hạnh phúc của người học. Do đó, người thầy cao quý trong Phật giáo phải là đạo sư (satthā). Dựa vào lời Phật trong các kinh, quyển Thanh tịnh đạo luận và Sớ giải Luật tạng liệt kê năm loại nhà giáo Phật pháp (Ācariya)28 gồm: (i) Thầy tế độ xuất gia (Pabbajjā cariya), tức thầy cạo tóc và truyền giới sa di, (ii) Thầy truyền cụ túc (Upasampadā cariya), tức thầy tế độ lên phẩm hạnh tỳ-kheo, chính thức làm thầy và sư cô, (iii) Thầy y chỉ (Nissayā cariya), tức thầy tinh thần thay mặt thầy tế độ giúp người tu hành có nhiều tiến bộ do thực tập đúng chánh pháp, (iv) Thầy giáo hóa (Uddesācariya hay dhamma cariya), tức thầy dạy chân lý và đạo đức, giúp ta hiểu sâu, thực hành đúng, có kết quả trong tu học, (v) Thầy huấn từ (Ovādā cariya), tức thầy khiển trách, khuyên nhắc, khi ta bị lầm lỗi. Trong năm loại thầy nêu trên, thầy y chỉ, thầy giáo hóa và thầy huấn từ đều thuộc nhóm thầy dạy chân lý (dhamma) và dạy đạo đức (vinaya), giúp người học được trưởng thành về nhân cách sống, đạo đức sống để trở thành người có giá trị. Điều này cho thấy, đức Phật nhấn mạnh vai trò giáo dục chân lý và đạo đức của nhà giáo với tư cách là đạo sư (satthā), hơn là chỉ đơn thuần truyền

28. Vism. 94; VinA. V.1085; VII.1397.

trao kiến thức lập nghiệp như khuynh hướng giáo dục thế học từ trước đến giờ. Đề cao vai trò đạo sư của nhà giáo, trong Kinh Tăng chi,29 đức Phật khích lệ nhà giáo cần thực hiện 5 cam kết: (i) Nhà giáo che chở học trò về đức hạnh (satthā sāvakehi sīlato rakkhaṃ paccāsiṃsati), (ii) Nhà giáo che chở học trò về kiến thức (satthā sāvakehi ñānadassanato rakkhaṃ paccāsiṃsati), (iii) Nhà giáo che chở học trò về sự thuyết pháp (satthā sāvakehi dhammadesanato rakkhaṃ paccāsiṃsati), (iv) Nhà giáo che chở học trò về sự ứng đáp (satthā sāvakehi veyyākaraṇato rakkhaṃ paccāsiṃsati), (v) Nhà giáo che chở học trò về sự nuôi mạng (satthā sāvakehi ājīvato rakkhaṃ paccāsiṃsati). Nếu vai trò "nuôi mạng" nhấn mạnh phương diện truyền trao kiến thức lập nghiệp thành công thì ở bốn vai trò còn lại, nhà giáo phải huấn luyện cho học trò về đạo đức, kiến

thức, sự ứng đáp và khả năng trình bày chân lý. Trong Kinh Thiện sinh, đức Phật lấy hướng nam (dakkhiṇā disā)30 làm biểu tượng cho thầy cô giáo, kêu gọi các nhà giáo cần đảm bảo 5 trọng trách trong giáo dục học trò: (i) Có kỹ năng huấn luyện đạo đức, (ii) Có kỹ năng truyền trao kiến thức chuyên môn, (iii) Tinh thần truyền trao tận tình, không giấu nghề, (iv) Khen ngợi các học trò ngoan giỏi, (v) Bảo hộ cho học trò về mọi phương diện. Trách nhiệm thứ 1 giúp học trò trở thành người có nhân cách, phẩm hạnh và đạo đức, sống không lo sợ xã hội lên án và luật pháp nghiêm trị. Trách nhiệm thứ 2 giúp học trò trở thành người có kiến thức chuyên môn trong ngành học theo đuổi, trở thành chuyên gia về sau. Trách nhiệm thứ 3 là thái độ chân thành về tri thức, không giấu nghề, truyền trao kiến thức và phương pháp nghiên cứu giúp học trò giỏi tương đương hoặc giỏi hơn mình. Trách nhiệm thứ 4 là khích lệ những học trò ngoan, hiền, giỏi, làm tấm gương phấn đấu cho các bạn đồng học trong lớp. Trách nhiệm thứ 5 là tinh thần bảo

29. A. III.122. 30. D. III. 189-192.

hộ về mọi phương diện cuộc sống, để học trò có thể tự tin, thành công và hữu dụng cho đời. Để đạt được 5 trách nhiệm nêu trên, theo đức Phật trong Kinh Trường bộ,31 nhà giáo cần: (i) Tránh xa "thiện xảo tổn hại" (apāya kosalla), vốn làm suy sụp thiện pháp, tăng trưởng ác pháp, (ii) Phát huy tối đa "thiện xảo tăng ích" (āya kosalla), tức trí tuệ linh hoạt trong việc làm phát sanh lợi ích và giá trị cho mình và cho người, (iii) Thiện xảo phương tiện (upāya kosalla), tức trí tuệ với chủ trương và hạnh động cụ thể nhằm làm giảm tổn hại và tăng trưởng hữu ích. *** Nói tóm lại, ngoài việc khái quát bốn phương pháp giáo dục căn bản của đức Phật, bài viết này phân tích hai nội hàm về giáo dục chân lý và giáo dục đạo đức, qua đó, nhấn mạnh vai trò của người dạy trong tiến trình đánh thức người học từ kho tàng tiềm năng vốn có ở mọi người. Trên nền tảng so sánh với phương pháp giáo dục hiện đại, bài viết giới thiệu 12 thể tài kinh văn Phật giáo tương ứng với các phương pháp giáo dục nhấn mạnh người giảng dạy, nhấn mạnh người học, nhấn mạnh nội dung và đề cao sự tương tác. Tất cả chỉ để khẳng định một điều rằng giáo dục Phật giáo là nhằm khai mở tuệ giác, phát triển tâm, giúp người học không dừng lại ở thành quả thi cử, mà ứng dụng lời Phật dạy vào đời sống thực tiễn, giải quyết dứt điểm các nỗi khổ và niềm đau.

***

31. D. III.220.

Bảng viết tắt sách trích dẫn A. = Aguttara Nikya, 6 vols, ed by R. Morris, E. Hardy & C.A.F. Rhys Davids (London:P.T.S, 1885-1910); The Book of the Gradual Sayings (Aguttara Nikya), or More-Numbered Suttas, vol. I-II, tr. by F.L. Woodward (London: PTS, 1989- 92, 1st Ed. 1932-3); vol. III-V, tr. by E.M. Hare (London: PTS, 1988-94, 1st Ed. 1934-6). Dhp. = Dhammapada, Ed. O. Von Hinuber and K. R. Norman. (London: PTS, 1994); tr. Nrada Thera, The Dhammapada, (London: John Murray, 1954). D. = Dgha

Nikya, 3 vols, ed by T.W. Rhys Davids & J. E. Capenter (London: PTS, 1890-1911); tr by T.W. and C.A.F. Rhys Davids, Dialogues of the Buddha, 3 vols. (London: PTS, 1992, 1st Ed. 1899-1921); also by Maurice Walshe, The Long Discourses of the Buddha, London: Wisdom Publications, 1995, in one volume. M. = Majjhima-Nikya, 4 vols, ed by V. Trenck, R. Chalmer & Mrs. Rhys Davids (London: P.T.S, 1888-1925); tr by I.B. Horner, The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., PTS Translation Series No. 30, (London: PTS, 1993-5, 1st Ed. 1954-9); also tr. Bhikkhu amoli and revised by Bhikkhu Bodhi, The Middle Length Discourses of the Buddha. (Boston, Mass.: Wisdom, 1995) in one volume. Vin. = Vinaya Piaka, 5 Vols, (London: P.T.S, 1938-66); tr. by I.B. Honer, The Book of the Discipline, 6 vols. vols. I, II & III (Sut- tavibhaga), (London: PTS, 1992-3, 1st Ed. 1938-42); vol. IV (Mahvagga); vol. V. (Cullavagga); vol. VI. (Parivra). (London: PTS, 1992-3, 1st Ed. 1951-2 & 1966). S. = Sayutta-Nikya, 5 vols, ed by L. Feer & Mrs C.A.F. Rhys Davids (London: P.T.S, 1884-1925); The Book of the Kindred Sayings, or Grouped Suttas, 5 vols, vols. I-II, tr. by Mrs. Rhys Davids, assisted by Sriyagoa Sumangala Thera and F.L. Woodward.

(London: PTS, 1993-4, 1st Ed. 1917-22); vols. III-V, tr. by F.L. Woodward, ed. by Mrs. Rhys Davids. (London: PTS, 1992-4, 1st Ed. 1925-30). Vism. = Visuddhdimagga, ed. H. C. Warren and D. Kosambi. HOS.41. (1950), Tr. by Bhikkhu amoli, The Path of Purification. (Colombo: R. Semage, 1956; 3rd edn, Kandy: BPS, 1975; and 2 vols., Berkeley, Calif.: Shambhala, 1976) Vbh. = Vibhaga, ed. and tr. by S. K. Mukhopadhyaya. (Santiniketan: 1950), , tr. by Pahamakyaw Ashin Thiila (Sehila), The Book of Analysis (Vibhaga), Being the Translation of the Second Book of Abhidhamma Piaka, (London: PTS, 1995, 1st Ed. 1969).

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI TS.TT. Thích Nguyên Thành*

I. KHÁI QUÁT Bàn về giáo dục đạo đức Phật giáo thì cần xác định ý nghĩa của những từ ngữ “đạo đức”, “đạo đức Phật giáo” và “giáo dục đạo đức Phật giáo.” “Đạo đức” là từ miêu tả những giá trị đặc biệt về tính tình, thái độ ứng xử, hành vi của một người hay một nhóm người, đồng thời đánh giá hành động của họ là đúng hay sai, có lợi hay hại đối với họ và đối với những người khác. Ngôn ngữ phương Tây, ví dụ Anh ngữ, thường lấy gốc tiếng Hy Lạp, theo đó, có hai từ chỉ đạo đức là ethics (gốc ethikos) và morals (gốc mos), thường được dùng lẫn lộn nhau nhưng cũng có phần khác nhau. Ethics là quan điểm và tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức của một người do xã hội đề ra. Morals là đạo đức của một cá nhân, thường được gọi là tính nết, tính chất của mỗi người. Ethics nêu những thái độ, hành vi đúng hay sai theo quan điểm xã hội, morals nêu những thái độ, hành vi tốt hay xấu của một người. Cả hai từ ngữ này đều được gọi chung là đạo đức và có thể

*. Ủy viên HĐTS, Phó trưởng ban Giáo dục Phật giáo TƯ, Phó Viện trưởng Học viện PGVN tại Huế.

được xem là một môn khoa học, gọi là đạo đức học - môn học hệ thống hóa các tiêu chuẩn đạo đức, đánh giá hành động, thái độ đúng sai, tốt xấu của con người, đồng thời phổ biến những gì là đúng, sai, nên làm hay không nên làm, có lợi hay có hại đối với cá nhân và xã hội. Sau khi thành đạo dưới cội bồ đề, đức Phật quyết định không nhập Niết-bàn, Ngài ở lại thế gian để mang giáo lý dạy cho mọi người sự diệt khổ, giải thoát khỏi khổ, tu tập để tiến đến mục đích tối hậu, cứu cánh Niết-bàn. Do vậy, nhiều học giả Phật học đã tôn xưng đức Phật là nhà giáo dục vĩ đại. II. ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO Đức Phật dạy "Pháp và Luật của ta chỉ có một vị, đó là vị giải thoát" (kinh Phật tự thuyết và kinh Tăng chi bộ, chương 8). Những nội dung giáo lý của Ngài chính là nội dung của đạo đức học, đạo đức học Phật giáo. Có thể nói, toàn bộ giáo lý của Đức Phật, hay Phật học là đạo đức học, nêu những gì là thiện, là bất thiện, nên làm, không nên làm và tu tập thế nào để không rơi vào bất thiện, nhằm phát triển thiện để được an vui, diệt dần khổ đau, tiến đến mục đích tối hậu - Niết-bàn. Đạo đức học Phật giáo nêu rõ những nguyên lý căn bản, khoa học được Ngài dùng trí tuệ siêu việtphát hiện ra, không phải do Ngài hay vị Thần tối cao nào đặt để, tạo dựng. Mọi người tu học đạo đức Phật giáo nhằm tạo hạnh phúc cho mình và tìm cách truyền bá Phật pháp, giúp người khác được an vui trong tinh thần tự lực, tự do, tự quyết định kết quả những hành vi của mình. Tự do, tự tạo, nhân văn, nhân bản là đặc tính của đạo đức học Phật giáo. 1) Nguyên lý nhân quả, nghiệp, luân hồi: Nhân quả nghĩa là có nguyên nhân (hay nhân duyên) sẽ có kết quả, nhân nào quả ấy. Làm ác thì kết quả xấu, làm lành thì kết quả tốt. Hànhđộng tạo ranăng lực đưa đến kết quả phù hợp với hành động, gọi là nghiệp lực và cũng như định luật bảo toàn năng lượng, nghiệp lực đưa đẩy con người đến nghiệp quả và cứ mãi như thế từ đời này đến đời sau, chết đi rồi tái sinh mãi, gọi là luân hồi.

2) Chân lý Tứ đế: Sự thật căn bản, công nhận đời là khổ, nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường diệt khổ. Đây xét ra cũng là nội dung mà các môn đạo đức đều đề cập tới; khổ đau, hạnh phúc. 3) Ngã, vô ngã: Do chấp "tôi" và "của tôi", người ta bị tham ái, sân hận và si mê bao vây dẫn đến khổ, hành động sai trái, đó là thái độ chấp ngã. Không có gì chứng minh rằng có một cái ngã trường tồnnên phân tích con người chỉ nên dựa vào ngũ uẩn, chịu luật biến đổi, vô thường như mọi sự vật trên đời. Cho nên chấp ngã là khổ đau, thực hiện vô ngã thì an vui. 4) Bất thiện và thiện: Đạo đức học Phật giáo nêu rõ những hành vi bất thiện và thiện để khuyên những gì không nên làm, những gì nên làm. Kinh Chánh tri kiến, (Trung bộ kinh, số 9) ghi lời Tôn giả Xá-lợi-phất giảng cho các Tỳ-kheo: "Chư hiền, thế nào là bất thiện? Chư hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân hận là bất thiện, si muội là bất thiện. Chư hiền, như vậy là bất thiện... Và này Chư hiền, thế nào là thiện? từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói dối là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, không tham dục là thiện, không sân hận là thiện, chánh kiến là thiện." Trong kinh Giáo giới La-hầu-la (Trung bộ kinh, số 61), Đức Phật dạy về kết quả

bất thiện hay thiện theo ba loại nghiệp: Hành động, nói năng và ý nghĩ. “Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp này đưa đến tự tại, hoặc đưa đến hại người, hoặc đưa đến tự hại và hại người; thì thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ...” Và “Thân nghiệp này của ta đang làm. Thân nghiệp này của ta không đưa đến tự tại, hoặc không đưa đến hại người, hoặc không đưa đến tự hại và hại người; thì thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đưa đến quả báo an lạc.” Đó là về hành động (thân). Về lời nói (khẩu), về ý nghĩ (ý) cũng như vậy... Trong kinh Thập thiện nghiệp đạo (Hán tạng), Đức Phật giảng rõ hơn về ba loại nghiệp thân, khẩu, ý này cho Long Vương. Ngài nêu mười bất thiện nghiệp và việc loại trừ bất thiện nghiệp này là

mười thiện nghiệp, gồm: 3 thiện nghiệp về thân là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm; 4 thiện nghiệp về khẩu là không nói dối, không nói thiêu dệt, không nói hai chiều, không nói lời hung ác; 3 thiện nghiệp về ý là không tham lam, không sân hận, không si mê. Một người có các hành động thiện nghiệp như thế gọi là người đạo hạnh, người có đạo đức cá nhân (theo nghĩa morals nói trên) và cũng là người có đạo đức theo tiêu chuẩn xã hội (theo nghĩa ethics nói trên). 5) Các giới điều: Khi được nhận là Phật tử, người phải quy y Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) và phải thọ năm giới cấm. Năm giới ấy là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói điều sai trái và không dùng rượu hay chất gây nghiện, gây mê muội. Đây là năm giới điều căn bản về đạo đức của một Phật tử mà ta thấy các kinh vừa nêu và nhiều kinh khác cũng đề cập tới. Đó là những điều thiện, thiện nghiệp, không làm các điều ấy là bất thiện nghiệp. Năm giới này cũng là năm giới đầu trong mười giới Sa-di và có trong nội dung trong các giới điều của Tỳ-kheo. 6) Bổn phận và trách nhiệm: Bổn phận và trách nhiệm là một đề tài của môn đạo đức học nói chung, đạo đức học Phật giáo cũng vậy. Điều này được thể hiện trong khá nhiều kinh. Kinh Thiện sanh nói đến bổn phận trách nhiệm của mỗi người đối với cha mẹ, thầy dạy, vợ, bạn bè và thân thích, sư trưởng, người giúp việc. Kinh Báo ân cha mẹ, kinh Vu-lan bồn nêu cao chữ hiếu và bổn phận đối với cha mẹ. Kinh Tăng chi bộ, chương 7, 7 pháp nêu bảy loại vợ và bổn phận của vợ đối với chồng. Kinh Chuyển luân Thánh vương sư tử hống (Trường bộ kinh, số 26), kinh Cánh cửa bại vong (Kinh tập), kinh Thập vương pháp (trong Jataka) và nhiều kinh khác, nêu các đức tính, bổn phận, trách nhiệm của người lãnh đạo đất nước... Tứ trọng ân (ơn cha mẹ, ơn Tam Bảo, ơn đất nước, ơn chúng sanh) là một tóm tắt của nhiều kinh về bổn phận làm người. 7) Tu tập theo đạo đức Phật giáo: Tu tập thể hiện tâm quyết theo thiện nghiệp, theo những điều nên làm, tránh điều không nên làm. Có rất nhiều phương pháp tu tập: Tám vạn bốn ngàn pháp

môn. Do khuôn khổ hạn chế của bài viết, chúng tôi xin liệt kê vài pháp môn thường được áp dụng. Ví dụ: Tu vô ngã, các Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm 4 niệm trụ, 4 chánh cần, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi và 8 chánh đạo... III. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI Phổ biến, giải thích, bàn luận, khuyến

khích… đạo đức Phật giáo có nghĩa là giáo dục Phật giáo. Chư Tăng Ni hoằng pháp là nhân tố chủ lực để giảng dạy đạo đức Phật giáo. Các tự viện, các khóa tu, lễ lạc, các buổi giảng pháp… là những nơi quần chúng Phật tử tụ tập, dựa vào đó, việc giáo dục đạo đức Phật giáo có hoàn cảnh tốt để được thực hiện. Các cơ sở giáo dục Phật giáo đào tạo Tăng Ni chính là đào tạo những người có kiến thức, đạo đức và có trình độ chuyên môn để thực hiện giáo dục đạo đức Phật giáo. Trong thời đại mới, Phật giáo đang trên đà phát triển, theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay trên thế giới có trên 500 triệu tín đồ Phật giáo, nhiều tự viện Phật giáo được thành lập. Các vị sư Tây Tạng, Sri Lanka, Nhật Bản, Ấn Độ… thường xuyên mang đạo đức Phật giáo giảng dạy tại nhiều nơi trên thế giới. Tại Việt Nam, hiện có khoảng 17.000 tự viện Phật giáo với khoảng 40.000 Tăng Ni, qua đó, có thể tạo hiệu năng giáo dục đạo đức Phật giáo. Trang web Thư viện Hoa Sen ngày 26/10/2010 liệt kê được 200 ngôi tự viện Việt Nam với đầy đủ địa chỉ tại hải ngoại. Hãy lấy việc tuân giữ năm giới để xem ảnh hưởng giáo dục đạo đức Phật giáo đối với xã hội: Không sát sinh: Tôn trọng đời sống của mọi sinh vật, sự sống của mình và người khác. Nếu mọi người đều thủ trì giới này, xã hội sẽ an lành, không bạo lực, giết chóc, thế giới sẽ không chiến tranh. Con người hay muôn thú đều có quyền tồn tại, môi trường sinh thái được ổn định. Không trộm cắp: Không tham, tôn trọng những gì của người khác, tri túc, tự bằng lòng với những gì mình có. Không tà dâm: Giữ ý nghĩ trong sáng, hiền thiện, tôn trọng phụ

nữ, tôn trọng gia đình, hạnh phúc gia đình, không quan hệ lang chạ;, quan hệ nam nữ chính đáng, bình đẳng… Không vọng ngữ: Không xuyên tạc sự thật, tạo sự nhu hòa, thân thiết, thành thật trong giao tiếp. Không dùng chất say, gây nghiện tránh được sự u mê, mất lý trí nếu phạm giới điều này, có thể phạm đến cả bốn giới điều trước. Như vậy, nếu năm giới cấm trên được mọi người tuân giữ thì xã hội được an lành. Cho nên, giáo dục đạo đức Phật giáo cần đặt căn bản trên đối tượng là một người bình thường. Đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội có thể căn cứ vào việc thủ trì năm giới cấm này. IV. THAY LỜI KẾT: MỤC ĐÍCH TỐI HẬU CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO Những nhà đạo đức học phương Tây (như Epicurus, Socrates, Plato, Aristotle, Kant, Max Scheler, Sartres…) thường đề cập đến hạnh phúc. Nhưng ý nghĩa của hạnh phúc không dễ xác định. Người ta thường bảo hạnh phúc là sự thỏa mãn vật chất và tinh thần. Thật ra, chỉ là sự thỏa mãn những đòi hỏi của ham muốn vốn cứ tăng lên mãi. Do đó, không bao giờ đáp ứng được. Đạo đức học Phật giáo dạy người ta diệt tham, sân, si bằng cách thực hiện vô ngã, không có cái gì gọi là “tôi”, “của tôi”. Cái tôi chỉ là sự kết hợp của năm uẩn vốn vô thường như mọi sự vật. Cho nên tu vô ngã thì dần loại bớt khổ đau, tức: Tham, sân, si. Kinh nghiệm cho thấy mỗi khi thực hiện vô ngã (bố thí, từ bi, giúp người, không giận hờn…) thì có niềm vui, đó là biểu hiện của hạnh phúc,sự giảm thiểu khổ đau. Và cứ thế, tu tập, thực hành cho đến khi thoát khỏi khổ đau ràng buộc, tiến đến hạnh phúc miên viễn, cứu cánh Niết-bàn. Đó là mục đích giáo dục của đức Phật khi Ngài dạy: “Này các Tỳ-kheo, xưa cũng như nay, ta chỉ nói lên Khổ và Diệt khổ” (Kinh Xà dụ, Trung bộ kinh, số 23).

***

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI 53

Tài liệu tham khảo Kinh: Trường bộ kinh (Chuyển luân Thánh vương sư tử hống), Trung bộ kinh (Chánh kiến, Giáo giới La-hầu-la, Xà-dụ), Tăng chi bộ kinh (Chương Bảy, Bảy pháp), Tiểu bộ kinh (Phật tự thuyết, Cánh cửa bại vong, Thập vương pháp), Hán tạng (Thập thiện nghiệp đạo, Vu-lan-bồn, Báo ơn cha mẹ) Đạo đức học Phật giáo, Nhiều tác giả, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1995. Địa chỉ các ngôi chùa Việt Nam ở hải ngoại (thuvienhoasen.org) Buddhist ethics (Buddhanet.net) Difference between morals and ethics for Freedom and Happiness (resaunders.liberty.me) Ken Fones, Buddhism and social action (accesstoinsight.org)

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO LÀ GÓP PHẦN AN SINH XÃ HỘI NCS. SC. Thích Nữ Đồng Hòa*

DẪN NHẬP Trong thời đại ngày nay, xã hội và con người đang hướng đến đỉnh cao của khoa học, văn minh vật chất đôi khi đẩy con người vào vòng ham muốn của thác loạn vật chất và đạo đức ngày càng xuống cấp hơn. Đứng trước tình trạng như vậy, người làm công tác hoằng pháp cần vững vàng trong tư thế Giới - Định - Tuệ. Đó chính là hành trang trong việc hoằng pháp về giáo dục đạo đức cũng chính là giúp an sinh xã hội. Đức Phật đã tìm ra nguyên lý của vũ trụ, từ đó, Ngài đưa ra con đường giáo dục xây dựng trên các nguyên lý ấy giúp con người vượt khỏi những mê lầm, cởi bỏ mạng lưới thiên lệch, đạp đổ các thành trì chủ nghĩa cực đoan giáo điều, gột sạch đầu óc chủ quan đầy ắp những định đề, giúp cho con người có cái nhìn thư thật "Như thị tri, như thị kiến" và thực tại như là thực tại "Pháp nhĩ như thị". Nguyên lý Duyên khởi và Tứ diệu đế là hai lý thuyết căn bản làm nguyên tắc tư

*. Ủy viên Thường trực Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ủy viên Phân ban đào tạo giảng sư Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Email: thichdonghoa@dptt.vn

56 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

duy để giải thích những vấn đề trên và cũng là nền tảng hoằng pháp về giáo dục đạo đức an sinh xã hội toàn cầu. NỘI DUNG 1. CÁC KHÁI NIỆM Thực hiện lời di huấn thiêng liêng cao cả của Đức Thế Tôn: "Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sinh vi sự nghiệp". Hoằng pháp là trọng tâm của hàng đệ tử Phật xuất gia, bởi lẽ "Phật phi Pháp bất hoằng, Pháp phi Tăng bất hiển". Từ khi Đức Thế Tôn thành đạo tại cội Bồ Đề, bánh xe pháp được chuyển lần đầu tiên tại vườn Lộc Uyển, rồi từ đây truyền bá đi khắp nhân gian cho tới khi Ngài nhập diệt tại rừng Sa La Song thụ. Kế thừa 49 năm thuyết pháp độ sinh của Đức Phật, các vị thánh Tăng, liệt vị Tổ Sư, chư tôn tiền bối đã kế tiếp nhau tuyên dương chính pháp. Nhờ đó mà giáo pháp của Đức Phật được lan toả khắp nơi trên tinh thần "Tuỳ cơ đậu giáo, ứng hoá vô phương". 1.1. Khái niệm về giáo dục Giáo dục là một hiện tượng tiến hoá của xã hội loài người, không có giáo dục con người chỉ sống theo bản năng của thú tính. Nhờ giáo dục, loài người thoát khỏi trạng thái mông muội hỗn độn, phát triển dần về khí chất, từ con người nô lệ trước lực lượng thiên nhiên đến con

người biết chinh phục thiên nhiên, phục vụ đời sống đưa nhân loại tiến nhanh hơn đến chỗ toàn mỹ. Theo quan niệm phương Tây thì, nguyên ngữ "Éducation"(giáo dục) bắt nguồn từ tiếng La-tinh cổ là: "Educere" hay "Educare": E: Ra khỏi, thoát khỏi. Ducere: Dẫn dắt, hướng dẫn. Theo quan niệm phương Đông thì: Giáo: Là dạy; Dục: Là nuôi. Giáo dục là hướng dẫn, tác động, dẫn dắt khiến cho thay đổi cả tinh thần và thể chất của con người sao cho ngày một hoàn thiện hơn, tốt đẹp hơn. 1.2. Khái niệm về đạo đức, lối sống Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, xuất hiện tương đối sớm và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Đạo đức

được hiểu "Là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội".1 Lối sống "Lối sống của con người là các chiều cạnh chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực hóa các giá trị văn hóa thông qua hoạt động sống của con người. Lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, đặt trong mối tương tác biện chứng của các điều kiện sống hiện hữu và trong các mối liên hệ lịch sử của chúng"2. Lối sống mới "Lối sống mới là phương thức sống của con người thể hiện ở sự lựa chọn các hoạt động và cách thức thực hiện các hoạt động đó mang tính dân tộc, hiện đại, nhân văn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện mục tiêu phát triển con người toàn diện trên các lĩnh vực đức, trí, thể, mỹ"3. 1.3. Khái niệm về an sinh xã hội An sinh xã hội được hiểu một cách khái quát, đó là sự bảo đảm của xã hội, nhằm bảo tồn nhân cách cùng giá trị của cá nhân, đồng thời tạo lập cho con người một đời sống đầy đủ và hữu ích để phát triển tài năng đến mức cao hơn. An sinh xã hội là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế xã hội do bị ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, bệnh tật, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già, chết; đồng thời đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con…

1. Mai Văn Bính (Chủ biên), Lê Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Mai, Lưu Thu Thủy, Giáo dục công dân 10, Nxb. Giáo dục Việt Nam (2014). 2. Phạm Hồng Tung, "Nghiên cứu về lối sống: một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận". Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn, 23 (2007). 3. Nguyễn Thị Thanh Hà, "Giá trị đạo đức truyền thống dân tộc với việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay". Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2014.

Như vậy, về mặt bản chất, An sinh xã hội là góp phần đảm bảo thu nhập và đời sống cho các công dân trong xã hội. Phương thức hoạt động là thông qua các biện pháp công cộng. Mục đích là tạo ra sự "an sinh" cho mọi thành viên trong xã hội, vì vậy nó mang tính xã hội và tính nhân văn rất sâu sắc. 2. HOẰNG PHÁP VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THEO TINH THẦN PHẬT GIÁO GIÚP AN SINH XÃ HỘI Bất cứ một quốc gia nào, trong

quá trình phát triển của mình đều phải đặc biệt quan tâm giải quyết vấn đề an sinh xã hội. Không thể phủ nhận rằng, giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội sẽ góp phần giữ vững ổn định về kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước, đảm bảo công bằng, giúp xã hội phát triển. Trong sự hội nhập và phát triển kinh tế toàn cầu, cùng với những thành tựu đổi mới kinh tế, phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia, Việt Nam đã có những nỗ lực to lớn, đầu tư nguồn lực và đổi mới cơ chế, chính sách, kêu gọi các lực lượng, tổ chức xã hội tham gia thực hiện an sinh xã hội, chăm lo cải thiện không ngừng cuộc sống của người dân, trong đó Phật giáo là một trong những tổ chức xã hội đóng góp tích cực và hiệu quả nhất việc thực hiện công tác an sinh xã hội. Hoằng pháp về Giáo dục đạo đức theo tinh thần Phật giáo là một phương tiện hoằng pháp tối yếu để khai mở cánh cửa trí tuệ của con người, giúp con người nhận chân được thật tướng đích thực của vạn pháp, nhằm đưa cho họ đạt đến chỗ chân, thiện, mỹ. Trên cơ sở đó, trong lộ trình tu tập, con người "phản quang tự kỷ" để phát triển tiềm năng sáng suốt, đánh thức Phật tính vốn có ở trong mình và đi trên con đường giác ngộ, giải thoát. Yếu tố cốt lõi trong hệ thống giáo dục đạo đức Phật giáo là hướng dẫn con người đoạn ác, tu thiện, chứng quả vô sinh như Đức Phật dạy: "Chư ác mạc tác Chúng thiện phụng hành Tự tịnh kỳ ý

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO LÀ GÓP PHẦN AN SINH XÃ HỘI 59

Thị chư Phật giáo" 4 Nếu như tất cả nước ở ngoài biển khơi chỉ có một vị là vị mặn, thì giáo lý mà Đức Thế Tôn thuyết ra cũng thế, chỉ có một vị là hương vị Giải thoát. Trong kinh Tăng Chi Đức Phật có dạy: "Này Paharada, biển lớn chỉ có một vị, đó là vị mặn. Cũng vậy, này Paharada, pháp này của Ta cũng chỉ có một vị là vị giải thoát."5 Giáo dục đạo đức Phật giáo chính là giáo dục Giới, Định, Tuệ. Chính nền giáo dục này mới có thể đem lại hòa bình, hạnh phúc thật sự lâu dài cho loài người và cho cả thế giới. Vì chúng có công năng điều phục những tư duy, những ý thức sai lầm trong mỗi con người. Tư duy và ý thức sai lầm đó chính là vô minh, tham ái, là nguyên nhân đưa đến phiền não, khổ đau. Đức Phật dạy rằng khổ đau hay hạnh phúc là do chính con người tạo ra chứ không phải từ sự thưởng phạt của đấng Toàn năng hay Thượng đế nào cả. Cho nên, giáo dục là giáo dục con người chính nó, giáo dục con người tận diệt nguồn gốc của ái, thủ tức là bỏ ác hành thiện để được an vui hạnh phúc, không phải đấng Toàn năng chuyên ban phúc giáng họa... - Thứ nhất, giới không sát sinh: Ta biết rằng tất cả chúng sinh đều có mạng sống, nên Đức Phật dạy con người không được giết và không bảo người khác giết; Yêu cầu phải bảo vệ, phải trân trọng giá trị thiêng liêng của sự sống, đối với con người cũng như mọi loài. Bảo vệ, tôn trọng, nâng cao giá trị, phát triển sự sống đó là khái niệm chính của giáo dục đạo đức Phật giáo; Đồng thời đó cũng là tính từ bi và bình đẳng trong hệ thống giáo lý Phật Đà. Nếu người người, nhà nhà ai cũng giữ giới không sát sinh thì đất nước, thế giới khỏi phải lo sợ chiến tranh, lo sợ khủng bố... Và khi ấy đao kiếm, bom đạn sẽ trở thành vô nghĩa. Vấn đề an sinh xã hội được Đức Phật dạy rất rõ trong bài kinh sau: "Không nên đổ đồ ăn thừa trên cỏ xanh và trong nước có côn trùng, sợ làm hại cỏ và côn trùng. Ngài dạy các đệ tử xuất gia phải dùng vải lọc nước để ngăn chặn giết côn trùng".6

4. Pháp cú, kệ 183. 5. Tăng chi III, tr. 57, Sđd. 6. Kinh Thừa Tự Trung Bộ 1 số 3.

Trong những tháng mùa mưa An cư kiết hạ, Phật khuyên các Tỳ kheo không nên ra ngoài vì sợ giẫm đạp trên cỏ cây hoặc côn trùng trong mùa sinh nở hoặc trong không khí ẩm ướt. Chính vì lẽ đó Đức Phật cấm các đệ tử của Ngài không sát sinh để cân bằng sinh thái, không tàn phá chiếm đoạt mà phải sống thiểu dục tri túc. Đức Phật dạy: "Tri túc tri nhân tuy bần nhi phú, bất tri túc giả tuy phú nhi bần, tri túc tri nhân tuy ngoạ địa thượng do vi an lạc, bất tri túc giả tuy phú Thiên đường diệc bất xứng ý" Nghĩa là: "Người sống biết đủ tuy nghèo mà giàu, người sống không biết đủ tuy giàu mà nghèo, người sống biết đủ tuy nằm trên đất cũng thấy an lạc như ở Thiên đường, người không biết đủ tuy ở Thiên đường vẫn không vừa lòng như trong Địa ngục".7 - Thứ hai, giới không lấy của không cho: Sống giữa cuộc đời ai cũng có nhu cầu về vật chất để đáp ứng cho sự sống. Ta cũng có nhu cầu, người cũng vậy sao ta lại lấy của người không đồng ý làm của mình! Đức Phật dạy, cho đến nhỏ nhoi như cây kim ngọn cỏ nếu người không cho thì không được lấy. Trong phạm vi giới ấy không chỉ đơn thuần là những hành vi trộm cắp lộ liễu, mà còn gồm cả những hành vi như buôn lậu, tham nhũng, hối lộ, lừa đảo, lật lọng trong buôn bán để có những lợi nhuận bất chính, lạm dụng hay chiếm đoạt của công, trốn thuế, trốn nợ... đều thuộc về phạm vi trộm cắp. Khi ta nhìn rộng hơn, giới ấy Đức Phật dạy không những không trộm cắp mà còn phải biết bố thí, biết giúp đỡ, tương thân, tương ái, biết mang đến niềm vui cho người khác... Mặt khác là phải biết tri túc, sống biết đủ, bằng lòng với số tài sản của mình có được nhờ lao động của bản thân, không nghĩ cách làm giàu thêm bằng cách làm ăn lừa lọc không chính đáng, phi đạo đức. Như thế, nếu ai ai cũng giữ giới không lấy của không cho thì mọi người khỏi phải lo sợ giành giật cướp bóc, chiếm đoạt lừa lọc, những chiếc ổ khóa sẽ trở thành vô nghĩa, mọi người không phải canh giữ, không phải đậy đằn; Khi đó, con người ta sẽ xích lạ gần nhau hơn, sẽ thấy an ổn hơn, hạnh phúc hơn nhiều!

7. Kinh Tứ Thập Nhị Chương.

- Thứ ba, giới không tà dâm: Trong xã hội hiện đại, giới không tà dâm lại càng được nổi bật hơn về mặt giá trị và càng cần phải được áp dụng một cách triệt để hơn. Chúng ta thấy rằng, ngày nay có những căn bệnh hiểm nghèo đã hoành hành khắp đó đây do đời sống tình dục bừa bãi gây ra. Chúng đã trở thành nỗi lo lớn nhất và là nỗi lo chung của toàn nhân loại. Đặc biệt trong đó là AIDS, một căn bệnh hiểm nghèo chưa có thuốc trị, đã đe dọa nghiêm trọng đến mạng sống và hạnh phúc của con người. Mặt khác, chính đời sống vi phạm tiết hạnh vợ hoặc chồng của người khác đã cướp đi hạnh phúc của gia đình mình cũng như gia đình họ, làm cho gia đình ly tán, con cái chia lìa. Chúng ta cũng thường thấy giữa xã hội bộn bề có biết bao cuộc ghen tuông do đời sống tiết hạnh bất chính gây ra, rồi hậu quả của nó là đâm chém, giết chóc, vợ chồng bỏ nhau, con cái cũng vì đó mà lang thang rồi hư hỏng. Do hậu quả xấu của nó ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền tảng đạo đức xã hội cũng như đời sống phạm hạnh đi đến giải thoát. Đức Phật

dạy người tại gia sống trong xã hội nên chung thủy, chân thành, sắt son một vợ một chồng, còn người xuất gia thì hoàn toàn đoạn dâm dục. - Thứ tư, giới không nói dối: Đức Phật dạy rằng giới này gồm cả không được nói lưỡi hai chiều, không được nói lời thêu dệt, không được nói lời độc ác. Chúng ta biết rằng, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người và chỉ có con người mới có ngôn ngữ. Ai cũng muốn được tin tưởng, muốn được hòa thuận, muốn được lợi ích… thế nên, ta không được đem lời nói dối trá, lời nói thô ác, lấy trái nói phải, lấy phải nói trái, lấy không nói có, lấy có nói không… thêu dệt, ngược xuôi để cư xử với nhau. Người xưa thường nói: "Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau." Hay "Lời nói không là dao, sao cắt lòng đau nhói, lời nói không là khói sao mắt thấy cay cay, lời nói không là mây, sao đưa ta đi mãi, sao ta không ngồi lại, nói với nhau nhẹ nhàng!" Lựa lời mà nói tức là chọn những lời nói chân thật, nhẹ nhàng, vui vẻ, hòa khí, lợi mình, lợi người để đối xử với nhau.

Một lời nói có thể làm cho đất nước hưng thịnh, nhưng cũng một lời nói có thể làm cho đất nước điêu tàn, chiến tranh bùng nổ "Nhất ngôn hưng bang, nhất ngôn tán bang". Những điều này đã được Đức Phật chỉ dạy cách đây hơn hai nghìn năm. Ngài thấy được sự nguy hại của lời nói xấu, nói ác… khiến người khác đau khổ đến cùng tận địa ngục và từ lời nói chân thật mang lại lợi ích, an lạc, hạnh phúc vô cùng cho cả toàn cầu. Cho nên Ngài dạy: Không được nói lời dối trá mà phải nói lời chân thật. "Ai đã lỡ gieo trồng nghiệp ác Đừng làm liều, tiếp tục gây thêm. Chớ mà biện hộ, tìm quên, Quả sầu phải gặt, xích xiềng bủa giăng".8 - Thứ năm, không được uống rượu: Trong Luật có nói từ câu "nhược Phật tử cố ẩm tửu.." cho đến câu "nhược cố tự ẩm, giáo nhân ẩm giả, phạm khinh cấu tội". Nghĩa là nếu Phật tử cố ý uống rượu, mà rượu là thứ làm người uống thường phát sinh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay mình trao chén rượu cho người uống, sẽ mang ác báo năm trăm đời không có tay, huống chi là tự mình uống. Cũng không được bảo người và tất cả chúng sinh uống rượu, huống chi là tự mình uống! Tất cả các thứ rượu, Phật tử không được uống. Nếu mình cố uống hoặc bảo người uống, Phật tử này phạm khinh cấu tội. Giới này gồm cả những điều không được dùng những chất kích thích, những loại thuốc hưng phấn làm mê man đầu óc, trí não của con người, như thuốc phiện... Giới không uống rượu mặc dù nằm sau bốn giới trên nhưng có thể quan trọng hơn cả. Vì một người say rượu, nghiện thuốc phiện… thì tâm trí bị mê mờ nên rất dễ phạm bốn giới trước. Để cho bản thân, cho gia đình, xã hội được văn minh, hạnh phúc. Đức Phật dạy không được uống rượu, không được dùng các chất kích thích, các loại thuốc phiện… làm say sưa, mê mờ tâm trí. Nhân giới mà sinh Định, nhờ công năng giữ giới mà 8. Kinh Pháp Cú số 117.

tâm hồn được định tĩnh, và nhờ Định mà trí tuệ được khai mở, đây cũng chính là lúc mà con người: - Ý thức được những khổ đau do sự sát hại gây ra mà nguyện không sát hại. - Ý thức được những khổ đau do sự lường gạt, trộm cắp và bất công gây ra mà nguyện không vi phạm. - Ý thức được những khổ đau do tà dâm gây ra mà nguyện

không tà dâm. - Ý thức được những khổ đau do lời nói thiếu chính niệm gây ra mà nguyện không nói dối, nối ác... - Ý thức được những khổ đau do uống rượu, dùng ma túy và những chất kích thích làm say sưa gây ra mà nguyện không dám dùng. Trong kinh Thiện Sinh Đức Phật dạy: “Này gia chủ, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: Tài sản bị tổn thất, hay gây tranh cãi, mắc nhiều bệnh tật, danh dự thương tổn, quần áo hở hang để lộ âm tàng, trí lực bị tổn hại. Này gia chủ, nghiện các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.” Như vậy, năm giới của Phật giáo mang một ý nghĩa rất thù thắng cho tất cả mọi người. Mang lại sự cân bằng trong sinh thái, tạo nên một nếp sống trật tự an bình trong xã hội, làm cho mọi người, mọi loài tin tưởng và xích lại gần nhau hơn. Đó là chúng ta đang thực hành Diệt đế như Đức Phật đã dạy: “Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Này chư hiền, như vậy gọi là khổ diệt thánh đế”. Đây là chân lý cao cả về sự diệt khổ.9 2.1. Mẫu người làm công tác Hoằng pháp trong thời đại mới Khi nói đến vấn đề này thì hiện nay chư tôn túc lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo ngành hoằng pháp đang trăn trở. Như chúng ta đã biết, xã hội loài người luôn phong phú muôn màu

9. Trung Bộ III, Đại tạng Kinh Việt Nam, tập 7, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992, tr. 564.

muôn vẻ, nên khi nhắc đến mẫu người làm công tác hoằng pháp về Giáo dục đạo đức Phật giáo là chúng ta nghĩ ngay đến một biểu tượng nhất định, một con người mang tính chuẩn mực về trí tuệ, về đạo hạnh cụ thể (kể cả xuất gia và tại gia). Ví dụ: Mẫu người ở phương Tây xưa kia là: Chính nhân hiệp sĩ, nhà bác học và bây giờ là cá nhân thành công trong xã hội, còn phương Đông mẫu người trước đây là người quân tử, lấy nhân, ng- hĩa, lễ, trí, tín, làm trọng. Cố nhiên điều này cũng tạo ra được một biểu tượng chuẩn mực cho xã hội. Nhưng trong chừng mực nào đó nó làm mất đi cái giá trị đa phương diện muôn màu muôn vẻ của con người. Nếu cố tạo ra một mẫu người nhất định như thế chẳng khác nào sửa người cho vừa áo. Như vậy, có thể có một sự uyển chuyển khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ và áp dụng tứ y “Y pháp bất y nhân, Y nghĩa bất y ngữ...” sao cho phù hợp. 2.2. Đạo đức và nhân cách người làm công tác Hoằng pháp Đạo đức và nhân cách là một giá trị sống do tư duy và hành động của con người tạo ra. Chúng phải được kế tục và phải liên tục phát triển theo sự tiến bộ của xã hội. Vì khi xã hội phát triển thì trong đó bao hàm luôn sự thay hình đổi dạng của giá trị văn hóa, lối sống, cách ứng xử, cách làm người... của con người. Nếu một khi, chúng ta không có một môi trường hoằng pháp về giáo dục đạo đức tốt từ gia đình, học đường cho đến xã hội hay có những đường lối, chủ trương không phù hợp trong việc giáo dục thì chính ở chỗ nhận thức sai lầm và thiếu trách nhiệm, tất nhiên sẽ dẫn đến hậu quả đạo đức và nhân cách xấu.“Lịch sử đã chứng minh vai trò to lớn của giáo dục trên mọi mặt của đời sống xã hội, còn trong sự hình thành và phát triển nhân cách, giáo dục được đánh giá là vai trò chủ đạo.” Về phương diện xã hội của con người, đạo đức và nhân cách được hiểu là mối liên hệ giữa con người với con người trong xã hội; khi kinh tế phát triển nhanh thì mối liên hệ ấy hẳn phải thay đổi ngoài ý muốn của con người. Tương tự, khi

một chính sách hay một thể chế chính trị thay đổi, mối liên hệ ấy không duy trì theo nếp cũ. Nếu không có một hệ thống giáo dục toàn diện để bắt nhịp theo

sự thay đổi của thời cuộc nhằm hướng dẫn con người ý thức trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội thì đạo đức và nhân cách sẽ bị khủng hoảng. Ngày nay, chúng ta đang đứng trước thềm kỹ nghệ khoa học hiện đại. Các nhà máy, các khu công nghiệp mọc lên khắp nơi dẫn đến sự đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Người dân từ các nông thôn bỏ trang trại, bỏ sự cày sâu cuốc bẫm lên đô thị vào các nhà máy làm ăn sinh sống. Lẽ tất nhiên, vấn đề an ninh ở đô thị vẫn có hạn với một lượng dân cư vừa phải. Nhưng ở đây sự bùng nổ dân số theo cơ chế thị trường đã diễn ra một cách rõ rệt. Một mặt, do ý thức, tư duy của mỗi con người ở nông thôn còn nhiều hạn chế, họ chưa nắm bắt kịp nếp sống văn hóa, văn minh ở đô thị. Mặt khác, nhiều vấn đề phức tạp nữa xảy ra, xuất phát từ những nhận định sai lầm trong nếp nghĩ của mỗi người, cho nên các tệ nạn xã hội, các hành vi hành động thiếu nhân tính diễn ra. Nguyên nhân chính yếu vẫn là sự mất thăng bằng trong đạo đức, nhân cách và lối sống. 2.3. Hoằng pháp trước những thách thức và tệ nạn xã hội Tệ nạn xã hội hiện nay là một vấn đề cấp bách ở các đô thị lớn, mà tất cả những người làm hoằng pháp về giáo dục đạo đức Phật giáo phải gánh vác. Như chúng ta đã biết, khi một con người sinh ra giữa cuộc đời, nếu họ được ở trong một môi trường tốt với đầy đủ tiện nghi cũng như thông tin về giáo dục đạo đức từ gia đình, học đường đến xã hội, thì đây sẽ là bước khởi đầu thành công trong công việc giáo dục hướng dẫn con người vươn tới giá trị hoàn thiện. Từ trước đến nay, gia đình, học đường và xã hội là ba yếu tố quan trọng luôn cần có một mối quan hệ hữu cơ lẫn nhau trong việc giáo dục con người. Thứ nhất, giáo dục gia đình: Khi một cháu bé mới sinh ra, giai đoạn ấu nhi là giai đoạn khởi đầu của đời người. Mọi hành động, ngôn ngữ, tư tưởng, ý chí, tính cách… của con người tất cả đều được nắn đúc, hình thành ngay trong giai đoạn này. Như vậy, hoằng pháp về vấn đề giáo dục đạo đức ấu nhi rất cần quan tâm và thiết lập mô hình, vì ấu nhi nên người hoằng pháp phải lấy gia đình làm

trung tâm để giáo dục, đặt trách nhiệm trọng đại của những người làm cha, làm mẹ phải chú ý đến hành vi, cử chỉ, cách ăn nói, nằm ngồi của mình, tạo những hoàn cảnh tốt đẹp trong gia đình để gieo vào trong lòng các trẻ em những ý niệm tốt đẹp về cuộc đời. Những đức tính hy sinh, nhẫn nại, trật tự, hiếu thảo, ân nghĩa, khiêm hạ… cũng phải luyện tập cho trẻ ngay từ trong giai đoạn này. Thứ hai, giáo dục học đường: Ngoài việc đào tạo vốn kiến thức về khoa học, về xã hội ra thì người hoằng pháp làm sao khéo léo uyển chuyển tiếp cận với các Thầy cô giáo trong các Trường, kết nối với giáo viên để có những buổi sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh, sinh viên về rèn luyện kỹ năng sống theo tinh thần Phật giáo, đồng thời khiến cho giáo viên nâng cao trách nhiệm phải trực tiếp truyền trao cho học viên giềng mối đạo đức, ý thức trách nhiệm, lẽ sống ở đời… Đào tạo những con người lý tưởng là mục đích chính của nội dung cũng như phương pháp giáo dục đạo đức Phật giáo. Con người lý tưởng ở đây là con người

đối với bản thân thì thực hành theo những hạnh kiểm phù hợp với luân lý đạo đức. Đối với gia đình thì sống theo tinh thần thân, hiếu, hạnh. Đối với tập thể thì giữ gìn kỷ luật, trật tự, trung chính. Đối với quốc gia thì có lòng yêu quê hương, đất nước, thực hiện những công việc có lợi ích chung, đối với quốc tế thì thực hành theo chủ trương hòa bình, hợp tác, yêu chuộng và dân chủ. Thứ ba, giáo dục xã hội: Tức là ngành giáo dục thiên trọng về mặt cải tiến xã hội. Kinh nghiệm cho chúng ta biết rằng thời gian giáo dục ở học đường quá ngắn ngủi đối với đời sống con người. Nhất là những người sau khi rời khỏi ghế nhà trường ra lăn lộn với cuộc sống thực tế, thì chính đây mới là môi trường giáo dục dành cho mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp để trở thành con người thật sự của xã hội. 2.4. Hoằng pháp về vấn đề an sinh cho cuộc sống Trong cuộc sống thì ai cũng muốn xa lánh điều khổ, ai cũng muốn có hạnh phúc. Vậy hãy lấy tâm mình suy ra tâm người đừng gây đau khổ cho người khác. Tuy nhiên, khi khoa học kỹ thuật đã tiến lên ở một đỉnh cao thì liệu họ có lấy cái thiện cái ác ra để làm

thước đo nhằm đáp ứng nhu cầu hạnh phúc và hòa bình thật sự cho cuộc sống hay không? Hay trên đà phát triển của lòng tham ái, họ muốn chiếm dụng thật nhiều của cải vật chất để phục vụ cho nhu cầu sự sống của mình. Rồi họ bằng cách này hay cách khác, hoặc bằng nhiều thủ đoạn, hoặc chế tạo ra nhiều thứ vũ khí giết người và trong đó có cả vũ khí giết người hàng loạt nhằm chiến tranh cướp đoạt để đe dọa mạng sống của con người? Dẫu có dùng vũ khí vào chiến tranh chính nghĩa đi nữa nhưng cũng vẫn làm cho máu đổ, xương tàn. Mặt khác, vì đâu mà có được vũ khí để người ta mang đi chiến tranh phi nghĩa, mang đi khủng bố, mang đi giết chóc?... Ta không phủ nhận những tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã đáp ứng rất nhiều cho đời sống con người, và một mặt là đánh dấu một cách rõ nét nền văn minh của nhân loại. Nhưng chúng ta vẫn thấy rõ rằng do đâu mà con người mãi khổ đau, mãi lo âu và sợ hãi? Phải nói thật là ngây ngô khi giả thiết các vấn đề do loài người tạo ra để dẫn đến bạo động có thể giải quyết bằng tranh đấu. Có lẽ chính ở chỗ nhận thức sai lầm và tư duy hữu ngã của con người mang lại. Đức Phật dạy: “Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ái nào bằng ái sân hận, không khổ nào bằng khổ ngủ uẩn và không vui nào bằng vui Niết bàn” 10. Thật vậy, khi ngọn lửa tham dục khởi lên thiêu đốt tâm can con người thì dễ khiến cho con người trở nên điên đảo, vọng tưởng, không thấy rõ nhân quả, nghiệp báo gây nên biết bao khổ luỵ cho con người trong xã hội. Đây cũng chính là Tập đế mà Đức Phật đã dạy: “Đây là thánh đế về Khổ tập, này các tỳ kheo, chính là ái này đưa đến tái sinh. Câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái” 11. 2.5. Hoằng pháp về vấn đề môi trường sống Môi trường sống hiện nay là một đề tài cấp bách mà các nhà làm hoằng pháp giáo dục đạo đức Phật giáo phải cùng chung một trọng

10. Kinh Pháp Cú,202. 11. Tương Ưng V, Đại tạng Kinh Việt Nam, tập 16, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993, tr. 612

trách với tất cả cộng đồng. Bởi lẽ, môi sinh hiện tại đang bị đe dọa trước cơn khủng hoảng rất nghiêm trọng. Khủng hoảng môi sinh hiện tại là sự ô nhiễm môi sinh: Ô nhiễm không khí, nước và đất. Chúng là hậu quả của các phóng xạ, sự phân hạch, bụi bặm thiên nhiên, cháy rừng, giao thông vận tải, sự thiêu đốt và các nguồn khác như trong các trang web và sách báo đã ghi lại, các ô nhiễm ấy do các cuộc thí nghiệm bom nguyên tử, các vũ khí hóa học, các hơi độc thoát ra từ các nhà máy, xí nghiệp, xưởng sản xuất, nạn phá rừng và săn bắt bừa bãi... Và đây cũng là hệ quả tất yếu của sự phát triển nhanh kỹ nghệ. Một mặt là hệ quả của sự thiếu trách nhiệm đối với môi sinh của con người. Luận thức Duyên khởi được Đức Phật trình bày bằng các mệnh đề đẳng hệ, giản đơn trong kinh Phật tự thuyết: “Do cái này có mặt nên cái kia có mặt. Do cái này không có mặt nên cái kia không có mặt. Do cái này sinh nên cái kia sinh. Do cái này diệt nên cái kia diệt”. 12 Chúng ta biết rằng giữa con người và môi trường sống luôn có một mối quan hệ rất mật thiết, liên tục, tự nhiên và không thể tách rời nhau. Chính vì vậy, khi môi trường bị ô nhiễm thì chúng sẽ ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp vào sức khỏe cũng như tuổi thọ của con người. Hơn thế nữa, một khi môi trường bị ô nhiễm một cách nghiêm trọng, trái đất nóng lên, suy giảm ozon ở tầng bình lưu làm thay đổi khí hậu toàn cầu... thì mạng sống của tất cả các sinh vật trong đó có con người ở trên hành tinh này sẽ bị đe dọa và có thể dẫn đến sự tận diệt trong một tương lai gần. Trách nhiệm của ngành hoằng pháp hiện nay là giáo dục Phật tử sống cho phù hợp với thiên nhiên và đạo đức để bảo vệ môi trường xanh, sạch cho thế giới. Vì chúng ta là những người đã nhận được thông điệp yêu quý từ thiên nhiên, yêu quý rừng cây từ thời Đức

12. Thích Chơn Thiện,.Phật học khái luận, Ban Giáo dục Tăng Ni ấn hành, 1993, tr. 138.

Phật. Chúng ta phải biết áp dụng lời dạy của Đức Phật trong giáo lý Tứ đế, do đâu chúng ta khổ, Đức Phật dạy: “Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm ngủ thủ uẩn là khổ”. 13 Chúng ta phải góp sức bảo vệ quả đất. KẾT LUẬN Noi gương Tôn giả Phú Lâu Na, nối gót bậc tiền bối thực hiện lời di huấn của Đức Thế Tôn: “Chúng ta hãy phất lên ngọn cờ của bậc thiện trí, hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu, hãy mang lại tốt đẹp cho người khác”. Duy trì mạng mạch của đức Như Lai còn mãi ở đời, làm trụ cột vững chắc cho ngôi nhà Phật pháp, góp phần trang nghiêm đạo pháp, lợi lạc quần sanh và xây dựng thế giới Sa bà uế trược thành Tịnh độ thanh lương, thế giới con người toàn chân, thiện, mỹ và cứu kính an lạc. Hoằng pháp về giáo dục đạo đức lấy con người làm đối tượng, là trung tâm chính để bàn bạc, nghiên cứu và tìm hiểu của hầu hết các chủ thuyết, tôn giáo... cùng với tất cả những vấn đề kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng... cũng đều do con người mà có, và suy cho cùng cũng không ngoài mục đích phục vụ cho lợi ích, hạnh phúc của con người. Con người và vũ trụ là hai vấn đề muôn thuở; Vào thời Đức Phật, đã có hàng trăm Triết gia đưa ra những lý thuyết nhằm lý giải vấn đề này. Kinh Phạm Võng có đề cập đến 62 quan điểm của các triết gia đương thời. Lý thuyết của họ được Đức Phật nhận định: “Như những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu

chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở đây". 14 Con người cũng chính là kẻ thừa tự tất cả những hành vi, nghiệp lực của mình cả trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Tất cả mọi vấn đề hạnh phúc hay khổ đau đều do con người tạo ra và thưởng 13. Tương Ưng V, Đại tạng Kinh Việt Nam, tập 16, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993, tr. 611. 14. Kinh Phạm Võng, Kinh Trường Bộ I, Đại tạng Kinh Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991, tr. 89.

phạt ngay cho chính cuộc đời mình. Ngoài con người ra không có bất cứ Thượng đế hay Thần linh nào cho phép con người lên Thiên đàng hay dẫn xuống địa ngục. Như trong Kinh Pháp cú Đức Phật đã dạy: "Tự ta gây ác nghiệp Tự ta nhiễm cấu trần Tự ta tránh ác nghiệp Tự ta thanh tịnh tâm Nhiễm tịnh do ta cả Không ai thanh tịnh ai."15 Hoằng pháp về giáo dục đạo đức theo lời Phật dạy rất thiết thực giúp con người đoạn tận khổ đau trong tận cùng gốc rễ thì không cần phải tranh luận, mà cần ở sự cứu kính. Mở ra một thế giới an bình, chúng sinh an lạc và hạnh phúc, chính là an sinh xã hội đến đỉnh cao. Thế giới Sa bà ngũ trược trở thành cõi Tịnh độ ngay bây giờ và tại đây. "Hận thù diệt hận thù, không bao giờ có được. Tình thương diệt hận thù, là chân lý ngàn thu". Khuyến nghị Tại hội thảo này, chúng con xin có vài khuyến nghị đóng góp cho công tác hoằng pháp như sau: 1. Ngành Hoằng pháp Phật giáo trong nước và Thế giới cần thống nhất, soạn thảo nội dung, xây dựng các chủ đề, giáo án, giáo trình để thuyết giảng cho hàng Cư sĩ Phật tử ở các lứa tuổi từng vùng miền của từng quốc gia sao cho phù hợp để thính chúng hiểu đạo, gắn bó với đạo, phát huy chính pháp của Phật. 2. Chọn giảng sư có đạo hạnh, trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng hoằng pháp tốt (kể cả Tăng ni và Cư sĩ) để làm công tác hoằng pháp, tuy rằng công tác Hoằng pháp ngày nay rất thuận lợi về phương tiện truyền thông công nghệ mới nhưng nội dung phải chất lượng gắn liền với tư tưởng giáo dục đạo đức Phật giáo.

15. Pháp Cú 165.

3. Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như Ban Hoằng pháp các tỉnh thành trong nước và thế giới nên khuyến khích, động viên, tạo mọi điều kiện và có chính sách đãi ngộ của ngành Hoằng pháp hoặc của Trung ương Giáo hội Phật giáo của từng quốc gia, lãnh thổ cho những người làm công tác hoằng pháp (kể cả Tăng ni và Cư sĩ). 4. Khuyến khích chư tôn đức Tăng ni trụ trì các chùa, thiền viện, tu viện, tịnh xá, tịnh thất... trên toàn cầu mở các khóa tu học Phật dài ngày, ngắn ngày trong các mùa, xuân, hạ, thu, đông trong năm dành cho các lứa tuổi không phải chỉ dành cho giới trẻ trong mỗi mùa hè, và giảng dạy phải dựa theo giáo trình của Ban Hoằng pháp đề ra, tránh tình trạng xiển dương lệch hướng theo giáo lý của Đức Phật, khiến cho tín đồ Phật tử hoang mang. 5. Lãnh đạo ngành Hoằng pháp trong nước và nước ngoài cần hướng dẫn, khuyến khích hàng Cư sĩ có sự am hiểu về Phật học đang quản lý tại các chùa, khuông hội, các đạo tràng do Phật tử thành lập,... những nơi sinh hoạt Phật giáo trên toàn cầu nhưng chưa có chư tôn đức Tăng ni trụ trì phải nương vào Tăng đoàn,

nương vào Giáo hội Phật giáo của từng quốc gia ấy để thực hiện công tác hoằng pháp đúng theo chính pháp của Phật là có ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng đúng theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo và Hiến pháp của từng quốc gia ấy để cho giáo pháp của Đức Phật được phát triển một cách toàn diện, tránh tình trạng tự phát, tự tuyên truyền, không có tổ chức, quản lý của Giáo hội và Luật pháp nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín và giá trị của đạo Phật.

***

72 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Thư mục tham khảo Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. Thích Minh Châu dịch-Tăng Chi Bộ Kinh I, II, III, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1996. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ kinh I, II, III, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992. Nhiều tác giả, Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, NXB. Tp. Hồ Chí Minh. Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Sinh Huy, Giáo dục học đại cương, NXB. Giáo dục, 2000. Thích Chơn Thiện, Lý thuyết nhân tính qua Kinh Tạng Pàli, NXB. Tp. Hồ Chí Minh. Thích Chơn Thiện, Tìm vào thực tại, NXB. Tp. Hồ Chí Minh, 1999. Kinh Phạm Võng, Kinh Trường Bộ I, Đại tạng Kinh Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991, tr. 89. Mai Văn Bính (Chủ biên), Lê Thanh Hà, Nguyễn Thị Thanh Mai, Lưu Thu Thủy, Giáo dục công dân 10, NXB. Giáo dục Việt Nam, 2014. Phạm Hồng Tung, “Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận”. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn, 23 (2007). Nguyễn Thị Thanh Hà, “Giá trị đạo đức truyền thống dân tộc với việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay”, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2014. Thích Chơn Thiện, Phật học khái luận, Ban giáo dục Tăng ni ấn hành, 1993. Hoài Khanh, Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống, NXB. Ca dao, 1993.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO LÀ GÓP PHẦN AN SINH XÃ HỘI 73

Thích Minh Châu dịch, Kinh Pháp Cú, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II, ấn hành năm 1990. Ngô Văn Lê, Giáo dục và tiến bộ xã hội, Bài phát biểu tại Hội thảo Giáo dục Phật giáo, ấn hành năm 1995. Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật hiện đại hóa, NXB. Lá bối, 1968.

VAI TRÒ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM TS. Lê Đức Hạnh

Phật giáo truyền bá vào Việt Nam hơn 2.000 năm và ngày càng có nhiều đóng góp tích cực trong lĩnh vực y tế, thiện nguyện xã hội, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục... Trong lĩnh vực giáo dục, Phật giáo có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho con người Việt Nam, định hình bản sắc đạo đức Phật giáo Việt Nam. Bài viết trình bày về những nội dung, mục tiêu cơ bản trong giáo dục đạo đức của Phật giáo, đồng thời chỉ ra vai trò quan trọng của giáo dục đạo đức Phật giáo. Phật giáo đã góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển của xã hội Việt Nam. I. ĐẶT VẤN ĐỀ Phật giáo hiện nay là tôn giáo lớn thứ 3 trên thế giới (sau Kitô giáo và Hồi giáo) đã du nhập vào Việt Nam hơn 2.000 năm. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Phật giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, góp

phần thúc đẩy xã hội phát triển. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, Phật giáo đã đóng góp nhiều trong lĩnh vực nghệ thuật, thiện nguyện xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục. Trong lĩnh vực giáo dục, Phật giáo đóng góp lớn về giáo dục đạo đức, lối sống cho con người Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc định hình các quan niệm,

chuẩn mực và hệ giá trị đạo đức trong xã hội. Từ khi du nhập đến nay, tư tưởng về đạo đức nhân sinh của Phật giáo là một tư tưởng xuyên suốt và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Trong bối cảnh hiện đại hóa ngày càng mạnh mẽ, tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, sự mất cân bằng sinh thái, tình trạng đói nghèo, thất học và bạo lực tràn lan... thì đạo đức Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc góp phần giảm thiểu những vấn đề đó. Phật giáo giúp con người thay đổi cách tư duy, lời nói, hành vi theo con đường chánh đạo trong mối quan hệ hài hòa giữa người với người và với môi trường tự nhiên. Với mục tiêu tối thượng vì hạnh phúc và an lạc cho nhân sinh, Phật giáo luôn có trách nhiệm chia sẻ, giải quyết những vấn nạn xã hội vì sự ổn định và phát triển của xã hội. Đánh giá ý nghĩa, vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo sẽ giúp cho chúng ta nhận thức rõ hơn, đúng hơn những đóng góp to lớn của Phật trong vấn đề này để từ đó có những chính sách phù hợp thúc đẩy và phát huy hơn nữa những giá trị trân quý của Phật giáo Việt Nam. II. NỘI DUNG 1. Một số định nghĩa liên quan * Định nghĩa giáo dục Từ điển Tiếng Việt định nghĩa "giáo dục" là: "Giáo dục 1. (động từ). Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra. 2. (danh từ). Hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy giáo dục của một nước".1 Dù ở xã hội nào, quốc gia nào thì giáo dục cũng đều lấy con người làm đối tượng, nhằm phát triển ba phương diện trí tuệ, tình cảm, thể chất, mặc dù có những cấp độ/mức độ khác nhau. Giáo dục bao gồm việc dạy và học, với việc truyền thụ, phổ biến tri thức qua các thế hệ, nhằm đánh thức và trau dồi khả năng, năng lực tiềm ẩn, trí tuệ của mỗi người. Có 3 môi trường

1. Viện Ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2010, tr.379.

để giáo dục tồn tại và phát triển qua các thời đại là: gia đình, nhà trường và xã hội.2 * Khái niệm đạo đức "Đạo đức" bắt nguồn từ tiếng Latinh là mos (moris) - lề thói, đạo nghĩa. Khái niệm đạo đức ở Trung Quốc xuất hiện vào đời nhà Chu, dùng để nói đến nhân đức, đức tính, đạo nghĩa, nguyên tắc luân lý. Từ điển Bách khoa Việt Nam định nghĩa "đạo đức là một trong những hình thái sớm nhất của ý thức xã hội bao gồm những chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ với người khác và với cộng đồng (gia đình, làng xóm, giai cấp, dân tộc hoặc toàn xã hội). Căn cứ vào những chuẩn mực ấy, người ta đánh giá hành vi của mỗi người theo các quan niệm về thiện và ác, về cái không được làm (vô đạo đức) và về nghĩa vụ phải làm"3. Và, đạo đức cũng được định nghĩa "là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh cách đánh giá và cách ứng xử của con

người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội”4. * Khái niệm đạo đức Phật giáo Có thể thấy toàn bộ giáo lý của Đức Phật là một giáo lý đạo đức, được xây dựng trên tư tưởng của giải thoát luận. Theo Phật giáo “Đạo là chánh pháp, đức là đắc đạo, là không làm sai lệch nền chánh pháp”, hay “Các chân tính, các nguyên lý tự nhiên là đạo; vào được lòng người, cảm ứng với người là đức. Đạo đức là nền pháp giáo mà người ta nên theo”5. Từ chánh pháp về giải thoát của Phật giáo cho thấy mọi giá trị đạo đức Phật giáo nhằm giúp con người đạt đến cảnh

2. Trần Thị Hoài Hương, Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội, 2016, tr. 17. 3. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2000), Từ điển Bách khoa Việt Nam 1 (A-Đ), Nxb. Từ điển Bách khoa, tr. 738. 4. Học viện Chính trị Quốc gia, Giáo trình đạo đức học, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 816. 5. Đoàn Trung Còn, Phật học từ điển, quyển 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1997, tr. 524.

giới Niết bàn, nó trở thành những nguyên tắc đạo đức căn bản của xã hội. Đạo đức của Phật giáo được thể hiện qua các phạm trù phổ biến như: thiện - ác, tứ vô lượng tâm, bình đẳng, hiếu đạo v.v… Đạo đức Phật giáo lấy tư tưởng duyên khởi vô ngã làm chủ đạo. Đó là những giới điều Phật dạy nhằm ngăn chặn những điều ác, hướng con người tới những điều thiện nhằm đem đến sự an vui cho xã hội, hạnh phúc cho con người. 2. Những nội dung cơ bản của giáo dục Phật giáo Qua lời dạy của Đức Phật thì trách nhiệm đạo đức của mỗi cá nhân, là nên lựa chọn đi theo con đường của sự bố thí, xả bỏ, bao dung, để có được bình yên, thịnh vượng và hạnh phúc. Phật giáo chú trọng vào giáo dục luật nhân quả dựa trên sự hoạt động của đồng duyên khởi. Xuất phát từ quan điểm tâm được giải phóng khỏi tham, sân và si, thì con người sẽ buông xả, bình an và hạnh phúc. Để có được hạnh phúc thực sự, mỗi người cần phải tu dưỡng bản thân mình và đem sự tốt lành đến với người khác. Từ giáo lý đến thực tiễn, có thể dễ dàng nhận thấy những nội dung cơ bản, nổi bật của giáo dục Phật giáo như dạy các chuẩn mực xã hội, các điều cấm kỵ về văn hóa và xã hội cho con người mong muốn mỗi người trở thành những công dân tốt cho xã hội. Trong chùa, có nhiều lớp học về chánh pháp để giảng dạy cho con người về những giá trị tâm linh. Trong một xã hội với đầy rẫy những tệ nạn như nghiện hút, cờ bạc, tha hóa đạo đức, suy hoại phẩm chất, tư cách thì Phật giáo với giáo lý của mình hướng con người tránh xa những điều xấu, điều “ác” đó. Khi nói đến đạo đức Phật giáo tức là đề cập đến Bát chánh đạo, Tứ vô lượng tâm, giáo pháp của Đức Phật. Bát chánh đạo. Toàn bộ kỷ luật Phật giáo theo đạo lộ có thể được chia thành ba uẩn: Trí tuệ, Giới luật và Định tâm (thực hành thể chất, tinh thần và trí tuệ). Trong nhiệm vụ đạo đức và thành tựu triết học của Phật giáo, ba khái niệm trên chiếm vị trí rất quan trọng. Thứ nhất, Trí tuệ đề cập đến ‘Chánh tư duy’ (Suy nghĩ đúng)

và ‘Chánh kiến’ (Quan điểm đúng). Phật giáo nhấn mạnh về quan điểm đúng hay tầm nhìn đúng cho thấy các chuẩn mực đạo đức nên được dựa trên việc hiện thực hóa các sự thật cơ bản. ‘Chánh tư duy’ (Suy nghĩ đúng) có ý nghĩa xã hội quan trọng và nó cần thiết cho sự tăng trưởng của cảm giác về lòng nhân từ và lòng từ bi đối với tất cả chúng sinh. Thứ hai, Giới luật là quy tắc đạo đức toàn diện với Chánh ngữ (Lời nói chân thật), Chánh nghiệp (Hành động đúng), Chánh mạng (Sinh kế đúng đắn) và Chánh tinh tấn (Nỗ lực đúng đắn). Thứ ba, Định bao gồm Chánh niệm và Chánh định. Chánh niệm là quá trình rèn luyện tinh thần, liên tục giúp loại bỏ mọi vọng niệm, mong cầu. Với sự luyện tập cơ thể và tâm trí dẻo dai được đào tạo đến mức không có ham muốn hay sự từ chối nào có thể len lỏi vào và người khao khát xây dựng nhân cách đạo đức mạnh mẽ bằng cách trở nên hăng hái, cảnh giác, tự chủ và im lặng với Chánh định (Suy ngẫm đúng) của quá trình đạo đức và tâm trí trở nên bình tĩnh và thanh thản. Tứ vô lượng tâm. Trong giáo lý Phật giáo đó là Từ vô lượng: tâm lành hướng về mọi chúng sinh; Bi vô lượng: xót thương và cứu giúp tất cả chúng sinh; Hỷ vô lượng: tâm thức vui mừng và hân hoan khi nhận thấy những điều lành của chúng sinh; Xả vô lượng: buông xả không chỉ cho việc thiết lập mà còn duy trì và phát triển một xã hội tốt đẹp. Từ vô lượng là một trong những khái niệm quan trọng nhất trong đạo đức Phật giáo có ý nghĩa xã hội to lớn. Đó là một trong những nguyên tắc của giới luật cầu mong hạnh phúc của tất cả các sinh vật trong vũ trụ, có duyên hoặc vô duyên, sinh ra hoặc chưa được sinh ra. Từ vô lượng còn nghĩa là không làm hại, chê bai, nói xấu người khác. Tâm bi là biểu thị sự tu luyện của một cảm giác thương xót cứu khổ cho hết thảy chúng sinh. Phật tử không chỉ suy nghĩ từ bi mà còn phải tích cực hành động không ngừng nghỉ cho đến khi giúp hết người khác thoát khỏi cảnh khổ. Đặc điểm chính của tâm bi là dứt trừ đau khổ cho người khác. Nó dạy con người tự nguyện phục vụ những người khác nhằm loại bỏ những đau khổ của họ với tấm lòng vị tha mà không có bất kỳ sự mong cầu đền ơn. Đó là điều kiện mang lại hòa bình cho xã hội. Tâm bi cũng là

nền tảng để giải quyết tất cả các xung đột trong xã hội. Tâm hỷ là phạm trù đạo đức quan trọng bao gồm thực hành để có cảm giác vui sướng trước hạnh phúc của người khác, kể cả kẻ thù. Nó có nghĩa là hành động đạo đức vì lợi ích của nhân loại. Trong xã hội, đố kỵ chính là nguyên nhân của những hành vi xấu xa. Tâm bi dạy người ta cảm thấy hạnh phúc và tự do trong sự thịnh vượng khác. Tâm xả là trạng thái siêu phàm, nơi không có sự phân biệt giữa giàu và nghèo, thấp và cao. Đức tính công bằng được ghi nhận trong giáo lý Phật giáo. Những người tu tập theo Tâm xả loại bỏ sự đeo bám và ác cảm mong muốn hoặc có cùng một thái độ đối với cả người tốt và người xấu, người làm ác và người làm tốt v.v... Điều kiện như vậy hoàn toàn vô hiệu hóa và giải quyết tất cả các xung đột. Có thể thấy ‘Tứ vô lượng tâm’ hiển thị phương pháp rèn luyện khía cạnh cảm xúc. Tâm bi (lòng trắc ẩn) hướng đến những sinh mệnh bị ảnh hưởng, nó trái ngược với sự tàn nhẫn. Tâm hỷ (cùng vui với người khác) là niềm vui được trải nghiệm khi nhìn thấy một người có lý do nào đó để hạnh phúc, nó trái ngược với sự đố kị và ghen tị. Tâm từ (từ vô lượng) lòng tốt yêu thương, là mong muốn tốt cho tất cả chúng sinh, nó trái ngược với hờn oán, căm thù. Tâm xả được thực hành bình

đẳng đối với tất cả chúng sinh, nó trái ngược với thiên kiến và thiên lệch một phần. Tất cả các trạng thái siêu phàm này được gọi chung là Tứ vô lượng tâm, tạo nền tảng tốt cho việc thành lập các xã hội bền vững. Phật giáo đề cao con người, giá trị của con người, không có gì cao hơn và cao quý hơn con người. Triết lý của Phật giáo được quan tâm với Sự giải thoát con người khỏi đau khổ. "Sau đó, người ta đối xử với mọi người như bình đẳng công nhận phẩm giá của con người là con người, không có đẳng cấp, không bất bình đẳng, không có ưu thế; tất cả đều bình đẳng, là triết lý của Đạo Phật"6. Phật giáo thừa nhận thực tế rằng con người đại diện cho giá trị cao nhất trên thế giới. Con người là trung tâm của mọi tư tưởng và hành động. Phật giáo quan niệm Đạo pháp có nghĩa là một trật tự đúng đắn trong quan hệ của con người. Trên

6. Ambedkar, B.R; Te Buddha and his Dhamma, PES (Bombay) 1957, p.301.

thực tế, giáo pháp, là sự công bình, có nghĩa là mối quan hệ đúng đắn giữa con người và con người trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống.7 Hơn nữa, đạo đức là bản chất của Pháp. Đạo đức trong Đạo pháp phát sinh từ sự cần thiết trực tiếp của con người để yêu con người, vì lợi ích của mình mà con người phải yêu con người8. Pháp cũng bao gồm Trí tuệ và Từ bi. Phật giáo không chỉ giáo dục những giáo lý như nêu ở trên, Phật giáo còn chú trọng giáo dục những nội dung phù hợp với đạo đức xã hội. Phật giáo qui định những nhiệm vụ, bổn phận của cư sĩ nhằm đề cao đạo đức xã hội, trách nhiệm của con người trong các mối quan hệ giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái; thầy và trò; bạn bè và đồng nghiệp… Các mối quan hệ này được dựa trên đạo đức chân nghĩa của đồng loại, tinh thần công lý cao quý và tinh thần hợp tác đạo đức của con người. Theo Phật giáo, tám khái niệm hình thành con đường (bát chính đạo) có tầm quan trọng lớn về mặt xã hội học. Tinh thần đạo đức được rao giảng thông qua điều này là định hướng hành động và năng động. Sự kết thúc cuối cùng của cuộc sống chính là sự giải thoát, có nghĩa là chấm dứt khỏi những đau khổ, nhưng ý nghĩa sâu xa trong sự giáo dục này là nó không bao giờ cho phép một người từ bỏ trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội của mình. Điều dễ dàng nhận thấy là Phật giáo đặt cuộc sống của con người trong toàn bộ xã hội, điều này được minh chứng qua hầu hết các bài pháp thoại của Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp nhằm mục đích là để giải phóng nhân loại khỏi đau khổ. Pháp không chấp nhận sự thờ ơ đối với trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội. Trái lại, Pháp luôn giáo dục con người đi theo con đường đúng đắn và khắc sâu những giá trị và đức tính tốt đẹp của con người vào chính họ. Từ giáo lý Phật giáo, mỗi cá nhân phải tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả nhằm phục vụ đồng loại và xã hội. Phật giáo dạy con người phải 'Hành xử đúng đắn', 'Trí Tuệ', 'Giới Hạnh', và 'Chánh Định'. Từ đó, con người có thể dễ dàng

7. Kanchan Saxena, Phương pháp tiếp cận đạo đức Phật giáo đối với các xã hội bền vững, in trong "Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2019: Phật giáo và Giáo dục đạo đức toàn cầu", Nxb. Hồng Đức, 2019, tr. 82. 8. Kanchan Saxena, tr. 82.

chấm dứt những đau khổ, được giải thoát và được tới Niết bàn. Lối sống của Phật giáo tập trung toàn bộ vào đạo đức xã hội và kỷ luật tâm linh”9. Mục tiêu giáo dục của Phật giáo là giáo dục con người. Phật giáo chủ trương có ba tính thiện, bất thiện, vô ký, bản chất con người là duyên khởi và vô ngã. Con người là một hữu thể có đặc tính như vậy. Phật giáo là một hệ thống giáo dục rất đặc biệt, nhắm đến mục tiêu đặc biệt. Giáo dục Phật giáo muốn giúp con người có hạnh phúc đích thực, biết tu tập, chuyển hóa tham, sân, si; biết thanh lọc các pháp tham, sân, si thành thiện pháp vô tham, vô sân, vô si; biết chuyển hóa phiền não thành bồ đề; biết vun trồng và chăm bón những hạt giống chính niệm ở trong tâm thức của mỗi con người. Mục tiêu giáo dục Phật giáo hướng đến là giúp tất cả các Tăng ni, Phật tử tại gia theo Phật là để đạt được thanh tịnh tâm ý, để đạt đến trạng thái giải thoát, trạng thái niết bàn. Đức Phật đã nêu rõ “Cũng như nước biển chỉ có một vị là vị mặn, này Paharada, Pháp và Luật của ta chỉ có một vị, là vị giải thoát”10. Phật giáo quan niệm hạnh phúc chỉ đến thật sự khi giải thoát đồng nghĩa với tinh thần vô ngã, tâm linh con người thoát khỏi tham, sân, si… bỏ qua tất cả phiền não và an vui trong cảnh giới Niết bàn. “Mục tiêu của giáo dục vẫn là mưu cầu hạnh phúc. Hạnh phúc, theo Phật giáo, chính là sự giải thoát tối hậu”. Giải thoát đồng nghĩa với vô ngã, vô tham, vô sân, vô si, thoát khỏi luân hồi, tuyệt đối an tịnh Niết bàn. Giúp con người có cái nhìn chính kiến vô lậu, giải thoát, cái nhìn duyên khởi, vô ngã, Đức Phật dạy: “Đây là khổ đau, đây là nguyên nhân của khổ đau, đây là sự diệt khổ và đây là con đường đưa đến sự diệt khổ”. Là con người, nếu có cái nhìn đúng đắn thì chúng ta phải tự tu tập để có thể chuyển hóa tham, sân, si thành vô tham, vô sân, vô si, và chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc đích thực ngay trong cuộc sống này. Hạnh phúc của giải thoát có nhiều cấp độ, cũng như giải

9. Kanchan Saxena, tr. 84. 10. Trần Thị Hoài Hương, Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội, 2016, tr. 23.

thoát có nhiều cấp độ mà người ta có thể kinh nghiệm được trong đời sống hằng ngày. Nếu một người xóa bỏ được sự chấp ngã, tham, sân, si, giữ tâm an tịnh được chừng nào thì người ấy sẽ cảm nhận được hạnh phúc chừng ấy. Đây là một thực tế mà một người có thể kiểm chứng qua việc hồi tưởng lại những kinh nghiệm giải thoát từng phần hoặc từng lúc của mình trong đời sống hằng ngày. Đó có thể coi là một ý hướng về hạnh phúc trong hiện tại và trong tương lai. Giải thoát khổ đau có nhiều cấp độ như: giải thoát khỏi sự ngu muội, lòng thù hận, sự nghèo khó, một cơn bệnh, một sự bất công, áp bức, nô lệ... Giải thoát ở đây là sự giải thoát từng phần, tương đối, đồng nghĩa với sự giải phóng, sự cải thiện, phát triển... Từ đó, tiến đến sự giải thoát tối hậu là Niết bàn. Trong ý nghĩa này, mục tiêu của giáo dục Phật giáo cũng bao gồm nhiều cấp độ: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa; đấy là đi từ các mục tiêu trước mắt đến mục tiêu tối hậu, tức giải thoát trọn vẹn. Giáo dục Phật giáo không phải là phương tiện để thực hiện địa vị và quyền thế và cũng không phải là nghề nghiệp để mưu cầu sinh sống, mà phải là cứu cánh để thực hiện chí nguyện độ sanh và

để giải thoát khổ đau. Giải thoát ở đây có thể hiểu là có nhiều khía cạnh, giải thoát từng phần, giải thoát từng cấp độ như giải thoát con người ra khỏi sự thù hằn, ngu dốt, bất công, nghèo đói, bệnh tật, nô lệ, áp bức,... và giải thoát cao nhất vẫn là giải thoát khổ đau. Thượng tọa Thích Chơn Thiện nói về mục tiêu giáo dục Phật giáo "một đường hướng giáo dục tốt luôn luôn nhắm đến hai mục tiêu đó là đào tạo con người xã hội và con người chính nó. Nếu thiếu đi một trong hai mục tiêu ấy là một nền giáo dục không hoàn chỉn- h"11. Giáo dục con người xã hội trong mối tương quan biện chứng hai chiều giữa cá nhân và xã hội, tạo thành động lực giữa xã hội hỗ tương và phát triển. Tức là nền giáo dục trong đó bao gồm sự phát triển tâm linh, sự quan hệ huyết thống và sự quan hệ xã hội trong những chuẩn mực nhất định. Giáo dục con người cá nhân là nhắm

11. Trần Thị Hoài Hương, Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội, 2016, tr. 25.

vào các đặc tính sẵn có và đánh thức những gì tiềm ẩn trong con người trỗi dậy. Giáo dục Phật giáo hướng đến giúp con người biết phát triển tâm linh cao thượng, biết nuôi dưỡng tinh thần độc lập tự do, tự chủ và tự do sáng tạo. Tự do có nghĩa là thân và tâm không bị ràng buộc bởi các tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Các phiền não này là những khổ đau. Giáo dục Phật giáo còn giúp con người có niềm tin vững chãi, không sợ hãi, không sợ kẹt vào các thành kiến, định kiến, các tín điều và giáo điều, tin vào ý nghĩa thiện, lời nói thiện và việc làm thiện của chính bản thân mình. Mục tiêu của giáo dục Phật giáo còn là xây dựng con người hữu ích, hạnh phúc, có nhân cách tốt, con người chân thiện mỹ, có một đời sống trọn vẹn hạnh đức, tâm đức và tuệ đức để con người đó có thể góp phần xây dựng một nếp sống tốt đạo, đẹp đời và xây dựng một nền văn hóa văn minh cho nhân loại. Đào tạo những con người có kiến thức sống động, những tâm tư mới lạ, sáng suốt, có tính sáng tạo, biết khơi dậy và đánh thức những hạt giống hạnh phúc và giác ngộ nơi tự thân, những con người có tấm lòng tương trợ, tương thân, tương ái, tương kính, có tình yêu nhân loại. Giá trị của giáo dục Phật giáo là hướng đến sự phát triển toàn diện của con người qua các mặt của đời sống, đặc biệt là tâm thức, nhằm kiến tạo một đời sống trí tuệ và hạnh phúc thật sự trong cuộc đời này.12 3. Vai trò giáo dục đạo đức của Phật giáo Qua hàng thiên niên kỷ, Phật giáo có bề dày lịch sử trong việc xây dựng tư tưởng và hành động theo chuẩn mực đạo đức Phật giáo. Mặc dù điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội ngày nay khác xa với thời Phật còn tại thế, nhưng đạo đức Phật giáo vẫn là công cụ hữu ích để mọi người tham gia vào các thách thức thời đại. Giáo dục Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc nhắm đến việc chuyển hóa bản chất con người trở thành một hình thức cao

12. Trần Thị Hoài Hương, Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội, 2016, tr. 24-31.

nhất thông qua sự hoàn thiện về mặt đạo đức, trí tuệ và tinh thần. Ba năng lực hoàn hảo của cuộc sống chắc chắn dẫn dắt con người vượt qua hạnh phúc trần tục mà chính điều đó là thành tựu cao nhất mà tất cả chúng ta đều tìm kiếm. Do đó, giáo dục Phật giáo dựa trên nhu cầu tâm lý chính của tất cả chúng sinh (Rahula, 2015).13 Giáo lý của Đức Phật không phải là một triết lý suông được thiết kế chỉ để sắp xếp lại các khái niệm trong tư tưởng con người, mà chúng là một hành vi sinh động của lòng từ bi nhằm mục đích chỉ cho chúng ta cách mở rộng tâm hồn của chúng ta với sự nhiệm màu của nhận thức - nhận thức của chính chúng ta giữa nhận thức của những người khác thông qua sự suy nghĩ và kinh nghiệm tu tập giống nhau. Mục đích cuối cùng của các lời dạy trong kinh sách Phật giáo về giáo dục hoạt động như một quá trình nhận thức. Phật giáo dẫn khởi quan điểm đúng đắn (Chánh kiến); suy nghĩ đúng đắn (Chánh tư duy), lời nói đúng đắn (Chánh ngữ), hành động đúng đắn (Chánh nghiệp), sinh kế đúng đắn (Chánh mạng), nỗ lực đúng đắn (Chánh tinh tấn), chánh niệm và tập trung tinh thần đúng đắn (Chánh định) là những công cụ quan trọng để phát triển nhân cách. Tám hình thức này cũng có thể được hiểu là những bước chuyển hóa hành vi và những bước này sẽ góp phần nuôi dưỡng lối sống có giáo dục tốt trong đời sống xã hội của con người. Phật giáo thể hiện những ý tưởng rằng kiến thức và năng lực của con người phải được sử dụng cho sự thịnh vượng của nhân loại, cho sự ổn định và phát triển của xã hội. Từ quan điểm giáo dục đạo đức, Phật giáo chủ trương tầm quan trọng của bình đẳng và dân chủ theo Phẩm cấp. Các thành viên của Tăng đoàn có thể được coi là một hình mẫu mẫu mực trong trật tự xã hội cũng như biểu tượng của nền dân chủ trong Phật giáo. Đối tượng cuối cùng của giáo dục Phật giáo là nhằm đạt được tự do: Tự do tư duy, tự do ý chí, tự do ngôn ngữ, tự do tư tưởng tôn giáo, v.v... Đức Phật khẳng định rằng sự tôn trọng và

13. Edi Ramawijaya Putra, Nhìn lại những giá trị giáo dục Phật giáo và nâng cao nhận thức toàn cầu hiện nay như là những hiểu biết sâu sắc tự định hướng của các nhà sư phạm đối với thực tiễn sư phạm, in trong “Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2019: Phật giáo và Giáo dục đạo đức toàn cầu”, Nxb. Hồng Đức, 2019, tr. 222.

tôn kính trong xã hội sẽ được trao tặng dựa trên cơ sở những phẩm chất và hành vi đạo đức và luân lý của một người. Sự phát triển của nhân cách là một yếu tố chính của hệ thống giáo dục. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc trau dồi sự tự tin, tự lực, tự quyết, tự trọng và tự kiểm soát. Các nguyên tắc giáo dục của Phật giáo dạy thực tế rằng một vị A la hán là người có trình độ học vấn cao nhất vì vị ấy không bị phiền não và được hưởng hạnh phúc tinh thần cao nhất. Phật giáo thúc đẩy mỗi người trên trái đất nên đạt được mục tiêu này. Phật giáo đã khuyên khi ai đó tham gia vào việc thực hành giáo dục, hành giả không nên bám víu vào quan điểm giáo điều và người thực hành giáo dục nên có tư duy phê phán và suy nghĩ phê phán về toàn bộ vòng đời.14 * Giáo dên bám víu vào quan điểm giáo điều và người thực hành giáo dục nên có tư duy phê phá Đạo Phật dạy con người làm lành tránh dữ. Mọi việc mang tính thiện thì dốc sức thực hành, trong đó điều cốt yếu là giữ tâm ý trong sạch để không bị những

phiền não quấy nhiễu. Bản chất của giáo lý Phật giáo là chỉ ra cái khổ, nguyên nhân của nỗi khổ, niềm vui khi đoạn diệt khổ và con đường đoạn tận khổ đau. Một mặt, Phật giáo chỉ rõ con đường khổ đau của con người để giúp con người tránh khổ, mặt khác Phật giáo răn dạy, khích lệ con người hành thiện để giảm bớt khổ đau. Đồng thời, Phật giáo dạy con người sống có ý thức, trách nhiệm, không ỷ lại, không chạy trốn, không đổ lỗi, không quỵ lụy van xin. Đức Phật dạy con người là chủ nhân của chính mình, là hòn đảo của chính mình. Vì vậy khổ đau hay hạnh phúc là do chính mình quyết định. "Hãy sống tự mình làm hòn đảo của chính mình, này các Tỷ kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác"15. Đây là 14. Dissanayake Mudiyanselage Kasun Dharmasiri, Vai trò của đạo đức Phật giáo trong giáo dục, in trong "Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2019: Phật giáo và Giáo dục đạo đức toàn cầu", Nxb. Hồng Đức, 2019, tr. 49-51. 15. Thích Minh Châu, Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Kinh Tương Ưng bộ, Phẩm Tự mình làm hòn đảo, tập 1, Nxb. Tôn giáo, 2013, tr. 673.

tinh thần giáo dục rất lành mạnh và tích cực đối với việc giáo dục một con người tốt cả mặt cá nhân và mặt xã hội. Trên nền tảng giáo lý đó, tính thiện trong đạo đức Phật giáo xuất hiện. Thiện (akusa), như được định nghĩa trong kinh sách, là lành, tốt, có đạo đức; thuận theo đạo lý, có ích cho mình và cho người; là trạng thái tiêu diệt ác pháp. "Từ bỏ sát sinh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiên là thiện"16. Quả của thiện là sự an lạc thân tâm. Ngược với thiện là ác, bất thiện (akusala) chính là ác pháp. "Sát sinh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện"17. Quả báo của bất thiện là sự khổ đau trong tâm hồn. Với quan niệm như vậy, có thể thấy xuyên suốt toàn bộ giáo lý tư tưởng Phật giáo chính là hướng con người thực hành "thiện", thể hiện rõ nét nhất ở trong giới luật Phật giáo. * Vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo trong việc giáo dục lòng từ bi cho con người Lòng từ bi, bác ái là điểm nổi bật của giáo lý Phật giáo khuyên con người sống có đạo đức, có tình thương yêu, không phân biệt đối với mọi người và mọi loài. Theo Phật giáo thì Từ nghĩa là hiền lành, thẳng thắn, là làm vui cho người và vật, thể hiện lòng khoan dung độ lượng; Bi là thương xót, đồng cảm với người hay vật, khi thấy họ đau khổ, gặp hoạn nạn và cố cứu họ ra khỏi hoàn cảnh ấy. Từ bi là đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người, mọi loài, và cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh, quên những lợi ích của bản thân. "Từ là yêu quý chúng sinh và ban cho họ sự an vui (dữ lạc). Bi là đồng cảm sự đau khổ của chúng sanh, xót thương và trừ diệt sự đau

16. Thích Minh Châu, Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành, 1991, tr. 133. 17. Thích Minh Châu, Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành, 1991, tr. 112.

khổ (bạt khổ) của họ, gọi chung là Từ bi. Lòng bi của đạo Phật là trạng thái đồng tâm đồng cảm, lấy sự khổ đau của chúng sinh làm sự khổ đau của mình. Vì thế nên gọi là đồng thể đại bi. Lại vì lòng Bi của Phật rộng lớn vô tận cho nên gọi là Vô cái đại bi"18. Quan điểm từ bi, bác ái của Phật giáo được thể hiện qua các điểm sau: Một là, Phật giáo đem tình yêu thương, bình đẳng đến với mọi người; hai là, Phật giáo đề cao con người và giải thoát con người khỏi khổ đau; ba là, Phật giáo đào tạo con người "Từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha". * Vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo trong việc dạy con người Tu tâm Theo Phật giáo "nhất thiết duy tâm tạo", mọi sự việc đều do tâm tạo ra. An lạc hay khổ đau cũng từ tâm, bởi tâm. Đó chính là tâm sanh diệt, thay đổi luôn luôn, thường do tham sân si chi phối, thúc đẩy, điều khiển, cho nên con người thường tạo nghiệp bất thiện nhiều hơn là nghiệp thiện. Trong giáo lý Phật giáo thì Tâm của con người vô cùng quan trọng vì nó diễn tả nhân cách của một con người. Tâm biểu lộ tư cách, hình tướng, thái độ... Do vậy, Phật giáo giáo dục con người phải biết tu tâm. Suy cho cùng tu tâm chính là thực hành Bát chánh đạo. Có thể nói, tư tưởng cơ bản của đạo đức Phật giáo suy cho cùng là hướng đến hoàn thiện nhân cách con người, góp phần xây dựng một xã hội lành mạnh, phát triển ổn định. * Vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo trong cân bằng môi trường tự nhiên và xã hội Vai trò này của giáo dục đạo đức Phật giáo được thể hiện qua giáo lý Trung đạo. Cân bằng giữa môi trường tự nhiên và xã hội là sự kết hợp hài hòa và hợp lý giữa các lĩnh vực phát triển kinh tế đi đôi với việc xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường, là biện chứng giữa thế hệ hiện tại và tương lai. Công bằng và tiến bộ xã hội cũng vậy. Đó là sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường sống với việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, là phát triển văn hóa đi đôi

18. Thích Quảng Độ dịch, Phật Quang Đại Từ Điển 6, Nxb. Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, tr. 6597-6598.

với sự phát triển kinh tế xã hội. Điều này trong triết học Trung Hoa gọi là luật quân bình, trung dung giữa âm và dương và trong đạo Phật gọi là con đường Trung đạo. Trong Tiểu thừa, Bát chánh đạo được xem là trung đạo vì thực hành Bát chính đạo, hành giả vừa xa lánh đời sống dục lạc và đời sống khổ hạnh, thoát khỏi Khổ. Thái độ này được Đức Phật dạy trong Kinh Chuyển Pháp Luân: "Này các Tỷ kheo, có hai điều thái quá, người xuất gia không nên theo. Một là mê đắm dục lạc, hạ liệt, phàm phu, không xứng Tánh hạnh, không thiệt lợi đạo. Hai là tu khổ hạnh, khổ đau, không xứng Tánh hạnh, không thiệt lợi đạo. Này các Tỷ kheo, chính nhờ từ bỏ hai điều thái quá này, Như Lai giác ngộ trung đạo, con đường đem đến pháp nhãn, trí huệ đưa lại an tịnh, thượng trí, chứng Niết bàn. Này các Tỷ kheo, trung đạo do Như Lai giác ngộ, đem đến pháp nhãn, trí huệ đưa lại an tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết bàn là gì? Chính là Bát chánh đạo: chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định" [Kinh chuyển pháp luân]. Trung đạo ở đây là thái độ từ bỏ hai quan điểm cực đoan thế giới là trường tồn hay hoại diệt, thế giới là có (hữu) hay không có (vô). Con đường trung đạo là con đường từ bỏ hai cực đoan khoái lạc và khổ

hạnh. Khoái lạc thái quá sẽ dẫn đến đời sống thấp hèn, phàm tục. Ngược lại, đời sống khổ hạnh, khắc nghiệt thái quá sẽ dẫn đến sa sút về tinh thần, suy giảm trí tuệ. Xã hội phát triển không chỉ thể hiện ở sự hài hòa giữa môi trường tự nhiên, xã hội và bảo vệ môi trường, mà chúng còn được thể hiện ở sự phối hợp nhịp nhàng, hài hòa trong suy nghĩ, lời nói và hành động. Đó là Bát chánh đạo. Con đường trung đạo đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại, vừa tạo khả năng thỏa mãn nhu cầu của thế hệ tương lai, không chỉ bảo vệ môi trường sinh thái mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, là quá trình không ngừng tăng sản xuất, đồng thời khai thác hợp lý và tiết kiệm nguồn tài nguyên v.v... * Vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo trong việc xem con người là trọng tâm, đề cao vai trò và vị trí con người

90 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Có thể nói giá trị lớn nhất trong đạo đức Phật giáo là đề cao vị trí và vai trò của con người, xác định "con người là tâm điểm của xã hội loài người". Phật giáo khẳng định tất cả mọi người đều có Phật tính, mọi người sẽ đạt được hạnh phúc nếu thực hành điều thiện, lánh xa điều ác, chuyên cần trau dồi đạo đức trong cuộc sống của chính mình. Đức Phật cho rằng: con người đóng vai trò quyết định trong quá trình giác ngộ và giải thoát. Con người có thể thay đổi số phận của mình. Khi mê thì con người đau khổ, nhưng khi bắt đầu nhận biết mình mê thì con người có thể tự làm chủ lấy mình. Với ý nghĩa này Phật giáo đã thực hiện một cuộc cách mạng lớn, chuyển hướng từ tư duy sang tìm kiếm niềm tin ở chính con người chứ không phải ở một hay nhiều vị thần. Phật giáo đã đưa ra một hướng tiếp cận mới về con người, đặt con người ở vị thế trung tâm trong các mối quan hệ xã hội. Chính vì vậy, muốn phát triển xã hội bền vững thì không thể nào không nhắc đến vai trò then chốt của con người. * Vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo trong việc kêu gọi con người hành thiện tránh ác, vô ngã vị tha, mang tình thương, bình đẳng đến với mọi người. Chính vì lòng từ bi, nhân ái của Đức Phật mà Ngài cảm nhận và đau xót trước nỗi khổ trầm luân của chúng sinh. Do đó Đức Phật đã quyết định từ bỏ địa vị, quyền lực, sự giàu sang, tình thâm rời khỏi hoàng cung mà vào rừng sâu tu tập, giác ngộ và cứu muôn loài. Đức Phật nói: "Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành". Lời nói đó như mang một thông điệp về tinh thần dân chủ, bình đẳng trong đạo đức Phật giáo. Trong thời đại ngày nay, con người đang sống trong bối cảnh tham vọng tiền tài, địa vị, danh vọng, quyền lực với những mâu thuẫn, xung đột khó dung hòa. Nếu vận dụng những giá trị nhân văn của đạo đức Phật giáo vào cuộc sống sẽ có thể góp phần kết nối con người xích lại gần với nhau hơn, giúp con người sống tri túc, có giới hạn và biết đấu tranh chống những tư tưởng không lành mạnh, giúp con người biết yêu thương lẫn nhau và tha thứ cho nhau. Đạo đức Phật giáo có thể sẽ giúp ích trong vấn đề này.

VAI TRÒ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM 91

* Vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo trong việc đề cao tinh thần phản tỉnh tự giác con người Phật giáo thiên về nội tâm, phản tỉnh hơn là xử lý các quan hệ bề ngoài. Cho nên Phật giáo phát huy tối đa tính tự chủ cá nhân trong việc thực hành các quy tắc đạo đức. Sự phán xét của đạo đức là nghiệp báo, nghiệp quả, nó điều chỉnh đạo đức của

mỗi người theo quy luật nhân - quả. Mặt khác Phật giáo cũng không thừa nhận sự sáng tạo của một đấng siêu nhiên nào, mọi giá trị luân lý, đạo đức đều diễn ra trong thế giới nhân sinh chứ không phải do một thế lực nào chi phối. Nếu con người biết tự nhìn lại chính mình thì có thể hạn chế tối đa những tiêu cực mà con người đã gây ra. Con người biết làm chủ cảm xúc, lời nói, suy nghĩ và hành động sẽ làm cho con người trở nên hài hòa với nhau. Đó cũng là yếu tố quan trọng cho sự phát triển ổn định của xã hội. * Vai trò của giáo dục đạo đức Phật giáo trong việc đề cao việc rèn luyện trí tuệ và giải thoát con người Mục tiêu tối hậu của đạo đức Phật giáo chính là giải thoát, là chấm dứt hết mọi khổ đau xuất phát từ "vô minh". Trong Bát chánh đạo Đức Phật đã dạy thì Chánh kiến là đứng đầu tiên. Điều này nói đến yếu tố trí tuệ là kim chỉ nam cho sự giải thoát. Đức Phật đã từng nói rằng: "Như Lai chỉ là người chỉ đường, mỗi người phải tự đi đến, không ai đi thế cho ai được". Đó là con đường của tự lực mỗi người. "Này các Tỷ kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác"19. Vai trò của trí tuệ đưa đến sự giải thoát, giác ngộ, nhận chân đúng sai, biết lắng nghe, chia sẻ để sống tốt hơn. Nhờ có trí tuệ nên con người hiểu rõ vô thường, vô ngã, hiểu rõ cần làm gì để phát triển xã hội bền vững, hiểu rõ cần làm gì để có sự hài hòa giữa mọi người với nhau trong xã hội, sự hài hòa giữa con người với tự nhiên trong quá trình lao động sản xuất.

19. Thích Minh Châu, Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Kinh Tương Ưng bộ, Phẩm Tự mình làm hòn đảo, Nxb. Tôn giáo, 2013, tr. 673.

Như vậy, đạo đức Phật giáo có vai trò rất quan trọng đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của con người Việt Nam hiện nay. Đạo đức Phật giáo nổi bật với tư tưởng về hành thiện, từ bi, đem tình yêu thương đến với mọi người, tu tâm, và xây dựng xã hội bền vững, đã định hướng cho lý tưởng sống con người và trở thành kim chỉ nam hướng con người đến Chân – Thiện – Mỹ. Chính vì vậy, mà con người đã tìm thấy ở đạo đức Phật giáo một nơi để gửi gắm niềm tin, một niềm an ủi tinh thần che chở họ trước những cám dỗ và thử thách của cuộc đời. Phật giáo luôn đề cao và ca ngợi những giá trị cao quý của lòng nhân ái, tình yêu thương con người, đặc biệt là lối sống hài hòa giữa mọi người với nhau trong xã hội và giữa con người với tự nhiên, tạo sự phát triển xã hội bền vững. Sự phát triển bền vững của một đất nước, đó chính là quá trình phát triển kinh tế dựa vào nguồn tài nguyên được tái tạo, tôn trọng những quá trình sinh thái cơ bản, sự đa dạng sinh học và những hệ thống trợ giúp tự nhiên đối với cuộc sống của con người, của động vật, thực vật, đồng thời nỗ lực hòa giải kinh tế với môi trường, và quan trọng nhất là nhân tố bình đẳng, công bằng và dân chủ trong xã hội. Một đất nước được xem là phát triển khi hội đủ nhiều yếu tố như: xã hội phải dân chủ, công bằng và văn minh, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng và tiến bộ xã hội, xóa đói giảm nghèo, môi trường không ô nhiễm v.v... Phật giáo lấy con người làm trung tâm để thấu hiểu nỗi khổ của con người và tìm cách giải thoát con người khỏi nỗi khổ đó. Với phương châm "từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha", Phật giáo hướng con

người đến một lối sống nhân bản biết yêu thương, đem niềm vui và quan tâm đến với mọi người mà quên mình, hướng con người biết cảm thông với những người có hoàn cảnh khó khăn, biết sống vì người khác, tiến tới xây dựng một xã hội nhân ái, lành mạnh và phát triển bền vững.20

20. Thích Huệ Đạo, Đạo đức Phật giáo với việc phát triển xã hội Việt Nam bền vững, in trong "Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2019: Phật giáo và Giáo dục đạo đức toàn cầu", Nxb. Hồng Đức, 2019, tr. 103-108.

VAI TRÒ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM 93

III. NHẬN XÉT - KẾT LUẬN Qua nội dung giáo lý Phật giáo cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục đạo đức Phật giáo trong cuộc sống hiện nay. Đạo Phật giáo dục con người sống thiện tâm, làm điều lành, tránh điều ác, sống yêu thương đùm bọc nhân loại. Những giáo lý của Phật giáo, nội dung đạo đức của đạo Phật góp phần tạo nên sự ổn định và phát triển của xã hội. Trong quá trình du nhập và phát triển ở Việt Nam, Phật giáo đã và đang có nhiều đóng góp rất tích cực vì sự bình yên và phát triển của xã hội trên nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh hiện nay, để phát huy tốt hơn nữa vai trò của Phật giáo, giáo dục Phật giáo nói chung, giáo dục về đạo đức của Phật giáo nói riêng phải đáp ứng một số các yêu cầu sau: Thứ nhất, giáo dục Phật giáo phải thể hiện được bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam; Thứ hai, giáo dục Phật giáo phải thể hiện tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Giáo dục Phật giáo cần chuyển tải tư tưởng "đem đạo vào đời", bằng tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Thứ ba, giáo dục Phật giáo phải thể hiện những cốt tủy của giáo lý Phật giáo. Thứ tư, giáo dục phải luôn đổi mới về tư duy, phương pháp đáp ứng kịp sự thay đổi nhanh chóng, mạnh mẽ của xã hội hiện đại hiện nay.

***

94 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Tài liệu tham khảo Ambedkar, B.R; Te Buddha and his Dhamma. PES (Bombay), 1957. Thích Minh Châu, Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Kinh Tương Ưng bộ, Phẩm Tự mình làm hòn đảo, tập 1, Nxb. Tôn giáo, 2013. Thích Minh Châu, Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành 1991. Đoàn Trung Còn, Phật học từ điển, quyển 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1997. Thích Huệ Đạo, Đạo đức Phật giáo với việc phát triển xã hội Việt Nam bền vững, in trong "Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2019: Phật giáo và Giáo dục đạo đức toàn cầu", Nxb. Hồng Đức, 2019. Dissanayake Mudiyanselage Kasun Dharmasiri, Vai trò của đạo đức Phật giáo trong giáo dục, in trong "Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2019: Phật giáo và Giáo dục đạo đức toàn cầu", Nxb. Hồng Đức, 2019. Thích Quảng Độ dịch, Phật Quang Đại Từ Điển 6, Nxb. Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000. Edi Ramawijaya Putra, Nhìn lại những giá trị giáo dục Phật giáo và nâng cao nhận thức toàn cầu hiện nay như là những hiểu biết sâu sắc tự định hướng của các nhà sư phạm đối với thực tiễn sư phạm, in trong "Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2019: Phật giáo và Giáo dục đạo đức toàn cầu", Nxb. Hồng Đức, 2019. Học viện Chính trị quốc gia, Giáo trình đạo đức học, Nxb.

Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Từ điển Bách khoa Việt Nam 1 (A-Đ), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2000.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY NCS. ĐĐ. Thích Huệ Đạo*

MỞ ĐẦU Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn của thế giới. Trải qua hơn 2.000 năm lịch sử hiện diện và đồng hành với dân tộc Việt Nam, đạo Phật đã trở thành tôn giáo của dân tộc. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Phật giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp đáng kể đối với sự phát triển của dân tộc trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về lĩnh vực giáo dục đạo đức. Có thể nói, Phật giáo được xem là một trong những nhân tố quan trọng góp phần định hình nên các quan niệm, chuẩn mực và hệ giá trị đạo đức trong xã hội. Tư tưởng về đạo đức nhân sinh của Phật giáo là một tư tưởng xuyên suốt và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Đất nước Việt Nam ngày nay đang trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam, tư tưởng chủ đạo cho mọi hoạt động. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập, thì ảnh hưởng của cơ chế tập trung quan liêu bao

*. Nghiên cứu sinh Tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

cấp vẫn còn tồn tại, xuất hiện nhiều hiện tượng tham nhũng, sự suy thoái về đạo đức của một bộ phận cán bộ đảng viên, đạo đức truyền thống của dân tộc cũng bị lai căn, xuống dốc v.v... “Đạo đức ở một bộ phận nhân dân, đặc biệt là ở tầng lớp thanh thiếu niên đang có xu hướng “trượt dốc”1. Đây là tín hiệu “báo động đỏ” trong đời sống đạo đức ở nước ta hiện nay. Trước thực trạng trên, theo tôi đạo đức Phật giáo có thể giúp xã hội giải quyết những điều đó. Đạo Phật giúp con người thay đổi cách suy nghĩ, lời nói, hành động theo con đường chánh đạo. Ngày nay hệ thống giáo dục Phật giáo nói chung và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đã có bước phát triển đột phá từ nội dung đến hình thức, từ lý luận sang thực tiễn để thực hiện chức năng xã hội – giáo dục đạo đức của mình. Điều đó tạo niềm tin vững chắc không chỉ trong giới Tăng Ni, Phật tử nói riêng mà còn ở nhân dân trong và ngoài nước nói chung. Vì vậy tôi chọn vấn đề “Giáo dục đạo đức Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay” làm đề tài tham luận của mình trong Hội thảo Phật học Việt Nam thời cận đại 2019. 1. KHÁI NIỆM ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO 1.1. Khái niệm đạo đức Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam thì “đạo đức là một trong những hình thái sớm nhất của ý thức xã hội bao gồm những chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ với người khác và với cộng đồng (gia đình, làng xóm, giai cấp, dân tộc hoặc toàn xã hội). Căn cứ vào những chuẩn mực ấy, người ta đánh giá hành vi của mỗi người theo các quan niệm về thiện và ác, về cái không được làm (vô đạo đức) và về nghĩa vụ phải làm. Khác với pháp luật, các chuẩn mực đạo đức không ghi thành văn

bản pháp quy có tính cưỡng chế, song đều được mọi người thực hiện do sự thôi thúc của lương tâm cá nhân và của dư luận xã hội. Đạo đức ra đời và phát triển là do nhu cầu của xã hội phải điều tiết mối quan hệ

1. Nguyễn Đình Tường (2006), "Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trước tác động của toàn cầu hóa", Triết học, số 5, tr. 29.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 97

giữa các cá nhân và hoạt động chung của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tính đạo đức biểu hiện bản chất xã hội của con người, là nét cơ bản trong tính người, sự tiến bộ của ý thức đạo đức là cái không thể thiếu được trong sự tiến bộ chung của xã hội. Đạo đức là một hiện tượng lịch sử, và xét cho cùng là sự phản ánh của các quan hệ xã hội. Có đạo đức của xã hội nguyên thủy, đạo đức của chế độ chủ nô, đạo đức phong kiến, đạo đức tư sản, đạo đức cộng sản. Lợi ích của giai cấp thống trị là duy trì và củng cố những quan hệ xã hội đang có; trái lại giai cấp bị bóc lột tùy theo nhận thức về tính bất công của những quan hệ ấy mà đứng lên đấu tranh chống lại và đề ra quan niệm đạo đức của riêng mình. Trong xã hội có giai cấp, đạo đức có tính giai cấp. Đồng thời đạo đức cũng có tính kế thừa nhất định. Các hình thái kinh tế - xã hội thay thế nhau, nhưng xã hội vẫn giữ lại những điều kiện sinh hoạt, những hình thức cộng đồng chung. Tính kế thừa của đạo đức phản ánh "những luật lệ đơn giản và cơ bản của bất kỳ cộng đồng người nào" (Lênin). Đó là những yêu cầu đạo đức liên quan đến những hình thức liên hệ đơn giản giữa người với người. Mọi thời đại đều lên án cái ác, tính tàn bạo, tham lam, hèn nhát, phản bội, v.v... và biểu dương cái thiện, sự dũng cảm, chính trực, độ lượng, khiêm tốn... "không ai nghi ngờ được rằng nói chung đã có một sự tiến bộ về mặt đạo đức cũng như về tất cả các ngành tri thức khác của nhân loại" (Engels). Quan hệ giữa người với người ngày càng mang tính nhân đạo hơn. Ngay trong xã hội nguyên thủy đã có những hình thức đơn giản của sự tương trợ và không còn tục ăn thịt người. Với sự xuất hiện của liên minh bộ lạc và nhà nước, tục báo thù của thị tộc dần dần mất đi. Xã hội chủ nô coi việc giết nô lệ là việc riêng của chủ nô, đến xã hội phong kiến, việc giết nông nô bị lên án. Đạo đức phong kiến bóp nghẹt cá nhân dưới uy quyền của tôn giáo và quý tộc, đạo đức tư sản giải phóng cá nhân, coi trọng nhân cách. "Nhưng chúng ta vẫn chưa vượt được khuôn khổ của đạo đức giai cấp. Một nền đạo đức thực sự có tính nhân đạo, đặt lên trên sự đối lập giai cấp và mọi hồi ức về sự đối lập ấy chỉ có thể có được khi nào xã hội đã tới một trình độ mà trong thực tiễn của đời sống, người ta không những thắng được

98 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

mà còn quên đi sự đối lập giai cấp" (Engels). Đó là trình độ của xã hội tương lai, xã hội cộng sản chủ nghĩa"2. Danh từ "Đạo đức" bắt nguồn từ tiếng Latinh là mos (moris) - lề thói, (moralis nghĩa là có liên quan đến lề thói, đạo nghĩa). Ở phương Đông, các học thuyết về đạo đức của người Trung Quốc cổ đại bắt nguồn từ cách hiểu về đạo và đức của họ. Đạo là một trong những phạm trù quan trọng nhất của triết học Trung Quốc cổ đại. Đạo có nghĩa là con đường, đường đi, về sau khái niệm đạo được vận dụng trong

triết học để chỉ con đường của tự nhiên. Đạo còn có nghĩa là con đường sống của con người trong xã hội. Khái niệm đạo đức đầu tiên xuất hiện trong kinh văn đời nhà Chu và từ đó trở đi nó được người Trung Quốc cổ đại sử dụng nhiều. Đức dùng để nói đến nhân đức, đức tính và nhìn chung đức là biểu hiện của đạo, là đạo nghĩa, là nguyên tắc luân lý. Như vậy có thể nói đạo đức của người Trung Quốc cổ đại chính là những yêu cầu, những nguyên tắc do cuộc sống đặt ra mà mỗi người phải tuân theo. Ngày nay, đạo đức được định nghĩa như sau: "Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh cách đánh giá và cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội"3. 1.2. Khái niệm đạo đức Phật giáo Đức Phật dạy: "Ví như nước biển chỉ có một vị là vị mặn, cũng vậy, này Pahàrada, Pháp và luật của ta chỉ có một vị là vị giải thoát". Ngài còn dạy: "Này các Tỳ kheo, xưa cũng như nay ta chỉ nói lên sự khổ và diệt khổ". Trong lần chuyển pháp luân đầu tiên tại Benares, giảng về Tứ đế, đức Phật xác định đây là khổ, nêu nguyên nhân của khổ, nói đến sự chấm dứt khổ (giải thoát, Niết bàn) và con đường diệt khổ. Thế là Ngài đã tuyên bố mục đích mọi hành động của con người và

2. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2000), Từ điển Bách khoa Việt Nam 1 (A-Đ), Nxb. Từ điển Bách khoa, tr. 738. 3. Học viện Chính trị Quốc gia (2000), Giáo trình đạo đức học, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 816.

giáo lý của Ngài là nhằm giải thoát khỏi khổ đau. Có thể nói toàn bộ giáo lý của đức Phật là một giáo lý đạo đức, hay Phật học là đạo đức, một đạo đức xây dựng trên giải thoát, do một người đã giải thoát truyền dạy, lấy giải thoát làm cứu cánh, lấy giải thoát làm chuẩn mực để đánh giá các hành động. Theo quan niệm của các nhà xã hội học, thì đạo đức được xem là một môn khoa học chuẩn hóa về hạnh kiểm của con người sống trong xã hội. Đạo đức còn được gọi là ngành khoa học để đánh giá hạnh kiểm là tốt hay xấu, đúng hay sai. Về thực tiễn thì đạo đức căn bản được thành lập chủ yếu dựa trên mối quan hệ giữa con người với người. Có thể nói đạo đức là môn học đánh giá hành vi thiện ác của con người thông qua thân khẩu, ý và được thực hiện bởi lý trí, tình cảm và ý chí4. Giá trị phổ quát của đạo đức là lấy sự hy sinh tự kỷ làm tiêu chí, lấy sự quên mình vì người làm căn bản. Thước đo của đạo đức là tâm vị tha, sự cảm thông, lòng trắc ẩn v.v... Theo Phật giáo, đạo đức được hiểu như sau: "Đạo là chánh pháp, đức là đắc đạo, là không làm sai lệch nền chánh pháp", hay "Các chân tính, các nguyên lý tự nhiên là đạo; vào được lòng người, cảm ứng với người là đức. Đạo đức là nền pháp giáo mà người ta nên theo"5. Như vậy, nếu chánh pháp của Phật giáo là chánh pháp về giải thoát thì mọi giá trị đạo đức Phật giáo gắn liền với quá trình giải thoát. Những giáo pháp giúp con người đạt đến cảnh giới Niết bàn trở thành những nguyên tắc đạo đức căn bản của xã hội, do đó, học thuyết đạo đức của Phật giáo được thể hiện qua các phạm trù phổ biến như: thiện – ác, tứ vô lượng tâm, bình đẳng, hiếu đạo v.v... Như vậy đạo đức Phật giáo hình thành trên cơ sở kế thừa các tư tưởng đạo đức trước đó, được hiểu là lấy xa lìa ngã chấp, ngã dục làm tiêu chí, lấy tư tưởng duyên khởi vô ngã làm

chủ đạo. Đạo đức Phật giáo được hiểu một cách khái quát là những giới điều Phật dạy nhằm ngăn chặn những điều ác và phát triển những điều thiện đem

4. Graw Hill Book, London. 5. Đoàn Trung Còn (1997), Phật học từ điển, quyển 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 524.

đến sự an lành và hạnh phúc cho mọi người, mọi loài. Kinh Thiện Sinh là một trong những bài kinh thể hiện tư tưởng đạo đức của Phật giáo trong nhiều mối quan hệ của cuộc sống. 2. TƯ TƯỞNG CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO 2.1. Hành thiện – giá trị chủ đạo của đạo đức Phật giáo Đạo Phật khuyên con người làm lành lánh dữ. Hễ việc nào mang tính thiện thì dốc sức thực hành, cốt yếu là giữ tâm ý trong sạch để không bị những phiền não quấy nhiễu. Trong kinh Pháp Cú 183 đức Phật có nói: “Không làm mọi điều ác Thành tựu các hạnh lành Tâm ý giữ trong sạch Chính lời chư Phật dạy”6. Bản chất của giáo lý nhà Phật là chỉ ra cái khổ, nguyên nhân của nỗi khổ ấy, niềm vui khi đoạn diệt khổ và con đường đoạn tận khổ đau. Do đó đạo Phật một mặt chỉ rõ con đường khổ đau của con người để tránh, vừa khích lệ con người hành thiện để giảm bớt khổ đau. Mặt khác, đạo Phật dạy con người sống có ý thức, có trách nhiệm, không ỷ lại, không chạy trốn, không đổ lỗi, không cầu xin. Đức Phật dạy con người là chủ nhân của chính mình, là hòn đảo của chính mình. Vì vậy khổ đau hay hạnh phúc là do chính mình quyết định. Trong kinh Tương ưng, đức Phật có nói: “Hãy sống tự mình làm hòn đảo của chính mình, này các Tỷ kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác”7. Đây là tinh thần giáo dục rất lành mạnh và tích cực đối với việc giáo dục một con người tốt cả mặt cá nhân và mặt xã hội. Trên nền tảng giáo lý đó, tính thiện trong đạo đức Phật giáo xuất hiện.

6. Thích Minh Châu (2016), Kinh Pháp Cú, Nxb. Phương Đông, tr. 85. 7. Thích Minh Châu (2013), Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Kinh Tương Ưng bộ, Phẩm Tự mình làm hòn đảo, tập 1, Nxb. Tôn giáo, tr. 673.

Thiện (akusa), như được định nghĩa trong kinh sách, là lành, tốt, có đạo đức; thuận theo đạo lý, có ích cho mình và cho người; là trạng thái tiêu diệt ác pháp. “Từ bỏ sát sinh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện”8. Quả báo của thiện là sự an lạc thân tâm. Ngược với thiện là ác, bất thiện (akusala) chính là ác pháp. “Sát sinh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện”9. Quả báo của bất thiện là sự khổ đau trong tâm hồn. Với quan niệm như vậy, có thể thấy xuyên suốt toàn bộ giáo lý tư tưởng Phật giáo chính là hướng con người thực hành “thiện”, thể hiện rõ nét nhất ở trong giới luật Phật giáo. 2.2. Từ bi – giá trị nền tảng của đạo đức Phật giáo Lòng từ bi, bác ái là điểm nổi bật của giáo lý Phật giáo

khuyên con người sống có đạo đức, có tình thương yêu, không phân biệt đối với mọi người và mọi loài. Định nghĩa theo danh từ nhà Phật, Từ nghĩa là hiền lành, thẳng thắn, là làm vui cho người và vật, thể hiện lòng khoan dung độ lượng; Bi là thương xót, đồng cảm với người hay vật, khi thấy họ đau khổ, gặp hoạn nạn và cố cứu họ ra khỏi hoàn cảnh ấy. Từ bi là đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người, mọi loài, và cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh, quên những lợi ích của bản thân. Quan điểm từ bi, bác ái của Phật giáo được thể hiện qua các điểm sau: Một là, Phật giáo đem tình yêu thương, bình đẳng đến với mọi người, hai là, Phật giáo đề cao con người và giải thoát con người khỏi khổ đau, ba là, Phật giáo đào tạo con người "Từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha".

8. Thích Minh Châu (1991), Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành, tr. 133. 9. Thích Minh Châu (1991), Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành, tr. 112.

102 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

2.3. Tu tâm – giá trị định hướng của đạo đức Phật giáo Phật giáo quan niệm, mọi sự mọi việc đều do tâm tạo ra tất cả: "nhất thiết duy tâm tạo". An lạc cũng do tâm tạo, khổ đau cũng bởi tại tâm. Đó chính là tâm sanh diệt, thay đổi luôn luôn, thường do tham sân si chi phối, thúc đẩy, điều khiển, cho nên con người thường tạo nghiệp bất thiện nhiều hơn là nghiệp thiện. Trong Kinh Pháp cú, đức Phật có nói: "Tâm dẫn đầu các pháp Tâm làm chủ, tâm tạo Nếu với tâm ô nhiễm Nói lên hay hành động Khổ não bước theo sau

Như xe, chân vật kéo Tâm dẫn đầu các pháp Tâm làm chủ tâm tạo Nếu với tâm thanh tịnh Nói lên hay hành động An lạc bước theo sau Như bóng không rời hình"10. Pháp cú 1 và 2 này dạy, tất cả những tội lỗi gây ra, đều do tâm chúng ta chủ động, nếu ta làm ác, làm điều bất thiện thì đau khổ, nghiệp báo sẽ theo mình như hình với bóng. Như vậy, tâm của con người quan trọng vì nó diễn tả nhân cách của một con người. Tâm biểu lộ tư cách, hình tướng, thái độ… Vì vậy phải tu tâm. Tu tâm suy cho cùng là thực hành Bát chánh đạo. Như vậy, tư tưởng cơ bản của đạo đức Phật giáo suy cho cùng là hướng đến hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng một xã hội lành mạnh, phát triển bền vững.

10. Thích Minh Châu dịch (2016), Kinh Pháp Cú, Nxb. Phương Đông, tr. 9.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 103

3. THỰC TRẠNG ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY 3.1. Giá trị đạo đức truyền thống và những yêu cầu đối với đạo đức con người Việt Nam hiện nay 3.1.1. Những giá trị đạo đức truyền thống dân tộc Việt Nam Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam là sản phẩm của lịch sử, có từ buổi đầu dựng nước và giữ nước. Chính đặc điểm điều kiện tự nhiên hình thành và phát triển của xã hội Việt Nam đã làm cho các giá trị truyền thống được vun đắp trong suốt tiến trình lịch sử. Những giá trị này được mọi người thừa nhận và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và trở thành sức mạnh, bản sắc của con người Việt Nam. Nghiên cứu về các giá trị đạo đức truyền thống của người Việt Nam đã có rất nhiều học giả với quan niệm khác nhau. Theo giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng: "Các giá trị truyền thống của dân tộc ta có bảy phạm trù: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa. Trong đó ông cho rằng yêu nước là

giá trị truyền thống cơ bản nhất của dân tộc, vì yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam”11. Theo Hội nghị Trung ương 5 – khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra định nghĩa về bản sắc của dân tộc Việt Nam chính là hệ thống các giá trị truyền thống cơ bản. “Bản sắc dân tộc bao gồm các giá trị truyền thống bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn và ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã, lòng nhân ái – khoan dung, đức cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử…”12. Như vậy, có thể khái quát các giá trị đạo đức truyền thống cơ bản của người Việt Nam là: truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn

11. Trần Văn Giàu (1980), Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 108. 12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Văn kiện hội nghị lần thứ 5 – BCH.TU khóa VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 56.

kết, truyền thống cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động, truyền thống tự chủ, tự lực, tự cường, truyền thống nhân ái, khoan dung, truyền thống lạc quan. Yêu nước – giá trị cốt lõi nhất của đạo đức truyền thống Yêu nước là tình cảm thiêng liêng, cao quý không một thứ tình cảm nào có thể sánh bằng. Yêu cha yêu mẹ, yêu thầy yêu cô, yêu bạn yêu bè, yêu quê cha đất tổ, thậm chí “tử vì đạo” cũng không thể sánh được với lòng yêu nước. Bởi vì “tử vì đạo” là chết cho tôn giáo riêng của mình chứ chưa phải chết cho đất nước. Sống trong lòng dân tộc mà một người nào đó không có lòng ái quốc thì giống như một thứ “ngoại kiều” trục lợi trên quê hương mình mà không hề “khóc cười theo mệnh nước nổi trôi”. Không có lòng ái quốc giống như “gỗ mục” như “bèo giạt mây trôi” – thời bình có thể làm gián điệp cho ngoại bang còn khi đất nước lâm nguy có thể sẵn sàng làm tay sai bán nước nếu bản thân mình hoặc gia đình mình có lợi. Cho nên yêu nước là tình cảm, tư tưởng, truyền thống quý báu nhất, cao nhất từ xưa cho đến nay. “Với tư cách là sản phẩm thuộc văn hóa tinh thần của dân tộc, lòng yêu nước của một dân tộc hiển nhiên phải được hình thành từ chính lịch sử của bản thân mỗi dân tộc chứ không phải là sự bắt chước theo một dân tộc khác. Tình cảm yêu nước của một dân tộc phải xuất phát từ tình cảm đối với mảnh đất đã sinh ra dân tộc đó chứ không phải là người ta yêu nước vì thấy dân tộc khác cũng yêu nước. Chính vì thế cái tình cảm hiển nhiên đó vẫn là bản sắc của một dân tộc, cho dù nó có thể giống với tình cảm của các dân tộc khác”13. Ngay từ buổi đầu của dựng nước là giữ nước. Đất nước ta đã trải qua rất nhiều cuộc chiến tranh chống giặc để bảo vệ Tổ quốc. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì lòng yêu nước của dân tộc ta lại nổi dậy. Như Hồ Chí Minh đã từng nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi

13. Nguyễn Văn Dân (2009), Con người và văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 191.

khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”14. Từng giai đoạn lịch sử là từng nấc thang của lòng yêu nước được huân tập. Chính lòng yêu nước mà dân tộc ta mới đủ sức mạnh để chiến thắng giặc. Do đó chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Truyền thống yêu nước đầu tiên trong buổi đầu dựng nước được thể hiện thông qua các câu chuyện cổ tích như: Vua Hùng dựng nước, Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh trăm trứng nở trăm con, Thánh Gióng đuổi giặc Ân, Truyền thuyết Nỏ thần… Như vậy, chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nó là cội nguồn sức mạnh của dân tộc để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Có thể nói chủ nghĩa yêu nước là giá trị đạo đức truyền thống cốt lõi nhất của dân tộc. Đoàn kết – giá trị nền tảng của đạo đức truyền thống Ngay từ khi mới ra đời và trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành một trong những bài học kinh nghiệm lớn, là phương thức và cũng là điều kiện bảo đảm thực hiện thành công sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong mỗi giai đoạn cách mạng. Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng phong phú, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát thành tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc và nhấn mạnh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết / Thành công, thành công, đại thành công”. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng cũng đã chỉ rõ: “Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt

14. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.171.

Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”15. Truyền thống đoàn kết dân tộc được hình thành trên cơ sở ý thức chung về cội nguồn dân tộc qua truyền thuyết “Lạc Long Quân và Âu Cơ đẻ trăm trứng”. Mỗi người đều là quyến thuộc của nhau vì cùng chung một mẹ nên phải có trách nhiệm đoàn kết yêu thương nhau. Bên cạnh đó tinh thần đoàn kết còn xuất phát từ thực tiễn sản xuất của cải vật chất, và chống giặc ngoại xâm. Vốn xuất thân là nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên nên con người phải đoàn kết, gắn bó với nhau để đảm bảo lạc nghiệp về đời sống kinh tế - xã hội. Trong quá trình đó con người phải đương đầu với các thế lực thù địch, cho nên để bảo vệ lãnh thổ, quê hương thì con người phải đoàn kết và tương trợ lẫn nhau, vừa sản xuất vừa chiến đấu. Truyền thống đoàn kết được thể hiện rõ nhất trong gia đình, cộng đồng, làng xã. Ca dao Việt Nam có câu: “Thuận vợ thuận

chồng, tát Biển Đông cũng cạn". Triết lý về sự đoàn kết trong vợ chồng có thể tát cạn Biển Đông là điểm nổi bật của tinh thần đại đoàn kết. Nhờ đoàn kết thuận trước vừa sau mà gia đình có thể làm nên việc lớn. Từ đoàn kết trong gia đình hướng đến đoàn kết trong làng xã. Mỗi khi xảy ra thiên tai, lũ lụt thì cả làng cùng chung vai sát cánh bên nhau khắc phục hậu quả. Và tinh thần đoàn kết làng xã này mở rộng ra trở thành tinh thần đại đoàn kết dân tộc và không ngừng được củng cố và phát huy trong quá trình dựng nước và giữ nước.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 158-159.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 107

Truyền thống cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động Cần cù, siêng năng là một trong những giá trị đạo đức truyền thống nổi bật, phẩm chất đáng quý của người Đông Á, trong đó có Việt Nam. "Không ai chối cãi rằng nhân dân Việt Nam rất cần cù. Có người quan sát từ nước ngoài đến nước ta chú ý rằng mọi cơ năng của con người Việt Nam đều được dùng để làm việc: đầu đội, vai gánh, lưng cõng, tay nhanh nhẹn và khéo léo, chân chạy như bay... cái đó có thật, nói lên đức tính cần cù lao động của người Việt Nam nói chung"16. Đối với mỗi người Việt Nam, cần cù, siêng năng, sáng tạo trong lao động là điều phải làm vì có như vậy mới có của cải vật chất. Phẩm chất cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động của người Việt Nam luôn gắn với sự dành dụm, tiết kiệm và trở thành đức tính cần có như một lẽ tự nhiên. Như vậy, đầu tiên, đức tính cần cù, sáng tạo và tiết kiệm trong lao động chính là yếu tố quan trọng giúp con người có thể đảm bảo được việc duy trì cuộc sống cá nhân. Dân tộc Việt Nam ta ngay từ buổi đầu dựng nước, dù đứng trước hoàn cảnh tự nhiên khắc nghiệt, nhưng người Việt Nam đã vận dụng khả năng sáng tạo của trí lực và sức mạnh tập thể để chinh phục tự nhiên, cải biến tự nhiên để phục vụ con người. Những cánh đồng bát ngát, những dòng sông đỏ nặng phù sa, những mảnh vườn, những ngôi nhà, những dụng cụ sắc sảo v.v... có được như ngày hôm này chính là thành quả cần cù, sáng tạo của cha ông ta từ xưa đã dựng nên. Ông cha ta xem lao động là phương thức của sự tồn tại của con người. Trong quá trình lao động thì bản chất đạo đức con người được bộc lộ. Lao động nghiêm túc, cần cù sáng tạo góp phần tạo ra nhiều giá trị vật chất để phục vụ cho xã hội luôn được mọi người khen ngợi. Đó là hành vi đạo đức trong lao động. Ngược lại biếng nhác trong lao động làm trì trệ tiến độ công việc, ảnh hưởng đến năng suất lao động thì bị mọi người khinh rẻ, xem

16. Trần Văn Giàu (1980), Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 172.

108 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

thường, trở thành kẻ ăn bám gia đình và xã hội. "Giá trị mỗi người ngày hôm qua là tinh thần chiến đấu hết mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Ngày hôm nay, giá trị ấy là hiệu quả của công tác và năng suất lao động vì sự giàu mạnh của đất nước, vì sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta và trên thế giới"17. Cho nên con người thông

qua lao động mà bộc lộc tài năng và phẩm chất khác nhau. Bên cạnh việc tạo ra các giá trị vật chất phục vụ cho con người, người Việt Nam còn tạo ra các giá trị tinh thần trong quá trình lao động như: các loại hình văn học dân gian, các câu ca dao, tục ngữ, câu hò, vè, truyện thơ lục bát, truyện ngụ ngôn, truyện cổ tích, truyền thuyết…. Chúng được sáng tác bởi các nhà nho, các tầng lớp lao động trong xã hội và phát triển khắp nơi. Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, sự cần cù, sáng tạo đi đôi với thực hành tiết kiệm trong lao động sản xuất của mỗi người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa thiết thực, bởi đây chính là động lực tiên quyết nhằm tăng năng suất, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển. Qua đó tự mỗi người công dân Việt Nam tự ý thức xây dựng tự do, hạnh phúc bằng chính sức lao động và sự sáng tạo không mệt mỏi của mình, đóng góp một phần vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Truyền thống tự chủ, tự lực, tự cường Trong quá trình dựng và giữ nước, nhân dân ta luôn phát huy truyền thống tự chủ, tự lực, tự cường dân tộc. Đó cũng là truyền thống quý báu của dân tộc ta từ xưa đến nay. Truyền thống này nhằm phát huy tối đa sức mạnh chủ quan, sức mạnh bên trong của dân tộc Việt Nam trong mọi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Dân tộc ta luôn kiên định mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ bằng cách đoàn kết quyết chiến quyết thắng kẻ thù. Dù kẻ thù có hung hãn hay hùng mạnh đến đâu nhưng với tinh thần tự chủ, tự lực và tự

17. Trần Văn Giàu (1980), sđd, tr. 190.

cường dân tộc, người Việt Nam luôn tin tưởng mình sẽ giành chiến thắng. Có thể nói đây là cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, giữa chính nghĩa và phi lý. Và chính cái chính nghĩa đã thắng cái hung tàn. Như Nguyễn Trãi đã từng nói trong Bình Ngô đại cáo: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn Lấy chí nhân để thay cường bạo”. Người Việt Nam không chỉ chiến đấu để giải phóng cho dân tộc mình, mà còn vì khát vọng hòa bình, độc lập của các dân tộc khác trên thế giới. Trong lịch sử từ thời vua Hùng dựng nước, đến thời đại phong kiến, rồi cuối cùng là thời đại Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân tộc ta luôn trung thành với phương châm: lấy dân làm gốc, dựa vào sức mạnh tự chủ, tự lực, tự cường dân tộc để đánh tan quân thù. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Hồ Chí Minh đã từng nói: “Kháng chiến trường kỳ, gian khổ, đồng thời phải tự lự cánh sinh. Trông vào sức mình… Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”18. Truyền thống nhân ái, khoan dung Nhân ái, khoan dung là một trong những giá trị truyền thống cơ bản của người Việt Nam. Nó thấm sâu trong các quan hệ từ trong gia đình đến xóm làng, cộng đồng xã hội; từ trong sinh hoạt đời thường đến sản xuất, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, đối xử với tù binh chiến tranh. Qua những thời kỳ lịch sử khác nhau, lòng nhân ái, khoan dung có những nội dung mới, song về cơ bản, vẫn giữ được nét đặc sắc riêng; là cơ sở quan trọng để thiết lập mối quan hệ giữa người với người. Lòng nhân ái, khoan dung của dân tộc Việt Nam có nguồn gốc sâu xa từ trong xã

hội công xã nông thôn thời kỳ nguyên thuỷ, buổi đầu dựng nước. Chúng ta đều biết, dân tộc Việt Nam có lịch sử 18. Trần Ngọc Thêm (2004), Tìm hiểu về bản sắc văn hóa Việt Nam, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 84.

nhiều ngàn năm, có nhà nước Văn Lang tồn tại lâu dài hàng nghìn năm. Trong thời gian dài như vậy, dân tộc Văn Lang đã hình thành nền văn hoá mang bản sắc riêng của mình; trong đó, lòng nhân ái, khoan dung là một tình cảm đạo đức lớn, có nét đẹp riêng, như là một giá trị văn hoá rất cơ bản trong hệ giá trị của người Việt Nam. Chính lòng nhân ái, khoan dung của người Việt là sợi dây tinh thần gắn kết các tầng lớp người với nhau tạo sức mạnh đoàn kết trong việc bảo vệ chủ quyền dân tộc. Lòng nhân ái của dân tộc là cơ sở cho lòng khoan dung ngày càng rộng mở trong đời sống cộng đồng, nó bao hàm cả tấm lòng vị tha, bao dung, độ lượng, lắng nghe để hiểu, nhìn lại để thương. Điều này không chỉ bó hẹp trong cộng đồng người Việt mà cả với kẻ thù xâm lược. Trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi có viết: "Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc, Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run"19. Chính tinh thần nhân đạo của Nguyễn Trãi là minh chứng cho truyền thống nhân ái, khoan dung của dân tộc Việt Nam. Đó là nét đẹp "thương người như thể thương thân". Người Việt rất yêu chuộng hòa bình, muốn đối xử với nhau bằng tình thương, không phân biệt giai cấp, vị trí xã hội, sang hèn, chủng tộc, tôn giáo, luôn hòa hảo với bạn bè thế giới. Và khi phải rơi vào tình thế chiến tranh thì đem chính nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo, sẵn sàng cấp ngựa, cấp thuyền đưa giặc về biên giới an toàn. Lòng nhân ái, khoan dung của người Việt được hình thành trên cơ sở kế thừa những hạt nhân tinh túy nhất từ tư tưởng "Nhân" trong Nho giáo và "Từ bi" trong Phật giáo. Nhân trong Nho giáo

19. Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.34 .

dùng để chỉ cho người quân tử, kẻ tiểu nhân thì không thể có được điều nhân. "Từ bi" trong Phật giáo dùng để chỉ cho tình thương bao la, lòng vị tha vì người khác. Trong khi đó, đối với người Việt thì nhân ái, khoan dung là không phân biệt đẳng cấp, chủ yếu giúp con người vượt qua khó khăn, gian khổ, khoan dung và tha thứ cho nhau khi phạm sai lầm. Như vậy, nhân ái, khoan dung là chất keo gắn kết tất cả mọi người lại với nhau, cùng nhau xây dựng một xã hội hòa hảo, cùng có trách nhiệm với nhau và yêu thương nhau. Nhân ái, khoan dung còn là điều kiện cho hòa bình, phát triển kinh tế và sự tiến bộ xã hội. Đảng ta đã từng khẳng định: "Thương nước – thương nhà, thương người – thương mình là truyền thống đậm đà của nhân dân ta"20. Truyền thống lạc quan Lạc quan là truyền thống quý báu vốn có từ xưa cho đến nay của dân tộc Việt Nam. Nó được hình thành là do đòi hỏi khách quan từ thực tiễn cuộc sống mang lại, giúp cho dân tộc Việt đủ bản lĩnh, niềm tin hướng về tương lai tươi sáng của

dân tộc. Tinh thần lạc quan đó khác với sự chủ quan tự dối mình và dối người, mà là dựa trên cơ sở niềm tin vững chắc, tin vào sức mạnh của chính bản thân mình, tin vào khả năng làm chủ vận mệnh của chính mình, chứ không chịu cúi mình an phận trước một quy định đã an bày. Giáo sư Trần Văn Giàu đã từng nói: Trong tư tưởng lạc quan có một niềm tin mãnh liệt. Nhưng lòng tin đó không phải là một sự tin tưởng có tính chất tôn giáo, mà là một sự tin tưởng có tính chất khoa học, nghĩa là có căn cứ thực tế dựa trên những suy lý chắc chắn, bằng vào kinh nghiệm lịch sử. Lạc quan trước hết là yêu đời, yêu cuộc sống. Truyền thống lạc quan của dân tộc ta được hình thành gắn liền với nhiều cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm và được thử thách trong điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, đe dọa đến sự sống chết của dân tộc

20. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Văn kiện hội nghị lần thứ 5 – BCH.TU, khóa VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 36.

112 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

ta. Trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc, từ thời Hai Bà Trưng đến Ngô Quyền có hàng trăm cuộc khởi nghĩa của dân tộc nổ ra, hay cuộc chiến tranh giữa dân tộc ta với Pháp, Mỹ, Nhật.... Với tinh thần lạc quan, tin vào chính nghĩa, tin vào sức mạnh dân tộc, ta đã giành chiến thắng vang dội trong ba lần thắng giặc Nguyên, thắng Pháp, Mỹ, Nhật qua phương châm “thua keo này, ta bày keo khác”. Qua đó cho thấy trong mọi hoàn cảnh, dân tộc Việt Nam luôn giữ cho mình một lối sống lạc quan yêu đời, yêu quê hương đất nước, và luôn tin tưởng vào sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, sức mạnh của lòng yêu nước, tin vào chính nghĩa, chân lý, trí tuệ của con người Việt Nam. Nhờ lạc quan mà dân tộc Việt vượt qua nhiều khó khăn thử thách. Ông cha ta thường động viên nhau qua câu tục ngữ: “Chớ thấy sóng cả, chớ ngã tay chèo” nhằm động viên tinh thần bền chí, lạc quan cho các thế hệ con cháu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước. 3.1.2. Đạo đức con người Việt Nam hiện nay Mục tiêu nhất quán xây dựng đất nước của Đảng ta là “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, do nhân dân lao động làm chủ, có nền kinh tế phát triển cao, bền vững, có quan hệ sản xuất phù hợp, có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một xã hội mà con người giải phóng khỏi áp bức bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc và phát triển cá nhân một cách toàn diện. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Có thể nói đây là mục tiêu phấn đấu vô cùng vĩ đại và không ít khó khăn đặc biệt đối với nước ta. Đó là một nước với nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, trình độ văn hóa còn thấp, khoa học kỹ thuật thì thô sơ, lạc hậu lại chịu sự ảnh hưởng to lớn từ chiến tranh. Đất nước Việt Nam hiện nay trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 113

tế. Điều đó mở ra nhiều cơ hội cho nước nhà vươn lên ngang tầm với các nước trong khu vực. Đó cũng là cơ hội phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là nền kinh tế được xem là sản phẩm của nền văn minh nhân loại nói chung và của chủ nghĩa tư bản nói riêng, tạo nên nhiều thành tựu vượt bậc về kinh tế, sự giàu có phồn vinh của chủ nghĩa tư bản. Nền kinh tế này chủ trương phát huy sức mạnh tất cả các thành phần kinh tế, phát triển nâng cao trình độ lực lượng sản xuất phù hợp với quan hệ sản xuất, khuyến khích các cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế làm giàu chính đáng cho bản thân mình và cho xã hội. Do đó nó kích thích tính chủ động, sáng tạo của các cá nhân, tập thể, các tổ chức trong xã hội. Mỗi chủ thể tham gia hoạt động kinh tế đều trở nên năng động, tháo vát, hiệu quả hơn trong hoạt động của mình. Mỗi người luôn ý thức về năng lực, trình độ học vấn, tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với xã hội, khắc phục những biểu hiện khoa trương trong công việc. Cho nên "con người được coi là có đạo đức hiện nay phải là người có năng lực lao động tự giác, làm việc hết mình vì trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội"21. Con người luôn chủ động giải quyết những nhu cầu của cuộc sống mình, không thụ động, chờ đợi hay ỷ lại vào người khác. Vì vậy con người rèn luyện được tính năng động và sáng tạo cao trong lao động. Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực về lợi ích mà nền kinh tế mang lại như: tính năng động, sáng tạo, tự giác, dám nghĩ dám làm, tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát, có óc thẩm mỹ coi trọng các giá trị tinh thần, đạo đức v.v... thì kéo theo nó là những mặt tiêu cực về đạo đức, cách ứng xử của người làm kinh tế. Hàng loạt những thói hư và tật xấu được bộc lộ ra, làm xuống cấp về đạo đức một cách trầm trọng của quần chúng nhân dân, gây mâu thuẫn trong nội bộ không chỉ trong xã hội tư bản mà còn trong xã hội Việt Nam. Nó làm xáo trộn đời sống văn hóa đạo đức tinh thần, các giá trị đạo đức truyền thống bị lai căn xuống dốc. Thay vào đó là chủ nghĩa thực dụng, đề

21. Nguyễn Duy Quý (chủ biên) (2006), Đạo đức ở xã hội nước ta hiện nay – vấn đề và giải pháp, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 101.

cao giá trị đồng tiền, con người chạy theo các giá trị vật chất, mất sự tin tưởng lẫn nhau, các giá trị niềm tin bị mất phương hướng, mối quan hệ giữa con người với nhau lạnh nhạt, thờ ơ, tạo sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt giữa các dân tộc, các vùng kinh tế. Có không ít những trường hợp xấu xảy ra: tình nghĩa cha con, vợ chồng, anh em bị xói mòn, tan vỡ vì đồng tiền. Điều này làm phương hại đến nhân cách, phẩm giá, nghĩa tình, các giá trị truyền thống nhân bản của dân tộc, và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội. Ảnh hưởng tiêu cực này không chỉ tác động đến các tầng lớp bình dân mà còn ăn sâu vào một bộ phận cán bộ đảng viên, "tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng"22. Như vậy trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay đã đặt ra một chuẩn mực đạo đức mới có liên quan đến ý thức tự giác, tính năng động xã hội và trách nhiệm đạo đức không chỉ ở hành vi cá nhân mà còn phát triển các giá trị đạo đức tốt đẹp của xã hội. Nó đòi hỏi phải xác lập, duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa đạo đức

hiện đại, gắn lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội. Đặc biệt là mỗi cá nhân phải tự rèn luyện mình bằng cách nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, có trách nhiệm đạo đức trước xã hội cao hơn, không chỉ trong lao động sản xuất mà còn trong cách ứng xử với môi trường sống. Cho nên công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải đi đôi với vấn đề bảo vệ môi trường. Ngày nay, chúng ta đang tiến hành xây dựng nếp sống văn minh, môi trường đạo đức trong lao động sản xuất, kinh doanh, trong gia đình, tập thể, làng xã, thành phố v.v... gắn liền với việc sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Việc xây dựng môi trường đạo đức trong kinh tế gắn liền với pháp luật có một vai trò quan trọng không chỉ trong lao động sản xuất mà còn củng cố và cải tạo các quan hệ đạo đức truyền thống lỗi thời trước kia, đáp ứng kịp thời lối sống

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 22.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 115

văn minh trong thời hiện đại. 3.1.3. Đạo đức con người Việt Nam có yếu tố truyền thống của đạo đức Phật giáo Từ xưa, người Việt Nam đã có những tín ngưỡng dân gian như thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, Thần tài, Thổ địa, thờ cúng gia tiên v.v... với mong muốn được các vị thần linh và tổ tiên phù hộ cho cuộc sống gặp được nhiều may mắn, đồng thời cũng thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của nhân dân ta. Trải qua thời gian thăng trầm của lịch sử, các hình thức tín ngưỡng bản địa này đã bộc lộ những mặt hạn chế và lạc hậu của nó so với thực tiễn cuộc sống. Thế là con người hướng đến khao khát thỏa mãn những vấn đề triết lý nhân sinh của cuộc sống như: ý nghĩa của cuộc sống, vấn đề thiện ác nhân quả, khổ đau, hạnh phúc v.v... Và Phật giáo đã xuất hiện, đáp ứng tâm tư nguyện vọng của con người lúc bấy giờ. Bản chất của đạo Phật là tinh thần từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha. Cho nên từ khi du nhập vào Việt Nam, đạo Phật đã được đông đảo thần dân quy ngưỡng. Các giá trị đạo đức của Phật giáo cũng từ đó mà xâm nhập và ảnh hưởng đến nền đạo đức của dân tộc Việt Nam. Đạo đức Phật giáo đã góp phần bổ sung thêm các giá trị đạo đức mới vào nền đạo đức truyền thống của dân tộc. Đạo đức Phật giáo đã thật sự bám rễ vào đời sống tinh thần của dân tộc, ảnh hưởng ngày càng sâu sắc đến đời sống tâm lý, phong tục, tập quán, lối sống con người Việt Nam. Cho nên đại đa số con người Việt Nam đều thờ Phật. Đối với họ nhắc đến Phật giáo, không chỉ là nhắc đến hệ tư tưởng giáo lý cao siêu mà còn là nhắc đến một nhân cách sống lý tưởng, một điều gì đó bình dị, gần gũi với tâm tư tình cảm của họ như: làm lành lánh dữ, từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, không hận thù, oán trách v.v... Họ đã tìm được ở Phật giáo bến đỗ bình yên, một điểm tựa tinh thần của mình trong cuộc sống. Từ khi du nhập vào Việt Nam, đạo Phật đã được con người Việt Nam kết nối hòa quyện với các tín ngưỡng truyền thống của mình như thờ Tứ Phủ: mây, mưa, sấm, chớp, Tứ Pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện ở Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh hiện

116 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

nay). Điều này thể hiện sự dung hợp cao giữa Phật giáo với các tín ngưỡng bản địa trước đó của con người Việt Nam. Vì vậy ca dao Việt Nam có câu: “Mái chùa che chở

hồn dân tộc Nếp sống muôn đời của tổ tông". Hình ảnh ngôi chùa đã trở nên thân thuộc với dân tộc ta. Trong chiến tranh, ngôi chùa là nơi bảo bọc và che chở cho các chiến sĩ bộ đội Cụ Hồ. Trong thời bình thì ngôi chùa cũng là nơi truyền bá chân lý đạo đức Phật giáo, là điểm tựa tinh thần đáng tin cậy cho người Việt Nam ta. Đời sống tinh thần, phong tục tập quán của người Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi tư tưởng đức Phật. Chẳng hạn như: hiền như Bụt, từ bi như Bồ tát, ác giả ác báo, thiện giả thiện báo, hay ca dao có câu: ai ơi ăn ở hiền lành, kiếp này không hưởng để dành kiếp sau v.v... Giáo sư Trần Văn Giàu có viết: "Tín ngưỡng Phật giáo phổ biến trong đại đa số nhân dân. Người dân không biết gì về triết lý cao xa của Phật mà chỉ biết cầu phúc, chỉ biết chuyện quả báo luân hồi. Từ lâu rồi, triết lý Phật giáo trở thành một thứ đạo đức bác học từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn là hạt nhân, chúng sinh có thể hiểu được, làm được, không cao xa rắc rối như triết lý Phật giáo nguyên thủy. Tự thân tích đức ở kiếp này để an vui, hưởng phúc ở kiếp sau"23. Hầu hết các thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam cũng ít nhiều bị ảnh hưởng bởi tư tưởng đạo đức Phật giáo. Tư tưởng này đã ăn sâu vào máu thịt của người Việt Nam, làm cho các giá trị đạo đức của người Việt thêm bản sắc riêng và hoàn thiện hơn. Chính đạo đức Phật giáo giúp họ có thêm nghị lực trong việc định hướng lý tưởng sống, sống vị tha và biết yêu thương lẫn nhau, xem việc phụng sự và giúp đỡ mọi người là niềm vui của chính mình. Họ luôn tin tưởng tuyệt đối rằng: làm thiện sẽ được quả lành, làm ác sẽ bị quả xấu, những suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình đều được

23. Trần Văn Giàu (1973), Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ cuối thế kỷ XIV đến cách mạng tháng 8, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 495.

sự giám sát của các vị thần hộ pháp. Khi gặp nạn, thì chắc chắn sẽ có đức Phật hay Bồ tát ra tay cứu giúp. Cho nên mỗi lần đứng trước sự rủi ro, sợ hãi, những điều trái ý nghịch lòng thì người Việt Nam thường hay niệm: Nam mô A di Đà Phật hay Nam mô Quán Thế âm Bồ tát... Chính niềm tin đó làm cho họ có nghị lực vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc đời. Giáo lý nhà Phật với tư tưởng "từ bi, hỷ xả", và hình ảnh ông Bụt (Đức Phật) là biểu tượng cho cái thiện, cho lòng nhân ái. Trong chuyện cổ tích thường xuất hiện hình ảnh ông Bụt râu tóc bạc phơ ra tay diệt trừ cái ác đem lại công bằng cho người lương thiện. Ông Bụt là biểu tượng cho công lý, là khát vọng hạnh phúc của nhân dân. Lịch sử dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh xâm lược. Tinh thần độc lập chủ quyền đất nước được đề cao. Chủ nghĩa yêu nước từ đó đã trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc. Qua đó ta thấy Phật giáo rất phù hợp với tâm lý, truyền thống đạo đức dân tộc và luôn thể hiện tinh thần yêu nước và cứu nước. Giáo sư Trần Văn Giàu có nói: "Theo sát cuộc đấu tranh của dân tộc từ trước đến nay không tư tưởng nào hơn Phật giáo, trừ chủ nghĩa cộng sản. Bình minh của lịch sử dân tộc đã gắn liền với Phật giáo"24. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần yêu nước lại sục sôi trở lại. Yêu nước là bản sắc của dân tộc. Do đó "chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Ở đây bản chất Việt Nam biểu lộ rõ ràng, đầy đủ, tập trung lớn nhất hơn bất cứ chỗ nào khác. Yêu nước trở

thành một triết lý nhân sinh của con người Việt Nam, và nếu dùng từ "đạo" với nguyên ng- hĩa của nó là "đường", là hướng đi thì chủ nghĩa yêu nước đích thực là đạo của Việt Nam"25. Đạo đức Phật giáo không chỉ thể hiện ở chủ nghĩa yêu nước mà còn thể hiện ở tinh thần nhân đạo của người Việt Nam, sẵn sàng xóa

24. Trần Văn Giàu (1986), "Đạo Phật và một số vấn đề của lịch sử tư tưởng Việt Nam", Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, tr. 11-15.
25. Trần Văn Giàu (1980), Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 115.

đi những hận thù, oán ghét. Đạo Phật với phương châm "tự giác", "giác tha", nghĩa là không chỉ giải thoát chính mình mà còn quan tâm đến sự giải thoát cho người khác, không chỉ biết đến lợi mình mà còn nghĩ đến lợi mọi người. Điều này thể hiện tinh thần đạo đức nhân ái của đạo Phật và đạo đức truyền thống dân tộc "thương người như thể thương thân". Có thể nói Phật giáo gần gũi và đồng hành cùng với dân tộc, chính truyền thống sẵn có của dân tộc hòa quyện vào giáo lý nhà Phật tạo nên chủ nghĩa nhân đạo mang màu sắc Việt Nam. "Phật giáo trong tư tưởng cũng như trong văn hóa, nhìn chung đã mang tính chất thế tục, giản dị và do đó đã thích ứng và hòa nhập vào xã hội Việt Nam"26. Tư tưởng đạo đức Phật giáo "ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác"... đã ăn sâu vào nếp sống, nếp nghĩ của người Việt Nam. Đó cũng là bài học về đạo lý nhân quả mà các bậc làm cha mẹ giáo dục con cái. Người Việt Nam có khi không nghĩ đó là giáo lý đơn thuần của nhà Phật, mà nó còn là nhân sinh quan của đại đa số con người Việt, nhằm giáo dục tinh thần hướng thiện. Các quan niệm nhân quả, luân hồi, nghiệp báo của nhà Phật có nét tương đồng trong quan niệm về linh hồn của người Việt. Người Việt quan niệm về linh hồn rằng: sống vị tha, thương người, làm thiện, lánh ác thì chắc chắn sau khi chết linh hồn sẽ được tái sinh về cõi lành, và ngược lại thì đọa vào cõi ác. Đó là quan điểm bất di bất dịch của người Việt. Họ tin rằng tất cả những người tốt, người thiện sẽ được bù đắp ở kiếp sau. Chính điều này có ý nghĩa tích cực trong việc tự giác trau dồi đạo đức tự thân, góp phần hình thành nên những quan niệm sống giàu tính nhân bản, nhân văn sâu sắc. Mặt khác với phương châm: "Đạo pháp – dân tộc – chủ nghĩa xã hội", đạo Phật đã thể hiện tinh thần nhập thế khi dung hòa với các tín ngưỡng bản địa, cổ truyền, và cải biến phù hợp với tâm thức của người Việt. Triết lý về lòng từ bi, tình yêu thương của Phật giáo rất phù hợp và có nét tương đồng với tinh thần nhân ái vốn có của

26. Nguyễn Tài Thư (chủ biên), (1988), Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 399.

người Việt như: "Một miếng khi đói bằng một gói khi no, thương người thư thể thương thân, một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ, chị ngã em nâng, lá lành đùm lá rách...". Lòng từ bi của đạo Phật được thể hiện thông qua việc không sát sinh mà phải phóng sinh. Con người sống chan hòa yêu thương, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau. Đó cũng là nhân tố quan

trọng góp phần chiến thắng kẻ thù xâm lược. Bên cạnh đó, đạo đức Phật giáo và truyền thống dân tộc đã tạo nên những nét đặc sắc trong tư duy, văn học, nghệ thuật của người Việt Nam. Cho nên các câu chuyện dân gian, chuyện cổ tích đều lấy cảm hứng từ triết lý nhân quả của đạo Phật như: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, thiện giả thiện báo… nhằm hướng đến giáo dục đạo đức cho các thế hệ con cháu. Như vậy, với giáo lý đạo đức, mang đậm chất nhân văn, Phật giáo đã để lại ảnh hưởng sâu sắc đến đạo đức, tâm lý, lối sống của người Việt Nam. Đạo làm người của người Việt và đạo đức Phật giáo đã hòa quyện, bám rễ vào nhau. Những quan điểm về đạo đức của Phật giáo góp phần làm phong phú thêm cho nền đạo lý truyền thống dân tộc. Phật giáo là viên gạch trong ngôi nhà đạo đức truyền thống dân tộc. 3.2. Sự hài hòa giữa đạo đức Phật giáo và đạo đức con người Việt Nam hiện nay Ngay từ rất sớm từ khi du nhập vào Việt Nam, đặc biệt là thời nhà Trần, Phật giáo đã có sự ảnh hưởng rất lớn không chỉ đối với quần chúng nhân dân lao động mà còn ảnh hưởng đến đời sống chính trị của dân tộc. Các bậc vua chúa, quan thần đều hết lòng mộ đạo. Thời này Phật giáo được xem là quốc giáo (thế kỷ X-XV) xuất hiện nhiều quốc sư tham gia vào công việc triều chính của đất nước như: Sư Vạn Hạnh, Ngô Chân Lưu, Đỗ Pháp Thuận, Huyền Quang… Giai đoạn này, Phật giáo được các triều đại lấy làm công cụ để tập hợp quần chúng nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Nhà Nho Lê Quát trong thời nhà Trần có nói về sự ảnh hưởng của Phật giáo như sau:

“Thuyết họa phúc của nhà Phật tác động đến con người, sao mà người ta tin theo sâu sắc và bền vững như thế? Trên thì vương công, dưới thì thường dân, hễ bố thí vào việc nhà Phật, thì dẫu đem hết tiền của cũng không tiếc. Nếu ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như nắm được khoán ước để lấy quả báo mai sau. Cho nên từ kinh thành ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thề thốt mà người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu đài chiếm đến phân nửa phần đất so với dân cư”27. Từ thế kỷ XV trở đi thì Phật giáo cũng theo sự suy tàn của chế độ phong kiến mà mất đi sự ảnh hưởng của mình, nhường chỗ cho Nho giáo. Giai cấp phong kiến lấy Nho giáo làm công cụ để trị nước. Các tư tưởng về giải thoát, từ bi, cứu khổ của Phật giáo được thay bằng tư tưởng trung quân, quân thần, phụ tử của Nho giáo. Mặc dù vậy nhưng Phật giáo vẫn có sức ảnh hưởng rất lớn đối với cộng đồng xã hội. Đến những năm đầu thế kỷ XX thì xuất hiện phong trào chấn hưng Phật giáo từ Nam ra Bắc. Đạo Phật đã nêu cao tinh thần nhập thế của mình, cùng đoàn kết với nhân dân đấu tranh vì độc lập dân tộc – chủ nghĩa xã hội. Từ đó Phật giáo một lần nữa được củng cố và ảnh hưởng mạnh đến đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Phật giáo được người Việt xem là triết lý sống, là chỗ dựa tinh thần của mình. Các giá trị đạo đức của Phật giáo là một bộ phận không thể thiếu và rất phù hợp với đạo đức truyền thống của người Việt Nam. Chúng được biểu hiện ở một số điểm: Một là, tính nhân văn, nhân bản, lấy con người làm trung tâm. Đạo Phật luôn đề cao vị trí và vai trò của con người. Điều này khác biệt với tôn giáo khác khi họ thừa nhận vai trò tối cao của thần linh trong việc quyết định số phận của con người. Dù mọi loài đều bình đẳng về Phật tính, nhưng

con người là ưu việt về trí tuệ, có khả năng

27. Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích (2000), Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 237.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 121

đạt đến sự giải thoát. Đức Phật nói: "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành". Chính vì xem con người là trung tâm nên toàn bộ giáo lý Phật giáo đều hướng đến các giá trị đạo đức nhân sinh của con người. Đất nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là chế độ dựa trên nền tảng lấy lợi ích cộng đồng, lợi ích xã hội làm trung tâm nhưng đảm bảo lợi ích cho từng cá nhân, lợi ích cá nhân gắn liền với lợi ích tập thể, và lợi ích tập thể thống nhất với lợi ích cá nhân. Trong đó các chuẩn mực, giá trị đạo đức cũng như tất cả các giá trị từ vật chất đến tinh thần đều cùng chung mục đích phục vụ lợi ích của mọi người và toàn xã hội. Các tư tưởng đạo đức Phật giáo không chỉ ảnh hưởng tích cực đối với nền đạo đức truyền thống của dân tộc mà nó còn có những bộ phận phù hợp với nền đạo đức xã hội chủ nghĩa hiện nay. Chẳng hạn như tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo, tư tưởng bình đẳng, hòa bình của Phật giáo phù hợp với xu hướng hòa đồng liên kết giữa các dân tộc trên thế giới trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, lòng từ bi, bác ái góp phần cứu giúp người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ, phát triển tâm vị tha yêu thương con người. Đạo đức Phật giáo khuyên con người luôn nhớ đến "đạo hiếu", lấy chữ hiếu làm đầu: "hạnh hiếu là hạnh Phật, tâm hiếu là tâm Phật", muôn việc ở thế gian không gì hơn công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ. Điều này cũng rất phù hợp với đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây của dân tộc. Hai là, tôn trọng lợi ích và nhân phẩm của người khác. Tinh thần này được thể hiện qua "Ngũ giới": không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu của đức Phật nhằm thiết lập trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, xã hội và quốc gia. Trong xã hội ta hiện nay luôn coi trọng sự sống, môi trường sống, xã hội không còn trộm cắp, hạnh phúc gia đình, chung thủy với nhau, không lừa dối để tạo niềm tin cho nhau, và không rơi vào

122 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

nghiện ngập, hút chích các loại ma túy... Ngũ giới của nhà Phật rất phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình mới, giúp cho xã hội ổn định, giảm bớt các tệ nạn xã hội, các giá trị đạo đức truyền thống được phát huy. Trong xã hội hiện đại ngày nay, con người được thừa hưởng những thành quả của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, sản phẩm làm ra dồi dào, đời sống vật chất con người được nâng cao. Song chính hoàn cảnh ấy con người lại đánh mất đi "chính mình". Con người bị lệ thuộc vào các sản phẩm mình làm ra, dẫn đến phá vỡ các mối quan hệ giữa người với người, giữa con người với tự nhiên và xã hội. Các Mác đã từng nói về thực tế này như sau: "Chúng ta thấy rằng máy móc có một sức mạnh kỳ diệu rút ngắn lao động của con người, làm cho lao động sản sinh dồi dào hơn, nhưng nó lại đem đến cho con người nạn đói và sự

kiệt quệ. Những nguồn của cải mới, trước đến nay chưa từng có, do một phép lạ nào đó kỳ quặc và khó hiểu biến thành ngọn nguồn của sự nghèo khổ. Chiến thắng của kỹ thuật dường như được mua bằng sự sa đọa về đạo đức. Người ta có cảm tưởng rằng nhân loại càng chinh phục tự nhiên bao nhiêu thì con người càng trở thành nô lệ của sự đê tiện của chính mình bấy nhiêu"28. Trước thực trạng đó, bằng tinh thần nhân văn, nhân ái, tôn trọng nhân phẩm và danh dự của con người, đạo đức Phật giáo giúp con người quay về với chính mình, nhận ra bản tính chân thật của mình để sống hài hòa giữa tự nhiên và xã hội loài người. Ba là, hướng đến một nền hòa bình cho quốc gia và thế giới. Đạo đức Phật giáo với tư tưởng từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, luôn đề cao và tôn trọng sự sống của mọi người mọi loài. Vì vậy đạo Phật luôn hướng đến sự an lành và hòa bình cho quốc gia và thế giới, phản đối các cuộc chiến tranh xâm lược, phản đối việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, kêu gọi phóng sanh, bảo vệ môi trường sống. Điều này có điểm tương đồng và phù hợp với truyền thống yêu chuộng hòa bình của dân tộc.

28. C.Mác, Ph.Ăngghen toàn tập, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993 tr. 10.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 123

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam ta phải tiến hành nhiều cuộc kháng chiến chống lại các thế lực ngoại xâm để giành và bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc. Trải qua những cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ, chịu đựng biết bao mất mát, hy sinh, hơn ai hết, dân tộc ta nhận rõ giá trị của hòa bình, độc lập, tự do. Bởi vậy, yêu chuộng hòa bình là một trong những truyền thống nổi bật, là nét đẹp văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. Như vậy, tính nhân văn, nhân bản, tôn trọng lợi ích, nhân phẩm của người khác, yêu chuộng hòa bình cho quốc gia và nhân loại không chỉ là mục đích hướng đến của đạo đức Phật giáo mà nó còn là mục tiêu tối hậu của đạo đức truyền thống dân tộc Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Qua đó ta thấy có sự hài hòa giữa đạo đức Phật giáo và đạo đức truyền thống con người Việt Nam. Đạo đức con người Việt Nam hiện nay kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức Phật giáo. 4. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG CỦA ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY Nói một cách khái quát, thì đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tiến bộ và tích cực hơn so với các trường phái triết học đương thời và có những đóng góp to lớn cho nền đạo đức của nhân loại. Khi xây dựng các phạm trù, chuẩn mực, mô hình và nếp sống đạo đức, Phật giáo đã tạo nên một nền đạo đức lấy con người làm trọng tâm. Giá trị cao đẹp nhất và cơ bản nhất của đạo đức Phật giáo là giá trị nhân văn và giá trị thực tiễn. 4.1. Giá trị nhân văn Một là, đạo đức Phật giáo xem con người là trọng tâm, đề cao vai trò và vị trí con người Có thể nói giá trị lớn nhất trong đạo đức Phật giáo là đề cao vị trí và vai trò của con người, xác định "con người là tâm điểm của xã hội loài người". Phật giáo khẳng định tất cả mọi người đều có "Phật tính", mọi người sẽ đạt được hạnh phúc nếu thực hành điều thiện, lánh xa điều ác, chuyên cần trau dồi đạo đức trong cuộc sống của chính mình.

124 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Đức Phật cho rằng: Con người đóng vai trò quyết định trong quá trình giác ngộ và giải thoát. Con người có thể thay đổi số phận của mình. Khi mê thì con người đau khổ, nhưng khi bắt đầu nhận biết mình mê thì con người có thể tự làm chủ lấy mình. Với ý nghĩa này Phật giáo đã thực hiện một cuộc cách mạng lớn, chuyển hướng từ tư duy sang tìm kiếm niềm tin ở chính con người chứ không phải ở một hay nhiều vị thần. Điều đó thể hiện sự phát triển vượt bậc so với các trường phái triết học Ấn Độ trước đó như triết lý trong kinh Veda, Upanishad xem vạn vật cũng như con người là biểu hiện của đấng sáng tạo tối cao, toàn năng Brahman. Phật giáo đã đưa ra một hướng tiếp cận mới về con người, đặt con người ở vị thế trung tâm trong các mối quan hệ xã hội. Từ đó khẳng định chỉ có con người và chính con người chịu đựng những nghiệp quả và hành động của mình đem lại, họa phúc, sướng khổ là do con người quyết định, con người làm chủ vận mệnh của chính mình. Mặt khác, Phật giáo bao giờ cũng khẳng định khả năng của con người là vô tận, nếu con người có ý chí phấn đấu, bản thân mình cũng như hoàn cảnh của mình đều có thể cải tạo được theo hướng tiến bộ, nếu người thực sự muốn cố gắng. Hai là, đạo đức Phật giáo kêu gọi con người hành thiện tránh ác, vô ngã vị tha, mang tình thương, bình đẳng đến với mọi người Chính vì lòng từ bi, nhân ái của đức Phật mà Ngài cảm nhận và đau xót trước nỗi khổ trầm luân của chúng sinh. Do đó Ngài đã quyết định từ bỏ địa vị, quyền lực, giàu sang, tình thâm rời khỏi hoàng cung mà vào rừng sâu tu tập, giác ngộ và cứu muôn loài. Ngài quan niệm rằng: tất cả mọi người và mọi loài đều có Phật tính. Nhưng tùy thuộc vào khả năng của mỗi loài nhanh hay chậm mà thôi. Ngài nói: “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành”. Lời nói đó như mang một thông điệp về tinh thần dân chủ, bình đẳng trong đạo đức Phật giáo. Trong thời đại ngày này, con người đang sống trong bối cảnh mà ở đó danh vọng, quyền lực dường như thống trị đến cực điểm, chiến

tranh vẫn còn xảy ra ở một số khu vực trên thế giới, chay đua theo kinh tế, chính trị, quân sự làm cho con người xung đột lẫn nhau, ảnh hưởng đến nền hòa bình của nhân loại. Do đó nếu vận dụng những giá trị nhân văn này của đạo đức Phật giáo vào cuộc sống thì có thể kết nối con người xích lại gần với nhau hơn, giúp con người sống tri túc, có giới hạn và biết đấu tranh chống những tư tưởng không lành mạnh, giúp con người biết yêu thương lẫn nhau và tha thứ cho nhau. Ba là, đạo đức Phật giáo đề cao tinh thần phản tỉnh tự giác con người Phật giáo thiên về nội tâm, phản tỉnh hơn là xử lý các quan hệ bề ngoài. Cho nên Phật giáo phát huy tối đa tính tự chủ cá nhân trong việc thực hành các quy tắc đạo đức. Sự phán xét của đạo đức là ng- hiệp báo, nghiệp quả, nó điều chỉnh đạo đức của mỗi người theo quy luật nhân - quả. Mặt khác Phật giáo cũng không thừa nhận sự sáng tạo của một đấng siêu nhiên nào, mọi giá trị luân lý, đạo đức đều diễn ra trong thế giới nhân sinh chứ không phải do một thế lực nào chi phối. Đây là điểm ưu trội của Phật giáo so với các tôn giáo khác. Bốn là, đạo đức Phật giáo đề cao việc rèn luyện trí tuệ và giải thoát con người Mục tiêu tối hậu của đạo đức Phật giáo chính là giải thoát, là chấm dứt hết mọi khổ đau xuất phát từ “vô minh”. Trong Bát chánh đạo mà Ngài đã dạy thì Chánh kiến là đứng đầu tiên. Điều này nói đến yếu tố trí tuệ là kim chỉ nam cho sự giải thoát. Đức Phật đã từng nói rằng: “Như Lai chỉ là người

chỉ đường, mỗi người phải tự đi đến, không ai đi thế cho ai được". Đó là con đường của tự lực mỗi người. "Này các Tỷ kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác"29. Vai trò của trí tuệ đưa đến sự giải thoát, giác ngộ, nhận chân đúng sai, biết lắng nghe, chia sẻ để sống tốt hơn. Nhờ có trí tuệ nên con người hiểu rõ vô thường, vô ngã, nhờ vậy mà con người

29. Thích Minh Châu (2013), Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Kinh Tương Ưng bộ,, Phẩm Tự mình làm hòn đảo, Nxb. Tôn giáo, tr. 673.

biết nhàm chán, từ đó ly tham, sân, si, đưa đến đoạn tận khổ đau và giải thoát. Như vậy sự giải thoát của Phật giáo là sự đồng hành giữa từ bi và trí tuệ. Nó như hai con mắt của một con người. Nếu con người chỉ có một mắt thì không thể nhìn trọn vẹn sự vật. Từ bi mà thiếu trí tuệ thì chỉ là sự thương vay vác mướn, trí tuệ mà thiếu từ bi thì chỉ là những kiến thức khô khan. Do đó phải có cặp mắt từ bi và trí tuệ mới có thể nhận thức rõ bản chất sự vật. 4.2. Giá trị thực tiễn Một đặc sắc nữa của đạo đức Phật giáo là giá trị thực tiễn, sống động của những nguyên lý đạo đức Phật giáo, chúng ta phải là những khuôn mẫu ứng xử trong từng phút, từng giờ, từng ngày, từng tháng, từng năm và cả đời. Mỗi người phải bộc lộ thường xuyên bằng những suy nghĩ đạo đức, lời nói đạo đức cho tới hành động đạo đức... Nhờ vậy, đạo đức Phật giáo mới được hiện thực hóa. Đó cũng chính là giá trị thực tiễn mang tính giáo dục nổi bật nhất của Phật giáo. Trong thời đại kỹ thuật công nghệ 4.0 hiện nay, còn quá nhiều khoảng trống trong giáo dục đạo đức. Những vấn đề về đạo đức gia đình, đạo đức xã hội, những bổn phận và trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ cha mẹ với con cái, thầy với trò, vợ với chồng, bạn bè với nhau…. cần có tiêu chí để xác định đúng. Đạo đức Phật giáo có vai trò củng cố và bù đắp các thiếu hụt trong đời sống tinh thần, giúp con người an lạc thân tâm và sống thanh thản khi hiểu được các giá trị cuộc sống mà đạo đức Phật giáo đem lại. Đó chính là giá trị thực tiễn thiết thực nhất của đạo đức Phật giáo. Tóm lại, thông qua việc tìm hiểu các giá trị cơ bản của đạo đức Phật giáo, chúng ta có thể tìm thấy nhiều nội dung tư tưởng mang tính giáo dục sâu sắc. Mục tiêu giáo dục của đạo Phật là con người giác ngộ, con người có năng lực tự giải thoát để đạt tới hạnh phúc mà không cần đến đấng tối cao nào giúp đỡ. Đạo đức Phật giáo luôn nhắc nhở mọi người phải làm chủ các giác quan, ý thức trong

suy nghĩ, lời nói, hành động để bớt đi đau khổ của nghiệp ác. Trong đó Giới là con đường bắt đầu và duy nhất đưa đến giải thoát. Nhờ giới mà sinh định, nhờ định phát tuệ. Muốn đi đến mục đích cứu cánh tối thượng không gì hơn là phải hành trì, tôn trọng giới luật để có một cuộc sống hoàn toàn an lạc, hạnh phúc ngay trong cuộc đời này và tại đây. Do đó, suy cho cùng giá trị nền tảng và cơ bản nhất của đạo đức Phật giáo là giá trị nhân bản và giá trị thực tiễn, tức là thực hành cái tính nhân bản đó. KẾT LUẬN Như vậy, đạo đức Phật giáo đã và đang ảnh hưởng đến đạo đức con người Việt

Nam hiện nay. Đạo đức Phật giáo nổi bật với tư tưởng về hành thiện, từ bi, đem tình yêu thương đến với mọi người, tu tâm, và xây dựng các mối quan hệ xã hội đã định hướng cho lý tưởng sống con người và trở thành kim chỉ nam hướng con người đến Chân – Thiện – Mỹ. Chính vì vậy, mà con người đã tìm thấy ở đạo đức Phật giáo một nơi để gửi gắm niềm tin, một niềm an ủi tinh thần che chở họ trước những cám dỗ và thử thách của cuộc đời. Phật giáo cũng như các giá trị truyền thống của dân tộc luôn đề cao và ca ngợi những giá trị cao quý của lòng nhân ái, tình yêu thương con người và sống hài hòa với tự nhiên. Phật giáo lấy con người làm trung tâm để thấu hiểu nỗi khổ của con người và tìm cách giải thoát con người khỏi nỗi khổ đó. Với phương châm "từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha", Phật giáo hướng con người đến một lối sống nhân bản biết yêu thương, đem niềm vui và quan tâm đến với mọi người mà quên mình, hướng con người biết cảm thông với những người có hoàn cảnh khó khăn, biết sống vì người khác, tiến tới xây dựng một xã hội nhân ái, lành mạnh. Có thể nói đạo đức Phật giáo với những giá trị tinh túy của mình đã được người Việt Nam tiếp nhận và biến thành một phương thức để thỏa mãn tinh thần không chỉ trong lịch sử mà còn cả trong hiện tại. Với triết lý "hướng thiện, vô ngã vị tha" đạo Phật đã dễ dàng đi vào lòng người, có tác dụng hoàn thiện nhân cách đạo đức con người. Thực tế đã chứng minh đạo đức Phật giáo và đạo đức

con người Việt Nam có nét tương đồng. Phật giáo đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và sống trong lòng dân tộc Việt Nam. Ngày nay, trước những biến đổi của thời đại, các giá trị đạo đức Phật giáo lại một lần nữa được kiểm chứng. Chính đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam trong những năm qua cho thấy Phật giáo đang được hồi sinh. Hội thảo 35 năm thành lập và phát triển Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh là minh chứng cho sự hồi sinh ấy. Với phương châm Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội, tốt đạo đẹp đời, Phật giáo nói chung và đạo đức Phật giáo nói riêng đã có những đóng góp to lớn cho công cuộc đổi mới của đất nước. Do đó nghiên cứu nội dung tư tưởng đạo đức Phật giáo, nhìn nhận và đánh giá nó là một điều vô cùng quan trọng để tìm hiểu lịch sử cũng như định hướng cho sự phát triển nhân cách, tư duy, giáo dục đạo đức, lối sống con người Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

***

Tài liệu tham khảo Thích Minh Châu dịch (1993), Kinh Tương Ưng bộ III, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. HCM. Đoàn Trung Còn (1992), Phật học Từ điển, Nxb. TP. HCM. Doãn Chính (2008), Tư tưởng giải thoát trong triết học Ấn Độ cổ đại, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Doãn Chính (Chủ biên, 2015), Lịch sử triết học phương Đông, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Học viện Chính trị Quốc gia (2000), Giáo trình đạo đức học, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2000), Từ điển Bách khoa Việt Nam 1 (A-Đ), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà

Nội. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Nguyễn Đình Tường (2006), „Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trước tác động của toàn cầu hóa“, Triết học, số 5. Huỳnh Khái Vinh (Chủ biên, 2001), Một số vấn đề về lối sống đạo đức, chuẩn giá trị xã hội, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Thích Minh Thành chuyển ngữ (2013), Đạo đức đa tôn giáo, tập 1, Nxb. Phương Đông, TP. HCM. Trần Văn Giàu (1993), Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Duy Hinh (1999), Tư tưởng Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội. Đặng Thị Lan (2006), Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam hiện nay, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. Nguyễn Tài Thư (1997), Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo

đối với con người Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Viện Triết học (1986), Những vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội. Thích Minh Châu (2002), Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1995), Đạo đức học Phật giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Hammalawa Saddhatissa, Thích Thiện Chánh dịch (2017), Đạo đức học Phật giáo, Nxb. Hồng Đức.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG HIỆN NAY TS. Trần Đức Nguyên - Ths. Lưu Ngọc Thành*

Phật giáo và giáo dục Phật giáo gắn bó với dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Ở mỗi thế kỷ, Phật giáo đều thể hiện vai trò của mình đối với cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Trong xã hội đương đại, với tinh thần “Nhập thế”, Phật giáo đã và đang thể hiện vai trò to lớn của mình trong việc giáo dục đạo đức xã hội để hướng cộng đồng đến với thiện diệt ác, nhân duyên, quả nghiệp… Giáo dục Phật giáo với các nội dung cụ thể gắn với thực tiễn đời sống đã góp phần lớn vào việc cảm hóa cộng đồng trên nhiều phương diện khác nhau để xây dựng một xã hội văn minh, hiện đại và tiến bộ. Từ đó, nhóm tác giả bài viết đã nêu ra những việc làm mà Phật giáo nên xem xét để hoạt động giáo dục sẽ đi sâu vào đời sống của cộng đồng cư dân ở nước ta hiện nay. ĐẶT VẤN ĐỀ Giáo dục Phật giáo trong truyền thống và đương đại đã đóng vai trò to lớn trong việc cảm hóa cộng đồng từ bỏ tham ác và hướng đến tính thiện. Từ đó, giáo dục Phật giáo giúp cho cộng đồng có những giác ngộ về bản thân và thực hành những điều đúng với đạo đức xã hội, với truyền thống dân tộc… Nhóm tác

*. Khoa Di sản văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

giả bài viết tập trung trình bày các vấn đề như: Sự hiểu về giáo dục Phật giáo; Khái quát về các cơ sở giáo dục Phật giáo ở nước ta hiện nay; Những nội dung cơ bản của giáo dục Phật giáo đang được triển khai trong đời sống thực tiễn hiện nay; Phát huy vai trò của giáo dục Phật giáo đối với cộng đồng hiện nay. Đó là các vấn đề đưa ra có tính chất gợi mở để xem xét và thảo luận khi bàn về giáo dục Phật giáo dành cho cộng đồng cư dân ở nước ta hiện nay cụ thể như sau: 1. SỰ HIỂU VỀ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO Theo

nhóm tác giả bài viết: Trong truyền thống và hiện đại, giáo dục Phật giáo được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu về nội dung giáo lý của nhà Phật. Từ đó, bồi dưỡng, phát triển từng con người hoàn thiện hơn về mặt trí thức và tâm thức, có phẩm hạnh, đạo đức tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội. Giáo dục Phật giáo góp phần phát triển trí tuệ, thấu hiểu bản chất thật sự của các pháp, hiểu được những điều chân thực và có giá trị trong cuộc sống, loại bỏ những quan điểm sai lầm, trái đạo đức xã hội. Trên thực tế, giáo dục Phật giáo là một quá trình tiệm tiến: Nghe giảng dạy, ghi nhớ, suy nghiệm và thực tập, nó được xem như là một tiến trình giáo dục, không phải chỉ xảy ra trong một thời điểm mà là một quá trình diễn biến theo thứ bậc. Mặt khác, giáo dục Phật giáo không chỉ là việc dạy và việc học mà còn là quá trình chuyển hóa nội tâm, cải tạo cái xấu, thay thế, bồi dưỡng và phát huy cái tốt, trang bị cho mỗi con người những nhận thức chính kiến, đức tin chân chính và những phẩm chất tâm linh cao thượng để mỗi người có thể làm hành trang riêng cho đời sống cá nhân với sự an lạc, hạnh phúc ở các phạm vi khác nhau. Tuy nhiên, giáo dục Phật giáo không đào tạo con người trở thành con người nghề nghiệp mà giáo dục con người trở thành con người an lạc và hạnh phúc. Con đường giáo dục của Phật giáo khá thiết thực và thực tiễn. Vì vậy, giáo dục Phật giáo là hoạt động giảng dạy hệ thống giáo lý cho từ cá nhân theo học để hướng đến sự phát triển toàn diện

của họ qua các mặt của đời sống, đặc biệt là tâm thức, nhằm tạo ra một đời sống trí tuệ và hạnh phúc. 2. KHÁI QUÁT VỀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY Ngay từ khi mới du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã được người Việt đón nhận một cách chủ động bởi tư tưởng của Phật giáo rất gần gũi với văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Cùng với chiều dài lịch sử dân tộc, những giá trị đạo đức Phật giáo như: Tinh thần đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, rất gần gũi với tâm tư, tình cảm của người dân Việt Nam. Tư tưởng “Từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn” của nhà Phật đã hòa quyện với tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa của Việt Nam. Trong suốt quá trình tồn tại, đạo Phật đã không ngừng truyền bá các giáo lý và tư tưởng đạo đức của mình. Sự truyền bá đó không chỉ có ảnh hưởng đến cộng đồng cư dân. Cùng với việc truyền đạt các tư tưởng đạo đức, các giáo lý, Phật giáo còn tích cực đào tạo cho mình một đội ngũ trí thức. Chính đội ngũ trí thức tôn giáo này sẽ làm nòng cốt trong việc bảo tồn và phát triển đạo Phật, đồng thời làm phong phú thêm hệ thống tri thức đạo đức Phật giáo ở Việt Nam thông qua việc dịch kinh sách nhà Phật, học tập và truyền đạt những tri thức đạo đức Phật giáo mới tạo điều kiện, cơ sở cho việc hình thành những quan niệm sống tích cực, nhân bản. Trong điều kiện kinh tế thị trường, đã làm phát sinh lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất mà quên đi giá trị tinh thần, chạy theo tiền tài và danh vọng mà quên đi việc hoàn thiện nhân cách. Khuynh hướng đó đã làm băng hoại các truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Để giải quyết tận gốc các hiện tượng tiêu cực trên đây, Đảng và nhà nước kịp thời đưa ra các định hướng về giá trị đạo đức xã hội, đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh thiếu niên. Việc kế thừa, tiếp thu sáng tạo nội dung tinh thần của đạo Phật và áp dụng nó một cách linh

hoạt, mềm dẻo vào đời sống xã hội là việc làm cần thiết hiện nay. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của đất nước, Phật giáo Việt Nam cũng có những bước phát triển khá toàn diện trên mọi lĩnh vực, trong đó hệ thống giáo dục Phật giáo phát triển

phải kể đến như: "... sau 25 năm đổi mới, Phật giáo Việt Nam đã có 3 Học viện Phật giáo Bắc tông (ở Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh), 01 Học viện Phật giáo Nam tông Khmer ở Cần Thơ; 8 lớp Cao đẳng Phật học và 30 trường trung cấp Phật học (phía Bắc 8 trường, từ Thừa Thiên - Huế trở vào có 22 trường) để đáp ứng nhu cầu đào tạo Tăng ni sinh trẻ kế thừa, 100 lớp Phật học cơ bản. Hàng năm có trên 5.000 Tăng ni theo học các cấp và có trên 500 vị đang theo học chương trình sau đại học ở nước ngoài" [5, tr.48]. Hệ thống giáo dục các cấp, đặc biệt hệ cao đẳng và đại học đang từng bước được hoàn thiện, chương trình giáo dục, nội dung giáo dục cũng đi vào giai đoạn hoàn chỉnh, số lượng tăng học, tu sĩ tham gia ngày càng đông đảo. "Có thể khẳng định rằng, giống như tinh thần của Phật giáo, giáo dục Phật giáo hiện nay đã có một vị trí, vai trò rất lớn trong nền giáo dục nước nhà" [5, tr.48]. Đến nay, về trình độ Phật học, toàn "Thành phố Hà Nội có 05 Tăng ni có trình độ tiến sĩ, 33 Tăng ni có trình độ thạc sĩ, 417 Tăng ni có trình độ cử nhân, 49 Tăng ni có trình độ cao đẳng, 554 Tăng ni có trình độ trung cấp. Về các chuyên ngành xã hội, có 04 Tăng ni có trình độ tiến sĩ, 18 Tăng ni có trình độ thạc sĩ, 88 Tăng ni có trình độ cử nhân" [5, tr.49]. Giáo dục Phật giáo góp phần làm phong phú thêm tâm hồn, đạo đức, hành vi cư xử của người Việt. Với tinh thần và ý nghĩa giáo dục rất to lớn với dân tộc, Phật giáo có vai trò to lớn trong đời sống tinh thần dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử. Theo tác giả Trần Thị Hoài Phương: "Mục đích của Phật giáo không phải chỉ đem lại cho người Phật tử cảm giác yên ổn nơi hiện thế mà xa hơn là đem lại sự an lạc miên viễn. Sự an lạc của tâm hồn chan hòa với một xã hội phồn vinh, thực hiện phương châm tốt đời, đẹp đạo. Sự an lạc đó chỉ có thể đạt được bằng chính sự tu tập của người Phật tử thường bắt đầu bằng sự học hỏi" [5, tr.50]. Do đó, hệ thống giáo dục Phật giáo hiện đại phải hiện thực hóa mục đích này bằng con đường xã hội hóa, tức là đưa đạo Phật vào đời sống hiện tại và thực hiện các giáo lý do đức Phật đề ra đến với từng cá nhân và cộng đồng trong xã hôi đương đại.

3. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI TRONG ĐỜI SỐNG THỰC TIỄN HIỆN NAY

Có thể khẳng định, giáo dục Phật giáo có một vai trò rất lớn trong việc phát triển đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng. Phật giáo đã đi vào tâm thức của hầu hết người dân Việt Nam, điển hình phải kể đến là việc đi chùa lễ ngày rằm, mồng một của rất đông bộ phận dân cư, hay các ngày lễ lớn của Phật giáo, mọi người về chùa tham dự rất đông và lấy chùa làm nơi tu tập tìm chốn bình yên nơi tâm hồn. Đồng thời, từng cá nhân sẽ được dạy các điều cơ bản nhất để hoàn thiện bản thân, gạt bỏ đi những tham vọng cá nhân. Do đó, hoạt động giáo dục Phật giáo đã và đang đứng ở vị trí khá cao trong đời sống tinh thần của người dân ở khắp các vùng, miền trong cả nước. Nội dung cơ bản của giáo dục Phật giáo tập trung vào 04 vấn đề chính như sau: 1. Giáo dục Phật giáo hướng đến hoàn thiện đạo đức cá

nhân, Trước hết là việc giáo dục tinh thần từ bi, hướng thiện. Phật giáo cho rằng: “Mọi người đều như nhau, mọi người đều bình đẳng, phải yêu thương lẫn nhau. Hãy nhìn thế giới xung quanh bằng ánh mắt vị tha hơn, bao dung hơn. Với tâm từ bi, với lòng yêu thương con người, Phật giáo đã phá đi hàng rào ngăn cách vô nhân đạo giữa con người với con người” [5, tr.29]. Quan niệm về từ bi, hỷ xả và tính hướng thiện của Phật giáo mang tinh thần tư tưởng bình đẳng, bác ái, hoà bình mang tính chất sâu sắc trong giáo dục đạo đức. Từ đó góp phần giáo dục nhận thức để hoàn thiện nhân cách con người thông qua những việc làm ý nghĩa cụ thể: “Cứu giúp người hoạn nạn; tinh thần lá lành đùm lá rách; triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ; giúp con người sống cuộc đời đạo đức, lành mạnh vì xã hội văn minh và phát triển” [5, tr.30]. Tiếp đến là giáo dục nếp sống lành mạnh thông qua giữ gìn giới luật. Giới luật được hiểu là ngũ giới không được phép vi phạm (Không: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu). Những vấn đề ngũ giới đặt ra nhằm ngăn ngừa sự nguy hại đến tư cách đạo đức con người và khuyến khích việc thực hành các điều tốt trong xã hội trên tinh thần rèn luyện, tu

dưỡng thể - trí - đức. Nhìn chung, ngũ giới là những nét đặc thù của nền giáo dục Phật giáo, nó tương quan với Tứ Vô Lượng Tâm, Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ và với các giáo lý khác của Phật giáo. Tu tập ngũ giới là con người đã tự hoàn thiện nhân cách, sống một cuộc đời đạo đức, an lạc và hạnh phúc toàn diện. Giữ gìn ngũ giới tốt đẹp, từng cá nhân sẽ sống khỏe mạnh, thọ trường, an lạc, thiện lành, hạnh phúc bền lâu. 2. Xây dựng các mối quan hệ bình đẳng, khoan dung, tôn trọng lẫn nhau trong gia đình, xã hội: Trước hết là tư tưởng bình đẳng trong Phật giáo được đề cao trong các kinh luận của Phật giáo. Xuất phát từ quan điểm bình đẳng, Phật giáo đề cao con người phải yêu thương lẫn nhau và nhận diện xung quanh bằng ánh mắt vị tha hơn, bao dung để hạn chế những tư tưởng, hành vi bản ngã có tính tự nhiên của từng cá nhân con người. Với thuyết vô thường, vô ngã, Phật giáo muốn đem lại cho các tín đồ của mình một triết lí sống vị tha, nhân bản theo tinh thần “Từ bi, hỷ, xả, vô ngã, vị tha”, để con người có thể nhân ái, yêu thương, thông cảm, chia sẻ với những nỗi đau khổ của người khác và giúp đỡ người khác vượt qua nỗi khổ... Phật giáo đã giáo dục các cá nhân trong cộng đồng khi làm việc tốt đều không một chút đắn đo tính toán, không mong được báo đáp, không vì lợi danh. 3. Giáo dục đạo đức môi trường: Hiện nay, quan điểm giáo dục của Phật giáo về thái độ sống bảo vệ môi sinh trong điều kiện hiện nay: Cần nhận thức rõ con người có mối liên hệ mật thiết với thiên nhiên và môi trường sống; ý thức bảo vệ môi sinh, khai thác tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt để chạy theo lợi nhuận kinh tế thị trường; Thực hành nếp sống hướng thiện, tôn trọng sự sống, sống gần thiên nhiên, yêu thiên nhiên; Loại bỏ mọi ham muốn vô thức đối với tài nguyên thiên nhiên để trục lợi làm giàu thì sẽ bị thiên nhiên trừng phạt; thực hành nếp sống yêu thiên nhiên, tôn trọng thiên nhiên và giáo dục tuyên truyền cho cộng đồng về giá trị của thiên nhiên mang lại cho cuộc sống quý giá này. 4. Giáo dục lối sống lành mạnh, tích cực, hướng đến hạnh phúc,

an lạc: Giáo dục Phật giáo với rất nhiều giáo lý khuyên răn con người, xây dựng cho con người một lối sống lành mạnh, tích cực, từ đó hướng đến những giá trị hạnh phúc để được hưởng cuộc đời an lạc. Trước hết, Phật giáo khuyên con người sống ở đời phải nhớ "Tứ ân": ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn quốc gia, ơn tam bảo. Tiếp đến là những giá trị tích cực, thiết thực góp phần giáo huấn con người, giúp cho con người vững bước trước những cám dỗ của cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân bản. Còn hạnh phúc chính là con người phải biết quay về với đời sống tinh thần tu tập, diệt trừ mọi phiền não để tâm hồn thanh tịnh, an lạc ngay trong kiếp sống hiện tại, là con người biết quay về với đời sống tâm linh cao cả, đó là phần tinh túy nhất của con người, được sống quay về với chính mình và hiện tại. Trên thực tế, các nội dung giáo dục này đã được các nhà sư là các Tăng ni ở các ngôi chùa đã và đang thực hiện cho cộng đồng cư dân thông qua các dịp lễ trong tháng, trong năm. Có thể dẫn ra các buổi sinh hoạt cộng đồng nhân các ngày kỷ niệm của Phật giáo, trong đó tại miền Bắc có ngày quy y cửa Phật (Ngày ra quy) dành cho nữ giới hàng năm, các vị sư trụ trì tại các ngôi chùa đã tổ chức buổi sinh hoạt để thuyết giảng về giáo lý của nhà Phật cho cộng đồng nghe, hiểu và có những suy ngẫm trong cuộc sống. Từ đó, cộng đồng có thể vận dụng khi thực hành các hoạt động của mình tại gia đình và ngoài xã hội được tốt hơn. 4. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG HIỆN NAY Trong truyền thống và hiện đại, những người theo đạo Phật hiện diện ở khắp các lĩnh vực sinh hoạt của đời sống xã hội. Mỗi làng xóm đều có ít nhất một ngôi chùa. Ở nước ta, các vị lãnh đạo Phật giáo đã kiên trì, nhẫn nại quảng bá giáo lý của đạo Phật để từ đó giáo dục thế hệ trẻ và chuyển hóa thế giới theo hướng tích cực vì một xã hội dân chủ, tiến bộ, công bằng và văn minh. * Về giáo dục tâm linh cũng như về tư duy triết học và khoa học, đạo Phật hàm chứa các giá trị vô giá đã và đang được nghiên cứu.

Đạo Phật đã và đang có những đóng góp sâu sắc thiết thực cho nhiều ngành khoa học như tâm lý học, vật lý học, sinh học, thần kinh học và nhận thức học. Những đóng góp này ngày càng được nhiều chuyên gia khoa học kiểm chứng, nhận định và ngưỡng vọng. * Về giáo dục đạo đức, đạo Phật chủ trương đi từ tự giác, đến giác tha, để cuối cùng đạt cứu cánh giác hạnh viên mãn. Đạo Phật cũng nhấn mạnh thân giáo (làm gương) và tùy duyên, tùy căn cơ từng đối tượng mà hướng dẫn, giảng dạy. Quan trọng hơn hết, mỗi Phật tử phải tự mình làm hòn đảo của chính mình, tự mình tu học và "nương Chánh Pháp, chọn cho mình phương pháp rèn luyện phù hợp, vạch ra con đường tu học suốt đời, nhằm đoạn tận vô minh và khổ đau, đạt đến trí tuệ giải thoát viên mãn" [2, tr.27]. Từ khi sinh ra, con người đã được nuôi dưỡng trong môi trường tuần hoàn khép kín: Gia đình - xã hội. Trong môi trường gia đình, cha mẹ là những người thầy cô đầu tiên của con cái. Qua việc giữ mình, làm gương, hành xử đúng mực, các bậc phụ huynh đã dạy cho con em mình rất nhiều thứ. Khi ra ngoài làng xóm, Tăng ni và thầy cô có vai trò lớn trong việc góp phần giáo dục lớp trẻ, trước hết bằng ngôn

ngữ, thái độ và hành vi của mình. Gương tu tập của cha mẹ và người lớn phải soi sáng cho thanh thiếu niên, hướng con em mình vào chính đạo qua từng bước sửa đổi, chuyển hóa bản thân, từ bỏ tham lam vô độ, để có một cái nhìn đúng đắn về mọi sự vật. Bên cạnh các lớp học Phật pháp dành cho mọi lứa tuổi, từ sinh hoạt của gia đình, các nhà sư còn giúp cho các bậc phụ huynh phát những nhu cầu hay năng khiếu đặc biệt của con em mình và từ đó phối hợp với nhà trường kịp thời giúp đỡ các em đó phát triển phù hợp. Do đó, mỗi ngôi chùa tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn mà xây dựng thêm thư viện tại chỗ, thiết lập những phòng thiền, phòng hướng dẫn tâm linh (gần giống "tư vấn tâm lý") trong chùa hay ở nơi thanh tịnh, tránh xa những nơi ồn ào. Đó là điều khả thi, hợp lý, vừa đáp ứng nhu cầu học hỏi mở mang tri thức cho toàn dân vừa thu hút mọi lứa tuổi, thành phần đến gần hơn với đạo Phật. Đây cũng là phương pháp mà giáo dục Phật giáo có thể hỗ trợ tích cực nhất cho xã hội trong việc giáo dục cộng đồng hiện nay. Tại cơ sở, các trường học và khu phố,

làng xóm nên thu xếp thời gian mời các vị sư từ các ngôi chùa đến nói chuyện với cộng đồng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến các em học sinh, thanh thiếu niên về vấn đề tâm linh, hướng dẫn họ tập hành thiền, thư giãn, từ bỏ các ham muốn hư danh, từ đó thay bằng chính kiến, giải đáp các thắc mắc về bản thân, gia đình, xã hội. Các nhà sư trụ trì tại các ngôi chùa chính là người giúp giải tỏa những ngộ nhận về đạo Phật trong cộng đồng cư dân, giúp thay thế các hình thức sinh hoạt lễ nghi nặng nề hình thức, lãng phí thời gian, tiền bạc bằng các phương cách tu tập giản dị, chú trọng ảnh hưởng tốt lành cho thân tâm, cụ thể là việc tổ chức những khóa tịnh tu cho mọi lứa tuổi, giới tính khác nhau trong xã hội. Trên thực tế, xã hội hiện đại ngày càng tạo nhiều căng thẳng cho tinh thần con người, do đó việc đưa thiền vào sinh hoạt nơi học đường, khu dân cư ở cơ sở là điều rất quan trọng mà các nhà sư và chính quyền địa phương nên chủ động trong việc thực hiện này để việc giáo dục cũng như hướng cộng đồng đến với vấn đề trên được hanh thông. * Về giáo dục học thuật: Các nhà sư và cộng đồng (là những người am hiểu về đạo Phật) có thể đóng góp ý kiến xây dựng chương trình học sao cho phù hợp yêu cầu thực tế, giúp người dân phát huy khả năng của bản thân để thực hiện những công việc có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, đặc biệt trong việc giáo dục con em trong môi trường gia đình. Đồng thời, chính họ sẽ góp ý, góp sức, hợp tác với nhà trường - nơi con em mình đang học tập để cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện dạy và học ngay tại địa phương. Tăng ni cũng chính là ngọn cờ có thể tập hợp và vận động cộng đồng xây dựng trường lớp tại chính địa phương và ủng hộ quyên góp cho các quỹ vì sự phát triển của xã hội. Đồng thời, giáo dục Phật giáo cũng tác động đến người làm quản lý ở vị trí lãnh đạo trong bộ máy các cấp chính quyền, có thể góp phần vào xây dựng đường lối chính sách giáo dục công bằng và khoa học cho toàn dân. Vì vậy, từng cá nhân trong cộng đồng nên trang bị cho mình một tri thức lý luận khoa học bằng cách không ngừng học hỏi, trao đổi, rèn luyện, cập nhật hóa kiến thức, mục đích nhằm mở rộng tầm nhìn về con người, dân tộc, quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

* Về mặt giáo dục thẩm mỹ, Phật giáo có nền văn hóa nghệ thuật, thi ca, nhiếp ảnh, hội họa, âm nhạc... có thể được giới thiệu đến với cộng đồng cư dân qua nhiều cách: qua sinh hoạt vào các ngày lễ (Phật đản, Vu lan, ngày rằm, mồng một hàng tháng...) tại các ngôi chùa hay tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh tại cơ sở. Vì vậy, các sư trụ trì tại các ngôi chùa cùng với chính quyền địa phương nên tập hợp cộng đồng để tổ chức các buổi sinh hoạt tại không gian từng ngôi chùa cụ thể, đặc biệt là dành cho học sinh ngay từ các lớp nhỏ có thể đến sinh hoạt và học tập vào mùa hè hàng năm. Từ đó, cộng đồng có thể đóng góp công sức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của Phật giáo tại địa phương trong các dịp lễ lớn được tổ chức tại các ngôi chùa. * Về giáo dục sức khỏe, các ngôi chùa là những nơi cộng đồng có thể học được cách ngăn ngừa những thói quen sinh hoạt có hại cho sức khoẻ, thay thế chúng bằng những sinh hoạt lành mạnh như hoạt động vận động cho mọi lứa tuổi (thể dục, thể thao), sáng tác nghệ thuật dành cho trẻ em (học nhạc, điêu khắc, hội họa)... Đó là cộng đồng có thể trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ, lắng nghe các Tăng ni trong chùa hướng dẫn, chỉ dạy những điều cần biết để trang bị cho mình một nếp sống lành mạnh về thể chất lẫn tinh thần. KẾT LUẬN Với tinh thần "Nhập thế" đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo đã và đang thực hiện sứ mệnh cao cả của mình trong việc giáo dục cộng đồng tại từng đơn vị cơ sở. Việc làm này mang ý nghĩa to lớn để giáo dục Phật giáo hòa nhập sâu đậm và cống hiến vào sự nghiệp giáo dục chung của dân tộc bằng nhiều cách. Trong xu thế hiện nay, số lượng người theo đạo Phật ngày một tăng lên, do đó nhiều nguồn nhân lực, tài lực trong lẫn ngoài nước có thể góp phần vào việc xây dựng một hệ thống giáo dục nhân bản, dân tộc, khoa học, bình đẳng và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục của đất nước, trong đó giáo dục Phật giáo dành cho cộng đồng đang được nhận diện và đánh giá cao. Do đó, Phật giáo nên đa dạng hóa nhiều hoạt động phục vụ cho sự nghiệp giáo dục của mình được bền vững trong đời sống cộng đồng hiện nay.

Tài liệu tham khảo Floyd H.Ross, Tynette Hills (Dịch giả Thích Tâm Quang), Những tôn giáo lớn trong đời sống nhân loại, Nxb. Tôn giáo, TP.HCM, 2007, tr.73. Kinh Pháp cú (1978), kệ số 25 bản chú giải của Ngài Narada Thera. Nguyễn Văn Mạnh, "Phật giáo với việc giáo dục đạo đức, lối content&view=article&id=1774. Sugata Priya (2008), Tham luận "Phật giáo đóng góp về công bằng xã hội và dân chủ" tại Đại hội Vesak, Thích Giác Hiệp chuyển ngữ. Trần Thị Hoài Phương (2016), "Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay", Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. Đào Văn Trưởng*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ Trải qua hơn 2.500 năm hình thành và phát triển, Phật giáo với tấm lòng từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha, thương yêu cứu vớt chúng sinh khỏi trầm luân đau khổ; tinh thần đại trí, đại hùng, đại dũng, đại lực, đại từ bi; Phật giáo đã, đang và sẽ tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Như nhận định của nhà vật lý học thiên tài người Đức, Albert Einstein: "Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó"1. Với vị thế đó, Phật giáo và giáo dục Phật giáo được đánh giá là một trong những nhân tố đóng vai trò quan trọng và tích cực trong giải quyết nhiều

*. Trường Đại học Tây Bắc. dao_Phat

vấn đề có tính chất toàn cầu hiện nay như mâu thuẫn, xung đột chiến tranh, bạo lực, nghèo đói, dịch bệnh, bất bình đẳng xã hội, phân hóa giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... với mục tiêu hướng đến một thế giới hòa bình, an lạc và phát triển bền vững. Thành phố Hồ Chí Minh một trong những đô thị trẻ, được đánh giá là năng động bậc nhất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á cũng đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn, tắc nghẽn giao thông, tệ nạn xã hội... Do đó, phát triển bền vững là lựa chọn tất yếu khách quan của thành phố. Và trong chiến lược phát triển ấy, Phật giáo và những nền tảng, triết lý của giáo dục Phật giáo được kỳ vọng là nhân tố quan trọng trong việc định hình một thành phố Hồ Chí Minh ổn định, tươi trẻ, năng động, hội nhập và phát triển bền vững trong tương lai. 2. NỘI DUNG 2.1. Khái quát chung về Phật giáo và Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh Phật giáo (hay đạo Phật) - tôn giáo của hòa bình, đạo đức, trí tuệ, lòng nhân ái, tình yêu thương, tinh thần bình đẳng, bác ái, sự sẻ chia và kết nối ra đời vào khoảng thế kỷ VI trước công nguyên tại vùng đất thuộc Nepal ngày nay, bởi một bậc đại trí, đại dũng, đại từ bi, đại giác ngộ là Siddhartha Gautama (tức Tất-Đạt-Đa-Cồ Đàm), hay Sakyamuni thường được gọi là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (nghĩa là bậc giác ngộ, bậc trí giả của dòng dõi Thích Ca). Sinh thời, Đức Phật có cha là đức vua Tịnh Phạn và mẹ là hoàng hậu Mahamaya, sống tại kinh đô Ca-tỳ-la-vệ, vương quốc Thích Ca (một tiểu quốc nhỏ nằm ở vùng biên giới giữa Ấn Độ và Nepal ngày nay). Mặc dù, ở địa vị tôn nghiêm, cao quý là Thái tử, tương lai sẽ là người kế nhiệm ngai vàng, trị vì vương quốc; sống cuộc sống giàu sang, phú quý, nhung lụa đủ đầy, kẻ hầu người hạ trong hoàng cung xa hoa, tráng lệ, là niềm mơ ước của biết bao người trong thế gian nhưng Đức Phật đã quyết tâm từ bỏ tất cả để tìm kiếm và khai phá con đường giải thoát cho chúng sinh khỏi vòng quay luân hồi của sinh, lão, bệnh, tử. Dưới cội cây Bồ Đề, Người phát nguyện rằng:

“Ta ngồi dưới cội này nếu không đạt được đạo thì dù xương tan, thịt nát cũng không rời khỏi nơi đây”2 và sau 49 ngày đêm thiền định dưới cội Bồ Đề, Người đã viên mãn toàn giác, nhập đại Niết bàn. Đức Phật đã khám phá ra quy luật vận hành của vũ trụ, bí mật của lịch sử mà con người và chúng sinh tìm kiếm bấy lâu nay. Tất cả nằm trong “Tứ diệu đế” (tức bốn chân lý kỳ diệu, vi diệu, và tối thượng; là toàn bộ nền tảng, triết lý và tinh thần của Phật giáo) gồm: Đế thứ nhất (Khổ đế) nghĩa là con người và vạn vật sinh ra trong vũ trụ này là khổ; Đế thứ hai (Tập đế) chỉ ra nguyên nhân của Khổ là do vô minh và ái dục; Đế thứ ba (Diệt đế) tức khẳng định con người và chúng sinh có thể diệt Khổ thông qua con đường đạo đức, trí tuệ, diệt trừ vô minh và ái dục; Đế thứ tư (Đạo đế) là con đường, phương pháp để diệt Khổ đạt đến sự giải thoát, giác ngộ, viên mãn, an lạc và thanh tịnh. Tại Việt Nam, Phật giáo được du nhập từ khá sớm, khoảng thế kỷ III trước công nguyên bằng đường biển, do những Thiền sư người Ấn Độ trực tiếp truyền bá Phật pháp như: Ma Ha Kỳ Vực (Mahajtivaka), Khâu Đà La (Ksudara)... Trong đó, phải kể đến Thiền sư, nhà truyền giáo người Ấn tên Khâu Đà La (hay Ksudra) gắn liền với trung tâm Phật giáo quốc tế Luy Lâu (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam) - một trung tâm Phật giáo quốc tế của khu vực châu Á thời cổ đại (Ngoài ra, châu Á thời kỳ đó còn có hai trung tâm Phật giáo khác là Bành Thành và Lạc Dương thuộc Trung Quốc nhưng xuất hiện muộn hơn và không lớn bằng trung tâm Luy Lâu). Phật trong tiếng Ấn Độ gọi là Budda (tức bậc đại trí giả, đại giác ngộ) khi dịch và phiên âm sang tiếng Việt, Phật được gọi bằng một cái tên hết sức thuần Việt là “Bụt”, hay ông Bụt trở thành một vị thần linh hết sức gần gũi, nhân từ, thân thuộc của người Việt và cho người Việt, luôn có mặt tương trợ, giúp đỡ con người trong những lúc khó khăn, tai ương, hoạn nạn, là biểu tượng của tình yêu thương và lẽ công bằng luôn cứu giúp những người hiền lành, thật thà, lương thiện và trừng trị những kẻ gian ác. Phật giáo cũng được bản

phat/7262-Nguon-goc-cua-dao-Phat.html

địa hóa, việt hóa cho phù hợp với đặc điểm truyền thống văn hóa sản xuất nông nghiệp lúa nước, tín ngưỡng “đa thần”, “vạn vật hữu linh” của người Việt để hình thành nên hệ thống thờ thần tứ Pháp mang đậm bản sắc, tư tưởng và triết lý của Phật giáo Việt Nam: là Phật Pháp Vân (tức thần Mây), Phật Pháp Vũ (tức thần Mưa), Phật Pháp Lôi (tức thần Sấm), Phật Pháp Điện (tức thần Chớp). Đây là những vị thần, vị Phật có năng lực siêu nhiên, biểu tượng cho sức mạnh của thiên nhiên, có tác động trực tiếp đến đời sống sản xuất nông nghiệp của người Việt. Trong các giai đoạn tiếp theo, trải qua những bước thăng trầm cùng lịch sử dân tộc và thời đại, Phật giáo ngày càng ăn sâu, bám rễ và trở thành một phần không thể thiếu trong việc định hình bản sắc văn hóa, bản lĩnh, cốt cách và trí tuệ con người Việt Nam; với vai trò “nhập thế”, “hộ quốc an dân” Phật giáo luôn đồng hành cùng quốc gia, dân tộc trong những thời khắc quan trọng của lịch sử dân tộc và thời đại. Tiêu biểu như thời đại Lý - Trần, Phật giáo được đánh giá là phát triển mạnh mẽ, đạt cực thịnh và có những đóng góp quan trọng trong việc trị quốc an dân; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, mở rộng cương vực lãnh thổ quốc gia, xây dựng và phát triển đất nước thịnh trị, nâng cao

vị thế của Việt Nam trong khu vực Đông Á và trên trường quốc tế với hào khí "Đông A" (hào khí nhà Trần) ngàn năm bất diệt làm nên kỳ tích 3 lần đại thắng quân Mông - Nguyên (được mệnh danh là đội quân thiện chiến, hiếu chiến, bách chiến, bách thắng, bất khả chiến bại thời Trung đại) gắn liền với vị vua anh minh, tài giỏi Phật hoàng Trần Nhân Tông - Người khai sinh ra thiền phái Trúc Lâm mang đậm bản sắc, tư tưởng và triết lý Phật giáo Việt Nam. Phật giáo tại thành phố Hồ Chí Minh có lịch sử khoảng hơn 300 năm gắn liền với sự hình thành và phát triển của thành phố Hồ Chí Minh (xưa là Sài Gòn – Gia Định). Mở đầu trang sử hào hùng ấy là sự kiện Xuân Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn khi đó là Minh vương Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược phương Nam nhằm xác lập chủ quyền chính thức của nhà Nguyễn

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TP.HCM 147

ở vùng đất Nam bộ (bao gồm Đông Nam Bộ, Gia Định - Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long). Xưa kia, Nam Bộ là vùng đất vô chủ, hoang vu, rậm rạp, nhiều thú dữ như rắn, cá sấu, hổ, nhiều kêch rạch chằng chịt, đất đai phì nhiều màu mỡ, tôm cá, sản vật nhiều vô kể nhưng dân cư lại hết sức thưa thớt và chưa có sự quản lý của Nhà nước. Do đó, trong dân gian còn lưu truyền câu ca: "Đồng Nai xứ sở lạ lùng Dưới sông cá lội, trên rừng cọp um". Và trên hành trình chinh phục, mở cõi về phương Nam đầy khó nhọc nhưng cũng hết sức vẻ vang và tự hào ấy, Phật giáo tiếp tục đồng hành, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi cùng những người con dân đất Việt trên vùng đất mới đầy hy vọng. Từ đây, những mái chùa nối tiếp nhau ra đời, trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng không chỉ của người Việt mà còn của cư dân khác như người Khmer, người Hoa, người Chăm, các thương nhân người nước ngoài sinh sống, làm việc và buôn bán tại Gia Định - Sài Gòn... tiêu biểu như chùa Đại Giác, Long Thiền, chùa Kim Chương, chùa Giác Lâm, chùa Long Huê, chùa Tập Phước, chùa Từ Ân, chùa Khải Tường, chùa Pháp Vũ, chùa Huệ Lâm... gắn liền với các vị Thiền sư, Tổ sư như Phật Ý, Thiên Thai, Thiền Phương, Liễu Thiền, Phật Chiếu, Viên Quang, Minh Khiêm, Đạt Bổn, Trí Tâm, Hải Tịnh... Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh không ngừng phát triển, lớn mạnh, khẳng định vị thế, vai trò và những đóng góp của mình trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, không thể không nhắc tới phong trào đấu tranh của Phật giáo tại miền Nam Việt Nam nói chung và Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh) nói riêng vào đầu những năm 60 (gắn liền với "Pháp nạn 1963") với sự kiện tự thiêu của hòa thượng - Bồ tát Thích Quảng Đức tại trung tâm Sài Gòn (ngày 11-6-1963) biểu tình chống lại chế độ hà khắc, đàn áp đạo Phật của chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Sự kiện này, ngay lập tức đã làm rúng động thế giới khi

148 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

đó. Điều này đã được chính tổng thống Mỹ John Kennedy nhận định khi xem bức ảnh bó đuốc sống - tức hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức đang cháy rừng rực trên đường phố Sài Gòn (trung tâm chính trị, điểm nóng quốc tế của khu vực và thế giới khi

đó) đã không giấu nổi cảm xúc mà thốt lên: “Trong lịch sử, chưa có một bức hình nào trên báo đã tạo được nhiều xúc động cùng khắp cả thế giới như bức hình này”3. Đó là chưa kể đến trái tim bất diệt của Bồ tát Thích Quảng Đức (cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Vì sau khi thiêu ở nhiệt độ 4.0000C trái tim của hòa thượng vẫn còn vẹn nguyên). Nó sẽ trường tồn theo thời gian cùng dân tộc và thời đại. Sự kiện lịch sử trọng đại này đã có tác động sâu sắc tới lịch sử thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh), Việt Nam và thế giới. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, với chủ trương đạo pháp đồng hành cùng dân tộc, thăng trầm cùng dân tộc, Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển của thành phố nói riêng và cả nước nói chung, thể hiện vị thế, vai trò và tầm vóc của mình trong nhiều vấn đề, sự kiện lớn, quan trọng, có sức ảnh hưởng sâu rộng, sức lan tỏa đến đời sống xã hội của các tầng lớp nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, trong nước và quốc tế nói chung. Trong đó, phải kể đến việc Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh cùng với Phật giáo cả nước đã đăng cai và tổ chức thành công 3 sự kiện Phật giáo quốc tế quan trọng là: Đại lễ Phật Đản Vesak Liên Hợp Quốc năm 2008 tại Hà Nội, Đại lễ Phật Đản Vesak Liên Hợp Quốc năm 2014 tại Ninh Bình và Đại lễ Phật Đản Vesak Liên Hợp Quốc năm 2019 tại Hà Nam. Qua đó, quảng bá, giới thiệu hình ảnh đất nước, con người và Phật giáo Việt Nam tươi đẹp, thanh bình, đặc sắc, năng động, trách nhiệm, nhiệt tình, thân thiện, yêu hòa bình và vô cùng mến khách đến bạn bè quốc tế; nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

mien-nam-viet-nam-1963---nhin-tu-ho-so-luu-tru-bo-ngoai-giao-mi-pgs.ts.-truong-van-chung_39263.html

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TP.HCM 149

2.2. Vai trò của giáo dục Phật giáo đối với sự phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh Thứ nhất, Phật giáo và giáo dục Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc luận giải thấu đáo việc lựa chọn con đường phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp với xu thế tất yếu khách quan của thời đại và đặc điểm, tình hình thực tiễn của thành phố hiện nay. Như chúng ta đều biết, thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá là trung tâm kinh tế - tài chính năng động, đầu tàu kinh tế trọng điểm không chỉ của khu vực phía Nam mà còn của cả nước. Theo báo cáo “Về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2018, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2019” của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tính đến hết năm 2018: “Tổng sản phẩm GRDP toàn thành phố đạt 1.331.440 tỷ đồng, tăng 8,3%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 1.050.093 tỷ đồng tăng 13%. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp đạt 38,29 tỷ USD, tăng 7,5%. Tổng lượng khách quốc tế đến thành phố đạt 7,5 triệu lượt, tăng 17,38%; tổng doanh thu ngành du lịch đạt 140.000 tỷ đồng, tăng 21,55%. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 7,39 tỷ đô la Mỹ…”4. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh cũng gặp phải nhiều thách thức cần giải quyết như: tình trạng tăng dân số nhanh chóng, vấn đề việc làm, nhà ở, chế độ phúc lợi xã hội, phân hóa giàu nghèo, ùn tắc giao thông, tệ

nạn xã hội gây nhức nhối trong xã hội như nghiện ngập, cờ bạc, trộm cắp, cướp giật, tội phạm công nghệ cao; cùng với đó là ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn... Đây không chỉ thách thức đối với riêng thành phố Hồ Chí Minh mà cũng là thách thức chung của tất cả các thành phố, Chính phủ, quốc gia và người dân trên toàn thế giới hiện nay. Theo Phật giáo, có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên,

trong đó có việc con người không nhận thức được nguồn gốc, quy luật hình thành và vận hành của vạn vật trong vũ trụ. Quy luật đó, theo Đức Thế Tôn không gì khác là thuyết "Duyên khởi", Người nói "Này Anada, đừng nói thế. Giáo lý duyên khởi này sâu xa và có vẻ sâu xa hơn. Chính vì không hiểu rõ, không thâm nhập giáo lý này mà nhân loại trở nên như cuộn chỉ rối rắm, như ổ kiến rối, như cỏ babajia, không thể thoát ly khỏi khổ xứ, ác thú, địa ngục và sinh tử"5. Duyên khởi có nguồn gốc từ tiếng Pali "Paticca Samuppàda Dham-ma" nghĩa là "Tùy thuộc theo các điều kiện phát sinh, nương theo các duyên mà sinh" - tức mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ đều có mối liên hệ mật thiết, biện chứng, tác động và phụ thuộc lẫn nhau; cái này là kết quả, hệ quả từ nguyên nhân của yếu tố này đồng thời cũng chính là nguyên nhân dẫn đến kết quả, hệ quả của yếu tố khác; không có sự vật, hiện tượng, yếu tố nào nằm ngoài quy luật này. Theo đó, Đức Phật nói "Cái này có, cái kia có; cái này sinh, cái kia sinh; cái này không cái kia không; cái này diệt, cái kia diệt"6. Theo Kinh Duyên khởi, mọi chúng sinh trong vũ trụ này đều tồn tại và vận hành dựa trên 12 yếu tố: Một là Vô minh - tức là sự không thấy rõ, mù quáng, chấp trước, không thấu hiểu về các quy luật của cuộc sống, trong đó có khổ và nguyên nhân của khổ. Hai là Hành, Vô minh sinh ra Hành (nghĩa là hành động, tồn tại ở ba dạng là thân, khẩu và ý) những hành động, việc làm trong quá khứ và hiện tại tạo nghiệp cho hiện tại và tương lai tùy thuộc vào mức độ tốt, xấu khác nhau. Ba là Thức, Hành sinh ra Thức, tức từ hành động nghiệp báo trước đó sẽ quy định, sự lựa chọn của tâm thức trong hiện tại và tương lai. Bốn là Danh sắc, Thức sinh Danh sắc, là trạng thái, tâm lý, vật lý của sự vật, hiện tượng mới do Ngũ uẩn (tức 5 yếu tố tạo thành thân tâm của con người và vạn vật chúng sinh gồm: Sắc uẩn là sự nhận biết mình có thân và 6 giác quan tạo thành; Thọ uẩn là cảm giác, cảm nhận; Tưởng uẩn là sự nhận biết;

5. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (2019), Phật giáo và cách mạng công nghiệp 4.0, Nxb. Hồng Đức, tr.203. 6. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (2019), Phật giáo và cách mạng công nghiệp 4.0, Nxb. Hồng Đức, tr.223.

Hành uẩn là sự cân nhắc, suy xét; Thức uẩn là sự thông hiểu, nhận định, khẳng định). Năm là Lục căn, Danh sắc sinh ra Lục căn gồm 5 giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, xúc giác và ý tức khả năng nhận thức. Sáu là Xúc, Lục căn sinh ra Xúc, là sự tiếp xúc của sự vật, hiện tượng với thế giới bên ngoài. Bảy là Thọ, Xúc sinh ra Thọ, là sự cảm nhận của

sự vật, hiện tượng. Tám là Ái, Thọ sinh ra Ái, là sự yêu thương, sự ham muốn. Chín là Thủ, Ái sinh ra Thủ, là giữ lấy, sở hữu, chiếm hữu. Mười là Hữu, Thủ sinh ra Hữu, là sự hiện hữu của những gì ta gọi là sự tồn tại của thế giới vạn vật trong vũ trụ. Mười một là Sinh, Hữu dẫn đến Sinh, là sự sinh trưởng, phát triển của vạn vật trong vũ trụ. Mười hai là Lão tử, Sinh dẫn đến Lão tử, là sự già nua, thoái hóa, chết chóc, hoại diệt. Trong 12 yếu tố trên, thì Vô minh, ái dục chính là nguồn gốc cho mọi khổ đau "Thế giới con người đang thấy và biết là thế giới chấp thủ của điên đảo tâm, điên đảo tưởng, điên đảo tình và điên đảo kiến phát sinh do vô minh"7. Do đó, để diệt trừ tận gốc vô minh, ái dục thì theo Đức Phật, Trung đạo là con đường lý tưởng duy nhất. Nói về Trung đạo, Trong Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật nói như sau: "Này các Tỳ kheo, có hai điều thái quá, người xuất gia không nên theo. Thế nào là hai? Một là mê đắm dục lạc, hạ liệt, phàm phu, không xứng thánh hạnh, không thiệt lợi đạo. Hai là tu khổ hạnh, khổ đau, không xứng Thánh hạnh, không thiệt lợi đạo. Này các Tỳ kheo, chính nhờ từ bỏ hai điều thái quá này, Như Lai giác ngộ trung đạo, con đường đem đến pháp nhãn, trí huệ đưa lại an tịnh, thượng trí, chứng Niết bàn."8. Theo đó, Trung đạo là con đường tránh xa hai cực đoan: một là thiên về hưởng thọ dục vọng, hai là tu tập khổ hạnh; là con đường trung tâm, chính giữa, đúng đắn nhất, sáng suốt nhất, lý tưởng và an lạc nhất; không có sự cực đoan hóa, hay tuyệt đối hóa một mặt, một khía cạnh hay một yếu tố nào. Đó là con đường của trí tuệ, đạo đức nhân văn, của sự kết hợp hài

7. Thích Thông Lạc (2011), Những lời gốc Phật dạy, tập 2, Nxb. Tôn giáo, tr.45. 8. Thích Nhật Từ (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, Nxb. Tôn giáo, tr.102.

hòa, biện chứng, cân bằng giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; giữa thế hệ hiện tại với quá khứ và tương lai. Nó hoàn toàn phù hợp với quan điểm của chúng ta về phát triển bền vững, được đề cập đến trong Báo cáo Tương lai của chúng ta, công bố bởi Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (năm 1987) như sau: "Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai"9. Và con đường phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh và nhân loại đang theo đuổi ngày hôm nay cũng chính là con đường Trung đạo mà Đức Thế Tôn nói cách đây hơn hai mươi thế kỷ nhưng được đặt trong hoàn cảnh mới, vận hội mới. Thứ hai, Phật giáo và giáo dục Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc định hình con đường phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định, phát triển bền vững là con đường tất yếu của thành phố Hồ Chí Minh và toàn nhân loại, nhưng phát triển bền vững thật sự là gì? Con đường đó nằm ở đâu? Nó như thế nào? Làm thế nào để phát triển bền vững? Thật sự không phải là vấn đề đơn giản. Tuy nhiên, tất cả những thắc mắc này sẽ được giải đáp qua giáo lý Trung đạo đầy vi diệu mà Đức Thế Tôn đã trải bao tâm sức, khổ cực khai phá và kiếm tìm cho chúng sinh, như Người từng khẳng định: "Này các Tỳ kheo, trung đạo do Như Lai giác ngộ, đem đến pháp nhãn, trí huệ, đưa lại an tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết bàn là gì? Chính là Bát chánh đạo: chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tịnh tiến, chính niệm,

chính định”10. Trung đạo, theo Đức Phật không gì khác là thực hành Bát chánh đạo (hay Bát chính đạo) - Tám con đường tu dưỡng, rèn luyện trí tuệ, đạo đức thân tâm giúp chúng sinh thoát khỏi vòng trầm luân

9. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (2019), Cách tiếp cận của Phật giáo vì tiêu thụ có trách nhiệm, phát triển bền vững, Nxb. Hồng Đức, tr.252. 10. Thích Nhật Từ (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, Nxb. Tôn giáo, tr.102- 103.

đau khổ, đạt đến giác ngộ, giải thoát. Một là, Chính kiến (hay chánh kiến), nghĩa là phải có cái nhìn đúng đắn, chân chính về con đường phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh. Hai là, Chính tư duy (hay chánh tư duy) nghĩa là phải có suy nghĩ đúng đắn, chân chính về con đường phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh trong hiện tại và tương lai. Ba là, Chính ngữ (hay chánh ngữ) nghĩa là tức phải sử dụng lời nói, ngôn từ đúng đắn, chân chính về con đường phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình tuyên truyền, giới thiệu, vận động, triển khai thực hiện. Bốn là, Chính nghiệp (hay chánh nghiệp) nghĩa là phải có hành động đúng đắn, chân chính về con đường phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh vì các thế hệ người dân, vì môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa xã hội của thành phố. Năm là, Chính mạng (hay chánh mạng) nghĩa là trong phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh, các nghề nghiệp, công việc, sinh kế, mưu sinh phải đúng đắn, chân chính phù hợp với thuần phong, đạo đức, thuần phong, mĩ tục, pháp luật Việt Nam và quốc tế. Sáu là, Chính tinh tấn (hay chánh tinh tấn, hay chính tịnh tiến) nghĩa là phải thực hiện siêng năng, cần kiệm, cố gắng, nỗ lực đúng đắn, chân chính trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh. Bảy là, Chính niệm (hay chánh niệm) nghĩa là phải có sự tưởng nhớ, ghi nhớ, tâm niệm, đúng đắn, chân chính, nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh. Tám là, Chính định (hay chánh định) nghĩa là phải có sự tập trung, tinh tấn đúng đắn, chân chính, quyết tâm thực hiện thành công con đường xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh. Tóm lại, phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh phải là phát triển bền vững từ trong tư tưởng, lập trường, thái độ, nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm, tác phong, lối sống; sự chung tay, đoàn kết của toàn hệ thống chính trị và mọi người dân thành phố. Phấn đấu vì một thành phố Hồ Chí Minh năng động, phát triển, đặc sắc, hòa bình, ổn định, thân thiện và trong lành. Đó

phải là con đường của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Thứ ba, Phật giáo và giáo dục Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định, thân thiện cho sự phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh. Để phát triển bền vững, thì môi trường hòa bình, ổn định, thân thiện là hết sức cần thiết, có thể nói là điều kiện tiên quyết; bởi mỗi thành phố (trong đó có thành phố Hồ Chí Minh), quốc gia, dân tộc và

toàn nhân loại không thể phát triển, chưa nói tới là phát triển bền vững nếu chúng ta luôn luôn hoặc có nguy cơ nằm trong tình trạng bất ổn, mâu thuẫn, xung đột chiến tranh. Trong báo cáo "Về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2018, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2019" của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhận định: "Trong năm 2018, tình hình an ninh chính trị được đảm bảo nhưng tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp, các hoạt động kích động biểu tình chống phá, các hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, đưa tin sai sự thật trên mạng internet, mạng xã hội diễn biến phức tạp"11. Do đó, một môi trường hòa bình, an toàn, ổn định là hết sức cần thiết cho sự phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh. Và Phật giáo với trí tuệ đạo đức nhân văn cao cả, tấm lòng từ bi, hỷ xả, vô ngã vị tha luôn thương yêu và cứu vớt chúng sinh ra khỏi vòng luân hồi của khổ đau, sanh tử; luôn chủ trương đề cao và tôn trọng hòa bình, ổn định; lên án, ngăn chặn, đẩy lùi, hạn chế, tiến tới chấm dứt chiến tranh và bạo lực, nguồn cơn gây ra tội lỗi, tội ác cho nhân loại và chúng sinh. Để đi đến hạn chế, chấm dứt mâu thuẫn, xung đột, Phật giáo khuyên răn và khuyến khích con người hướng thiện, hành thiện, ra sức làm những việc thiện như không sát sinh, không nói dối, không ác khẩu, không tham, không sân, không si "Từ bỏ sát sinh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ

nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện"12; ngược lại lên án, phê phán, phủ nhận những hành động được cho là không thiện tâm, gây nguy cơ bất ổn cho xã hội như sát sinh, ác khẩu, nói dối, tham, sân, si "Sát sinh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện"13. Mục đích nhân văn cao cả của Phật giáo và giáo dục Phật giáo là hướng tới xây dựng một xã hội thiện tâm, hòa bình, ổn định, thịnh vượng và an lạc ngay trong thế gian này. Vì vậy, thành phố Hồ Chí Minh chỉ thực sự bền vững khi tạo dựng được một môi trường hòa bình, ổn định. Thứ tư, Phật giáo và giáo dục Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thành phố Hồ Chí Minh xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường. Trên con đường trở thành đô thị trẻ, năng động, hiện đại và phát triển nhất tại Việt Nam, bên cạnh những kết quả rất đáng khích lệ đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, thành phố Hồ Chí Minh cũng đang phải đối diện với rất nhiều thách thức, trong đó có vấn đề ô nhiễm môi trường đang diễn ra hết sức nghiêm trọng từ như ô nhiễm đất, nước, không khí, khói bụi, tiếng ồn cho đến thực phẩm; cùng với đó là tình trạng biến đổi khí hậu làm nhiệt độ trái đất nóng lên, gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính, thời tiết cực đoan gây mưa lớn, triều cường, ngập lụt nghiêm trọng đang đe dọa trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của người dân và sự phát triển của thành phố. Do đó, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu là hết sức cấp bách và cần thiết cho sự phát triển bền vững của thành phố Hồ Chí Minh. Phật giáo được cho là tôn giáo luôn chủ trương coi trọng và đề cao môi trường tự nhiên và bảo vệ môi trường tự nhiên. Sinh thời,

12. Thích Minh Châu (1991), Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành, tr.133. 13. Thích Minh Châu (1991), Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành, tr.112.

Đức Phật có cuộc sống gần gũi, chan hòa cùng thiên nhiên, Người xuất thân từ dòng dõi vương quyền nhưng không lựa chọn nơi hoàng cung nguy nga, tráng lệ mà chọn một khu rừng tên Lâm-tỳ- ni với rất nhiều cây cỏ, hoa lá, chim muông để đản sinh. Người như muốn tuyên bố với thế giới chúng sinh rằng, Người xuất hiện trên hành tinh, vũ trụ này là lẽ tự nhiên để cứu vớt chúng sinh ra khỏi trầm luân, đau khổ. Và trên con đường tu học, Người đã chứng ngộ chân lý tại Bodh Gaya (Bồ đề Đạo tràng) dưới gốc cây Bồ đề bình dị, dân giã, biểu tượng cho sự giác ngộ, trí tuệ và sức mạnh của tự nhiên (sau 49 ngày thiền định) chứ không phải là chốn hoàng cung hay một nơi xa hoa nào khác. Điều đó cho thấy vị trí, vai trò, tầm vóc và sứ mệnh lịch sử của Đức Phật với thiên nhiên và vũ trụ. Để bảo vệ môi trường thiên nhiên, Phật giáo khuyên con người thực hiện ngũ giới (Năm điều cấm kỵ, tuyệt đối không được phép làm là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không sử dụng chất gây nghiện). Thứ nhất, không sát sinh nghĩa là tôn trọng sự sống của chúng sinh, bảo vệ, giúp đỡ muôn loài sinh vật cùng tồn tại; tạo sự cân bằng môi trường sinh thái tự nhiên, hòa bình và an lành cho muôn loài. Do đó, sát sinh là chúng ta đang góp phần phá vỡ các quy luật tự nhiên, hủy diệt thiên nhiên; sinh thời, Đức Phật từng nói: “Dẫu muôn loài có khác nhau, nhưng sự sống chỉ là một, sau khi giết chết chúng sinh, có người sẽ đầu thai làm thú vật, và có nhiều thú vật sẽ làm người. Người và vật lẫn lộn, lúc làm người, lúc làm vật, vì thế mà vẫn cùng một dây liên lạc như anh em. Không thể lấy máu của thú vật rửa tội cho mình. Xin các vị thần tha tội là một việc vô ích. Nếu các ngài đều thiện thì các ngài sẽ không tha thứ cho một việc làm ác như thế. Nếu các ngươi làm ác thì dẫu có giết bao nhiêu thú vật đi nữa để cúng thì các ngươi cũng không hết ác được”14. Do đó, Đức Phật khuyên chúng ta phải có tâm từ bi (tức yêu thương, trân trọng) không chỉ đồng loại mà cả chúng sinh vạn vật trong vũ trụ này. Vì vậy, Phật giáo chủ trương không sát sinh để bảo vệ muôn loài cho dù là nhỏ bé như sâu bọ, côn trùng cho

14. Giáo án rèn nhân cách lớp ngũ giới đức hiếu sinh, 2012, Nxb. Tôn giáo, tr. 309.

đến yếu mềm như cây cỏ, hoa lá, chim muông... Trong Phật giáo có truyền thống “An cư kiết hạ” để bảo vệ môi trường tự nhiên nghĩa là trong ba tháng mùa mưa mọi người hạn chế đi lại, tập trung tu học giáo lý để tránh vô tình sát sinh những sinh vật nhỏ bé như sâu bọ, côn trùng, muông thú, góp phần bảo vệ môi trường thiên nhiên. Thứ hai, không trộm cắp ở đây có nghĩa là chúng ta không lấy hoặc sở hữu những thứ không thuộc về chúng ta, nhỏ là từ cái kim, sợi chỉ đến những cái lớn hơn như tiền của, vàng bạc, hàng hóa, nhà cửa, xe cộ... cho đến sức khỏe, sinh mạng, môi trường sống trong

lành (không bị ô nhiễm bởi không khí, nguồn nước, thực phẩm, khói bụi, tiếng ồn…) không chỉ của con người mà của chúng sinh trong toàn vũ trụ. Do đó, chúng ta không chỉ tôn trọng, bảo vệ, giữ gìn tài sản của người khác mà phải biết chân quý, bảo tồn và phát triển "mẹ thiên nhiên" cũng chính là bảo vệ chính chúng ta. Thứ ba là không được nói dối nghĩa là nói lời không ngay thẳng, tà ngữ, vọng ngữ, nói sai sự thật, lừa dối người khác và lừa dối chính mình nhằm thỏa mãn ham muốn và dục vọng cá nhân. Thực tiễn cho thấy, sở dĩ môi trường tự nhiên biến đổi cực đoan như ngày nay là do con người đang không chỉ lừa dối thiên nhiên mà còn lừa dối cả chính chúng ta vì mục tiêu và tham vọng của con người là không những khai thác mà còn cải tạo, chinh phục, thậm chí là chế ngự tự nhiên. Thứ tư là không tà dâm nghĩa là chúng ta không chỉ giữ gìn hạnh phúc, hòa bình, ổn định, an lạc cho mình mà còn cho người khác và cho cả chúng sinh. Bởi tà dâm cũng chính là nguyên nhân gây ra đau khổ không chỉ cho con người mà cho cả vạn vật trong vũ trụ này. Thứ năm là không được sử dụng chất gây nghiện như rượu, bia, đồ uống có cồn, chất kích thích... vì nó làm cho chúng ta suy kiệt sức khỏe cả thể chất và tinh thần; thiếu minh mẫn, tỉnh táo, sáng suốt, tạo ảo giác, bất ổn về mặt tâm lý gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho bản thân, gia đình và toàn xã hội; lãng phí, tốn kém cho nền kinh tế, làm ô nhiễm môi trường thiên nhiên… Tóm lại, những hành động của chúng ta ngày hôm nay sẽ tác động trực tiếp đến chúng ta trong hiện tại và tương lai. Thông điệp mà Phật giáo hướng

đến là chúng ta hãy tỉnh thức và hành động vì mẹ thiên nhiên, vì trái đất và hành tinh ngay lúc này vì đó chính là sự sống của chính chúng ta. Thứ năm, Phật giáo và giáo dục Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đời sống văn hóa tinh thần, đạo đức lối sống cho người dân thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá là một trong những đô thị trẻ, năng động, phát triển hàng đầu tại Việt Nam về công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ. Nhưng bên cạnh sự phát triển, thành phố cũng đang gặp phải vấn đề chung của nhiều đô thị khác gặp phải đó là tình trạng sa đọa về đạo đức, lối sống của một bộ phận cư dân đô thị, đặc biệt là thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của thành phố và đất nước do mặt trái của nền kinh tế thị trường, của đô thị hóa, của lối sống công nghiệp… làm băng hoại nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; ô nhiễm môi trường văn hóa từ nghe, đọc, nói đến nhìn; thay vào đó là lối sống lệch lạc, thiên về cá nhân, thờ ơ, vô cảm, vị kỷ, vô trách nhiệm, ăn chơi, dục vọng, hưởng lạc làm xuất hiện nhiều tệ nạn, hiện tượng tiêu cực trong xã hội như tham nhũng, hối lộ, chạy chức chạy quyền, cờ bạc, rượu chè, nghiện ngập, cướp giật, nóng vội, thiếu hiểu biết, thiếu kiên nhẫn dẫn đến vi phạm pháp luật… Cùng với đó, là sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, làm cho con người ngày càng phụ thuộc vào máy móc và công nghệ. Nếu chúng ta không được trang bị một nền tảng đạo đức vững chắc để làm chủ khoa học công nghệ thì đây sẽ là mối nguy hiểm khôn lường, điều đã được Các Mác cảnh báo từ hơn một thế kỷ trước: "Chúng ta thấy rằng máy móc có một sức mạnh kỳ diệu rút ngắn lao động của con người, làm cho lao động sinh sản dồi dào hơn, nhưng nó lại đem lại cho con người nạn đói và sự kiệt quệ. Những nguồn của cải mới, trước đến nay chưa từng có, do một phép lạ nào đó kỳ quặc

và khó hiểu biến thành ngọn nguồn của sự nghèo khổ. Chiến thắng của kỹ thuật dường như được mua bằng sự sa đọa của đạo đức. Người ta có cảm tưởng rằng nhân loại càng chinh phục tự nhiên bao

nhiêu thì con người càng trở thành nô lệ của sự đê tiện của chính mình bấy nhiêu”15. Trong khi đó, Phật giáo với nền tảng đạo đức trí tuệ vững chắc, dựa trên hệ thống giáo lý, giáo luật hết sức khoa học, chặt chẽ, sâu sắc như Luật Nhân quả, Luân hồi, nghiệp báo; Ngũ giới (Năm giới luật cơ bản là không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu (trong xã hội hiện đại là không sử dụng chất kích thích)); Thập thiện (mười việc thiện nên làm): không sát sinh, không, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, khôi nói lời hai chiều, không nói lời độc ác, không nói thêu dệt, không tham dục, không sân, không si; Giới Lục hòa (Lục hòa Kinh pháp, Lục hòa cộng trụ) nghĩa là sáu pháp nhằm dung hòa các mối quan hệ xã hội là Thân hòa đồng trụ (chung sống, hành động hòa đồng), Khẩu hòa vô tránh (lời nói, ngôn từ hòa đồng), Ý hòa đồng duyệt (ý thức, ý chí, ý nghĩ hòa đồng), Lợi hòa đồng huân (quyền lợi, lợi ích hòa đồng), Giới hòa đồng tu (kỷ luật, giới luật hòa đồng), Kiến hòa đồng giải (nhận thức, kiến giải hòa đồng); Tứ vô lượng tâm (Tứ Phạm Trú) gồm Từ, Bi, Hỉ, Xả; Vị tha (tình yêu thương, đức hy sinh, lòng khoan dung); Vô ngã (không có cái tôi, cái ta); Vô thường (không có gì là thường hằng, bất biến); Tứ ân (bốn ân đức lớn mà mỗi người Phật tử đều phải khắc cốt ghi tâm) là ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn quốc gia, ơn Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng); Thập đức (mười nguyên tắc đạo đức mà bậc quân vương, những người lãnh đạo quản trị quốc gia phải có)... Tất cả đều hướng tới mục đích nhân văn cao cả là giáo dục con người sống hướng thiện, hành thiện, biết yêu thương, tôn trọng, hy sinh, hiến dâng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội; xây dựng một xã hội đạo đức, tốt đẹp, văn minh “Không làm mọi điều ác. Thành tựu các hạnh lành. Tâm ý giữ trong sạch. Chính lời chư Phật dạy”16. Trong thực tiễn, Phật giáo nói chung và Phật giáo tại thành phố Hồ Chí Minh không những làm tốt nhiệm vụ hoằng dương Phật

15. C.Mác, Ph. Ăngghen (1993), Toàn tập, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 10.
16. Thích Minh Châu (2016), Kinh Pháp Cú, Nxb. Phương Đông, tr. 85.

Pháp, phổ độ chúng sinh, vận động, tuyên truyền, giáo dục, đạo đức lối sống cho các tầng lớp nhân dân mà Phật giáo còn tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện xã hội vì cộng đồng như: xây nhà tình nghĩa, tặng quà, giúp đỡ người tàn tật, người có công với cách mạng, người nghèo, người cô đơn không nơi nương tựa, những cá nhân và gia đình có hoàn cảnh khó khăn; làm cầu, làm đường, xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hóa... Đây là những hoạt động đầy tính nhân văn, có ý nghĩa thiết thực trong việc truyền cảm hứng và lan tỏa tình yêu thương cho cộng đồng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh, như những gì

Phật giáo đã đồng hành cùng thành phố và dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử. Điều đó được minh chứng qua câu ca dao: “Mái chùa che chở hồn dân tộc Nếp sống muôn đời của tổ tông.” Thứ sáu, Phật giáo và giáo dục Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc đề cao, vị trí, vai trò của nhân tố con người; phát huy tinh thần chủ động, tích cực trong xây dựng và phát triển thành phố Hồ Chí Minh bền vững. Sinh thời, Đức Phật luôn tin tưởng, đề cao vị trí, vai trò, trí tuệ và sức mạnh của con người. Bởi chính Đức Thế Tôn do Nhân Duyên mà đản sinh, thành đạo và nhập đại Niết bàn trong đời sống của một con người. Do đó, Người thấu hiểu và đặt niềm tin vào trí tuệ và sức mạnh của con người; theo Đức Phật, con người sinh ra đều có “Phật tánh” (tức tính Phật) và hoàn toàn có khả năng trở thành Phật nếu con người hiểu biết Phật pháp, tu tập và rèn luyện trí tuệ, đạo đức, thân tâm theo con đường Tứ diệu đế mà Người đã tìm ra. Người nói: “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành”17. Trên hành trình giác ngộ thành Phật của chính mình ấy, Người khu- yên con người nên phát huy tính chủ động, sáng tạo tự thắp đuốc lên mà đi, hãy là ngọn đuốc của chính mình, không phụ thuộc vào

17. Thích Nhật Từ (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, Nxb. Tôn giáo, tr.104.

người khác, ngay cả Đức Phật, Người nói: “Như Lai chỉ là người chỉ đường, mỗi người phải tự đi đến, không ai đi thế cho ai được.”18. Trong Kinh Tương Ưng, Đức Phật nói: “Hãy sống tự mình làm hòn đảo của chính mình, này các Tỳ kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa nơi một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác”19. Liên hệ với thực tiễn xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, chúng ta cần phát huy hơn nữa tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi công dân đang sinh sống, học tập, lao động, làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh vào xây dựng, kiến thiết và phát triển thành phố. Bởi lẽ, mục tiêu xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh chỉ có thể thực sự thành công khi mỗi người dân nhận thức được quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm thật sự của mình trong xây dựng và phát triển thành phố. Và con đường xây dựng, phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh không gì khác phải là vì nhân dân, của nhân dân và do chính nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. Thứ bảy, Phật giáo và giáo dục Phật giáo đóng vai trò trong việc thúc đẩy tiến trình kết nối, hợp tác và hội nhập quốc tế trên con đường phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh. Phật giáo với tư tưởng từ, bi, hỷ, xả, vô ngã, vị tha, thương yêu con người sẽ là cầu nối, sứ giả của hòa bình để kết nối trái tim, trí tuệ của các tầng lớp nhân dân và thành phần cư dân đến từ các tỉnh thành, vùng miền, các nền văn hóa, các dân tộc, tôn giáo, các quốc gia khác nhau đang sinh sống, học tập, lao động, công tác, nghiên cứu, làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh; cùng nhau nỗ lực cố gắng phấn đấu xây dựng Hồ Chí Minh trở thành đô thị hiện đại, năng động, xanh, sạch, đẹp, thịnh vượng, đáng sống, hội nhập và phát triển bền vững cho mọi người và vì mọi người. Nhận định về vai trò kết nối của Phật giáo, nhà vật lý học thiên tài người Đức Albert

18. Thích Nhật Từ (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, Nxb. Tôn giáo, tr.105.
19. Thích Minh Châu (2013), Đại tạng kinh Việt Nam truyền, Kinh Tương Ưng bộ, Phẩm Tự mình làm hòn đảo, tập 1, Nxb. Tôn giáo, tr. 673.

Eistein khẳng định: “Phật giáo là một chiếc cầu nối liền tôn giáo với những tư tưởng khoa học, khích lệ con người khám phá những tiềm năng lớn lao nằm sâu kín trong bản thân con người và môi trường sống của con người. Phật giáo là siêu vượt thời gian”(20). Do đó, trên hành trình xây dựng và phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị hiện đại, năng động, hội nhập và phát triển bền vững không thể thiếu vắng sự đồng hành và đóng góp của Phật giáo và nền giáo dục Phật giáo. 2.3. Một số đề xuất Qua nghiên cứu, tìm hiểu vai trò và những đóng góp của Phật giáo và giáo dục Phật giáo đối với sự phát triển bền vững không chỉ của thành phố Hồ Chí Minh mà của toàn nhân loại, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới dưới lăng kính, quan điểm và góc nhìn của Phật giáo về con đường phát triển bền vững như sau: Một là, cần tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong toàn thành phố về vị trí, vai trò và mục tiêu phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh. Hai là, trong quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh cần tạo dựng một môi trường hòa bình, an toàn, ổn định và thân thiện. Ba là, trong quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh cần quan tâm đến việc bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu trở thành đô thị thông minh, xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường. Bốn là, trong quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh cần tăng cường hơn nữa công tác giáo dục đạo đức, lối sống hướng thiện, hành thiện, từ, bi, hỉ, xả, vô ngã vị tha,

20. Thích Nhật Từ (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, Nxb. Tôn giáo.

biết thương yêu con người, sống có lý tưởng, trách nhiệm theo các giáo lý của nhà Phật cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên, những chủ nhân tương lai của thành phố và đất nước. Năm là, trong quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh cần phát huy hơn nữa tinh thần tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo của mỗi người dân thành phố. Con đường Phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh phải là của nhân dân, cho nhân dân, vì nhân dân và do chính nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định. Sáu là, trong quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững thành phố Hồ Chí Minh cần phát huy hơn nữa truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, chia ngọt, sẻ bùi, đồng cam cộng khổ như trong giáo lý về Giới Lục hòa (Lục hòa Kinh pháp, Lục hòa cộng trụ) của nhà Phật và lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh, cùng nhau nỗ lực cố gắng phấn đấu

xây dựng phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị hiện đại, năng động và phát triển bền vững. 3. KẾT LUẬN Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, với tư tưởng từ bi, hỉ, xả, vô ngã, vị tha, hộ quốc an dân, đạo pháp đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành cùng với nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sài Gòn - Gia Định) trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Và trên hành trình hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố hòa bình, an toàn, ổn định, hội nhập, thông minh, hiện đại, năng động, xanh, sạch, đẹp, thân thiện và phát triển bền vững không thể thiếu vắng vai trò, đóng góp và những cống hiến to lớn của Phật giáo thành phố.

***

164 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Tài liệu tham khảo C.Mác, Ph. Ăngghen (1993), Toàn tập, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Giáo án rèn nhân cách lớp ngũ giới đức hiếu sinh, 2012, Nxb. Tôn giáo. Nguyễn Lang (1994), Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I . Thích Minh Châu (1991), Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, ấn hành. Thích Minh Châu (2013), Đai tạng kinh Việt Nam truyền, Kinh Tương Ưng bộ, Phẩm Tự mình làm hòn đảo, tập 1, Nxb. Tôn giáo. Thích Minh Châu (2016), Kinh Pháp Cú, Nxb. Phương Đông. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (2019), Phật giáo và cách mạng công nghiệp 4.0, Nxb. Hồng Đức. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (2019), Cách tiếp cận của Phật giáo vì tiêu thụ có trách nhiệm, phát triển bền vững, Nxb. Hồng Đức. Thích Nhật Từ (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, Nxb. Tôn giáo. Thích Thông Lạc (2011), Những lời gốc Phật dạy, tập 2, Nxb. Tôn giáo. bert_Einstein_va_dao_Phat phat/dao-phat/7262-Nguon-goc-cua-dao-Phat.html cua-phat-giao-mien-nam-viet-nam-1963---nhin-tu-ho-so-luu-trubo-ngoai-giao-mi-pgs.ts.-truong-van-chung_39263.html tails.aspx?v=68113

VAI TRÒ CỦA PHẬT HỌC TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG THIỆN VÀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI TS. Hoàng Thị Anh Đào*

Phật giáo ra đời vào thế kỷ VI trước công nguyên ở vùng Bắc Ấn Độ (Nepal ngày nay). Trải qua mấy ngàn năm, Phật giáo ngày càng được truyền bá rộng rãi sang các nước trên thế giới và không ngừng phát triển. Phật giáo khuyên con người sống hướng thiện, lấy đức độ, lòng nhân từ để đối nhân xử thế, để cảm hóa cái ác, đó là tư tưởng bác ái, nhân từ của đạo Phật. Thấm nhuần triết lý đó, ở Huế, có rất nhiều ngôi chùa đã giáo dục hướng thiện và trợ giúp xã hội bằng tấm lòng từ bi của mình. Nhiều nơi đã mở các khóa tu mùa hè, giúp con trẻ từ những đứa trẻ đua đòi trở nên hiếu thuận, chừng mực; có nơi là tổ ấm của bao đứa trẻ khuyết tật, mồ côi... Lấy mô hình giáo dục hướng thiện và trợ giúp xã hội ở một số ngôi chùa Huế nhằm làm rõ sự nhân văn và những đóng góp lớn lao của Phật giáo cho xã hội trong giai đoạn hiện nay. 1. PHÂN TÍCH TRIẾT LÝ TỪ BI CỦA PHẬT GIÁO Phật giáo được Phật tổ Siddhartha (Tất Đạt Đa), họ Gautama, là thái tử vua nước Tịnh Phạn, sinh ở Kinh thành Kapilavastu ở miền

*. Tiến sĩ, Giảng viên Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế.

Nam Nepal năm 563 trước công nguyên. Sau khi thành Phật, được học trò tôn xưng là Sakyamuni (Thích ca Mâu ni). Cuộc đời của Đức Phật được nhiều câu chuyện truyền thuyết ghi lại với nhiều chi tiết khác nhau. Rằng là Ngài sinh ra trong một gia đình thuộc đẳng cấp Sakya (đẳng cấp thứ hai trong bốn đẳng cấp của xã hội Ấn Độ), thuộc một công quốc có biên giới giáp với dãy núi cao và bí ẩn Himalaya. Nhờ thuộc đẳng cấp này, nên Ngài được học đủ môn võ nghệ và hiểu biết nhiều triết thuyết đương thời. Truyền thuyết cho rằng, khi mới sinh ra, Ngài đã biết đi và biết nhảy bước theo bốn hướng, dưới mỗi bước chân Ngài mọc lên một bông sen. Quá trình tu thành Phật của Ngài trải qua thời gian dài, sau đó truyền bá trong vòng 45 năm (từ lúc Ngài 35 tuổi đến 80 tuổi). Phật giáo ra đời tuy không tuyên bố tiêu diệt chế độ đẳng cấp Bà- la-môn, nhưng trong thực tế là phủ nhận chế độ đó. Phật chỉ ra rằng: "Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn. Tình thương là sợi dây kết nối liền người với người". Vì đạo Phật tuyên truyền về sự bình đẳng giữa các chúng sinh nên đã thu hút nhiều tầng lớp đặc biệt là tầng lớp dân nghèo đi theo rất đông. Về thế giới quan, quan điểm luân hồi của Phật không phải là một vòng luẩn quẩn mà thoát khỏi vòng luẩn quẩn đó, trở thành giác ngộ cõi niết bàn. Đặc biệt chú trọng đến tính nhân quá tương dục, nhân quả là một chuỗi liên tục không gián đoạn, không hỗn loạn, có nghĩa nhân nào quả ấy, mọi hậu quả đều có nguyên nhân, kết quả của một nguyên nhân nào đó sẽ là nguyên nhân của một kết quả khác. Phật giáo quan điểm: Vô tạo giả: tất cả mọi sự vật đều tồn tại lâu dài, không có nguyên nhân đầu tiên và không có kết quả cuối cùng, có nghĩa là không có đấng tối cao nào tạo ra vũ trụ. Vô ngã: Cái tôi là do một số yếu tố vật chất, yếu tố tinh thần cấu tạo nên một cách tạm thời, các yếu tố này gồm ngũ uẩn: sắc (vật chất), thụ (cảm giác), tưởng (ấn tượng), hành (phi lý), thức (ý thức) hoặc lục đại (hỏa, thủy, thổ, phong, không, thức). Vô thường là không vĩnh hằng, là luôn biến đổi, mất đi (sinh, trụ, dị, diệt), dù có tồn tại trong khoảng thời gian vô tận cũng chỉ là chốc lát.

VAI TRÒ CỦA PHẬT HỌC TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG THIỆN VÀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI 167

Về nhân sinh quan, điểm xuất phát của thế giới quan và nhân sinh quan là hạ thấp thế giới cảm tính và trần tục, đem đối lập với thế giới khác mà trong đó con người phải tìm sự cứu vớt. Khổ đế: chính là cuộc sống con người toàn là bể khổ "nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước biển", khổ là bản chất của tồn tại. Có ít nhất tám nỗi khổ: sinh, lão, bệnh, tử, thụ biệt li, oán tăng hội, sở cầu bất đắc, ngũ thụ uẩn. Tập đế: mọi nỗi khổ đều có nguyên nhân của nó. Diệt đế: mọi cái khổ đều có thể diệt được, nếu nguyên nhân của đau khổ là dục vọng thì diệt trừ dục vọng, diệt trừ cái tham, sân, si là diệt trừ đau khổ, nói cách khác là tiêu diệt phần khổ đau của cuộc đời. Lúc đó, con người được giải thoát, hoàn toàn tự do, không còn nô lệ gì nữa. Đạo đế: để diệt trừ dục vọng, đạt tới cõi niết bàn, con người cần có một đường lối, một phương pháp. Phương pháp ấy chính là đạo đế, là con đường diệt khổ. Con đường đó chính là hoàn thiện đạo đức cá nhân. Về xã hội, Phật giáo khuyên con người nên sống hướng thiện, dĩ đức báo oán, lấy đức độ, lòng nhân từ để đối nhân xử thế, cảm hóa cái ác, giác ngộ những người lầm lạc. Đây

chính là biểu hiện của tư tưởng bác ái, nhân từ của Phật giáo. Phật giáo nêu cao tam học: giới, định, tuệ. Giới chính là ngăn giữ giới luật, không làm những điều được coi là cấm kỵ. Định là thiền định, là những phương thức tu luyện. Tuệ là có trí tuệ sáng suốt, chống vô minh, là sự thông tuệ - kết quả của sự thực hiện giới và thiền định. Phật giáo quan niệm rằng, mỗi người đều có Phật tính và bất kỳ ai cũng có thể đến với Phật. Đánh giá về giáo lý Phật giáo, Hồ Chí Minh từng viết: "Tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm". Nietzch cũng nhận xét: "Phật giáo không kích thích người ta làm chiến tranh chống các tôn giáo khác. Điều cảm động nhất, chính là ở chỗ giáo lý nhà Phật chống lại tư tưởng phục thù hằn học oán ghét"1. Chính vì quan điểm hướng thiện, lấy lòng nhân từ làm gốc nên

1. Đặng Văn Chương (2016), Bài giảng Lịch sử tôn giáo thế giới, Trường Đại học Sư phạm Huế, tr. 33.

Phật giáo luôn quan tâm đến làm việc thiện. Người đến với Phật không chỉ tu trên sách vở hay chỉ "tụng kinh niệm Phật", mà ngày nay Phật giáo chú trọng đến triết lý nhập thế, giúp đời. Điều này xuất phát từ những mối quan hệ vừa là nhựa sống, vừa là mắt xích kết nối giữa tôn giáo và thế tục. Nhu cầu vận dụng tư tưởng tôn giáo vào giải quyết các vấn đề xã hội thế tục được coi là nhập thế. Mặt khác, tôn giáo nói chung hay Phật giáo không tự sinh ra mà kết quả của chính nhu cầu tinh thần xã hội thế tục, là hình thái ý thức của xã hội, không tôn giáo nào có thể tồn tại và phát triển mà tách rời khỏi xã hội thế tục. Với những nguyên tắc đạo đức và vị trí văn hóa của mình, Phật giáo có thể hoàn toàn góp phần vào việc định hướng tư duy và điều chỉnh hành vi của cộng đồng xã hội nếu vận dụng những phương thức phù hợp theo tinh thần nhập thế. Trên thực tế, Phật giáo Việt Nam đã và đang bền bỉ, dấn thân vào nhiệm vụ xây dựng giá trị đạo đức con người thông qua các hoạt động nổi bật như các khóa tu mùa hè dành cho thanh thiếu niên, những lớp học đạo đức, những chương trình từ thiện xã hội, nuôi dạy trẻ em khuyết tật, mồ côi... trên khắp mọi miền tổ quốc2. 2. VIỆC GIÁO DỤC HƯỚNG THIỆN THÔNG QUA MÔ HÌNH KHÓA TU MÙA HÈ DÀNH CHO TRẺ EM Ở CHÙA KIM ĐỨC, THÀNH PHỐ HUẾ

Hình ảnh chùa Kim Đức ở Huế, Ảnh: Tác giả

2. Tham khảo của Đỗ Ngây (2012), Triết lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần, Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tr. 1.

Ở rất nhiều chùa Huế nói chung, tại chùa Kim Đức nói riêng, đã tổ chức chương trình Khóa tu mùa hè dành cho trẻ em. Các khóa này mở hằng năm và thường bắt đầu từ tháng sáu, sau khi học sinh kết thúc năm học để bước vào kỳ nghỉ hè. Thay vì chọn đi du lịch, chọn đọc truyện tranh, hay chọn vùi đầu vào điện thoại, các bạn chọn học ở khóa tu mùa hè. Những khóa tu này hoàn toàn miễn phí và thường kéo dài một tháng. Khóa tu dành cho trẻ em có mong muốn học, không phân biệt con em Phật tử hay người chưa là Phật tử. Các em nhận được sự dạy dỗ tận tình từ các sư thầy. Để chuẩn bị

cho việc học tập, các em mang theo cho mình đầy đủ tư trang để hoàn thành khóa tu. Ở chùa, các em sẽ có cuộc sống tự lập như tự giặt áo quần, tự ăn cơm, tự dậy sớm để đọc kinh cầu nguyện, tự làm những công việc như quét sân, tưới cây, nhặt rau để sau khi hoàn thành khóa học trở về nhà, có thể giúp đỡ cha mẹ... Đặc biệt, sự tận tình chỉ dạy của các thầy ở chùa Kim Đức, các em được học những bài học về lòng hiếu thảo, lòng thương người, cách giúp đỡ bạn bè, biết chia sẻ với người xung quanh, về bảo vệ môi trường, yêu thương loài vật...

Một lớp học của khóa tu mùa hè, Ảnh: Tác giả Các em ở đây rất hào hứng và vui vẻ vì có nhiều bạn bè cùng trang lứa hoặc khác tuổi, các em được chia sẻ cùng nhau về những cảm nhận của mình về bài học, được sinh hoạt đội nhóm để rèn luyện kỹ năng tự lập, kỹ năng thuyết trình. Những câu chuyện mà sư thầy kể về những cô bé chỉ biết đua đòi, hay những người khinh miệt người nghèo, không hiếu thảo với

cha mẹ... đều có kết quả không tốt trong tương lai đó chính là luật nhân quả. Các tăng sư khuyên các em hãy sống tốt khi mình còn có thể. Rất nhiều bậc cha mẹ vui mừng và hạnh phúc khi con mình nhận được sự giáo dục về lòng từ bi, hiểu được quy luật nhân quả để sống tốt hơn. Nhiều phụ huynh kể: con tôi trước đây đua đòi, đưa ra yêu sách là nếu học giỏi thì ba mẹ phải thưởng điện thoại iPhone, sau khi tham gia khóa tu thì không đòi gì nữa, chỉ mong ba mẹ luôn mạnh khỏe để ở bên cạnh mình. Có bạn sau khi tham gia khóa tu, từ một người vị kỷ, không quan tâm đến ai đã trở thành người biết yêu thương cuộc sống, người xung quanh, yêu thương loài vật, bảo vệ môi trường và sống khiêm nhường, hiếu thuận, từ bi. Có bạn nhỏ trước đây từng là người không biết quý trọng mồ hôi công sức cha mẹ, ham chơi và hoang phí, sau khi tham gia khóa tu đã trở thành những người cần, kiệm, biết quý trọng những gì mình có hơn là hoang tưởng cao sang. Bên cạnh những khóa tu dành cho trẻ em, còn có những khóa tu dành cho người lớn. Những người tham gia đều cảm nhận được sự bình yên, an lạc sau khi thấm nhuần những giá trị nhân văn của đức phật. Những người tề tựu về với khóa tu như có tình cảm với nhau, chân thành với nhau và chia sẻ cùng nhau. Có thể nói, sau những khóa tu, mỗi người kể cả người lớn hay trẻ nhỏ đều thu nhận những bài học riêng cho mình về lòng nhân từ, bác ái, hướng thiện và hiểu thêm lời dạy của đức Phật. Tất cả đều hào hứng, vui vẻ và chờ đợi những mùa hè tiếp theo để được tham gia lại khóa tu mùa hè.

Một khóa tu dành cho người lớn tại chùa 3. HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI THÔNG QUA NUÔI DẠY CÁC TRẺ EM MỒ CÔI, KHUYẾT TẬT Ở CHÙA ĐỨC SƠN, THÀNH PHỐ HUẾ Trên tinh thần triết lý nhập thế của Phật giáo, những sư nữ ở chùa Đức Sơn (thành phố Huế) đã dành cả cuộc đời của mình để nuôi dạy những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, góp phần giúp đỡ giải quyết những vấn đề khó khăn của xã hội và là biểu tượng cao đẹp của những con người trong giới nhà Phật. Chùa Đức Sơn tọa lạc ở xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, gần lăng vua Thiệu Trị, cách thành phố Huế khoảng

7km, được lập vào năm 1964. Từ năm 1988, nơi đây là tổ ấm của những con người có số phận đặc biệt, với sự rộng lượng bao dung, những vị sư cô đã cưu mang hàng trăm phận người tưởng như bị cuộc đời chối bỏ đã lớn lên và trưởng thành. Có thể nói, biết bao trẻ em đã lớn lên từ ngôi nhà này, nhiều em có thể hòa nhập cộng đồng, vững vàng trong cuộc sống, nhưng có em vẫn còn thơ dại vì bản thân mang khuyết tật.

Hình ảnh chùa Đức Sơn, Thành phố Huế

Hiện tại, chùa đã nhận nuôi gần 300 trẻ em mồ côi, khuyết tật nhờ nguồn kinh phí đóng góp của những người hảo tâm trong và ngoài nước. Dưới sự dẫn dắt của Ni trưởng Thích Nữ Minh Tú, các ni sư ở đây đã cống hiến tâm huyết và cả tuổi thanh xuân để nuôi dạy các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đồng hành với Ni sư Minh Tú là hơn 20 sư cô trong chùa, đây là những người mẹ người cha trực tiếp chăm sóc, dạy bảo các em một cách ân cần, chu đáo. Trong nhiều sư nữ làm công việc cao quý ở chùa - Thích Nữ Liên An - vai trò đảm nhiệm cùng một lúc 2 lớp mẫu giáo 29 em và 40 em đang học cấp một nhưng sư cô vẫn luôn nở nụ cười thân thiện và ánh mắt trìu mến. Ngay từ nhỏ, sư cô Liên An đã thích được đi tu nhưng gia đình không cho phép. Mãi sau này, khi ba mẹ mất đi, sư cô Liên An đã xin vào chùa đi tu theo đúng ý nguyện. Duyên trời đưa sư cô đến làm người mẹ của những đứa trẻ mồ côi, từ đó sư cô gắn bó với những đứa trẻ như chính con đẻ của mình. Khi hỏi về việc chăm sóc các cháu nhỏ, sư cô Liên An không giấu nổi niềm tự hào: “Ai trong chúng tôi cũng đều nghĩ rằng đây là nhân duyên, việc thiện cần làm giữa đời sống vốn bộn bề này. Là người xuất gia không quay lưng với nỗi đau thế thái nhân tình mà phải san sẻ tình thương cho những ai thiếu thốn tình cảm, vật chất”. Hàng ngày, những sư cô ở đây dậy từ 4 giờ sáng để lo Phật sự. Sau đó vào bếp cùng mọi người làm bữa sáng rồi tắm rửa, thay tã, cho các bé ăn, chơi, ngủ…. việc chăm sóc và nuôi lớn một đứa con đã khó đối với bậc làm cha mẹ, thế nhưng các sư cô ở chùa Đức Sơn chăm sóc hàng trăm đứa trẻ là một điều phi thường, đó không chỉ là trách nhiệm mà là cả sự yêu thương vô bờ bến. Trong khi các con còn đang chìm sâu trong giấc ngủ thì những người mẹ áo nâu sồng nơi cửa Phật lại phải lo lắng, dọn dẹp hết những gì mà bọn trẻ bày ra để sáng mai chúng nó lại có một chỗ chơi sạch sẽ. Không chỉ lo chuyện ăn, ngủ, học hành, các sư cô ở đây còn hướng các cháu đến những suy nghĩ và việc làm thiện, dạy dỗ các cháu những điều hay lẽ phải, nhất là tình đoàn kết, thương yêu lẫn nhau. Điều làm các sư cô vui nhất là các cháu đều ngoan ngoãn, biết

vâng lời. Có cháu nói chuyện chưa rành, gọi các cô là “mẹ” rất dễ thương. Cũng có lúc các cháu nghịch ngợm, phá phách, nhưng bằng sự nhẹ nhàng là các cháu răm rắp nghe theo. Có lẽ chỉ có tấm lòng và tình thương một cách không điều kiện mới có thể giúp các sư cô ở đây làm được điều mà không phải bậc làm cha làm mẹ nào cũng có thể làm được. Chia sẻ về những tâm sự của mình, Ni trưởng Thích Nữ Minh Tú nói: “Mong muốn duy nhất của tôi là các cháu trưởng thành, khỏe mạnh. Nhưng sâu xa hơn, vẫn

muốn những bậc sinh thành hãy nghĩ tới cuộc đời các cháu để các cháu đỡ đi phần nào sự thiệt thòi trong cuộc sống, để chúng nó lớn lên có ích cho xã hội và không cảm thấy mặc cảm về thân phận của mình". Việc nuôi dạy các em bình thường đã khó khăn, thế mà, trong số các em, còn có 10 em sơ sinh, 10 em khuyết tật, thì việc nuôi dạy lại càng khó khăn gấp nhiều lần. Ký ức tuổi thơ và cuộc đời những đứa trẻ tưởng như đã bị bỏ quên ấy được nuôi lớn dưới tiếng chuông chùa, bên những lời kinh kệ ở chốn thiền môn. Kể với chúng tôi về nghiệp duyên này, Ni trưởng Thích Nữ Minh Tú không khỏi bùi ngùi. Chùa Đức Sơn được xây dựng năm 1964, trước đây vốn chỉ là một Niệm Phật đường. Thời ấy chỉ có 4 ni cô là Minh Đức, Minh Tú, Minh Nhật và Minh Hằng đã cùng đến đây tu tập. Sư cô Minh Tú cho biết, ngày chùa Đức Sơn trở thành chỗ nương nhờ của những mảnh đời cơ nhỡ, các sư cô gặp phải muôn vàn khó khăn. Các sư cô phải ăn sắn trộn cơm và chằm nón để có tiền mua sữa cho các em nhỏ. Tuy nhiên, qua thời gian, với sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm từ thiện và sự nỗ lực không ngừng của các sư cô trong chùa, hiện nay chùa Đức Sơn đã trở thành địa chỉ đáng tin cậy về nuôi dạy trẻ mồ côi trong vùng. Chùa căn cứ vào độ tuổi và bệnh tật để sắp xếp chỗ ở cho phù hợp. Các cháu nam, nữ trên 10 tuổi, trẻ khuyết tật, trẻ sơ sinh... được bố trí ở riêng". Theo sự chỉ dẫn của nhà sư chúng tôi tới khu dành cho những đứa trẻ dưới 5 tuổi. Nơi ấy khiến chúng tôi có cảm giác như vào khoa nhi của một bệnh viện. Ngoại trừ những đứa trẻ khoẻ mạnh

nô đùa, chạy nhảy, thì những đứa trẻ nhỏ tuổi mang bệnh tật, ốm đau phải nằm trên giường thiêm thiếp đầy tội nghiệp. Chỉ vào mấy đứa trẻ đang tíu tít nô đùa, sư cô nói: "Đứa trẻ áo vàng hay cười ấy là Cù Thiện Hoa, bởi nhà chùa nhặt được cháu trong vườn hoa rồi đem cháu về nuôi khi chỉ còn mong manh hơi thở nên đặt tên là Hoa. Còn cháu gái mặc quần áo trắng nằm trên giường kia là Kiều Thiện Ngọc, tên thường gọi là Bầu. Cháu bị bệnh nặng lắm nhưng nhà chùa vẫn cố gắng điều trị". Các cháu nhỏ ở đây đa phần không biết họ tên, cha mẹ các em là ai nên khi nhận vào chùa nếu là bé trai thì mang họ Cù Thiện, bé gái thì mang họ Kiều Thiện. Sư cô Minh Tú kể với chúng tôi: "Hơn 28 năm qua đã có hơn 140 cháu rời khỏi chùa, nhiều cháu đã có gia đình và công việc ổn định, có một số cháu vượt qua nghịch cảnh hiện nay đã thành đạt trở thành bác sĩ, kỹ sư... Dù đã lớn, đã rời xa mái ấm tình thương để tự lập thân kiếm sống nhưng các em vẫn luôn có trách nhiệm đùm bọc những thế hệ sau như là người trong một nhà". Sư cô Minh Tú kể tiếp với niềm tự hào hiện lên trong ánh mắt về các trường hợp đặc biệt sinh sống ở đây: "Trong một lần đi làm từ thiện, tôi tình cờ bắt gặp một cháu đỏ hỏn, bị bỏ rơi. Hồi ấy, cháu bé chỉ nặng hơn 900 gram. Tôi đưa cháu về chùa nuôi dưỡng và đặt tên cháu là Cù Thiện Sanh. Từ ngày Thiện Sanh về chùa, các sư nữ chắt chiu từng đồng để mua sữa, mua thuốc chăm sóc cho cháu. Hiện tại, Cù Thiện Sanh rất khỏe mạnh và học giỏi như các bạn cùng trang lứa". Một trường hợp đặc biệt nữa mà các sư cô ở đây hay kể cho các em nhỏ để làm gương noi theo đó là câu chuyện của anh Đào Duy Long, sinh ra trong một gia đình khó khăn ở huyện A Lưới, bố mất sớm, một mình mẹ bệnh tật nuôi 3 anh em ăn học. Quá cực khổ nên mẹ gửi Long vào chùa Đức Sơn khi em lên 10 tuổi. Được các sư cô chăm sóc, dạy bảo nên Long học rất giỏi. Em đỗ

vào Trường Đại học Kinh tế Huế với số điểm khá cao. Ra trường được nhận vào làm tại một ngân hàng có trụ sở ở thành phố Huế, hiện nay Long

vẫn dành nhiều thời gian công sức vận động ủng hộ cho chùa để có điều kiện chăm lo cho các cháu bé khác. Mỗi em ở đây là một mảnh đời bất hạnh khác nhau, cùng chung trong mái ấm này để lớn lên dưới vòng tay của những ni sư. Tác giả được nghe kể, vào một buổi sáng bầu trời giá lạnh bởi sương đêm, ni sư tình cờ bắt gặp một em bé còn đỏ hỏn, quấn trong tấm khăn mỏng, nằm bên góc cổng chùa. Tiếng khóc của bé yếu dần có lẽ vì khát sữa, em đã bị bỏ rơi. Có thể là do một mối tình vụng trộm, có thể mẹ em đã không thừa nhận em, hay có thể do em bị khuyết tật..., mà hẳn là ẩn số cuộc đời em về xuất phát ban đầu khó ai đoán biết được, mà cũng không ai muốn biết thêm để làm gì. Bằng tất cả sự bao dung, nhân hậu, Ni sư Minh Tú cùng các ni sư ở chùa bồng bế em lên tay, và tất cả đều biết rằng họ phải bắt đầu một hành trình mới cho một số phận. Lẽ ra, các ni sư, chỉ tập trung việc tu dưỡng, tụng kinh, niệm Phật, nhưng với triết lý nhập thế, họ đã làm một việc, mà hẳn là xã hội ít ai có đủ tự tin, rộng lòng làm được. Nuôi một đứa trẻ, với một bà mẹ bình thường đã khó, thì với hoàn cảnh các ni sư chưa từng một lần được làm mẹ theo đúng nghĩa tự nhiên lại càng khó khăn gấp bội phần. Sự khó khăn ấy, chưa đáng là bao, khi hằng ngày các ni sư phải trông ngóng, em lớn lên, được an lành, trọn vẹn hay là một đứa trẻ khuyết tật, bị mù, bị động kinh, không biết nói, không thể tự đi, bi ba í ới mà không một ai có thể đổi thay sự thật này. 4. KẾT LUẬN Từ một mô hình nhỏ của những ngôi chùa ở Huế để thấy ngày nay, Phật giáo đã vận dụng triết lý nhập thế một cách mạnh mẽ để giáo dục hướng thiện và trợ giúp xã hội. Biết bao nhà sư, ni sư, từ chốn Phật môn đã tham gia giảng dạy ở các trường học, đồng hành cùng những chuyến từ thiện tới những vùng xa xôi, hay cứu chữa biết bao bệnh tật cho bệnh nhân nghèo. Hình ảnh Phật tử không đơn thuần chỉ là tụng kinh nơi cửa Phật, mà chính họ là những con người nhập thế tích cực. Họ xây dựng một hình ảnh rất chân thực trong cuộc sống đời thường.

Phải chăng, vì lẽ đó, mà Phật giáo ngày càng phát triển và có mặt ở nhiều quốc gia châu lục trên thế giới. Riêng ở Việt Nam, nhờ có đức Phật, giúp con người hướng thiện, làm việc tốt, bảo vệ trật tự xã hội. Dù những con người trần tục nhất thì đều hướng thiện khi đứng trước đức Phật. Hình ảnh đức Phật đã thấm vào máu thịt người Việt như một phần không thể thiếu trong văn hóa ứng xử giữa người với người. Điều này càng quan trọng hơn, khi xã hội ngày nay, có quá nhiều vấn đề phức tạp, khi mà đạo lý con người ngày càng đổi thay, xói mòn, thì chính sự nhập thế của triết lý Phật học, là nền tảngđạo đức xã hội để mỗi người có thể thiện tâm chính mình. Như vậy, ngoài việc phát triển như một tôn giáo của thế giới, Phật giáo không chỉ đóng góp về mặt văn hóa, triết học mà đã vận dụng triết lý nhập thế để đóng vai trò ngày càng lớn trong giải quyết những vấn đề về y học, kinh tế, chính trị, xã hội... Từ đó, xây dựng một hình ảnh đẹp, sinh động về những người ở chốn Phật môn nói riêng, Phật tử nói chung và Phật giáo trở thành một phần không thể thiếu trong giáo dục con người hướng thiện và trợ giúp xã

hội trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay.

***

VAI TRÒ CỦA PHẬT HỌC TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG THIỆN VÀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI 177

Tài liệu tham khảo
Bowker, J (2002), Các tôn giáo trên thế giới, Dịch giả Nguyễn Đức
Tư, Nxb. Văn hóa thông tin.
Đặng Văn Chương (2016), Bài giảng Lịch sử tôn giáo thế giới, Trường
Đại học Sư phạm Huế.
Đỗ Ngây (2012), Triết lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam thời Lý –
Trần, Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học, Viện Khoa học xã hội Việt
Nam, Hà Nội.
hue/, truy cập 11/12/2018.

TẦM QUAN TRỌNG
CỦA VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐỐI VỚI NỀN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Thích Hạnh Tuệ
TS.SC. Thích Nữ Thanh Quế

1. Có thể nói, chưa bao giờ, vấn đề về văn hóa nói chung, Văn hóa Phật giáo Việt Nam nói riêng lại được nhiều người, nhiều giới quan tâm nghiên cứu bàn luận đến như vậy. Vì sao? Văn hóa là phần hồn của một dân tộc, là động lực để phát triển kinh tế xã hội. Văn hóa là một phạm trù rất rộng, vốn là sản phẩm chỉ có ở loài người, được tạo ra và phát triển trong quan hệ giữa con người và xã hội. Ngược lại, văn hóa lại tác động không nhỏ vào việc tạo nên con người, duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua con đường giáo dục. Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra. Khó có thể đưa ra một khái niệm về văn hóa được mọi người, mọi giới chấp nhận. Hiện nay, ít nhất cũng có đến hàng trăm định

180 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

nghĩa, khái niệm về văn hóa khác từ được nhìn từ nhiều giác độ khác nhau. Thông thường, theo nghĩa hẹp, văn hóa trong tiếng Việt, dùng để chỉ học thức, lối sống. Theo nghĩa rộng, thì văn hóa là một tổng thể phức hợp bao hàm các lĩnh vực tư tưởng, văn học, đức tin, pháp luật, nghệ thuật, lịch sử, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lối sống, đạo đức... Nói một cách khái quát nhất, thì văn hóa là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử. “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên xã hội.” Văn hóa còn là những hoạt động của con người nhằm thỏa mãn nhu cầu đời sống tinh thần. Văn hóa là bao gồm tất cả những sản phẩm của con người, nghĩa là gồm cả hai khía cạnh: Vật

chất như nhà cửa, quần áo, xe cộ, các phương tiện và phi vật chất của xã hội như văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, tư tưởng,... Trong mỗi lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, mỗi giác độ khác nhau, cách hiểu về văn hóa cũng khác nhau. Các định nghĩa về văn hóa và cách tiếp cận khác nhau đến nỗi ngay cả cách phân loại các định nghĩa về văn hóa cũng có nhiều sự khác biệt đáng kể. Về mặt thuật ngữ khoa học, có lẽ từ "Văn hóa" bắt nguồn từ chữ Latinh "Cultus" mà nghĩa gốc là gieo trồng, được dùng theo nghĩa Cultus Agri là "gieo trồng ruộng đất" và Cultus Animi là "gieo trồng tinh thần" tức là "sự giáo dục bồi dưỡng tâm hồn con người". Đáng lưu ý là định nghĩa của Edward Sapir (1884 - 1939), nhà nhân loại học, ngôn ngữ học người Mỹ: "văn hóa chính là bản thân con người, cho dù là những người hoang dã nhất sống trong một xã hội tiêu biểu cho một hệ thống phức hợp của tập quán, cách ứng xử và quan điểm được bảo tồn theo truyền thống." Ngày 2/2/2002 UNESCO – tổ chức Giáo dục – Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc đã đưa ra định nghĩa về văn hóa được nhiều người chấp nhận như sau: "Văn hóa nên được đề cập đến như

là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và niềm tin." 2. Hiện nay, không ít người nhầm lẫn khái niệm Văn hóa Phật giáo và Văn hóa Phật giáo Việt Nam. Cách hiểu lầm thứ nhất là họ đồng nhất hai khái niệm Văn hóa Phật giáo và Văn hóa Phật giáo Việt Nam là như nhau. Biểu hiện thực tế trong đời sống văn hóa của cách hiểu này là phê phán những chùa có tổ chức các lễ cúng giao thừa; cúng Thượng nguyên (rằm tháng giêng), cầu an, cúng sao, giải hạn; cúng cô hồn, xá tội vong nhân và dịp Trung nguyên; cúng Hạ nguyên (rằm tháng 10)... là không đúng lời Phật dạy, không phải văn hóa Phật giáo Việt Nam... Cách hiểu này, dẫn đến việc đồng nhất tư tưởng Phật giáo và tư tưởng Phật giáo Việt Nam, cho rằng hai khái niệm này là như nhau. Cách hiểu nhầm thứ hai theo hướng tiêu cực là Văn hóa Phật giáo Việt Nam là pha tạp, là hỗn dung, là không còn thuần tính văn hóa Phật giáo gốc. Dẫn đến nhận thức rằng, phải quay về với văn hóa Phật giáo thuần túy, văn hóa Phật giáo gốc mới là tốt nhất. Thật ra có phải như vậy chăng? Những ai quan tâm đến đạo Phật, nghiên cứu lịch sử Phật giáo đều biết rõ, khoảng thế kỷ thứ VI trước công nguyên, đạo Phật từ Ấn Độ lan tỏa khắp nơi bằng con đường văn hóa và thông qua văn hóa hòa hợp. Thực tế đã chứng minh hùng hồn, Văn hóa Phật giáo với đặc tính từ bi và dung hợp, nên đi đến đâu cũng dễ dàng được tiếp nhận và dung hòa với văn hóa tín ngưỡng của nơi đó như nước hòa với sữa ,không những không bao giờ loại trừ, triệt tiêu văn hóa tín ngưỡng bản địa, mà còn nâng đỡ, bổ sung, hòa hợp làm cho nền văn hóa của nơi mà nó đến, được nâng tầm cao hơn và phong phú đa dạng hơn. Các nhà sư, nhà truyền giáo, tín đồ của Phật giáo, khi bắt đầu

sang Trung Hoa, họ học chũ Hán, tiếng Hán, tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng bản địa, nghiên cứu Nho giáo, Đạo giáo của người Trung Hoa. Họ dùng chữ

Hán, tiếng Hán, có khi mượn dùng cả các khái niệm, thuật ngữ của Nho – Đạo vốn quen thuộc với người dân nơi đây, để truyền bá tinh hoa tư tưởng, văn hóa Phật giáo tại Trung Hoa. Nhờ vậy, Phật giáo mới vào được và hưng thịnh tại Trung Hoa. Tông chỉ quan trọng nhất, góp phần tạo nên thành công của tổ chức Phật giáo Phật Quang Sơn (Đài Loan) do Hòa thượng Tinh Vân sáng lập là: "Dĩ văn hóa hoằng dương chính pháp" (lấy văn hóa để hoằng dương Phật pháp). Phật giáo có mặt tại Việt Nam chúng ta, chậm nhất là từ những năm đầu công nguyên, thông qua con đường giao lưu và tiếp biến văn hóa. Với những điểm tương đồng vốn có, tinh hoa tư tưởng văn hóa Phật giáo khi vào Việt Nam ta, nhanh chóng được dân ta – cư dân văn hóa lúc nước nông nghiệp hiền hòa chất phác, tiếp nhận một cách tự nhiên, như nước hòa với sữa. Phật giáo nhanh chóng bén rễ và lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội. Cũng chính nhờ đặc tính từ bi dung hợp, thông qua con đường văn hóa, Phật giáo không chỉ dung hòa với văn hóa tín ngưỡng bản địa đa thần mà còn dung hợp với tinh hoa văn hóa Nho – Đạo, vốn đã được một bộ phận dân ta tiếp nhận từ đầu công nguyên, tạo nên một nền văn hóa phong phú, đa dạng, nhân văn và đầy sức sống. Chùa Pháp Vân, chùa Pháp Lôi, chùa Pháp Vũ, chùa Pháp Điện, chùa Một Cột, chùa Báo Thiên, chùa Thiên Mụ, chùa Tam giáo... là kết quả của quá trình dung hợp. Những lời dạy các bậc cổ đức thiền sư về tâm thế tu tập liên quan đến sự dung hợp này rất đáng ghi lòng: "Muốn tu hành thành tựu giác ngộ giải thoát như Đức Phật thì chỉ cần y theo giáo lý kinh điển của Phật giáo. Nhưng muốn hoằng dương chánh pháp lợi lạc quần sanh sâu rộng thì việc vận dụng tinh hoa Nho – Lão hòa với tín ngưỡng văn hóa bản địa không thể không lưu tâm mà được." Không ít người khó lý giải, vì sao, dân tộc Việt Nam ta đã từng bị ngàn năm Bắc thuộc với chính sách đồng hóa về văn hóa mà vẫn

không tiêu diệt được văn hóa của dân tộc ta? Một số nhà nghiên cứu uy tín cho rằng, phải chăng, nhờ hồn thiêng, phúc khí của dân tộc, sự hòa hợp giữa văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo từ rất sớm mà cái hồn của văn hóa dân tộc ta đã được định hình với sức sống bất diệt. Nên cho dù dân tộc ta, dù bị ngàn năm Bắc thuộc nhưng cái hồn văn hóa ấy, sức sống của văn hóa ấy bất diệt. Đúng như nhận định của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "Văn hóa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử của dân tộc, nó làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng dân tộc Việt Nam vượt qua biết bao sóng gió và thác ghềnh tưởng chừng như không thể vượt qua được, để không ngừng phát triển và lớn mạnh." Văn hóa Phật giáo Việt Nam và văn hóa Việt Nam như là một thực thể tinh thần khó có thể tách rời ra được, nên sẽ không tránh khỏi khiếm khuyết, nếu nghiên cứu văn hóa dân tộc Việt Nam mà bỏ qua văn hóa Phật giáo Việt Nam và ngược lại. Ở một khía cạnh nào đó, có thể nói, Văn hóa Phật giáo Việt Nam chính là phần nền, phần móng vững chắc của ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Nếu phần nền móng này bị lung lay, sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Vì vậy, chung tay vun đắp Văn hóa Phật giáo Việt Nam là bổn phận của tất cả những người con Phật, không kể là xuất gia hay tại gia. Khi chúng ta đã xác định rõ khái niệm Văn hóa Phật giáo Việt Nam thì những vấn đề khủng hoảng nhận thức văn hóa có liên quan đến Phật giáo trong thời gian qua sẽ được nhận thức thấu đáo hơn. Và như thế, mọi giới sẽ có cách ứng xử

văn hóa phù hợp với những vấn đề như: Cầu an, cúng sao, giải hạn có phải của Phật giáo không? Cầu siêu, cúng vong thỉnh vong có phải của Phật giáo không? 3. Với tính cấp thiết và tầm quan trọng của Văn hóa Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, chúng con kính nghĩ rằng, phải chăng đã đến lúc, các bậc trưởng lão tôn túc lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Ban Văn hóa

184 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Trung ương, chư vị Hòa thượng, Thượng tọa Đại đức Tăng ni lãnh đạo, điều hành các trường Phật học, Học viện và Cao đẳng Phật giáo bớt chút thời gian quan tâm suy nghĩ, nên chăng nghiên cứu, tổ chức hội thảo chuyên đề, soạn giáo trình, đào tạo giảng viên chuyên ngành Văn hóa Phật giáo, nhằm đưa môn "Văn hóa Phật giáo Việt Nam": vào chương trình dạy chính quy một cách có hệ thống cho Tăng ni sinh với những nét cơ bản nội dung môn học này như sau: - Khái quát về Văn hóa và Văn hóa Việt Nam - Khái niệm Văn hóa Phật giáo Việt Nam - Văn hóa dung hợp – đặc trưng của Văn hóa Phật giáo Việt Nam (Văn hóa bản địa Việt Nam, tín ngưỡng, phong tục, tinh hoa văn hóa Nho, Đạo) - Văn hóa nhận thức Phật giáo (Tứ đế, Bát chánh đạo, duyên khởi, vô ngã, vô thường…) - Văn hóa từ bi, tỉnh thức (cơ sở của tinh thần dung hợp) - Văn hóa thiền Phật giáo (thiền trong mọi sinh hoạt đời sống) - Văn hóa đạo đức Phật giáo (Tam quy, ngũ giới, thập thiện, nhân quả…) - Văn hóa nghi lễ cầu an, cầu siêu (thờ tự, niệm Phật, tụng kinh, trì chú, cầu nguyện, hằng thuận…) - Văn hóa nghệ thuật Phật giáo - Văn hóa mỹ thuật kiến trúc Phật giáo (kiến trúc chùa, tháp, hoa văn…) - Văn hóa sinh hoạt giao tiếp ứng xử (Chắp tay hình búp sen, chào hỏi…) - Tài nguyên Văn hóa Phật giáo Việt Nam Căn cứ vào những vấn đề được trình bày ở trên, chúng tôi phác thảo sơ lược đề cương môn Văn hóa Phật giáo Việt Nam như sau: - Chương 1. Các khái niệm cơ bản

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM 185

- 1.1. Văn hóa và văn hóa học
- 1.2. Văn hóa Việt Nam và Văn hóa Phật giáo Việt Nam
- 1.3. Văn hóa và môi trường tự nhiên, xã hội
- 1.4. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa
- Chương 2. Văn hoá nhận thức Phật giáo
- 2.1. Tổng quan về hệ thống kinh điển và tư tưởng cốt lõi của
Phật giáo
- 2.2. Vũ trụ quan (Bản thể luận) Phật giáo và ảnh hưởng của nó trong đời sống tư tưởng, đời sống tâm linh con người
- 2.3. Nhân sinh quan (Giải thoát luận và con đường tu chứng)
Phật giáo và ảnh hưởng của nó trong đời sống tư tưởng, đời sống tâm linh con người
- 2.4. Quan hệ con người và môi trường trong nhận thức Phật giáo
- 2.5. Việc dịch kinh Phật đối với sự phát triển ngôn ngữ và văn chương ở các nước châu Á
- Chương 3. Văn hóa tổ chức cộng đồng trong Phật giáo
- 3.1. Giáo hội, tăng chúng và tín đồ

- 3.2. Văn hóa Phật giáo với đạo đức xã hội và gia đình
- 3.3. Chùa chiền – tự viện Phật giáo
- 3.4. Phong tục, nghi lễ liên quan đến Phật giáo
- 3.5. Lễ tết, lễ hội liên quan đến Phật giáo
- Chương 4. Văn hoá nghệ thuật Phật giáo
- 4.1. Kiến trúc Phật giáo
- 4.2. Điêu khắc Phật giáo
- 4.3. Hội hoạ Phật giáo
- 4.4 Âm nhạc Phật giáo
- 4.5. Văn học Phật giáo

186 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

- 4.6. Văn hóa thiền Phật giáo… 4. Hiện nay, các bậc tôn túc lãnh đạo Học viện Phật giáo Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đặc biệt ưu tư quan tâm đến nền giáo dục Phật giáo nước nhà, tổ chức làm sách chuyên đề: Phật học Việt Nam thời hiện đại – cơ hội và thách thức, nhằm kỷ niệm 35 năm thành lập Học viện Phật giáo Việt Nam, chúng con viết bài tham luận này, chỉ với ý nguyện thiết tha, mong Phật giáo Việt Nam ngày càng vững mạnh, Giáo dục Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển đúng hướng, góp phần hoằng dương chính pháp, lợi lạc nhân sinh. Nhất là trong thời đại công nghệ tri thức, công nghệ khoa học vô cùng phát triển nhưng chỉ số hạnh phúc của con người không mấy khả quan.

***

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM 187

Tài liệu tham khảo Nguyễn Đăng Điệp – Đoàn Lê Giang, Văn học và văn hóa tâm linh, Nxb. Khoa học xã hội, 2018. Nguyễn Thị Bảy, Văn hóa Phật giáo và lối sống của người Việt ở Hà Nội và châu thổ Bắc bộ, Nxb. Văn hóa Thông tin, 1997. Đào Duy Anh, Việt Nam văn hóa sử cương, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992. Phan Huy Lê, Lịch sử và văn hóa Việt Nam – tiếp cận bộ phận, Nxb. Giáo dục, 2007. Will Durant (Nguyễn Hiến Lê dịch), Lịch sử văn minh Ấn Độ, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2006. Nguyễn Đăng Duy, Phật giáo với văn hoá Việt Nam, Nxb. Hà Nội, 1999. Robert E. Fisher, Mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo, bản dịch, Nxb. Mỹ thuật, 2002. Thích Hạnh Tuệ, Văn học Phật giáo Việt Nam – một hướng tiếp cận, Nxb. Khoa học xã hội, 2018. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, 3 tập, Nxb. Lá Bối, Paris và Sài Gòn, in lần đầu 1973; Nxb. Văn học, tái bản, 1994. Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1990. Nguyễn Công Lý, Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tái bản 2004. Thích Hạnh Tuệ - Thích Thanh Quế, “Sự dung hợp và giao thoa Phật – Nho trong văn học Phật giáo Việt Nam” in trong Nghiên cứu Văn học, số chuyên đề Văn học và văn hóa Phật giáo tháng 5, 2019.

188 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Diane Morgan, (Lê Văn Hy dịch), Triết học tôn giáo phương Đông,

Nxb. Tôn giáo, 2006.
Pháp sư Thánh Nghiêm (Thích Tâm Trí dịch), Lịch sử Phật giáo Ấn Độ, Nxb. Phương Đông, 2008.
Đức Nhuận, Phật học tinh hoa, Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn, 1970.
Junjiro Takakusu (Tuệ Sỹ dịch), Tinh hoa triết học Phật giáo, Nxb. Phương Đông, 2007.
Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập 1, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1999; tập 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001; tập 3, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
Nguyễn Đăng Thục, Phật giáo Việt Nam, Mặt Đất xuất bản, Sài Gòn, 1974.
Nguyễn Tài Thư (chủ biên), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, 1993.
Theodore M. Ludwig, Những con đường tâm linh phương Đông, phần I: Các tôn giáo khởi nguyên ở Ấn Độ, bản dịch, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2000.
Nhiều tác giả, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2017.
Thích Phụng Sơn, Những nét văn hóa của đạo Phật, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ

ThS. Vũ Ngọc Định*

ĐẶT VẤN ĐỀ Từ thời thượng cổ, ngay khi mới hình thành đời sống cộng đồng do bản năng sinh tồn loài người đã biết truyền dạy, học hỏi lẫn nhau về cách sống, cách lao động sản xuất, cách chinh phục và tồn tại trong môi trường tự nhiên. Truyền dạy và tự học để thích nghi, để phù hợp, để sinh tồn và phát triển, đó chính là mầm mống sơ khai của giáo dục. Vậy, giáo dục là gì? Giáo dục theo nghĩa chữ Hán có thể hiểu: giáo là giáo hóa, là dạy tri thức, là dẫn dắt về mặt tinh thần, đạo đức con người; dục nghĩa là nuôi dưỡng. Giáo dục bao hàm ba mặt nghĩa song song là: tri thức, đạo đức và thể chất. Như vậy, giáo dục là nhằm phát triển, bồi dưỡng con người trên ba phương diện gồm: trí tuệ, tinh thần và thể chất. Về giáo dục Phật giáo, tác giả Trần Thị Hoài Thương cho rằng: Giáo dục Phật giáo được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu giáo

*. Khoa Khoa học xã hội Trường Đại học Hồng Đức.

lý Phật giáo. Qua đó, bồi dưỡng, phát triển con người hoàn thiện hơn về mặt trí thức và tâm thức, để trở thành những con người tốt hơn, có phẩm hạnh và có đạo đức, trở thành những người tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, trở thành những con người có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội1. Như vậy, tựu chung giáo dục là phương tiện nhằm đào tạo con người phát triển một cách toàn diện về tri thức, đạo đức và thể chất. I. GIÁO DỤC PHẬT GIÁO 1. Lược sử

giáo dục Phật giáo Đức Thích Ca Mâu Ni từ khi thành đạo cho đến khi tịch diệt, ròng rã 45 năm không mệt mỏi đi khắp miền nam Ấn Độ truyền giảng tư tưởng của Ngài. Đối tượng mà Ngài giảng dạy từ vương hầu, tể tướng, Bà la môn, cư sĩ, thương nhân cho đến các hạng người đều được hóa độ không phân biệt riêng ai. Trong thời gian này, Ngài đã hóa độ và tiếp nhận trên 1.250 vị đệ tử xuất gia vào trong Giáo đoàn của Phật, đó là những học trò đầu tiên được Phật truyền dạy. Nếu lấy buổi thuyết pháp đầu tiên của Đức Thế tôn tại vườn Lộc Uyển để hóa độ cho 5 anh em ông Kiều Trần Như làm cái mốc tính thì nền giáo dục của Đức Phật, của Phật giáo đến nay đã có 2.563 năm truyền thống. Phật giáo từ Ấn Độ, truyền sang phương Bắc, trước tiên truyền vào Tây Tạng vào khoảng giữa thế kỷ III, rồi từ đó truyền sang Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam. Riêng ở Việt Nam, trước khi truyền sang từ Trung Hoa, thuở ban sơ có nhiều vị sư Ấn Độ theo lái buôn, họ đi đường biển sang truyền đạo trực tiếp ở Việt Nam từ những năm đầu công nguyên. Đạo pháp của Phật được truyền bá một cách có hệ thống ra bên ngoài lãnh thổ Ấn Độ từ đây.

1. . Trần Thị Hoài Thương (2016), Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay (Luận văn Thạc sĩ Triết học – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ 191

2. Giáo dục Phật giáo tại Việt Nam Ở Việt Nam, ngay từ khi đất nước giành được quyền tự chủ, giai đoạn thời Lý - Trần, Phật giáo với địa vị là Quốc giáo, là hệ tư tưởng chủ đạo phục vụ cho mục đích đoàn kết dân tộc để bảo vệ và xây dựng đất nước. Tăng đoàn được tổ chức dưới sự bảo hộ của chính quyền phong kiến, các ngôi chùa, tự viện được nhà vua cho phép xây dựng; được hoàng hậu, các vị trọng thần đương triều đứng ra hưng công xây dựng; tại địa phương, Tăng ni được phép phát triển tự viện. Các ngôi chùa trở thành giáo đường, trường học để truyền bá Phật pháp ra dân gian. Cũng trong giai đoạn này, các nhà sư đã tham gia vào các sự kiện chính trị trọng đại của quốc gia, tham gia vào công cuộc bảo vệ nền độc lập tự chủ cũng như xây dựng đất nước của dân tộc. Nhân dân ta từ đây ngoài các tri thức về vật chất, văn hóa vốn có đã được trang bị tri thức về mặt tinh thần, tư tưởng, trong đó tư tưởng từ bi, bác ái, vị tha của Phật giáo đã thấm nhuần và trở thành chân giá trị sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Khi ấy giáo dục Phật giáo có thể chưa trở thành khái niệm, nhưng sự truyền bá chân lí đã là duyên khởi cho sự nghiệp giáo dục của Phật giáo trên đất nước Việt Nam. Trải qua các triều đại Lê, Nguyễn dù có lúc mất đi vai trò cũng như hệ tư tưởng chủ đạo trong chính quyền hành chính nhưng Phật giáo vẫn âm thầm phát triển mạnh mẽ ở các làng quê làm phong phú thêm đời sống văn hóa và tinh thần cho người dân Đại Việt bên cạnh Nho giáo và Đạo giáo. Quan trọng hơn hết là mỗi khi đất nước gặp nguy nan, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc, Phật giáo lại đi tiên phong trong việc xây dựng hệ tư tưởng và là sợi dây tinh thần để đoàn kết nhân dân vượt qua những gian khó của thời cuộc. Những năm đầu thế kỷ XX, hệ thống giáo dục Phật giáo ở nước ta bao gồm các lớp học, nhóm học của các tổ đình, sơn môn, pháp phái lập ra.

Các lớp, nhóm học được tổ chức cho các vị tu sĩ trẻ ở những ngôi chùa gần nhau trên cùng một địa phương tham gia học tập, các lớp này chủ yếu dạy về kinh sách, khoa cúng, chữ Hán,...

192 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Đối tượng mới chỉ chú trọng vào các vị tu sĩ trẻ tuổi, chưa có sự hoằng pháp ra bên ngoài và cũng chưa thu hút được nhiều các đối tượng khác tham gia. Trong thời gian này, hệ thống giáo dục Phật giáo Việt Nam được phát triển và duy trì dưới hình thức "đạo tràng" được đặt ở các ngôi chùa lớn do các Hòa thượng đàn đầu dẫn dắt và thuyết giảng, hoặc là các Hạ trường mỗi khi vào kỳ an cư kiết hạ, hoặc các lớp học trước các giới đàn cho các giới tử. Trong giai đoạn này phương thức giáo dục theo hình thức "đạo tràng" là phương thức giáo dục cơ bản, thịnh hành, phù hợp với điều kiện của thực tại, tiêu biểu như: Tại miền Nam: Thiền sư Thích Từ Phong giảng dạy tại chùa Giác Hải; Thiền sư Khánh Hòa giảng dạy tại chùa Tiên Linh; Thiền sư Chí Thành giảng dạy tại chùa Phi Lai, chùa Giác Hoa; Thiền sư Huệ Quang giảng dạy tại chùa Long Hòa; Thiền sư Khánh Anh giảng dạy tại chùa Long An. Tại miền Trung: Thiền sư Tuệ Pháp giảng dạy tại chùa Thiên Hưng; Thiền sư Thanh Thái giảng dạy tại chùa Từ Hiếu; Thiền sư Đắc Ân giảng dạy tại chùa Quốc Ân; Thiền sư Tâm Tịnh giảng dạy chùa Tây Thiên; Thiền sư Phước Huệ chùa Thập Tháp; Thiền sư Diệu Giác giảng dạy tại chùa Đại Bi; thiền sư Thanh Định giảng dạy tại chùa Quảng Hóa. Tại miền Bắc: Thiền sư Thanh Hanh giảng dạy tại chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bà Đá; Thiền sư Thanh Nhu giảng dạy tại chùa Cổ Loan; Thiền sư Thông Quang giảng dạy tại chùa Yên Vệ. Từ năm 1927, những vận động đầu tiên nhằm chấn hưng Phật giáo được các Tăng sĩ và cư sĩ nêu lên. Phong trào chấn hưng được khởi xướng từ Thiền sư Khánh Hòa tại miền Nam, thiền sư Phước Huệ tại miền Trung và thiền sư Thanh Hanh tại miền Bắc. Nhiệm vụ đầu tiên của phong trào chấn hưng Phật giáo là xây dựng hệ thống giáo dục Phật giáo mới để đào tạo các tu sĩ truyền giáo có phẩm hạnh và học thức. Kể từ đây hệ thống giáo dục Phật giáo đã mở sang một trang mới với sự tham gia của các hội Phật giáo như: Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học do thiền sư Từ Phong làm Hội trưởng; Hội

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ 193

An Nam Phật học do cư sĩ Lê Đình Thám làm Hội trưởng, Thiền sư Giác Tiên làm Chứng minh Đạo sư, trụ sở đặt tại chùa Trúc Lâm; Hội Phật giáo Bắc Kỳ do cư sĩ Nguyễn Năng Quốc làm Hội trưởng, Thiền sư Thích Thanh Hanh làm Thiền gia Pháp chủ; sau đó là các tổ chức Phật giáo như: Hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Tăng già Việt Nam, Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất... Các ấn phẩm Phật giáo như: Tạp chí Từ Bi Âm (1932), Tạp chí Viên Âm (1933), Tạp chí Đuốc Tuệ (1935), Pháp Âm, Quan Âm, Tam Bảo, Tiếng chuông sớm, Duy tâm, Tiến hóa lần lượt ra đời. Một nhà xuất bản là Phật học Tùng thư do ông Đoàn Trung Còn thành lập năm 1932. Giai đoạn này nhiều kinh sách đã được xuất bản như: Phật giáo sơ học, Phật giáo vấn đáp, Phật giáo Giáo khoa thư, và những kinh bản bằng quốc ngữ như Kim Cương, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm,... là minh chứng cho sự phát triển về mặt quy mô, tổ chức và chất

lượng của giáo dục Phật giáo so với giai đoạn trước. Tháng 11 năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, kể từ đây nền giáo dục Phật giáo Việt Nam bắt đầu được tổ chức vào một hệ thống thống nhất, toàn diện, quy củ từ Trung ương đến địa phương. Từ chỗ chỉ có một trường Phật học quy củ đầu tiên là Đại học Vạn Hạnh (1964) thì đến nay hệ thống giáo dục Phật giáo đã được hoàn chỉnh ở 3 miền Bắc - Trung - Nam đào tạo các bậc học từ sơ cấp Phật học đến thạc sĩ, tiến sĩ Phật học, với nhiều chuyên ngành đào tạo chuyên sâu khác nhau. Hiện nay số cơ sở giáo dục đào tạo trực thuộc Giáo hội bao gồm 32 trường Trung cấp Cao đẳng, 4 Học viện phân bố theo khu vực là Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Riêng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer là trường đào tạo chuyên biệt cho hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer, 3 học viện còn lại đào tạo Tăng ni sinh của Phật giáo Bắc tông2. Như vậy, giáo dục Phật giáo từ chỗ là các lớp, nhóm học nhỏ,

2 . Xem thêm: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Giáo dục Tăng ni Trung ương, Giáo dục Phật giáo Việt Nam – Định hướng và phát triển (2012), Nxb. Tôn giáo.

tự phát do các chùa, tự viện thành lập phát triển lên thành các lớp, nhóm, hạ trường do các tổ chức, hội Phật giáo thành lập có quy mô vùng miền, khu vực. Khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập và đến nay hệ thống trường lớp, cơ sở giáo dục, cơ quan quản lí giáo dục Phật giáo đã dần được kiện toàn và đầy đủ đáp ứng yêu cầu học tập của Tăng ni và tín đồ Phật tử. 3. Bản chất, mục tiêu của giáo dục Phật giáo 3.1. Bản chất của nền giáo dục Phật giáo Trong Từ điển Tiếng Việt, khái niệm “giáo dục” được định nghĩa như sau: 1. (động từ). Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra. 2. (danh từ). Hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy giáo dục của một nước” 3. Thực tiễn giáo dục Phật giáo Việt Nam là minh chứng cụ thể, sinh động về hoạt động giáo dục Phật giáo theo hai cấp độ. Hoạt động tổ chức giáo dục Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp hiện nay được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau. Thứ nhất, do Trung ương Giáo hội tổ chức, bao gồm các học viện, đại học, các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp. Thứ hai, do Ban Trị sự cấp tỉnh, huyện, các tự viện, thiền viện tổ chức, bao gồm các hình thức giáo dục như: Câu lạc bộ, khóa tu, khóa tu một ngày an lạc, lớp bồi dưỡng kiến thức Phật pháp, thuyết giảng Phật pháp cho tăng chúng và tín đồ Phật tử được tổ chức ở các Thiền viện, Tự viện. Ngoài ra hình thức giáo dục thông qua các hoạt động ngoại khóa như: Hội trại, Câu lạc bộ thiện nguyện, nhân đạo,... cũng được tổ chức thường xuyên và thu hút đông đảo tín đồ Phật tử hưởng ứng thông qua. Tất cả những hình thức giáo dục Phật pháp này đều nhằm giúp những người tu học có được phẩm hạnh đạo đức, trí tuệ tốt đẹp nhất.

3. Hoàng Phê (chủ biên) (1994), Từ điển tiếng Việt, Nxb. Khoa học xã hội, tr.379.

Vậy bản chất của giáo dục Phật giáo là gì?. Phật giáo ra đời là phục vụ con người. Vì vậy bản chất của giáo dục Phật giáo chính là giáo dục con người có được một nhân cách, phẩm chất đạo đức, lối sống tốt đẹp dung hòa trong các mối quan hệ xã hội và tự nhiên; giúp con người giải thoát, vượt qua những tham sân si trong tư tưởng và hành động; giúp con người nhận thức, tiếp nhận những điều tốt đẹp trong cuộc sống và đạt được cái tâm từ bi, bác ái; phá bỏ được cái vô minh, cái vị kỷ, chấp ngã mà đạt được cái vô ngã, cái chân như. Cũng như mọi nền giáo dục khác, giáo dục Phật giáo nhằm hoàn thiện con người. Theo quan niệm của Phật giáo: Con người là một chúng sinh có khả năng thành Phật. Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Trong kinh Đại bát Niết bàn - kinh Trường Bộ I, lúc sắp nhập Niết bàn, Đức Phật dạy ngài Ananda: "Vậy nên, này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác". Cho nên phương pháp giáo dục của Phật có chỗ khác với giáo dục của các tôn giáo và hệ tư tưởng khác, đó là con người phát huy tính tự lực, tự thân, nỗ lực hoàn thiện mình trên lộ trình giải thoát. Bên cạnh đó giáo dục Phật giáo không đặt nặng việc dạy, "cầm tay chỉ việc" mà giáo dục Phật giáo chú trọng hướng đến là định hướng, kiến tâm, kiến tính. Giáo dục Phật giáo định hướng cho tự mỗi cá nhân phải tự mình nỗ lực học tập, tu tập để tự giác ngộ, tự giải thoát bản thân khỏi mọi phiền não của cuộc đời. Tự giác ngộ thân tâm là cốt yếu của giáo dục Phật giáo. Bởi vì bản thân mình có tự giác ngộ, tự đốn ngộ thì mới mong có được kết quả kiên cố, vững bền. Phương pháp giáo dục của Phật giáo đối với các hàng đệ tử, nhất là hàng đệ tử xuất gia và tại gia là Tùy duyên tiếp hóa, là Khế lý, Khế cơ. Khi đó người học là đối tượng, là trung tâm của sự giáo dục, giáo hóa để phát triển trí tuệ, thấu hiểu bản chất thật sự của các pháp, hiểu được những điều chân thực và có giá trị. Học Phật là đi theo

con đường Đức Phật đã dạy để nhận sự chân thật, qua đó loại bỏ những quan điểm sai lầm, trái đạo đức. Đức Phật dạy: "Này các Tỳ- kheo, ta không nói rằng việc chứng đạt trí tuệ sâu thẳm đến ngay lập tức, mà nó đến bằng một sự tu tập tuần tự"4. Như vậy có thể thấy rằng, phương pháp giáo dục Phật giáo là một quá trình giáo dục lâu dài, tuần tự, trong đó bao hàm sự tự chuyển hóa, sự thanh lọc, vun đắp. Tóm lại, bản chất của giáo dục Phật giáo chính là giáo dục con người có được một nhân phẩm, chất đạo đức tốt đẹp, giúp con người có được cuộc sống tốt đẹp; giúp con người phá bỏ được các dục vọng, ham muốn của thân tâm mà đạt đến Chân - Thiện - Mỹ. Để đạt được kết quả ấy, giáo dục Phật giáo yêu cầu tự mỗi cá nhân con người phải tự mình nỗ lực, tự tinh tấn tu tập để đạt đến một đời sống an lạc tự tại, giải thoát khỏi mọi phiền não đau khổ trong cõi đời hiện tại, chứ không phải ở cõi khác, kiếp khác5. 3.2. Mục tiêu của giáo dục Phật giáo Mục tiêu của giáo dục Phật giáo ngoài việc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các hàng đệ tử, tu sĩ truyền giáo có phẩm hạnh, đạo đức và trí tuệ, để họ có thể "duy tuệ thị nghiệp" thì mục tiêu trọng tâm hướng đến của giáo dục Phật giáo trong giai đoạn hiện nay là nhằm góp phần cùng với nền giáo dục quốc dân phát triển toàn diện con người có tri thức, đạo đức, văn hóa, thể chất và nghề nghiệp; có phẩm chất và ý thức công

dân; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Như vậy, giáo dục Phật giáo vốn là nền giáo dục của một tông phái đã từng bước hòa vào nền giáo dục quốc dân, trong đó mục tiêu trọng tâm là phát triển con người, là góp phần đào tạo, bồi dưỡng những công dân có ích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ

4. Dẫn theo Thích Nguyên Hiệp, “Vài nét về giáo dục Phật giáo”, Nguyệt san Giác Ngộ - 169. 5. Tức là đạt đến sự giác ngộ, giải thoát trong cõi thực tại chứ không phải kiếp sau, hay kiếp nào khác.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ 197

Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Khi bàn về mục tiêu của giáo dục Phật giáo, HT. Thích Thiện Siêu trong bài viết: Bàn về mục tiêu của giáo dục Phật giáo đã nhận định rằng: “Mục tiêu của giáo dục vẫn là mưu cầu hạnh phúc. Hạnh phúc, theo Phật giáo, chính là sự giải thoát tối hậu”. TT. Thích Chơn Thiện nói về mục tiêu giáo dục Phật giáo “một đường hướng giáo dục tốt luôn luôn nhắm đến hai mục tiêu đó là đào tạo con người xã hội và con người chính nó. Nếu thiếu đi một trong hai mục tiêu ấy là một nền giáo dục không hoàn chỉnh”6. Mục tiêu của giáo dục Phật giáo là đưa mọi người đến chỗ giải thoát mọi khổ đau; thân và tâm không bị ràng buộc bởi các tà kiến, tà nghiệp, tà niệm; các phiền não, khổ đau; giúp con người có niềm tin vững chãi, không sợ hãi, không thiên lệch; tin vào những chân lý tốt đẹp trong cuộc đời. Và cao cả hơn hết, mục tiêu của giáo dục Phật giáo còn là tạo nên những con người hữu ích cho gia đình, cho xã hội; những con người có nhân cách, đạo đức, trí tuệ tốt để những con người đó có thể góp phần xây dựng một nếp sống tốt đời đẹp đạo. II. GIÁO DỤC PHẬT GIÁO - NHÌN TỪ MÔ HÌNH GIÁO DỤC CẤP CÂU LẠC BỘ CHO THANH THIẾU NIÊN PHẬT TỬ Song song với việc giáo dục đào tạo tại các trường, học viện chính quy, chuyên nghiệp do Trung ương Giáo hội tổ chức, hiện nay tại địa phương, mô hình giáo dục dưới hình thức các câu lạc bộ Phật pháp đã và đang góp phần không nhỏ trong việc đào tạo bồi dưỡng cho thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam đến gần hơn với Phật pháp, giúp các bạn trẻ hiểu và thực hành theo chính pháp, theo giáo lý của Đức Phật. Các mô hình câu lạc bộ này đã và đang trở thành những địa chỉ được các bạn trẻ hâm mộ Phật pháp tìm đến sinh hoạt và tu học. Cũng chính từ đây những mầm Phật, tâm Phật được ươm trồng, bồi dưỡng cho những người không có điều kiện xuất gia tu hành.

6. Dẫn theo Trần Thị Hoài Thương (2016), Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay (Luận văn Thạc sĩ Triết học – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

198 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

1. Mục tiêu, chủ trương Hiện nay trào lưu Thanh thiếu niên có tuổi đời từ 12 - 25 tuổi tham gia sinh hoạt trong đạo Phật ngày càng đông. Để tạo một môi trường sinh hoạt lành mạnh, phù hợp với tâm sinh lý của từng lứa tuổi trong việc học, tu tập đạo Phật

theo đúng chính pháp. Đại đa số các chùa, tự viện đều thành lập mô hình câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử7(2). Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử được thành lập với mục đích giúp cho các bạn trẻ có được một sân chơi lành mạnh, có cơ hội được tiếp cận, học tập và thực hành giáo lý của Đức Phật. Để từ đó các Phật tử trẻ có thể tịnh hóa thân tâm theo giáo lý của Đức Phật, vận dụng lời dạy của Đức Phật để tự chuyển hóa bản thân, tránh xa những cám dỗ, mê hoặc, xa rời cái ác, trở về gốc thiện, lấy nhân từ, vị tha để đối xử với mọi người, khiến cho mọi người từ đó có thể tin vào Phật pháp, tin vào nhân quả, góp phần xây dựng đạo pháp, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mô hình câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử là nơi quy tụ những Phật tử trẻ, đây là mô hình giáo dục Phật pháp được thành lập trên cơ sở Hiến chương của Giáo hội. Với chủ trương truyền dạy giáo lý nhà Phật thông qua các hình thức phù hợp với xã hội trong giai đoạn hiện nay. Mô hình này không chỉ đáp ứng được nhu cầu "đến với Phật pháp" mà còn thực sự hữu ích trong giáo dục nhân cách sống cho thế hệ trẻ hiện nay. Với chủ trương cùng nhau đoàn kết, thương yêu, cùng nhau tu tập, tu thân, giữ gìn Tam quy, Ngũ giới, hành Thập thiện, làm lành lánh dữ, biết làm những việc đem lại lợi ích cho mình và cho cộng đồng và sống "tốt đời đẹp đạo". Tổ chức câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử đã từng bước thu hút được đông đảo các thanh thiếu niên tham gia. Đây chính là đóng góp thầm lặng nhưng vô cùng có ý nghĩa, có giá trị thực tiễn mà mô hình giáo dục này đã đóng góp cho xã hội.

7. Bao gồm các loại hình: Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử, Câu lạc bộ Phật pháp, gia đình Phật tử, lớp giáo lý, khóa tu,...

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ 199

Mục tiêu cơ bản của giáo dục Phật giáo cũng như nền giáo dục quốc dân là giúp con người phát triển trí tuệ, tuy nhiên cái riêng của giáo dục Phật giáo là ở chỗ giáo dục Phật giáo đào tạo nên những con người có thể đem giáo pháp của Đức Phật truyền trao lại cho những người khác, để cho có nhiều người được hưởng lợi ích từ việc thực hành theo giáo pháp ấy và tôn chỉ "phục vụ" là cốt lõi của giáo dục Phật giáo8. Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử là mô hình lành mạnh, gồm các chương trình tu học, sinh hoạt, phụng sự Tam bảo, phụng sự nhân sinh. Bên cạnh đó, tổ chức đào tạo, hướng dẫn các bạn trẻ trở thành người có trí tuệ, biết yêu thương, giúp đỡ mọi người, có đạo đức tốt đẹp, phụng đạo và giúp đời. Các bạn trẻ khi gia nhập vào các câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử sẽ có cơ hội được bồi dưỡng kỹ năng sống, hoàn thiện nhân cách đạo đức, từ đó sống hữu ích, phát huy các giá trị của bản thân đồng thời giúp Phật pháp được ứng dụng một cách triệt để và hiệu quả vào cuộc sống9. 2. Hoạt động của mô hình câu lạc bộ trong hệ thống giáo dục Phật giáo Xuất phát từ tình yêu Phật pháp, từ tinh thần tự nguyện, được sự ủng hộ và tổ chức của các thầy trụ xứ câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử đã được thành lập và đi vào hoạt động với tôn chỉ "tốt đời - đẹp đạo". Quan sát hoạt động của các câu lạc bộ chúng ta nhận thấy đây là mô hình giáo dục mà các thành viên tham gia đều trên tinh thần tự nguyện, tự giác. Mô hình này đã và đang có rất nhiều hoạt động mang ý nghĩa sâu sắc, trong đó hoạt động mang ý nghĩa giáo dục đạo

đức, đạo lý để lại nhiều ấn tượng đậm nét, cụ thể như: Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử hiện nay đa phần tập trung vào 4 nội dung giáo dục cơ bản là: tu tập, kiến giải (lí giải), hoạt động hướng ngoại và chấp tác Phật sự. Đây là những nội dung cơ bản dựa trên tinh thần giáo lý Phật pháp vừa vận dụng phương pháp

8. Sự "phục vụ" này mang hai nghĩa, trước là phục vụ bản thân, sau là phục vụ cộng đồng, xã hội, nhân sinh. 9. Xem thêm: Tài liệu bồi dưỡng phân ban thanh thiếu nhi Phật tử Trung ương.

tu học của Phật giáo vừa kết hợp với phương pháp giáo dục thế gian. Lấy thế gian để kiến giải giáo lý và lấy giáo lý để thực hành, áp dụng ngoài thực tiễn nhân sinh10. Khóa tu, lớp giáo lý, Câu lạc bộ Phật pháp với nhiều chủ đề, nội dung phong phú với mục đích giảng dạy đạo lý nhà Phật, rèn luyện đạo đức. Qua các hoạt động này giúp các bạn trẻ được học tập, trao đổi giáo lý Phật giáo; học tập các nghi lễ nhà Phật, qua đó hướng các bạn trẻ đến lối sống tốt đẹp, lành mạnh; có định hướng, suy nghĩa và lý tưởng sống đúng đắn. Bên cạnh đó các thầy trụ xứ cùng với Ban chủ nhiệm câu lạc bộ còn tổ chức cho các thành viên tham gia nhiều hoạt động thiết thực, mang đậm nét nhân văn như: Thiện nguyện, tình nguyện, từ thiện nhân đạo, tri ân. Qua những hoạt động thực tiễn mang tính tập thể này giúp các bạn trẻ hiểu và thực hành về sự quan trọng của việc xây dựng tình đoàn kết huynh đệ bằng tinh thần hòa ái, khiêm cung, tôn trọng lẫn nhau, hướng đến cái chung mà loại bỏ cái vị kỷ cá nhân. Và quan trọng hơn cả các bạn trẻ được thực hành, suy ngẫm những điều đã được học trong giáo lý của Đức Phật. Từ đó mà tự nhận ra điều tốt đẹp, cao cả của chính pháp. Từ những hoạt động giáo dục hiệu quả của mô hình Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử, có thể thấy rằng đây chính là vườn ươm để hạt giống từ bi, trí tuệ đơm hoa kết trái trong cuộc sống. 3. Thực trạng và đề xuất Hiện nay điều đáng mừng là thanh thiếu niên có trình độ tri thức, hiểu biết về khoa học, kỹ thuật cao; có sự tự tin về bản thân và sự hướng ngoại đa dạng. Tuy nhiên xuất phát từ sự hướng ngoại đa dạng, sự nhận thức chưa được thấu đáo cộng với sự tác động của các trào lưu xã hội và nền văn hóa ngoại lai dẫn đến những nhận thức, hành vi đi lệch khỏi phạm trù đạo đức, văn hóa xã hội truyền thống Việt Nam. Điều đó đem đến hệ quả nhận thức giá trị đạo đức của

10. Xem thêm Vũ Ngọc Định, Giáo dục đạo đức Phật giáo cho Thanh thiếu niên trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, Nxb. Tôn giáo (Hội thảo Học thuật quốc tế Vesak 2019).

một bộ phận thanh thiếu niên hiện nay đang bị lung lạc bởi tính vị kỷ, chủ nghĩa thực dụng, coi trọng vật chất, chạy theo lối sống hưởng thụ, kích thích trước các hành vi bạo lực mà bỏ qua những giá trị truyền thống, đạo đức là nền tảng cơ bản của con người, của xã hội11. 3.1. Thực trạng Sự ra đời của mô hình giáo dục câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm sâu sắc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp, của thầy trụ xứ các chùa, tự viện đối với công tác hoằng dương Phật

pháp, giáo hóa và giáo dục quần sinh, trong đó lấy thế hệ trẻ Việt Nam làm đối tượng trung tâm của sự giáo dục. Trong quá trình hoạt động của mình các hình thức câu lạc bộ đã thể hiện được vai trò là trung tâm thu hút được đông đảo các bạn trẻ tham gia sinh hoạt, hoạt động và thực hành theo giáo lý nhà Phật. Tuy nhiên, về mặt tổ chức, hoạt động thực tiễn của mô hình câu lạc bộ này cũng đang còn tồn tại những hạn chế nhất định. Cụ thể: Mặc dù trong những năm qua Ban hoằng pháp cũng như Ban hướng dẫn Thanh thiếu niên Phật tử của các cấp Giáo hội đã có nhiều hướng dẫn, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ nhưng nhìn chung công việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn Thanh thiếu niên Phật tử vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập và chưa theo kịp sự thay đổi của tư duy, sự phát triển của xã hội, đặc biệt là sự thay đổi về quan điểm, tâm sinh lý lứa tuổi. Sự hạn chế, bất cập được thể hiện ở các mặt sau: Chương trình học tập, bồi dưỡng và sinh hoạt của các câu lạc bộ chưa có được sự thống nhất và thẩm định về mặt chất lượng chuyên môn. Chương trình hoạt động thường mang tính tự phát, thời điểm, chưa phân loại được trình độ, đối tượng lứa tuổi dẫn đến các hoạt động mang tính đại trà, số lượng. Mặt khác hoạt động giáo

11. Xem thêm Vũ Ngọc Định, “Truyền thống nhập thế và vai trò của Phật giáo Việt Nam trong giải quyết các vấn đề xã hội đương đại”, in trong Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr. 270-282.

dục hướng dẫn, đặc biệt là về mặt giáo lý, Phật pháp nhiều khi mang tính số lượng mà chưa phù hợp với trình độ, lứa tuổi của người tham gia sinh hoạt. Nội dung sinh hoạt, hoạt động của các câu lạc bộ cũng chưa thật sự lôi cuốn, hấp dẫn đối với thế hệ trẻ, chưa đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý của thanh thiếu niên. Những vấn đề ứng dụng Phật pháp trong đời sống hàng ngày đều nặng về mặt lý luận, giảng giải mà thiếu ứng dụng, áp dụng thực tiễn. Một số Giảng sư tại các câu lạc bộ, khóa tu chưa vững về nghiệp vụ sư phạm, chưa nắm được khả năng nhận thức của đối tượng giáo dục cho nên cách truyền đạt và khối lượng kiến thức chưa phù hợp, có khi quá cao với khả năng nhận thức của người nghe. Phương pháp giảng dạy còn thiếu linh hoạt, chú trọng ở việc nói và nghe dẫn đến không phát huy được tinh hoa, tinh thần khế lý khế cơ của giáo pháp. Hiệu quả trong công tác giáo dục mô hình câu lạc bộ phụ thuộc nhiều vào mức độ quan tâm của thầy trụ xứ. Hiện nay tại các chùa, tự viện đều dành phần lớn sự quan tâm đến bộ phận người cao tuổi, còn lớp trẻ mặc dù cũng đã có nhiều hoạt động như: trại hè, khóa tu, lớp giáo lý… nhưng những hoạt động này chưa được thường xuyên và rộng khắp trong thế hệ trẻ. Một thực tế nữa là số lượng thanh thiếu niên tham gia sinh hoạt ở các hoạt động và câu lạc bộ Phật pháp chưa nhiều. Thực tế này phát xuất từ nhiều yếu tố khách quan, nhưng có 2 yếu tố cơ bản là: Thứ nhất, do các bậc phụ huynh chỉ chú trọng con mình vào việc học hành, chưa nhận thức đúng đắn về việc dẫn dắt và cho phép con cái đến với đạo pháp. Thứ hai, do áp lực học hành, thi cử trong xã hội hiện nay và cũng do các phương tiện, hình thức giải trí hiện nay quá đa dạng khiến cho các bạn trẻ sau mỗi giờ học tập là tham gia vào các hoạt động giải trí khác nhau. Bên cạnh đó, các bạn trẻ tham gia sinh hoạt ở các câu lạc bộ đa phần đang ở độ tuổi học

sinh, sinh viên nên việc bố trí thời gian tham gia sinh hoạt đều đặn và đông đủ là rất khó khăn.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ 203

Thanh thiếu niên là lớp người có tâm lý "đám đông", ham vui, ham hoạt động hướng ngoại dẫn đến tình trạng khi có các hoạt động vui chơi thì có nhiều bạn tham gia nhưng khi diễn ra các hoạt động Phật sự thì lại rất ít bạn tham gia. Bên cạnh đó, nội dung sinh hoạt, hoạt động của một số câu lạc bộ mang nặng nghi lễ, chấp tác không phong phú nên không hấp dẫn và lôi cuốn được thanh thiếu niên Phật tử tham gia. Ở một số chùa, thầy trụ trì chưa có sự quan tâm đúng mức, sát sao đến hoạt động của câu lạc bộ, giao phó câu lạc bộ cho Ban chủ nhiệm dẫn đến tình trạng các buổi sinh hoạt, học tập giáo lý, Phật pháp chưa nghiêm, chưa hiệu quả. Trên đây là những mặt hạn chế cơ bản tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động và hiệu quả giáo dục của mô hình Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử hiện nay. Để mô hình giáo dục này đạt được hiệu quả tối ưu, nhất thiết phải khắc phục được những mặt hạn chế này. 3.2. Giải pháp và đề xuất thực hiện Trong giai đoạn hiện nay để hoạt động của mô hình Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử tiếp tục phát huy được hiệu quả giáo dục hơn nữa, tiếp tục thu hút được sự tham gia đông đảo các bạn trẻ và đạt hiệu quả giáo dục toàn diện hơn nữa cần thiết phải có sự cải thiện, đổi mới trong đường hướng hoạt động. Thứ nhất, đối với các Phật tử trẻ họ tham gia các câu lạc bộ Phật pháp vì niềm yêu thích, và bên cạnh đó có những đối tượng tham gia là xuất phát từ sự "rủ rê" của bạn bè, nhưng khi không còn thích nữa thì họ sẽ bỏ và không tham gia nữa. Vì vậy thay vì giúp các bạn trẻ yêu thích Phật pháp hãy giúp các bạn ấy tín tâm với Phật pháp. Đây mới là cái gốc của đạo pháp, mới là tương lai của Phật pháp. Để thực hiện được việc này, các chùa, tự viện cần có người chuyên trách được đào tạo bài bản tại các trường chuyên nghiệp của Phật giáo. Thứ hai, các cơ sở giáo dục Phật giáo cần xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu, chuyên ngành để bồi dưỡng, đào tạo những giảng sư, người chuyên trách mô hình hoạt động này. Đồng thời các

cấp Giáo hội nhất thiết phải xây dựng, soạn thảo được chương trình đào tạo, hướng dẫn thống nhất cho mô hình hoạt động này. Tránh hoạt động tự phát, duy ý chí ở các câu lạc bộ. Thứ ba, nâng cao vai trò của thầy trụ trì, đặc biệt là về trình độ Phật học, trình độ thuyết giảng Phật pháp, phương pháp hướng dẫn tu học. Cá biệt hiện nay có những thầy trụ trì cùng lúc kiêm nhiệm vài ngôi chùa, tự viện. Dẫn đến các câu lạc bộ ở các chùa thầy kiêm nhiệm trụ trì hoạt động không có hiệu quả. Đối với trường hợp này thầy trụ trì phải tập hợp được, đào tạo được những người nòng cốt phụ giúp quản lý và hướng dẫn trực tiếp cho hoạt động giáo dục của các câu lạc bộ. Thứ tư, các chùa, tự viện cần thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện, giới thiệu để những người chưa biết, chưa hiểu về đạo được tiếp cận, lắng nghe và tham vấn từ đó khơi dậy tình yêu và ham muốn của họ đối với đạo pháp. Thứ năm, đa dạng hóa hoạt động của các câu lạc bộ, gắn giáo lý, tư tưởng Phật giáo vào các sinh hoạt, hoạt động thực tiễn của đời sống.

Gắn hoạt động giáo dục với trải nghiệm thực tế, bảo đảm sự tươi mới, không nhàm chán lặp lại và thụ động. Cần tiếp tục tập trung hơn nữa vào giới trẻ thay vì các Phật tử trung niên và người cao tuổi, để đào tạo nên tầng lớp kế cận đủ trí lực để hộ pháp Phật pháp trong tương lai. Thứ sáu, thu hút, vận động các tổ chức, cá nhân hảo tâm ủng hộ tịnh tài tịnh vật cho hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm của các câu lạc bộ. Đảm bảo được nguồn tài chính là đảm bảo được sự ổn định, đảm bảo cho các hoạt động mang tính cộng đồng, mang tính nhân sinh được thường xuyên diễn ra. III. THAY LỜI KẾT Thiết nghĩ rằng, trong những năm qua mô hình giáo dục câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử đã từng bước khắc phục những khó khăn, cải thiện chất lượng hoạt động giáo dục, hoạt động tuyên truyền góp phần hoằng dương những giá trị nhân văn cao cả và tốt

đẹp mà Đức Phật đã truyền lại để giáo dục hướng thiện cho thế hệ thanh thiếu niên. Đây thực sự là một công việc "Đạo pháp đồng hành cùng dân tộc". Mặc dù đây là công việc vô cùng khó khăn và không có hồi kết, nhưng chúng ta tin rằng bằng những nỗ lực của các cấp Giáo hội công tác giáo dục đạo đức, giáo dục hướng thiện cho thế hệ thanh thiếu niên sẽ đạt được những thành tựu viên mãn.

***

Tài liệu tham khảo Hoàng Phê (chủ biên) (1994), Từ điển tiếng Việt, Nxb. Khoa học xã hội. Vũ Ngọc Định, Nâng cao hiệu quả giáo dục hướng thiện cho thanh thiếu niên trong CLB Thanh thiếu niên Phật tử, Hội thảo "Kỷ niệm 25 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa, Nxb. Thanh Hóa, 2009. Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương, Dự thảo Quy chế Giáo dục Phật giáo Việt Nam: Quy chế đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng và Đại học; Chương trình Trung cấp Phật học; Chương trình Cao đẳng Phật học; Chương trình Cử nhân Phật học; Chương trình Thạc sĩ Phật học, Hà Nội, tháng 5/2012. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Giáo dục Tăng ni Trung ương,Giáo dục Phật giáo Việt Nam - Định hướng và phát triển (2012), Nxb. Tôn giáo. Nội quy phân ban gia đình Phật tử (Ban hành theo Quyết định số 257/2013/QĐ.HĐTS ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam). Thông tư số 170/TT/BHDPT ngày 17/10/2013 của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam về việc Thành lập Phân ban Thanh thiếu nhi Phật tử cấp huyện và Câu lạc bộ Thanh thiếu nhi Phật tử cơ sở. Nguyễn Công Lý, "Nghĩ về giáo dục Phật giáo ở Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11 (149), 2015 (tr.46-64). Trần Thị Hoài Thương (2016), Giáo dục Phật giáo và ý nghĩa của nó đối với giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay, Luận văn Thạc sĩ Triết học – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vũ Ngọc Định, “Truyền thống nhập thế và vai trò của Phật giáo Việt Nam trong giải quyết các vấn đề xã hội đương đại”, in trong Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.10. Vũ Ngọc Định, Giáo dục đạo đức Phật giáo cho Thanh thiếu niên trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, Nxb. Tôn giáo (Hội thảo Học thuật quốc tế Vesak 2019).

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA TỔ CHỨC GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM ThS. Đinh Đức Hiền*

Gia đình Phật tử Việt Nam là một tổ chức trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ra đời cách đây khoảng gần 70 năm. Trong hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay, Gia đình Phật tử là tổ chức có vai trò quan trọng và tạo được nhiều ảnh hưởng lớn trong việc đưa thế hệ trẻ tiếp cận với những giá trị văn hóa, đạo đức của Phật giáo. Song trên thực tế, không phải ở đâu, lúc nào, những triết lý, văn hóa giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử cũng được nhìn nhận, đánh giá và phát huy toàn diện, nhất là đối với những điều kiện được xem là lợi thế vốn có của tổ chức này. Trên cơ sở khái quát, phân tích, đánh giá những ý nghĩa triết lý, văn hóa giáo dục và mục đích hướng đến của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần phát huy những giá trị giáo dục của tổ chức này trong giai đoạn hiện nay và mai sau.

*. Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng.

210 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

1. TỔ CHỨC GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM VÀ NHỮNG TRIẾT LÝ, VĂN HÓA GIÁO DỤC Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chịu sự ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo ở nhiều nước trên thế giới như: Ấn Độ, Srilanka, Trung Quốc..., sau đó lan tỏa đến nước ta mà khởi đầu là phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam dẫn đến việc thành lập “Phật Học Viện Thư Xã” tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn lấy Tạp chí Từ Bi Âm làm cơ quan truyền bá. Năm 1932, ở Trung Kỳ Hội An Nam Phật học được thành lập, vừa mới ra đời Hội này đã có nhiều sự chú trọng về giáo dục cho thế hệ thanh thiếu niên, với tôn chỉ: “Toàn thể Hội viên phải tùy theo hoàn cảnh của mình mà tham học Phật pháp, quan sát Phật lý, tu tập Phật hạnh, tinh tấn hành Phật sự. Cần phải xây dựng đội ngũ tri thức trẻ để tham gia và kế thừa phát huy tôn chỉ của hội đề ra”1. Trên cơ sở đó, năm 1938, tại Đại hội đồng Tổng trị sự đầu tiên của An Nam Phật học ở chùa Từ Đàm (Thừa Thiên - Huế), sau khi đã quy tụ được một số thanh niên tri thức đồng thời giảng dạy Phật pháp và chuyên môn để họ dìu dắt và hướng dẫn các đoàn Đồng Ấu Phật tử, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám đã khởi xướng thành lập Đoàn Thanh niên Đức Dục. Năm 1941, tổ chức này đổi tên là Gia đình Phật Hóa Phổ, đến năm 1951 cũng tại chùa Từ Đàm (Thừa Thiên - Huế) diễn ra Đại hội đầu tiên lấy tên gọi thống nhất là Gia đình Phật tử Việt Nam. 1.1. Gia đình Phật tử Việt Nam là tổ chức giáo dục, đào tạo Thanh, Thiếu, Đồng niên tin Phật Như lời của huynh trưởng Võ Đình Cường, một trong những người sáng lập tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam trong tác phẩm: “Đây Gia đình” đã khẳng định: “Chúng tôi vì mục đích giáo dục mà chọn Phật giáo làm nền tảng, chứ không phải vì Phật giáo mà lôi kéo thanh niên... Không đâu thuận tiện cho bằng Gia đình Phật tử

để đào tạo con em thành những Phật tử chân chính… Đây là miếng đất rất tốt để đào tạo con người về mọi phương diện… Gia đình Phật tử chỉ là một tổ chức giáo dục trong hội Phật học". Điều này cho đến nay cũng đã

1. Lệ Như, Trung Hậu, Tâm Minh Tuyển tập, 1983.

được chính thực tiễn của hơn nửa thế kỷ tồn tại, trưởng thành và phát triển của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam hiện nay minh chứng. Cụ thể là trong thời kỳ đầu khi còn mang danh xưng "Đoàn Thanh niên Phật Học Đức Dục" (1940) mục đích được xác định của tổ chức này đó là: "để người thanh niên nghiên cứu học tập thực hành theo giáo lý đạo Phật, tu sửa mình cho thanh cao, nêu gương tốt và phổ biến đạo đức Phật giáo ra ngoài xã hội". Về sau, khi các đoàn viên Phật học Đức Dục thành lập các đơn vị Gia đình Phật Hóa Phổ, mục đích được xác lập là: "Đào tạo những Phật tử chân chính, xây dựng hạnh phúc gia đình trên nền tảng luân lý Phật giáo". Kế đó, đến năm 1951, khi Gia đình Phật Hóa Phổ cả nước thống nhất đổi danh xưng thành Gia đình Phật tử, mục đích được xác định cụ thể hơn là: "huấn luyện Thanh, Thiếu, Đồng niên Phật tử về ba phương diện Trí dục, Đức dục và Thể dục trên nền tảng Phật giáo để đào tạo Phật tử chân chính". Năm 1964, tại Đại hội Gia đình Phật tử toàn quốc, mục đích này lại được tu chỉnh lại lần nữa là: "Đào tạo những Thanh, Thiếu và Đồng niên Phật tử thành những Phật tử chân chính để phục vụ Chánh pháp và thành những hội viên chính đáng của Hội''. Cho đến hiện nay, tại Điều 2, Chương I của Nội quy Gia đình Phật tử Việt Nam, mục đích này một lần nữa được khẳng định là: "Đào tạo Thanh, Thiếu, Đồng niên tin Phật thành Phật tử chân chính, góp phần phụng sự đạo pháp và xây dựng xã hội"… Như vậy, tùy từng thời điểm lịch sử khác nhau mục đích của Gia đình Phật tử Việt Nam được diễn đạt bằng những mệnh đề khác nhau, song triết lý, văn hóa giáo dục trọng tâm vẫn là: đào tạo những thanh, thiếu, niên có niềm tin vào Phật giáo trở thành những con người phật tử chân chính để phục vụ cho đạo pháp Phật giáo và dân tộc Việt Nam. 1.2. Gia đình Phật tử Việt Nam lấy giáo dục Phật giáo làm nền tảng căn bản Theo quan điểm của Phật giáo: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng giác ngộ và khả năng thực hiện niềm hạnh phúc chân thực ngay trong hiện tại… vì vậy đã chỉ rõ nguồn gốc

của an lạc, hạnh phúc thật sự là trí tuệ, giáo dục toàn diện là giáo dục vừa cung cấp kiến thức vừa tạo điều kiện cho trí tuệ phát triển. Đồng thời, Phật giáo lại lấy con người làm đối tượng và cứu cánh cũng ở con người, không chối bỏ con người để tìm kiếm một thần thánh nào khác ngoài con người. Về nhân sinh quan, Phật giáo hoàn thiện con người của ta ở ngay trong hiện tại, còn về phương diện thế giới quan Phật giáo không dạy con người chán đời, yếm thế để cầu về một cõi hư ảo. Do đó, giáo dục Phật giáo trong bản thân nó hàm chứa tính tự do tư tưởng, không lấy tín điều làm căn bản vì "trong Bát Chính đạo (The Eightfold Noble Path) tức là con đường với 8 phương hướng đúng đắn để diệt khổ, Phật giáo đặt chính kiến (right view) nghĩa là có sự hiểu biết

đúng đắn lên hàng đầu.” Đồng thời, luôn coi trọng tinh thần thực tiễn “lấy con người làm đối tượng và cứu cánh cũng ở con người, lấy thế gian làm đối tượng và cứu cánh cũng ở thế gian, tư tưởng nhất thừa trong giáo dục Phật giáo không dạy ta chối bỏ con người thực tại để tìm kiếm một hiền thánh mà dạy chúng ta làm cho con người trở thành hiền thánh, không dạy ta từ bỏ ta bà để đi tìm tịnh độ mà dạy ta chuyển hóa ta bà thành tịnh độ”. Trong khi đó, Gia đình Phật tử là tổ chức trực thuộc và được sự bảo trợ trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã lấy những giáo lý của đạo Phật làm nền tảng giáo dục. Theo đó, khi áp dụng phương pháp và tinh thần nêu trên vào tổ chức Gia đình Phật tử để xây dựng đường hướng giáo dục, cụ thể là với việc lấy ba đức tính chính yếu là Bi (tình thương); Trí (trí tuệ); Dũng (lòng dũng cảm), đồng thời không đặt nặng vấn đề tuyên tuyền đạo pháp để lôi cuốn tín đồ Phật tử mà cốt là để hướng dẫn thanh thiếu niên phật tử sống tốt đời - đẹp đạo thông qua việc giữ gìn giới luật, nâng cao phẩm chất để họ trở thành những Phật tử chân chính, để rồi một trong những thành quả mà tinh thần giáo dục này đạt được, như lời cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu đã khẳng định tại buổi nói chuyện với Huynh trưởng ở lễ khai mạc trại họp ban huynh trưởng Lục hòa Gia đình Phật tử Thừa Thiên Huế năm 1999, đó là: “Nếu ai đó bị sa ngã trong cần sa, ma túy thì Gia đình Phật tử không có mặt ở đó. Những nơi nào cờ bạc, rượu chè bê bối thì những nơi đó Gia đình Phật tử không có mặt. Những nơi nào có

quán xá nhậu nhẹt say sưa, gây lộn đã thương nhau bằng binh khí, miệng lưỡi, giành giựt chém giết nhau thì những nơi đó Gia đình phật tử không có mặt.” Đây thật sự là một trong những đóng góp có nhiều ý nghĩa quan trọng cho xã hội hiện nay. 1.3. Chương trình giáo dục của Gia đình Phật tử Việt Nam có nhiều ý nghĩa và lợi thế về mặt giáo dục văn hóa truyền thống và đạo đức cho con người Để thực hiện mục đích giáo dục của mình, Gia đình Phật tử đã xây dựng được các hình thức sinh hoạt, các bộ môn tu học Phật pháp tương đối phù hợp với từng tâm sinh lý lứa tuổi và tổ chức được nhiều hoạt động mang tính giáo dục như: hoạt động thanh niên, văn nghệ, hoạt động xã hội…. Đồng thời, đã biết kết hợp, gắn liền với việc sử dụng các hình thức giáo dục có tính nghiệp vụ sư phạm như: giảng, kể chuyện, ghi chép, sinh hoạt vòng tròn tập thể, kiểm tra, thi kết khóa v.v… Song, điều cần được quan tâm là trong chương trình giáo dục này đã thật sự chú trọng đến các hoạt động nhằm góp phần phát huy tính cộng đồng tập thể, xây dựng ý thức trách nhiệm của công dân với xã hội, quan tâm tính hướng thiện, phát triển khát vọng vươn lên và vun đắp tính tự nguyện, tính đồng đội, đức hy sinh cho tuổi trẻ… Điều này đã góp phần giáo dục cho Thanh, Thiếu, Đồng niên tin Phật hình thành những đức tính đạo đức căn bản đúng với danh nghĩa người Phật tử chân chính, hướng cho các em có trách nhiệm với hành vi của mình, biết tôn trọng kỷ cương luật lệ, sống thật thà, không dối trá, không làm điều ác… ngoài bổn phận đối với bản thân, gia đình còn phải làm tròn trách nhiệm đối với quê hương, đất nước. Như vậy, có thể nói trong gần 70 năm qua (1951-2019) dù đã có không ít những sự biến đổi, thăng trầm cùng với dòng chảy lịch sử Phật giáo dân tộc, nội quy nói chung, mục đích Gia đình Phật tử nói riêng dù đã qua không ít lần tu chỉnh, sửa đổi song có thể thấy rằng mục đích duy nhất của tổ chức Gia đình Phật tử từ những ngày đầu mới thành lập

cho đến hôm nay trước sau như một, đó chính là xây dựng một tổ chức giáo dục thanh thiếu đồng niên tin Phật với

nội dung cốt lõi của nó là giáo dục, đào tạo, huấn luyện thế hệ trẻ tin Phật thấm nhuần những tinh thần giáo lý nhà Phật, biết phụng sự đạo pháp và xây dựng xã hội tốt đẹp trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trên cơ sở lấy tư tưởng giáo dục chung của Phật giáo làm nền tảng, cùng với những đặc thù riêng về khách thể, về nội dung chương trình giáo dục của mình, Gia đình Phật tử đã góp phần vào việc giáo dục văn hóa truyền thống và đạo đức, đồng thời ngăn chặn các tiêu cực, tệ nạn xã hội giúp cho các huynh trưởng, đoàn sinh nói riêng, thế hệ trẻ hôm nay nói chung có ý thức về nguồn cội tổ tiên, quốc gia dân tộc, tự giác tu thân, nhưng vẫn ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội, đất nước. 2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ GIÁO DỤC CỦA TỔ CHỨC GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 2.1. Sự cần thiết của việc phát huy những giá trị giáo dục trong tổ chức Gia đình Phật tử ở giai đoạn hiện nay Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã nêu lên 4 trụ cột của giáo dục đó là: học để biết, học để làm, học cách chung sống và học để khẳng định mình, qua đó nhấn mạnh: “Thời đại mới đòi hỏi con người phải có cách nhìn mới, cách nghĩ mới và những kỹ năng, kiến thức mới của chính thời đại đó”. Riêng đối với nước ta, trong điều kiện hiện nay với việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa hội nhập quốc tế, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, có không ít vấn đề mới và phức tạp được đặt ra trong lĩnh vực tư tưởng. Đó là sự du nhập ngày càng nhanh, rộng của lối sống phương Tây, sự tràn ngập của các loại hình văn hoá đồi trụy vào lối sống các thế hệ trẻ, sự lôi kéo, lợi dụng của các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá, thực hiện diễn biến hoà bình, sử dụng các chiêu bài nhân quyền, dân chủ, tự do tôn giáo làm lung lay ý chí và hệ tư tưởng của nhiều tầng lớp nhân dân trong đó có bộ phận thanh thiếu niên Phật tử. Mặt khác, từ nhiều nghiên cứu cũng như thực tế đã cho thấy, cho đến nay về cơ bản “Mục đích, tôn chỉ, nội dung, phương pháp rèn luyện

của Gia đình Phật tử khá hoàn thiện và có nhiều điểm phù hợp với tâm sinh lý thanh thiếu niên… Vì vậy hoạt động của Gia đình Phật tử có tác dụng nhất định đến việc giáo dục thanh thiếu niên về nề nếp, lòng nhân ái, ý thức tổ chức kỷ luật, các hoạt động xã hội”. Song, chúng ta cũng không thể vì thế mà cho rằng phương thức giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử như vậy là đã hoàn thiện, đã đáp ứng được những đòi hỏi mới của thời đại hiện nay, thời đại của sự bùng nổ công nghệ thông tin, của nền kinh tế tri thức, thời kỳ cách mạng 4.0 và của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đang ngày càng trở thành một xu thế khách quan… tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có Phật giáo và đồng bào Phật tử. Do đó, bản thân tổ chức Gia đình Phật tử cũng cần thiết phải có nhiều sự đổi mới phù hợp, nhất là trong việc phát huy được những lợi thế và các giá trị giáo dục đạo đức vốn có của tổ chức mình.

2.2. Một số giải pháp cụ thể Để góp phần giữ gìn và phát huy ý nghĩa giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử trong giai đoạn hiện nay, tác giả xin đưa ra một số giải pháp sau: Thứ nhất, cần tiếp tục giữ vững và phát triển truyền thống sâu sắc của tổ chức Gia đình Phật tử về giáo dục lòng yêu nước, giáo dục đạo đức hướng thiện cho thanh, thiếu, đồng niên tin Phật, tạo được một lớp huynh trưởng, đoàn sinh mới có ý thức, hệ giá trị và lý tưởng sống vì dân tộc và đạo pháp chân chính, vì đất nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh". Để thực hiện được điều này, bên cạnh những vấn đề thuộc về tính đặc thù, về sứ mệnh truyền thống và những lợi thế về mặt tổ chức, pháp lý và những nội dung chương trình phù hợp đã được khẳng định trong gần 70 năm qua, trong mô hình và chiến lược giáo dục của Gia đình Phật tử hiện nay tất yếu phải gắn liền và song hành với mục tiêu, các nguyên lý giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, đó là: "Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng

nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động giáo dục phải được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội". Thứ hai, Gia đình Phật tử Việt Nam cần phát huy được những lợi thế có được về các hình thức giáo dục đa dạng của mình. "Giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm - lịch sử xã hội của các thế hệ, quá trình này giúp cho mỗi cá nhân tích lũy kiến thức, mở mang trí tuệ, hình thành văn hóa, đạo đức, giúp xã hội bảo tồn và phát triển nền văn hóa của mình". Đồng thời, quá trình này được thực hiện bằng nhiều con đường quan trọng khác nhau, như giáo dục thông qua dạy học; giáo dục thông qua tổ chức các hoạt động vui chơi, lao động, hoạt động xã hội; giáo dục thông qua sinh hoạt tập thể, giáo dục bằng con đường tự tu dưỡng (còn gọi là tự giáo dục)... Thực tế cho thấy mô hình giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử đã cơ bản sử dụng và kết hợp được các hình thức giáo dục này, đây có thể xem là lợi thế trong mô hình giáo dục của Gia đình Phật tử. Tuy nhiên, hiệu quả của việc sử dụng và kết hợp các hình thức này còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết được những chức năng, vai trò và sức nặng của mỗi hình thức cũng như trong cách phối kết hợp giữa chúng. Vì vậy, trong giai đoạn tới nếu Gia đình Phật tử chú ý quan tâm và khai thác được những lợi thế này, chắc chắn hiệu quả giáo dục của tổ chức này sẽ ngày càng nâng cao hơn. KẾT LUẬN "Hạnh phúc lớn của một dân tộc, của những người đi trước là đào tạo được lớp người hậu sinh khả uý, lớp người kế tục trung thành và xứng đáng sự nghiệp vẻ vang, tiếp tục thực hiện lý tưởng cao đẹp" . Trên tinh thần đó, với tư cách là một bộ phận, tổ chức trực thuộc Giáo hội Phật giáo, trong hơn nửa thế kỷ tồn tại của mình, thông qua phương thức giáo dục, Gia đình Phật tử đã để lại nhiều ảnh hưởng tốt đẹp đến nếp sống hiền thiện của hàng ngũ thanh, thiếu, đồng

niên Phật tử. Vì vậy, việc tiếp tục phát huy những ý nghĩa triết lý văn hóa giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam, nhất là về phương diện giáo dục văn hóa truyền thống và đạo đức để góp phần xây dựng lối sống cho thế hệ thanh niên phật tử trong giai đoạn hiện nay là vấn đề cần thiết quan trọng.

***

Tài liệu tham khảo Lệ Như, Trung Hậu, Tâm Minh Tuyển tập, 1983. Võ Đình Cường, Đây Gia đình, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2001. Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái, Triết học, Nxb. Đà Nẵng, 2010. Lý Kim Hoa Ph.D, Giáo dục học Phật giáo, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2009. Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hoài, Giáo dục và đào tạo chìa khóa của sự phát triển, Nxb. Tài Chính, Hà Nội, 2008. Võ Thị Xuân Hà, Gia đình Phật tử, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2010. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Luật giáo dục, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội, 2010. Phạm Viết Vượng, Giáo dục học, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. Nguyễn Phú Trọng, Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002. Thích Quảng Trí, Tiến trình hình thành và phát triển Gia đình Phật tử Việt Nam, Luận văn tốt nghiệp khóa II (2001 - 2005), Huế, 2005.

ĐƯỜNG HƯỚNG GIÁO DỤC TRONG TỔ CHỨC GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM SC.TS. Thích Nữ Tường Nghiêm

GIỚI THIỆU Trong lịch sử Phật giáo thế giới, có thể nói từng chưa cóđất nước Phật giáo nào xuất hiện một hệ thống tổ chức Gia đình Phật tử như ở Việt Nam. Gia đình Phật tử đã ra đời vào năm 1951, tiền thân từ Đoàn Phật học Đức dục, Đồng ấu Phật tử và Gia đình Phật Hóa Phổ của Hội An Nam Phật học do Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám sáng lập, Gia đình Phật tử là một tổ chức Phật giáo hoạt động mang tính chất đặc thù, đó là: - Đối với đạo, nếu đạo Phật là đạo của mọi loài, mọi người, thì đạo Phật cũng là đạo của tuổi trẻ, đạo của thiếu nhi. Xưa kia, Đức Thế Tôn đã hóa độ cho La Hầu La và 500 thiếu nhi, và hơn thế nữa, đức Phật đã nhận lãnh sự cúng dường của một em bé khi chơi bên vệ đường, v.v... Trong suốt quá trình thuyết pháp độ sanh, Ngài vẫn không quên thuyết về những bài Kinh Thiếu Niên, điều này cũng chứng tỏ rằng đạo Phật luôn đặc biệt lưu tâm đến tuổi trẻ rất nhiều. - Hội Phật giáo có hai tầng lớp: hội viên và con em của hội viên. Cho nên cần phải lo xây dựng tín ngưỡng thuần chánh cho hàng

con em của hội1. Vì vậy, hai nguyên nhân này là động cơ để thúc đẩy Gia đình Phật tử Việt Nam ra đời. Đạo Phật là đạo của mọi người, đạo Phật cũng là đạo của tuổi trẻ, của thiếu nhi. Mục đích ứng dụng Phật giáo trong việc giáo dục thiếu nhi, đào tạo thiếu nhi trở thành những người Phật tử chân chánh trong tương lai, sống đúng tinh thần đạo Phật, sống lợi ích cho gia đình và cho xã hội. Do vậy, sự nghiệp giáo dục ở nơi đây hoàn toàn chú trọng hướng dẫn các em sống theo hạnh Tinh tấn, Hỷ xả, Thanh tịnh, Trí tuệ và Từ bi2. Đường hướng giáo dục Gia đình Phật tử luôn lấy chất liệu từ bi và trí tuệ làm cương lĩnh, để trau dồi cho các em có đầy đủ những tố chất của một con người lý tưởng mẫu mực, có ý nghĩa và lợi ích thiết thực cho đời sống, góp phần xây dựng văn hóa xã

hội, lành mạnh và phát triển bền vững. 1. GIA ĐÌNH PHẬT TỬ LÀ GÌ? Gia đình Phật tử là tổ chức đào tạo Thanh Thiếu Đồng niên kính tin Tam bảo, Phật – Pháp – Tăng, đặt nền tảng trên tinh thần giáo lý của đạo Phật và áp dụng phương pháp giáo dục của đức Phật vào trong Gia đình Phật tử. 2. MỤC ĐÍCH VÀ ĐƯỜNG HƯỚNG CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ Mục đích của Gia đình Phật tử là đào tạo thanh, thiếu, đồng niên trở thành người Phật tử chân chánh, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo. Tuy phương pháp giáo huấn của đức Phật có nhiều pháp môn, nhưng cũng có thể quy nạp thành 4 phương pháp giáo dục trong Gia đình Phật tử là: phương pháp huân tập, hoạt động, lý giải và quán niệm tu tập. Sự giáo dục đó, dựa trên tinh thần Văn - Tư - Tu,

1. Nguyễn Khắc Từ, Nguyệt san Phật giáo Việt Nam, Tổng hội Phật giáo Việt Nam phát hành, số 24 ra ngày 15/08 Mậu Tuất - 1958. 2. Xem Thích Minh Châu, Thiên Ân, Đức Tâm và Chơn Trí (2000), Phật Pháp, NXB. Tôn giáo, tr. 10.

lấy Bi - Trí - Dũng làm mục đích đào tạo Thanh, Thiếu, Nhi, Huynh trưởng trở thành Phật tử chân chánh, đem đến sự an lạc cho bản thân, gia đình và góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo. Nội dung tu học được chia ba phần căn bản: Một là Phật pháp, hai là văn nghệ, ba là hoạt động thanh niên. Đây là đường hướng giáo dục, huấn luyện đầy đủ nhằm đáp ứng cả ba phương diện Đức, Trí và Thể: Về Đức thì dùng văn nghệ để huấn luyện tình cảm, về Trí thì dạy giáo lý đạo Phật và về Thể thì áp dụng những hoạt động thanh niên. Gia đình Phật tử không phải là một tổ chức hoàn toàn biệt lập, mà đơn vị luôn trực thuộc Giáo hội Phật giáo đương thời, đây là phương diện pháp lý của Gia đình. Cho nên mọi sinh hoạt giáo dục của Phật giáo được đặt dưới sự chỉ đạo Giáo hội, có như vậy sự giáo dục đối với Gia đình Phật tử mới có pháp lý, được Giáo hội che chở và nhà nước chấp nhận. Giáo dục Gia đình Phật tử thâu nhiếp mọi thành phần, mọi lứa tuổi trong xã hội, không phân biệt giai cấp, chủng tộc, khi đã khoác lên mình chiếc áo màu lam thì trọn vẹn sống trong tinh thần bình đẳng vị tha của chư Phật: “không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn, không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ...”, tinh thần ấy không phải khi đến với Đoàn mới thực hành mà phải luôn ngự trị trong suốt đời sống hằng ngày. 3. THIẾT LẬP TINH THẦN TỰ LỢI - LỢI THA Trong giáo dục Gia đình Phật tử gồm có 2 phần, đó là tự lợi và lợi tha. Tự lợi tức là đào luyện Thanh, Thiếu, Đồng niên trở thành Phật tử chân chính, một công dân tốt cho đất nước. Lợi tha là góp phần phụng sự và bảo vệ đạo pháp và xây dựng xã hội tốt đẹp. Do đó, giáo dục trong Gia đình Phật tử, không thể tách rời Tự lợi và Lợi tha. Đây là mục đích truyền thống của Gia đình Phật tử, trong Tự lợi có Lợi tha và trong Lợi tha có Tự lợi.

Cứu cánh của giáo dục Gia đình Phật tử nói riêng, đạo Phật nói chung là giác ngộ giải thoát, đem đến an lạc cho bản thân gia đình và xã hội. Tinh thần giáo dục của Gia đình Phật tử được đặt trên nền tảng giáo lý của đức Phật mà ba đức Bi - Trí - Dũng là chính yếu. Bi - Trí - Dũng hòa hợp tạo nên một con người toàn diện phẩm hạnh, có đủ đức

tính Từ Bi thương người mến vật, có Trí Tuệ mới hiểu biết đúng đắn sự vật một cách chân thật, có Dũng Lực mới hùng mãnh tinh tấn vượt qua mọi khó khăn chướng ngại. Định hướng của Gia đình Phật tử với mục đích lý tưởng là lấy tình thương làm động lực, lấy trí tuệ làm đèn hướng dẫn, lấy cần lao làm men tiến bộ trong mọi hoạt động tu học và thực hành, của cá nhân và tập thể. Đây chính là châm ngôn Bi - Trí - Dũng của Gia đình Phật tử vậy. Gia đình Phật tử, giáo dục theo phương châm khai phong sáng tạo nhưng không hướng ngoại mất gốc, hình thành những con người tự giác, tự chủ, biết bảo tồn bản sắc và tinh hoa văn hóa của Dân tộc. Đồng thời, giáo dục trong Gia đình Phật tử không phải là hình thành một cơ quan truyền bá đạo pháp, mà giáo dục ở đây hướng dẫn con em sống tốt đời đẹp đạo, xứng danh là một người học Phật và tu Phật. Cho nên: "... Gia đình Phật tử không phải là một cơ quan chuyên lo tuyên truyền đạo Phật để rồi lôi cuốn tín đồ Phật tử. Gia đình Phật tử chỉ là một tổ chức giáo dục thanh thiếu nhi dựa trên nền tảng tinh thần đạo Phật, tạo cho thanh thiếu nhi một đời sống chân chánh, lợi ích cho mình cho mọi người... không dùng những danh lợi vật chất, những cách tuyên truyền nhồi sọ để dụ dỗ mê hoặc thanh thiếu nhi. Gia đình Phật tử chỉ biết giới thiệu một cách vô tư, một lối sống chân chánh hợp với lẽ phải, thuận với tuổi trẻ, đúng với tinh thần Bi - Trí - Dũng"3. 4. ĐẶC TÍNH GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ Đặc tính của nền giáo dục trong Gia đình Phật tử là thực hành lời Phật dạy, thực hành bao nhiêu thì chúng ta hưởng được an vui

3. Hòa thượng Thích Minh Châu, Tập Văn Thành Đạo, số 31, Ban Văn hóa Trung ương, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 1995.

giải thoát chừng ấy. Tinh thần giáo dục lấy từ bi và trí tuệ làm căn bản, đây là động lực tâm huyết của ban cố vấn giáo hạnh và chư Huynh trưởng khi soạn thảo hình thành nên chương trình giáo dục trong Gia đình Phật tử vậy. Một chương trình tu học cho các em vừa khế lý, khế cơ, nó bao quát nhiều lĩnh vực nhưng không thiên về bộ môn nào ngoại trừ Phật pháp. Nền giáo dục Gia đình Phật tử không có tham vọng bổ túc cho giáo dục ở học đường mà là mục tiêu khơi dậy, đánh thức tiềm năng thánh thiện của con người. Vì thế, Gia đình Phật tử đã phát triển một cách tự nhiên không điều kiện ràng buộc. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, dẫu gặp biết bao khó khăn gian khổ, nhưng những trở ngại khó khăn ấy là động lực cho việc tôi luyện và uốn nắn những búp măng non cho sự phát triển và tồn tại của Gia đình Phật tử đến ngày nay. 5. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ Những hoạt động mang tính giáo dục trong Gia đình Phật tử gồm có 3 phần chính, đó là: học Phật pháp, văn nghệ và hoạt động thanh thiếu niên. - Học Phật pháp: sự giáo dục trong gia đình Phật tử đã đưa đạo vào đời, giáo dục con em sống theo tinh thần Phật giáo, nhất là những Phật tử trẻ nhỏ, đây là giềng mối 'tre già măng mọc' để sau này các em tiếp bước các bậc tiền nhân tu tập và góp phần xiển dương chánh pháp. Gia đình Phật tử là nơi để các em học hiểu lời Phật dạy, cũng từ đó mà chánh tín xuất gia, điều này đã khẳng định được rằng có những vị Tăng - Ni đã xuất thân từ Gia đình Phật tử là những vị tu hành chân chánh, có những hoạt động thiết thực và giữ những chức vụ quan trọng trong Giáo hội. Còn

những người Phật tử tại gia khi lớn lên đã trở thành những bác Khuôn trưởng, Gia trưởng có đủ năng lực để hành đạo tại địa phương, tất cả những thành tựu đó khởi đầu đều xuất thân từ Gia đình Phật tử Việt Nam. - Về văn nghệ: Gia đình Phật tử đóng góp cho Giáo hội rất nhiều, nhất là trên lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là văn nghệ. Hầu hết các bài hát của Gia đình Phật tử đã ăn sâu vào tâm trí người con Phật, dù lớn hay nhỏ, dù ở phương trời nao, cứ mỗi lần có ai đó hay một tập

thể hát lên ca khúc như “Sen Trắng”, “Trầm hương đốt” hay ca khúc “Phật giáo Việt Nam” được xem là bản Phật ca của Phật giáo Việt Nam. Cho nên một Huynh trưởng - Hằng Vang và anh cũng là nhạc sĩ đã nói rằng: “Âm nhạc Phật giáo có tác dụng hữu hiệu trong việc góp phần chuyển tải tư tưởng giáo lý Phật giáo và có thể nói là phương tiện tối ưu, nên mỗi người con Phật chúng ta cần chung tay vun đắp cho vườn hoa âm nhạc Phật giáo tốt hơn”. Ngày nay, mọi lễ hội của Giáo hội hay tại các Tổ đình Tự viện, có tổ chức Văn nghệ thì hầu hết Gia đình Phật tử luôn tham gia tích cực, góp phần tạo nên sinh khí lễ hội có phần long trọng và hoành tráng hơn, tạo nên một hiệu ứng thu hút, gần gũi và thân thiện hơn khi có nhiều bạn trẻ đến với đạo. Do vậy, về các cakhúc Phật giáo phần lớn do các anh chị Huynh trưởng Gia đình Phật tử sáng tác: về cổ nhạc như: Nhã nhạc Cung đình Huế, những bài ca ngợi Phật Pháp Tăng được nhiều Huynh trưởng Gia đình Phật tử sáng tác theo điệu Cổ bản, Kim tiền, Tứ đại cảnh, Hò giã gạo, Hò mái, Nam ai, Nam bằng... trong đó Huynh trưởng Tâm Thông Trần Ngọc Cơ đã làm phong phú cho nền âm nhạc Phật giáo mang tính âm hưởng của nền âm nhạc cổ của thập niên 50, 60 của thế kỷ XX. Về tân nhạc Phật giáo thì được rất nhiều Huynh trưởng sáng tácnhư Huynh trưởng Nhạc sĩ Lê Lừng, Bửu Bác, Ưng Hội, Lê Cao Phan, Hằng Vang, Trường Khánh, Nguyên Thông và gần đây có Chúc Linh, v.v... Do vậy, Hòa thượng Thích Minh Châu vị sáng lập viên Gia đình Phật tử, cũng là vị cố vấn giáo hạnh cho Gia đình Phật tử, đã khẳng định được lợi ích của văn nghệ trong Gia đình Phật tử rằng: “Con đường vào đạo có hai lối, một là suy tưởng để trực nhận CHÂN LÝ, hai là thông cảm để dọn đường cho THÔNG CẢM. Đường trên là lối vào bằng Phật Pháp, đường dưới là nẻo đi bằng văn nghệ. Mục đích của Gia đình Phật tử nhằm đào luyện con người toàn diện về cả Thân, Tâm, Trí. Phật Pháp khai phóng trí tuệ. Hoạt động Thanh niên phát triển năng khiếu và văn nghệ trau dồi tình cảm trong sáng. Trong lãnh vực này, nhạc là tiếng nói, là hơi thở của tuổi trẻ, tôi nhiệt thành ca ngợi sinh nhiều cho NHẠC SỐNG ra đời, đem niềm an vui

cho tuổi thơ, và gạt bỏ ưu phiền cho nhân thế”4. Cũng trong tập nhạc Sống này Cư sĩ Võ Đình Cường, Trưởng ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Việt Nam đã khẳng định trong lời tựa ngày 15/05/1965: “... việc huấn luyện văn nghệ mặc dù ở vào hàng thứ yếu sau giáo lý và hoạt động thanh niên nhưng không ngoài mục đích bổ túc cho sự học hỏi của đoàn sinh ngoài đời và nhất là đưa đạo Phật vào đời sống hằng ngày của họ”. - Những hoạt động thanh niên: Đào tạo những con người chuẩn mực trong lao động và nghề nghiệp của mình. Tuy không phải là trường dạy nghề mà cũng tạo điều kiện cho các

em tiếp xúc để khi lớn lên, bước vào đời sẽ có định hướng tốt hơn. Chính ba phần vừa nêu trong Gia đình Phật tử đã góp phần tích cực trong giáo dục nói chung và giáo dục Phật giáo nói riêng. Lợi ích của giáo dục này đã minh chứng qua lịch sử và những gì mà Gia đình Phật tử đã làm cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam và xã hội tốt đẹp. Thực trạng xã hội ngày nay, trước đà phát triển văn hóa vật chất cùng với sự bành trướng của khoa học hiện đại, đã làm cho trình độ dân trí ngày càng cao, kinh tế phát triển. Bên cạnh đó đã thu hút không ít thành phần con em trẻ tuổi, đam mê dục vọng theo vòng xoáy của cuộc đời, tạo nên một hiện trạng đáng lo ngại đối với các bậc phụ huynh. Cho nên việc giáo dục văn hóa cổ truyền, xây dựng nếp sống thuần phong mỹ tục Á Đông, xây dựng và phát triển văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc là việc cần phải quan tâm hơn, để làm sao nền văn hóa Việt Nam phát triển mà không mất gốc. Thiết nghĩ hơn bao giờ hết, Tăng Ni Phật tử chúng ta cần thể hiện tinh thần từ bi, trí tuệ của người con Phật đối với cuộc sống nhân sinh bằng hành động cụ thể và thiết thực. Chúng ta không phải giáo dục từ ngọn mà thực hiện giáo dục từ cái gốc. Nên phải "Giáo dục thai nhi nghĩa là giáo dục ngay từ đầu, chứ không phải phạm pháp mới giáo dục. Cũng như thiện nam tín nữ Phật tử già rồi mới tu

4. Trích lời giới thiệu của Hòa thượng Thích Minh Châu trong tập "Nhạc Sống" của Ban Hướng Dẫn TW GĐPT Việt Nam xuất bản năm 1965.

mà phải dạy đạo từ rất trẻ, nhưng dạy bằng cách nào, huấn luyện ra làm sao? Điều này tổ chức Gia đình Phật tử đã đóng góp đắc lực trong công cuộc dạy dỗ thanh thiếu niên Phật tử. Một tổ chức có nội quy, quy chế, chương trình giáo dục và huấn luyện đầy đủ chắc chắn đã góp phần trong công cuộc đẩy lùi tệ nạn xã hội, đồng thời nâng cao phẩm hạnh con người qua việc giữ gìn giới luật của một người đoàn sinh Huynh trưởng Gia đình Phật tử"5, Hòa thượng Thích Chơn Thiện đã phát biểu. Do vậy, chỉ có tổ chức Gia đình Phật tử mới là nơi thuận tiện nhất để giáo dục con em Phật tử, một tổ chức mà có thể giáo dục các em tốt về Thể lực, Trí lực và Đức lực. Trong một buổi nói chuyện với các Huynh trưởng tại lễ khai mạc trại họp bạn Huynh trưởng Lục Hòa Gia đình Phật tử Thừa Thiên Huế tại chùa Trúc Lâm năm 1999, cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu đã dạy: "Các Huynh trưởng trong ngày hôm nay nương theo chí nguyện của các Ngài, phát tâm đứng vào hàng ngũ Gia đình Phật tử với một tâm nguyện luôn luôn cố gắng hỷ xả, cảm thông, siêng năng cần mẫn, để xây dựng cho chính mình và xây dựng cho đàn em của mình... Muốn được như vậy thì mỗi Phật tử chúng ta sẽ là một người sống đời sống đức hạnh. Nếu ai đó bị sa ngã trong cần sa ma túy thì Gia đình Phật tử không có mặt ở đó. Những nơi nào cờ bạc rượu chè bê bối thì những nơi đó Gia đình Phật tử không có mặt. Những nơi nào có quán xá nhậu nhẹt say sưa, gây gổ, đả thương nhau bằng binh khí, miệng lưỡi, tranh giành chém giết nhau thì những nơi đó Gia đình Phật tử không có mặt. Chúng ta biết tránh xa những tội lỗi và cám dỗ bên ngoài xã hội trước, rồi chúng ta dần dần tránh những sai lầm sâu xa trong tâm thức của chúng ta và ngay trong các thành viên cộng đồng Phật tử". 6. GIA ĐÌNH PHẬT TỬ - MỘT ĐÓNG GÓP TỐT ĐẠO ĐẸP ĐỜI Bằng những pháp Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, và phương pháp giáo dục của

Gia đình Phật tử đã giáo dục con em trở nên ngoan hiền, tạo nên một gia đình ổn định góp phần làm đẹp khu

5. Cố Hòa thượng Thích Chơn Thiện đã phát biểu tại phiên họp thứ 6, Quốc hội khóa XI, ngày 26/11/2004.

dân cư, mọi người biết sống tử tế, thân thiện, biết tôn trọng lẫn nhau vì quyền lợi tập thể, không ích kỷ riêng tư... thì chắc chắn điều bất thiện và những tệ nạn sẽ không có điều kiện phát sinh. Sở dĩ có được thành quả giáo dục như thế không chỉ tự thân Gia đình Phật tửcó được mà đó nhờ sự tác duyên của nhiều yếu tố khác nhau: - Thứ nhất, Gia đình Phật tử luôn hoạt động dưới sự lãnh đạo của Giáo hội đương thời, được sự quan tâm của Giáo hội. Đại diện cho Giáo hội là những vị Tăng Ni luôn đồng hành để cố vấn giáo hạnh và hướng dẫn Gia đình Phật tử trên bước đường tu học. - Thứ hai, nhờ sự nỗ lực quan tâm đóng góp của anh chị em Huynh trưởng, của các bậc tiền bối đã tạo nên một Đại Gia đình Phật tử Việt Nam lớn mạnh, không chỉ ở Việt Nam mà Gia đình Phật tử còn được phát huy và vươn xa khắp nơi trên thế giới. - Thứ ba, có ý thức rất cao trong sự tu học của tất cả anh chị em đoàn viên, do đó làm tròn sứ mạng giáo dục tầng lớp Thanh Thiếu niên thành những Phật tử chân chánh, góp phần phụng sự đạo pháp và xây dựng xã hội, đây là mục đích của Gia đình Phật tử vậy. KẾT LUẬN Sự hình thành một tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam không ngoài mục đích xây dựng Giáo hội, một Giáo hội có đủ tứ chúng đồng tu, đưa đến sự hưng thịnh của đạo pháp. Chúng tôi triển khai đề tài về Gia đình Phật tử là mong muốn Phật giáo luôn có đội ngũ hộ trì kế thừa "tre già măng mọc", và khi các con em được giáo dục từ Gia đình Phật tử lúc nhỏ trở thành một Phật tử có chánh tín Tam bảo, các em sớm nhận thức một cách rõ ràng thông điệp Từ bi tức biết thương người mến vật, và có ý thức sâu sắc và lý trí nhận thức trong cuộc sống - Trí tuệ; và luôn tinh tấn trên mọi hoàn cảnh và hăng hái loại trừ các pháp bất thiện, tránh xa mọi tệ nạn đương thời - Dũng lực, tôi luyện nhân cách trở thành công dân tốt cho đất nước và xã hội. Muốn được như vậy thì mỗi chúng ta dù là người xuất gia hay tại gia, dù Huynh trưởng hay đoàn sinh, mỗi người đều

phải thực hành lời Phật dạy và làm tròn đúng trách nhiệm bổn phận của mình. Mỗi khi người Phật tử có sự thực hành thì đối với đạo pháp họ là những Phật tử chân chánh, đối với đất nước là những người công dân mẫu mực. Như vậy, sự giáo dục từ Gia đình Phật tử đã đóng góp cho xã hội một phần không nhỏ mang lại cuộc sống an vui và sự yên bình, đây là hoài bão mà người người, nhà nhà ước mong đạt được. Đây chính là mục đích của Gia đình Phật tử - "Đào luyện Thanh- Thiếu-Đồng niên tin Phật thành Phật tử chân chánh, góp phần phụng sự đạo pháp và xây dựng xã hội". Tuy nhiên, sự vận hành và phát huy truyền thống Gia đình Phật tử trong thời đại công nghệ 4.0 thì chúng ta cần phải "nâng cấp" hơn nữa để lý tưởng nhập thế của Phật giáo đem lại hiệu quả tốt nhất. Một vài kiến nghị: - Mỗi phương thức giáo dục trong Phật giáo đáp ứng trong một giai đoạn nhất định. Tuy nhiên, tổ chức Gia đình Phật tử đã ra đời hơn nửa

thế kỷ, nên những đường hướng giáo dục cần phải có những đổi thay, phải nhìn nhận và đánh giá lại các giá trị và nội dung sinh hoạt tu học, để điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng thời cuộc. - Cần áp dụng những kỹ năng, công nghệ mới trong sinh hoạt và tu học cho các em. - Phật hóa để áp dụng những game show truyền hình có nội dung tương ứng với đường hướng giáo dục trong Gia đình Phật tử. - Thổi hồn vào trong tâm thức các em về lý tưởng cao đẹp của tổ chức, sáng tạo trong các sinh hoạt để kích thích và làm hấp dẫn cho tuổi trẻ. - Nêu lên những giá trị cao đẹp để các em nỗ lực trong việc cống hiến và phụng sự vì lý tưởng. - Ngoài những kiến thức về giáo lý, cần trau dồi thêm về tâmlý-xã hội, giúp các em có thêm kỹ năng sống, kỹ năng thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc đời, v.v...

Tài liệu tham khảo Thích Trí Quang, Tâm ảnh lục, tập I-IV, Giáo hội Tăng Già Trung phần xuất bản, 1962. Như Tâm - Nguyễn Khắc Từ, Gia đình Phật tử cương yếu và tổ chức, Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Trung phần xuất bản, 1962. Tuệ Giác, Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử, Hoa Nghiêm xuất bản, 1964. Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Trung phần, Trước cơn sóng gió, tập I, 1964. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 3, Lá Bối xuất bản 1965. Người Áo Lam, Sứ mệnh Gia đình Phật tử, Lữ Hồ xuất bản, 1965. Như Tâm - Nguyễn Khắc Từ, Gia trưởng Gia đình Phật tử Việt Nam, Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Gia đình Phật tử Việt Nam xuất bản, 1968. Kỷ yếu Đại hội Văn hóa Giáo dục, Tổng vụ văn hóa Phật giáo ấn hành, 1970. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, 50 năm Chấn hưng Phật giáo Việt Nam, soạn thảo 12/03/1971. Vân Thanh, Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam, Sài Gòn xuất bản, 1974. Gia đình Phật tử Việt Nam, Nội quy và Quy chế Huynh trưởng, 1974. Tâm Lạc - Nguyễn Văn Thục, Lược sử Gia đnh Phật tử Việt Nam (bản thảo ronéo), Sài Gòn, 1974. Lệ Như - Trung Hậu sưu tập, Tâm Minh tuyển tập, tập I–V (Bản thảo ronéo), 1983. Phan Cảnh Tuân, Gia đình Phật tử Việt Nam 50 năm xây dựng, Hương Quê ấn hành, California, USA, 1995.

Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí và Đức Tâm, Phật Pháp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2000. Võ Đình Cường, Đây Gia Đình, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2001.

CHÍNH NIỆM PHẬT GIÁO ẢNH HƯỞNG TỚI XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY TS.ĐĐ. Thích Quảng Hợp*

I. MỞ ĐẦU Như chúng ta đã biết, thế kỷ XXI được cho là thế kỷ phát triển rất mạnh về khoa học, công nghệ, kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, tôn giáo tâm linh. Xã hội công nghệ điện số hóa, internet kết nối vạn vật giữa thế giới thực và thế giới ảo, ảo là thực, thực có khi lại là ảo, đem lại kết quả thuận lợi khá cao, làm con người ngày một xích lại gần nhau hơn, thế giới như được thu nhỏ lại nhiều hơn, ta ở phương xa mà có thể nói chuyện tâm sự hiểu nhau, nhìn thấy nhau dễ dàng, tin nhau giúp đỡ nhau hơn. Bên cạnh những thuận lợi tích cực đó, lại có một số tư tưởng tiêu cực như nhận thức sai lầm, tư duy lạc lối, ảo tưởng, mê tín dị đoan, đạo đức xuống cấp trầm trọng, bất hiếu bất lương, trầm cảm, tự tử, hình người dạ thú, nghiện ngập, cố chấp vào kiến thức...

Tuy nhiên, nhân dịp hội thảo: “Phật học Việt Nam thời hiện đại: cơ hội và thách thức” này, học giả là một tu sĩ Phật giáo phía Bắc mạo muội xin góp bài viết với tiêu đề: “Chính niệm của Phật giáo ảnh hưởng tới xã hội Việt Nam hiện nay”. Nội

*. Chùa Hưng Sơn, thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh.

dung bài viết như theo trình tự bên dưới, để góp phần nhỏ vào hội thảo thêm phong phú về nội dung, tư tưởng, từ đó có sự so sánh đối chiếu đa chiều đem lại tri thức sống, kết quả cao sinh động, ý nghĩa, để phục vụ cho đạo pháp và dân tộc ổn định, phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế nhiều thách thức. Hiện nay, ta có thể giả thiết mà cũng có thể công nhận rằng xã hội mà chúng ta đang sống được coi như xã hội với cách mạng công nghiệp 4.0, các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo, an ninh... đều có kế hoạch đường hướng vạch ra cho mình một chiến lược khoa học, con đường đi để đạt được mục đích lợi ích tốt nhất, kinh tế thì cần chiếm lĩnh thị trường, chất lượng tốt, rẻ, lợi nhuận thu về phù hợp, an ninh thì bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, tôn giáo ổn định, truyền bá tư tưởng đúng chính pháp, chính trị giữ vững lập trường, tư tưởng đúng đắn, yêu nước thương dân bảo vệ đất nước Việt Nam ổn định phát triển... II. NỘI DUNG 1. Nguồn gốc của chính niệm trong Phật giáo Khái niệm “Chính niệm” (Samyak – snoti, sanskrit) được biết tới từ rất xưa, ở đây ta chỉ xét từ khi Tất Đạt Đa tu tập phát nguyện thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, là do quán chiếu giáo lý Duyên sinh vô ngã, thấy được tự tâm chính niệm, sự tập trung tư tưởng vào một vấn đề, ấy là chính niệm, hay nói cách khác chính niệm là biết đúng như thực, biết mình đang làm cái gì, mình biết đang nghe ai hát về một bản tình cha, hay nghe đúng như thật về phê bình ý thơ, phê bình đấu tranh phê phán tư tưởng tà - chính. Đó là chính niệm về lắng nghe. Theo cuốn Từ điển Phật học của Đoàn Trung Còn, xuất bản năm 2009, nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh trang 289-290 cho biết: Chính niệm gồm bốn thứ cơ bản: Chính niệm về thân: chính niệm trong khi cái thân hô hấp, chỉ thấy là một cái thân xác có thể tan rã mà thôi.

Chính niệm về sự thọ cảm: hễ khi thấy vui hay buồn thì ta quán chiếu nó chỉ là một mối cảm thọ qua tương tác giữa tâm lục căn với lục trần sinh ra lục thức, thực thể chẳng phải là bản ngã của ta. Chính niệm về ý (tâm): khi có sự xuất hiện của tâm thức về: tham, sân, si hiện lại chỉ cho là ý thức tưởng ra, do duyên gá mà thành thực thể vốn không cố định. Chính niệm về pháp: thấy năm mối che lấp, tình dục, sân hận, giải đãi, lo lắng, nghi não khởi lên thì quán xét thực tướng của chúng là vô ngã, chúng chỉ là nhân duyên tạm hợp, không chấp thì nó sẽ tiêu vong. Các pháp, như lục căn, lục trần, lục thức, mọi sự vật, hiện tượng trên xã hội, hữu vi, vô vi, tứ diệu đế, thập nhị nhân duyên, lục niệm xứ, khái niệm khổ vui, tứ vô lượng tâm, tiểu thừa, đại thừa tư tưởng1. Khi Đức Phật giác ngộ nhờ chính niệm, giá trị tư tưởng của chính niệm lan tỏa ra muôn phương, nơi nào ai đó tiếp thu, kế thừa hay học hỏi để ứng dụng vào cuộc sống. Ta có thể thấy, giáo lý của Đức Phật thì nhiều, thiên kinh vạn quyển, nhưng giáo lý về tứ đế,

thập nhị nhân duyên, bát chính đạo, phần nào cũng đều trực tiếp hay gián tiếp liên quan tới chính niệm nhằm giúp cho con người hiểu biết vấn đề như thực biết đâu là khổ, đâu là con đường để giải quyết hết khổ, đạt an vui, hạnh phúc. 2. Ảnh hưởng chính niệm tới xã hội, một số thực trạng và giải pháp Tại sao chính niệm vẫn hiện hữu, cần được sử dụng trong lĩnh vực nào? Câu hỏi khó nhưng cũng dễ hiểu. Chính niệm có thể ứng dụng vào trong rất nhiều hoàn cảnh, dẫu ở vị trí nào con người cũng cần có bình tĩnh, cần sự tỉnh thức biết rõ mình đang làm gì, biết rõ một cách chính xác, không phải mập mờ. Hiện nay có nhiều học sinh từ cấp một cho tới cấp ba, kể cả sau đại học, và nhiều nơi khác nữa sống và làm việc theo cảm tính, thích thì làm không thích thì thôi. Có lẽ họ nghĩ suy vụng về không chắc

1. Đoàn Trung Còn (2009), Phật học từ điển, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.289-290.

chắn, họ bị rơi vào tâm thức hoang tưởng, tư duy lạc lối, cực đoan, như sống sau chết là hết hẳn, không còn ý nghĩa gì cho cuộc đời, họ làm việc thì cẩu thả, ăn nói lung tung, phóng túng, làm sai được người góp ý mà không hề xin sửa, nhận sửa để hoàn thiện bản thân. Những người như thế thì sao có thể khá lên được. Đức Phật dạy, ở đời có hai hạng người được tôn quý, một là người tu đã giác ngộ thành Phật không còn sai; hạng người thứ hai là người đang sống, đang tu sai biết sửa những hành vi sai trái thành đúng. Hai hạng người đó đáng quý trọng nhất. Với nhà thơ người ta cũng cần có chính niệm, cần có tư duy chính xác, cần nơi tĩnh tại để an tâm, cuộc sống giàu hay nghèo nhưng họ sống không hấp tấp vội vàng, vì không vội vàng họ dễ bề kiểm soát hành vi cảm xúc, cảm giác tiếp cận với nội tâm hay ngoại cảnh, họ phản ánh hiện thực khách quan bằng sự thực của cuộc đời thông qua ngôn ngữ chân thành, tư duy quán chiếu chính niệm, bóng bẩy hay trong sáng, tính thuyết phục cao, dễ chấp nhận đi vào lòng người hơn. Trong khi kinh doanh buôn bán, hay làm kinh tế, Phật cũng thường dạy mọi người phải chính niệm trong công việc hiện tại buôn bán, kinh doanh, nhớ nghĩ rõ ràng, buôn bán làm ăn phải lành mạnh, cấm nghiện thuốc phiện, cấm buôn bán hàng mà luật pháp không cho phép, nhờ được giảng giải theo chính pháp, quy y Tam bảo, giữ giới thanh tịnh, không được theo tà thuyết hủy hoại thân tâm, mất tâm từ bi, trí tuệ. Tu học, hành theo tư tưởng tà là đồng nghĩa tu theo tà ma ngoại đạo không thể nào giác ngộ, không thể nào buôn bán hanh thông, không thể giàu có, hạnh phúc. Trước tình hình thế giới có nhiều biến động gây hấn chiến tranh, nhất là tình hình phức tạp trên Biển Đông, gây ra tranh chấp dẫn tới mất tinh thần đoàn kết quốc tế. Trong nước, một số người không hiểu biết với tư tưởng phá hoại đoàn kết, bôi nhọ, nói xấu nhau gây căng thẳng, giảm uy tín nội bộ. Lừa đảo che mắt, mua quan bán chức, tham ô lại nhũng, ham danh chuộc lợi quên đi cái nhân phẩm đạo đức tốt đẹp của con người.

Để cho xã hội đất nước ta ổn định, phát triển bền vững thì đòi hỏi các ban ngành từ Trung ương tới địa phương, ai ai cũng cần phải có trách nhiệm, có cái tâm cái đạo để

dạy để học lắng nghe và chia sẻ điều hay, ý đẹp, chính niệm chân chính. Nhà nước và nhà trường, gia đình phải đoàn kết hiểu nhau hơn, việc thi cử, khen thưởng, động viên kịp thời, ai có tội thì trừng trị thích đáng, ai có công thì thưởng cao nhất có thể, trên tinh thần từ bi, trí tuệ, muôn nhân khâm phục. Phía Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Học viện Phật giáo Việt Nam ở cả ba miền: Bắc, Trung, Nam, đặc biệt Học viện Phật giáo Việt Nam tại miền Nam hiện nay đã đi trước đón đầu, định hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hội thảo mới để đem lại những kiến thức, tri thức kịp, cùng, trước thời đại, để mọi người trong nước và quốc tế trao đổi học hỏi. Tư tưởng đào tạo của đạo Phật là "duy tuệ thị nghiệp", nghĩa là lấy trí tuệ làm sự nghiệp, đặt ở vị trí trung tâm, hướng đích giác ngộ, giải thoát. Xưa Thân Nhân Trung nhân tài xuất chúng của Việt Nam cũng đã từng nói: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí giàu mạnh, quốc gia sẽ thịnh cường. Người xưa có câu: "Một mai thân xác tiêu tan Danh thơm vẫn ở thế gian muôn đời Pháp thân lồng lộng sáng ngời Chiếu soi pháp giới rạng ngời sử xanh." Bài trên rất hay, nhờ tu có chính niệm, nhờ học có tri thức biết hành, biết khiêm tốn, tôn trọng, lắng nghe bậc tài đức, yêu thương, giúp đỡ mọi người, sống cần uy tín, định hướng chính niệm rõ tư duy thấy triết lý Duyên sinh vô ngã, thật thân lồng lộng, tâm thanh tịnh, càng yêu đời mến đạo, hộ quốc, có giá trị để đời là thế. Nên xã hội cần liên kết, ứng dụng công nghệ 4.0 vào mọi lĩnh vực để phát triển đồng bộ, con người cần định hướng đầu tư rõ ràng, kết quả sẽ như ý mong muốn. Giáo dục ngoài xã hội, giáo dục trong

Học viện Phật giáo, Tăng ni cần học thật, không đối phó, xác định đúng mục tiêu: giác ngộ, giải thoát, chính niệm lý duyên sinh (nhân quả công bằng), giải thoát thân tâm không bị kẹt chấp vào nơi nào cả. Hay nói cách khác là Tăng ni cần phải học nội điển, Kinh, luật, luận cho thật tốt, kết hợp ngoại điển ngoại ngữ, môn khác cho tốt để có thể hòa đồng cùng Tăng ni Phật tử quốc tế. Điểm mạnh của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay đã từng đào tạo cử nhân Phật học cho các học sinh sinh viên tại gia, dự kiến còn đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tu sĩ, tại gia, người ngoại quốc tới tham gia, từ đó có một hệ thống môi trường học, trao đổi, làm việc Phật sự thế sự tốt đẹp. Dự kiến, trong tương lai, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh sẽ là trung tâm đào tạo đi đầu về Phật học chất lượng và số lượng khả quan nhất, đóng góp tích cực, bước ngoặt vĩ đại trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. III. KẾT LUẬN Tóm lại, dầu trong hoàn cảnh nào đi chăng nữa, tư tưởng, vị trí, sự ảnh hưởng của giáo lý chính niệm của Phật giáo luôn có giá trị nhất định, giúp cho con người biết yêu thương, hiếu hạnh nhau hơn, giúp nhau thức tỉnh tâm Phật, tâm là Phật, Phật là tâm trong mỗi chúng ta, để sống và làm, ngủ và nghỉ cho được hạnh phúc.. Để ổn định đất nước vững bền, Phật giáo Việt Nam hưng long, các Học viện Phật giáo trong đó có Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh luôn đồng hành cùng dân tộc bằng giáo lý từ bi, trí tuệ của Đức Phật qua phương thức nghiên cứu, tiếp thu tinh hoa tri thức, truyền bá chính niệm để giúp đời giúp đạo hòa hợp. Đội ngũ giảng viên trong Học viện luôn trao đổi kiến thức Phật học trong nước và quốc tế, tiếp thu kế thừa những khoa học công nghệ, kinh nghiệm phương pháp giảng dạy, đồng

thời luôn duy trì tấm gương thầy sáng bạn tốt xứng đáng với câu “thiên nhân chi đạo sư” (Thầy của trời người), nắm chắc kiến thức Phật học, như: Tứ đế, bát chính đạo, thập nhị nhân duyên, nhân quả công bằng, tạo ra phương pháp mới để giảng dạy đạt kết quả cao nhất. Với đội ngũ

giảng sư chất lượng thì học viên, Tăng ni cần phải tinh tiến học thực tu thực, nương tựa vào tam học “Giới, định, tuệ” kết hợp với các môn nội ngoại điển khác để có thể tinh thông giáo lý hóa giải những bất an, hóa giải phiền não, giúp con người định tâm, giác ngộ, giải thoát, có thể hoà nhập vào xã hội, thế giới một cách dễ dàng. Góp phần xây dựng đạo pháp dân tộc chủ nghĩa xã hội, ổn định phát triển bền vững. Trên đây chỉ là một số cách tiếp cận học hiểu trình bày trước hội thảo, khiếm khuyết đâu ngưỡng mong các nhà khoa học, quý vị hoan hỉ góp ý để bài viết tốt đẹp hơn. Để rồi ta thấy tư duy mình chính niệm trong hiện tại, nhiều khi ta nhịn ăn một chút mà tâm minh, thân khỏe, có thể mượn mấy vần thơ mộc sau để tạm kết cho bài viết này: “Dù cho ta là ai Gắng học sao thành tài Tinh thông tột sắc không Thực tướng pháp vô ngã Không rơi chấp 4.0 Từ bi với trí tuệ Chính niệm là cơ bản Người không tham, sân, si Xây dựng đạo đời xanh Học viện Phật giáo gương Sản sinh nhân tài sắc Xứng đệ tử Thích Ca…”

***

Tài liệu tham khảo Nguyễn Như Ý (1999), Đại từ điển tiếng Việt, Nxb. Văn hóa thông tin. Lê Mạnh Thát (2006), Toàn tập Trần Nhân Tông, Nxb. Phương Đông. Nguyễn Tài Thư (1988), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội. Thơ văn Lý Trần (1977), Nxb. Khoa học xã hội. Nguyễn Hữu Vui (2007), Lịch sử triết học, Nxb. Chính trị quốc gia. Thích Thanh Từ (1992), Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh. Phân viện Nghiên cứu Phật học, “Từ điển Phật học Hán Việt” (2004) Nxb. Khoa học xã hội. Viện Trần Nhân Tông, Đại học quốc gia Hà Nội - Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại, Ninh Bình, 12/2017. “Để tâm vô trụ khi làm từ thiện”, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 5, 2017.Nguyễn Đại Đồng (2017), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 1981, Nxb. Tôn giáo. PGS.TS. Nguyễn Đức Diện, “Thiền Phật giáo và giá trị của nó đối với sức khỏe con người”, Tạp chí Phật học, 2018. Thích Quảng Hợp, Nhiều tác giả (2018), Thơ thường thức, Nxb. Hội nhà văn. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm – Đặc sắc tư tưởng, văn hóa, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Đại học quốc gia Hà Nội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2018. Thích Nhật Từ biên soạn (2019), Lãnh đạo chính niệm và hòa bình, Nxb. Tôn giáo.

Thanh Tâm, “Thiền sư ni Diệu Nhân với bài kệ thị tịch”, Phatgiao. org.vn. Như Hùng, “Thiền sư ni Diệu Nhân với bài kệ thị tịch”, Thuvienhoasen, ngày 5/12/2013. Nguyễn Lang (2014), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Văn học. Thích Minh Châu dịch (2014), Trung Bộ Kinh, Nxb. Hồng Đức. Đoàn Trung Còn (2009), Phật học từ điển, Nxb. Tổng

hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- II - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VÀO TRƯỜNG HỌC

SỰ CẦN THIẾT ĐƯA PHẬT GIÁO VÀO HỌC ĐƯỜNG TS. Trần Minh Đức, ThS. Nguyễn Văn Tiến*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ Trong bối cảnh hiện nay, trước những diễn biến phức tạp của quá trình toàn cầu hóa, mỗi quốc gia, dân tộc chỉ có thể tồn tại và phát triển nhanh chóng khi biết hòa nhập với cộng đồng thế giới, và trở thành một mắt xích của nền kinh tế toàn cầu. Toàn cầu hóa có những điểm tích cực, như thúc đẩy sự phát triển xã hội và quá trình xã hội hóa lực lượng sản xuất, tạo sự tăng trưởng kinh tế cao ở nhiều khu vực, tái cơ cấu nền kinh tế thế giới; truyền bá, chuyển giao trên quy mô rộng những thành quả, những phát minh sáng tạo mới trong khoa học - công nghệ và tổ chức quản lý, đưa thông tin đến từng quốc gia, từng cá nhân một cách nhanh chóng và đa dạng; tạo điều kiện cho sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc và quốc gia,... Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, toàn cầu hóa cũng có mặt tiêu cực, như làm tăng thêm bất công, bất bình đẳng xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo giữa các quốc gia, các khu vực; cuộc sống của con người trở nên kém an toàn hơn do nguy cơ xảy ra các cuộc khủng hoảng. Những biến động mạnh mẽ của xã hội do tác động

*. Giảng viên Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương.

của quá trình toàn cầu hóa ảnh hưởng trực tiếp đến mọi quốc gia, thách thức các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống các dân tộc. Với tầng lớp thanh thiếu niên nói chung trong đó có các em học sinh, sinh viên, thực tế cho thấy một bộ phận không nhỏ các em hiện nay có cách sống thực dụng, manh động trong suy nghĩ và hành động. Họ vô lễ với người lớn, bất hiếu với cha mẹ, bất kính thầy cô, thiếu tình với bạn bè, người thân; một số em ở đô thị thích sống hưởng thụ, đam mê nhục dục, ăn chơi trác táng, không biết giữ gìn nếp sống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc, cha ông. Nhiều em không hề có ý niệm về tội - phước, nhân - quả, không ý thức được lẽ sống ở đời. Hơn nữa, thanh thiếu niên ngày nay thường chạy theo lối sống vọng ngoại, lai căng,.. mà họ cho là hợp thời, sành điệu, bỏ qua những giá trị truyền thống, đạo đức nền tảng cơ bản của con người. Một trong những vấn nạn xã hội hiện nay trong giới học sinh, sinh viên là bạo lực học đường, tình trạng này ngày càng phổ biến với mức độ lần sau nghiêm trọng hơn lần trước,... Trước thực trạng nhiều chuẩn mực đạo đức của thanh thiếu niên hiện nay đã đến mức báo động, với tư cách là một thiết chế xã hội, là nơi cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên xử lý đúng đắn các mối quan hệ cho xã hội, ngành giáo dục Việt Nam nên cần thiết có sự nghiên cứu nghiêm túc, nhận thức đúng đắn về nội dung cốt lõi trong Học thuyết triết học Phật giáo, từ đó đưa môn học này vào chương trình chính khóa của hệ thống các trường cao đẳng, đại học và xem đây là môn học bắt buộc cho tất cả các sinh viên. Tin rằng với tất cả tính khoa học của mình, triết lý Phật giáo sẽ góp phần đáng kể giúp các em am hiểu được lẽ nghi, phải

trái, hiếu thuận, nhân - quả, tội - phước,... từ đó các em sẽ có được lối sống lành mạnh, văn minh, hiếu kính với tổ tiên, ông bà, thầy cô và có trách nhiệm với xã hội. 2. KHÁI QUÁT VÀI ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM Phật giáo xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ VI trước công nguyên ở Bắc Ấn Độ do Tất Đạt Đa (Siddhatha), thái tử của vua Tịnh Phạn

(Suddhodana) sáng lập. Quốc gia Âu Lạc của chúng ta đã bị Nam Việt của Triệu Đà thôn tính vào năm 179 trước công nguyên, và lập thành quận Giao Chỉ. Năm 110 trước công nguyên, Nam Việt lại thuộc Hán, Giao Châu theo đó được chia thành hai quận là Giao Chỉ và Cửu Chân. Trên lãnh thổ của nhà Hậu Hán sau đó đã tồn tại ba trung tâm Phật giáo là Luy Lâu, Lạc Dương và Bành Thành. Sử liệu cổ của Trung Hoa cũng không ghi nhận được rõ ràng sự hình thành của hai trung tâm Lạc Dương và Bành Thành, chỉ có Luy Lâu thuộc Giao Chỉ là được xác định rõ ràng và sớm nhất, đây là bàn đạp cho việc hình thành hai trung tâm kia. Từ nửa sau thế kỷ II, Luy Lâu đã tồn tại như một trung tâm Phật giáo quan trọng và phồn thịnh. Điều này cho thấy việc du nhập Phật giáo vào Giao Châu là rất sớm, có lẽ từ đầu công nguyên1. Ngay từ khi mới du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã được quần chúng nhân dân đón nhận một cách nồng nhiệt bởi tư tưởng Phật giáo rất gần gũi với văn hóa, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Cùng với chiều dài lịch sử dân tộc, những giá trị đạo đức Phật giáo như tinh thần đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, rất phù hợp với tâm tư, tình cảm người dân Việt Nam. Tư tưởng từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn của nhà Phật đã hòa quyện với tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa của người Việt Nam. Trong suốt quá trình tồn tại, đạo Phật không ngừng truyền bá các giáo lý và tư tưởng đạo đức của mình. Sự truyền bá đó không chỉ có ảnh hưởng đến các Phật tử, mà còn lan tỏa rộng rãi đến quần chúng nhân dân. Cùng với việc truyền đạt tư tưởng đạo đức, giáo lý, Phật giáo còn tích cực đào tạo cho mình một đội ngũ chức sắc, chính đội ngũ trí thức tôn giáo này đã làm nòng cốt trong việc bảo tồn và phát triển đạo Phật, đồng thời làm phong phú thêm hệ thống tri thức đạo đức Phật giáo ở Việt Nam thông qua việc dịch kinh sách nhà Phật, học tập và truyền đạt những tri thức đạo đức Phật giáo mới, tạo điều kiện, cơ sở cho việc hình thành những quan niệm sống tích cực, nhân văn, nhân bản.

1. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, in lần thứ 3, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1992.

Sự có mặt của Phật giáo ở Việt Nam qua các thời kỳ đã góp phần làm phong phú thêm tâm hồn, đạo đức, hành vi cư xử của người Việt. Với tinh thần từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha, năng động hóa bởi đạo lý Bát chính đạo có ý nghĩa giáo dục rất to lớn với dân tộc, có vai trò quan trọng trong đời sống tình cảm, tâm linh của người Việt Nam, người dân của đất nước đã trải qua nhiều đau thương và còn nhiều khó khăn trong đời sống xã hội. Phật giáo đã đi vào tâm thức của hầu hết người dân Việt Nam, điển hình phải kể đến là việc đi chùa lễ ngày rằm, mồng một hàng tháng của rất đông người dân, hay các ngày lễ lớn trong năm của Phật giáo, mọi người về chùa tham dự một cách tự giác và

lấy chùa làm nơi tu tập tìm chốn bình yên cho tâm hồn. Ở chốn thiền môn họ không còn bị ảnh hưởng bởi những thói hư tật xấu, những trò lố lăng làm đạo đức con người suy đồi, ngược lại họ được dạy những điều cơ bản nhất về đạo đức để hoàn thiện một con người có ích cho xã hội, gạt bỏ đi những tham - sân - si đang ngự trị trong tâm trí họ. Mặc dù là tôn giáo có tính xuất thế, chủ trương "bất bạo động", nhưng khi vào Việt Nam, Phật giáo đã nhanh chóng hòa nhập với dân tộc, gắn bó và chia sẻ với số phận của dân tộc: "Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do"2, và "Nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang"3. Đức khoan dung, lòng độ lượng; sự chia sẻ và cảm thông, thái độ sống hướng đến tha nhân, vì tha nhân,.. của Phật giáo đã khiến nhiều Tăng ni, Phật tử dấn thân vì dân, vì nước, góp phần đưa lại nền thái bình, thịnh trị cho dân tộc. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đông đảo tín đồ, chức sắc Phật giáo ở nước ta đã đứng về phía dân tộc, tham gia tích cực vào sự nghiệp kháng chiến giành lại độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Phật giáo có một hệ thống các quan niệm đạo đức khá hoàn thiện nhằm xây dựng mẫu người lý tưởng. Nhờ vậy, khi thực hành, tín đồ Phật giáo có thể tự điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với cái thiện. Những quan niệm về ngũ giới, thập thiện, thuyết nhân

2. Báo Cứu quốc, ngày 14-1-1946. 3. Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.197.

quả, luân hồi, nghiệp báo,... mặc dù ít nhiều mang tính thần bí, siêu hình, song lại có ý nghĩa răn đe, ngăn ngừa những suy nghĩ, lời nói, hành động không đúng hoặc lối sống buông thả,... nhằm đem lại cho cá nhân một thái độ sống có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng hơn. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy yếu tố hợp lý trong quan niệm về đạo đức của các tôn giáo, trong đó có Phật giáo, Người nói: "Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa"4. Trong điều kiện xã hội hiện nay, những di sản văn hóa của Phật giáo đang tiếp tục phát huy tác dụng, tạo nên sắc thái dân tộc, góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Việt Nam, đại bộ phận Tăng ni, Phật tử rất tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội ích nước, lợi dân. Gần đây, một số người đã quyên góp, công đức tiền của để khôi phục, tôn tạo chùa chiền, xây cất tịnh xá, niệm phật đường, đúc chuông, đắp tượng, dựng tháp,... Ngoài ý nghĩa tâm linh, nhiều ngôi chùa đã trở thành những danh thắng nổi tiếng để du khách đến chiêm ngưỡng như chùa Bái Đính5, chùa Tam Chúc6,... Những giá trị văn hóa Phật giáo không chỉ tồn tại trong tư tưởng, mà còn đang hiện diện thông qua sự nỗ lực của hàng triệu tín đồ nhằm vươn tới một lẽ sống vì Tổ quốc giàu mạnh, nhân sinh hạnh phúc. Xu hướng chung của Phật giáo Việt Nam không phải là thoát tục, mà là nhập thế. Giải thoát không phải trốn chạy, quay lưng với thực tại, mà ít nhiều thể hiện khuynh hướng đi tìm ý nghĩa đích thực của cuộc sống, xây dựng một xã hội hài hòa và công bằng.

4. Hồ Chí Minh toàn tập, t.6 Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.225. Chùa Bái Đính là một khu du lịch tâm linh của Doanh nghiệp Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình với quần thể chùa lớn cùng nhiều kỷ lục châu Á và Việt Nam được xác lập như chùa có tượng

Phật bằng đồng dát vàng lớn nhất châu Á, chùa có hành lang La Hán dài nhất châu Á, có tượng Di lặc bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á,... Đây là ngôi chùa lớn nhất và sở hữu nhiều kỷ lục nhất ở Việt Nam. Chúc là một khu du lịch quốc gia ở Việt Nam, có điểm nhấn là chùa Tam Chúc. Toàn khu vực bao gồm hệ thống các công trình văn hóa thể thao được xây dựng mới gắn với hồ Tam Chúc nằm ở thị trấn Ba Sao và xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Ngày nay, truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam không còn chung chung, trừu tượng mà đã đi vào cuộc sống đời thường cụ thể và thiết thực hơn. Những năm qua, Phật giáo đã tiến hành quyên góp giúp đỡ người nghèo, bảo trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi những gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng, mở lớp học tình thương, khám chữa bệnh, nuôi dưỡng người già không nơi nương tựa,... Các hoạt động xã hội với những nghĩa cử từ bi của nhà Phật đã góp phần nâng cao đạo đức truyền thống và làm ổn định xã hội. Hoạt động nhân đạo, từ thiện của Phật giáo đã làm dịu đi phần nào nỗi đau của những người bị mất mát, tổn thất do thiên tai, dịch bệnh gây nên; giảm bớt nỗi buồn của những mảnh đời bất hạnh, những thân phận đơn côi,... Điều đó cho thấy Phật giáo ở Việt Nam không hoàn toàn thoát tục, lánh đời, quay lưng với cuộc sống trần thế mà nó đã, đang và sẽ hòa nhập với nhân sinh, cùng sẻ chia với buồn vui của con người trong thế giới hiện hữu vốn không ít khổ đau. Ngày nay, nhân loại đang chứng kiến sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Những thành tựu to lớn do khoa học đem lại đã và đang góp phần làm thay đổi bộ mặt hành tinh chúng ta, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho con người. Nhưng, mặt trái của nó cũng đã đem đến những hậu quả nặng nề mà nhân loại đang phải gánh chịu. Trước tình trạng trên, ở nước ta, rất nhiều người, trong đó có những chức sắc, tín đồ Phật giáo, quan tâm đến vấn đề môi sinh và có nhiều nỗ lực góp phần bảo vệ sinh thái địa cầu, Thượng tọa Thích Chân Quang, trụ trì Thiền Tôn Phật Quang, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kêu gọi "mong mỏi những người có đạo tâm, có hiểu biết luật nhân quả hãy chung tay góp sức với nhau trồng nên những khu rừng bạt ngàn. Làm được điều này tức là làm được điều phước thiện lớn lao, vì chúng ta để lại cho thế hệ mai sau tài nguyên gỗ và môi trường sống tốt đẹp"7. Cũng quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, Giáo hội Phật giáo tỉnh Bình Phước đã hướng dẫn tín đồ trong việc giữ

7. Thích Chân Quang, Nghiệp và quả, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr .190.

gìn và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên bằng cách tái tạo môi trường tự nhiên, kết quả đa phần các ngôi chùa của tỉnh hiện nay còn giữ được cảnh quan thiên nhiên trong khi quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa, cụ thể như chùa Sóc Lớn, huyện Lộc Ninh, chùa Quang Minh, thị xã Đồng Xoài,..8. Có Phật tử còn đề nghị Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần đưa môn Bảo vệ thiên nhiên và môi trường vào chương trình giáo dục và đào tạo Phật học nhằm giúp Phật tử hiểu rõ phương thức và kỹ thuật hành xử tối thiểu trong

lĩnh vực này để đóng góp cụ thể vào chương trình hành động bảo vệ và cải thiện môi trường sống của nhà nước. Đó là những ý kiến rất đáng trân trọng trong hoàn cảnh môi trường đang bị suy thóai như hiện nay,... Có thể khẳng định, với phương châm hoằng hóa "tùy duyên phương tiện", sau hơn hai nghìn năm xâm nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã tạo khả năng chấp nhận những dị biệt của truyền thống văn hóa ở những khu vực mà nó đi đến, tích cực trong việc kiến tạo một xã hội bình đẳng, bác ái, giúp mọi người sống lương thiện, tu tâm dưỡng tính và góp phần đáng kể trong việc điều chỉnh các mối quan hệ gia đình, xã hội. 3. HÀM Ý MỘT SỐ MẶT TÍCH CỰC KHI ĐƯA PHẬT GIÁO VÀO HỌC ĐƯỜNG Ngày nay Phật giáo với điểm xuất phát từ phương Đông đã lan tới phương Tây và được chú ý đến như một sự bù đắp cho thiếu hụt của triết học phương Tây về con người hướng nội. Ở Việt Nam, với lợi thế Phật giáo đã bám rễ sâu trong đời sống người dân từ hơn hai nghìn năm qua, vì thế nếu ngành giáo dục mạnh dạn đưa Phật giáo vào các trường cao đẳng, đại học sẽ khả dĩ đạt được những điểm tích cực sau: 3.1. Định hướng, rèn luyện niềm tin và đạo đức cho thế hệ trẻ Giới trẻ thường mải mê chạy theo cuộc sống hiện đại mà quên

8. Thích Nhuận Đạt, Đạo Phật và Môi trường, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr. 35.

đi yếu tố đạo đức, trong khi đạo đức chính là nền tảng quan trọng để xây dựng nên nhân cách mỗi con người. Do vậy, vai trò của Phật giáo rất quan trọng trong đời sống xã hội, vì nó giữ gìn và phát huy đạo đức ở từng con người, yêu cầu của Phật giáo là giáo dục cho giới trẻ có một trình độ hiểu biết tư duy phân biệt rõ, tốt xấu hư thực và có khả năng kiểm soát các hành vi của chính mình bằng những bài pháp sinh động, cụ thể và phù hợp với mọi lứa tuổi. Phật đến với tầng lớp sinh viên sẽ giúp các em tự tìm đường đi cho mình, tự quy định những giá trị sống thực cho chính đời mình. Tuổi trẻ cần được học hỏi để sống với tinh thần bao dung và đạt được giá trị hạnh phúc an vui trong đạo Phật, ứng dụng lời Phật dạy, luôn điều chỉnh hành vi và thái độ tiêu cực, để cho con người sống lạc quan và thấy rõ bản chất có ý nghĩa của cuộc đời, đó là lối sống không bi quan, không bao giờ có tư tưởng đầu hàng khi đối mặt với những khó khăn, không phụ thuộc vào sự may rủi để hưởng thụ. Tất cả hoàn toàn phụ thuộc vào trí tuệ và phương pháp tu dưỡng và nhân cách sống của chính mình. Khi thiết lập được một niềm tin vững chãi từ sớm sẽ giúp cho các em sinh viên có một niềm tin vững chắc về cuộc sống, về giá trị đạo đức xã hội, về đạo hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, về nhân - quả công bằng của những hành động, đặc biệt là niềm tin tâm linh Phật giáo. Khi những ấn tượng tốt ban đầu đã gieo vào cuộc đời các em thì các em sẽ nhớ mãi, sẽ có nhiều cơ hội để phát triển, được như vậy thì nhiệm vụ hoằng pháp sẽ góp phần đáng kể trong việc định hướng niềm tin và lối sống vững chãi cho các thế hệ tương lai,... 3.2. Góp phần bảo lưu bản sắc văn hóa Việt Nam Du nhập vào Việt Nam khá sớm, với tinh thần nhập thế tùy duyên và bất biến, Đạo Phật đã tạo cho mình một sức sống vô biên, vượt qua những ngăn cách của địa lý, văn hóa, tôn giáo, ý thức hệ, thời gian, không gian,... Tinh thần tuỳ duyên là tự thay đổi với hoàn cảnh để có thể tiếp độ chúng sanh, tính bất biến

là giải thoát ra khỏi mọi đau khổ, sinh tử luân hồi. Chính trên tính chất tùy thuận ấy mà Phật giáo được tồn tại và phát triển. Và cũng chính trong quá trình

này, những khía cạnh, những yếu tố mới vốn cô đọng trong tinh hoa nguyên lý Phật giáo, có được môi trường tốt đẹp để nở hoa, khoe sắc. Khi được truyền vào Việt Nam, Phật giáo đã tiếp xúc ngay với các tín ngưỡng bản địa, do vậy đã kết hợp chặt chẽ với các tín ngưỡng này. Tiêu biểu ở vùng Bắc bộ có chùa Tứ Pháp, thực ra đây vẫn chỉ là một trong những đền miếu dân gian thờ các vị thần tự nhiên Mây, Mưa, Sấm, Chớp và thờ Đá hay như ở giữa thủ đô Hà Nội có hình ảnh chùa Đậu9, vùng Bắc Ninh có chùa Dâu10 được thờ trong chùa nhưng Phật mang tên Bà chính là muốn nêu gương sáng về lòng nhân hậu, từ bi của người mẹ. Cũng như thế, lối kiến trúc của đa số chùa chiền Việt Nam hiện nay là tiền Phật hậu Thần cùng với việc thờ trong chùa các vị thần, các vị thánh, các vị thành hoàng thổ địa và anh hùng dân tộc,... Những nét mới ấy chỉ duy nhất có ở Việt Nam mà không tìm thấy ở đâu khác, điều đó tạo thành bản sắc của Phật giáo Việt Nam. Điều này cần thiết được chuyển tải và trở thành nội dung của việc giáo dục Phật giáo cho các thế hệ sinh viên, làm cho dòng mạch văn hóa tốt đẹp ấy tiếp nối không đứt đoạn nhằm truyền trao lại thế hệ sau một cách trọn vẹn nhất tinh hoa Phật giáo Việt Nam. 3.3. Giữ gìn những giá trị cốt lõi của triết lý Phật giáo Nhờ có lịch sử hơn hai nghìn năm thường xuyên được hoằng pháp và hành trì nên những tinh hoa của Phật giáo như Tứ thánh đế, Bát chánh đạo, Luật nhân quả, Luân hồi,... đã được giữ gìn chuyển tiếp cho nhau qua nhiều thế hệ. Đạo Phật là tôn giáo có triết lý cao siêu đã ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của người Việt từ tư tưởng, đạo

(H%C3%A0_N%E1%BB%99i): Chùa Đậu là một ngôi chùa ở thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội. Vì chùa thờ Bà Đậu hay Đại Bồ Tát Pháp Vũ nên chùa được gọi là chùa Đậu và còn có tên là Pháp Vũ tự. là Diên Ứng, Pháp Vân, hay Cổ Châu, là một ngôi chùa nằm ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội khoảng 30 km. Đây là trung tâm Phật giáo cổ xưa nhất của Việt Nam. Chùa còn được người dân gọi với những tên gọi khác nhau như chùa Cả, Cổ Châu tự, Diên ứng tự. Đây là ngôi chùa được coi là có lịch sử hình thành sớm nhất Việt Nam mặc dù các dấu tích vật chất không còn, nó đã được xây dựng lại.

đức, văn học, nghệ thuật cho đến phong tục tập quán, nếp sống nếp nghĩ. Tuy vậy thực tế cho thấy, ngoài những người xuất gia ra thì đối tượng thường xuyên đến với chùa chiền và tìm hiểu nghiên cứu giáo lý đạo Phật ở Việt Nam lâu nay chủ yếu là người già, phụ nữ và giới bình dân. Đây là một khiếm khuyết đáng tiếc, vì đúng ra với triết lý giáo dục đạo đức con người hàm chứa đầy tính nhân văn, nhân bản, sẽ lợi lạc hơn nếu Phật giáo được giáo dục từ sớm cho các em học sinh, sinh viên - rường cột của đất nước. Giáo pháp của Đức Phật khuyên con người “hãy đến để thấy”, Đức Phật khuyên mọi người hãy thực hành giáo pháp của Ngài để thực nghiệm trạng thái an lạc giải thoát chứ không phải đứng nhìn giáo pháp từ xa với một niềm tin vô bổ. Đặc tính này rất

phù hợp với tính hiếu kỳ, tính tự lập và tính thực tế của giới trẻ. Sinh viên trong các trường cao đẳng, đại học là những con người đang ở độ tuổi sung mãn, luôn muốn chứng minh mình có đủ khả năng để nghiên cứu tìm tòi, có đủ khả năng để tự tạo dựng cuộc sống của bản thân trong tương lai, và cũng có đủ khả năng để thay đổi vận mệnh đất nước. Như vậy nếu Phật giáo được đưa vào học đường sẽ là một giải pháp căn cơ không chỉ giúp các em sinh viên có được chìa khóa mở ra sự giải thoát cho mình trên thế gian và cho một hạnh phúc, một thiên đàng tại thế thanh bình, ấm no, mà qua đó chính giới trí thức trẻ này sẽ góp phần đáng kể để bảo lưu được những giá trị cốt lõi của Giáo lý đạo Phật vì giáo dục đào tạo triết học Phật giáo thì điều tất yếu và tối quan trọng chính là nền giáo dục ấy phải thể hiện được những cốt tủy của đạo Phật. 3.4. Thể hiện tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam Thực tế trong nhiều năm qua, Phật giáo Việt Nam đã có nhiều hoạt động thiết thực để góp phần vào chặn đứng sự suy thoái đạo đức trong thanh thiếu niên như: tổ chức Gia đình Phật tử tại các chùa, các khóa tu dành cho thanh thiếu niên, các trại hè thanh thiếu niên,... nhằm giới thiệu những tấm gương mẫu mực, nếp sống hiền hòa hướng thiện của những Tăng ni, Phật tử; giới thiệu những nhân tố thành đạt của các bậc thiện tri thức, các nhà doanh nghiệp, doanh nhân đến với các em. Từ đó, giúp thế hệ trẻ am hiểu được lễ nghi,

phải trái, hiếu thuận, nhân - quả, tội - phước,... để các em có được nếp sống lành mạnh, văn minh, biết ơn với tổ tiên, ông bà, thầy cô và có trách nhiệm với xã hội. Vì vậy khi Phật giáo trở thành một môn học chính khóa trong nhà trường sẽ giúp phát huy tối đa vai trò tích cực với tầng lớp tri thức này. Những vấn đề ứng dụng Phật pháp trong đời sống hàng ngày như: dạy làm người, mối quan hệ trong tình bạn, tình yêu, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, quan hệ nơi công sở, đồng nghiệp, bạn bè, lý tưởng sống, kỹ năng sống,... sẽ là những đề tài gắn liền với đời sống thực tiễn có sức lôi cuốn các em sinh viên tham gia nghiên cứu bàn luận. Như vậy, vấn đề còn lại là ngành giáo dục cần làm gì để cùng lúc vừa thu hút sinh viên quan tâm đến nền tảng đạo đức tâm linh Phật giáo nhưng vẫn đảm bảo chuyển tải được tư tưởng "đem đạo vào đời" bằng tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Vì tinh thần nhập thế của Phật giáo ở Việt Nam còn bao hàm một ý nghĩa sâu rộng hơn, do hoàn cảnh, môi trường sinh sống, cá tính, đặc trưng dân tộc Việt Nam, một quốc gia luôn bị đe dọa bởi ngoại xâm, mà tinh thần nhập thế này ngoài phạm vi thuộc lĩnh vực đạo đức, xã hội còn là các hoạt động chính trị và quân sự nữa. Đây chính là những đặc điểm làm cho Phật giáo Việt Nam mang tính thực tiễn năng động qua nhiều thời kỳ lịch sử. 4. KẾT LUẬN Phật giáo là một tôn giáo cao siêu và trí tuệ, không ít những nhà khoa học phương Tây đã thấy được giá trị và hết lời ca ngợi Phật giáo. Một trong những nhà khoa học vĩ đại nhất thế kỷ XX - Albert Einstein cho rằng "Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo của toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó"11. Đối với nước ta hiện nay, trong sự nghiệp đào

Einstein quotes.htm).

tạo con người, việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ chiếm một vị trí rất quan trọng. Nó không những chỉ ở mặt chiến lược mà còn nhằm mục tiêu trước mắt là ngăn chặn sự tha hóa, xuống cấp về đạo đức lối sống trước sự tác động tiêu cực từ nền kinh tế thị trường cùng với những tiêu cực của văn hóa ngoại lai. Mục tiêu về công tác giáo dục của Đảng và Nhà nước ta là đào tạo ra những con người có trí tuệ cao, thể chất cường tráng, đời sống tinh thần và đạo đức trong sáng, giàu bản lĩnh và thực sự có ý thức trách nhiệm công dân. Để đạt được mục tiêu đó thì ngoài các nhiệm vụ khác, chúng ta cũng phải nhìn lại những giá trị đạo đức truyền thống, tìm ra những thành tố nào có thể góp phần cho việc giảng dạy đạo đức trong nhà trường, đi đôi với việc giáo dục đạo đức và lối sống cho toàn xã hội. Đây cũng là một vấn đề cần đặt ra và phải giải quyết cấp bách. Xuất phát từ nền văn hóa dân tộc: văn hóa là cái hồn của dân tộc, mất văn hóa là mất dân tộc. Chúng ta giữ được nền văn hóa truyền thống của dân tộc là giữ được đất nước. Khi đề cập đến đời sống văn hóa của dân tộc thì không thể bỏ qua một bộ phận cấu thành nó, đó là đạo đức Phật giáo. Từ những ngày đầu của quá trình du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã không ngừng biến đổi nhằm thích nghi với phong tục, tập quán, truyền thống và tâm thức của người dân bản địa. Với bản chất tùy duyên, Phật giáo đã thâm nhập vào đời sống người dân Việt Nam một cách tự nhiên. Vì thế, Phật giáo được xem là một tôn giáo có truyền thống gắn bó với dân tộc ta từ lâu đời và có vai trò quan trọng trong đời sống đạo đức, tâm linh của dân tộc. Với hệ thống giáo lý mang đậm tính nhân văn, nhân bản, Phật giáo đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong đời sống tâm linh, văn hóa, đạo đức của người Việt Nam, đặc biệt là với thế hệ trẻ, họ là tầng lớp quan trọng trong xã hội, là tương lai của đất nước, là những người sẽ đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, những hoạt động liên quan đến giáo dục Phật giáo phát triển khá mạnh, với sự định hướng của Giáo hội Phật giáo, các chức sắc Phật giáo và các Phật tử, những hoạt động giáo dục Phật giáo cho bộ phận thanh thiếu niên là người xuất gia, Phật tử trên cả nước

đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Nhưng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội thì ngành giáo dục mà đơn vị chủ quản là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đưa giáo dục Phật giáo trở thành một môn học bắt buộc trong các trường cao đẳng, đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân - điều mà nhiều quốc gia trong đó có các nước tiên tiến phương Tây đã thực hiện từ nhiều thập niên trước.

***

Tài liệu tham khảo Nguyễn Thế Nghĩa, Doãn Chính, Lịch sử triết học, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001. Thích Nhuận Đạt, Đạo Phật và môi trường, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh, 2010. Trần Văn Giàu, Đạo đức Phật giáo trong

thời hiện đại, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1993. Nguyễn Hùng Hậu, Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002. Nguyễn Duy Hinh, Triết học Phật giáo Việt Nam, Nxb. Văn hóa Thông tin, Viện Văn học, Hà Nội. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, in lần thứ 3, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1992. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995. Thích Chân Quang, Nghiệp và quả Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004. Thích Thanh Từ, Phật giáo với dân tộc, Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh xuất bản, 1992.

GIÁO DỤC THIỀN DÀNH CHO TUỔI TRẺ TS.NS. Thích Nữ Hằng Liên*

DẪN NHẬP Nhiều thế kỷ qua, tại các nước phương Đông, thiền vẫn được dạy khép kín trong phạm vi tôn giáo và dường như không có sự phổ biến hướng dẫn cụ thể. Khi thế giới bước vào kỷ nguyên khoa học, giáo dục thiền mới dần có cơ hội được giới thiệu đến với đại chúng thông qua các trung tâm dạy thiền như một môn kỹ năng sống trên phạm vi toàn cầu. Đóng góp đáng kể mà phương pháp thiền mang lại là những lợi ích to lớn cho xã hội, vì người học thiền có cuộc sống an vui, hạnh phúc thì chất lượng cuộc đời mới phát triển bền vững. Thế hệ trẻ ngày nay có xu hướng tìm hiểu, thực hành các pháp môn về tâm linh cũng như thiền, đặc biệt trong thời đại kỹ thuật số, việc tìm hiểu các phương pháp thực hành này rất dễ dàng. Tuy nhiên, thực hành thiền nếu thiếu sự hướng dẫn cụ thể và nghiêm túc sẽ dễ rơi vào tâm lý lệch lạc cho bản thân. Trong bài tham luận này, thiền được phân tích về lộ trình thực tập và ứng dụng như một phương pháp giáo dục nhân cách mang tính khoa học cao; đặc biệt là dành cho độ tuổi thanh – thiếu niên (12 – 25 tuổi). Hai phương thức thiền căn bản của Phật giáo được

*. Giảng viên Khoa Triết, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

giảng dạy thực tập thông thường là: thiền Anapana (tỉnh giác về hơi thở hay còn gọi là thiền Định) và thiền Vipassana (thiền quán hay thiền Tuệ). Có thể nói, giảng dạy phương pháp thực hành thiền theo hệ thống giáo dục khoa học sẽ giúp cho thế hệ trẻ định hướng rõ ràng, không rơi vào hoang tưởng hay mê tín. 1. MỤC TIÊU GIÁO DỤC THIỀN Trong cuộc sống, mỗi người là một nhân tố hay thành viên trong xã hội nên mỗi cá nhân phải biết cách sống phù hợp, thích ứng với nhiều mối quan hệ khác nhau. Vì thế, việc rèn luyện nội tâm được xem là một trong những phương pháp giáo dục tâm thức, đóng vai trò rất quan trọng giúp nâng cao chất lượng sống xã hội. Thiền đã đáp ứng cho nhu cầu chính yếu này, nó giúp mọi người dung hòa được tất cả các mối quan hệ, tránh những tình trạng áp lực, mâu thuẫn, xung đột… hoặc suy nghĩ và hành động tiêu cực, không đúng với mô phạm đạo đức. Thông thường, một người không có sự trau dồi đạo đức hay tu tập luôn có khuynh hướng bất thiện hơn là thiện lành. Sự cuốn hút theo các lối sống buông thả, tham lam, sân hận, si mê khó có thể kiềm chế, nên mỗi ngày con người đều tích lũy nhiều thói quen xấu. Đặc biệt, trong thời đại bùng nổ công nghệ, thế hệ trẻ dễ bị bủa vây bởi những thông tin nguy hại hoặc đắm nhiễm, nghiện ngập trong thế giới phẳng và dần trở nên vô cảm, suy đồi đạo đức. Lứa tuổi thanh thiếu niên là giai đoạn có những biến chuyển lớn về tâm sinh lý cần được định hướng, trang

bị khả năng rèn luyện sự định tĩnh, hiểu biết tuệ giác và phát triển nội lực của mình để học tập, làm việc và xây dựng một đời sống lành mạnh, an vui, hạnh phúc. Giáo dục nói chung và giáo dục thiền nói riêng, luôn phải bắt đầu từ sớm với mục đích xây dựng cho người học một nền tảng đạo đức vững chắc, có khả năng kiên định, không đắm nhiễm các hành vi xấu, thoát khỏi những biến cố chi phối bởi tham, sân, si để cải thiện bản thân. Nhìn chung, thiền Phật giáo là môn học thực hành dựa trên nền tảng Bát Chánh Đạo, hướng đến sự giải thoát hoàn toàn, nhưng thông qua đó đáp ứng nhu cầu cho con người hiện đại biết sống an

vui, hạnh phúc. Đây là môn học rèn luyện kỹ năng sống giúp tuổi trẻ có bản lĩnh, trách nhiệm, hoạt bát và sáng tạo. 2. PHƯƠNG THỨC THIỀN DÀNH CHO THIẾU NIÊN 2.1. Phương pháp thiền Anapana (Thiền Định) Bước vào độ tuổi thiếu niên, đa phần các em có xu hướng thể hiện bản thân, thích khám phá, hiếu động và có trí tưởng tượng phong phú. Số ít còn lại thì thụ động hơn, dễ chán nản, và đôi khi phản ứng mạnh mẽ. Chính vì vậy, ở lứa tuổi vị thành niên, hành thiền cũng là một phương cách điều chỉnh tâm thức mang lại hiệu quả cao. Hiện nay, thiền trở thành môn học thực hành khá phổ quát nên tuỳ phương tiện có thể hướng dẫn giúp trẻ dễ tập trung. Tuy nhiên, phần lớn các em nhỏ tuổi thì cơ thể vẫn còn mạnh khoẻ, tâm chưa tập nhiễm nhiều thói quen xấu và cảm xúc khá cân bằng. Vì thế, việc ứng dụng thiền theo phương pháp thuần túy quán niệm hơi thở đối với các em rất dễ dàng. Tất nhiên, thời lượng chỉ từ 10 đến 20 phút trong mỗi thời thiền tuỳ vào độ tuổi và tính cách của từng em. Tiến trình thực tập thiền này khá đơn giản, chỉ cần ngồi xếp bằng yên tĩnh, vững vàng trong tư thế thoải mái, giữ sự tập trung, lắng nghe và nhận biết hơi thở của chính mình, không tưởng tượng bất kì điều gì. Đối với trẻ em, duy trì sự nhận biết hơi thở ra vào tự nhiên quen dần sẽ hỗ trợ rất nhiều cho việc tập trung và loại trừ các vọng niệm, xao lãng. Với thiếu niên, việc hành thiền phải dựa trên tinh thần tự giác, thích thú và hoàn toàn không ép buộc. Vì ở độ tuổi này tâm lý phản kháng rất mạnh đối với tất cả những gì gọi là ép buộc, đó cũng là bản chất tự nhiên trong mỗi con người chúng ta khi chưa trải qua sự rèn luyện. Chính vì thế, trước hết phải giúp các em hiểu được tại sao phải hành thiền, làm như thế sẽ có tác dụng gì, có lợi ích thế nào để tạo sự hứng thú. Đồng thời, phải với sự động viên, khen ngợi, giúp các em kiên nhẫn hơn khi ngồi tĩnh lặng và khám phá chính mình. Những trường hợp đặc biệt, trẻ quá hiếu động thì nên để các em

tiếp cận với thiền nhẹ nhàng hơn, bằng những phương pháp kết hợp như thiền buông thư, thiền với âm nhạc… với thời lượng vừa phải sẽ hiệu quả hơn việc bắt ngồi yên. Hoặc đối với trẻ em có vấn đề trầm cảm hay tự kỷ, thiền ứng dụng chỉ là phương pháp trị liệu tâm lý chuyên môn bằng sự giao tiếp với tình yêu thương. Tuy nhiên, hành thiền theo những trường hợp này chỉ mang tính chất xoa dịu tinh thần hơn là chiêm nghiệm cải thiện bản thân. 2.2. Lợi ích của thiền Anapana • Tính kiên định, tập trung cao: Tỉnh giác về hơi thở là đối tượng hoạt động tự nhiên của thân tâm, nhưng vô cùng tinh tế rất khó nắm bắt. Vì thế, việc duy trì thói quen quan sát hơi thở, lâu dần trở nên

thuần thục cũng là cách rèn luyện để tâm thức gia tăng nghị lực và sự kiên nhẫn. Như nghiên cứu của tiến sĩ Tâm lý học Ronal Alexander đã bàn luận trong cuốn sách 'Wise Mind, Open Mind'1. Ông cho rằng, "khi làm bất kì việc gì, tự nhiên khả năng tập trung đó sẽ được phát huy. Và quyết tâm, kiên trì bền bỉ sẽ đóng góp rất lớn cho sự thành công." • Tính độc lập: Quá trình tĩnh lặng trở về nội tâm thông qua hành thiền, chính là sự cuộc trải nghiệm độc lập của mỗi cá nhân mà không có sự trợ giúp nào từ bên ngoài, điều này làm gia tăng tính tự chủ quyết đoán cho bản thân. • Tư duy tích cực: Khi sự nỗ lực bền bỉ trong thiền đem lại kết quả, thì những tư duy tích cực sẽ theo đó phát sanh, vì đã "làm được" những điều khó khăn. Thái độ này khiến những vướng mắc khó khăn trong suy nghĩ sẽ "bé lại". Đó cũng là cách tạo cái nhìn tích cực trong đời sống hàng ngày. • Từ bỏ thói quen xấu, các thứ gây nghiện: Tình trạng nghiện game, mạng xã hội, phim ảnh, ca nhạc ngày càng lan rộng. Các cảm giác ham muốn thỏa mãn thú vui sẽ luôn chi phối tuổi trẻ khi tâm trí quá nhàn rỗi trong cuộc sống. Vì thế, để đối trị những yếu tố bất

1. Ronal Alexander, Wise Mind, Open Mind, NXB. New Harbinger Publications, 09/2009.

thiện này trẻ em cần hướng tâm đến những mục tiêu cao thượng hơn, nhân văn hơn. Thói quen đắm nhiễm sẽ giảm dần khi mỗi ngày biết thực tập chánh niệm, hành thiền tìm hiểu chính mình. • Giải tỏa căng thẳng, sợ hãi: Tinh tấn hành trì thiền tỉnh giác về hơi thở sẽ có thói quen biết quân bình, không lo lắng thái quá khi bị áp lực phải đối phó với những khó khăn. Các nghiên cứu cho thấy thiền sẽ xoa dịu tâm trí, giải tỏa căng thẳng, giúp trẻ không bị áp đảo bởi những cảm xúc mạnh mẽ.2 • Bình tĩnh, biết lắng nghe: Với bản tánh tham ái, con người luôn mong cầu những điều tốt đẹp về tài, sắc, danh, thực, thùy cho mình, được làm điều vui thích, không chấp nhận điều khó chịu. Ở lứa tuổi thiếu niên, các yếu tố này cũng biểu hiện nhưng ở mức độ đơn giản là muốn học tập tốt, có thành tích cao, được ăn ngon, mặc đẹp, có niềm vui trong gia đình, được vui chơi hòa hợp cùng bạn bè, được mọi người chú ý, v.v... Nhưng một khi không hài lòng, các em dễ có sự phản ứng, chống đối lại người lớn bằng nhiều cách, hoặc cũng có thể sinh ra sự bi quan, lo lắng bối rối. Cả hai khuynh hướng thỏa mãn và phản ứng này đều xuất phát từ tâm tham và sân. Sự bướng bỉnh thường thấy ở tuổi vị thành niên là bức tường ngăn cản sự tiếp xúc, truyền thông từ người lớn. Thiền sẽ giúp các em tự kiểm soát suy nghĩ và hành vi của mình, lắng dịu sự phản ứng thái quá và bình tĩnh hơn để lắng nghe hoặc ghi nhận bất kỳ vấn đề nào cần giải quyết. Những đức tính tốt như kiên nhẫn, khả năng tập trung hoàn toàn có thể được hình thành và nuôi dưỡng thông qua việc rèn luyện thiền định. Điều này giúp mối quan hệ với cha me, bạn bè, v.v... sẽ hòa hợp, gắn kết hơn. • Thông minh, tiếp thu và xử lý thông tin nhanh nhạy: Có rất nhiều cuộc nghiên cứu chứng minh sự linh hoạt của não bộ ở những người thực hành thiền đều đặn. Khi sự chánh niệm đủ sức không để những cảm xúc tiêu cực chi phối, ngược lại tạo ra sự bình ổn trong tâm sẽ dần dần thay đổi cấu trúc não. Hít thở quân bình và quá trình

tập trung nhận biết hơi thở giúp não bộ giải tỏa các áp lực và tái tạo các nơ – ron thần kinh một cách tốt nhất, hỗ trợ việc tiếp nhận, xử lý thông tin một cách nhạy bén và ghi nhớ lâu hơn. 3. PHƯƠNG THỨC THIỀN DÀNH CHO THANH NIÊN 3.1. Phương pháp thiền Vipassana (Thiền Quán hay Thiền Tuệ) 3.1.1. Nguồn gốc thiền Vipassana Thiền Vipassana được Đức Phật Thích Ca khai sáng từ hơn 2.500 năm trước và nhờ phương pháp này Ngài đạt được sự giác ngộ, đoạn tuyệt khổ đau, giải thoát hoàn toàn, chứng đắc đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong suốt những năm hoằng pháp, Đức Phật luôn giảng dạy về thiền là phương pháp trọng yếu: "Này các Tỷ- kheo, khi các người hội họp lại, thường có hai việc phải làm: một là đàm luận về Phật pháp, hai là giữ im lặng của một bậc Thánh"3. Và sự im lặng của các bậc Thánh ở đây là hành Thiền. Rất nhiều Tăng sĩ cũng như cư sĩ tại gia thời Đức Phật nhờ việc hành thiền đã đạt những thánh quả, dứt tuyệt khổ đau ràng buộc trong đời sống, chúng ta có thể tìm hiểu đời sống thiền từ những vị thánh đệ tử, như các Tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp... cho đến các cư sĩ như vua Ba Tư Nặc, ông Cấp Cô Độc.... Sau khi Phật nhập Niết bàn, vì sự lợi ích của Thiền đem lại sự giải thoát khổ đau, nên không chỉ trong phạm vi Ấn Độ (cổ đại) pháp môn này đã được lan rộng sang nhiều nước lân cận. Trải qua hơn 25 thế kỷ, thiền Vipassana vẫn được gìn giữ và truyền thừa bởi các thiền sư người Myanmar một cách thuần túy nguyên thủy. Đến cuối thế kỷ XVIII, thiền sư Ledi Sayadaw đã có một sự đổi mới - hướng dẫn thiền Vipassana theo hình thức giáo dục phổ thông, giảng dạy phương pháp thực hành tâm linh với kiến thức khoa học nâng cao. Đặc biệt, dưới sự xiển dương của thiền sư nổi tiếng, S.N. Goenka, hệ thống trung tâm dạy thiền Vipassana đã có mặt trên khắp thế giới, thường xuyên mở các khóa thiền 10 ngày căn bản cho đến các khóa học nâng cao.

3. Trung Bộ Kinh I, bài kinh Thánh Cầu.

3.1.2. Phương pháp hành trì Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana Sutta) - bài Pháp đầu tiên Đức Phật thuyết giảng tại vườn Lộc Uyển sau khi Ngài đắc đạo - nêu lên các điểm chính yếu của đạo giải thoát, đó là Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Ngài đã chỉ rõ vô minh và tham ái là nguồn gốc của khổ đau. Trên cơ sở đó, thực hành thiền Vipassana là quá trình người thực tập phải chứng nghiệm như thật, tự mình thanh tịnh thân tâm, diệt trừ bản ngã, đoạn tận gốc phiền não nhờ phát triển tuệ giác về vô thường, khổ và vô ngã. Trên lộ trình Bát Chánh Đạo, thực hành tám yếu tố chơn chánh được phân chia thành ba nền tảng Giới – Định – Tuệ phát triển đồng thời hỗ tương cho nhau. Trong phạm vi của khóa thiền người thực hành sẽ được tạo điều kiện thuận lợi để rèn luyện nội tâm theo con đường Giới, Định, Tuệ một cách dễ dàng hơn. Vì họ có sự hộ trì của giới, bớt đi sự nhiễu động của lục trần, hạn chế thu nạp thêm những cấu uế bên ngoài qua thân, khẩu, ý. Nhờ đó, định và tuệ được tiến hành cụ thể và đúng pháp, tâm thức chuyển hóa sẽ đưa đến kết quả biết ứng dụng chánh niệm trong cuộc sống đời thường. Như Kinh Pháp Cú đã chỉ rõ: "Tự mình làm cho mình thanh tịnh, Tự mình làm cho mình nhiễm ô, Nhiễm ô hay thanh tịnh, Là do ở chính mình, Chứ không do ai

khác.”4 3.1.3. Các khóa thiền Vipassana theo phương pháp giáo dục hiện đại Đối với giới trẻ hiện đại, bất kì môn học nào kể cả về tâm thức cũng cần có sự tường minh khoa học và hệ thống, không siêu hình, mơ hồ. Tâm thức là lĩnh vực vô cùng trừu tượng, nếu hướng dẫn không kinh nghiệm sẽ không đạt được lợi ích thực tiễn, người học dễ rơi vào tình trạng loạn tâm hoặc đánh mất chính mình. Mục tiêu học thiền vốn thiết thực, thực tập để rèn luyện kỹ năng và điều chỉnh thái độ sống của bản thân hoàn thiện và chuyển biến tâm thức từ bất thiện đến thiện lành, từ bất hạnh đến an vui, từ đau khổ đến hạnh phúc.

4. Kinh Pháp Cú 165.

Quan sát các khóa thiền đã và đang được tổ chức, có thể thấy phương pháp giảng dạy thiền hoàn toàn đáp ứng và phù hợp với phương châm giáo dục hiện đại. Đó là sự giảng dạy thiền theo phương pháp giáo dục khoa học sẽ giúp cho người thực hành tiến bộ tuần tự về mặt tâm thức cụ thể, chứ không rơi vào suy tưởng hoang đường. Sự chuyển hóa nội tâm từng bước được thiết lập bằng quá trình hướng dẫn và hơn hết là thực chứng trong suốt tiến trình thực hành, có sự thuyết phục hoàn toàn. Những chủng tử bất thiện trong tâm thức tham, sân, si từ đó sẽ đoạn giảm dần dần qua tiến trình thực hành thiền từng bước nghiêm túc. Tuy nhiên, giống như những môn học khác, thiền đòi hỏi có sự bền bỉ nghiêm túc mới có khả năng thành tựu. Khóa học 10 ngày đầu tiên là sự phá vỡ nhận thức, khai thông bước đầu, mở ra con đường giải thoát, giúp thiền sinh có được những nền tảng về lộ trình này, về mặt tư duy sẽ ít nhiều biến chuyển theo hướng thiện lành trong cuộc sống, chứ chưa thể nào thánh thiện hoàn toàn viên mãn. Do đó, khi trở về với cuộc đời thường, thiền sinh cần phải tiếp tục hành trì mỗi ngày. Tùy vào mức độ thuần thục, nắm vững phương pháp cùng với sự rèn luyện tinh tấn lâu dài sẽ giúp cá nhân người học có sự chuyển hóa thân tâm; tức thái độ sống của thiền sinh sẽ thay đổi. Các khóa thiền Vipassana ngày nay được giảng dạy theo phương thức giáo dục tuần tự ở cấp bậc từ cơ bản đến nâng cao. Mỗi cấp bậc yêu cầu người học phải đạt được các tiêu chuẩn cụ thể. Để được tham dự khóa Tứ Niệm Xứ đúng pháp (Satipatthana), thiền sinh phải tham dự đủ 3 khóa 10 ngày, giữ giới nghiêm túc và một khóa phục vụ cùng với việc duy trì thực hành tinh tấn trong đời sống, có niềm tin vào Pháp, không pha trộn pháp môn. Không những thế, đối với các khóa thiền nâng cao việc thực hành diễn ra từ cấp bậc 20 ngày, 30 ngày, 45 ngày hoặc 60 ngày cho đến 90 ngày (3 tháng an cư đúng theo truyền thống Phật dạy). Đồng thời, vẫn cần có sự kiểm chứng nghiêm túc của vị Thầy về tư cách đạo đức giữa học và hành cùng với kết quả chuyển biến trong cuộc sống của thiền sinh sau khi học thiền... Cùng những khóa đặc biệt, hệ thống sẽ tuyển

chọn thiền sinh đủ tiêu chuẩn và đào tạo sư phạm trở thành Thầy trợ tá hay bậc Thầy chính thức. Với sự phân chia rõ ràng từng cấp bậc theo hệ thống giáo dục, minh chứng cho phương pháp tâm linh vốn được xem là siêu hình từ cổ xưa, đã uyển chuyển thâm

nhập vào từng quốc độ và thời đại một cách rất khoa học, nhưng vẫn giữ được giá trị bất biến, đó là chân lý của sự giác ngộ. 3.2. Lợi ích của thiền Vipassana 3.2.1. Nhận thức rõ về bản thân Tiến trình thực hành thiền định và thiền quán, giúp cho người học tập nhận thức rõ ràng trên thân cũng như tâm. Quá trình phát triển khả năng tỉnh giác về hơi thở và quan sát toàn bộ cơ cấu thân tâm của chính mình, phản ánh rất chính xác về tình trạng sức khỏe và tâm lý cá nhân. Từ đó, thiền sinh sẽ nhận thức rõ ràng về tính cách và phẩm hạnh của chính mình mà trong cuộc sống bình thường không nhận ra, thậm chí thể hiện không đúng với bản thân. Thực tập chánh niệm trong quá trình quan sát nội tâm sẽ phát huy khả năng nhận biết tinh tế trong các hoạt động hàng ngày của tự thân đối với các hoạt động xung quanh cuộc sống. Khi tâm nhạy bén tăng trưởng, người thực hành dễ dàng lựa chọn cách ứng xử phù hợp trong mọi hoàn cảnh, tránh đi những mặt hạn chế, phát huy các ưu điểm vốn có của mình. 3.2.2. Hiểu và tôn kính chánh pháp Trên con đường hoằng pháp độ sanh, Đức Phật luôn bình đẳng với mọi đối tượng cầu tìm giải thoát. Ngài không hề chối bỏ hay phân biệt bất kỳ một giai cấp hay thành phần nào trong việc hướng dẫn hành thiền. Đó cũng là hạnh nguyện của Ngài: “Vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chư Thiên và loài người”. “Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm và thuyết cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau”.5 Ngày nay, khoa học đã

5. Kinh Trung Bộ I, tr. 69.

chứng minh điều đó là sự thật, khi pháp thiền đang dần được hệ thống như một phương cách giáo dục trong cộng đồng, áp dụng ở nhiều lĩnh vực như trường học, nhà tù… Bất kì ai, theo tôn giáo, hay không tôn giáo khi gặp đau khổ, cần sự giải thoát tương tự như việc một người khi bị bệnh cần được dùng thuốc, và thuốc trị liệu không phân biệt người dùng nó. Tuy vậy, người hành thiền cũng cần biết về vị Thầy của mình, về phương pháp mình đang thực tập để có niềm tin bất động vào Pháp. Đồng thời không đưa người hành pháp rơi vào hoài nghi tạo chướng ngại cản trở người thực tập. Giáo pháp luôn chân thật và tỏa sáng trong quá trình hướng dẫn, những bài pháp nền tảng cho người tu tập đó là bài kinh Chuyển Pháp Luân, Kinh Đại Niệm Xứ, Kinh Quán Niệm Hơi Thở,… bao gồm các khái niệm về Tứ Thánh Đế, Tam Pháp Ấn, lý Duyên Sanh… Giống như những bản tuyên ngôn chánh pháp minh tường, là kim chỉ nam cho người hành thiền. Tóm lại, thiền Phật giáo đặt nền tảng trên lộ trình Bát Chánh Đạo – Tám phương diện đạo đức mà một người cần hoàn thiện để trở thành chân chánh, chuẩn mực. Việc thực hành thiền giúp mỗi cá nhân rèn luyện đạo đức, kiên trì với lý tưởng sống và phát huy tài năng của mình. Nếu không thực hành thông qua 8 yếu tố căn bản như lời Phật, thiền rất dễ rơi vào hoang tưởng, mê tín. 3.2.3. Sống trong chánh niệm Đức Phật dạy chánh niệm cần duy trì ở mọi lúc: “Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh giữa, vị này nằm xuống phía hông bên phải,

như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp”6.

6. Trung bộ Kinh, số 53: kinh Hữu học; số 125: Điều ngự địa.

Trong nhiều bản kinh, Đức Phật thường hướng dẫn chánh niệm cần phải duy trì trong tất cả các tư thế oai nghi, hành vi, động tác của con người. Cụ thể, chúng ta cần thực hành “Khi đi tới, khi đi lui, tôi đều tỉnh giác. Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh, tôi đều tỉnh giác. Khi co tay, khi duỗi tay, tôi đều tỉnh giác. Khi mang y kép, y bát, tôi đều tỉnh giác. Khi ăn, uống, nhai, nuốt, tôi đều tỉnh giác. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, tôi đều tỉnh giác. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng, tôi đều tỉnh giác.”7 Nếu không rèn luyện kỹ năng sống chánh niệm, hầu như chúng ta sống trong thất niệm, tâm rong ruổi theo những suy nghĩ, tưởng tượng. Sự tỉnh giác, chánh niệm trong mọi hành động xây dựng nên những con người văn minh. Sự an trú trong hiện tại, rõ biết liên tục trạng thái của thân tâm đưa đến hành động, lời nói, suy nghĩ đúng đắn. Sống chánh niệm tức là luôn làm chủ được bản thân, tránh được việc gây sai lầm. Việc thiết lập và duy trì chánh niệm liên tục là yếu tố quan trọng để đi vào dòng tâm thức, từ đó mới có khả năng cải sửa các hạnh nghiệp (sankhara). Đời sống thiền mang lại cho con người niềm hỷ lạc, tự tránh xa thói hư tật xấu, không chìm đắm trong vô minh mà sống vì cộng đồng, chia sẻ tình thương. Từ đó, thực hành thiền có thể góp phần giải quyết những tệ nạn xã hội và xây dựng một xã hội văn minh, bền vững – đó là nền tảng dựa trên mỗi cá thể, mỗi gia đình “biết” sống chánh niệm. 3.2.4. Đời sống quân bình Đức Thế Tôn dạy: “Này các Tỳ-kheo, có hai cực đoan mà người xuất gia không nên làm theo. Những gì là hai. Một là đam mê say đắm các dục lạc thấp hèn, có tính cách thô bỉ, phàm tục, không dẫn đến phẩm hạnh cao quý thánh nhân, làm ảnh hưởng đến mục đích tu tập. Hai là tự làm khổ mình bằng các lối tu khổ hạnh ép xác, không thích hợp với các phẩm hạnh bậc Thánh, không dẫn đến mục đích giác ngộ, giải thoát.

7. Trung bộ Kinh, kinh số 51; Kandaraka.

Này các Tỳ-kheo, các vị phải từ bỏ và tránh xa hai cực đoan vô ích này. Hãy đi theo con đường Trung Đạo do Như Lai chứng ngộ, có khả năng đem lại pháp nhãn và trí tuệ thấy biết đúng như thật, dẫn đến sự an tịnh, thánh trí, giác ngộ và Niết-bàn.”8 Kỹ năng sống thiền là giữ được sự định tĩnh, an trú trong thực tại, dừng được những phản ứng đối với những tác động của ngoại cảnh. Điều đó không đồng nghĩa với sự chậm chạp, trì trệ hay mặc kệ hoàn cảnh. Cách hiểu đúng là sự an trú, tập trung trong những hành vi, lời nói và ý nghĩ của mình, hạn chế được các phản ứng không đúng có thể gây hậu quả xấu. Người hành thiền xây dựng cho mình phương châm sống thiểu dục tri túc, phấn đấu mà không tham lam, tâm lý vững mạnh không mất bình tĩnh trước biến cố, chấp nhận và thích nghi với hoàn cảnh, tinh thần minh mẫn không đắm nhiễm vào các dục lạc do được luyện tập đối trị với 5 triền cái tham, sân, hôn trầm, trạo cử và nghi. Áp

lực của cuộc sống hiện nay đè nặng lên mỗi người, phải có trách nhiệm đảm bảo cuộc sống vật chất và tình cảm. Sự mất quân bình dẫn đến tình trạng bị quá tải, không kiểm soát được thời gian, lao theo công việc, không coi trọng sức khỏe, bỏ quên đời sống gia đình, tình cảm của người thân; kéo theo mâu thuẫn xung đột. Do đó, khả năng giữ được sự cân bằng là chìa khóa cho một người thành công trong cuộc sống. 3.2.5. Phá vỡ dần bản ngã Theo lịch sử xã hội nhân loại, từ những cộng đồng bộ tộc chung sống, khi lợi ích được phân chia không đồng đều sẽ phát sinh giai cấp, phân biệt tầng lớp. Giai cấp cao hơn sẽ cai trị và có quyền lực đặt ra những điều luật có lợi cho mình. Càng nắm sự cai trị, tài sản thì bản ngã càng lớn. Xã hội hiện đại tuy không còn giai cấp phân chia rõ rệt như vậy nhưng bản ngã luôn tồn tại bên trong mỗi người. Cái tôi, cái của tôi và tự ngã của tôi chính là cội nguồn của khổ. Người có bản ngã càng lớn, chấp thủ càng nhiều thì người đó gây khổ đau

8. Tương Ưng Bộ, Kinh Chuyển Pháp Luân.

cho mình, cho người càng nhiều. Một người từ khi hiện diện trên cuộc đời cho đến mất đi đều có xu hướng nuôi dưỡng, bành trướng bản ngã của mình. Đó là nguyên nhân của sự ngăn cách giữa con người với nhau. Chính vì bảo vệ bản ngã nên con người tham lam, sân hận, si mê. Bản ngã lớn thì không có được sự thảnh thơi ở nơi tâm hồn vì khi không thỏa mãn sẽ sinh ra đau khổ và giận hờn. Muốn phá bỏ chấp ngã, Đức Phật dạy chúng ta phải ứng dụng theo lý nhân duyên, hiểu rõ quy luật vô thường. Vạn vật, thiên nhiên cho đến con vật gồm cả con người đều hợp tan theo nhân duyên và không thường còn. Nếu hiểu thấu được lý nhân duyên, chúng ta sẽ không còn chấp ngã nữa. Tính cố chấp sâu dày là thành trì cực kì khó đổ ngã, chỉ có tự thân mới làm được điều đó. Sự trải nghiệm như thật trên thân tâm về vô thường, khổ, về các yếu tố tứ đại, nhận thức rõ những điều từng cho là sở hữu, là điều bám víu đều không tồn tại vĩnh hằng, không thuộc về riêng mình giúp hành giả xả ly chấp trước. 3.2.6. Rèn luyện phẩm chất tốt, sống có ý chí và trách nhiệm Tu tập là một quá trình đòi hỏi ý chí quyết tâm cao độ như người bơi ngược dòng, vì người hành giả sẽ luôn gặp những yếu tố bất thiện của đời sống cũng như chính trong tự thân cản trở. Luôn phải có sự nhiệt tâm, tinh cần và chánh niệm, không để bị mai một thiện căn. Không ai có thể lựa chọn nơi mình sinh ra nhưng có thể chọn cách sống. Thế hệ trẻ bất kì thời đại nào cũng là sức mạnh để xây dựng xã hội. Bản lĩnh của tuổi trẻ không phải là phấn đấu có được tài, sắc, danh bằng mọi giá mà quan trọng là chí tiến thủ phù hợp, khắc phục hoàn cảnh, biết tận dụng thời cơ, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, rèn luyện cho mình những đức tính, đức hạnh chuẩn mực. 3.2.7. Tăng cường sức khỏe Mục đích của thiền không phải là để chữa bệnh nhưng thực hành đúng pháp tâm đạt sự hỷ lạc sẽ khiến cho thân bịnh được chuyển biến phục hồi khỏe mạnh. Chính vì thế, nhiều người đã lầm tưởng Thiền là phương pháp trị bệnh, đánh mất giá trị cao thượng ban đầu

là giải thoát giác ngộ với trí tuệ siêu việt. Chúng ta cũng không thể phủ nhận lợi ích thực hành thiền đều đặn, đúng pháp và tùy vào mức độ hành trì đã mang lại nhiều tác động tích cực đến sức khỏe. Đến như Đức Phật cũng không tránh khỏi các bệnh của thân và chính Ngài cũng dùng thiền để điều phục các cơn đau thông qua việc quán chiếu cảm thọ: "Trong khi Thế Tôn an cư vào mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, những cảm thọ khốc liệt, gần như chết tiếp diễn. Ở đây, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, không có than vãn... Rồi Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục trọng bệnh ấy..."9 Trong xã hội hiện đại, mọi người đều bị cuốn hút vào nhịp sống tất bật trong tình trạng chịu áp lực của công việc, gia đình dẫn đến các căn bệnh như rối loạn giấc ngủ, stress, trầm cảm, hoặc lối sống không điều độ, chìm đắm, nghiện ngập chất kích thích để tìm phương tiện giải tỏa. Stress có thể làm rối loạn tiêu hóa, nội tiết, làm suy giảm khả năng miễn dịch và dẫn đến nhiều chứng bệnh nghiêm trọng. Các bệnh do hành vi lối sống gây ra như tim mạch, tiểu đường, béo phì... cứ ngày càng gia tăng. Trên thực tế, bác sĩ chỉ có thể chữa những nỗi đau về thân, không thể làm lành những cái khổ về tâm. Giải pháp thực tại là ứng dụng thiền cải thiện tư duy để có cuộc sống tích cực trong mọi tình huống xã hội. Đó chính là chìa khóa cho cuộc sống hạnh phúc, đồng thời giảm thiểu bệnh tật cơ thể. Khi thực hành thiền, quá trình quan sát toàn thân bằng tâm thức tạo thành năng lượng bên trong cơ thể tự phát huy khả năng kháng thể thanh lọc cặn bã tích tụ trong thân, đồng thời sự an tĩnh giúp giảm đi những suy nghĩ tiêu cực, giải tỏa bất an và bệnh tâm lí có thể được xoa dịu. Điều này minh chứng qua nghiên cứu khoa học gần đây cho thấy tình yêu thương và lạc quan là thuốc đối trị của ung thư. Theo quan điểm Đông y, có sự tương ứng mật thiết giữa các bệnh trên thân và các trạng thái xúc cảm tâm lý. Các thái độ tâm lý, những cảm xúc vui, buồn, giận, sợ hãi, lo lắng quá độ đều ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến cơ quan nội tạng, gây ra những ảnh

9. Kinh Tương ưng, tập V, tr. 159.

hưởng xấu cho sức khỏe. Những cấu uế của thân lẫn tâm cứ theo quá trình sinh trưởng lớn dần. Một cơ thể bình thường khỏe mạnh phải có sự tuần hoàn, chuyển hóa chất, sự lưu thông của khí huyết quyết định rất lớn đến tình trạng sức khỏe, nếu bị tắc nghẽn chắc chắn sẽ gây ra bệnh. Trong Tây y, những nghiên cứu công bố kết quả thiền có những tác dụng tích cực: - Làm giảm căng thẳng, lo lắng và những cảm xúc tiêu cực khác như sự sợ hãi, lo lắng và tức giận. - Làm giảm bệnh trầm cảm. - Làm giảm chứng mất ngủ, làm tăng cảm giác thoải mái, gia tăng năng lượng cả về thể chất lẫn tinh thần. - Nghiên cứu của Giáo sư Tâm lý học Sara Lazar của Đại học Harvard và các đồng sự đã chọn ra 16 tình nguyện viên: các tình nguyện viên được chụp ảnh MRI và sau đó tham gia các khóa thiền MBSR (Mindfulness-based Stress Reduction). Sau 8 tuần thực tập, họ được chụp MRI một lần nữa và so sánh kết quả với lúc trước khi luyện tập thiền. Kết quả cho thấy: chất xám trong não các tình nguyện viên tăng đáng kể. Trong đó bao gồm vùng hải mã (hippocampus) của não trái – vùng này là nơi ghi nhớ, học tập và kiểm soát những gì liên quan đến cảm xúc. Các vùng khác cũng được cải thiện như phần vỏ não phía sau (ký ức và tình cảm), vùng tổng hợp ở đỉnh đầu (sự cảm thông).10

- Theo Bác sĩ William Bushell, Giám đốc Viện Nghiên cứu East- West Research for Tibet House tại New York: “Y học hiện đại không rõ loại năng lượng này là gì, nhưng có nhiều bằng chứng khoa học trước đây đã cho chúng tôi thấy rằng thiền định giúp điều hòa mạch máu, tăng cường miễn dịch và cung cấp oxy tích cực cho cơ thể.”11

html. 11. Longevity, Regeneration, and Protection of Health through Meditation and Related Practices.

- Thiền nâng cao sức đề kháng và sự thích nghi của cơ thể đối với môi trường. Sức chịu đựng, sự nhẫn nại của người tập thiền tốt hơn nên họ có thể kiên trì làm một việc lâu hơn. Khả năng tập trung cao độ là một bí quyết để nâng cao hiệu suất công việc. 3.2.8. Sống cảm thông, yêu thương và hòa hợp “Phần lớn các loài hữu tình có dục như thế này, có ước vọng như thế này, có nguyện vọng như thế này: “Ôi, mong rằng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tiêu diệt! Mong rằng các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng!” Này các Tỷ-kheo, dầu cho các loài hữu tình ấy có dục như vậy, có ước vọng như vậy, có nguyện vọng như vậy, nhưng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt.”12. Phần lớn mọi người, gặp phải những điều khó khăn, hoàn cảnh không mong muốn hay trở ngại đến từ ngoại cảnh đều khiến họ bị khó chịu, căng thẳng bức bách và có những phản ứng tiêu cực. Những phiền não ấy không được giải quyết tận gốc và theo lối sống lan tỏa vào môi trường quanh mình, làm người khác vô tình bị ảnh hưởng. Con người thường mong muốn những điều trái ý không diễn ra và chỉ cầu mong điều như ý sẽ đến. Đó là điều không thể tồn tại trong cuộc sống, cho nên chỉ còn cách duy nhất là thay đổi bản thân sao cho có khả năng thích nghi với hoàn cảnh, tiêu hóa được những phiền não này bằng cách tu tập. Khi đã có trải nghiệm tự thân, quá trình tu tập tỉnh giác và buông xả mang lại một trí tuệ thấu hiểu và cảm thông, chia sẻ với mọi người. Chỉ bằng thái độ nhẹ nhàng và chấp nhận chính mình thì ta cũng sẽ nhẹ nhàng và chấp nhận người khác. Chúng ta không còn vội vàng phê phán, bài xích người khác một khi đã nhìn thấy rõ tiến trình của tâm trên chính mình. Con người theo bản năng đều có tình thương yêu nhưng đi kèm theo đó là sự ích kỷ, nếu lợi ích của mình bị tổn hại thì tình yêu cũng theo đó mà tan vỡ. Một khi được tu tập, mỗi người sẽ biết dung hòa lợi ích của mình và của người, cảm thông và tha thứ được lỗi lầm

12. Kinh Trung Bộ, kinh số 46: Đại Kinh Pháp Hành.

của người khác. Nhưng sự cảm thông đó cũng không có nghĩa là nuông chiều, dung túng sai phạm mà còn là sự khích lệ, chỉ dẫn con đường để họ tu tập cải sửa bản thân. Đó là yêu thương đúng cách. Bản thân chúng ta được may mắn sống và thọ nhận những lợi lạc trong Chánh pháp, bản ngã phần nào bị phá vỡ thì tự nhiên tâm hoan hỉ muốn lan tỏa niềm hạnh phúc đó cũng phát sanh. Khi nhìn những mảnh đời cơ cực và bất hạnh để thấy và cảm nhận rằng, chúng ta quá may mắn khi có đầy đủ các căn, có phước lành được tu tập. Trái tim thương yêu đồng cảm, chia sẻ khó khăn sẽ được khai

mở, tâm từ bi được tăng trưởng. Trí tuệ và từ bi là 2 yếu tố song hành mà đạo Phật lấy làm tôn chỉ. Lối sống của người hành thiền luôn chánh niệm, quân bình, tự tại; tự thân sẽ lan tỏa đến mọi người xung quanh, gây được thiện cảm, mối quan hệ giữa người với người được hòa hợp, an vui. Đó là nền tảng vững chắc cho gia đình và xã hội. 4. CÁC KHÓA THIỀN CHO TUỔI TRẺ HÔM NAY TẠI VIỆT NAM 4.1. Các khóa thiền tại thiền viện Pháp Sơn Từ năm 2008 đến nay, thiền viện Pháp Sơn (trước đây là Niệm Phật đường Hồng Trung Sơn - xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, Đồng Nai) thường xuyên mở các khóa thiền Vipassana căn bản 10 ngày và các khóa Satipathana 8 ngày dành cho mọi người có nhu cầu thực tập thiền chuyên sâu, không phân biệt tôn giáo, giới tính, nghề nghiệp… độ tuổi từ 18 trở lên. Hiện nay, thiền viện mỗi tháng đều đặn tổ chức các khóa thiền với trên 200 thiền sinh tham dự ở nhiều lứa tuổi. Đặc biệt, mỗi năm có 1 khóa thiền dành riêng cho độ tuổi thanh niên từ 16 – 25. Phương pháp được giảng dạy vẫn là thiền Vipassana, tuy nhiên sự hướng dẫn được uyển chuyển, truyền đạt với những thấu hiểu về tâm lý, nguyện vọng và đánh động đến khát vọng, ý chí của tuổi trẻ, giúp các em có ý thức về tầm quan trọng của việc có sự chuẩn bị chu đáo, rèn luyện và sống đúng với giá trị mà mình cần có trước ngưỡng cửa trưởng thành. Bên cạnh khóa thiền thanh niên, lứa tuổi thiếu niên cũng được hướng dẫn thiền Anapana trong các khóa tu mùa hè vào tháng 6

hàng năm, mỗi khóa kéo dài 4 ngày, lứa tuổi tham dự từ 12 – 15 tuổi. Thời khóa và thời lượng thực tập thiền được phân bổ phù hợp với lứa tuổi này, đan xen giữa các chương trình giao lưu, giáo dục về kỹ năng, kiến thức và thể chất. 4.2. Các khóa thiền quốc tế tại Việt Nam Trung tâm UNESCO Bồi dưỡng kỹ năng sống và ứng dụng thiền Vipassana (UCENLIST) tổ chức các khóa thiền theo truyền thống của Ngài S.N. Goenka. Ngoài các khoá thiền 10 ngày, đặc biệt có các khoá thiền Anapana cho các nhóm thiếu nhi và thiếu niên theo các nhóm tuổi: 8 – 12, 13 – 15 và 15 – 17 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khóa diễn ra trong 1 ngày, phù hợp với các dịp nghỉ ngắn ngày hay ngày nghỉ cuối tuần. KẾT LUẬN Đối với từng độ tuổi thanh thiếu niên, giáo dục thiền đã và đang được giới thiệu và hướng dẫn phù hợp để có thể sớm gieo mầm thiện căn. Nhu cầu học và hành thiền trong thế hệ trẻ hiện nay ngày một lớn và là một tín hiệu đáng mừng, bởi đó cho thấy sự đúng đắn trong cách nhìn nhận, tìm cầu chánh pháp. Hệ thống giáo dục thiền Phật giáo hiện đại chứng minh con đường giải thoát khổ đau có thực chứng, hoàn toàn dựa trên nền tảng khoa học chứ không phải là lý luận siêu hình. Một khi cộng đồng, xã hội có một thế hệ trẻ là nòng cốt cho sự phát triển đồng thời cũng là những thiện tri thức – những người biết tu tập đạo đức, nhân cách, trí lực và thể chất khỏe mạnh, có lòng từ mẫn thì tương lai cộng đồng, đất nước sẽ phát triển phồn vinh. Rộng hơn nữa trên quy mô toàn cầu, thế giới sẽ hòa bình, tệ nạn được đẩy lùi, văn minh, phồn thịnh và bền vững.

***

Tài liệu tham khảo Thích Minh Châu dịch, Kinh Trung Bộ I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992. Thích Minh Châu dịch, Kinh Trường Bộ I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992. Thích Minh Châu dịch, Kinh Pháp Cú, Nxb. Tôn giáo, 2006. Thích Minh Châu dịch, Kinh Tương Ưng Bộ, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992. Longevity, Regeneration, and Protection of Health through Meditation and Related Practices Ronal Alexander, Wise Mind, Open Mind, NXB. New Harbinger Publications 09/2009 gd/002-giaoduc.htm trong-8-tuan-d30691.html

THIỀN TRONG TRƯỜNG HỌC Ở PHƯƠNG TÂY VÀ CƠ HỘI TẠI VIỆT NAM ThS. Phạm Thị Ngọc Thủy*

1. SỰ DU NHẬP THIỀN VÀO PHƯƠNG TÂY Từ khi tiếp xúc với Phật giáo cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, các học giả phương Tây phóng khoáng, nhất là những người thuộc các dân tộc Đức, Nga, Anh, Pháp đã sớm nhận biết Phật giáo có một lối sống hiền thiện dựa trên tình thương và trí tuệ, có khả năng mang lại cuộc sống hài hòa giữa người với người, giữa người với các sinh vật khác và thiên nhiên. Có thể góp phần làm dịu sự khủng hoảng về niềm tin tâm linh đang gây nên những đau khổ cho người phương Tây lúc bấy giờ. Các học giả tiên phong ấy đã cố gắng truyền bá lối sống ấy cho dân chúng của họ, nhưng do lòng tự tôn dân tộc và quan niệm cho rằng người phương Tây vẫn văn minh hơn cho nên các học giả tiên phong này vẫn chưa đạt được thành quả rõ rệt. Sau hai cuộc thế chiến và những cuộc chiến tranh cục bộ ở thế kỷ XX, nhiều người châu Á sang cư trú ở châu Âu và châu Mỹ, trong số họ có nhiều hành giả Phật giáo sinh hoạt trong các khu vực dân cư Âu Mỹ. Điều này, đã dần làm thay đổi cách nhìn của người phương

*. Học viên Thạc sĩ Phật học, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM.

278 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Tây đối với Phật giáo. Tiếp đến, những người Tây Tạng lưu vong phải di cư đến hầu khắp thế giới phương Tây và sự tích cực giao tiếp với các nhà khoa học phương Tây của Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã truyền cảm hứng để các nhà khoa học nghiên cứu Phật giáo và các kỹ thuật hành trì Phật giáo một cách nghiêm túc. Một trong những kỹ thuật hành trì Phật giáo được người phương Tây đánh giá cao là thiền chánh niệm (mindfulness meditation). Thiền (, ja. zen), gọi đầy đủ là thiền na (C. , S. dhyāna, P. jhāna, Ja. zenna, E. meditation), là thuật ngữ được phiên âm từ dhyāna trong tiếng Phạn. Dhyāna là danh từ phát sinh từ gốc động từ dhyā (hoặc dhyai). Hán-Việt là Tĩnh lự () là Đà- diễn-na (), Trì-a-na (). Thiền là để tĩnh tâm, gạt bỏ mọi tạp niệm để nhận thức bản ngã và thế giới xung quanh một cách đúng đắn, sáng suốt nhất.1 Chánh niệm hay chính niệm (P. sammā-sati, S. samyak-smṛti, C. , E. right mindfulness). Sammā là chánh, chơn, đúng còn sati là niệm, nghĩa là sự chú ý, sự chú tâm, ghi nhớ những gì xảy ra trong hiện tại. Trong chữ Hán từ niệm () được cấu tạo bởi 2 bộ thủ gồm chữ kim () có nghĩa là bây giờ và chữ tâm () có nghĩa là tâm thức. Theo đó, niệm là trạng thái tâm ghi nhận hiện tại, mặc nhiên kéo theo tâm không hồi ức quá khứ, không rượt đuổi tương lai.2 Chánh niệm (sammāsati) được gắn với Niệm

xứ (Satipaṭṭhāna), đã đề cập trong Kinh trung bộ (Majjhima nikāya): “Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các

2. Thích Nhật Từ, Thiền Vipassana: Bốn nền tảng của chánh niệm, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2018, tr.154.

pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.”3 Chánh niệm cũng được giảng giải trong luận thư A tỳ đạt ma: “Khi tu tập bốn niệm trụ như vậy, các niệm, tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không lơ đễnh xao lãng, tính chất pháp không quên mất, tánh ghi nhớ của tâm tương ưng tác ý vô lậu, gọi chung là niệm, cũng gọi là niệm căn, cũng gọi là niệm lực, cũng gọi là niệm giác chi, cũng gọi là chánh niệm.”4 Theo Hòa thượng Thích Thiện Hoa thì: “Chánh niệm là ghi nhớ đến những điều hay lẽ phải, những điều lợi lạc cho mình cho người, những đạo lý chân chính quý trọng cao siêu. Chánh niệm gồm hai phần: Chánh ức niệm: là nghĩ nhớ đến các điều lỗi lầm để thành tâm sám hối, và nghĩ nhớ đến tứ trọng ân: ân cha mẹ, ân tổ quốc, ân chúng sinh và ân Tam Bảo để lo báo đền. Chánh quán niệm: là dùng tâm từ bi xét nghĩ cuộc đời là khổ não, tật bệnh, mê mờ mà chúng sinh đang mắc phải, để mở rộng lòng thương yêu và quyết ra tay cứu độ.”5 Chánh niệm là một chi phần trong Bát chánh đạo (P. Ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, S. āryāṣṭāṅgamārga, C.), và là một trong ba giai đoạn cốt yếu trên con đường giải thoát: niệm (sati), định (samādhi), tuệ (paññā). Chánh niệm (sammāsati) đưa tới chánh định (P. sammāsamādhi, S. samyaksamādhi, C.), nhưng chánh niệm không chỉ đưa tới chánh định mà nó còn dẫn tới cả chánh kiến (P. sammādiṭṭhi, S. samyagdṛṣṭi, C.), chánh tư duy (P. sammā saṅkappa, S. samyaksaṃkalpa, C.), chánh ngữ (P. sammāvācā, S. samyagvāk, C.), chánh nghiệp (P. sammākammanta, S. samyak-karmānta, C.), chánh mạng (P. sammāājīva, S. samyagājīva, C.) và chánh tinh tấn (P. sammāvāyāma, S. samyagvyāyāma, C.). Chánh niệm (Sammāsati) cũng được đề cập trong thất giác chi (S.

3. Kinh Trung Bộ, tập 1, Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.85. 4. A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận, Tuệ Sỹ - Nguyên An dịch, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2018, tr.308. 5. Thích Thiện Hoa, Phật học phổ thông, quyển một, NXB Phương Đông, Hà Nội, 2011, tr.479-485.

saptabodhyangāni, C.) gồm: niệm giác chi (satisambojjhaṅga), trạch pháp giác chi (dhammavicayasambojjhaṅga), tinh tấn giác chi (vicayasambojjhaṅga), hỷ giác chi (pītisambojjhaṅga), khinh an giác chi (passaddhisambojjhaṅga), định giác chi (samādhisambojjhaṅga), xả giác chi (upekkhāsambojjhaṅga). Định nghĩa này vẫn luôn

được các học giả phương Tây tôn trọng, nhưng các nhà khoa học cộng tác với Đạt Lai Lạt Ma trong Viện tâm linh và Đời sống (Mind and Life Institute) đã có những cố gắng tìm hiểu sâu hơn về những kết quả thiền định tác động lên não bộ của người hành thiền và đi đến kết luận rằng người ta có thể coi chánh niệm như một quà tặng mà con người có sẵn, chỉ cần thực hành theo đúng hướng dẫn của đức Phật để đạt tới trạng thái tỉnh thức cho tâm, từ đó mang lại an lạc cho thân. 2. NHỮNG NỖ LỰC ĐƯA THIỀN CHÁNH NIỆM VÀO PHƯƠNG TÂY Thiền chánh niệm đưa vào phương Tây phải kể đến người đi tiên phong là Daisetsu Teitaro Suzuki (Nhật Bản). Suzuki (18/10/1870-12/07/1966) sinh ra trong một gia đình võ sĩ Samurai, trong thời kỳ Nhật bắt đầu tiếp xúc với nền văn hóa Tây phương. Ông tu học với vị thiền sư danh tiếng đương thời là Hòa thượng Tông Diễn. Sự nghiệp của Suzuki đã góp phần không nhỏ vào cuộc cách mạng tri thức và tâm linh của thời đại. Ảnh hưởng của thiền vào phương Tây, tác động với sức mạnh sung mãn nhất của thiền lúc tàn cuộc thế chiến thứ hai, giữa sự nổi loạn của chủ nghĩa hiện sinh, vào buổi bình minh của kỷ nguyên hạch tâm và điều khiển học, khi triết học và tôn giáo Tây phương đang khủng hoảng và khi ý thức con người bị đe dọa bởi sự tha hóa sâu sắc nhất, thì sự nghiệp và ảnh hưởng nhân cách của Suzuki đã chứng tỏ vừa đúng lúc vừa hiệu quả. Ông đã đưa tuệ giác thiền đánh vào tính nhiệt tình hời hợt của phương Tây lúc bấy giờ, qua những tiếp xúc của ông với các giới phân tâm học, triết học và tư tưởng tôn giáo.6

6. Hạnh Viên dịch, “Tuyển tập tưởng niệm Daisetz Teitaro Suzuki 1870–1966”, truy cập

Thiền dựa trên nguyên tắc nỗ lực cá nhân, thích hợp với suy nghĩ của tín đồ trí thức, cộng với sự ra đời bộ Thiền luận của ông được ví như sự tái sinh thiền tông Phật giáo và thiền lần đầu được trình bày, giảng giải đưa đến châu Âu, Mỹ dưới dạng tuyệt vời nhất, thích hợp nhất. Năm 1957, ông cùng với hai nhà phân tâm học là Erich Fromm và Richard de Martino đã xác định được sự liên hệ mật thiết giữa thiền và tâm lý học, mở đầu cho sự khám phá mới của thiền và trị liệu trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống ở phương Tây. Sự du nhập thiền của Suzuki vào phương Tây nổi bật ở điểm cốt lõi của liệu pháp phân tâm học, nhằm giải thoát con người khỏi những triệu chứng thần kinh, những ức chế và những sự khác thường trong tính cách con người.7 Thiền vô cùng thích hợp với bối cảnh hiện giờ của phương Tây khi họ đang trải qua sự khủng hoảng trong văn hóa, khi họ xem mục đích của cuộc đời là sự hoàn hảo của con người, còn con người hiện đại xem mục đích của cuộc đời là sự hoàn hảo của đồ vật và tri thức. Dĩ nhiên, từ sự khủng khoảng mọi mặt lúc bấy giờ ở phương Tây thì chánh niệm trong học đường tại phương Tây bắt đầu manh nha từ những trị liệu của các nhà phân tâm học. Những căng thẳng trong học tập, trong nghiên cứu nhằm đi đến đỉnh cao của tri thức ở phương Tây đã dẫn đến sự căng thẳng, ức chế khiến các nhà chức trách, giới khoa học, các nhà nghiên cứu cố gắng đi tìm giải pháp cho vấn đề thời đại. Vì vậy, nghiên cứu thiền, hành trình thăm dò tầng sâu trong tâm thức con người, cũng như tìm lời giải cho căn bệnh tinh thần thời đại đã được phương Tây làm rất tốt bằng những nghiên cứu khoa học hiện đại có tính thuyết phục. Người có ảnh hưởng đến

thiền ở Phương Tây phải kể đến là Thích Nhất Hạnh, Thầy sinh ngày 11/10/1926 tại Thừa Thiên Huế, xuất gia năm 16 tuổi tại chùa Từ Hiếu, Việt Nam. Thầy được cả thế giới kính ngưỡng nhờ những lời dạy truyền cảm hứng về nghệ thuật chánh niệm. Ước mong của Thầy là đem chánh niệm vào học

7. D.T. Suzuki, Erich Fromm, R.De Martino, Thiền và phân tâm học, NXB Thời đại, Hà Nội, 2011, tr.113.

đường để thế hệ tương lai chúng ta có được hạnh phúc thực sự, bởi Thầy quan niệm "Thầy cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới" cho nên nhiều phương pháp thực hành chánh niệm của Thầy rất đơn giản và đời thường thông qua các cảnh vật bình dị xung quanh, giúp vun trồng những phẩm chất tốt đẹp của cuộc sống. Phương pháp thực hành chánh niệm của Thầy Nhất Hạnh là sự chú tâm, nhận diện, tìm tòi, khám phá và làm phát khởi cái thấy sâu sắc bằng sự có mặt cẩn trọng, đầy tình thương. Thực tập lắng nghe và nhìn sâu gắn với việc học cách tiếp nhận những tri giác và kinh nghiệm của bản thân, thông qua việc ý thức từng hơi thở ra vô một cách nhẹ nhàng, "hít vào tâm tĩnh lặng, thở ra miệng mỉm cười". Chương trình đem chánh niệm vào học đường của Thầy bắt đầu từ năm 2011 và đã được lan tỏa khắp các nước Mỹ, châu Âu và châu Á. Tiếp nữa là Goenka, người có công trong việc xiển dương pháp tu không tôn giáo, là người tiên phong phát triển dòng thiền Vipassana tại Ấn Độ. Mặc dù, phương pháp thiền này có nguồn gốc từ Ấn Độ và đã được Đức Phật Thích Ca khám phá lại cách đây hơn 26 thế kỷ, nhưng tới thời của ông mới được đưa về và phát triển nó trên đất nước của mình vào năm 1969. Phương pháp thiền Vipassana ngày nay rất phổ biến và các trường học ở phương Tây đã áp dụng vào lớp học nhờ những giáo viên có thực tập nó. Đường lối giảng dạy của ông hoàn toàn không tông phái nên sự giảng dạy của ông thu hút mạnh mẽ mọi người thuộc mọi giai cấp, mọi tôn giáo hoặc không theo tôn giáo từ khắp nơi trên thế giới. Hàng chục ngàn học sinh lẫn giáo chức ở Ấn Độ đều tham gia thiền và thiền Vipassana hiện nay phổ biến khắp nơi trên thế giới kể cả Việt Nam. Một trong những người có nhiều nỗ lực nghiên cứu về lãnh vực này cũng phải kể đến là Jon Kabat Zinn và ông đã đạt tới những kết quả có thể xác định được. Jon Kabat Zinn là người Mỹ gốc Do Thái, nghiên cứu về sinh học phân tử và đạt học vị tiến sĩ vào năm 1971 tại MIT. Từ năm 1970, ông tìm hiểu về thiền Phật giáo lần lượt với các ngài Philip Kapleau (Hoa Kỳ), Thích Nhất Hạnh (Việt Nam) và Seungsahn (Hàn Quốc). Năm 1979, ông thành lập một "Dưỡng

đường giảm căng thẳng" (Stress-Reduction Clinic) tại trường Y khoa Viện Đại học Masssachussett. Tại đây, ông ứng dụng chánh niệm của Phật giáo vào việc xây dựng Chương trình giảm căng thẳng và thư giãn (Stress Reduction and Relaxation Program). Sau đó ông phát triển chương trình đó thành một khóa học có cấu trúc kéo dài tám tuần lấy tên là Giảm căng thẳng dựa trên chánh niệm (Mindfulness Based Stress Reduction MBSR). Tiếp theo, cũng tại trường Y khoa Đại học Massachusetts, ông lại

thành lập Trung tâm Ứng dụng Chánh niệm trong Y khoa, Chăm sóc Sức khỏe và Xã hội (Center for Mindfulness in Medicine, Health Care, and Society), mục đích là hướng dẫn các bệnh nhân cách thích ứng với những căng thẳng, đau đớn, bệnh tật bằng cách sử dụng điều được gọi là "nhận thức trong từng khoảnh khắc". Phương pháp do ông đề nghị có những thành công nhất định và đã lan tỏa trên hầu khắp thế giới phương Tây. Nhiều nơi tổ chức các trung tâm giảm căng thẳng dựa trên chánh niệm theo mô hình của ông. Giới khoa học từng bước đặt ra những biện pháp đánh giá và đo đạc để kiểm chứng các kết quả cho là các trung tâm như vậy đã đạt được. Một số cơ quan chính phủ Hoa Kỳ đã ứng dụng phương pháp của Kabat Zinn để giúp nhân viên của họ giảm áp lực công việc và tăng năng suất.8 3. CHÁNH NIỆM TRONG TRƯỜNG HỌC TỪNG BƯỚC GIÀNH VAI TRÒ CHÍNH THỐNG Ở PHƯƠNG TÂY Ngoài các khóa MBSR, có nhiều nhóm và chương trình nghiên cứu tại trung tâm MARC, Đại Học California, Los Angeles (UCLA) dạy thiền chánh niệm 6 tuần cho sinh viên và nhân viên giảng huấn cũng như công chúng. Chương trình Integrative Health Partners ở Chicago dạy khóa thực tập thiền chánh niệm trong vòng 4 tuần lễ. Tại Philadelphia có các khóa dạy thiền chánh niệm trong chương trình Penn Program for Mindfulness. Ngoài ra có các khóa hàm thụ trực tuyến và các lớp trên ti vi. Chánh niệm đang phát triển ở quy mô tầm quốc tế như Dự

án chánh niệm trong trường học "Mindfulness in Schools Project" (MiSP) ở Anh, mang tên "Paws-be" hướng tới trẻ từ 7 đến 11 tuổi, và ".b" - phát âm "dot-be", viết tắt của "Stop, breath and be!", dịch (dừng lại, thở và đang là) nhằm vào trẻ em lớn tuổi hơn từ 11 đến 18 tuổi. Tại Hoa Kỳ có sáng kiến MindUP, trong đó kết hợp "brain breaks" (nghỉ ngơi não) một vài lần trong ngày, đã hoạt động được 12 năm. Một chương trình khác, được gọi là Quiet Time (thời gian tĩnh lặng) đã được ghi nhận với việc cải thiện việc đi học và giảm một nửa việc bị đình chỉ trong một trường học gặp khó khăn tại San Francisco. Chương trình Wake Up Schools (Trường học tỉnh thức) là sáng kiến khác với các trung tâm tại Pháp và Hoa Kỳ... Theo một bài báo của tạp chí Times phát hành năm 2014, các buổi thực hành chánh niệm cũng đã được tổ chức ở Quốc hội Mỹ. Tại nước Anh, chánh niệm đang ngày càng được áp dụng trong hầu hết các trường học như là một phương pháp để cải thiện sức khỏe và nâng cao thành tích học tập của học sinh. Mặc dù có nguồn gốc là truyền thống Phật giáo, nhưng tính phổ biến của chánh niệm trong các lớp học và nơi làm việc đã được lan tỏa ngày một nhiều và đa dạng tại xứ sở sương mù và trên thực tế, theo The Mindfulness Initiative thì: "Chánh niệm đang được sử dụng trong các trường trung tiểu học, cao đẳng và đại học, để giúp trẻ em, các sinh viên và ban giảng huấn cải thiện sức tập trung, sự chú ý, bản lĩnh giải quyết xung đột và khả năng thấu cảm của họ."9 Tuy nhiên, cũng thấy rằng đa phần những trường hợp đang áp dụng học trình chánh niệm ở Anh vẫn là các trường tư. Một số tổ chức giáo dục liên quan đến chánh niệm đang hoạt động trên Vương quốc Anh có thể kể đến gồm: The Mindfulness in Schools Project (MiSP): Cung cấp tài liệu cho các trường học phù hợp với chương trình sức khỏe học đường quốc gia. Nhóm này sử dụng giáo trình riêng do họ tự soạn với khẩu hiệu ".b" (Stop! Breathe! Be!) "Dừng lại! Thở! Đang là!"10

9. Mindful Nation UK, Report by the Mindfulness All-Party Parliamentary Group (MAP-PG), The Mindfulness Initiative, 2015, p.30. 10. Ibid, p.33.

The Youth Mindfulness Kids Programme: Giáo trình gồm 16 bài học nhập môn về chánh niệm cho học sinh từ 7 tuổi đến 11 tuổi gồm các trò chơi, những băng ghi hình hướng dẫn và những hoạt động vận động, có sự nhấn mạnh đến việc học tập dựa trên kinh nghiệm. Mỗi bài học kéo dài một giờ được xây dựng có tính liên tục, nhằm giới thiệu và thăm dò những phương diện mới của chánh niệm theo từng bài học. Mục đích của chương trình là giúp học sinh có nhận thức, có lòng cảm thông với người khác, biết thương người, có thái độ vui vẻ, hòa mình vào thực tại đời sống của lớp học.11 MindUP™: Chương trình toàn trường được xây dựng trên nền của khoa sinh học thần kinh và khoa tâm lý học tích cực, được kích hoạt bởi sự chú tâm tỉnh giác và là một chất xúc tác cho việc học tập về tình cảm xã hội. Chương trình này đi tiên phong trong việc huấn luyện cho lứa tuổi từ 4 đến 13 tuổi. Chương trình gồm 15 bài học, giúp học sinh phát triển sự hiểu biết tha nhân, có khả năng tự điều chỉnh trạng thái cảm xúc của mình và tập trung được sự chú ý.12 Có thể thấy người Anh đang tiếp tục bước những bước vững chắc để đưa chánh niệm vào học đường, hiện những cuộc nghiên cứu về kết quả của việc đưa chánh niệm vào học đường vẫn còn đang tiếp tục, nhưng trước những kết quả của thiền chánh niệm đem lại trong những lĩnh vực khác của đời sống, người ta hy vọng chánh niệm áp dụng trong học đường cũng sẽ tốt đẹp. Hiện tại theo trang tin của Đạo Phật Ngày Nay ngày 27/02/2019 cho hay, Chính phủ Anh sẽ cho triển khai thiền chánh niệm trong 370 trường học như một chương trình học tập nhằm cải thiện sức khỏe tinh thần cho các em.13 Phải nói rằng, phương Tây đã thực sự biết được vị ngọt của chánh niệm, liều thuốc bổ cần thiết để học sinh tăng cường sức khỏe thân tâm và không tốn bất cứ đồng nào.

13. Chuyển nguồn từ phatgiao.org.vn, “Hàng trăm trường học tại Anh triển khai thử ng- tram-truong-hoc-tai-anh-quoc-trien-khai-thu-nghiem-thien-chanh-niem.html, 27/02/2019.

4. TÌNH HÌNH GIÁO DỤC VIỆT NAM VÀ VIỆC ĐƯA THIỀN CHÁNH NIỆM VÀO TRƯỜNG HỌC Giáo dục Việt Nam đang là vấn đề nhức nhối nổi cộm hiện nay. Giáo dục sẽ đi về đâu khi nhà trường chạy đua danh hiệu, phụ huynh chạy đua chọn trường, học sinh chạy đua điểm số. Cũng vì chạy đua thành tích mà các lãnh đạo nhà trường bê bối trong kỳ thi THPT ở Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình năm 2018 vừa qua, 347 bài thi bị phù phép điểm, các bài thi trắc nghiệm không thể khôi phục bài gốc, nhiều cán bộ Sở giáo dục và những người liên quan bị khởi tố pháp luật. Bạo lực học đường ngày càng phổ biến, giáo viên bạo lực học sinh xảy ra ở các cấp kể cả mầm non, thầy giáo đánh học sinh, học sinh đánh lại thầy giáo ngay trên bục giảng. Tại Quảng Bình, giáo viên yêu cầu cả lớp tát bạn 230 cái và cô giáo kết thúc cái thứ 231 khiến trẻ nhập viện. Về bạo lực tinh thần, giáo viên bắt học sinh uống nước giẻ lau bảng, giáo viên bắt học sinh

quỳ, phụ huynh bắt giáo viên quỳ lại xin lỗi... Bạo lực học đường xảy ra gần đây với mức độ ngày càng gia tăng, những cảnh nữ sinh áo trắng, quần trắng lao vào nhau, cảnh học sinh lớp này và lớp kia trong một trường đâm chém nhau như cảnh trong phim xã hội đen làm đau nhói trái tim của những con người đang trăn trở cho tương lai vận mệnh đất nước. Trên đây chỉ là thống kê đơn cử các vấn đề nổi cộm xảy ra trong năm 2018 mà báo chí đưa tin, ngoài ra còn biết bao vấn đề tiêu cực xảy ra tại học đường mà ta chưa biết và kể hết. Văn hóa tôn sư trọng đạo của người Việt bị mài mòn, "Tiên học lễ, hậu học văn" bị đảo ngược, đức tính nhân hậu, thật thà, cần cù, chăm chỉ bị thay thế bởi lối sống thực dụng bằng những cuộc chạy đua hình thức. Giấc mơ của người Việt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước sánh vai với cường quốc năm châu. Giấc mơ ấy bao giờ chạm tới khi mà chúng ta đã thực sự đào tạo ra những nhân tài với hiện tượng thế này. Muốn xây dựng đất nước phải chú trọng giáo dục bởi "nhân tài là nguyên khí quốc gia", thế hệ trẻ cần được chú trọng vun bồi tri thức và trí tuệ để trở thành hậu duệ tinh

anh, lực lượng nòng cốt cho việc phát triển đất nước. Chúng ta cần những giải pháp đúng đắn để giáo dục thực sự là nền tảng của sự hưng vượng cho dân tộc Việt. Giáo dục Việt Nam ta cần thay đổi theo chiều hướng tích cực, cần sự chung tay góp sức của nhiều người để làm nên sự nghiệp ấy. Để chánh niệm được thực hiện trong học đường, trước tiên cần sự phối hợp từ lãnh đạo nhà trường đến ngoài xã hội. Thiết lập nền tảng ban đầu như tổ chức khóa tu thiền chánh niệm tại các tự viện, đào tạo chánh niệm cho giáo viên, phối hợp với chính quyền giảng dạy chánh niệm miễn phí, vận động người dân tham gia tu tập chánh niệm để có sức lan tỏa và hiểu rõ cách thức hành trì. Tại học đường, cần đưa chánh niệm vào chương trình hoạt động thường xuyên hàng ngày của nhà trường, cách thức sinh hoạt chánh niệm ở tất cả các cấp học, lúc bắt đầu học cũng như trong sinh hoạt ngoại khóa, phối hợp hỗ trợ nhau tạo nền tảng cơ bản cho chương trình chánh niệm được vận hành suôn sẻ tốt đẹp. Cách thức thực hành chánh niệm hiệu quả nhất là chánh niệm về hơi thở trong bốn lĩnh vực: Hành vi, cảm xúc, phẩm chất tâm và pháp. Bởi hơi thở có chánh niệm sẽ giúp các em tập trung hơn, định tĩnh hơn, chú tâm hơn trong mọi việc, ý thức đưa tâm về với hiện tại, bây giờ và ở đây, nhờ vậy tâm sẽ trở nên vững chải, đối phó với mọi giông tố của cuộc đời. Cuộc sống với bao lo toan vất vả, khiến chúng ta sống trong quên lãng, thất niệm quá nhiều. Chúng ta bị hoàn cảnh chi phối, bị xã hội khuôn đúc, bị tham dục sai sử, bị sân si xâm chiếm, cũng bởi không ý thức giờ phút hiện tại mình đang nghĩ gì, nói gì, làm gì nên gây đau khổ phiền não cho nhau. Chính lối sống xô bồ, chụp giựt vội vàng, mạnh được yếu thua làm cho con người vọng ngoại, điên đảo, tán động, phát sinh nhiều tâm bệnh. Do đó, chánh niệm là lương dược cần thiết chữa lành căn bệnh thời đại, nó có khả năng chuyển hướng tâm niệm cuồng vọng đảo điên, đưa chúng ta trở về thực tại với sự tỉnh thức. Thực tập chánh niệm trong nhà trường giúp mang lại nhiều lợi ích cho cả ban lãnh đạo nhà trường, nhân viên, ban giảng huấn và

học sinh, sinh viên. Chánh niệm là kỹ thuật hành trì mang lại lợi ích cho tất cả mọi người chứ không riêng ở trường học. Chánh niệm giúp tâm ta quay về và an trú trong giờ phút hiện tại, giúp ta kiểm soát có ý thức các việc đang làm, đang xảy ra, đang hiện hữu và ý thức được việc quan trọng nhất trong phút giây hiện tại. Vì thế, nhờ chánh niệm mà ta ý thức về sự sống của chínhmình, làm chủ được suy nghĩ, lời nói, hành động, hướng chúng vào điều thiện, điều lành để ta tạo ra cuộc sống an lành cho mình và người khác. Chánh niệm giúp ta kiểm soát cuộc đời, tìm ra giải pháp tốt nhất có thể trong khoảnh khắc hiện tại, do vậy chánh niệm là lối sống hiện tiền thiết thực và lợi ích, mong rằng tất cả chúng ta hãy cùng nhau thực tập vào cuộc sống hàng ngày để tận hưởng lợi ích mà nó mang lại. Ta trải nghiệm được chánh niệm tức là trải nghiệm được cuộc sống tươi đẹp, là đang trải nghiệm Niết-bàn14 (nibbāna) một cách thiết thực ở hiện tại. Người Việt chúng ta là một dân tộc luôn tự hào đã có hơn 2.000 năm theo Phật giáo, vậy mà đến nay chưa phổ cập việc đưa chánh niệm vào cuộc sống, trong khi các nước phương Tây đi sau đã đến trước, họ gặt hái vô số điều lợi từ việc áp dụng chánh niệm vào học đường. Tuy nền giáo dục của chúng ta đang có nhiều điều cần chấn chỉnh, nhưng chưa có ai quan tâm đến việc áp dụng một vài giáo lý căn bản của Đức Phật vào hệ thống nhà trường. Có những chuyện khá đơn giản có thể thực hiện mà không tạo ra cảm giác lớp học là nơi phổ biến tôn giáo. Chẳng hạn, chỉ cần trước khi bắt đầu vào học, các học sinh để hai tay lên bàn, nhắm hờ mắt lại, hướng về phía bàn tay của mình, thở nhẹ vài hơi để tĩnh tâm trước khi đi vào chính khóa. Chắc chắn, chỉ với những động tác đơn giản ấy, các em sẽ từng bước cảm nhận được những điều sâu sắc hơn và không cần phải phổ biến với các học sinh rằng đó là kỹ thuật Phật giáo. Chúng ta hy vọng rằng, trong tương lai, những điều này sẽ từng bước được áp dụng trong trường học Việt Nam.

14. Niết-bàn là lý tưởng chung của Phật giáo, là mục đích cứu cánh của đạo Phật, chỉ trạng thái tâm thức đã gột sạch hết mọi vô minh phiền não, sự giải thóat khỏi các kiết sử tùy miên, sự đoạn diệt hoàn toàn mọi tham ái, sự dập tắt tham sân si, là cảnh giới tuyệt đối vắng lặng, giải thoát.

Tóm lại, thiền chánh niệm của đạo Phật ở phương Đông đã mang đến cho con người và xã hội phương Tây những giá trị quý giá mà cụ thể là món quà quý cho các em học sinh. Vậy tại sao Việt Nam lại chần chừ, không áp dụng vào trường học? Hy vọng với những thành quả, lợi ích và cái nhìn sáng suốt của phương Tây sẽ được Việt Nam học hỏi để chánh niệm có thể sớm áp dụng vào thực tế học đường. Bởi giáo dục là vũ khí mạnh nhất có thể thay đổi thế giới. “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, hy vọng với lợi ích của chánh niệm sẽ làm nhiều bậc phụ huynh và các thầy cô giáo, các cấp lãnh đạo quan tâm để cùng xây dựng hòn núi ấy - hòn núi của sự phát triển giáo dục bền vững, đầy vững vàng và tự hào củadân tộc Việt Nam.

***

ỨNG DỤNG CÁC GIÁ TRỊ CỦA ĐẠO PHẬT

TRONG VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
CHO THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

NCS. Lê Tấn Lộc*

Đạo đức thanh thiếu niên là một đề tài toàn xã hội đang quan tâm. Đứng trước thực trạng đạo đức thanh thiếu niên đang đi xuống, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để giải quyết vấn đề đó. Câu hỏi này không chỉ đặt ra cho riêng ngành giáo dục mà cho tất cả mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội. Bài viết này khái quát lại thực trạng đạo đức thanh thiếu niên Việt Nam qua một vài ghi nhận của các cơ quan có thẩm quyền và các nghiên cứu khoa học. Điều quan trọng là bài viết cũng sẽ tổng quan lại các nghiên cứu trong nước và quốc tế về việc áp dụng các giá trị của đạo Phật trong giáo dục thanh thiếu niên nói chung và giáo dục đạo đức thanh thiếu niên nói riêng với mục đích đóng góp thêm những bằng chứng về vai trò tích cực của đạo Phật trong công tác giáo dục đạo đức thanh thiếu niên. I. ĐẶT VẤN ĐỀ Thanh thiếu niên là người chủ tương lai của đất nước. Cho nên, những vấn đề liên quan đến sự phát triển của thanh thiếu niên luôn

*. Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

luôn được xã hội quan tâm. Nhất là trong bối cảnh giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đạo đức nói riêng còn nhiều bất cập, những vấn đề liên quan đến sự phát triển đạo đức của thanh thiếu niên là mảng đề tài rộng được nhiều nhà nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau quan tâm đến. Ở một số nước Phật giáo phương Đông như Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc… việc ứng dụng Phật giáo vào lĩnh vực giáo dục không còn là một đề tài mới. Ngay cả một số nước phương Tây, dù Phật giáo không phải là tôn giáo truyền thống và ngay cả việc tiếp cận Phật giáo cũng muộn hơn nhiều so với các nước phương Đông, mãi đến thế kỷ XIX việc nghiên cứu Phật giáo mới được tiến hành một cách căn cơ1. Thế nhưng, việc nghiên cứu và ứng dụng những giá trị của đạo Phật để giải quyết những vấn đề bức thiết của xã hội phương Tây, trong đó có giáo dục đạo đức thanh thiếu niên rất hiệu quả. Việt Nam, một đất nước có truyền thống Phật giáo từ lâu đời (đạo Phật du nhập vào Việt Nam khoảng từ thế kỷ đầu Tây lịch2). Giáo sư Trần Văn Giàu nhận định rằng “Suốt một vài nghìn năm tồn tại phổ biến trên đất nước ta, Phật giáo tất đã phải in dấu ấn khá sâu sắc vào văn hóa dân tộc, phong tục nhân dân, đức tính con người, nghĩa là đến các giá trị tinh thần truyền thống.”3 Tuy nhiên, đứng trước thực trạng đạo đức xã hội nói chung và đạo đức thanh thiếu niên nói riêng đang đi xuống, việc nghiên cứu và ứng dụng những giá trị của Phật giáo để giải quyết vấn đề nêu trên còn rất hạn chế. Chính vì vậy, bài viết này khái quát lại thực trạng đạo đức thanh thiếu niên Việt Nam. Đồng thời bài viết cũng tổng quan lại một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến việc ứng dụng các giá trị của đạo Phật vào lĩnh vực giáo dục đạo đức cho

1. Coleman, J. W. (2001), The new Buddhism: The western transformation of an ancient tra- dition, Oxford: Oxford University Press, tr.55. 2. Nguyễn Lang (2012), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Phương Đông, tr.15. 3. Trần Văn Giàu (2011), Giá trị tinh thần

truyền thống của dân tộc Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.124.

ỨNG DỤNG CÁC GIÁ TRỊ CỦA ĐẠO PHẬT TRONG VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC 293

thanh thiếu niên, từ đó cho thấy rằng việc nghiên cứu và ứng dụng Phật pháp cho lĩnh vực nêu trên hiện nay là rất thiết thực. II. THỰC TRẠNG ĐẠO ĐỨC THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM Theo kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục4, tình hình vi phạm các chuẩn mực đạo đức của học sinh là khá nghiêm trọng. Có đến 8% học sinh tiểu học thực hiện hành vi quay cóp trong thi cử và tỉ lệ này gia tăng ở các cấp học trên: Học sinh trung học cơ sở là 55% và học sinh trung học phổ thông là 60%. Hành vi nói dối cha mẹ cũng gia tăng theo cấp học: tiểu học là 22%, trung học cơ sở là 50%, trung học phổ thông là 64%. Vì thế, nhận xét của hai tác giả Đặng Văn Chương và Trần Đình Hùng làm cho những ai có trách nhiệm phải suy ngẫm: “Càng học lên cao thì số học sinh, sinh viên vi phạm đạo đức càng tăng lên.”5 Theo số liệu thống kê của Bộ Công an, trong sáu tháng đầu năm 2017, số vụ án hình sự do thanh thiếu niên gây ra là 2.258 vụ6, tăng 164 vụ so với cùng kỳ của năm 20167. Còn theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có khoảng 1.600 vụ học sinh đánh nhau xảy ra ở trong và ngoài trường học trong một năm học, tính trên phạm vi toàn quốc (trung bình khoảng 5 vụ/ngày)8. Trước thực trạng đạo đức học sinh đi xuống như thế, Văn phòng Chủ tịch nước cũng đã tiến hành khảo sát tình hình đạo đức học

4. Trần Hữu Quang (2012), Đi tìm nguồn gốc của tình hình suy thoái đạo đức trong xã hội, Thời đại mới, 24, 1-30. 5. Đặng Đình Chương và Trần Đình Hùng (2012), “Vận dụng tư tưởng Phật giáo vào việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh – sinh viên Việt Nam hiện nay”, Phật giáo Kiên Giang, giao-vao-vic-giao-dc-o-c-li-sng-cho-hc-sinh-sinh-vien-vit-nam-hin-nay.html 6. Hà Chung (2017), “Báo động xu hướng phạm tội tuổi “teen””, Tin tức, truy cập ngày teen-20170929062754896.htm 7. Anh Đức (2016), “Tội phạm vị thành niên ngày càng gia tăng”, Tuổi trẻ thủ đô, truy cập tang-n43083.html 8. Mai Chi (2017), “Xuống cấp về đạo đức xã hội: Không ngăn chặn sớm sẽ mất gốc”, xuong-cap-ve-dao-duc-xa-hoi-khong-ngan-chan-som-se-mat-goc-340285.html

294 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

đường tại 7 tỉnh thành trong cả nước với phương pháp lấy ý kiến bằng phiếu khảo sát đối với 295 giáo viên và 1.494 học sinh của 22 trường từ tiểu học cho đến phổ thông trung học. Kết quả đã thể hiện rằng đạo đức của học sinh đang xuống cấp trầm trọng theo thời gian và cấp học: Càng học lên cao, tỷ lệ học sinh hạnh kiểm tốt càng giảm xuống, thay vào đó là tỷ lệ học sinh hạnh kiểm trung bình và yếu tăng. Biểu hiện hành vi vi phạm đạo đức phổ biến nhất là trốn học, gian lận trong thi cử, thiếu tôn trọng thầy cô giáo, ngay cả đến vi phạm pháp luật và phạm tội,…9 Khi nghiên cứu về đạo đức của học sinh phổ thông trung học, tác giả Lê Duy Hùng (2013) đã lựa chọn mẫu nghiên cứu là 120 học sinh tại 3 trường phổ thông trung học ở thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy các hành vi vi phạm đạo đức phổ biến là chửi thề, gây gổ, đánh nhau, trốn học, và gian lận trong thi cử10. Khi nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức

học sinh tại trường trung học phổ thông Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh, hai tác giả Nguyễn Văn Hà và Trần Anh Toàn (2016) đã thống kê hàng loạt hành vi vi phạm đạo đức của học sinh tại trường như gian lận trong thi cử, gây gổ, hút thuốc lá, uống rượu bia, bỏ giờ trốn tiết, trộm cắp, v.v...11 Có cùng một chủ đề nghiên cứu của hai tác giả nêu trên, tác giả Nguyễn Thị Thi (2017) cũng đã khảo sát thực trạng đạo đức của 400 học sinh tại 5 trường phổ thông trung học tại thành phố Hà Nội. Kết quả cũng cho thấy các hành vi vi phạm đạo đức tương tự như trên là rất phổ biến12.

9. Duong, H. (2014, April 27), “Đạo đức học đường: Quá xuống cấp!”, Lao Động, truy cập cap-674515.ldo 10. Lê Duy Hùng (2013), “Giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 50, 29-37. 11. Nguyễn Văn Hà & Trần Anh Toàn (2016), “Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh tại trường trung học phổ thông Quan Lại, Quảng Ninh”, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, 41-45. 12. Nguyễn Thị Thi (2017), Quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông thành

Ở một phạm vi nghiên cứu rộng hơn, tác giả Đinh Thị Hồng Vân (2017) nghiên cứu hành vi lệch chuẩn của 921 thanh thiếu niên đang theo học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở 6 tỉnh thành: Hà Nội, Ninh Bình, Thừa Thiên – Huế, Quảng Trị, Bến Tre, và thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi phân tích số liệu từ việc điều tra bằng bảng hỏi, kết quả thể hiện hàng loạt hành vi lệch chuẩn được thực hiện, trong đó một số hành vi chiếm tỷ lệ cao như: Quay cóp; chửi nhau, cãi nhau; nói bậy; và nói dối thầy cô, cha mẹ và người lớn tuổi13. Đi vào nghiên cứu sâu về biểu hiện của hành vi vi phạm đạo đức của thanh thiếu niên, tác giả Nguyễn Thị Như Trang (2017) khảo sát tình trạng bạo lực học đường của 285 học sinh phổ thông trung học ở Hà Nội bằng phương pháp quan sát tham dự, điều tra bảng hỏi, và phỏng vấn sâu. Kết quả khảo sát cho thấy có khoảng 40% học sinh trả lời đã từng xô xát với bạn học, trung bình cứ 5 học sinh thì có 1 học sinh từng vài lần xô xát với bạn trong năm học trước. Tác giả cũng đã so sánh với kết quả nghiên cứu trong năm 2013, kết quả so sánh cho thấy việc sử dụng bạo lực học đường của học sinh có xu hướng tăng lên14. Có cùng mối quan tâm về đề tài nghiên cứu nêu trên, tác giả Phạm Minh Thu (2017) nghiên cứu hành vi bạo lực học đường trên mẫu gồm 198 học sinh của các khối lớp 7, 8, 9 và 11 tại một số trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Kết quả phân tích từ số liệu điều tra bằng bảng hỏi cho thấy hàng loạt hành vi bạo lực được thực hiện như gọi bạn bằng biệt hiệu xấu hoặc đưa bạn ra làm trò đùa, chửi nhau cãi nhau, trêu chọc chế diễu bạn, đấm, đá, xô đẩy, nói xấu bạn, v.v...15

phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý Giáo dục. 13. Đinh Thị Hồng Vân (2017), “Hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên”, Tạp chí Tâm lý học, 5 (218), 8-18. 14. Nguyễn Thị Như Trang (2017), Bạo lực học đường từ góc nhìn của người trong cuộc: Một số vấn đề thực tiễn và lý luận, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội. 15. Phạm Minh Thu (2017), “Hành vi bạo lực học đường của học sinh”, Tạp chí Tâm lý

Cùng nghiên cứu về khía cạnh bạo lực học đường, tác giả Phạm Văn Tư (2018) xem xét ảnh hưởng của cảm xúc đến hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở. Tác giả đã khảo sát bằng bảng hỏi đối với 905 học sinh và phỏng vấn 20 phụ huynh. Nghiên cứu được tiến hành tại 5 tỉnh thành gồm Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh, và Thái Nguyên. Kết quả cho thấy dù ở mức độ thấp, nhưng một bộ phận học sinh trung học cơ sở đã có hành vi gây hấn và khi thực hiện hành vi đó, một số đã cảm thấy vui sướng và thích thú16. Trong khi đó, tác giả Nguyễn Thị Nhân Ái và Phạm Thị Diệu Thúy (2019) tiến hành khảo sát thực trạng hành vi gây hấn đối với 1.018 học sinh phổ thông cơ sở và phổ thông trung học tại 5 tỉnh thành ở Việt Nam (Hà Nội, Lào Cai, Nghệ An, Đà Nẵng, và thành phố Hồ Chí Minh). Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thanh thiếu niên có biểu hiện rối nhiễu hành vi gây hấn chiếm tỷ lệ đáng kể (14.1%) và tỷ lệ học sinh có nguy cơ rối nhiễu hành vi gây hấn lên đến 72% 17. Hành vi vi phạm đạo đức còn biểu hiện ở việc sử dụng chất gây nghiện. Tác giả Đỗ Ngọc Khanh (2019) nghiên cứu về việc lạm dụng chất gây nghiện ở học sinh trung học phổ thông. Tác giả đã tiến hành điều tra bằng bảng hỏi đối với 758 học sinh trung học phổ thông tại 3 tỉnh thành (Hà Nội, Thanh Hóa, và Hòa Bình). Kết quả khảo sát cho thấy có đến 31.8% mẫu khảo sát có sử dụng chất gây nghiện18. Hành vi vi phạm đạo đức của thanh thiếu niên không chỉ thể hiện ở môi trường học tập mà còn biểu hiện bên ngoài môi trường trường học. Tác giả Phan Thị Mai Hương (2016) nghiên cứu biểu hiện đặc trưng của sự vô cảm trong gia đình ở trẻ vị thành niên trên 1.028 học sinh trong độ tuổi từ 13 đến đến 17 tuổi ở Hà Nội và

học, 5(218), 54-66. 16. Phạm Văn Tư (2018), “Ảnh hưởng của xúc cảm đến hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở”, Tạp chí Tâm lý học, 3(228), 53-62. 17. Nguyễn Thị Nhân Ái & Phạm Thị Diệu Thúy (2019), “Thực trạng hành vi gây hấn của thanh thiếu niên Việt Nam trong bối cảnh học đường. Tạp chí Tâm lý học, 1 (238), 50-62. 18. Đỗ Ngọc Khanh (2019), “Lạm dụng chất gây nghiện và các nguy cơ nghiện chất ở học sinh trung học phổ thông”, Tạp chí Tâm lý học, 2 (239), 67-79.

thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp nghiên cứu bao gồm điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn cấu trúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy các dạng biểu hiện của sự vô cảm ở các đối tượng nêu trên là: Sự ích kỷ, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân, đòi hỏi mà lờ đi sự mệt mỏi, vất vả của người nhà, đặc biệt là cha mẹ mình, thậm chí có thể có những lời nói, hành động làm tổn thương họ; Không thể hiện tình cảm yêu thương phải có, sự quan tâm cần thiết, sự giao tiếp thân mật giữa những người ruột thịt trong gia đình; Thái độ dửng dưng, đứng ngoài việc gia đình, không quan tâm chuyện gì xảy ra trong nhà, không tham dự vào các việc quan trọng trong gia đình, ít chia sẻ với người thân; Thiếu đi cảm giác có lỗi, hối hận khi làm điều gì đó không phải với người thân; Và thiếu khả năng nhạy cảm để nhận biết những thay đổi bất thường của người thân trong gia đình19. Trên cơ sở số liệu khảo sát nêu trên của tác giả Phan Thị Mai Hương, tác giả Tô Thúy Hạnh (2016) nghiên cứu một số mô hình dự báo sự thay đổi hành vi thực hiện việc nhà và hành vi giúp đỡ người khác của trẻ vị thành niên. Nghiên cứu chỉ ra rằng

học sinh càng có những biểu hiện vô cảm trong gia đình thì càng ít thực hiện việc nhà (như lau dọn, quét nhà, sắp xếp đồ đạc, v.v...) và càng ít giúp đỡ người khác. Tình trạng xuống cấp về đạo đức của thanh thiếu niên có thể do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân xuất phát từ yếu tố tâm lý (do sự thay đổi tâm lý lứa tuổi và sự tác động của môi trường xã hội đến trạng thái tâm lý). Thực tế nhiều nghiên cứu quốc tế cho thấy rằng những trạng thái tâm lý như lo âu, căng thẳng, hoặc trầm cảm đều có liên quan trực tiếp đến những hành vi vi phạm đạo đức của thanh thiếu niên20.

19. Phan Thị Mai Hương (2016), "Biểu hiện đặc trưng của sự vô cảm trong gia đình ở trẻ vị thành niên", Tạp chí Tâm lý học, 8(209), 21-33. 20. Barnes, V., Bauza, L., & Treiber, F. (2003), Impact of stress reduction on negative school behavior in adolescents. Health and Quality of Life Outcomes, 1(1), 1–7. Saarni, C., Campos, J. J., Camras, L. A. & Witherington, D. (2008), Principles of emotion and emotional competence. In Damon, W. & Lerner, R. M. (Eds)., Child and Adolescent Devel- opment: An Advanced Course, 361-405. New Jersey: John Wiley & Sons.

Thanh thiếu niên Việt Nam cũng đang đối mặt với những vấn đề tâm lý nêu trên. Theo nghiên cứu của tác giả Trần Thành Nam (2015), tâm trạng lo âu của học sinh trung học phổ thông đang có chiều hướng gia tăng. Nghiên cứu trên 235 học sinh tại hai trường phổ thông trung học tại Hà Nội qua phương pháp điều tra bảng hỏi và phỏng vấn sâu, tác giả đã đưa ra một kết quả bất ngờ như sau: Có đến 25.1% trong tình trạng rối loạn lo âu, 47.2% lo âu vừa, 18.7% lo âu nhẹ, và chỉ có 8.9% không lo âu. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng lo âu ở học sinh phổ thông trung học, nhưng phải kể đến những nguyên nhân hàng đầu liên quan đến môi trường học tập như lo âu về quan hệ với giáo viên và lo âu về các tình huống kiểm tra21. Một vấn đề khác liên quan đến sức khỏe tâm lý của thanh thiếu niên là tình trạng căng thẳng (stress). Sau khi nghiên cứu về thực trạng stress trong học tập của học sinh lớp 12 tại một trường trung học phổ thông tại tỉnh Ninh Bình, hai tác giả Lê Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Tâm (2015) đã chỉ ra rằng có đến 29.13% trong tổng số 103 học sinh được khảo sát ở trong trạng thái rất căng thẳng, 54.37% căng thẳng, và chưa tới 2% không bị căng thẳng. Đáng quan ngại, tình trạng căng thẳng của học sinh không những ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập mà nó còn dẫn đến những hành vi phi đạo đức như: Ngủ trong lớp, làm việc riêng trong lớp, gây gổ với bạn, quậy phá trong lớp, có phản ứng thái quá với thầy cô giáo... Nguyên nhân dẫn đến tình trạng căng thẳng cũng xuất phát từ môi

Anderson, M., Cesur, R., & Tekin, E. (2012), Youth Depression and Future Criminal Behavior (IZA Discussion Paper No. 6577). Truy cập từ trang thông tin của the Institute for the Fazel, S., Wolf, A., Chang, Z., Larsson, H., Goodwin, G. M., & Lichtenstein, P. (2015), Depression and violence : a Swedish population study. The Lancet Psychiatry, 2(3), 224–232. Heinze, J. E., Stoddard, S. A., Aiyer, S. M., Eisman, A. B., & Marc, A. (2017), Exposure to Violence during Adolescence as a Predictor of Perceived Stress Trajectories in Emerging Adulthood. Journal of Applied Development Psychology, 49, 31–38. Mestre, A. L., Vidal, E. M., & García, P. S. (2017), Depression and aggressive

behaviour in adolescents offenders and non-offenders, 29(2), 197–203. 21. Trần Thành Nam (2015), “Lo âu ở học sinh trung học phổ thông và mối liên hệ với lòng tự trọng, động cơ học tập, thành tích học tập”, Tạp chí Tâm lý học, 7 (196), 45-55.

trường học tập như: Lượng kiến thức phải học nhiều, làm bài thi và kiểm tra nhiều, lịch học dày đặc, bị điểm thấp, v.v...22 Tình trạng căng thẳng của thanh thiếu niên còn dẫn đến nhiều hành vi tiêu cực khác ngoài những hành vi được dẫn ra trong nghiên cứu hai tác giả Lê Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Tâm (2015). Chẳng hạn như nghiên cứu của tác giả Đỗ Thị Lệ Hằng (2015) tiến hành trên 639 học sinh tại 5 trường trung học phổ thông ở Hà Nội về cách ứng phó với căng thẳng và đã chỉ ra rằng bên cạnh cách ứng phó tích cực như nghe nhạc, xem tivi, nói chuyện với bạn thân, v.v... cũng có một bộ phận học sinh chọn cách ứng phó tiêu cực như cô lập bản thân, dùng chất gây nghiện, bỏ học đi lang thang...23 Bên cạnh đó, trầm cảm là vấn đề một bộ phận thanh thiếu niên đang đối mặt. Tác giả Đỗ Ngọc Khanh đã tiến hành nghiên cứu 745 học sinh phổ thông trung học tại 3 tỉnh, thành phố (thành thị, nông thôn, và miền núi) bằng phương pháp điều tra bảng hỏi. Kết quả nghiên cứu cho thấy số học sinh có vấn đề về trầm cảm nặng và vừa chiếm một tỷ lệ đáng kể, 12.4% tổng số mẫu lựa chọn24. III. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VỀ VIỆC VẬN DỤNG NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA ĐẠO PHẬT VÀO VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO THANH THIẾU NIÊN Khi nghiên cứu về ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, tác giả Lê Văn Đính (2007) cũng đã chỉ ra những điểm tích cực trong việc vận dụng đạo đức Phật giáo trong việc giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên của Gia đình Phật tử, ví dụ: những giá trị đạo đức Phật giáo góp phần ngăn chặn tệ nạn xã hội và xung đột ngoài đường25.

22. Lê Thị Thu Hà & Nguyễn Thị Tâm (2015), “Thực trạng và nguyên nhân stress trong học tập của học sinh lớp 12, trường trung học phổ thông Kim Sơn B – Ninh Bình”, Tạp chí Tâm lý học, 9 (198), 83-88. 23. Đỗ Thị Lệ Hằng (2015)., “Cách ứng phó với căng thẳng của học sinh trung học phổ thông”, Tạp chí Tâm lý học, 7 (196), 65-73. 24. Đỗ Ngọc Khanh (2018), “Biểu hiện trầm cảm ở học sinh trung học phổ thông”, Tạp chí Tâm lý học, 5 (230), 44-59. 25. Lê Văn Đính (2007), “Bàn thêm về ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt

Nhìn vai trò của Phật giáo đối với giới trẻ ở mức độ rộng hơn, tác giả Lê Hữu Tuấn (2010) xem xét ảnh hưởng của Phật giáo đối với tuổi trẻ ngày nay. Tác giả đã phân tích một số nội dung cơ bản giáo lý Phật giáo như khổ và nguyên nhân của khổ và đặt ra câu hỏi làm sao để giới trẻ sống tốt trong thế giới ngày nay đang có nhiều biến đổi. Trên nền tảng giá trị đạo đức Phật giáo, tác giả khuyến nghị tuổi trẻ phải dấn thân, đương đầu với khó khăn, phải học, hiểu và thấm nhuần tư tưởng “sự phụ thuộc lẫn nhau” của đạo Phật và điều cần thiết là thiết lập cho mình một đời sống tâm linh26. Nghiên cứu vấn đề liên quan đến giới luật trong Phật giáo, Newman và cộng sự (2006)

xem xét vấn đề sử dụng rượu của thanh thiếu niên là Phật tử tại Thái Lan. Sau khi tiến hành phỏng vấn 20 trường hợp cá nhân, tổ chức cho 80 học sinh tham dự phỏng vấn nhóm tập trung (mỗi nhóm từ 6-9 thành viên), và điều tra khảo sát bằng bảng hỏi đối với 2.064 học sinh phổ thông tại 3 tỉnh của Thái Lan về việc uống rượu và thái độ đối với việc uống rượu. Kết quả cho thấy thanh thiếu niên thực hành năm giới ít uống rượu hơn, ít khi để rơi vào trạng thái say rượu, đồng thời có thái độ không đồng thuận với việc uống rượu27. Có cùng mối quan tâm với nhóm nghiên cứu của Newman (2006), tác giả Hoàng Văn Năm (2010) đánh giá ảnh hưởng của giới luật Phật giáo trong giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay. Bên cạnh việc phân tích nội dung của năm giới của người Phật tử tại gia và ý nghĩa của giới luật nói chung, tác giả cũng đã đưa ra những nhận định về ảnh hưởng của giới luật Phật giáo đối với việc giáo dục đạo đức cho thanh niên thể hiện ở các khía cạnh: Giáo dục tư tưởng đạo đức, giáo dục niềm tin và lý tưởng đạo đức, giáo dục nghĩa vụ và hành vi đạo đức28.

Nam hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 10, 16-24. 26. Lê Hữu Tuấn (2010), "Đạo Phật với tuổi trẻ để sống tốt hơn trong thế giới ngày nay", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 2, 21-29. 27. Newman, I., Shell, D. F., Li, T. & Innadda, S. (2006), Buddhism and adolescent alco- hol use in Thailand, Substance Use & Misuse, 41, 1789–1800. 28. Hoàng Văn Năm (2010), Ảnh hưởng của giới luật Phật giáo trong giáo dục đạo đức thanh

Cũng xem xét về ảnh hưởng giới luật Phật giáo, nhưng hai tác giả Mahaarcha & Kittisuksathit (2013) lại giới hạn trong mối quan hệ giữa việc thực hành năm giới và hành vi thuận xã hội của thanh thiếu niên Thái Lan là Phật tử trong độ tuổi từ 15 đến 24. Các hành vi thuận xã hội được nghiên cứu bao gồm: (1) Giúp đỡ bất kỳ ai không kể người thân, (2) tỏ lòng biết ơn khi được giúp đỡ, (3) nhường người khác, (4) tha thứ cho những ai biết hối lỗi, và (5) bố thí và giúp đỡ người khác khi có cơ hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy thanh thiếu niên giữ nghiêm năm giới của người Phật tử thì có mức độ hành vi thuận xã hội cao hơn29. Khác với Mahaarcha & Kittisuksathit (2013), hai tác giả Yeung & Chow (2010) chỉ xem xét ảnh hưởng của niềm tin đối với đạo Phật của thanh thiếu niên Hồng Kông ở góc độ chung. Hai tác giả đã tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc đối với 22 học sinh trong độ tuổi từ 13 đến 17 về ảnh hưởng của đạo Phật đến cuộc sống hàng ngày. Kết quả cho thấy rằng một số nội dung cơ bản của Phật giáo như thuyết nghiệp báo và luân hồi, buông xả, năm giới, từ bi, Bát chánh đạo, và thiền đã có ảnh hưởng tích cực đến đời sống của thanh thiếu niên, thể hiện qua việc các em kiểm soát được cảm xúc của mình, có một cái nhìn tích cực hơn trong cuộc sống, và có quan hệ tốt hơn với mọi người30. Khi nghiên cứu về vai trò của Phật giáo đối với đạo đức trong xã hội Việt Nam, tác giả Cao Thu Hằng (2014) lại có một cách tiếp cận trực diện hơn trước thực trạng của công tác giáo dục đạo đức trong xã hội hiện nay. Đứng trước thực tế là một bộ phận thanh thiếu niên đến chùa để trau dồi đạo đức trong thời gian gần đây, sau khi phân tích một số nội dung của đạo đức Phật giáo như lòng từ

niên Việt Nam hiện nay, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Đại học quốc gia Hà Nội-Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. 29. Mahaarcha, S. and Kittisuksathit, S. (2013),

Relationship between Religiosity and Prosocial Behavior of Thai Youth, Journal of Social Sciences, Humanities, and Arts, 13 (2), 69-92. 30. Yeung, G. K. K. & Chow, W. (2010) 'To take up your own responsibility': The reli- giosity of Buddhist adolescents in Hong Kong, International Journal of Children's Spirituality, 15(1), 5-23.

bi, tình yêu thương muôn loài, thuyết nhân quả, v.v... tác giả đặt ra những câu hỏi có liên quan đến việc giáo dục đạo đức cho học sinh hiện nay như: Có phải các bài giảng đạo đức ở gia đình, xã hội, và nhà trường không đủ cho các em hoàn thiện đạo đức? Hay giáo dục đạo đức của Phật giáo đã bổ khuyết cho những hạn chế của những chủ thể đạo đức trong xã hội ta hiện nay? Để trả lời cho hai câu hỏi hỏi thẳng vào thực trạng giáo dục đạo đức trong xã hội hiện nay, tác giả đã phân tích các lý do mà Phật giáo đã làm tốt việc giáo dục đạo đức: (1) Phật giáo coi trọng việc tự giáo dục; (2) Phật giáo chú ý đến các đối tượng và các biện pháp giáo dục khác nhau; và (3) Phật giáo coi trọng việc thực hành31. Liên quan đến phương thức giáo dục Phật giáo, tác giả Thanissaro (2018) nghiên cứu ảnh hưởng của việc thờ Phật tại nhà đối với thanh thiếu niên Anh quốc. Nghiên cứu của tác giả Thanissaro được tiến hành trên cơ sở điều tra bằng bảng hỏi. Có 417 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 13 đến 20 tham gia trả lời bảng hỏi trực tiếp được phát tại các chùa hoặc trả lời qua mạng xã hội Facebook. Số liệu thu thập được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy 70% thanh thiếu niên sống trong gia đình có không gian thờ Phật tại nhà ít đến chùa hơn nhưng lại thực hành tu tập thường xuyên hơn và có thái độ kính trọng cha mẹ hơn. Số thanh thiếu niên trên có thái độ vui vẻ và có tinh thần tập thể cao hơn ở trường và có thái độ nghiêm khắc đối với việc sử dụng các chất gây nghiện32. Tiếp cận một vấn đề tương đối nhạy cảm đối với xã hội nói chung và thanh thiếu niên nói riêng, tác giả Jennings và đồng sự (2013) nghiên cứu việc áp dụng thiền chánh niệm để trị liệu chứng lạm dụng tình dục ở thanh thiếu niên. Bằng phương pháp tổng quan lại các nghiên cứu trong quá khứ và nghiên cứu trường hợp cụ thể, nhóm tác giả kết luận trong các liệu pháp tâm lý, thiền chánh niệm

31. Cao Thu Hằng (2014), "Phật giáo với việc giáo dục đạo đức ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Triết học, 7(278), 35-42. 32. Thanissaro, P. N. (2018), Buddhist shrines: bringing sacred context and shared mem- ory into the home, Journal of Contemporary religion, 33(2), 319-335.

có thể được xem là một liệu pháp trung tâm trong việc trị liệu lạm dụng tình dục ở thanh thiếu niên, nhưng nó cần được kết hợp với các liệu pháp khác33. Quach, Mano, and Alexander (2016) lại nghiên cứu về tác dụng của thiền chánh niệm trong việc cải thiện trí nhớ của thanh thiếu niên. Đối tượng nghiên cứu là những thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 12 đến 17 tuổi được chọn từ một trường trung học công lập ở Mỹ. Các đối tượng này được chia làm ba nhóm: một nhóm được hướng dẫn thực hành thiền, một nhóm được hướng dẫn thực hành yoga và một nhóm học giáo dục thể chất theo

thời khóa biểu. Mỗi nhóm thực hành khoảng 45 phút trong giờ học giáo dục thể chất và kéo dài trong 4 tuần. Ngoài ra, nhóm thực hành thiền và yoga được khuyến khích thực hành thêm ở nhà mỗi ngày từ 15 đến 30 phút. Số liệu thu từ kết quả quan sát và thảo luận nhóm được phân tích bằng phần mềm SPSS và công cụ đo trí nhớ OSPAN. Kết quả so sánh giữa thực hành thiền và yoga cho thấy thiền giúp cho thanh thiếu niên phát triển trí nhớ tốt hơn. Điều đặc biệt là kết quả còn cho thấy thiền còn giúp cho thanh thiếu niên giảm căng thẳng và âu lo, một trạng thái tâm lý có ảnh hưởng đến những hành vi đạo đức34. Ditrich (2017) tiến hành nghiên cứu định tính về tác dụng của thiền Phật giáo trong việc cân bằng cảm xúc cho học sinh tại một trường trung học ở Úc. Hàng loạt câu hỏi tác giả mong muốn tìm ra câu trả lời: Học sinh trải nghiệm thiền như thế nào? Những phương pháp thiền nào học sinh cảm thấy hiệu quả nhất hoặc dễ chấp nhận nhất? Trong những trường hợp nào và tại sao? Chương trình ảnh hưởng như thế nào đến khả năng hiểu biết về thân tâm của học sinh? Thiền có tác dụng như thế nào đến kỹ năng giải quyết mâu thuẫn? Phương pháp nghiên cứu được tác giả sử dụng là phỏng vấn

33. Jennings, J. L., Apsche, J. A., Blossom, P. & Bayles, C. (2013), Using mindfulness in the treatment of adolescent sexual abusers: Contributing common factor or a primary modality, International Journal of Behavioral consultation and Theraby, 8, 17-22. 34. Quach, D., Mano, K. E. J., and Alexander, K. (2016), A Randomized Controlled Trial Examining the Effectof Mindfulness Meditation on Working Memory Capacity in Adoles- cents, Journal of Adolescent health, 58, 489-496.

bằng câu hỏi bán cấu trúc. Trong suốt 12 tuần học và hành thiền, 8 học sinh gồm cả nam và nữ được lựa chọn để phỏng vấn, mỗi trường hợp được phỏng vấn bốn lần: 03 lần phỏng vấn được tiến hành trong suốt thời gian chương trình diễn ra. Lần phỏng vấn thứ tư được tiến hành sau hai tháng chương trình kết thúc35. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết học sinh lựa chọn thiền chánh niệm trên hơi thở và quán lòng từ bi vì nó làm cho học sinh cải thiện được mối quan hệ với bạn bè, gia đình và thầy cô, tránh hoặc giải quyết được các mâu thuẫn. Chánh niệm lại là một phương pháp thiền được vận dụng những lúc rơi vào trạng thái tinh thần không tốt. Chẳng hạn, khi học sinh bị căng thẳng, học sinh giữ chánh niệm bằng việc nương vào hơi thở, trong khi quán lòng từ bi khi có gặp xung đột cá nhân bởi trong lúc đó học sinh cảm thấy tâm trạng lắng xuống. Tiếp cận đối tượng nghiên cứu khá đặc biệt, Rawlett (2017) ng- hiên cứu về thiền chánh niệm đối với những học sinh nữ trong độ tuổi vị thành niên xuất thân từ những cộng đồng nghèo, yếm thế, và gặp rủi ro cao. Những đối tượng này đối mặt với những hoàn cảnh bất hạnh: gia đình nghèo, không cha mẹ, bị xâm hại về thể chất nên mang một tâm trạng căng thẳng, nổi loạn và buồn bực. Sau 6 tuần thực hành tại trường học, 22 trường hợp trong độ tuổi từ 11 đến 18 được lựa chọn để phỏng vấn. So sánh với biện pháp can thiệp y tế tại trường, không cải thiện được tình hình thì thiền đã giúp cho các bạn nữ sinh nêu trên thay đổi tâm trạng từ buồn bực, giận dữ, nổi loạn sang vui tươi, yêu đời, và thư giãn36. Carreres-Ponsoda và cộng sự (2017) nghiên cứu tác

động của chương trình thiền chánh niệm đến việc giảm căng thẳng và cải thiện cảm xúc cho thanh thiếu niên. Đối tượng nghiên cứu là 30 học 35. Ditrich, Tamara (2017), Meditation in Modern Education: Outlining a Pilot Programme from Australia, In Dasho Karma Ura, Dorji Penjore & Chhimi Dem (Eds), Mandala of 21st Century Perspectives: Proceedings of the International Conference on Tradition and Innovation in Vajrayana Buddhism, 205-221, Thimphu: Centre for Bhutan Studies. 36. Rawlett, K. (2017), Adolescent experience with mindfulness, JSM Health Educ Prim Health Care, 2(3), 1-3.

sinh trung học (15 nam và 15 nữ) trong độ tuổi từ 16 đến 18. Các đối tượng nghiên cứu được chia thành 2 nhóm: Một nhóm được tham dự chương trình thiền chánh niệm ngoài giờ học và nhóm còn lại không tham gia. Sau 8 tuần thực hành thiền tại trường (01 tuần thực hành 01 buổi kéo dài từ 45 đến 60 phút) và khuyến khích các học sinh thực hành ở nhà từ 20 đến 30 phút mỗi ngày, nhóm tác giả thu thập thông tin bằng bảng hỏi, bảng tự đánh giá, và phỏng vấn với những câu hỏi mở. Sau khi phân tích số liệu, các tác giả chứng minh rằng thiền chánh niệm giúp giảm căng thẳng và làm tăng cảm giác lạc quan37. Cùng nghiên cứu về ứng dụng thiền Phật giáo, hai tác giả Bluth & Eisenlohr-Moul (2017) xem xét thiền quán về lòng trắc ẩn đối với bản thân có làm giảm căng thẳng, trầm cảm, và lo âu và tăng khả năng hồi phục tinh thần, lòng biết ơn, và sự khám phá hay không. Đối tượng nghiên cứu là 47 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 11 đến 17, đang là học sinh phổ thông ở Mỹ với điều kiện là chưa từng tham dự khóa thiền quán về lòng trắc ẩn đối với bản thân, có khả năng đọc và nói tiếng Anh, và có khả năng sử dụng internet. Kết quả khảo sát được thực hiện trước buổi học đầu tiên (nhóm nghiên cứu gửi bảng khảo sát qua hợp thư điện tử cho học sinh). Sau 8 buổi học và thực hành (không nêu rõ thời lượng), khảo sát được tiến hành một lần nữa38. Sau khi hai tác giả phân tích thông tin thu được bằng các công cụ đo về mức độ chánh niệm, lòng tự trắc ẩn, trạng thái căng thẳng, lo âu, trầm cảm, mức độ phục hồi tinh thần kết hợp với thang đo Likert về lòng biết ơn và sự mong muốn khám phá, đồng thời so sánh kết quả phân tích giữa các lần khảo sát, đã đi đến kết luận khá thú vị như sau: Khả năng chánh niệm, mức độ về trắc ẩn đối với bản

37. Carreres-Ponsoda, F., Escarti, A., Llopis-Goig, R. & Cortell-Tormo, J. M. (2017), The effect of an out-of-school mindfulness program on adolescents' stress reduction and emotional wellbeing, Cuadernos de Psicología del Deporte, 17(3), 35-44. 38. Bluth, K. & Eisenlohr-Moul, T. A. (2017), Response to a mindful self-compassion intervention in teens: A within-person association of mindfulness, self-compassion, and emo- tional well-being out comes, Journal of Adolescence, 57, 108-118.

thân, lòng biết ơn, và mức độ phục hồi về tinh thần có cải thiện, đồng thời trạng thái căng thẳng, trầm cảm, và lo âu có giảm đi. IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ Nhìn chung, dù các nghiên cứu được tiến hành ở nhiều phạm vi không gian và thời gian khác nhau

nhưng tất cả đều cho thấy rằng tình trạng sức khỏe tâm lý và những hành vi vi phạm đạo đức của thanh thiếu niên là đáng báo động. Về phương pháp nghiên cứu, đa số các nghiên cứu đều được tiến hành bằng sự kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và phương pháp nghiên cứu định tính cho nên kết quả có độ tin cậy cao. Từ thực trạng xuống cấp về đạo đức của thanh thiếu niên, hơn lúc nào hết việc phối hợp giữa ba yếu tố gia đình, nhà trường, và xã hội trong việc giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên là hết sức cần thiết. Thực tế, một số cơ sở tự viện của Phật giáo trong thời gian qua đã và đang chung tay trong công việc nêu trên qua việc tổ chức các khóa tu mùa hè, các khóa tu trong các dịp nghỉ lễ, các ngày tu học định kỳ cho thanh thiếu niên... và được xã hội đánh giá cao. Thế nhưng, hiệu quả mang lại đến mức độ nào cần có các nghiên cứu để đánh giá cụ thể, từ đó củng cố thêm niềm tin của xã hội đối với vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức thanh thiếu niên nói riêng. Bên cạnh đó, qua các công trình nghiên cứu được tổng quan cho thấy rằng những giá trị của đạo Phật, từ giáo lý, giáo luật cho đến thiền Phật giáo đã có tác dụng tích cực trong việc giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên. Tuy nhiên, so với các công trình nghiên cứu của nước ngoài, các công trình nghiên cứu trong nước vẫn còn ít về số lượng và hạn chế về tính thực tiễn do việc nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc phân tích tài liệu và đưa ra nhận định, chưa có tiến hành điều tra khảo sát trên đối tượng cụ thể để có kết luận mang tính thuyết phục. Đối với thanh thiếu niên, một lực lượng được tổ chức Liên Hiệp Quốc xem là đảm bảo cho sự phát triển bền vững của một quốc

gia39, thì một bộ phận đang đối mặt với những vấn đề về sức khỏe tâm lý. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi vi phạm đạo đức. Qua tổng quan các nghiên cứu cho thấy rằng thiền Phật giáo có tác dụng tích cực trong việc khắc phục vấn đề nêu trên. Thế nhưng, việc nghiên cứu cũng như ứng dụng phương tiện này cho việc giáo dục thanh thiếu niên ở Việt Nam chưa được quan tâm. Tóm lại, đạo Phật chứa đựng nhiều giá trị thiết thực cho cuộc sống nhân loại, thì không lý do gì phải ngần ngại áp dụng những giá trị đó để giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc sống hiện nay, trong đó có vấn đề đạo đức thanh thiếu niên. Dĩ nhiên, tùy vào nền văn hóa và hoàn cảnh thực tế, giá trị nào của đạo Phật được áp dụng và áp dụng như thế nào thì cần có những nghiên cứu cụ thể.

***

39. United Nations (2016), Young people: United Nations brief 2012-2016, truy cập ngày UN%20Brief%20on%20Young%20People.pdf

GIÁO DỤC TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO
QUA TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

PGS.TS. Nguyễn Thanh Tú*
ThS. Đào Thị Ngân Huyền**

1. PHẬT GIÁO VÀ DÂN TỘC “NHƯ BÓNG VỚI HÌNH” Phật giáo truyền trực tiếp từ Ấn Độ vào nước ta đầu công nguyên. Bắt rễ ở mảnh đất văn hóa Việt, dung hòa với tính cách

dân tộc và một số tôn giáo ngoại lai cũng như bản địa khác, Phật giáo ở Việt Nam mang tư tưởng nhập thế rất rõ nét: "Đạo pháp bất ly thế gian pháp". Trong tín ngưỡng người Việt có hệ thống các đấng tối cao là Trời, Ngọc hoàng, Thượng đế, Ông Xanh, Tiên, Bụt... thì ông Bụt bình dân và gần gũi với con người hơn cả, nhất là với những con người nghèo khổ, bất hạnh. Thẩm thấu rất sâu vào mỗi gia đình Việt để rồi Phật trở thành một thành viên, thành một con người vừa cụ thể, vừa trừu tượng, vừa gần gũi thân quen vừa thành kính thiêng liêng. Trên dưới hai ngàn năm đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo đã góp phần hình thành bản sắc Việt, đặc biệt là trong việc giáo dục đạo đức, hòan thiện nhân cách đạo lý con người. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: "... tôn chỉ, mục đích của

*. Tạp chí Văn nghệ Quân đội. **. Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm"1. Người nhận xét rất tinh tế là Phật giáo và dân tộc "như bóng với hình"2, về hình thức là hai (hình và bóng) nhưng về bản chất thì là một (bóng từ hình mà có). Tư tưởng triết học Phật giáo về giáo dục đã hòa nhập sâu vào văn hóa dân tộc, qua thời gian đã khẳng định đó là những yếu tố tích cực, tiến bộ, do vậy cần phát huy, kế thừa, phát triển và nâng cao các tinh hoa giá trị ấy để góp phần làm lành mạnh hóa xã hội. Tại sao ngày xưa nền tảng văn hóa gia đình bền chắc có ảnh hưởng tích cực đến xã hội? Có một nguyên nhân là các cụ ta rất chú ý coi trọng việc giáo dục đạo đức bằng tác phẩm văn học mà ngày nay rất cần học tập, phát huy, kế thừa, phát triển và nâng cao để góp phần làm lành mạnh hóa xã hội. Những bài học đạo lý làm người, thương yêu con người, căm ghét cái ác, lòng từ bi hỷ xả, tinh thần hướng thiện được văn học Việt Nam tiếp thu từ Phật giáo để sáng tạo những hình tượng nghệ thuật thẩm mỹ đặc sắc. Chúng tôi xin chọn hai tác phẩm đặc sắc để chứng minh là Quan Âm Thị Kính (chèo cổ, tiêu biểu ở phía Bắc) và Trương Ngáo (tuồng cổ, tiêu biểu ở phía Nam) 2. VỞ CHÈO QUAN ÂM THỊ KÍNH VÀ TRIẾT LÝ CHỮ NHẪN Vở chèo cổ Quan Âm Thị Kính tỏa sáng vào bầu trời văn hóa Việt Nam đã hàng mấy thế kỷ, làm mê đắm, thổn thức hàng triệu trái tim bao thế hệ bởi được thu nhận những ý nghĩa nhân văn tận thiện, tận mỹ. Bởi được xây cất bằng vật liệu tư tưởng về con người của văn hóa dân gian, văn hóa Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo nên đa dạng, nhiều vẻ về cấu trúc hình tượng. Bởi được khúc xạ và tích hợp từ nhiều nguồn mỹ học nên đa nghĩa và phát ra những ánh sáng văn hóa lạ, độc đáo. Kiệt tác được cấu trúc một cách đặc biệt theo tinh thần của văn

1. Hồ Chí Minh toàn tập (2002), Nxb. Chính trị Quốc gia, tập 8, tr. 290. 2. Thượng tọa Thích Đức Nghiệp (1/1991), Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam, Nội san đặc biệt, Phân viện Nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

hóa trào tiếu dân gian là xây dựng những tình huống "ngược" và "lạ". Một người vợ Thị Kính hiền ngoan đảm đang yêu chồng lại bị vu oan thành kẻ giết chồng. Cái nguyên cớ bên ngoài là "hiểu nhầm" nhưng sâu xa bên trong là tính cách yếu nhược, nông cạn

của người chồng học trò Thiện Sỹ, là tính cách gia trưởng, độc đoán của "nhà chồng" Sùng Ông Sùng Bà cay nghiệt thiếu nhân tính. Giả trai đi tu lại bị vu "mượn màu thiền dở thói mưa mây" mà có con với Thị Mầu. "Lạ" ở chỗ Thị Kính "đành chịu tiếng thế tình mai mỉa" mà chịu "phận nữ nhi khôn đường phải trái", "oan thì oan cũng chẳng nói sao". Nàng cam chịu, nhẫn nhục, vừa đáng thương, vừa đáng trách. Bên cạnh Thị Kính, nạn nhân của tục quyền, thần quyền, dân gian đặt Thị Mầu phơi phới một tâm hồn khoẻ khoắn mạnh mẽ. Cũng là cái "lạ đời"... Hai nhân vật đối lập nhau để bật ra cái khát khao xuân tình, cái hừng hực táo bạo đến liều lĩnh của tâm hồn đòi được yêu thương. Từ cái nền "ngược" và "lạ" này dân gian đã tài tình xây cất một tòa lâu đài nghệ thuật, trong đó nhân vật cũng đều "ngược" và "lạ". Là sự hợp lưu ánh sáng từ quan niệm lành mạnh, khỏe khoắn, táo bạo của dân gian; quan niệm từ bi hỷ xả của đạo Phật; từ cái nền nếp khắt khe của Nho giáo nên tác phẩm đã tạo ra những cuộc đổi ngôi nhân vật ngược đời mà vẫn hợp lý. Trong đó nhân vật Thị Kính bị "lộn ngược" một cách triệt để nhất, đau đớn nhất. Bi kịch cuộc đời nàng lại có nguyên nhân khởi đầu là lòng tốt, là tình vị tha. Tại sao Thị Kính tốt, hiền lành cam chịu như thế mà bị oan, mà oan thảm, oan hai ba lần? Hạt nhân hợp lý ở đâu? Cái ý bật thoát ra thật sâu sắc: trong cái xã hội đầy tai ương, đầy mâu thuẫn, phi lý như thế thì người tốt, cái tốt không tồn tại được. Mà muốn cho cái tốt, người tốt tồn tại thì phải thay đổi cả cái xã hội ấy. Đó là việc không thể. Dân gian biết rõ thế. Mà người tốt cái tốt thì rất cần phải có, nên dân gian đã làm một cuộc hoán vị thân phận mà đổi ngôi cho họ. Đó cũng là một cách trốn tránh cái phi lý ở đời. Thế nên mới thấy tại sao Thị Kính dễ chấp nhận nỗi oan, cái tiếng than của nàng cũng yếu ớt, và chỉ cất lên ít lần, một lần than với mẹ đẻ, hai lần than

với cha đẻ (Oan con lắm, mẹ/cha ơi!), một lần than với làng (Trình lạy làng, oan kẻ tu hành này lắm!), một lần than với Sư cụ (Oan con lắm, thày ơi)!!!. Cũng không nhiều lần Thị Kính "độc thoại nội tâm" (hát sử rầu, vãn láy): "Oan này nhẫn chịu, thác rày thời thôi!". Tức chấp nhận nỗi oan đến hết đời, đến chết, cũng tức là chấp nhận sự đổi ngôi thân phận. Từ kiếp gái bị đổi thành kiếp trai rồi kiếp tu hành rồi bị đổi về kiếp đàn ông và kiếp làm cha. Cuối cùng mới được đổi thành kiếp Phật. Đây vừa là quan niệm nhà Phật "Đời là bể khổ trầm luân!" nhưng cũng là quan niệm "hóa kiếp" nhân ái của tín ngưỡng tình thương (với người Việt trước khi giết con vật gì dù nhỏ cũng nói câu Hóa kiếp mày thành kiếp khác!). Đời người khổ quá nên dân gian "hóa kiếp" cho nhân vật để được sống sung sướng hơn. Quan niệm con người ta phải có chữ "Nhẫn" làm đầu và Ở hiền gặp lành trong văn hóa Việt đã gặp gỡ tinh thần "cứu độ" Phật giáo để cùng đưa Thị Kính hoá thân thành Quan Âm trong vòng hào quang thánh thiện của tình người. Thị Kính rất tiêu biểu cho chữ Nhẫn mà ngày nay rất cần phải có! Thị Mầu cũng đổi ngôi từ phận nữ nhi con nhà giàu nõn nà xuân tình thành phận gái chửa hoang kinh hòang, rồi kiếp làm mẹ tủi phận. Từ tính cách trong sáng (lên chùa cầu Phật) đến lẳng lơ (với Tiểu Kính) liều lĩnh ngược đời với "tình yêu" kẻ đi ở (anh Nô), đáo để bất chấp (với làng) rồi trắng trợn (với Tiểu Kính và Sư cụ) là một quá trình nổi loạn của một tính cách chống phá mãnh liệt. Một mình cô Thị Mầu chống lại cả một xã hội nặng nề ngột

ngạt của sự hà khắc cai trị bởi chính quyền, thần quyền, tục quyền… Cô "đổi ngôi" để chống lại, hay vì chống lại mà bị đổi ngôi, cũng là một vấn đề triết học nhân sinh cần bàn sâu. Cũng cần lý giải tương tự, Thị Mầu đáng thương hay đáng trách, đáng giận…? Nhưng không ai phủ nhận Thị Mầu là một biểu hiện sức sống rờ rỡ, mãnh liệt, đầy cá tính khát khao đổi thay. Đây đích thực là hình tượng nghệ thuật bởi sự vươn lên khỏi cái tầm thường nhợt nhạt. Nó sẽ mãi vĩnh cửu bởi vẻ đẹp, bởi sự đa nghĩa. Thị Kính chủ yếu đối thoại với chính mình, với phận mình còn Thị Mầu đối thoại với cả xã hội, với cả kiếp người!

GIÁO DỤC TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO QUA TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN 313

Đó là tiếng cười dân chủ, tiếng cười không biết sợ. Nhân dân lao động đã gửi vào ngôn ngữ Mẹ Đốp (một hình thức của ngôn ngữ hề chèo) khát vọng công bằng. Chỉ có trên sâu khấu chèo người dân nghèo nhất mới có thể sai khiến được kẻ cường hào, bắt chúng làm kẻ đầy tớ. Tiếng cười của hề san phẳng các ngăn cách đạo lý, luân lý để đưa tất cả trở về với sự tự do tuyệt đối. Trái ngược hẳn với tính minh triết này, ngôn ngữ bọn quan lại cường hào luôn bị đặt trong xu hướng "rối loạn", sa vào tình trạng nhại, nhầm lẫn. Thế nên tất cả đám nhân vật này đều bị "mất ý thức". Trong đối đáp với Mẹ Đốp, nhân vật Xã trưởng bị lép vế đến mức nói gì cũng sai cả, lão ta chống chế lại bằng tiếng quát vô hồn "Láo!", "Chỉ láo!", "Con mẹ này chỉ láo"… Tiếng "láo" bị lặp tới 10 lần nói lên tính chất cơ giới, máy móc của nhân vật… Đậm đà một tinh thần nhân văn, khát khao một tinh thần dân chủ, cháy bỏng một khát vọng yêu và được yêu, sâu sắc một tinh thần nữ quyền, vở chèo là một viên ngọc văn hóa tỏa sáng vào cả tương lai góp phần làm rạng rỡ thêm bản sắc Việt. Thế mà trong chương trình giáo dục phổ thông học sinh không được học, chỉ được giới thiệu như một bài tham khảo. 3. VỞ TUỒNG TRƯƠNG NGÁO – THẤU HIỂU NHÂN TÂM VÀ TÔN TRỌNG BẢN THỂ Bản in cũ nhất của vở tuồng cổ Trương Ngáo (tên đầy đủ là Trương Ngáo đòi nợ Phật) được in ở nhà xuất bản Claude et Cie Impimerie (Sài Gòn, 1904) có 40 trang với 17 lớp tuồng và 12 nhân vật. Nhiều nhà nghiên cứu tuồng cho rằng vở này có tuổi đời trên dưới 200 năm. Đã có nhiều dị bản dân gian và tác giả bác học viết lại, bổ khuyết để dựng thành vở nhưng cái lõi ý nghĩa nội dung thì hầu như vẫn giữ nguyên. Tuồng hát bội truyền thống thường đi theo đề tài "quân quốc" tức chuyện vua quan liên quan đến vận mệnh đất nước đề cao tính lý tưởng "trung quân", như các vở "Sơn Hậu", "Tam nữ đồ vương", "Đào Phi Phụng", "Võ Hùng Vương"… có đặc điểm là tính ước lệ rất cao. Nhân vật được miêu tả theo lối công thức: "Người trung

314 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

mặt đỏ đôi tròng bạc/ Đứa nịnh râu đen mấy sợi còi". Nhưng lại có một số vở như Nghêu, Sò, Ốc, Hến hay Trương Ngáo thì lại rẽ theo một lối khác - lối tuồng hài với sự cách tân rõ nét: phá vỡ đề tài quen thuộc, đưa nhân vật người thường, thậm chí tầm thường làm nhân vật trung tâm. Ở vở Trương Ngáo còn gắn ý nghĩa triết lý nhân sinh với triết lý tôn giáo (đạo Phật) nhằm mục đích đề cao ý nghĩa con người và cuộc sống đời thường. Anh chàng Trương Ngáo vốn có bản tính thật thà đến mức ngô nghê được vợ cho năm quan tiền đi buôn, để mụ rảnh rang rước trai về nhà. Trên đường đi nghe

thấy chuyện mang của cúng chùa thì sau này sẽ hưởng phước, thế là chàng ngốc ta vào chùa cho Phật vay tiền. Về khoe, dĩ nhiên bị vợ cho ăn gậy và bắt đi đòi lại. Ngáo ta hồn nhiên đi, nhưng không đòi ở chỗ đã cho vay mà sang tận Tây thiên đòi Phật Tổ... Tác phẩm mang đậm cảm quan dân gian về Phật giáo gần gũi, đời thường, bình đẳng với con người. Nhân vật chàng ngốc đã có nhiều trong truyện dân gian, ở vở tuồng này còn ngược và lạ đời hơn... Ngáo gọi Phật Tổ là "anh" (Gần chùa gọi Bụt là anh). Bật cười trước bộ dạng, hành vi và ứng xử của Ngáo, rồi Phật thương Ngáo hay thương người tâm thiện mà nhận Ngáo làm đệ tử và đặt tên mới là Chơn Tâm... Hành trình của thầy trò Đường Tăng trong Tây du ký đi Tây Trúc thỉnh kinh hay là hành trình của con người đi tìm lý tưởng? Tôn Ngộ Không biểu trưng cho trí tuệ và Trư Bát Giới biểu trưng cho tình cảm thống nhất trong một con người Đường Tăng. Ai cũng thế, sống ở đời là phải trải qua bao tai ách (81 nạn) mới có thể tìm tới lý tưởng (Kinh Phật). Trong cuộc hành trình đó con người phải luôn dùng trí tuệ (Tôn Ngộ Không) mới vượt qua được khó khăn trở ngại (yêu quái). Ý nghĩa phổ quát ấy của thiên kiệt tác làm say mê hàng triệu trái tim của bao thế hệ, không chỉ ở phương Đông mà còn ở cả nhân loại. Còn hành trình của Trương Ngáo đến Tây phương đòi nợ Phật hay là hành trình của con người kiếm tìm sự thật? Đó là những triết lý lớn chỉ có ở những tác phẩm lớn. Trên mọi cuộc hành trình, cuộc

đời cũng như khoa học, nghệ thuật cũng như tôn giáo, lao động cũng như tình yêu thì cái đáng quý là quá trình khám phá, tìm hiểu chứ không phải mục đích. "Đi là sống, đến là chết". Ngạn ngữ phương Tây đã nói vậy. Tính hiện đại của vở tuồng chính là ở sự phân tích quá trình biến đổi nhân vật Trương Ngáo từ chưa biết đến biết, từ sự ngờ nghệch, ngốc nghếch đến minh triết sáng láng. Ta thấy vở tuồng rất ít nhân vật, nhân vật chính chiếm gần trọn không thời gian tác phẩm. Kết cấu tình tiết, cảnh vật, hình ảnh của vở tuồng đi theo bước hành trình của nhân vật chính. Ý nghĩa cơ bản của tác phẩm như muốn đưa ra một bài học: muốn thay đổi, làm mới mình phải "lên đường" tức phải bước vào quá trình học hỏi dù có phải trải qua bao khó khăn. Điều quan trọng nhất là người ta phải có đủ ý chí, trí tuệ và niềm tin! Khi đã "tư duy" được tượng Phật chưa phải là Phật, cho tượng Phật vay tiền nên không thể đòi, thế thì phải đòi Phật Tổ, dù ngàn trùng xa xôi. Tức là Ngáo đã "ngộ" để "đổi ngôi" sang một thân phận khác, thân phận của trí tuệ và trí huệ. Nhà Phật định nghĩa rõ về trí tuệ, "thông đạt sự tướng hữu vi" (tức hiểu thông cái vỏ sự vật) thì gọi là trí, "thông đạt không tướng vô vi" (tức hiểu thông cái lõi sự vật) thì gọi là tuệ. Vượt lên trí tuệ là trí huệ. Nếu trí tuệ kết tinh từ những trải nghiệm ngoài đời thì trí huệ là sự kết tinh của thế giới nội cảm tâm linh bên trong của con người. Trí huệ chỉ có được qua sự tích luỹ, sự giác ngộ của nhiều kiếp sống. Như vậy Ngáo ta từ thân phận một chàng ngốc được làm đệ tử Phật Tổ tức là một sự đổi ngôi triệt để, đã hoàn thành một cuộc hành trình vĩ đại từ ngốc nghếch vươn tới tầm trí huệ. Ngáo đã tìm được chân lý của đời mình! Ngáo đã vượt qua cái khoảng không gian ngàn trùng tức vượt qua cái hèn kém của con người, cái thử thách của cuộc đời. Cái hay đặc sắc của tuồng Trương Ngáo chính là quá trình đến và gặp Phật, tức là gặp được sự thật. Nếu Ngáo không "ngộ" tức không có bản lĩnh Ngáo sẽ không đến

được Tây thiên. Ở đời vẫn thế, nhiều người, dù lắm tiền nhiều của nhưng vẫn có thể chết mòn cùng với tiền của mà không hề biết một cuộc sống khác, chưa nói tới chuyện được

gặp chân lý. Cái tuyệt vời của Ngáo là gặp Phật nhưng vẫn quyết giữ bản thể, bản sắc của mình. Ngáo chỉ đòi tiền cho vay chứ không xin xỏ một cái gì khác, một điều gì khác. Ngáo đã biết dừng lại (tri chỉ) thế nào là đủ (tri túc). Ta thấy Ngáo hơn hẳn Trư Bát Giới hay Sa Tăng xin Phật Tổ cho mình hoá thành Phật. Phật Tổ đổi tên và cho sánh duyên với nàng Hà Như Ý nhưng Ngáo cũng không cảm ơn vì coi đó là việc của nhà Phật. Phật cho Ngáo nhành cây soi rõ tình đời hay chấp tay lạy hái ra tiền, Ngáo cũng từ chối. Ngáo đã "đổi ngôi" và quyết không đổi nữa vì Ngáo đã thấy đủ, thấy được đích thực là mình, nếu đổi là mất mình. Ngáo đã nêu ra bài học: hành trình của con người kiếm tìm sự thật là được "đổi ngôi" khi thấy cần, nhưng cũng là giữ vững "ngôi" khi thấy đủ! Biết đủ là đủ không hề đơn giản, phải có một quá trình "biết" rất khó khăn để thấy cái "đủ" nhẹ nhàng! Vợ Ngáo là Ba Bành và người tình Lục Tồn cũng tự đổi ngôi bởi tính cách xấu xí, tráo trở, lẳng lơ, dâm đãng. Đang làm ăn khấm khá, nhà cửa đề huề, vì say mê sắc dục mà Lục Tồn bỏ vợ bỏ nhà lấy Ba Bành. Kết cục sự nghiệp Lục Tồn tiêu ma, từ giàu có thành trắng tay, tức bị "lộn ngược". Ba Bành cũng chịu chung số kiếp... Cái lõi thẳm sâu bên trong của vở tuồng là những khao khát nhân văn thánh thiện luôn muốn cựa quậy, muốn bung phá, muốn vươn lên thế giới của cái đẹp, cái hạnh phúc! Câu chuyện đi "đòi nợ" lại là câu chuyện về đối thoại. "Đòi nợ" là chuyện mong muốn được đối thoại. Khi Ngáo cho tượng Phật vay tiền trở về "khoe" với vợ liền bị đánh. Ngáo ta than thở: "Cúng Phật mà đắc tội/ Cho vay lại phải đòn" thì không phải than với vợ mà là than với công lý. Ngáo ta trở lại chùa nơi cho vay liền bị sư quát "Thằng ở đâu lếu láo/ Làm những sự dại ngây/ Của cúng là của mất...". Ngáo ta không thèm nói lại vì chủ thể lời quát này không xứng để "đối thoại". Ngáo đã bừng tỉnh về tri thức: phải đi tìm người xứng đáng để đối thoại. Và Ngáo lên đường... Để tạo ra một cuộc đối thoại cần phải có bốn yếu tố cơ bản: hiểu biết, bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt, biết lắng nghe. Thì ta thấy Ngáo đang dần có đủ những cơ sở ấy. Khi có đủ trí tuệ và niềm tin,

Ngáo lên đường. Gặp Phật, Ngáo không quỳ lạy tức Ngáo muốn bình đẳng với Phật. Ngáo tôn kính Phật nên không xin xỏ. Lắng nghe Phật nhưng Ngáo làm theo ý mình. Còn Phật lúc đầu bật cười vì sự ngược đời mà cho rằng "họ Trương mắc chứng điên cuồng" nhưng lắng nghe và thấu hiểu lại thấy Ngáo "vốn nhà gã có lòng thành kính". Phật Tổ đã nhận Ngáo làm "đệ tử" tức Phật đã thấu hiểu để thấu cảm về Ngáo. Thì ra để thấu hiểu và thấu cảm về nhau là cả một quá trình. Không có đối thoại các bên sẽ không bao giờ có sự kết nối, giao lưu, hòa nhập. Đã có ý kiến cho rằng vở tuồng ảnh hưởng từ Tây du ký. Cũng là hành trình đi Tây Trúc, cũng qua bao gian nan, cũng gặp Phật Tổ... Nhưng như ta thấy, nó chỉ chịu ảnh hưởng ở phương diện mô típ, còn nội dung ý nghĩa là khác nhau. Mục đích cũng khác nhau, thầy trò Đường Tăng đi "xin" (thỉnh kinh) còn Ngáo ta là đi "đòi" (đòi nợ). Ngáo ta hồn nhiên hơn (không suy tính,

nghĩ ngợi nhiều); bản lĩnh hơn (đi một mình): khảng khái, tự tin hơn (không lạy, không xin)… Đó cũng là một nét bản sắc Việt! 4. KIẾN NGHỊ Tìm vào văn học dân gian sẽ thấy có nhiều tác phẩm mang tinh thần Phật giáo có tác dụng giáo dục trẻ em sâu sắc. Đó là hình tượng cô Tấm (Tấm Cám) mỗi lần gặp tai ách khổ nạn do mẹ con Cám gây ra là được Bụt hiện lên cứu giúp. Nghe thấy tiếng thở dài phiền não của anh chàng nghèo khổ phải đi kiếm cây tre trăm đốt mới cưới được vợ là Bụt hiện ra giúp anh thành công (Cây tre trăm đốt)… Bụt (phiên âm từ Buddha) chính là Phật, đã mang hạnh phúc đến cho cô Tấm, cho anh chàng nông dân nghèo… Bụt chẳng phải là một biểu trưng cho khát vọng được che chở, được giúp đỡ, được bình yên, hạnh phúc sao? Đó cũng là cách hiểu của người Việt về tư tưởng nhà Phật "cứu độ chúng sinh". Truyện Thoại Khanh - Châu Tuấn là bài ca ca ngợi đức hiếu thảo của nàng dâu Thoại Khanh thay chồng nuôi mẹ, từng cắt thịt cánh tay mình nướng cho mẹ chồng ăn thoát qua cơn đói. Từng tự khoét mắt mình dâng thần để mẹ khỏi bị bắt đi. Phật Thích Ca thương tình cho nàng cây đàn thần, nàng

dùng tiếng đàn kiếm cơm nuôi mẹ, lấy tiếng đàn ai oán não nề nhắn gửi tới chồng Châu Tuấn… Phật đã trở thành ân nhân của vợ chồng Thoại Khanh - Châu Tuấn… Tại sao ngày nay giàu có, sung túc, trí tuệ, hiện đại, văn minh hơn ngày xưa nhiều nhưng đạo đức thì lại ngược lại. Có một lý do là nhà trường đang thiên về dạy chữ hơn là dạy người. Mà dạy người thì phải cần đào sâu vào kho tàng văn hóa cha ông để tìm những hạt ngọc đạo lý được lắng đọng, kết tinh trong những tác phẩm văn học dân gian như đã bàn ở trên.

***

NHẬN DIỆN VĂN HỌC PHẬT GIÁO TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI NCS.ĐĐ. Thích Chấn Đạo*

Văn học Phật giáo là một bộ phận không tách rời văn học Việt Nam. Với sự phát triển của văn học Việt Nam hiện đại dường như văn học Phật giáo bị tách biệt khỏi dòng chảy bởi những tính thế tục trong văn chương. Tuy nhiên, ngoài bộ phận văn học Phật giáo hiện đại thuần túy thì trong văn xuôi Việt Nam hiện đại vẫn có sự ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo. Việc nhận diện tư tưởng Phật giáo trong các tác phẩm thế tục là một điều cần thiết, để qua đó khẳng định sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học, cũng như mở rộng khái niệm Văn học Phật giáo. 1. KHÁI NIỆM VĂN HỌC PHẬT GIÁO TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI Thành tựu nghiên cứu văn học Phật giáo trong những năm gần đây có thể khẳng định rằng có một nền văn học ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo, tạo thành một dòng văn học riêng biệt gọi là văn học Phật giáo. Trước hết phải khẳng định những giá trị riêng biệt của dòng văn học Phật giáo Việt Nam qua những công trình nghiên cứu của các tác giả như Lê Mạnh Thát, Nguyễn Công Lý, Nguyễn

*. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Phạm Hùng, Nguyễn Thị Việt Hằng, Hà Văn Tấn, Trần Thị Băng Thanh1... Nguyễn Phạm Hùng cho rằng: "Nhiều nhà nghiên cứu căn cứ trên cơ sở Việt Nam là một quốc gia Phật giáo lâu đời, có một nền văn học nghệ thuật Phật giáo lâu đời, và đặt dưới sự quan sát của những tiêu chí "mở" đã đi tới khẳng định rằng, có văn học Phật giáo tồn tại như bộ phận văn học riêng, thậm chí có thể như một nền văn học... theo những cách hiểu khác nhau"2. Mặc dù vậy, khái niệm Văn học Phật giáo vẫn chưa được thống nhất. "Người ta chấp nhận nó như một hiện tượng tất yếu trong đời sống văn học Việt Nam cổ, nhưng quan niệm về nó chưa thật sự đầy đủ, chặt chẽ, có khi thiếu khách quan, khoa học"3. Nội hàm khái niệm văn học Phật giáo khá cởi mở, tùy thuộc vào phạm vi nghiên cứu của mỗi nhà nghiên cứu. Có hai luồng ý kiến khác nhau, đó là: 1) Văn học Phật giáo chỉ bao gồm tam tạng kinh điển: Kinh, Luật, Luận - là những tác phẩm nhằm chuyển tải các giáo nghĩa kinh điển nhà Phật; 2) Văn học Phật giáo gồm tất cả các tác phẩm viết về Phật giáo, có liên quan đến Phật giáo, thậm chí có những tác phẩm đả kích, bài chống Phật giáo. Nghiên cứu về văn học Phật giáo thời trung đại, Nguyễn Công Lý cho rằng "Văn học Phật giáo là một bộ phận văn học nằm trong cấu trúc tổng thể của văn học Việt Nam. Bộ phận văn học này góp phần làm cho văn học viết Việt Nam thêm phong phú, đa dạng và có chiều sâu về mặt tư tưởng. Về nội dung tư tưởng, bộ phận văn học này được sáng tác dưới sự ảnh hưởng, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp và thể hiện tư tưởng Thiền Phật, hay mang cảm quan thiền Phật. Về đề tài phản ánh, tác phẩm văn học Phật giáo dứt khoát phải thể hiện tư tưởng thiền Phật, mang cảm quan thiền Phật dù trực

1. Lê Mạnh Thát (2001), Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam tập 1-2-3, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh; Nguyễn Công Lý (2003), Văn học Phật giáo thời Lý Trần - diện mạo và đặc điểm, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; Nguyễn Phạm Hùng (2015), Văn học Phật giáo Việt Nam, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; Nguyễn Thị Việt Hằng (2015), Văn học Phật giáo Việt Nam thế kỷ XVII-XIX, Luận án Tiến sĩ văn học, Học viện Khoa học xã hội Hà Nội. 2. Nguyễn Phạm Hùng (2015), Sđd, tr.45. 3. Nguyễn Phạm Hùng (2015), Sđd, tr.45.

tiếp hay gián tiếp. Đó là những tác phẩm viết về cảnh già lam, về sư sãi, trong đó có cả những tác phẩm bài Phật, chống sư của các nhà Nho viết ra nhưng được nhà chùa chấp nhận"4. Thích Huệ Thông với bài Vài ghi nhận về văn học Phật giáo Việt Nam đã chia làm ba nhóm tác phẩm, "nhóm thứ nhất là những tác phẩm điển phạm, bao gồm Kinh Luật Luận được truyền tụng từ thời đức Phật; nhóm thứ hai bao gồm hệ thống pháp ngữ được hàng đệ tử Phật trước tác để phô bày chân lý, chẳng hạn như Tín Tâm Minh của Tam tổ Tăng Xán, hay Pháp bảo đàn Kinh của Lục tổ Huệ Năng; và nhóm thứ ba là nhóm tác phẩm văn học thuần túy, không thuộc hệ thống kinh điển và pháp ngữ, nó bao hàm nhiều đề tài, chủng loại được tác giả trước tác, biên soạn, dịch thuật sau này. Trong nhóm thứ ba này nó lại bao gồm hai thành phần, đó là nhóm tác phẩm văn học Phật giáo với các tác phẩm biện giải, lý luận, thuyết giảng về Phật học và nhóm tác phẩm chịu ảnh hưởng bởi đạo lý từ bi hỷ xả, thuyết nhân duyên, nhân quả của Phật giáo"5. Như vậy, việc phân chia các nhóm tác phẩm một cách rõ ràng chứng tỏ khái

niệm văn học Phật giáo đã mở rộng phạm vi. Sơ lược qua những khái niệm của các nhà nghiên cứu văn học Phật giáo thời trung đại để thấy rằng, tùy vào từng khía cạnh nghiên cứu mà khái niệm đó rộng hay hẹp. Để nhận diện được văn học Phật giáo hiện đại, chúng tôi cho rằng khái niệm văn học Phật giáo cần phải được mở rộng nội hàm hơn nữa. Nguyễn Phạm Hùng cho rằng: "Văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại, tính từ đầu thế kỷ XX đến nay, là một bộ phận của văn học Việt Nam nằm trong quỹ đạo hiện đại về tư tưởng và nghệ thuật. Về tư tưởng, nó tham gia vào việc phản ánh đời sống tâm hồn, đời sống tinh thần của một bộ phận con người có tình cảm và cảm xúc Phật

4. Nguyễn Công Lý (2018), Văn học Việt Nam thời Lê Mạc, Nam Bắc phân tranh, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr.195. 5. Thích Huệ Thông (2018), "Vài ghi nhận về văn học Phật giáo Việt Nam", In trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Văn học Phật giáo Việt Nam: Thành tựu và Định hướng nghiên cứu mới, Sđd, tr.198-199.

giáo đối với hiện thực, về nghệ thuật, nó sử dụng ngôn ngữ và thể loại phổ biến của văn học hiện đại. Nó không còn nằm ở trung tâm của hệ thống văn học như trong một số giai đoạn của thời cổ trung đại, mà dần dần chuyển dịch ra ngoài rìa của hệ thống văn học"6. Có thể thấy rằng, văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại không còn bó hẹp trong phạm vi thiền môn và những Phật tử tín tâm mà nó còn được thể hiện bởi những tác giả không hề là tín đồ Phật tử, thậm chí là những tác giả có cách nhìn của một "ngoại đạo". Nếu như Nguyễn Công Lý đề cập đến khái niệm "trực cảm tâm linh" trong khi nghiên cứu thơ thiền Lý Trần thì khái niệm văn học Phật giáo hiện đại sẽ được nhìn nhận bằng tri thức của người ng- hiên cứu. Cũng một tác phẩm nhưng đặt ở địa vị, góc độ nào thì sẽ là văn học Phật giáo và không phải là văn học Phật giáo. Tác giả hiện đại nhiều khi sáng tác không đặt cảm quan của mình từ lý thuyết Phật học nhưng người nghiên cứu có thể nhìn ra tư tưởng Phật học ở trong tác phẩm đó. Vấn đề trực cảm tâm linh, tức là sự nhìn nhận của mình đạt đến mức nào để tạo ra tác phẩm hay nghiên cứu tư tưởng tác phẩm. Tác giả Thích Hạnh Tuệ mở đầu luận án Vị trí của Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh trong văn học Phật giáo Việt Nam thời trung đại đã giới thuyết rằng, để nghiên cứu tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh của Ngô Thì Nhậm ngoài yêu cầu về trình độ Phật học thì còn cần đến thực nghiệm tâm linh của bản thân người nghiên cứu. Như vậy, để nghiên cứu một tác phẩm bất kỳ thì ngoài trình độ Phật học còn cần sự chiêm nghiệm lý thuyết ấy để có thể trực cảm nhận ra tư tưởng Phật học nào trong ba Tam tạng kinh điển Phật giáo được tác giả thể hiện trong tác phẩm. Trong lời tựa cuốn Phật lý qua Liêu Trai, Lý Việt Dũng nói rằng: "Thật ra Phật pháp mênh mông như biển rộng trời cao nên Phật lý cũng đa hình đa dạng và luôn thích nghi với tâm cảnh của mọi chúng sanh. Do đó bên cạnh những Phật lý phần nào mang tính

6. Nguyễn Phạm Hùng (2018), "Những vấn đề văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại", In trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Văn học Phật giáo Việt Nam: Thành tựu và Định hướng nghiên cứu mới, Sđd, tr.680.

giáo điều nằm trong kinh luận bí tàng sâu thẳm của ba tạng, mười hai phần giáo thì cũng có những Phật ý giản dị dễ thấu triệt trong đời thường, trong những cảnh giới thật "con người" như tình yêu trai gái, không chỉ của mỗi con người mà còn cả cõi ma mị, yêu quái mộng mơ"7. Như vậy, trong xu hướng phát triển của văn xuôi Việt Nam hiện đại, văn học Phật giáo không đơn thuần chỉ là một bộ phận riêng biệt mà nó nằm ngay trong tác phẩm. Văn học Phật giáo hiện đại không còn phụ thuộc vào người sáng tác có mang tư tưởng Phật giáo hay không mà nó phụ thuộc vào tầm tri nhận của người đọc, người nghiên cứu. Bởi lẽ, có những tác phẩm lấy nhân vật là nhà sư, nhà chùa... nhưng nội dung ý nghĩa lại là một vấn đề khác, ngược lại có những tác phẩm viết hoàn toàn thế tục nhưng lại mang ý ng- hĩa triết giáo nhà Phật, thể hiện tinh thần từ bi, thể hiện luật nhân quả... Vấn đề là người đọc, người nghiên cứu tri nhận tác phẩm đó dưới con mắt Phật học như thế nào. 2. CẢM QUAN TÔN GIÁO TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI VÀ SỰ KHẲNG ĐỊNH CỦA TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO Bùi Việt Thắng cho rằng: "Không phải ngẫu nhiên mà trên văn đàn Việt Nam những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI lại xuất hiện khá nhiều tiểu thuyết viết về "cái tâm linh" như một hiện tượng tinh thần đáng quan tâm của đời sống hiện đại"8. Suốt trong giai đoạn văn học trung đại Việt Nam, tôn giáo, đặc biệt là Nho Phật Đạo trở thành những tư tưởng chi phối văn học. Trong đó, Phật giáo đã làm nên trang mở đầu vô cùng ấn tượng của nền văn học viết. Về sau vẫn ảnh hưởng lớn đến tác giả và số lượng tác phẩm của văn học Việt Nam. Đến văn học hiện đại, hình ảnh tôn giáo xuất hiện nhiều trong tác phẩm văn học. Trong đó, văn xuôi Việt Nam hiện đại tiếp tục trình bày tư tưởng, cảm quan tôn

7. Lý Việt Dũng (2015), Phật lý qua Liêu Trai, Nxb. Hồng Đức, tr.6. 8. Bùi Việt Thắng (2018), "Sự thức tỉnh của tâm linh từ góc nhìn văn hóa (qua một số tiểu thuyết xuất bản gần đây)", in trong Kỷ yếu hội thảo Văn học và văn hóa tâm linh, Viện Văn học, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.466.

giáo với một cách nhìn hoàn toàn mới lạ. Sự phát triển của văn xuôi Việt Nam hiện đại dường như càng sử dụng tôn giáo, tâm linh làm nền tảng, chất đệm cho dụng ý của tác giả. Hàng loạt những truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại mang âm hưởng tôn giáo như Hồn bướm mơ tiên của Khái Hưng; Nhân sứ, Bụt mệt của Hòa Vang; Tắt lửa lòng của Nguyễn Công Hoan; Thợ may của Phạm Hải Vân; Đường Tăng của Trương Quốc Dũng; Giàn thiêu của Võ Thị Hảo; các tiểu thuyết của Hồ Anh Thái như Cõi người rung chuông tận thế, Đức Phật, nàng Savitri và tôi; của Nguyễn Xuân Khánh như Mẫu thượng ngàn, Đội gạo lên chùa, Hồ Quý Ly, Chuyện ngõ nghèo; của Nguyễn Đình Tú như Xác phàm, Hoang tâm, Bãi săn và nhiều truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp... Với những tác phẩm có tiếng vang như trên ta thấy rằng, tác giả không phải là một "tín hành tôn giáo", họ không phải là người rao giảng cho tôn giáo nhưng họ chính là người lấy "bột" tôn giáo để "gột" nên tác phẩm. Nói như Chu Văn Sơn, đây chính là tác giả có "tín tâm nhưng không hề là tín đồ của bất cứ giáo phái hiện hành nào, tôn giáo chỉ đơn thuần như một cảm quan, một cái nhìn nghệ thuật về thực tại"9. Văn học hiện đại chịu sự tác

động của tôn giáo nhưng không còn đơn thuần thuyết giáo mà mượn tôn giáo như một bước đệm để nhân vật, cốt truyện trở nên hấp dẫn. Đồng thời qua đó trình bày cảm quan, thái độ của chính tác giả đối với tôn giáo. Trong việc đánh giá Mối quan hệ giữa Phật giáo với văn học, Nguyễn Công Lý nhận xét rằng: "Tôn giáo là cội nguồn nâng đỡ sức sáng tạo của văn học nghệ thuật. Phật giáo vốn là tôn giáo vì con người và về con người, hướng con người vươn tới tình thương yêu bao la, mênh mông, với tư tưởng từ bi hỷ xả; và đặc biệt chú trọng đến những con người đau khổ. Chính tư tưởng này lại bắt gặp tư tưởng của dân tộc". Phật giáo thấm nhuần trong tâm thức, đời sống của người Việt. Văn học Phật giáo là một bộ phận không tách rời, là

9. Chu Văn Sơn (2012), Nguyễn Quang Thiều và khuynh hướng sử thi tôn giáo, Nxb. Văn học.

một bộ phận làm nên diện mạo và đặc điểm của văn học Việt Nam. Phật giáo tiếp tục khẳng định mình trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Khi tiếp xúc Đông Tây diễn ra ở Việt Nam, nền văn hóa, văn học Việt phát triển một cách mạnh mẽ, văn học Phật giáo cũng không nằm ngoài sự phát triển đó. Các nhà nghiên cứu như Nguyễn Công Lý, Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Phạm Hùng đã có những công trình điểm qua sự phát triển của văn học Phật giáo cận hiện đại10. Ở đây chúng tôi quan tâm tới văn học Phật giáo nằm trong văn xuôi Việt Nam hiện đại. Đa số các nhà nghiên cứu văn xuôi Việt Nam hiện đại đều áp dụng những lý thuyết lý luận phê bình phương Tây hiện đại, cho nên, nếu hời hợt chúng ta sẽ không thấy được cảm quan tôn giáo, đặc biệt là tư tưởng Phật giáo trong những tác phẩm này. Tác giả Lê Dục Tú cho rằng: "Trong nhiều sáng tác của văn xuôi đương đại, thuyết nhân quả của Phật giáo đã hiện diện khá rõ song nó không phải chỉ là trình bày những thuyết lý tôn giáo một cách cứng nhắc, hời hợt mà là kết quả của quá trình tư duy nghệ thuật, qua đó bộc lộ tư tưởng và cái nhìn sâu sắc của nhà văn trước cuộc đời. Mượn thuyết nhân quả của Phật giáo các nhà văn đã gửi đến một thông điệp: Con người phải chịu trách nhiệm bởi những gì mình gây ra. Quá trình sống đồng thời là quá trình con người phải tự điều chỉnh hành vi của mình để cho mối quan hệ giữa con người và con người, con người và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn"11. Hàng loạt những bài nghiên cứu đã được công bố như: 'Cõi người rung chuông tận thế' từ góc nhìn Phật giáo của Võ Anh Minh; Tâm thức Phật giáo trong 'Đội gạo lên chùa' của Nguyễn Xuân Khánh của Phan Trần Thanh Tú; 'Đội gạo lên chùa' - một cách hiểu về Phật tính của Nguyễn Thị Bình; "Vô úy"- một cảm nhận Phật giáo của Nguyễn

10. Xem thêm "Một thế kỷ sưu tầm, phiên dịch và nghiên cứu về văn học Phật giáo Việt Nam" của Nguyễn Công Lý; "Nhận diện thành tựu nghiên cứu văn học Phật giáo Việt Nam thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến nay)" của Nguyễn Hữu Sơn; "Những vấn đề văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại" của Nguyễn Phạm Hùng in trong Văn học Phật giáo Việt Nam: thành tựu và định hướng nghiên cứu mới. 11. Lê Dục Tú (2018), "Cảm quan tôn giáo trong văn xuôi Việt Nam đương đại, in trong Kỷ yếu hội thảo Văn học và văn hóa tâm linh, Viện Văn học, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.446.

Xuân Khánh trong 'Đội gạo lên chùa' của Lê Tú Anh-Nguyễn Thị Thanh Nga; 'Chuyện ngõ nghèo' dưới góc nhìn Phật học, Hình ảnh ngôi chùa trong 'Đội gạo lên chùa' của Nguyễn Xuân Khánh của Phan Thạnh; Ảnh hưởng thuyết nhân quả của Phật giáo trong một số truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp của Thành Đức Hồng Hà; Thuyết nhân quả của Phật giáo trong tiểu thuyết 'Đức Phật, nàng Savitri và Tôi' của Lê Hải Anh-Trần Bích Vân... là một cách tiếp cận văn xuôi dưới góc độ Phật học. Chính việc tiếp cận này sẽ là công việc để nhận diện tác phẩm văn học Phật giáo, khẳng định sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học Việt Nam hiện đại. Qua Cõi người rung chuông tận thế, Hồ Anh Thái nêu bật lên cái ác đang chễm chệ trong xã hội, sự tha hóa của lớp thanh niên trẻ, đồng thời, sự hận thù chồng chất hận thù đã đưa đến những kết cục vô cùng bi thảm. Trong tiểu thuyết hầu như không giới thuyết một vấn đề nào của Phật giáo, nhưng dưới góc nhìn Phật học, Võ Anh Minh trong bài "Cõi người rung chuông tận thế từ góc nhìn Phật giáo" đã lý giải những tội ác, những kết cục đó vô cùng hợp lý. Đặt trên nền tảng tư tưởng nhân quả, đồng thời tinh thần từ bi xóa bỏ hận thù, quá trình từ vô minh đến hận thù, quá trình sám hối, phục thiện... đã để tiểu thuyết kết thúc với mong ước cái ác trong xã hội sẽ không phải tái diễn. Võ Anh Minh khẳng định: "Một tiểu thuyết hiện đại song cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề lại đậm sắc màu của tư tưởng Phật giáo"12. Trong Đức Phật, nàng Savitri và tôi, Hồ Anh Thái đã xây dựng một Đức Phật hoàn toàn là một con người thật trong lịch sử. Vòng hào quang huyền thoại bị gạt bỏ, thay vào đó là một con người thông tuệ, một triết gia, một nhà tư tưởng vĩ đại bằng xương bằng thịt. Những nhân vật xung quanh Đức Phật được tác giả miêu tả từ tâm lý, tính cách tới hành động càng làm cho Đức Phật càng trở nên gần gũi, càng trở nên thật hơn. Tiểu thuyết này không phải chỉ để xây dựng hình tượng Đức Phật mà còn thể hiện nhiều tư tưởng của

12. Hồ Anh Thái (2013), Cõi người rung chuông tận thế, Nxb. Trẻ, tr.361.

Phật giáo cũng như văn hóa Ấn Độ. Lê Hải Anh-Trần Bích Vân với bài "Thuyết nhân quả của Phật giáo trong tiểu thuyết Đức Phật, nàng Savitri và Tôi" đã nhận xét rằng: "Cảm quan Phật giáo được phủ chiếu ở mọi góc độ, mọi nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Đức phật, nàng Savitri và tôi của Hồ Anh Thái. Qua cuộc đời của một số nhân vật trong cuốn tiểu thuyết hơn bốn trăm trang, qua một phương diện của nghiệp với ba điều thuộc về ý (tham, sân, si), Hồ Anh Thái đưa đến một giác ngộ về nhân quả báo ứng của con người trong cuộc sống. Có lẽ bởi thế mà thông điệp nhân văn cao cả từ Đức phật, nàng Savitri và tôi của Hồ Anh Thái chưa bao giờ vơi sức hấp dẫn đối với độc giả". Với tiểu thuyết Xác phàm, Nguyễn Đình Tú đặt những câu hỏi xoay quanh lý thuyết Phật học và đan cài qua các nhân vật. "Vậy sau khi con người chết đi, cái còn lại là gì để đi đầu thai theo vòng luân hồi mà thầy vẫn giảng?". Đạo Phật gọi đó là thức [...] Nhưng rồi cái thức đó sẽ quay trở lại trong một con người nào đó chứ, bạch thầy?"13. Dưới góc nhìn Phật học sẽ thấy được tác giả đã chịu ảnh hưởng tư tưởng về tứ đại, về sự vô thường, giả tạo của cơ thể con người. Việc để cho Nam – một chàng trai muốn

phẫu thuật chuyển giới để trở thành một cô gái và có thể sống với Việt như một đôi trai gái bình thường vừa phản ánh được những biến đổi của xã hội vừa thể hiện bản chất của cơ thể người là không vĩnh viễn, không thật, cơ thể này có thể thay đổi. “Xác phàm này sẽ chỉ được thay đổi về mặt hình thức chứ không thay đổi được nội dung” [...] “Em đến từ những mảnh cát bụi nào? Đất nước và không khí nào sinh ra em, một đóa hoa chỉ tỏa hương thay cho loài khác? Tại sao em lại chọn mái nhà tranh ấy để ra đời? [...] Tại sao em lại ăn chay để nuôi dưỡng một xác phàm trong sạch rồi lại phá giới để trở nên nhanh chóng lụi tàn?”14. Xác phàm, Hoang tâm hay Bãi săn của Nguyễn Đình Tú không phải là tác phẩm dùng để thuyết giáo, truyền bá tư tưởng Phật giáo.

13. Hồ Anh Thái (2014), Xác phàm, Nxb. Trẻ, tr.20, 21. 14. Hồ Anh Thái (2014), Xác phàm, Nxb. Trẻ, tr.274.

328 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Phật giáo trong tiểu thuyết này trở thành một chất đệm, một chất keo để tác giả xâu kết các chi tiết cũng như thể hiện ý đồ sáng tạo của mình. Tương tự, Cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư là một tác phẩm hoàn toàn thế tục bởi từng chi tiết trong đó ngay cả người phàm đọc vẫn thấy ngượng nhưng dưới góc nhìn Phật học, Phan Thị Thu Hiền lại có một đánh giá sâu sắc với bài “Cảm quan Phật giáo trong Cánh đồng bất tận”15. Phan Thị Thu Hiền khẳng định: “Trong quan niệm nghệ thuật của tác phẩm, dễ dàng nhận thấy ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo. Một số học giả đi trước đã chú ý đến điểm này tuy vấn đề chưa được nghiên cứu chuyên sâu. Theo chúng tôi, cảm quan đời sống thẩm nhập triết lý Phật giáo đã góp phần tạo dựng hình tượng không gian, thời gian, nhân vật, chuyển tải những chiêm nghiệm thế sự, nhân sinh mang tầm phổ quát, khiến Cánh đồng bất tận trở thành tác phẩm cắm mốc sáng tác Nguyễn Ngọc Tư nói riêng và văn chương Việt Nam đương đại nói chung”. Bài viết Chuyện ngõ nghèo dưới góc nhìn Phật học, Phan Thạnh đã phân tích tiểu thuyết Chuyện ngõ nghèo của Nguyễn Xuân Khánh và đi đến kết luận: “Như vậy dưới góc nhìn Phật học ta thấy được bản chất của cuộc sống. Con người trong xã hội đang bị màn vô minh che lấp để chạy theo giấc mơ vật chất. Con người đánh mất giá trị tự thân, giá trị tinh thần, đánh mất tâm hồn rung động trước nghệ thuật. Không có nước mắt thì con người trở nên chai sạn trước những khổ đau. Vô minh là chi đầu nằm trong chuỗi thập nhị nhân duyên, khởi đầu cho những suy nghĩ và việc làm của con người. Để vô minh che lấp thì cái ác nó chễm chệ trong mỗi con người, đứng lộ hình giữa xã hội. Chiếc kính Chân Tướng sẽ là điều thú vị để con người giật mình nhận ra giá trị của cuộc sống, sẽ phá tan được màn vô minh. Với nghệ thuật ngôn từ, Nguyễn Xuân Khánh đã đặt con người trước một sự nghi ngờ lớn, một câu hỏi lớn về cuộc sống hiện đại hôm nay và tương lai”.

15. In trong Bình luận văn học, Tạp chí đại học Sài Gòn, niên giám 2011.

NHẬN DIỆN VĂN HỌC PHẬT GIÁO TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI 329

Với bài Ảnh hưởng thuyết nhân quả của đạo Phật trong một số truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Thành Đức Hồng Hà thông qua phân tích các tác phẩm như Tội ác và trừng phạt, Huyền thoại phố phường, Những ngọn gió hua tát đã nhận định rằng:

“Nguyễn Huy Thiệp xây dựng những nghịch lý dựa trên thuyết nhân quả của Đạo Phật gieo gió gặp bão, gieo nhân nào gặp quả ấy, người ăn ở hiền lành sẽ gặp những điều tốt, còn kẻ ác sẽ luôn gặp sự trừng phạt”16. Như vậy, tôn giáo, tâm linh gần như là sự trở lại cần thiết của văn học. Điều này ta thấy rõ ở tần số xuất hiện yếu tố tôn giáo, tâm linh trong sự phát triển của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Với việc thể hiện quan điểm của mình về tôn giáo, các nhà văn đã lồng ghép sự hiểu biết cũng như thái độ của mình trong các tác phẩm, làm cho tác phẩm thêm giá trị. Trong các tôn giáo hiện đại, Phật giáo vẫn khẳng định mình trong đời sống văn hóa văn học. 3. LỜI KẾT MỞ Chúng tôi đề cập đến việc nhận diện văn học Phật giáo trong những tác phẩm thế tục để thấy rằng, cần phải có những nghiên cứu cụ thể dòng văn học này trong quá trình nghiên cứu văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại. Việc nhận diện, nghiên cứu và đánh giá văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại trong dòng chảy của văn xuôi Việt Nam hiện đại là điều cần thiết. Bởi lẽ, trên văn đàn, những tác phẩm văn xuôi hiện đại này (số lượng in ấn, phát hành, tái bản…) có một sự tác động rất lớn đến đời sống văn học, văn hóa xã hội. Văn học hiện đại ngoài việc thể hiện các tư tưởng, lý thuyết hiện đại, còn có xu hướng “giải thiêng” tôn giáo. Nếu như bản thân Hồ Anh Thái không giải thiêng hạ bệ bằng khẳng định: “Những bậc vĩ nhân là những hình ảnh rất thiêng liêng. Không thể có bất cứ một mục đích hay mưu toan nào có thể thực hiện việc “giải thiêng” hình tượng của họ” thì ta không chắc chắn rằng những nhà văn khác sẽ giống

16. Thành Đức Hồng Hà (2018), “Ảnh hưởng thuyết nhân quả của đạo Phật trong một số truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp”, In trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Văn học Phật giáo Việt Nam: Thành tựu và Định hướng nghiên cứu mới, Sđd, tr.763.

như Hồ Anh Thái. Từ đó cho thấy việc nghiên cứu kịp thời các tác phẩm văn học hiện đại dưới góc nhìn Phật học là điều cần thiết để góp phần đánh giá tác phẩm cũng như khẳng định tính đúng đắn của Phật giáo. Ngoài việc nghiên cứu tác phẩm văn học Phật giáo thuần túy thì cần nghiên cứu bộ phận văn học Phật giáo từ trong những tác phẩm thế tục. Để làm được điều này, bản thân người nghiên cứu phải trang bị cho mình những kiến thức căn bản nhất về Phật học, đồng thời cần một “độ nhạy” với tác phẩm để có thể chiêm nghiệm và lý giải tác phẩm dưới góc nhìn Phật học. Ở đây cũng nói luôn sự hạn chế của việc nghiên cứu dòng văn học này: 1) đối với nhà nghiên cứu là người xuất gia, họ có được kiến thức Phật học sâu sắc nhưng lại hạn chế trong việc đọc tác phẩm thế tục (dày đặt ngôn ngữ, hình ảnh dung tục); 2) đối với nhà nghiên cứu là người tại gia, họ lợi thế trong việc đọc tác phẩm thế tục này nhưng lại hạn chế ở mặt kiến thức Phật học. Như trên ta thấy, hầu như các nhà nghiên cứu chỉ mới nhìn nhận tác phẩm bằng tư tưởng nhân quả, ân oán, từ bi chứ chưa đi sâu vào những tư tưởng khác như tánh không, bát nhã… Trong việc giảng dạy văn học Phật giáo Việt Nam hiện nay tại các cơ sở đào tạo, từ các cơ sở Phật học viện cho đến các trường Xã hội nhân văn vẫn chưa có các học phần Văn học Phật giáo hiện đại nằm trong bộ phận văn xuôi thế tục. Điều này khiến cho văn học Phật giáo không nằm trong quỹ đạo của sự phát triển văn xuôi hiện đại. Nhận diện văn học Phật giáo trong văn xuôi Việt Nam hiện đại

sẽ là việc làm góp phần mở rộng khái niệm văn học Phật giáo, khẳng định giá trị tư tưởng Phật giáo trong đời sống văn hóa văn học Việt Nam. Việc soi chiếu các tác phẩm văn xuôi hiện đại dưới góc nhìn Phật học để xếp nó vào dòng văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại được hay không, sẽ là vấn đề cần sự quan tâm của các nhà nghiên cứu.

***

NHẬN DIỆN VĂN HỌC PHẬT GIÁO TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI 331

Tài liệu tham khảo Lý Việt Dũng (2015), Phật lý qua Liêu Trai, Nxb. Hồng Đức. Nguyễn Đăng Điệp chủ biên (2012), Lịch sử và văn hóa - cái nhìn nghệ thuật Nguyễn Xuân Khánh, Nxb. Phụ nữ. Nguyễn Đăng Điệp-Đoàn Lê Giang chủ biên (2018), Văn học và văn hóa tâm linh, Nxb. Khoa học Xã hội. Nguyễn Công Lý-Đoàn Lê Giang chủ biên (2018), Văn học Phật giáo Việt Nam: Thành tựu và Định hướng nghiên cứu mới, Nxb. Khoa học Xã hội. Nguyễn Công Lý (2018), Văn học Việt Nam thời Lê Mạc, Nam Bắc phân tranh, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Nguyễn Phạm Hùng (2009), Văn học Phật giáo Việt Nam, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

THIỀN ĐỊNH VÀ DẠY HỌC TOÁN NCS. Tạ Thị Minh Phương*

MỞ ĐẦU Toán học là một môn khoa học cơ bản, là “nữ hoàng của các ngành khoa học” (phát biểu của Gauss, người được xem là hoàng tử toán học)1. Toán học được ứng dụng khắp nơi trên thế giới và khắp mọi lĩnh vực. Kết quả từ một cuộc khảo sát 130 học sinh trung học phổ thông về việc học toán cho thấy hơn nửa trong tổng số không thích học toán, mặc dù hầu hết đều nhận định toán học là môn học quan trọng. Học sinh cảm thấy căng thẳng với Toán và âu lo trước các kì thi. Là một người Phật tử nghiên cứu giáo dục Toán, hẳn nhiên cũng là người đã từng đi qua các giai đoạn khó khăn như các em đang đối mặt, tôi thiết nghĩ “chìa khóa” mở cánh cửa rèn luyện sức tập trung để giải quyết vấn đề và chuyển hóa căng thẳng hẳn có thể là Thiền định. 1. THIỀN ĐỊNH HỌC TOÁN Thiền định là chìa khóa mở cánh cửa bước vào con đường học toán và hiểu toán một cách thuận lợi hơn. Học toán đòi hỏi sự tập trung, thật khó để có thể nắm bắt các ý tưởng toán học hay giải

*. NCS Tiến sĩ khoa Toán, ĐHSP-Huế. 1. Waltershausen, Wolfgang Sartorius won (1856), Gauss zum Gedachtniss. Sanding Re- print Verlag H.R. Wholwend.

334 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

quyết các vấn đề với một cái Tâm bay nhảy khắp mọi nơi. Điều kiện tiên quyết để học được môn Toán là cần biết cách định Tâm trên một đối tượng, chính vì thế Thiền định là phương pháp tối ưu nhất để con đường học Toán đi đến thành công. Chìa khóa

Học toán Thiền định

Công cụ/phương tiện

Hình 1: Thiền định và Học toán Ngược lại, việc học những con số, công thức Toán học liệu có dính dáng gì đến Thiền định như trong hình 1? Mỗi cá thể tìm hiểu, tương tác và thu nhận tri thức thông qua những lăng kính khác nhau. Phật giáo không chỉ là một

tôn giáo mà Phật giáo là khoa học của mọi ngành khoa học, cũng vì thế những người làm nghiên cứu đều tiếp nhận giáo lý của nhà Phật bằng những con đường riêng biệt có cơ sở và lập luận riêng. Dẫu tin rằng Chân lý luôn như thế nhưng không phải chỉ bằng niềm tin đơn thuần mà như Đức Phật đã dạy "Văn-Tư-Tu". Toán học là môn khoa học cơ bản và logic, chính vì thế đối với những ai có sẵn nền tảng toán học, đồng nghĩa với việc có sẵn công cụ/phương tiện để học tập – tư duy – thực hành giáo lý nhà Phật một cách thuận tiện hơn. Xã hội ngày nay đang phải đối mặt stress không chỉ ở người lớn mà nghiêm trọng hơn là các em đang độ tuổi đi học. Stress có thể gây ra nhiều căn bệnh: âu lo, trầm cảm, mất trí nhớ,... Áp lực mà học sinh và giáo viên đang phải đối mặt đến từ nhiều khía cạnh. Tuy nhiên, bài viết này chỉ tập trung những vấn đề xoay quanh việc thực hành Thiền định giúp việc dạy và học Toán dễ dàng hơn, cũng như nhìn nhận vấn đề Thiền định bằng lăng kính Toán học.

THIỀN ĐỊNH VÀ DẠY HỌC TOÁN 335

2. THIỀN ĐỊNH VÀ HỆ TRỤC TỌA ĐỘ OXY Thiền, tiếng Pàli là Jhàna, Sanskrit là Dhyàna (Thiền Na), được Ngài Buddhaghosa định nghĩa như sau: "Àramman, ù panijjhànato paccanika – jhàpanato và jhapam"nghĩa là: "Lựa chọn một đối tượng rồi Thiền trên đối tượng ấy, khiến cho khả năng đốt cháy, thiêu hủy các pháp đối nghịch" (tức ở đây chỉ các triền cái và các kiết sử phiền não). Định nghĩa về Thiền trong các kinh điển thường đi cùng các khái niệm Giới, Định, Tuệ và khi đề cập đến Định tức là Thiền Định. Bốn cấp độ Thiền mà Tôn giả Gotama đã chứng đắc được kinh điển ghi chép lại như sau: "Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và(I) trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm có tứ. Như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta." Trên đây đã định nghĩa cơ bản về Thiền định theo Kinh sách, kế tiếp xem xét hệ trục tọa độ Oxy của Thiền định theo hệ quy chiếu Toán học. Ở góc phần tư thứ (IV), đây là trạng thái không có sự chú tâm, tâm lang thang trôi dạt khắp nơi. Đường tuyến tính từ góc (IV) đến góc (II) cho biết để đối trị với điều này bước đầu cần buộc Tâm trên một đối tượng. Chính sự nỗ lực chú tâm trên một đối tượng người thực hành có thể đi vào Định, tiến dần cấp độ Thiền thứ nhất - một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh (loại bỏ mong cầu, ham muốn) có tầm có tứ (tìm kiếm và bám chặt vào đối tượng).

336 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Chú tâm

(II) y (I)

Định Thiền

Nổ lực Nhẹ nhàng O x

Tâm chống cự Tâm lang thang

(III) (IV) Vọng tâm Hình 2. Thiền định và hệ trục Oxy Ngược lại, đường tuyến tính từ góc (III) đến góc (I) cho thấy nếu người thực hành cố gắng nỗ lực nhưng tâm vẫn vọng động, lúc này cần phải có chánh kiến, không đàn áp bản thân mình, quán chiếu theo dõi Tâm chống cự bên trong. Điều quan trọng là thái độ không phán xét, phản ứng, chỉ thấy rõ mọi hiện tượng như nó đang là. Được như vậy, việc thực tập có thể bước vào Thiền và các cấp độ cao hơn. Đối với việc phát triển khả năng tập trung cho các em học sinh, có thể lấy hơi thở làm đối tượng để hành Thiền. Hơi thở2 Hướng dẫn học sinh tìm thấy một tư thế mà có thể dễ dàng duy trì lâu, tập trung sự chú ý của mình đến hơi thở. Hãy để hơi thở tự nhiên và không cần phải cố gắng. Phát triển khả năng tập trung vào một đối tượng là điều đầu tiên quan trọng của việc học thiền. Hơi thở luôn là điểm tựa an toàn được đề xuất để đặt sự chú ý bởi lẽ nó là

2. John R.MC Quaid (2004), Peaceful mind, Using Mindfulness & Cognitive Behavioral Psychology to Overcome Depression.

THIỀN ĐỊNH VÀ DẠY HỌC TOÁN 337

chức năng của cơ thể liên tục xảy ra trong từng khoảnh khắc. Người thực hành sẽ sớm nhận thấy cơ thể là ngôi nhà của chính mình, và thông qua Thiền định người thực tập sẽ học cách nghỉ ngơi nơi chính ngôi nhà đó. Cách tốt nhất để phát triển hơi thở ý thức là không có những nguyên tắc cứng nhắc và vội vàng. Những gợi ý ban đầu để đặt sự chú ý vào hơi thở bao gồm những điều sau: • Chú ý đến sự chuyển động của không khí đi và ra nơi mũi, cảm thấy cảm giác hơi đi vào lạnh và hơi ấm khi đi ra. • Đếm những hơi thở vào và ra theo một chu kỳ từ 1 đến 10, và sau đó lặp lại chu kỳ này (cũng có thể đếm hơi thở theo những cách khác). Người thực tập không cần phải khắt khe với chính mình nên chú ý những gì đang xảy ra, cách chú ý đơn giản khi tâm lang thang và quay lại đếm hơi thở và bắt đầu lại ở con số mà đã bỏ lỡ hoặc quay lại từ 1. • Chú ý một chu kỳ đầy đủ của hơi thở và tất cả những cảm giác kết hợp với sự chuyển động của hơi thở. Nhận thấy hơi thở chuyển động như thế nào trong cơ thể. Thực hiện một trong những gợi ý trên cùng một lúc. Mọi người thường thấy khó khăn để tập trung khi tâm mình rất khuấy động. Nếu tâm bị khuấy động hay thậm chí bị lo âu, định một con số về cái gì đó có thể giúp người thực hành có ý thức như là đếm hơi thở vào và ra là thật sự hữu ích. Tất nhiên những gợi ý này không giới hạn việc thực tập thở của người học mà mục đích là muốn người thực hành thân cận với hơi thở vào và ra trong cơ thể. Sự vận chuyển của cơ thể là công cụ chìa khóa cho thực tập chánh niệm, cũng như tốt cho sức khỏe của người thực tập. 3. MÃ HÓA DẠNG SỐ BÀI THỰC TẬP CHÁNH NIỆM Việc quan trọng của một người thực hành Thiền là thấy rõ bản thân mình, thấy rõ mọi trạng thái và thậm chí chấp nhận cả những cảm xúc xấu. Một trong những phương pháp trị liệu chứng stress là

338 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

làm chủ cảm xúc và các con số Toán học sẽ thật sự hữu ích để theo dõi nhật ký cảm xúc của chính mình. Theo dõi những hoạt động có thể là công việc khó khăn nhưng nó đóng một vai trò lớn trong việc nhìn nhận mình cảm thấy như thế nào và sẽ hữu ích để làm điều đó. Thực hành ghi lại "nhật ký" hoạt động cho mình thấy bản thân đã trải qua thời gian và cảm xúc như thế nào. Để làm được điều đó, trước tiên viết những hoạt động đó ra và nhận định những cảm xúc của mình theo những hoạt động từ 0 đến 10 (quy ước 0 – cảm xúc tiêu cực, 10 – cảm xúc tích cực). Bảng 1. Một ví dụ nhật ký theo dõi cảm xúc hoạt động (dựa trên phương pháp trị liệu tâm lý nhận thức hành vi kết hợp Thiền chánh niệm3) Hoạt động Thứ 2 Thứ 3 Thứ 4 Thứ 5 Thứ 6 Thứ 7 Chủ nhật Giờ lên lớp 3 6 2 5 5 2 3 Giải quyết các bài tập 2 4 3 6 6 3 4 Hoạt động ngoài giờ 2 4 2 4 5 3 2 Kết quả học tập 2 3 2 4 4 2 3 Khả năng tập trung 3 5 2 6 6 3 3 Chuẩn bị bài 2 6 3 4 5 3 3 Tổng 14 28 14 29 31 16 18

Nhật ký càng chi tiết càng tốt và không mất nhiều thời gian để làm điều đó. Việc mã hóa thành dạng số như thế này có thể giúp người thực hành dễ dàng theo dõi mức độ cảm xúc của mình. Có thể xem lại nhật ký theo cả hai chiều ngang và dọc để có thể điều chỉnh các hoạt động của mình hay tìm hiểu nguyên nhân và cải thiện bản thân mình tốt hơn. 4. TRUNG ĐẠO VÀ ĐỊNH LÝ GIÁ TRỊ TRUNG GIAN

3. John R.MC Quaid (2004), Peaceful mind, Using Mindfulness & Cognitive Behavioral Psychology to Overcome Depression.

THIỀN ĐỊNH VÀ DẠY HỌC TOÁN 339

Định lý giá trị trung gian: Hàm số f(x) xác định và liên tục trên [a,b] và f(a).f(b) < 0 khi đó tồn tại c thuộc (a,b) sao cho f(c) = 0. Nói cách khác, nếu chúng ta đứng ở mỗi một bên "bờ" để nhìn "bờ" bên kia thì mãi vẫn chỉ là cái nhìn biên kiến. Nếu ta muốn vượt thoát cả 2 bờ thì ít nhất phải một lần đến được bờ kia và dĩ nhiên không dừng lại ở đó. Điều đó chỉ xảy ra khi f(a) và f(b) trái dấu hay ở 2 bờ khác nhau, hàm số liên tục, xuyên suốt nối bờ này đến bờ kia nhất định phải cắt trục Ox tại ít nhất một điểm (hàm số f(x) = 0 có nghiệm). Cũng có nghĩa là, chúng ta sẽ không sống nếu chưa một lần rơi vào trạng thái chết (hình 3) và rồi ta sẽ thực sự chết? A+

y=f(x)

Trạng thái chết

A-

Hình 3. Hàm quân bình f(x) Chẳng có cái gọi là "bất biến" bởi lẽ một đường thẳng phẳng lặng nghĩa là trạng thái chết. Quân bình là một chuỗi vận động liên tục không ngừng, linh hoạt trong một biên độ cho phép (A+, A-). F(x) không phải là một hàm tuần hoàn vì sự sống vốn đa dạng, muôn màu muôn vẻ, lăn tăn giữa hai cực và có xu hướng trung chính nhưng không bao giờ ở chính giữa. Vốn dĩ tự thân cái quân bình luôn có xu hướng phá bỏ sự quân bình và tự thân nó phải sắp xếp lại guồng máy hoạt động của nó, cái trật tự mới sẽ được hình thành. Cái mới được hình thành sau cả quá trình vận động và tôi luyện, con đường từ phá bỏ đến hình thành, thiết lập trạng thái mới là một

chuỗi những trải nghiệm liên tục và xuyên suốt. Đó chính là con đường trung đạo, "ở giữa" nhưng không phải là trạng thái chết, là tùy duyên nhưng không vướng mắc, là vượt thoát, là niết bàn. Như vậy có thể thấy, những cảm xúc tiêu cực: stress, lo lắng,...

chưa hẳn là điều quá tồi tệ. Với góc nhìn tâm lý học, ở một mức độ nào đó những cảm xúc này có thể thúc đẩy sức mạnh của não bộ và nâng cao hiệu quả của việc học tập và làm việc. Quan trọng là một người giáo viên, một người làm giáo dục nên giúp học sinh của mình biết cách chấp nhận những gì bản thân mình có bằng tất cả sự mở lòng. Học sinh biết cách làm chủ bản thân và tự tin vào chính mình có như vậy mới có thể đối diện để giải quyết những vấn đề trong học tập cũng như trong cuộc sống. 5. KẾT LUẬN Nếu việc dạy chỉ là truyền đạt cho học sinh những kiến thức suông thì có lẽ giáo dục sẽ dần dà đi đến ngõ cụt. Giáo dục nhắm đến việc giúp con người tìm thấy mình nơi chính mình. Làm thế nào để học sinh có sức mạnh cả thể chất lẫn trí óc, làm thế nào để học sinh có khả năng tập trung tốt và học tập hiệu quả, làm thế nào để học sinh cảm thấy hứng thú, không nặng nề với việc học và cuộc sống? Đó là những câu hỏi mà những người đã và đang làm công việc giáo dục luôn thao thức và tìm kiếm giải pháp. Thiền định chính vì thế trở thành một con đường được giáo dục khắp nơi trên thế giới quan tâm không chỉ riêng của Phật giáo. Chính vì những lợi ích thiết thực của việc thực tập Thiền là không thể phủ nhận, ngày nay các khóa học Thiền định được đưa vào trường học với những phương pháp phù hợp cho từng lứa tuổi. Cũng vậy giáo dục Toán học nếu chỉ là dạy và học những kiến thức hàn lâm mà không thấy tính ứng dụng trong đời sống thì việc dạy học Toán ngày càng xa rời với mục đích tốt đẹp của nó. Hơn nữa, hai không gian Phật giáo ứng dụng và Toán học ứng dụng giao nhau trong cuộc sống thực tế hiện hữu này. Quả thật đáng tiếc nếu chỉ nhìn thấy chúng riêng rẽ tách biệt trong cái nhìn của sự hạn chế, Phật giáo qua mỗi lăng kính có những nét hay đẹp riêng. Nhưng điều quan trọng là, nét đẹp đó khiến những người làm khoa học đủ bằng chứng để tin tưởng Chân lý không phải đến từ niềm tin thuần túy và giáo điều.

Tài liệu tham khảo John R.MC Quaid (2004), Peaceful mind, Using Mindfulness & Cognitive Behavioral Psychology to Overcome Depression. Thích Minh Châu (2013), Như Lai Thiền (Trong Kinh Tạng Pali), Nxb. Hồng Đức. Trung bộ I, Đại kinh Saccaka, tr.540-541. Waltershausen, Wolfgang Sartorius won (1856), Gauss zum Gedachtniss. Sanding Reprint Verlag H.R. Wholwend.

ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TS.SC. Thích Nữ An Diệu*

Tâm lý học (Psychology) là khoa học nghiên cứu các hiện tượng và quy luật tâm lý của con người. Tâm lý học là một khoa học cơ bản vừa già và vừa trẻ. Do phạm vi rộng của các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng rất rộng, do đó sự phân chia khoa học cũng rất nhiều và có sự liên quan mật thiết đến công tác giáo dục bao gồm: tâm lý học phổ thông, tâm lý học nhi đồng, tâm lý học giáo dục, tâm lý học nhân cách, tâm lý học phát triển v.v... I.V. Stalin từng gọi là "kỹ sư tâm hồn của con người", tên gọi này rất thích

hợp. Bồi dưỡng cho sinh viên, học sinh trở thành nhân tài của đất nước, đây là một hạng mục vĩ đại trong công trình giáo dục. Lý luận tâm lý học là việc thực hành tất yếu trong công trình giáo dục, tâm lý học và tri thức khoa học giải thích bản chất của tâm lý học và quy luật hoạt động của nó. Nắm vững kiến thức về tâm lý học có thể giúp giáo viên dùng phương pháp khoa học bồi dưỡng nhân tài, nâng cao kỹ năng giảng dạy. Nhà Tâm lý học giáo dục Mỹ E.L. Thorndike nói: “Tâm lý học là khoa học về trí năng, tính nết và hành vi của động vật, trong đó có cả con người. Giáo dục con người liên quan đến những đổi thay

*. Giảng viên khoa Trung Văn HVPGVN tại TP.HCM.

nhất định trong trí năng, tính nết,hành vi của họ và những vấn đề của công cụ giáo dục đó đại thể nằm trong bốn chủ đề sau: Mục tiêu, vật liệu, phương tiện và phương pháp giáo dục”.1 Giáo dục học đường là phần quan trọng nhất trong quá trình dạy học, nó không chỉ phản ánh sự chuẩn bị của giáo viên trước khi đến lớp, đây là bài kiểm tra kỹ năng giảng dạy của giáo viên,là điều căn bản của một giáo viên giỏi cần phải có để hoàn thành tốt tiết giảng dạy của mình. Không chỉ truyền đạt tất cả kiến thức cho học sinh trong bài học, mà còn có tác dụng rất lớn trong việc bồi dưỡng hứng thú cho học sinh đối với môn học. Trong nhiều năm, các nhà nghiên cứu tâm lý học đã tìm cách làm cho học sinh đạt được hiệu quả học tập tốt nhất trong một môi trường học tập không áp lực, đã tìm được rất nhiều phương pháp. Nhưng theo thực tế hiện nay, nhiều giáo viên lên lớp giảng dạy rất nhiều phương diện, nhưng học sinh hấp thu bao nhiêu, nhớ được bao nhiêu thì chẳng ai biết được. Giáo viên áp dụng tâm lý học trong giảng dạy có thể cải thiện hứng thú học tập và hiệu quả học tập cho học sinh. Sau đây tôi xin trình bày một số hiểu biết về sự kết hợp tâm lý học và phương pháp giảng dạy. THIẾT LẬP MỐI QUAN HỆ TỐT GIỮA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH Mối quan hệ tốt giữa giáo viên và học sinh là cơ sở quan trọng trong quá trình giảng dạy. Thái độ giảng dạy đúng là nội dung cốt lõi của quá trình dạy học, vì nếu giáo viên có năng lực tốt đến đâu đến đâu nhưng học sinh không thích, không tín nhiệm, thì sẽ không đạt đến kết quả giảng dạy tốt. Làm thế nào để thiết lập một mối quan hệ tốt giữa giáo viên và học sinh? Đứng trước bục giảng, giáo viên đóng hai vai trò, một là thầy cô giáo, hai là bạn của học sinh. Làm thế nào để phối hợp tốt mối quan hệ giữa hai vai trò này là điều rất quan trọng. Kế đến, giáo viên phải có sự tôn trọng, thái độ tích cực và quan tâm bình đẳng với mỗi học sinh, xây dựng mối quan hệ tốt giữa giáo viên và học sinh.

1. Edward Lee Thorndile (1910), Đóng góp của Tâm lý cho giáo dục (Phạm Toàn Dịch), Công bố lần đầu trong The Journal of Educational Psychology, Tập I, Trang 5-12

XÂY DỰNG MỤC TIÊU GIẢNG DẠY Làm thế nào để thiết lập một mục tiêu giảng dạy hiệu quả là tiền đề của việc giảng dạy. Cải cách phương pháp giảng dạy được thiết lập trên 3 mục tiêu: Phương pháp tích cực và hiệu quả để học sinh nắm vững kiến thức môn học, nâng cao phẩm chất cá nhân, phát triển toàn diện nhân cách của học

sinh.Đây là quá trình lâu dài, điều quan trọng là giáo viên làm thế nào mỗi tiết học đều đạt đến kết quả tích cực, làm thế nào khiến cho học sinh học, biết và hiểu, mới là mấu chốt quan trọng cho một tiết học có hiệu quả. Trong việc thiết lập mục tiêu giảng dạy, không thể thiếu các yêu cầu sau đây: 1. Mục tiêu giảng dạy tích cực; 2. Mục tiêu giảng dạy có hiệu quả; 3. Mục tiêu giảng dạy chất lượng, nắm bắt tiêu điểm bài giảng, thực hành phương pháp vận dụng v.v...; 4. Mục tiêu giảng dạy là mục tiêu thích hợp giữa giáo viên và học sinh, học sinh không mập mờ không hiểu bài, giáo viên không trùng lặp nhạt nhẽo; 5. Mục tiêu giảng dạy lấy học sinh làm chủ; 6. Các mục tiêu giảng dạy ngắn hạn và dài hạn phải được thống nhất; 7. Mục tiêu giảng dạy có thể đo lường được chất lượng phương pháp dạy học. TRIỂN KHAI MỤC TIÊU GIÁO DỤC Động lực là một yếu tố nội tại thúc đẩy con người hành động và đạt được một mục đích nhất định. Nếu kích thích động lực học tập của học sinh ta phải đồng thời kích thích cả nhân tố bên trong và bên ngoài. Nhân tố bên trong, mỗi học sinh đều có nhu cầu được tôn trọng, mà mức độ tự trọng, cấp độ cầu tiến và sự thành công có quan hệ mật thiết đến từng cá nhân của học sinh, học sinh có lòng tự trọng cao thì đối với việc học tập sẽ có trách nhiệm hơn. Cho nên, nâng cao lòng tự trọng của học sinh sẽ giúp ích trong việc phát huy động cơ học tập. Học sinh có động cơ học tập, mới có thể tự mình làm chủ trong việc học tập, mới có thể chủ động tích cực trong học tập. Trong tâm thức học sinh sẽ tự đông chuyển hóa từ “cần tôi học” thành “tôi cần học”, “khổ học” thành “vui học”. Có như vậy hiệu quả học tập sẽ tự nâng cao, cho nên đối với việc giáo dục không chỉ

dừng lại ở trên lớp, có thể đem lại cho học sinh những kiến thức của thế giới bên ngoài học đường và các kiến thức liên quan. Chẳng hạn như các môn học cơ bản quan trọng trong cuộc sống, có vai trò to lớn trong khoa học, công nghệ và đời sốngv.v. để học sinh nhận ra rằng môn học đó đóng một vai trò quan trọng, mới có thể tạo ra động lực kích thích mạnh mẽ cho học sinh học tập và tự mình học tập. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THÍCH HỢP Trong quá trình giảng dạy, học sinh giỏi không phải là đối tượng lo lắng của giáo viên, ngược lại học sinh có thành tích kém mới là đối tượng lo lắng, là điểm quan tâm chủ yếu của giáo viên, mỗi lớp học đều có một số học sinh có học lực kém bị ép bởi các bạn có học lực cao, bị giáo viên bỏ quên. Thông qua khảo sát và trao đổi cùng một số học sinh, phát hiện phần đông có học lực kém đều có tính tự ti hoặc cực đoan, những học sinh này cho rằng người khác vì mình có thành tích kém mà xem thường, do đó, trong lòng càng buồn khổ, chán nản không thể thoát khỏi trạng thái tâm lý này dẫn đến tình trạng tìm nơi giải trừ áp lực thông qua việc hút thuốc, uống rượu, lên mạng, giao lưu bạn bè v.v... Sống trong tâm trạng ấy, dần dần dẫn đến đời sống lệch lạc, sa vào bạo lực, bài bạc, trộm cướp, nghiện ngập v.v. sản sanh ra những hành vi xấu. Do đó, những hành vi bất thiện của học sinh gây ra, nguyên nhân chính thuộc về trách nhiệm của gia đình và giáo viên. Trên thực tế, những học sinh này cũng giống như hầu hết các học sinh khác, đều có tâm cầu tiến, mong có thành tích ưu tú, muốn được bạn bè tôn trọng, thầy cô giáo quan tâm khen thưởng. Nhưng do mất đi kiến thức căn bản, thành tích thấp kém, càng học lên cao áp lực càng nặng, hạng mục học tập càng nhiều, bài học càng lúc càng khó, dẫn đến việc theo không kịp các bạn cùng lớp.

Từ đó, chọn phương pháp trốn tránh, dẫn đến sự sợ hãi các môn học, mất đi tự tin và tích cực trong học tập, trong nghiên cứu tâm lý học đã chỉ rõ, cảm xúc là yếu tố quan trọng trong việc quyết định người học có thể đạt được kết quả lý tưởng hay không. Nâng cao sự tự tin của học sinh là điều kiện quan trọng để cải thiện hứng thú học tập.

ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY 347

Làm thế nào để nâng cao sự tự tin của học sinh? Chúng ta có thể bắt đầu từ các khía cạnh sau đây: 1. Tích cực chú ý đến ưu điểm của học sinh, như có một số học sinh có trí nhớ tốt, một số có khả năng thực hành tốt v.v.; 2. Giúp học sinh hoàn thành các khóa học ngắn hạn. Sắp xếp những bài tập tương đối dễ cho học sinh (thành tích kém) hoàn thành. 3. Giúp học sinh (thành tích kém) tìm các đối tượng tương đương để so sánh, làm cho các em có sự cạnh tranh cùng nhau trong học tập, vì những học sinh cá biệt (thành tích kém) và những học sinh khác không thể cùng một vạch xuất phát, nếu chúng ta cùng vận dụng một phương pháp giáo dục, đó là vi phạm nguyên tắc giáo dục "dạy theo năng khiếu của học sinh", nên giáo viên cần phải vận dụng thời gian rảnh trên lớp hướng dẫn riêng cho học sinh cá biệt Giúp cho các em cảm nhận đang được giáo viên quan tâm chứ không phải bị bỏ rơi. So với các bạn cùng trang lứa các em càng mong muốn được người khác tôn trọng và khẳng định. Do đó, giáo viên càng nên quan tâm đến các ưu điểm của các em hơn là các khuyết điểm. Dù là những ưu điểm nhỏ giáo viên cũng nên có sự quan tâm và biểu dương tích cực. Trong quá trình khuyến khích các em nỗ lực học tập, làm cho các em thấy mình không phải không có năng lực. Có như vậy các em mới có không gian tự tin mà tiến bước. TRỞ NGẠI TRONG GIẢNG DẠY Trong quá trình giảng dạy, giáo viên dạy và học sinh đều gặp phải những mức độ khó khăn khác nhau. Là một giáo viên, có thể vì sự cống hiến cho xã hội, hy vọng mình sẽ cải thiện chất lượng học của học sinh, trong khi đó nhà trường và phụ huynh lại muốn cải thiện điểm số của học sinh mà sản sinh ra mâu thuẫn. Là một giáo viên tốt cần phải cân bằng được hai vấn đề này. Làm thế nào để cân bằng là một vấn đề giáo viên phải đối mặt. Theo tôi, nếu chất lượng giáo dục tăng lên, thành tích tự nhiên sẽ tăng theo, bản thân hai vấn đề này không xung đột cùng nhau. Kế đến là là sự đối kháng của học sinh trong quá trình giảng dạy. Vì sao học sinh có tâm đối kháng, giáo viên không chỉ phải tìm ra nguyên nhân từ bản thân của học sinh, đồng thời nên từ bản thân mình mà tìm nguyên

348 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

nhân. Hiện tượng đối kháng chủ yếu được thể hiện ở các học sinh cá biệt, các em dùng những hành động, lời nói khác thường nhằm cố gắng hấp dẫn sự chú ý của người khác. Giáo viên cần phải nhận thức rõ những hiện tượng phát triển của tâm lý học sinh, để tìm ra phương pháp giải quyết đúng đắn. Đầu tiên giáo viên cần phải có những kiến thức căn bản về tâm lý học như: Tâm lý học phổ thông (General Psychology), thông qua đó có thể hiểu được kiến thức căn bản của tâm lý học và một vài hiện tượng căn bản của tâm lý, nắm bắt được một số vấn đề của tâm lý học. Phát triển Tâm lý học (developmental psychology, giáo viên nên hiểu được quy luật phát triển tâm lý của học sinh, biết được mỗi đặc điểm phát triển qua từng giai đoạn tuổi tác và sự khác biệt tồn

tại trong từng cá thể. Giáo dục Tâm lý học (educational psychology), trọng tâm của giáo dục tâm lý học là nghiên cứu các vấn đề trong việc học tập của học sinh, nghiên cứu học sinh học tập như thế nào, thói quen trong học tập, và cách thức học tập v.v... kiến thức về tâm lý học giáo dục phong phú sẽ giúp giáo viên giải quyết một số vấn đề về tâm lý mà học sinh gặp phải trong quá trình học tập. Ngoài ra, những kiến thức về Tâm lý học Xã hội (Social psychology), Tâm lý học Tư vấn (Consulting Psychology), Tâm lý Giáo dục Sức khỏe v.v... cũng rất quan trọng, giáo viên có thể căn cứ vào tình huống của bản thân, không chỉ có ích trong việc giảng dạy, mà còn duy trì được tâm lý sức khỏe, luyện tập trở thành một người có tố chất tâm lý tốt. Kế đến giáo viên có thể hiểu được đặc điểm tư duy của học sinh. ĐÁNH GIÁ HỢP LÝ Kịp thời đánh giá bài tập của học sinh một cách chính xác, không phải chỉ đơn giản là tốt hay xấu, mà từ trong sự phản hồi của giáo viên học sinh xem xét lại chính mình. Tóm lại, giáo viên không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy theo những phương pháp sau: 1. Dạy tốt mỗi tiết học, đạt được sự tín nhiệm của học sinh Thường thì học sinh sẽ sanh ra cảm giác lo lắng khi tiếp cận

những môn học mới, cảm thấy phức tạp, thậm chí mang tâm lý lo sợ. Giáo viên cần phải kịp thời giúp học sinh khắc phục trạng thái tâm lý này. Hướng dẫn học sinh kết hợp kiến thức của môn học và thực tiễn cuộc sống, từ trong tâm lý thực sự tin rằng cuộc sống chính là nguồn kiến thức của các môn học. Học sinh đối với môn học phải sản sanh hứng thú, mới có thể chủ động và tích cực, mà hứng thú trong học tập phần lớn đến từ giáo viên, cho nên giáo viên cần phải vận dụng tốt cơ hội trong tiết học đầu tiên (vì đây là tiết học để lại ấn tượng sâu nhất cho học sinh), dựa vào chất lượng dạy học của giáo viên, dùng kiến thức của mình với môn học tạo thành sức mạnh lan truyền đến cho học sinh, chinh phục học sinh, kích phát hứng thú học tập của học sinh, điều này tạo một nền tảng tốt đẹp cho công tác giảng dạy sau này. 2. Truyền cảm hứng giảng dạy để kích thích tư duy trừu tượng của học sinh Trong mỗi tiến trình, cấp bậc, tầng thứ của học sinh đều có sự thay đổi rất lớn: Nội dung giảng dạy cũng rất trừu tượng, phương pháp càng thêm linh động. Cho nên trong giảng dạy, giáo viên nên dạy cho học sinh từ nhiều góc độ, nhiều tầng thứ quan sát phân tích vấn đề, hình thành kiến thức tư duy độc lập, mở rộng góc độ tư duy. Cần hướng dẫn học sinh từ tính ỷ lại chuyển sang chủ động và độc lập trong học tập, kế đến hướng dẫn học sinh từ những kinh nghiệm phán đoán cảm tính chuyển sang tư duy có tính logic trừu tượng. 3. Học sinh là người tham gia, không phải người ngoài cuộc Trong quá trình giảng dạy giáo viên cần phải xác định được " địa vị" của mình, học sinh là chủ thể, các em là người tham gia, không phải người bàng quan. Cho nên trong hoạt động giáo dục giáo viên cần phải hướng dẫn học sinh tham gia vào trong hoạt động giảng dạy. Cách tốt nhất để học sinh tích cực tham gia học tập là đặt câu hỏi, đưa ra các vấn đề phát khởi năng lực tưởng tượng của học sinh, khiến cho các em phát huy tất cả kiến thức, kỹ năng của mình. Từ

đó, không khí của lớp học sẽ sôi nổi hơn, hứng thú học tập của học sinh sẽ được nâng cao hơn. 4. Chú trọng việc trau dồi khả năng đặt câu hỏi của học sinh Trong quá trình học tập học sinh luôn nảy sinh các vấn đề khó giải thích, các em muốn đạt được kiến thức về lĩnh vực này để thỏa mãn tính hiếu kỳ, nhưng đồng thời lòng tự trọng của các em cũng rất lớn, rất sợ mất mặt. Vì vậy, thường thể hiện tâm lý rụt rè, sợ rằng câu hỏi của mình không phù hợp, bị giáo viên phê bình, sợ bạn bè cười nhạo. Do đó, cần phải khiến cho học sinh lúc lên lớp mạnh dạn đặt vấn đề. Đầu tiên, giáo viên cần phải nghĩ phương pháp giúp đỡ học sinh giải trừ chướng ngại tâm lý, khuyến khích học sinh mạnh dạn đặt vấn đề. Trong lúc giảng dạy cần phải bồi dưỡng năng lực đặt câu hỏi cho học sinh, không thể tất cả đều làm theo từng bước trong sách giáo khoa, giáo viên cần phải có tính thực tế trong giảng dạy, phù họp với năng khiếu của học sinh, không ngừng cải cách phương pháp giảng dạy, tích cực áp dụng các phương tiện khoa học để khuyến khích học sinh đặt câu hỏi, thấy được lợi ích từ việc đặt câu hỏi và đạt được những kiến thức trong việc đặt câu hỏi. Trong lúc giảng dạy, giáo viên không cần giảng dạy toàn bộ đầy đủ các phương diện, mà để cho học sinh có không gian phát triển và tư duy, giúp cho học sinh tích cực phát huy sự sáng tạo, tư duy và quan điểm của mình. KẾT LUẬN Tâm lý học là một môn khoa học thú vị, là đối tượng nghiên cứu tự thân của con người và các hiện tượng tâm lý khác nhau xảy ra với chúng ta. Một số hiện tượng tâm lý cực kỳ phổ biến đối nhưng các nhà tâm lý học lại rất quan tâm. Họ dành nhiều công sức cho cho việc đào sâu nghiên cứu và đạt được khá nhiều kết quả. Nếu chúng ta có thể áp dụng những kết quả lý thuyết này vào công việc giảng dạy, để giáo viên hiểu rõ hơn về tâm lý học sinh, càng có hiệu quả hơn trong công tác giáo dục và giúp đở học sinh, đồng

thời đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy việc học tập của học sinh. Trước đây, không có kiến thức lý thuyết về tâm lý học, hoặc thiếu kiến thức về học tập và tri thức về tâm lý học nên không thể giải quyết tốt những vấn đề học sinh cần học và giáo viên cần dạy. Ngày nay tâm lý học phát triển và dần dần áp dụng vào phương pháp dạy học, ví dụ: Thông qua việc giao lưu, tìm hiểu học sinh, từ đó đạt được mục đích truyền đạt tin tức. Giáo viên vì học sinh mà phục vụ, vì thế cần phải gần gũi, tìm hiểu học sinh nhiều hơn, nghe ý kiến, kiến nghị và cảm nhận của học sinh, sau đó điều chỉnh phong cách và phương pháp giảng dạy của mình. Có như thế mới có thể đạt được kết quả giảng dạy tốt. Từ góc độ này, chúng ta có thể tiến hành phương pháp “đổi góc độ suy nghĩ” là vô cùng cần thiết: Nếu như tôi là học sinh, tôi mong giáo viên sẽ dạy như thế nào? Qua việc học tâm lý học, ngày càng chú ý đến tác động của tâm lý học đối với hiệu quả giảng dạy, cổ nhân nói “biết địch biết ta trăm trận trăm thắng” chỉ khi biết được học sinh đang nghĩ gì, đang muốn gì, đang hy vọng điều gì thì mới có thể “đúng bệnh cho thuốc”, mới có thể “thuốc đến bệnh trừ”. Đạo lý thì rất đơn giản, nhưng khi thực hành thì rất khó.

***

Tài liệu tham khảo
Edward Lee Thorndile (1910), Đóng góp của Tâm lý cho giáo dục (Phạm Toàn Dịch), Công bố lần đầu trong The Journal of
Educational Psychology, tập I.
Nguyễn Ngọc Bích (2003), Tâm lý học nhận biết con người trong quản lý nhân sự, NXB Huế.
Đặng Phương Kiệt (2001), Cơ sở tâm lý học ứng dụng, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
.“”[J]. ,
2007
.[
]., 2014
.[
].(), 2015
CÁC YẾU TỐ HỖ TRỢ ỨNG PHÓ VỚI STRESS CỦA TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO TẠI THÀNH PHỐ HUẾ NCS.ĐĐ. Thích Pháp Tịnh*

TÓM TẮT Nghiên cứu này nhằm khảo sát các yếu tố hỗ trợ ứng phó với stress của tín đồ Phật giáo (TĐPG). Nghiên cứu được thực hiện trên 464 tín đồ Phật giáo, trong đó có 224 nam và 240 nữ. Các tín đồ Phật giáo có độ tuổi từ 18 đến 35, đang đi học, đi làm và thất nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xét tổng thể, mức độ stress của tín đồ Phật giáo trong nghiên cứu này thấp hơn mức độ stress của thanh niên trong một số nghiên cứu đã công bố. Trong đó, nữ tín đồ Phật giáo có mức độ stress cao hơn nam tín đồ Phật giáo. Bên cạnh đó, những tín đồ Phật giáo đang đi làm có mức độ stress nhẹ cao hơn tín đồ Phật giáo đang thất nghiệp và đi học. Mặt khác, trong các yếu tố hỗ trợ ứng phó với stress của tín đồ Phật giáo, yếu tố hỗ trợ từ nhà chùa được tín đồ Phật giáo chọn cao hơn so với các yếu tố tác động khác. 1. MỞ ĐẦU Stress không phải là một căn bệnh mới mẻ, nó thật sự có mặt từ

*. Phó Trường phòng Đào tạo - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

lâu và luôn tồn tại trên nhiều phương diện khác nhau. Nhưng nghiên cứu về stress dưới góc độ khoa học chỉ thật sự bắt đầu vào nửa đầu thế kỷ XX [8]. Ngoài những mặt tích cực của stress dương tính giúp cho con người hăng say, nỗ lực trong học tập, lao động và sáng tạo thì stress âm tính mang lại những hiểm họa đáng sợ cho loài người. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, stress là một trong sáu nguyên nhân hàng đầu cướp đi sinh mạng con người trên trái đất này (APA, 2007). Đáng báo động nhất, ngày nay căn bệnh stress đang có chiều hướng gia tăng ở lứa tuổi thanh - thiếu niên. Alvin Tofler đã chỉ ra rằng “những biến động xã hội mạnh mẽ mau lẹ và liên tục là những tác nhân gây stress thời hiện đại” [7]. Ở Anh, tỷ lệ thanh niên bị stress là 31,2 %, Malaysia là 41,9%, Thái Lan là 61% và Singapore la 54%[12]. Ở các nước châu Á - Thái Bình Dương, theo tác giả Chiu (2004), tỷ lệ căng thẳng, trầm cảm trong vòng 1 tháng từ 1,3% đến 5,5%, trong vòng 1 năm qua từ 1,7% đến 6,7% và cả cuộc đời từ 1,1% đến 1,9% trung bình là

3,7% thấp hơn nhiều khu vực trên thế giới. Ở Australia, năm 2012 thì tỷ lệ căng thẳng, trầm cảm trong lứa tuổi 18 - 35 là 7,98% thì đến năm 2013 tăng lên 8,72%[4]. Ở Việt Nam, vấn đề stress đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm bởi những hệ quả do stress gây ra đối với thanh thiếu niên như: Bị căng thẳng, trầm cảm, có hành vi gây hấn hoặc thậm chí tự sát. Một nghiên cứu ở các trường trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 cho thấy, có 21% học sinh bị căng thẳng, trầm cảm, 3% có hành vi cố ý tự gây thường tích, 8% đã từng bỏ nhà đi [5]. Một nghiên cứu khác của Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ (ĐHQG-HN) năm 2008 khảo sát trên 200 học sinh lớp 12 đã chỉ ra rằng 47% học sinh bị stress từ mức độ nhẹ, vừa và nặng. Những nguy cơ mà stress có thể đem đến cho các em không nhỏ, ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm lý khi trưởng thành [6]. Như vậy có thể thấy, stress là một căn bệnh thuộc về sức khỏe tinh thần, không phân biệt độ tuổi, hoàn cảnh kinh tế, yếu tố chủng tộc, giới tính… Stress có ảnh hưởng tiêu cực và dai dẳng đến cả tinh thần lẫn thể chất của con người. Cho đến nay, có khá nhiều công trình nghiên cứu về stress.

CÁC YẾU TỐ HỖ TRỢ ỨNG PHÓ VỚI STRESS CỦA TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO TẠI THÀNH PHỐ HUẾ 355

Nhưng phần lớn đều hướng vào đối tượng học sinh, sinh viên, công nhân viên chức. Ít có nghiên cứu chú trọng đến stress trên đối tượng tín đồ Phật giáo. Mặt khác, các nghiên cứu trên chỉ tập trung vào tìm hiểu mức độ, biểu hiện và nguyên nhân gây ra stress mà ít quan tâm đến ứng phó. Vì thế, các biện pháp đề xuất còn thiếu thiết thực và không sát đối tượng. Ứng phó với stress trong xã hội ngày nay thật sự là một việc làm bức bách và quan trọng của tất cả mọi người. Việc hiểu và sử dụng các chiến lược ứng phó tích cực, hiệu quả sẽ đảm bảo cho con người dễ dàng thích nghi với những thách thức trong cuộc sống. Ngược lại, nếu cá nhân có xu hướng thường xuyên sử dụng các chiến lược ứng phó thụ động, kém hiệu quả thì sẽ gây nên những bế tắc, đau buồn trước những khó khăn của cuộc sống. Tín đồ Phật giáo là những người am hiểu về giáo lý đạo Phật, sống và làm việc theo chuẩn mực của người có đạo. Để khẳng định mình trong gia đình, nhà trường và xã hội, tín đồ Phật giáo đã và đang phát huy khả năng sáng tạo, nhiệt huyết của mình trong cuộc sống. Điều này đã giúp họ thích nghi và phát huy năng lực vốn có của bản thân trước sức mạnh phát triển như vũ bão của thời đại. Đây là điểm tích cực mà tín đồ Phật giáo đã thể hiện và sống đúng trên tinh thần "tùy duyên" của nhà Phật. Bên cạnh đó, vẫn có một số tín đồ Phật giáo trẻ tuổi, còn ít kinh nghiệm trong cuộc sống, họ không thể giải quyết những khó khăn một cách triệt để và cân bằng lối sống. Chính điều này dễ làm cho tín đồ Phật giáo rơi vào trạng thái căng thẳng, trầm cảm. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới, việc nghiên cứu stress của tín đồ Phật giáo vẫn chưa được quan tâm một cách thích đáng. Có thể khẳng định rằng mảng đề tài nghiên cứu này cần được chú trọng hơn nữa. 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 2.1. Khách thể nghiên cứu Đề tài được thực hiện trên 464 tín đồ Phật giáo tại thành phố

356 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Các tín đồ Phật giáo có độ tuổi từ 18 đến 25 tuổi, gồm 224 nam và 240 nữ, hiện đang đi học, đi làm và đang thất nghiệp. Hầu hết khách thể nghiên cứu là dân địa phương và một số ít từ các tỉnh khác đến tham gia các tổ chức gia đình Phật tử. 2.2. Công cụ thu thập dữ liệu và tiến trình thực hiện Nghiên cứu sử dụng thang (Depression – Anxiety – Stress Scale - DASS) của Lovibond và Lovibond (1995). Thang gồm 42 câu, đánh giá ba mặt, trầm cảm, lo âu và căng thẳng, mỗi mặt gồm 14 câu. Tín đồ Phật giáo được yêu cầu xác định mức độ xảy ra với bản thân trong "tuần lễ vừa qua" của các biểu hiện/sự kiện trên thang đo gồm 4 mức độ từ 'Hoàn toàn không xảy ra với tôi" (tương ứng với 0) đến "Rất thường xảy ra với tôi, gần như luôn xảy ra" (tương ứng với 3). Điểm thô được tính bằng tổng điểm của các câu ở mỗi mặt. Ở mặt stress, điểm thô từ 0 -14 thuộc mức bình thường, từ 15 – 18 là stress nhẹ, từ 19 – 25 là stress vừa, từ 26 – 33 là stress nặng và lớn hơn hoặc bằng 34 là stress rất nặng. Bên cạnh thang DASS, nghiên cứu cũng sử dụng nhiều phương pháp khác như: Bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát... Trong các phương pháp trên, nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ yếu. Bảng hỏi được xây dựng thông qua việc trao đổi với chuyên gia và tham khảo một số công trình đã công bố. Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0. 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 3.1. Các yếu tố hỗ trợ ứng phó với stress của tín đồ Phật giáo 3.1.1. Mức độ stress Điểm thô trung bình của thang DASS của tín đồ Phật giáo là 8,6 ở mức tương đương với điểm thô trung bình của nhóm người cùng độ tuổi của Úc là 8,72 (dẫn theo Australian Psychology Society, 2015). Điểm thô của thang DASS được chuyển sang mức độ stress dựa trên việc đối chiếu với bảng quy ước chuẩn của DASS, gồm 5 mức độ: (1) Bình thường; (2) Stress nhẹ; (3) Stress vừa; (4) Stress nặng

và (5) Stress rất nặng. Sử dụng phép phân tích tần số (Frequency) trong SPSS 16.0, chúng tôi thu được số lượng và tỷ lệ tín đồ Phật giáo trên địa bàn thành phố Huế ở năm mức độ stress như trong Bảng 1. Bảng 1. Số lượng và tỷ lệ tín đồ Phật giáo ở các mức độ stress Mức độ stress Số lượng Tỷ lệ % Bình thường 342 73,7 Stress nhẹ 67 14,4 Stress vừa 43 9,2 Stress nặng 12 2,5 Stress rất nặng 0 0.0 Tổng 464 100 Bảng 1 cho thấy, xét tổng thể, đa số tín đồ Phật giáo tự đánh giá mức độ stress của bản thân là Bình thường (73,7%). Thực tế khi tiếp xúc, quan sát, trò chuyện với tín đồ Phật giáo ở một số chùa trên địa bàn Thành phố Huế, chúng tôi nhận thấy rằng: Phần lớn tín đồ Phật giáo có cuộc sống tinh thần khá ổn định. Một số anh/ chị chia sẻ: "Những lúc mệt mỏi nhất chính là lúc họ thấy giá trị của những buổi tụng kinh, nghe pháp và thư giãn tại chùa". Theo họ, việc thực tập những phương pháp đó giúp tâm trí của họ được cân bằng trở lại. Đồng thời, họ có đủ niềm tin để tự mình đối điện giải quyết những trở ngại trong cuộc sống. Bên cạnh đó, tổng số tín đồ Phật giao có mức độ stress nhẹ, stress vừa và stress nặng là 110/464, chiếm tỷ lệ 23,6%. Kết quả này cho thấy, nhiều tín đồ Phật giáo đang có những biểu hiện stress. Tỷ lệ stress của tín đồ Phật giáo trong nghiên cứu này của chúng tôi khá tương đồng với tỷ lệ stress trong nghiên cứu ở Úc (cũng sử dụng thang đo DASS) năm 2013 trên nhóm khách thể nghiên cứu ở độ tuổi từ 18 – 35, là

37%[1]. Tuy nhiên, tỷ lệ tín đồ Phật giáo có mức độ stress nặng và rất nặng thấp hơn nhiều so với tỷ lệ đó ở Úc. Tỷ lệ tín đồ Phật giáo bị stress nặng là 2,5 % và stress rất nặng là 0,0%, trong khi ở Úc tỷ lệ stress nặng là 6,4%, stress rất nặng là 7,1%. Sự

khác biệt này có thể liên quan đến yếu tố văn hóa, tôn giáo và độ tuổi của hai nhóm khách thể nghiên cứu trong hai nghiên cứu. Ở Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Bá Đạt về rối loạn căng thẳng, trầm cảm và một số yếu tố tâm lý xã hội liên quan ở học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội cho kết quả 18,8% có các biểu hiện rối loạn căng thẳng, trầm cảm và 9,1% được khẳng định là rối loạn stress, trầm cảm[2]. Như vậy, có thể thấy mức độ stress của tín đồ Phật giáo được đánh giá bằng thang DASS là không cao. Trong xã hội ngày nay, căn bệnh stress xuất hiện khá thường xuyên trong cuộc sống, thế nhưng ở tín đồ Phật giáo, căn bệnh này ít phổ biến với đa số tín đồ Phật giáo không bị stress hoặc chỉ bị stress ở mức độ nhẹ. Tuy nhiên, với số tín đồ Phật giáo bị stress, việc tìm hiểu nguyên nhân gây stress, cách ứng phó với stress để giúp tín đồ Phật giáo giảm thiểu mức độ căng thẳng vẫn là việc làm hết sức cần thiết và cấp bách. 3.1.2. Chỗ dựa xã hội Có nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau tác động đến việc ứng phó với stress của tín đồ Phật giáo. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn ba yếu tố hỗ trợ cơ bản là hỗ trợ từ gia đình, bạn bè và ngôi chùa. a. Hỗ trợ từ gia đình Kết quả bảng 2 cho thấy, mức độ hỗ trợ của gia đình được tín đồ Phật giáo đánh giá ở mức trên trung bình (TBC từ 2,29 đến 2,58). Bảng 2. Hỗ trợ từ gia đình STT Hỗ trợ từ gia đình TBC Thứ bậc 1 Gia đình luôn bên cạnh 2,34 2 2 Gia đình luôn tìm mọi cách giúp đỡ 2,41 3 3 Gia đình hỗ trợ đưa ra quyết định 2,58 4 4 Tôi thường tâm sự với gia đình 2,29 1 5 Tổng 2,40

Một trong những đặc trưng của văn hóa Á Đông là dù con cái trưởng thành thì gia đình vẫn luôn là chỗ dựa, chở che lý tưởng. Trong nhiều nghiên cứu, gia đình là chỗ dựa xã hội quan trọng nhất giúp thanh thiếu niên ứng phó với căng thẳng. Sự chia sẻ, tâm sự, lắng nghe những lời khuyên trong gia đình giúp thanh thiếu niên nhìn nhận vấn đề một cách lạc quan, biết đón nhận khó khăn và chấp nhận thực tế. Không chỉ giúp thanh thiếu niên nhìn nhận vấn đề theo hướng tích cực mà chỗ dựa gia đình còn hỗ trợ các phương tiện vật chất và tinh thần cần thiết để thanh thiếu niên giải quyết vấn đề. Mặc dù gia đình là chỗ dựa xã hội vững chắc giúp thanh thiếu niên nâng cao nội lực ứng phó của bản thân, trở nên bản lĩnh hơn để trực tiếp đương đầu, loại bỏ tác nhân gây stress như được đề cập ở trên. Trong nghiên cứu này, chỗ dựa xã hội là gia đình lại được tín đồ Phật giáo đánh giá ở mức trên trung bình và thấp hơn so với sự hỗ trợ từ bạn bè và từ chùa. Trong khi gia đình thường hỗ trợ tín đồ Phật giáo trong việc đưa ra quyết định thì ít nhưng lại nơi để họ tâm sự hoặc đơn giản là để họ cảm nhận rằng có gia đình bên cạnh. Đây là một vấn đề cần được quan tâm và tìm hiểu thêm, bởi Huế là thành phố còn giữ nhiều giá trị truyền thống, trong đó có sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình. Nghiên cứu tiếp theo cần làm rõ sự gắn kết với gia đình thay đổi

như thế nào trong xã hội ngày nay và nếu sự gắn kết đó vẫn tồn tại thì lý do gì khiến tín đồ Phật giáo không đánh giá cao nó với tư cách là chỗ dựa xã hội. b. Hỗ trợ từ bạn bè Kết quả phân tích cho thấy, những tín đồ Phật giáo đánh giá mức độ hỗ trợ từ bạn bè cao, thường được sử dụng như cách ứng phó tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội nhiều hơn. Kết quả bảng 3 cho thấy, điểm trung bình của sự hỗ trợ từ bạn bè là khá cao (TBC = 2,65) đứng thứ 2 trong 3 nhóm yếu tố. Điều này cho thấy, đây quả thật là lứa tuổi thường xem trọng bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, lao động, học tập của họ.

Bảng 3. Hỗ trợ từ bạn bè STT Hỗ trợ từ bạn bè TBC Thứ bậc 1 Bạn bè luôn động viên 2,78 1 2 Tôi có thể dựa vào bạn bè 2,43 4 3 Có những ngươi tôi có thể chia sẻ 2,74 2 4 Bạn đặc biệt quan tâm 2,67 3 5 Tổng 2,65 Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với kết quả nghiên cứu của Firth (1989), Barba và các cộng sự (2004). Các nghiên cứu này đã chỉ ra rằng chỗ dựa bạn bè với những người đặc biệt khác như thầy cô, người yêu… có quan hệ chặt chẽ với việc sử dụng cách ứng phó "tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội" hơn là chỗ dựa gia đình. Chúng ta có thể lý giải điều này như sau: Ở lứa tuổi thanh niên, tín đồ Phật giáo chịu ảnh hưởng lớn từ bạn bè và người yêu. Sự chia sẻ, tâm tình và học hỏi giữa những người đồng trang lứa thường thuận lợi hơn bởi họ có các đặc điểm tâm lý và cùng đối mặt với các khó khăn giống nhau. Hơn nữa tác nhân gây stress cho tín đồ Phật giáo đa phần là những sự kiện liên quan đến học tập, các mối quan hệ vì thế tín đồ Phật giáo thường tìm kiếm sự hỗ trợ của bạn bè và thầy cô hơn là gia đình. Vai trò của bạn bè thường chỉ dừng lại ở việc lắng nghe, chia sẻ hoàn cảnh khó khăn, không trực tiếp giúp tín đồ Phật giáo giải quyết vấn đề. Lý giải điều này, nhiều tác giả cho rằng có lẽ với trải nghiệm cuộc sống còn ít, năng lực tài chính, vật chất khá hạn chế nên bạn bè khó có thể giúp tín đồ Phật giáo loại bỏ tác nhân gây stress một cách triệt để (dẫn theo Barba và cộng sự, 2004; Firth, 1989). Ngoài ra, quan trọng hơn, những tín đồ Phật giáo có chỗ dựa xã hội vững vàng đã không lảng tránh gặp gỡ mọi người hoặc thu mình lại khi gặp căng thẳng. Chính chỗ dựa xã hội đã giúp tín đồ Phật giáo cởi mở hơn, sẵn sàng chia sẻ cảm xúc và tâm trạng của mình. Điều này hết sức quan trọng bởi nó tránh được khả năng xảy

ra stress nặng hơn khi cá nhân tự rút rui và âm thầm chịu đựng trạng thái căng thẳng. c. Hỗ trợ từ chùa Kết quả điều tra cho thấy rằng, chùa là chỗ dựa xã hội mà tín đồ Phật giáo thường nương vào để tìm kiếm sự bình an và đây là chỗ dựa xã hội quan trọng nhất của tín đồ Phật giáo. Trong đó "chùa, tự viện là nơi tôi có thể thả hồn trong những giây phút an lạc, thảnh thơi khi gặp những thất bại trong cuộc sống" được tín đồ Phật giáo chọn cao nhất (2,82%). Bảng 4. Hỗ trợ từ chùa STT Hỗ trợ từ chùa TBC Thứ bậc 1 Tâm sự cùng các anh chị đi chùa 2,76 2 2 Tâm sự chia sẻ với các thầy cô trong chùa 2,47 6 3 Thực tập thiền giúp tôi thư thái tâm hồn 2,73 3 4 Chùa giúp tôi bình an 2,82 1 5 Nghe thuyết pháp giúp tôi tìm lại 2,6 5 chính mình 6 Cầu nguyện 2,71 4 7 Tổng 2,68 Điều này cho thấy rằng, tôn giáo chính là chỗ dựa vững chắc, là nơi quay về để nương

tựa sau những thất bại, đau buồn trong cuộc sống. Điều này được các nhà nghiên cứu tại Đại học Califonia (2004) kiểm chứng “các học sinh, sinh viên có liên quan các hoạt động tôn giáo có thể có sức khỏe tâm thần và tình cảm tốt hơn những người khác”. Năm 2006, nghiên cứu được tiến hành tại Đại học Texas thấy rằng, một cá nhân càng thường xuyên đi nhà thờ, chùa chiền thì tuổi đời càng cao. Kết luận tương tự cũng được lặp lại với nghiên cứu 2000 người dân ở bang California trong vòng 5 năm trong một dự án ý tế cộng đồng. Kết quả nghiên cứu này cho biết, những người đi nhà thờ, chùa chiền có tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và chống

chọi với khó khăn tốt hơn so với những người không tham gia tôn giáo, chiếm tỷ lệ 36% [10]. Clark và Lelkes (2008), cho rằng, những người có niềm tin tôn giáo, ít có khuynh hướng căng thẳng, trầm cảm. Chính niềm tin tôn giáo, nghi lễ tôn giáo, sự cầu nguyện và thực tập thiền định đã dạy cho họ biết nhìn nhận thực tại để tự mình đối diện những khó khăn trong cuộc sống (dẫn theo Clark và lelkes, 2008). Năm 2010 Chaeyoon Lim và Putnam đã công bố nghiên cứu cho thấy rằng, những người có niềm tin tôn giáo hạnh phúc hơn những người không có tôn giáo. Nghiên cứu cũng đã khẳng định niềm tin tôn giáo có vị trí quan trọng trong vòng đời của mỗi con người. Chính niềm tin tôn giáo đã giúp con người cân bằng lối sống của mình [9]. Có nhiều lý do khiến tôn giáo có nhiều lợi ích đối với sức khỏe tâm thần con người. Chaeyoon Lim cho rằng, những lúc đến nhà thờ, chùa chiền sẽ giúp con người có một mạng lưới xã hội rộng hơn, có nhiều người hỗ trợ hơn. Điều đó sẽ giúp cá nhân có cái nhìn tích cực hơn về cuộc sống cũng như cảm thấy được nâng đỡ khi cần. Qua đó để thấy được, mỗi đối tượng có cách biểu hiện, nương tựa khác nhau khi gặp những thất bại, đau buồn, khó khăn trong cuộc sống. Từ đó giúp nhà nghiên cứu có cái nhìn khái quát trong việc đưa ra biện pháp tác động phù hợp. Mặt khác, từ kết quả này cho thấy, sức mạnh của tôn giáo có thể chuyển hóa đau khổ để con người tự tin đối đầu với những khó khăn phía trước. Tóm lại, từ các kết quả trên cho thấy, mức độ hỗ trợ từ nhà chùa được các tín đồ Phật giáo lựa chọn và ứng dụng cao nhất so với các hỗ trợ khác. Điều này phù hợp với vai trò sứ mạng của hoạt động tâm linh. Quan điểm của nhà Phật là “phục vụ chúng sinh tức cúng dường chư Phật”. Chính niềm tin tôn giáo và các nghi lễ tôn giáo đã dạy cho con người biết chấp nhận hơn và cũng bằng cách đó giúp con người vượt qua những khó khăn, khắc nghiệt của cuộc sống. 4. THẢO LUẬN VÀ KẾT LUẬN Stress là mảng đề tài được nhiều nhà nghiên cứu Tâm lý học, Xã

hội học và Y khoa quan tâm. Bên cạnh những nghiên cứu lý luận về stress, nhiều công trình đã quan tâm đến việc xây dựng các công cụ đánh giá mức độ stress. Từ đó, hỗ trợ, tác động để giúp những người bị stress có liệu pháp để giải quyết. Ở Việt Nam, hiện có khá nhiều công trình nghiên cứu về mức độ stress ở các nhóm người khác nhau, học sinh, sinh viên, người lao động. Tuy nhiên, rất ít nghiên cứu nào tập trung đến vấn đề stress của tín đồ Phật giáo, đặc biệt là ở lứa tuổi thanh niên. Chính vì vậy, kết quả

nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao, cung cấp những cơ sở cần thiết cho các nhà tâm lý và những người quan tâm đến chất lượng cuộc sống của những tín đồ Phật giáo. Từ đó xác định hướng hoạt động hỗ trợ, nhằm giảm thiểu mức độ stress, nâng cao chất lượng cuộc sống và tinh thần của tín đồ Phật giáo. Hiện nay, các công cụ thang đo và chẩn đoán stress, trầm cảm khá đa dạng. Với ưu thế là thang đo được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn được xác định bởi các hệ thống chuyên môn như DSM-V, ICD-10; DASS đang được nhiều nhà nghiên cứu và thực hành đánh giá cao. Thang DASS đã được giới thiệu và sử dụng nhiều hơn ở Việt Nam và chứng tỏ khả năng đánh giá chính xác tình trạng căng thẳng, lo âu và trầm cảm của người Việt. Xét chung, kết quả đánh giá mức độ stress của thanh niên tín đồ Phật giáo ở Thành phố Huế với thang DASS cho kết quả khá tương đồng với kết quả đánh giá trên tổng dân cư ở Australia năm 2013. Mức độ stress trong nghiên cứu này có phần thấp hơn so với kết quả thu được trong các nghiên cứu khác về stress của thanh niên Việt Nam. Trong các yếu tố tác động đến ứng phó với stress, mức độ hỗ trợ từ ngôi chùa được các tín đồ Phật giáo lựa chọn và ứng dụng cao nhất so với các hỗ trợ khác. Chính niềm tin tôn giáo và các nghi lễ tôn giáo đã dạy cho con người biết chấp nhận hơn và cũng bằng cách đó giúp con người vượt qua những khó khăn, khắc nghiệt của cuộc sống. Mặc dù tỷ lệ tín đồ Phật giáo có mức độ stress vừa và nặng không cao nhưng vẫn cần quan tâm đến vấn đề stress của tín đồ Phật giáo.

364 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Một mặt, cần phòng ngừa việc gia tăng tỷ lệ stress ở thanh niên tín đồ Phật giáo, đặc biệt là tỷ lệ stress vừa và stres nặng. Mặt khác, hỗ trợ những tín đồ Phật giáo đang bị stress ứng phó hiệu quả với stress và can thiệp kịp thời để giảm thiểu mức độ stress cũng như hệ quả tiêu cực của stress đối với sức khỏe thể chất, tinh thần và hoạt động của họ. Từ kết quả nghiên cứu trên, để giúp Tín đồ Phật giáo nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung. Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế và các tổ chức Phật giáo liên quan cần quan tâm một số việc sau: Cần nâng cao nhận thức, hiểu biết về stress và ứng phó với stress cho các tín đồ Phật giáo, thông qua các tạp chí, hoạt động truyền thông. Bên cạnh đó, các buổi sinh hoạt, học tập giáo lý cần lồng ghép nội dung về stress và ứng phó với stress để tín đồ Phật giáo nắm bắt, ứng dụng cuộc sống thực tiễn. Các chương trình giao lưu, hợp tác giữa các tín đồ Phật giáo cần được tổ chức và phát triển theo hướng tích cực, có ý nghĩa thiết thực để mọi người có thể học hỏi, chia sẻ và giúp đỡ nhau vượt qua các khó khăn trong cuộc sống. Hỗ trợ và giảng dạy một số phương pháp ứng dụng Thiền – trị liệu cho tín đồ Phật giáo học tập và thực hành trên nhiều phương diện khác nhau.

***

CÁC YẾU TỐ HỖ TRỢ ỨNG PHÓ VỚI STRESS CỦA TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO TẠI THÀNH PHỐ HUẾ 365

Tài liệu tham khảo Australian Psychology Society (2015), Stress and wellbeing in australian survey 2013, Psychology Week, October, 2013. Nguyễn Bá Đạt (2002), “Rối

nhiễu trầm cảm ở học sinh trung học phổ thông", Tạp chí Giáo dục, số 42. Chen R., L. Wei. Hu, X. Qin, J.R Copeland, et al. (2005), "Depression in older peeple in rural china", Arch Intern Med, 165, (17), pp.2.019- 2.025. Chiu E. (2004), "Epidemiology of depression in the Asia Pacific re- gion", Australas psychiatry, 12 suppl, pp.4-10. Lâm Xuân Điền (2004), Giáo trình sức khoe tâm thần và tâm lý bệnh, NXB Hà Nội. Nguyễn Thị Hà, Tạ Tuyết Bình, Nguyễn Khắc Hải (2005), Điều tra stress nghề nghiệp ở nhân viên y tế, Báo cáo khoa học toàn văn trong hội thảo quốc tế Y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ 2, Hà Nội. Đặng Phương Kiệt (2004), Stress và sức khỏe, NXB Thanh niên. Nguyễn Công Khanh (2000), Tâm lý trị liệu, Hà Nội. Lim, C. & Putnam, R.D. (2010), Religion, social networks, and life satisfaction. American Sociological Review, 75 (6). 914-933. Trần Thành Nam, Nguyễn Thị Kim Dung (2014). Giúp vị thành niên đương đầu tốt hơn với căng thẳng – Niềm tin tôn giáo hay sự chấp nhận. Tạp chí Tâm lý học, số 6/2014. Hồ Ngọc Quỳnh (2010), "Sức khỏe tâm thần của sinh viên y tế công cộng và sinh viên điều dưỡng tại đại học y dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2009", Y học thực hành thành phố Hồ Chí Minh, 14, tr 95-100. Lê Thị Thanh Thùy (4-2009), Stress trong học tập và cách ứng phó ở học sinh cuối cấp trung học phổ thông, tạp chí tâm lý học, (số 4), tr 24-27.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN HÓA CẢM XÚC TS.ĐĐ. Thích Nguyên Pháp

Cảm xúc là một trong những biểu hiện sinh động của đời sống tâm lý con người,là bản thể của hai mặt đau khổ và hạnh phúc. Vì vậy, cả Tâm lý học lẫn Thiền định Phật giáo (trong phạm vi bài viết chỉ giới hạn ở Sơ thiền) đều rất quan tâm đến cảm xúc. Vậy quá trình chuyển hóa cảm xúc trong đời sống tâm lý con người là gì? Lý thuyết Tâm lý học và Thiền định Phật giáo chống trái nhau hay bổ sung nhau? Chúng ta hãy khảo sát một cách ngắn gọn trong khuôn khổ một bài tham luận. 1. TỪ GÓC ĐỘ TÂM LÝ HỌC Để làm rõ quá trình chuyển hóa cảm xúc từ góc độ Tâm lý học, chúng ta cần phải nói đến hai khái niệm cảm xúc và trí tuệ cảm xúc. 1.1. Cảm xúc Cảm xúc (xúc cảm) và tình cảm là hiện tượng tâm lý phản ánh bằng những rung động trải nghiệm trong bản thân mỗi chủ thể. Rung động là quá trình hoặc trạng thái tâm lý có liên quan đến sở thích, tình thương, tình yêu, sự gắn bó của chủ thể đối với đối tượng. Cảm xúc là những rung động đối với từng sự vật, hiện tượng riêng lẻ có liên quan đến nhu cầu, động cơ của chủ thể trong những tình huống nhất định. Cảm xúc là một trạng thái phức hợp, là kết quả của sự thay đổi về sinh lý, tâm lý ảnh hưởng đến suy nghĩ và hành vi của

con người. Cảm xúc của con người liên quan đến rất nhiều hiện tượng tâm lý, như khí chất, nhân cách, tâm trạng, động cơ... Các nhà Tâm lý học lọc ra sáu cảm xúc cơ bản: Sợ, giận, ghê, ngạc nhiên, thích và vui (Izard, 1977, 1990). Những cảm xúc nền tảng này xuất hiện ở con người một cách độc lập hoặc cùng xuất hiện và kết hợp với nhau tạo nên những cảm xúc mới, chẳng hạn: Sợ và ngạc nhiên tạo nên kinh sợ, giận và ghê tởm tạo nên khinh thường, thích thú và vui vẻ tạo nên lạc quan. 1.1.1. Một số học thuyết về cảm xúc Bản chất cảm xúc của con người không chỉ thuần túy là tâm lý mà còn phụ thuộc vào sinh lý thần kinh. Vì vậy, khi khảo sát bản chất của nó, người ta thường bàn

về các khía cạnh sinh lý của cảm xúc. Thuyết tiến hóa: Nhà tự nhiên học Charles Darwin cho rằng cảm xúc là khả năng thích ứng cho phép con người và động vật có thể sống sót và sinh sản. Thuyết của James-Lange: Nhà tâm lý học William James và nhà sinh lý Carl Lange cho rằng cảm xúc diễn ra là kết quả của phản ứng sinh lý đối với các sự kiện. Khi cá nhân nhận được một kích thích từ môi trường sẽ dẫn đến một phản ứng sinh lý. Phản ứng cảm xúc của một cá nhân tùy thuộc vào cách giải thích phản ứng sinh lý của người ấy. Thuyết Cannon-Bard: Chúng ta cảm nhận được cảm xúc thông qua các phản ứng sinh lý như toát mồ hôi, run rẩy hay co cơ đồng thời cùng một lúc. Cụ thể, khi đồi thị gửi tín hiệu đến bộ não để phản ứng trả lời kích thích sẽ sinh ra phản ứng vật lý. Cùng thời điểm đó, bộ não cũng nhận được tín hiệu khởi phát trải nghiệm về cảm xúc. Những trải nghiệm vật lý và tâm lý của cảm xúc xảy ra đồng thời, cái này không phải là nguyên nhân cho cái kia. Thuyết của Schachter-Singer: Thuyết này còn gọi là thuyết hai yếu tố của cảm xúc, lý thuyết nhận thức về cảm xúc. Lý thuyết này khẳng định kích thích vật lý diễn ra trước tiên, sau đó cá nhân xác định lý do cho kích thích này để trải nghiệm và gắn nhãn nó như một cảm

xúc. Giống với lý thuyết của James-Lange, lý thuyết của Schachter- Singer cũng cho rằng, con người suy luận về cảm xúc dựa trên các phản ứng sinh lý. Điểm mới là tình huống và sự giải thích nhận thức mà con người sử dụng để dán nhãn lên cảm xúc đó. Giống với lý thuyết của Cannon-Bard, lý thuyết của Schachter-Singer cũng cho rằng, các phản ứng vật lý giống nhau có thể tạo ra nhiều cảm xúc. Thuyết thẩm định nhận thức: Theo thuyết này, suy nghĩ diễn ra trước cảm xúc. Chuỗi sự kiện diễn ra theo trình tự: Đầu tiên là kích thích, sau đó là suy nghĩ dẫn đến đồng thời cùng lúc phản ứng vật lý và cảm xúc. Ví dụ, khi bạn đang đối diện với con thú dữ, ngay lập tức bạn nghĩ rằng bạn đang trong tình huống rất nguy hiểm. Suy nghĩ này dẫn đến cảm xúc sợ hãi và phản ứng vật lý là chiến đấu hay bỏ chạy. Thuyết cảm xúc phản hồi trên gương mặt: Lý thuyết này cho rằng sự biểu cảm trên gương mặt liên quan đến biểu lộ cảm xúc. Theo Charles Darwin và William James, nhiều lúc phản ứng vật lý có ảnh hưởng trực tiếp đến cảm xúc, không đơn thuần chỉ là kết quả của cảm xúc. Ví dụ, những người bị ép buộc phải nở nụ cười vui vẻ trong các buổi giao tiếp xã hội sẽ có khoảng thời gian tốt hơn những người cau mày hay mang bộ mặt không cảm xúc.1 1.1.2. Biểu hiện cảm xúc Vậy làm cách nào để chúng ta nhận biết cảm xúc? Chúng ta sẽ dựa vào các biểu hiện bên ngoài và bên trong của cảm xúc. Biểu hiện bên ngoài gồm có: Nét mặt, ánh mắt và điệu bộ - cử chỉ. Biểu hiện bên trong gồm có: Rung cảm, xúc động và tâm trạng. 1.1.2.1. Các biểu hiện bên ngoài Các biểu hiện bên ngoài của cảm xúc là tín hiệu phi ngôn ngữ: Nét mặt, ánh mắt và ngôn ngữ cơ thể (hành vi, cử chỉ, điệu bộ). Chúng giúp chúng ta nhận ra cảm xúc của người khác và truyền đạt tình cảm mình đến người khác.

1. 7, tr.390.

Nét mặt: Nét mặt là sự chỉ dẫn đến cảm xúc người khác, nhà hùng biện La Mã Cicero nói: “Khuôn mặt là hình ảnh của linh hồn”. Cơ mặt của con người có thể diễn tả được hơn 7.000 biểu cảm khác nhau. Những thể hiện cảm xúc qua nét mặt thường mang tính chất bẩm sinh, tuy nhiên, có thể có sự khác biệt nhỏ do ảnh hưởng của yếu tố văn hóa. Ngoài ra, chính nét mặt, cơ thể con người sẽ tác động ngược trở lại các trải nghiệm xúc cảm, tình cảm. Ánh mắt: Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn (Stevenson, 1967). Chúng ta thường biết nhiều về tình cảm của người khác thông qua đôi mắt. Ví dụ, chúng ta hiểu một cái nhìn chăm chú từ người khác là dấu hiệu của yêu thích hoặc thân thiện, ngược lại, né tránh ánh mắt của chúng ta thì có thể là không thích, không thân thiện hoặc đơn giản là xấu hổ; khích tướng, nhìn trìu mến... Điệu bộ - cử chỉ: Ngôn ngữ cơ thể là sự thay đổi dáng điệu hoặc cử động bàn tay, cánh tay, chân để biểu lộ cảm xúc khi di chuyển từ sự kiện này sang sự kiện khác. Ví dụ: khi vui mừng có thể nhảy cẫng lên, cười nhiều, khi buồn nét mặt chảy xệ, vai xệ xuống, nói chậm lại; khi tức giận thì mím chặt môi, tay co lại; hoặc như bồn chồn, lúng túng hay vuốt tóc thường phản ánh hưng phấn mạnh hay giận dữ. Điệu bộ - cử chỉ cung cấp nhiều thông tin cụ thể về cảm xúc người khác, truyền tải ý nghĩa cụ thể trong văn hóa – giáo dục, bộc lộ các trạng thái sinh lý như tuổi tác, thể chất, chân dung nhân cách. Tóm lại, tín hiệu phi ngôn ngữ trong dáng điệu hay điệu bộ cơ thể của một cá nhân có thể bộc lộ mối quan hệ về chân dung nhân cách hoặc cảm xúc hiện thời. 1.1.2.2. Các biểu hiện bên trong Khi quan sát quá trình chuyển hóa cảm xúc, người ta thường chú ý đến các biểu hiện bên trong. Biểu hiện này, ở người, liên quan đến nhu cầu vật chất, tinh thần, được xây dựng lại và chịu ảnh hưởng của kinh nghiệm xã hội. Do đó, cách thể hiện cảm xúc được xã hội hóa và mang dấu ấn văn hóa dân tộc, khác hẳn với động vật. Đơn cử như

tức giận chẳng hạn:Bàn tay nắm lại, hơi thở mạnh, nhịp thở ngắn, tim đập nhanh, môi mím chặt, mắt đỏ vằn, mặt đỏ, răng nhe ra, sẵn sàng tấn công để phòng vệ (không phải ai cũng đều nhe răng, có thể họ chỉ mím chặt môi và bỏ đi). Tuy nhiên, con người có khả năng kiềm chế để thể hiện sự chuẩn mực xã hội như: Cố gắng “dằn lòng”, cố gắng mỉm cười tiếp khách... Các biểu hiện bên trong này có khi được gọi là xúc cảm. Xúc cảm là thể nghiệm trực tiếp của một tình cảm nào đó. Đặc điểm chung của xúc cảm là cường độ mạnh, rõ rệt, xảy ra nhanh chóng và do những sự vật hiện tượng cụ thể gây nên. Do đó, xúc cảm mang tính khái quát hơn so với rung cảm và đồng thời cũng được chủ thể ý thức rõ nét hơn. Chẳng hạn: Niềm hạnh phúc khi con cái thành đạt, tiếc nuối khi món đồ yêu thích bị mất đi hoặc hư hỏng. Tùy theo cường độ, tính ổn định và mức độ thức mà xúc cảm được chia thành ba loại là rung cảm, xúc động và tâm trạng. Rung cảm là những xúc cảm có cường độ rất yếu, chỉ tồn tại thoáng qua cùng với quá trình cảm giác nào đó (rung cảm còn gọi là màu sắc xúc cảm của cảm giác). Kích thích gây ra rung cảm là từng thuộc tính riêng lẻ của sự vật, hiện tượng, chẳng hạn: Việc thưởng thức một bài thơ, văn, nhạc, bức tranh tạo nên những rung cảm nhẹ nhàng, hồi tưởng hay mơ mộng. Tuy nhiên, rung cảm có tính chất rất cụ thể, thường không được chủ thể ý thức rõ rệt và đầy đủ. Xúc động là những xúc cảm có cường độ rất mạnh, thời gian tồn tại ngắn, có thể rơi vào trạng thái mất kiểm soát ý thức. Ví dụ: Một bất ngờ quá lớn

có thể gây nên cú sốc về mặt tâm lý khiến cơ thể bị choáng hoặc ngất đi, cơn giận dữ khiến chủ thể mất kiềm chế có thể gây tổn thương đến bản thân và người khác. Chính vì mất kiểm soát ý thức dẫn tới mất kiểm soát hành vi, bất chấp hậu quả cho nên xúc động rất nguy hiểm cho chủ thể và người xung quanh. Do đó, việc học cách kiểm soát những cơn xúc động là rất cần thiết. Tâm trạng là những xúc cảm có cường độ hơi yếu nhưng tồn tại dai dẳng có khi hàng tuần, hàng tháng thậm chí hàng năm. Chủ thể không ý thức rõ về nguyên nhân hay nguồn kích thích cụ thể của

tâm trạng hiện tại. Tâm trạng như một trạng thái tâm lý, cùng tồn tại, bao trùm lên toàn bộ các rung động của chủ thể và ảnh hưởng đến các hiện tượng tâm lý khác cũng như hoạt động của chủ thể ấy. Ví dụ: Tâm trạng căng thẳng, không tập trung khiến cho những quyết định sai lầm, hoặc tâm trạng lâng lâng sung sướng khiến chỉ nhìn thấy những mặt tích cực và tính phê phán sẽ giảm xuống, lo lắng bất an sẽ tạo nên xúc cảm nghi ngờ thù địch... 1.2. Trí tuệ cảm xúc Thông thường, chúng ta thường đối lập lý trí với cảm xúc (xúc cảm), cho rằng chỉ có lý trí mới thuộc về trí tuệ, còn cảm xúc thì không. Nhưng Tâm lý học hiện đại cho rằng IQ chỉ là vùng hẹp của năng lực ngôn ngữ và toán học2. Theo đó, có hai loại trí tuệ là trí tuệ lý trí và trí tuệ cảm xúc. Trên thực tế, nếu không có trí tuệ cảm xúc, trí tuệ lý trí không thể hoạt động sáng suốt.3 Những phản ứng cảm xúc nếu biết chuyển hóa thì cũng được xem là trí tuệ. Vấn đề ở đây không phải là sự giải thoát khỏi các cảm xúc và thay thế chúng bằng lý trí, mà là sự cân bằng tốt đẹp giữa hai mặt4. Trước đây, chúng ta thường quan niệm rằng lý trí cần phải thoát khỏi các cảm xúc, nhưng theo quan niệm hiện đại là sự hòa hợp giữa chúng với nhau. Nói cách khác, kiểm soát, định hướng cảm xúc theo hướng tích cực thì được gọi là trí tuệ cảm xúc. Như vậy, từ góc độ Tâm lý học, quá trình chuyển hóa cảm xúc là quá trình hình thành trí tuệ cảm xúc. Nhìn chung, trí tuệ cảm xúc là khả năng giám sát các cảm giác và cảm xúc của bản thân và người khác; khả năng phân biệt và sử dụng những thông tin nhằm định hướng suy nghĩ, hành động của mình. Từ góc độ khác, trí tuệ cảm xúc là khả năng thấu hiểu cảm xúc bản thân và người khác dẫn tới định hướng hành động phù hợp.

2. IQ revolved around a narrow band of linguistic and math skills. [1, tr.37] 3. Two different kinds of intelligence: rational and emotional [...]. Indeed, intellect can- not work at its best without emotional intelligence. [1, tr.29] 4. It is not that we want to do away with emotion and put reason in its place, as Erasmus had it, but instead find the intelligent balance of the two. [1, tr.30]

1.2.1. Biểu hiện của trí tuệ cảm xúc Phân tích khái niệm trên, chúng ta có thể thấy trí tuệ cảm xúc có năm biểu hiện sau đây: a) Ý thức Ý thức các diễn biến cảm xúc của bản thân. So với ba biểu hiện bên trong như đã nói trên, việc ý thức hóa này chú trọng đến tâm trạng hơn. Đây là cơ sở nhất của trí tuệ cảm xúc làm nền tảng cho năng lực tự giải thoát khỏi tâm trạng xấu, cụ thể là stress. Cá nhân nhanh chóng nhận ra các dấu hiệu,

chấp nhận mình đang trong tâm trạng tiêu cực cần được chuyển hóa thành tích cực. Khi tâm trạng được chuyển hóa thành tích cực, cá nhân sẽ nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống xung quanh. b) Kiểm soát Đó là năng lực làm chủ cảm xúc, làm cho tình cảm của mình thích nghi với hoàn cảnh. So với ba biểu hiện bên trong như đã nói trên, sự kiểm soát ở đây chú trọng đến xúc động hơn. Những người có khả năng kiểm soát bản thân thường không để mình nổi giận hoặc nảy sinh lòng ghen tỵ thái quá, cũng không ra những quyết định ngẫu hứng, bất cẩn, luôn suy nghĩ trước khi hành động. c) Chế ngự Những nhu cầu mãnh liệt sinh ra các cảm xúc hay ham muốn nhất thời. Các nhà Tâm lý học đặt ra vấn đề phần thưởng ít hay nhiều đối với một cá nhân: Muốn được ngay tức khắc thì được thưởng ít, nếu có thể chờ đợi thì được thưởng nhiều. Qua đó để thăm dò cá nhân có khả năng chế ngự hay không. Chế ngự là sự kiềm chế các ham muốn để hoàn thiện bản thân. Tại sao lại hoàn thiện? Vì theo họ, cá nhân không có năng lực chế ngự cảm xúc thì ít trí tuệ, cho nên không thể hoàn thiện bản thân. d) Đồng cảm Nói một cách đơn giản, đồng cảm là sự nhận biết các cảm xúc của người khác. Sự đồng cảm là yếu tố căn bản của trí tuệ quan hệ

cá nhân. Tình trạng không cảm nhận được cảm xúc của người khác là thiếu sót nghiêm trọng về trí tuệ cảm xúc và là khiếm khuyết bi thảm về cái được xem là “tính người”5. Trong các mối quan hệ của con người, ân cần, trìu mến bắt nguồn từ sự hòa hợp với người khác và khả năng đồng cảm. Đồng cảm là hiểu được ước muốn, nhu cầu và quan điểm của những người sống quanh bạn. Người biết đồng cảm rất giỏi nắm bắt cảm xúc của người khác. Nhờ vậy, họ luôn biết cách lắng nghe người khác và thiết lập quan hệ với mọi người. Họ không bao giờ nhìn nhận vấn đề một cách rập khuôn hay phán đoán tình huống quá vội vàng. Họ luôn sống chân thành và cởi mở, biết khắc phục thói vị kỷ (lấy cái tôi làm trung tâm),các xung lực là điều có lợi về mặt xã hội: Đó là năng lực đồng cảm, thật sự chú tâm tới người khác, tự đặt mình vào quan điểm của họ. Đồng cảm là nguồn gốc của yêu thương và vị tha. Đồng cảm là sự chuyển hóa cả ba biểu hiện rung cảm, xúc động và tâm trạng của chủ thể. Đó gần như là việc chủ thể phải đặt mình vào vị trí khách thể, tự tháo gỡ những thành kiến, phê phán khách thể, biến cảm xúc của mình giống như khách thể trên nền tảng nhân văn (tính người). e) Tự chủ Tự chủ ở đây là sự chủ động cả ba biểu hiện bên trong, là kỹ năng điều khiển các cảm xúc của mình với người khác, biết cách làm cho mình được lòng mọi người, biết lãnh đạo và hướng dẫn có hiệu quả những liên hệ của mình với người khác, mở rộng mối quan hệ. Người giỏi giao tiếp - một đặc điểm khác của trí tuệ cảm xúc - thường có khả năng làm việc nhóm tốt, họ quan tâm đến việc giúp người khác phát triển, làm việc hiệu quả hơn là thành công của chính mình. Họ biết cách tranh luận hiệu quả, là bậc thầy trong việc thiết lập, duy trì quan hệ xã hội. Khái niệm về trí tuệ cảm xúc không chỉ dừng lại ở rung cảm, xúc động, tâm trạng mà còn được mở rộng đến tính cách và đạo đức. Nền

5. A tragic failing in what it means to be human. [1, tr.74]

tảng của tính cách là năng lực tự thúc đẩy và tự cai quản6. Năng lực trì hoãn sự thỏa mãn ham muốn, kiểm soát và điều khiển nhu cầu hành động là một dấu hiệu của trí tuệ cảm xúc, tức ý chí. “Chúng ta phải là những người chủ của chính bản thân của những thèm muốn, đam mê thì mới có thể đúng đắn đối với người khác”. Như Thomas Lickona khẳng định về sự giáo dục tính cách: “Để được như thế, ý chí phải đặt các cảm xúc dưới sự kiểm soát của lý trí”. Trí tuệ cảm xúc có tác dụng tạo ra hy vọng và lạc quan. Về mặt trí tuệ cảm xúc, hy vọng có nghĩa là không lùi bước trước lo lắng, không buông tay hoặc chán nản khi đương đầu với khó khăn hay thất vọng. Lạc quan là sự bước vào trạng thái sảng khoái, hưng phấn, đó là tuyệt đỉnh của trí tuệ cảm xúc. 1.2.2. Vai trò của trí tuệ cảm xúc đối với đời sống con người Cảm xúc có vai trò thúc đẩy hoặc kìm hãm hoạt động theo định hướng của nó. Sự định hướng ở đây có nghĩa là sự thể hiện cảm xúc, là yếu tố bên trong của hành động trí tuệ, là tâm thế theo suốt quá trình hành động và chi phối các quyết định hành động. a) Vai trò thứ nhất của trí tuệ cảm xúc là làm thay đổi số phận của chủ thể theo hướng tích cực. Chủ thể hiểu rõ cảm xúc của mình nên không để chúng chế ngự, biết đâu là điểm mạnh, điểm yếu để từ đó phát huy hoặc khắc phục. Chúng ta thường tự mặc định IQ mới là yếu tố quyết định số phận: Học giỏi, thông minh... Nhưng các nhà Tâm lý học Mỹ đã khảo sát các sinh viên đạt kết quả tốt nhất trong các kỳ thi lại không hoàn toàn là những người hạnh phúc, thậm chí, theo thời gian, họ xoay sở cuộc sống vất vả hơn những người bạn mà trước đây chỉ ở tầm trung bình. Bởi vì, những người bạn trung bình biết hình thành trí tuệ cảm xúc. Nền giáo dục, nền văn hóa chú trọng đến các năng lực trừu tượng mà bỏ quên trí tuệ cảm xúc, tức là bỏ quên những nét tính cách có ảnh hưởng rất lớn đến số phận con người. Trí tuệ cảm xúc là một siêu năng lực7 quyết định việc chúng

6. To motivate and guide oneself [1, tr.201] 7. Meta-ability.

ta khai thác thế mạnh của mình. Đó là năng lực hiểu biết, nắm bắt, làm chủ tình cảm của bản thân và người khác để hòa hợp, thì sẽ có lợi thế trong tất cả các lĩnh vực. Nếu không, sẽ chịu những xung đột nội tâm và mất năng lực tập trung. Có thể nói, trí tuệ cảm xúc mang tính nhạy cảm xã hội8. b) Vai trò thứ hai của trí tuệ cảm xúc là xây dựng tốt các mối quan hệ xã hội: gia đình, công việc, bạn bè... thông qua quá trình đồng cảm, tức hiểu cảm xúc của người khác. Tình yêu - Hôn nhân - Gia đình: Trong các lĩnh vực này, cá nhân có hạnh phúc hay không đều tùy thuộc vào trí tuệ cảm xúc. Để dẫn tới ly hôn chính là hậu quả của việc thiếu sót về trí tuệ cảm xúc. Khi một cặp vợ chồng tự nhốt mình trong vòng luẩn quẩn của sự phê phán và khinh miệt nhau, của những ý nghĩ độc hại và cảm xúc tiêu cực, thì mọi sự tự chủ, mọi sự đồng cảm và năng lực xoa dịu bản thân người khác bị mất đi hoàn toàn, mỗi bên đều giữ thế tự vệ và tránh né, khiến cho ý thức về những cảm xúc bị tan rã. Do vậy, trong các lĩnh vực này, cá nhân cần phải nuôi dưỡng và phát triển trí tuệ cảm xúc để duy trì hạnh phúc. Công việc - Nhóm: Trên lĩnh vực này, năng lực trí tuệ cảm xúc là hòa hợp với cảm xúc của người khác, có khả năng giải quyết bất đồng trước khi chúng trở nên nghiêm trọng và khả năng làm việc trong trạng thái thay đổi. Lãnh đạo không phải là thống trị mà là

biết thuyết phục người khác làm việc để đạt tới mục đích chung. Trí tuệ cảm xúc không chỉ làm tan biến định kiến giữa các thành viên trong nhóm mà còn đưa ra phán quyết vào thời điểm thích hợp. Yếu tố quan trọng của trí tuệ tập thể không phải trung bình cộng của IQ cá nhân mà phụ thuộc vào trí tuệ cảm xúc. Điểm then chốt của IQ tập thể cao là sự hòa hợp xã hội. Chính sự hòa hợp ấy sẽ giúp một nhóm làm việc hiệu quả, thành công. Trong các lĩnh vực y học và giáo dục cũng cần vận dụng trí tuệ cảm xúc để điều trị bệnh nhân hay giáo dục trí tuệ cảm xúc cho trẻ

8. Social perceptiveness.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN HÓA CẢM XÚC 377

con. Nhờ trí tuệ cảm xúc, họ cảm thấy thoải mái, dễ làm chủ cảm xúc, tự trấn tĩnh trước khi gặp điều bất như ý. 1.2.3. Các biện pháp nâng cao trí tuệ cảm xúc - Lắng nghe và tôn trọng cảm xúc của mình: Quan niệm thông thường cho rằng, cảm xúc thường cản trở suy nghĩ và hành động lý trí, vì vậy chúng ta nên biết cách kìm nén. Tuy nhiên, trí tuệ cảm xúc nghĩa là chấp nhận cảm xúc và giải tỏa nó theo những cách tích cực nhất có thể. Ví dụ: Câu nói “Tôi không buồn” sẽ không giúp bạn giải tỏa được nỗi buồn nhưng đi dạo hoặc tâm sự với ai đó sẽ mang lại cảm xúc tốt hơn cho bạn. - Mở rộng các mối quan hệ: Giao tiếp khơi mào và nuôi dưỡng các mối quan hệ, Tạo ra thói quen tốt cho các mối quan hệ: Ăn tối, du lịch cùng nhau, tổ chức sinh nhật riêng với những người trong gia đình, mua tặng những món quà bất ngờ, gọi điện thăm hỏi, cùng nhau đi ăn sáng... Tóm lại, từ góc độ Tâm lý học, quá trình chuyển hóa cảm xúc thực chất là quá trình hình thành trí tuệ cảm xúc, tức hình thành các năng lực ý thức, kiểm soát, chế ngự, đồng cảm và tự chủ. Trong quá trình thực hành thiền định, thiền sinh hoàn toàn có thể tiếp thu và vận dụng lý thuyết chuyển hóa cảm xúc của Tâm lý học. Tuy nhiên, thiền sinh cũng cần thấy thêm rằng, quá trình chuyển hóa này chưa đặt nặng khía cạnh tư duy đạo đức (thiện tầm - bất thiện tầm) và nhất là chưa quan tâm đến nền tảng đình chỉ tâm trí như thiền định nói chung. 2. TỪ GÓC ĐỘ SƠ THIỀN Trong Sơ thiền, có năm thiền chi: tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm (nhưng kinh, luận ít bàn tới nhất tâm vì thiền chỉ này phải có trong bất kỳ cấp độ thiền định nào). Đối với Sơ thiền, các biểu hiện bên trong của cảm xúc gồm có cảm xúc tiêu cực và cảm xúc tích cực. Cảm xúc tiêu cực gồm có ưu và khổ do bất thiện tầm sinh ra. Cảm xúc tích cực gồm có hỷ và lạc do thiện tầm mà sinh ra. Cảm xúc giữa Tâm lý học và Sơ thiền có phần giống nhau và khác nhau. Theo Tâm

378 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

lý học, cảm xúc của con người liên quan đến các khía cạnh như: Nhu cầu, động cơ hoặc chịu ảnh hưởng từ kinh nghiệm văn hóa - xã hội. Sơ thiền cũng thừa nhận điều đó nhưng bổ sung thêm khía cạnh đạo đức: Với tâm lý xấu ác sẽ dẫn tới cảm xúc tiêu cực và với tâm lý hiền thiện sẽ dẫn tới cảm xúc tích cực thông qua hoạt động tầm - tứ. Ở đây, cũng cần phải nói thêm, hầu hết các thiền sinh đều dùng phương pháp quán hơi thở đình chỉ tâm trí để bắt đầu đi vào thiền định nói chung, kể cả Sơ thiền. Vì vậy, việc đình chỉ tâm trí là một phần đương nhiên của Sơ thiền. 2.1. Tầm - tứ và cảm xúc Kinh,

luận định nghĩa và chú giải: Tầm là sự bám dính của tâm, tức gắn tâm trên đối tượng9, ví như một người leo được lên cao là nhờ một người khác giúp đỡ. Cũng vậy, tâm "leo lên" được trên đối tượng là nhờ tầm giúp đỡ10 (nhắc lại lần nữa, tầm tuy cũng là tâm nhưng được "tách" biệt ra để quan sát trong thiền định, tuy nhiên, điều thú vị nhất trong câu này là đối tượng cũng thuộc về tâm). Nhiệm vụ chung của tầm là hướng tâm và tâm sở đến đối tượng. Nhưng trong Sơ thiền, nhiệm vụ này ở một cường độ mạnh hơn là "đẩy"(thruts) các tâm sở vào đối tượng. Chính vì vậy, Thanh tịnh đạo luận mới nói rằng trong thiền, nhiệm vụ của tầm là đánh mạnh và đập mạnh (strike at and thresh), vì nhờ nó mà hành giả nhận thức được đối tượng tâm lý của mình trong thời khóa thiền định. Chữ tứ luôn luôn xuất hiện sau chữ tầm, đó là hai tiến trình khác biệt của tâm lý trong Sơ thiền, mà đúng hơn, tứ chỉ là một giai đoạn phát triển thêm của tầm. Vi Diệu Pháp và các bản chú giải đã giải thích như thế này: Tứ là tư duy được kéo dài ra hay tư duy được duy trì liên tục. Nhiệm vụ của tứ là ép (pressure on) tâm sở liên tục để neo chắc ngay trên đối tượng (đối tượng ở đây gồm cả tâm bất thiện lẫn tâm thiện như tham-sân-si, vô tham, vô sân, vô si, năm triền cái…). Tứ vừa chuyển động vừa neo chắc và cũng vừa quan sát đối tượng,

9. Vitakka is defined as "application of mind", which the Atthasalini glosses as meaning that vitakka applies the mind to the object [2, tr.50]. 10. The mind ascends the object in dependence on vitakka [2, tr.50].

tứ làm cho tâm có thể xem xét, khảo sát, nghiên cứu kỹ những đặc tính của đối tượng.11 Sơ thiền xảy đến cùng một lúc với tầm và tứ được gọi là "câu hữu với tầm tứ" như một cây có hoa và trái12. Trong sự liên hợp này, tầm – tứ là hai yếu tố thiết yếu cho sự thành tựu và ổn định của Sơ thiền13. Tầm thường gắn với tứ. Khi tâm và tâm sở bám dính, gắn chặt vào hay tư duy về đối tượng thì thành tầm. Tự thân tầm không thiện cũng không bất thiện14. Tầm gồm có bất thiện tầm và thiện tầm. Khi kết hợp với tâm bất thiện như tham-sân-si hoặc năm triền cái, tầm trở thành bất thiện tầm gồm dục tầm, sân tầm và hại tầm. Bất thiện tầm khi được chuyển hóa thì trở thành thiện tầm, gồm: Viễn ly tầm, vô sân tầm và bất hại tầm. Quá trình chuyển từ bất thiện tầm thành thiện tầm là hoạt động chung của tầm-tứ. 2.1.1. Bất thiện tầm là nguồn gốc của cảm xúc tiêu cực Đối với vấn đề khảo sát cảm xúc tiêu cực, lý thuyết Sơ thiền tuy không phân ra ưu và khổ một cách cụ thể, mà thay vào đó, xem sự hiện diện của ba bất thiện tầm đương nhiên cũng hiện hữu ưu và khổ bên trong. 2.1.1.1. Dục tầm Dục tầm là hiện tượng tinh thần bị chi phối bởi những tâm lý về dục ở mặt ý thức lẫn vô thức (thuộc Phân tâm học). Có người bản tánh tham dục rất mạnh mẽ, luôn luôn ở trong trạng thái đau khổ, ưu phiền, làm cản trở quá trình đoạn tận các lậu hoặc để phát sinh thắng trí. Sức mạnh của tham dục có thể khiến con người vượt qua

11. Sustained thinking (vicàrana) is sustained thought (vicàra); continued sustainment (anusancarana) is what is meant. It has the characteristic of continued pressure on (occupation with) the object. Its function is to keep conascent [mental] states [occupied] with that. […] it enables the mind to inspect, examine, and investigate the

object's properties. [2, tr.58] 12. So this jhāna occurs together with this applied thought and this sustained thought and it is called, "accompanied by applied and sustained thought" as a tree is called "accompanied by flowers and fruits" [6, tr.137] 13. In their union they are indispensable for the achievement and stabilization of the firs jhàna [2, tr.59] 14. In itself vitakka is neither unwholesome (akusala) nor wholesome (kusala). [2, tr.51]

các chuẩn mực xã hội, thậm chí, dẫn đến loạn luân. Khi Thế Tôn trú ở khu vườn ông Ànathapindika (Sàvatthi tại Jetavana), có hai mẹ con đều xuất gia và an cư vào mùa mưa. Nhân danh Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, họ thường xuyên gặp mặt nhau, vì luôn luôn thấy nhau nên có sự liên hệ, thân mật và sa ngã. Với tâm sa ngã, buông bỏ sự học tập, yếu đuối, họ rơi vào thông dâm với nhau. Đức Thế Tôn quở trách họ, rồi dạy: Loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham đắm, say đắm, say mê, sắc đẹp / tiếng / hương / vị / xúc của nữ nhân thì sẽ sầu ưu lâu dài, vì bị rơi vào uy lực sắc / tiếng / hương/ vị / xúc của nữ nhân.15 Tai hại của tham dục không chỉ ở trong phạm vi đạo đức xã hội mà còn cả về mặt tâm linh. Nếu tham dục tràn ngập tâm hồn sẽ dẫn đến sự qua đời không nhẹ nhàng. Đức Phật dạy gia chủ Ànathapindika: Khi tâm không phòng hộ, thì ba nghiệp thân khẩu ý cũng không phòng hộ; do vậy, ba nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy; từ đó, ba nghiệp bị hủ bại; cuối cùng dẫn tới sự qua đời không nhẹ nhàng, ví như ngôi nhà nóc nhọn do vụng lợp nên nóc nhọn, rui kèo, vách tường không được phòng hộ; do vậy, chúng bị đấy ứ, rỉ nước; từ đó, bị hủ bại. Ngược lại, khi tâm được phòng hộ, không tham dục thì ba nghiệp không bị hủ bại, dẫn tới sự qua đời nhẹ nhàng, hiền thiện, ví như ngôi nhà nóc nhọn do khéo lợp nên nóc nhọn, rui kèo, vách tường được phòng hộ; không bị đầy ứ, rỉ nước; không bị hủ bại.16 2.1.1.2. Sân tầm Bắt đầu từ tham, con người sẽ tiếp tục sân, si và hung bạo dẫn đến mất tự chủ, sát sanh, trộm cắp, ngoại tình, nói láo và nguy hiểm hơn là xúi giục người khác cùng làm. Đó là những việc ác, thuộc về tội lỗi, đem lại bất hạnh lâu dài và bị những bậc trí thức trong xã hội lên án. Ngược lại, bắt đầu từ không tham hay ly tham, con người luôn tự chủ bản thân, không sát sanh, không trộm cắp, không ngoại tình, không nói láo và nhất là không xúi giục người khác làm. Đó

15. Với chi tiết (Tăng II) và Mẹ và con (Tăng II). 16. Nóc nhọn 1 và 2 (Tăng I).

là những việc thiện, không thuộc về tội lỗi, đem lại sự bình an lâu dài và dĩ nhiên không bị những trí thức trong xã hội lên án. Tất cả những bậc chân nhân tịch tịnh ở đời đều giáo dục đệ tử nhiếp phục tham-sân-si-hung bạo.17 2.1.1.3. Hại tầm Tôn giả Ānanda dạy tham làm mất tự chủ sẽ gây hại thêm nhiều phương diện khác nữa, đó là: (i) Nghĩ đến hại mình, hại người, hại cả hai, tâm lý luôn cảm thấy khổ ưu; (ii) không như thật rõ biết lợi mình, lợi người, lợi cả hai; (iii) thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; (iv) có mắt như mù, không phân biệt được đúng sai, không có trí tuệ, luôn khổ não và không đạt niết-bàn.18 2.1.2. Thiện tầm là nguồn gốc của cảm xúc tích cực Trong kinh có

dạy người từ bỏ bất thiện tầm là người đạo đức.19 Chẳng những vậy, nếu ai thực hiện và thành tựu sáu pháp xuất ly tầm, vô sân tầm, bất hại tầm, xuất ly tưởng, vô sân tưởng, bất hại tưởng thì ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não và sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi lành.20 Có năm phương pháp diệt trừ bất thiện tầm khiến cho nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh: (i) Dùng một thiện tầm để diệt một bất thiện tầm như một người thợ mộc khéo léo dùng một cái nêm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nêm khác. (ii) Quán chiếu nguy hiểm của nó: "Đây là những tầm bất thiện, đây là những tầm có tội, đây là những tầm có khổ báo" để phát sinh ý thức tránh xa giống như một người đàn bà hay người đàn ông trẻ tuổi, thanh xuân, tánh ưa trang sức nếu một xác rắn, xác chó, xác người được quàng vào cổ, người ấy phải lo âu, xấu hổ, ghê tởm.

17. Bhaddiya (Tăng II), Các vị ở Kesaputta (Tăng I) và Sàlhà (Tăng I).

18. Channa (Tăng I).

19. Hành (Tăng I).

20. Khổ (Tăng III).

(iii) Không nhớ, không chú ý: Khi quán sát các nguy hiểm của các ác-bất thiện tầm thì thiền sinh không ghi nhớ, không chú ý đến chúng giống như một người có mắt, không muốn thấy các sắc pháp nằm trong tầm mắt của mình, nhắm mắt lại hay ngó qua một bên. (iv) Từng bước từ bỏ: Khi không ghi nhớ, không chú ý, thiền sinh cần phải chú ý đến đặc điểm các tầm và sự an trú các tầm ấy. Giống như một người đang đi mau, suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi mau? Ta hãy đi chậm lại". Trong khi đi chậm, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại". Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống". Trong khi ngồi, người ấy suy nghĩ: "Tại sao talại ngồi? Ta hãy nằm xuống". Như vậy, thực chất của phương pháp này là thiền sinh bỏ dần các cử chỉ thô cứng và làm theo các cử chỉ tế nhị. (v) Tận lực: Khi chú ý đến đặc điểm như trên, nhưng nếu các ác- bất thiện tầm vẫn khởi lên thì thiền sinh phải nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Giống như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu, hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại. Khi thực hiện năm phương pháp này, thiền sinh có thể chú ý / tư duy hoặc không chú ý / tư duy đến tầm nào mà mình muốn, đoạn trừ khát ái, giải thoát các kiết sử, khéo chinh phục kiêu mạn, chấm dứt khổ đau.21 Thiện tầm có một số đặc điểm sau đây: Hoạt động nhờ dựa vào đời sống tâm lý bên trong như đối tượng22, sự tiếp xúc là nguồn gốc, đều quy về cảm xúc (rất gần gũi quan điểm trị liệu cảm xúc của Tâm lý học ngày nay), được định lực dẫn đầu, niệm có thể chi phối - tác động, trí tuệ điều khiển, chúng trở thành hoàn hảo trong Niết-bàn (trở thành nhân cách, thuộc tính tâm lý khi chứng thánh).23 Về mặt tổ chức - xã hội, thiện tầm tạo nên một môi trường sống hòa hợp, hoan hỷ, không đấu tranh nhau, như sữa và nước hòa hợp, nhìn nhau với cặp mắt ái kính; dù nghĩ đến hay đi đến địa phương

21. Kinh An trú tầm (Trung I). 22. Tức là do năm thủ uẩn, bản tiếng Anh dịch không hết ý. 23. Tôn giả Samiddhi (Tăng IV), Căn nhà bằng gạch (Tương II) và Kinh 457. Thuyết

(Tạp A-hàm), 5b, tr.1269.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN HÓA CẢM XÚC 383

ấy đều cảm thấy thoải mái. Ngược lại, nếu một tập thể thường xuyên thực hiện dục tầm, sân tầm, hại tầm thì sẽ tạo ra một môi trường sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi; chỉ cần nghĩ tới là thấy không thoải mái, huống chi là đến địa phương đó.24 Về mặt tâm linh, nhất là khi sắp lâm chung, nếu ai không gặp được Phật hoặc đệ tử Phật nhưng có thể tự mình tầm tứ những giáo pháp đã nghe, đã thông suốt thì có thể giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử hay đạt được vô thượng đoạn diệt sanh y.25 2.1.2.1. Viễn ly tầm Khi dục tầm được nhận diện và chuyển hóa thì thành viễn ly tầm. Trong Tăng chi bộ kinh, từ viễn ly có hai nghĩa: sống một mình và sống không tham dục. Sống một mình giúp thiền sinh có thiện tầm được đầy đủ hai hoạt động tầm - tứ. "Tầm" mà không có "tứ" trong thiền định thì rất dễ trở thành người hướng ngoại, không được xem là người "sống theo pháp". Tỳ-kheo dùng trọn cả ngày để học thông suốt pháp, thuyết pháp, đọc tụng pháp, suy tầm về pháp với tâm tùy tiện, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây gọi là Tỳ-kheo thông đạt nhiều, thuyết pháp nhiều, đọc tụng nhiều, sưu tầm nhiều kinh điển nhưng không sống theo pháp. Ngược lại, nếu vị ấy sống độc cư an tịnh, nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ thì được gọi là Tỳ-kheo sống theo pháp.26 Viễn ly tầm với nghĩa sống không tham dục được nhấn mạnh trong năm bài kinh Gavesì Người Tầm Cầu, Migasàlà, Upàli, Dhammika và Ugga Ở Vesàli. Thái độ viễn ly liên hệ với ly tham được hiểu trong đời sống xã hội là tùy duyên và an nhàn. Tùy duyên gồm có: duyên đời, duyên tình, tri kỷ, hợp tan và không cố chấp. An nhàn gồm có: xa lánh thị phi, trong sạch - bao dung.

24. Tranh luận (Tăng I). 25. Sống theo pháp 1, 2 (Tăng II). 26. Sống theo pháp 1, 2 (Tăng II).

384 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

2.1.2.2. Vô sân tầm Vô sân là không giận. Thái độ vô sân có liên hệ chặt chẽ với ly tham, biểu hiện trong đời sống xã hội qua các mặt sau đây: Không tham, không tranh và không vội. Không tham gồm có: Xem nhẹ vật chất, ít muốn - biết đủ. Không tranh gồm có: Không so sánh, biết chấp nhận, hiện sinh và tin nhân quả. Không vội là từ tốn. 2.1.2.3. Bất hại tầm Bất hại là không hại mình và không hại người, do ly tham mà thực hiện được việc này. Không hại mình thì sống lương thiện và tích đức. Không hại người thì không dối, nhớ ơn, thương người, quên bản thân và biết chia sẻ. Kinh Chánh kiến (Tăng I) và Suy tầm (Tăng III) dạy: Nếu ai thành tựu thiện tầm là đang thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thắng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc: tu tập xuất ly tầm để đoạn tận dục tầm, tu tập vô sân tầm để đoạn tận sân tầm, tu tập bất hại tầm để đoạn tận hại tầm27. Các thiện tầm là tầm viễn ly, tầm không sân và tầm không hại28. Khi kết hợp với các tâm thiện như vô tham, vô sân, vô si, tầm trở thành thiện tầm hay thiện tư duy, gồm có: viễn ly tầm là những tư duy về sự từ bỏ; vô sân tầm là những tư duy về lòng từ bi và vô hại tầm là những tư duy về sự không làm tổn hại. Ba

thiện tầm này chuyển hóa trực tiếp ba bất thiện tầm nêu trên. Do tư duy và suy nghĩ đến sự viễn ly mà thiền sinh có thể xua tan những tư duy tham dục; do tư duy đến từ bi mà xua tan những tư duy sân hận và do tư duy đến những điều vô hại mà xua tan những ý nghĩ làm tổn hại. Đức Phật dạy những tư duy này không dẫn đến hại mình, người và cả hai mà dẫn đến sự tăng trưởng trí tuệ, giải thoát khỏi phiền não và chứng ngộ Niết-bàn.

27. The thought of renunciation is to be developed for abandoning sensual thought. The thought of good will is to be developed for abandoning the thought of ill will. The thought of harmlessness is to be developed for abandoning the thought of harming. [5b, tr.986] 28. The thought of renunciation, the thought of good will, the thought of non-harming [5b, tr.460]

QUÁ TRÌNH CHUYỂN HÓA CẢM XÚC 385

2.2. Hỷ - lạc và quá trình chuyển hóa cảm xúc Hai thiền chi hỷ - lạc cũng thường đi chung với nhau và đều là các cảm xúc tích cực. Hỷ - lạc chỉ được hình thành khi thiền sinh đã làm hiện hữu trong tâm ba thiện tầm nói trên. Nói cách khác, quá trình chuyển hóa cảm xúc thực chất là quá trình chuyển hóa ba thiện tầm thành hai thiền chi hỷ và lạc. Thiền chi hỷ là gì? Các bản chú giải phân ra năm loại hỷ tăng dần từ yếu đến mạnh như sau: Tiểu hỷ, đản hỷ, ba hỷ, khinh hỷ và biến mãn hỷ: (i) Tiểu hỷ hiện hữu khi các phiền não lắng dịu và thiền sinh cảm nghiệm những dấu hiệu29 của định đang được thành tựu. (ii) Đản hỷ tựa như ánh chớp thỉnh thoảng lóe lên, thoáng qua và không thể duy trì lâu. (iii) Ba hỷ tựa mưa rào đổ xuống thân rồi biến mất như những lượn sóng đổ lên bờ. Ba hỷ chạy khắp thân, tạo ra một sự rung động mãnh liệt30 nhưng không để lại một ảnh hưởng dài lâu. (iv) Khinh hỷ duy trì lâu hơn nhưng có khuynh hướng khuấy động định. (v) Biến mãn hỷ dẫn đến sự sâu lắng nhất của định, thấm nhuần toàn thân khiến cho thân giống như một cái túi căng phồng hoặc như một hang núi bị ngập lụt với trận hồng thủy. Biến mãn hỷ chính là chi thiền hỷ của Sơ thiền. Thanh tịnh đạo luận tuyên bố: “Biến mãn hỷ là căn bản của định và nó tăng trưởng dần theo định” và “hỷ sẽ làm viên mãn thân khinh an và tâm khinh an; thân lạc và tâm lạc; sát na định, cận định và an chỉ định (absorption)”. Hỷ ở đây là do ly dục, ly ác pháp mà sanh ra. Thiền chi lạc là gì? Lạc của Sơ thiền là một hình thức của hỷ. Đức Phật phân biệt những loại lạc tương phản nhau: Lạc của đời sống tại gia và xuất gia, lạc trong ngũ dục và sự xuất ly, lạc có và không chấp

29. Indications. 30. Great thrill.

386 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

thủ, lạc còn và không còn lậu hoặc, lạc vật chất và tinh thần, lạc của định và không định, v.v... Lạc cùng sanh với tham và hướng đến các sắc, thanh, hương, vị, xúc khả ái là dục lạc. Lạc cùng sanh với các thiện căn do xuất ly khỏi những sự hưởng dục là lạc tinh thần hay xuất ly lạc. Lạc của thiền cũng là lạc tinh thần nhưng do ly dục và ly các triền cái sanh. Lạc này còn được gọi là lạc của định. Lạc theo sau hỷ và khinh an nhưng dẫn đến định. Kinh Upanisā nói: “Hân hoan là trợ duyên cho hỷ; hỷ là trợ duyên cho

khinh an; khinh an là trợ duyên cho lạc và lạc là trợ duyên cho định". Định do lạc sanh là bậc thiền tạo căn bản cho tuệ. Thật ra, lạc đã có mặt khi hỷ bắt đầu, nhưng ở giai đoạn mang tên nó chẳng qua là sự nổi bật lên chứ không phải lúc đó mới xuất hiện, không phải chúng loại trừ lẫn nhau mà là hỷ xuất hiện trước lạc. Hỷ và lạc liên kết với nhau rất mật thiết nhưng không phải là hai trạng thái giống nhau: "Có hỷ tất có lạc, nhưng có lạc không nhất thiết phải có hỷ". Trong Tam thiền, có lạc nhưng không có hỷ. Chú giải Bộ Pháp Tụ (Aṭṭhasālini) giải thích hỷ là "sự thích thú khi đạt được điều mong muốn", lạc là "sự thọ hưởng hương vị của cái đạt được ấy" và minh họa sự khác nhau này bằng một ví dụ sinh động: Đối với khách lữ hành mệt mỏi trong sa mạc, khi nghe nói đến hay thấy nước hoặc một bóng cây thì hỷ, nhưng khi uống được nước hay bước vào trong bóng cây và thốt lên: "Ôi hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!" thì mới lạc.31 Ở một góc độ khác, hỷ-lạc tức hạnh phúc có sẵn ở trong nội tâm, việc chuyển hóa bất thiện tầm thành thiện tầm chỉ làm cho chúng hiển lộ ra. Chúng ta khai mở hỷ-lạc có sẵn. Chúng ta thiền định thay vì theo đuổi việc khai mở luân xa hay những điều huyền bí thì tốt nhất theo lời Phật dạy là khai mở hỷ-lạc hay hạnh phúc có sẵn trong nội tâm, tức quá trình chuyển hóa cảm xúc trên cơ sở lý thuyết Sơ thiền. Tóm lại, cảm xúc và quá trình chuyển hóa cảm xúc là những vấn đề quan trọng, có ý nghĩa đối với cuộc sống con người, kể cả việc tu

31. 2, tr.59 và tiếp.

hành. Tâm lý học và Thiền định Phật giáo (ở đây là Sơ thiền) quan tâm đến điều đó là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tế. Tâm lý học khảo sát cảm xúc từ cơ sở sinh lý thần kinh và những tác động xã hội vào tâm lý con người, quá trình chuyển hóa cảm xúc chủ yếu là dùng ý chí để tự kiểm soát bản thân và sự cởi mở trong tương tác với các mối quan hệ xã hội. Sơ thiền khảo sát cảm xúc từ cơ sở đạo đức, quá trình chuyển hóa cảm xúc gắn với việc đình chỉ tâm trí, tâm hiền thiện và phát sinh hỷ-lạc. Trong khi thực hành việc chuyển hóa cảm xúc, người ta nhận thấy hai hệ thống lý thuyết này có thể bổ sung lẫn nhau, giúp cho thiền sinh nhận diện chính xác và chuyển hóa thành công cảm xúc của mình.

***

Tài liệu tham khảo Daniel Goleman, Trí tuệ cảm xúc, Bloomsbury Publishing Plc, London, 2009. Henepola Gunaratana, Con đường chỉ quán, Motilal Banarsidass Publishers Private Limited, Delhi, 2016. Nikāya (Bhikkhu Sujato dịch): a. Trung bộ kinh, b. Tăng chi bộ kinh, c. Tương ưng bộ kinh, PDF Sutta Central. Nikāya (HT. Thích Minh Châu dịch), NXB Tôn giáo: a. Trung bộ kinh (1986), b. Tăng chi bộ kinh (1996), c. Tương ưng bộ kinh (1993). Nikāya, Wisdom Publications (Mỹ): Trung bộ kinh (Bhikkhu Nanamoli dịch, Bhikkhu Bodhi biên tập), 1995. Tăng chi bộ kinh (Bhikkhu Bodhi dịch), 2012. Tương ưng bộ kinh, (Bhikkhu Bodhi dịch), 2000. Phật Âm, Thanh tịnh đạo luận (Nanamoli dịch), Buddhist Publication Society, Sri Lanka, 2010. Robert A. Baron, Tâm

lý học, Allyn and Bacon, Mỹ, 1992.

- III -
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO
CHO THANH THIẾU NIÊN, HỌC SINH
VÀ SINH VIÊN
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO CHO TRẺ EM ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI TS. Trần Hồng Lưu*

Giáo dục đạo đức luôn là mục tiêu hướng tới của các quốc gia, dân tộc. Các triết gia từ cổ kim Đông Tây từ Aristotle, Socrates, Democritos, Khổng Tử, Lão Tử, Gandhi, Hồ Chí Minh... ngoài trí tuệ uyên bác còn là những nhà thực hành và giáo huấn vĩ đại. Phật Thích ca là một trong những nhà đạo đức xuất sắc luôn quan tâm đến giáo dục cho nhân loại trong đó có trẻ em (thiếu nhi). Bài viết đi từ những khái niệm cơ sở về trẻ em, luật và quyền trẻ em, thực trạng đạo đức trẻ em nước ta và vận dụng một số luận điểm về đạo đức - chủ yếu liên quan đến khẩu nghiệp, dạy cách nói năng đúng cách để góp phần giáo dục cho trẻ em nước ta hướng tới sự phát triển bền vững và hòa bình, an lạc. 1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN 1.1. Trẻ em là ai? Ở nước ta, trẻ em là những người dưới 16 tuổi. Một số nước quy định trẻ em dưới 18 tuổi. Trẻ em được đối xử bình đẳng, không phân biệt trai, gái, màu da, sắc tộc, vùng miền. Trong bài này chúng tôi dùng thuật ngữ trẻ em thay cho thiếu nhi vì các luật và công

*. Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng.

ước quốc tế đều chỉ nói đến trẻ em. Luật trẻ em ở Việt Nam số 102/2016/QH13 ban hành ngày 5-4-2016. Trong đó: Điều 5. Nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em 1. Bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình. 2. Không phân biệt đối xử với trẻ em. 3. Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em. 4. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em. 5. Khi xây dựng chính sách, pháp luật tác động đến trẻ em, phải xem xét ý kiến của trẻ em và của các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm lồng ghép các Mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành và địa phương. Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Tước đoạt quyền sống của trẻ em. 2. Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. 3. Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em. 4. Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn. 5. Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác. 6. Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình. 7. Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. 8. Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em.

9. Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em. 10. Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em. 11. Công bố, Tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em. 12. Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi. 13. Đặt cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ gần cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc đặt cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ. 14. Lấn chiếm, sử dụng cơ sở hạ tầng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí và hoạt động dịch vụ bảo vệ trẻ em sai mục đích hoặc trái quy định của pháp luật. 15. Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm.1

1. Luật trẻ em số 102/2016/QH13.

1.2. Quyền trẻ em Công ước Quốc tế về quyền trẻ em được thông qua và mở cho các nước ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết 44/25 ngày 20-11- 1989 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Có hiệu lực từ ngày 2-9-1990 theo Điều 49 của Công ước. Việt Nam phê chuẩn ngày 20-2-1990. Công ước Quốc tế về quyền trẻ em được coi là những vấn đề có tính quốc tế biểu hiện rõ ràng bằng văn bản được sự ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới, và được cam kết thực hiện nghiêm chỉnh. Gốc rễ sâu xa của Công ước Quốc tế về quyền trẻ em có từ 1923, khi bà Eglantyne Jebb, người sáng lập ra Quỹ cứu trợ trẻ em viết: "….. chúng ta phải đòi hỏi một số quyền trẻ em và phấn đấu cho sự thừa nhận rộng rãi các quyền này." Công ước Quốc tế về quyền trẻ em bao gồm 54 điều khoản, trong đó có đến 41 điều nói về các vấn đề ảnh hưởng đến trẻ em. Các quyền này được chia thành 4 nhóm: Quyền được sống còn; quyền được bảo vệ, quyền được phát triển, quyền được tham gia. Cụ thể: Quyền được sống còn: gồm quyền được sống và quyền được chăm sóc sức khỏe và y tế ở mức cao nhất có thể được. Sự sống còn chính là giai đoạn khi cuộc sống trẻ em bị đe dọa bởi các nguy hiểm khó khăn. Mọi trẻ em có quyền sống còn. Không được coi trẻ em là những người chúng ta phục vụ. Phải xem trẻ em là những thực thể, những con người có nhu cầu, suy nghĩ chính đáng và hoạt động đúng đắn như mọi người. Chúng ta phải có trách nhiệm làm tất cả những gì có thể để tăng cường các quyền được sống còn của trẻ em, hoặc với tư cách cá nhân. Quyền được bảo vệ: gồm việc trẻ em thoát khỏi mọi phân biệt đối xử, lạm dụng hay không được

quan tâm, bảo vệ trẻ em không có gia đình cũng như bảo vệ trẻ em tỵ nạn. Mọi trẻ em do trẻ thơ cũng như những đặc điểm phát triển của mình cần được sự bảo vệ đặc biệt không phân biệt giới tính, quốc tịch văn hóa và những yếu tố khác. Nhà nước, các tổ chức, cá nhân và bản thân các trẻ em đều có trách

nhiệm thực hiện và tôn trọng các quyền này. Quyền được phát triển: gồm mọi hình thức giáo dục chính thức và không chính thức và quyền được có mức sống đầy đủ cho sự phát triển về thể lực, trí tuệ, đạo đức và xã hội của trẻ em. Quyền được tham gia: gồm quyền của trẻ em được bày tỏ quan điểm của mình trong mọi vấn đề liên quan tới bản thân. Quyền dựa trên sự thừa nhận mỗi trẻ em là một cá thể phát triển với những tình cảm và ý kiến riêng của mình. Tin rằng trẻ em cần có điều kiện tốt nhất để nói lên nhu cầu của mình. Với sự giúp đỡ và tôn trọng đúng mực sẽ giúp trẻ em đưa ra những ý kiến và quyết định có ý nghĩa mang tính trách nhiệm. Chúng ta biết rằng trẻ em có tính trung thực có thái độ quan tâm, học hỏi đối với sự vật xung quanh và có trí tưởng tượng phong phú. Ý nghĩa của những đặc điểm này là chất liệu để trẻ em có thể tự tranh luận về hạnh phúc và quyền lợi của mình.2 1.3. Thực trạng giáo dục đạo đức của trẻ em nước ta hiện nay Đọc báo, nghe đài, xem tivi và đặc biệt trên mạng xã hội chúng ta thấy nhan nhản bao nhiêu thông tin phản cảm làm nao lòng người. Dưới đây là chấm phá vài nét về thực trạng đạo đức đó ở nước ta hiện nay. Về vấn đề trẻ mồ côi bị bỏ rơi, tính đến năm 2013 có tới 176.000 trẻ . Các số liệu này cho thấy, số trẻ em bị bỏ rơi không nơi nương 3

tựa có xu hướng ngày càng tăng lên. Số trẻ em này lớn lên không được chăm sóc giáo dục đầy đủ sẽ gây ra những hậu quả lớn như thế nào chúng ta chưa thể lường trước. Và những hậu quả của số trẻ em này phải gánh chịu khi gặp phải sự chèo kéo của các thế lực xấu sẽ để lại những di chứng gì cho xã hội cũng không dễ giải đáp. Một thống kê gần đây của Bộ Công an cho thấy có tới 3.500 trẻ em và người chưa thành niên phạm pháp luật trong 6 tháng đầu năm 20174.

2. Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em. 3. Tuyết Mai, “Việt Nam có 176.000 trẻ bị bỏ rơi, mồ côi”, trang tin 24h, ngày 29/03/2013. 4. “Tội phạm vị thành niên: Ngăn chặn ngay từ nhà trường”, Báo Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

Đó chính là hệ quả tất yếu từ số liệu kể trên và từ vô số nguyên nhân khác. Ngoài ra, tình trạng sống thử của lớp trẻ mới lớn ngày càng gia tăng đáng lo ngại. Theo bản tin thời sự của Đài Truyền hình Việt Nam ngày 28/2/2017 có tới 300.000 ca nạo phá thai mỗi năm trong độ tuổi từ 15 đến 19. Lối sống ảo được du nhập từ phương Tây được lan tỏa nhanh chóng bởi đủ các loại báo mạng và với nền tảng giáo dục lỏng lẻo hoặc thiếu giáo dục đã dẫn đến kết quả đó. Gần đây nhất vụ bé trai 6 tuổi bị lái xe và bảo mẫu bỏ quên trên xe tại một trường mang danh quốc tế ở Hà Nội lại một lần nữa giáng lên hồi chuông cảnh báo về sự vô cảm của người lớn đã dẫn đến vi phạm quyền trẻ em ở nhiều khía cạnh khác nhau. Nguyên nhân của thực trạng trên có nhiều. Ở đây chỉ điểm

qua ngắn gọn một số nguyên nhân chính: thứ nhất, điều kiện khách quan là kinh tế phát triển nhanh, con người đua nhau gia tăng của cải. Cha mẹ tập trung lo tiền bạc và hướng con cái đến học những ngành có tương lai về vật chất nhanh kiếm được nhiều tiều. Tâm lý đó là phổ biến trong mọi người dân. Con cái chỉ học lấy tri thức mà bị hổng mất đạo đức. Đó chính là bất cập lớn nhất, dẫn tới khi ra đời gặp những cảnh đời bất hạnh họ hầu như là vô cảm. Thứ hai, cha mẹ ít chú ý giáo dục con cái, thiếu sự phối hợp với nhà trường. Thậm chí nhiều cha mẹ khoán trắng việc giáo dục kể cả đạo đức và kỹ năng sống cho nhà trường. Họ quên rằng nhà trường chỉ là một điều kiện và chủ yếu là trang bị tri thức chứ không thể là liều thuốc vạn năng về mặt tinh thần cho mọi người học. Thứ ba, do xã hội thông tin bùng nổ, trẻ em được tiếp cận với nhiều luồng thông tin từ khắp nơi trên thế giới mang đến nhưng họ lại không được trang bị bộ lọc thông tin để phân biệt đâu là thông tin hữu ích hay bất lợi. Lại thiếu sự quan tâm của cha mẹ dẫn đến trẻ em vô tư ăn mạng, ở mạng, uống mạng và sinh hoạt từ những gợi ý trên mạng, dẫn đến nghiện mạng và chát cùng các trò chơi điện tử mất thời gian và vô bổ. Từ đó dẫn đến nguy cơ có thật là tạo ra những con người chết cạn trên biển thông tin nhưng lại đói tri thức, đặc biệt là tri thức đạo đức ứng xử giữa người và người. Và đây là nguy cơ có thể làm băng hoại tất cả.

Chỉ điểm qua một số sự kiện sơ lược trên đây cũng để lại cho chúng ta nhiều suy ngẫm. Bức tranh đó đặt ra những câu hỏi nhân thế: phải chăng xã hội càng phát triển, vật chất càng đầy đủ thì tệ nạn càng gia tăng. Như thế không thể nói bài toán vật chất là chìa khóa vạn năng để giải đáp mọi vấn đề nhân sinh một cách đầy đủ nhất mà có lẽ còn là vấn đề giáo dục, nhất là vấn đề giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ, những người sẽ kế tục tương lai của dân tộc, đất nước, nhân loại. Một con người nếu chỉ được trang bị giáo dục tri thức là chưa đủ mà còn cần phải được giáo dục đầy đủ về đạo đức thì mới hoàn thiện. Đó là với những gia đình có điều kiện vật chất đầy đủ, với những hoàn cảnh trẻ em khó khăn về vật chất thì vấn đề càng nan giải hơn. Câu trả lời có lẽ phải ở tầm vĩ mô, đồng thời như đã biết, các chính phủ dù có chu toàn đến đâu cũng không thể quán xuyến hết được mọi chức năng xã hội, trong đó có vấn đề giáo dục đạo đức cho trẻ em. Nhà trường, gia đình, xã hội và cả các tổ chức văn hóa xã hội phi lợi nhuận, trong đó có các nhà chùa... sẽ là những gợi ý cho việc giáo dục trẻ em thông qua chăm sóc, nuôi dưỡng dạy dỗ và qua các khóa tu mùa Hè và định kỳ sẽ góp phần mang lại những công dân trẻ có ích cho xã hội. Giáo dục đạo đức Phật giáo cho trẻ em ít ra ở những phạm trù cơ bản sẽ là định hướng góp phần giúp trẻ em cân bằng về mọi hiểu biết và lẽ sống đạo đức, giúp họ một hành trang đi vào xây dựng cuộc sống an bình. Đó là chủ ý của phần sau. 2. ÁP DỤNG MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM VÀO GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ EM VIỆT NAM Phật giáo như đã biết là một học thuyết vi diệu bàn đến vấn đề cứu khổ, diệt khổ cho chúng sinh, gắn liền với tên tuổi của Thái tử Tất Đạt Đa - Người đã quyết tâm từ bỏ cuộc sống phú quý nơi ngai vàng tương lai đang chờ đón để đi tìm kiếm con đường diệt khổ đau cho chúng sinh. Với tuyên bố nổi tiếng của Người: nước biển có một vị mặn. Đạo của ta chỉ có một vị là diệt khổ để giải thoát cho chúng sinh thoát khỏi biển khổ. Tuyên ngôn ngắn gọn và dễ nhớ này đã được hàng trăm triệu

chúng sinh trên toàn thế giới ghi nhớ qua thuyết Tứ Diệu Đế nổi tiếng. Sức lay động và lan tỏa của học

thuyết đạo đức này không chỉ ở phương Đông mà ngày nay còn lan tỏa ra khắp thế giới, đến tận nước Mỹ và các vùng cựu lục địa kiên cố khác ở phương Tây. Khi bàn đến giá trị của Phật giáo, tác giả Nguyễn Hồi Loan cho rằng: "Đạo Phật luôn đề cao lòng từ bi, nhân ái. Từ khi truyền vào Việt Nam, tinh thần cứu khổ cứu nạn của Đức Phật được phát huy rộng rãi ở một quốc gia bị nhiều cuộc chiến tranh tàn phá, thiên tai thường xuyên ập đến. Đây là nguyên nhân quan trọng giúp cho Phật giáo gắn chặt và đồng hành cùng dân tộc... Ngày nay Việt Nam là quốc gia đang phát triển và có nhiều thành tựu nổi bật trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tuy vậy càng có nhiều vấn đề xã hội bức xúc nổi lên. Các vấn đề xã hội này đang trở thành thách thức cho nước ta hướng đến sự phát triển bền vững. Trước tình hình đó, Phật giáo có vai trò quan trọng góp phần hỗ trợ với nhà nước thực hiện tốt an sinh và đảm bảo công bằng xã hội. Thiết nghĩ, đây còn là cơ duyên quan trọng để Phật giáo Việt Nam gắn chặt với sự phát triển của dân tộc trước mắt và tương lai."5 Học thuyết này không phân biệt màu gia, sắc tộc và hoàn toàn không gây ra mầm mống của các hệ phái. Nó thức tỉnh tâm trí con người, khai sáng cho họ nhận ra những lầm lạc đi đến từ bi hỷ xả với lòng vị tha. Học thuyết này giáo dục đạo đức cho mọi hạng người trong đó có trẻ em - những mầm non của tương lai. Do giới hạn của một bài tham luận, một số luận điểm dưới đây, theo chúng tôi có thể giúp giáo dục đạo đức cho trẻ em thành những công dân có đủ đức tài và phát triển lành mạnh trong tương lai, trở thành các công dân tốt đưa đất nước phát triển bền vững trong hòa bình, an lạc6. Tác giả Nguyễn Duy Cần trong Tinh hoa Phật giáo6, đã cho rằng Phật giáo coi con người cần có Tứ vô lượng tâm: Từ bi hỷ xả, coi đây là nhân tố cốt lõi giúp phát triển tâm từ bi, hạnh cứu khổ đưa đến định hướng hoạt động cho con người và vì con người. Theo Phật

5. Nguyễn Hồi Loan, "Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong công tác xã hội hiện nay", Cổng thông tin Phật giáo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam. 6. Nguyễn Duy Cần (2008), Tinh hoa Phật giáo, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

giáo, để các hoạt động xã hội đạt tới mục đích tốt đẹp, người hoạt động xã hội cần nuôi dưỡng và phát triển Tứ vô lượng tâm. Cụ thể: - Từ là từ ái, hiền lành, tình thương. Là sự thương yêu to lớn khắp mọi chúng sinh từ con sâu, cái kiến và cả kẻ thù nữa. - Bi là sự rung động trắc ẩn trước khổ nạn người khác và muốn cho người ấy thoát nạn. - Hỷ là niềm vui khi thấy người khác được hạnh phúc, xót đau khi người khác đau khổ. - Xả là sự nhận định đúng đắn, không yêu ghét, vui buồn, oán hận, xả bỏ để lòng thanh thản. Hơn thế trong giáo lý Lục độ của Phật giáo gồm: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ là nêu con đường dẫn đến giác ngộ. Điều đầu tiên là phải thực hành bố thí. Các hoạt động từ thiện chính là hành động thiết thực nhất giúp người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống có miếng ăn, mái ấm che chở nắng mưa vượt

qua số phận để hòa nhập với cộng đồng. Tứ vô lượng tâm và Lục độ là cách giáo dục trẻ em biết thương người và giúp đỡ người là cách thể hiện tinh thần "thương người như thể thương thân" hay là phong trào Nhường cơm xẻ áo, Lá lành đùm lá rách... vốn rất quen thuộc trong dân tộc ta mỗi khi thiên tai, bão lũ đi qua. Lý thuyết về Nghiệp cũng có thể giáo dục trẻ em nhiều điều, tránh xa các hậu họa có thể có. Nghiệp do thân, khẩu, ý tức do lời nói, hành động và suy nghĩ tạo ra. Riêng khẩu nghiệp là do lời nói gây ra. Chúng ta ưu tiên bàn đến nghiệp này vì nó gắn liền thiết thân với trẻ em nhiều nhất. Ngạn ngữ chỉ ra vai trò của lời nói đúng sai. Một lời nói phát ra như mũi tên, hàng ngàn ngựa tốt cũng không thể đuổi kịp. Và khi anh ta chưa nói, người ta tưởng anh ngu, nhưng khi đã nói ra rồi thì người ta không còn hồ nghi gì nữa. Chỉ riêng lời nói đã là khẩu nghiệp, có thể mang tới điều tốt xấu, sân hận. Lời hay thì ý đẹp. Một lời nói hay có thể mang đến điều

tốt lành, gây phấn hứng cho người đối diện. Người ta đã xấu chớ có chê trực diện mà khiến họ nản lòng, hết động lực sống, phải tìm ra ưu điểm ở họ để khơi dậy hứng thú, lực sống nơi họ. Đó là lời nói hay nghĩa tích cực. Người đã tốt, đã đẹp rồi cần phát huy ưu điểm của họ để khen. Lời nói ác tạo ra hậu quả xấu và các bất lợi có thể đang rình rập họ. Chẳng thế mà dân gian từng nói: Lời nói, đọi máu đó sao. Và một danh nhân Trung Quốc cũng từng nói: Dao đâm có lúc thành thương tích. Lời nói đâm nhau hận suốt đời (Lưu Thiếu Kỳ). Ngẫm ra đó là triết lý đích thực và trực tiếp rút ra từ Khẩu nghiệp mà không cần luận chứng thêm. Tác dụng của lời nói khởi xuất từ miệng - Khẩu nghiệp, có hai chiều: tích cực và tiêu cực. Có người nói người ta vây đến nghe từng lời. Lại có người nói, mọi người phải tản ra để tránh hậu họa. Khẩu nghiệp không chỉ gây hại cho cá nhân mà ngày nay trong xã hội thông tin bùng nổ, một lời nói không được kiểm chứng cẩn thận có thể gây hậu họa cho vô số người. Một lời tuyên bố của quan chức kiểm tra thực phẩm không đúng đã từng làm điêu đứng cả một công ty, xí nghiệp thực phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của công nhân và gia đình họ. Phát ngôn của quan chức ngành nước mắm của Bộ Công thương mới đây đã chẳng làm cho các lương dân bao đời nước mắm truyền thống ở các làng nghề xứ biển nước ta phải đau khổ ra sao. Lợi ích nhóm xen vào đã làm biến dạng lời nói của kẻ phát ngôn. Và không thể sửa sai bằng cách: tôi chưa nói gì, kiểu trẻ con được. Khẩu nghiệp trong học đường có thể dẫn đến học sinh tự tử vì một phát ngôn xuẩn ác được thêu dệt và lan truyền ra nhanh. Khi thầy cô dùng lời nói ác, xúc xiểm, cạnh khóe... có thể làm cho học sinh mất động lực học tập, co mình lại, rụt rè không dám thể hiện chính kiến, có thể dẫn đến tự kỷ là vậy. Trong lớp có kẻ đặt điều nói xấu không đúng sự thật lại kéo bè kéo cánh dẫn tới bạn đó hoảng sợ, co mình, tự kỉ. Kẻ kia được thế lấn tới. Và đây chẳng phải là nguyên nhân dẫn đến cảnh tượng xé áo quần rạch mặt, sỉ vả học sinh nữ ngày càng được chia sẻ rầm rộ trên mạng hay sao. Qua đó ta cũng thấy được tác dụng của việc dạy cách ứng xử nói năng với khẩu ngữ đẹp có vai trò như thế nào.

3. GIẢI PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN LỜI NÓI ĐẸP ĐỂ HƯỚNG TỚI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC AN BÌNH Ở TRẺ EM Lời nói, ngôn ngữ, cách nói năng liên quan nhiều đến con người từ nhỏ đến lớn và cả lúc về trời. Lời nói ngay từ đầu liên quan đến trẻ em, do đó việc giáo dục đạo đức cho trẻ ngay từ đầu có ý nghĩa quan trọng gắn liền với vận mệnh trẻ dù ban đầu có người cho là quan trọng hóa vấn đề, nhưng thực tế là vậy. Đứa trẻ ngay từ khi mới chào đời, khi biết nói những từ ngữ đầu tiên được gia đình chú ý, chào đón trân trọng làm sao. Ngay cả phút cuối trăng trối trước lúc đi xa, lời nói cũng thật quan trọng. Con chim sắp chết, tiếng kêu bi thương, con người sắp chết thì lời nói phải. (Tăng tử thuyết: Điểu chi thương tử, kỳ minh dã ai; Nhân chi thương tử, kỳ ngôn dã thiện). Câu nói nổi tiếng trên được cả Lưu Bị thời Tam quốc ở nước Tàu xa xưa và cả cụ Phan Bội Châu nước ta nhắc tới. Dân gian ta cũng từng có câu: Biết thì thưa thốt. Không biết thì dựa cột mà nghe. Lời nói là vàng và Im lặng có lúc cũng là vàng. Cần phải hiểu đúng ý nghĩa của chúng trong từng bối cảnh cụ thể thì mới thấy hết giá trị của chúng. Lời nói là vàng khi nó mang tới xung lượng và niềm tin tích cực cho con người tiếp tục vượt qua hoạn nạn để đứng dậy. Như là liều thuốc tiên cứu sống con người đó. Chẳng hạn, khi con người gặp bất hạnh... không muốn sống nữa, lên chùa chỉ một lời khuyên: còn người còn tất cả, mất niềm tin là mất hết... thì họ có thể vượt qua. Im lặng là vàng nghĩa là với kẻ ác, kẻ say, kẻ điên, mất trí hay lũ cướp chúng ta không nên nói kẻo nguy hiểm đến tính mạng. Chẳng thế mà chúng ta từng nghe, một vụ án lãng nhách kẻ giết người chỉ vì bị nói đểu hay nhìn đểu. Trước lũ bất tiếu đó tốt nhất là im lặng và tìm cách tẩu vi là thượng sách. Cha ông cũng từng dạy: Học ăn, học nói, học gói, học mở. Con người sinh ra chỉ hơn năm là biết đi nhưng cả đời học nói và học giữ im lặng là vậy. Lúc nào nói, lúc nào không. Nói nhẹ nhàng cho kết quả tốt. Nói gay gắt có thể là hậu họa sẽ chờ. Nhà trường và gia đình cần giáo dục cho trẻ em thấm nhuần ái ngữ trong việc rèn luyện lối sống. Dạy trẻ cách nói năng hay gọi là

xã giao tối thiểu. Trong Bát chính đạo có 8 con đường để giác ngộ và mang lại hiệu quả khác nhau. Ở đây ta chỉ dừng lại một chút ở Chính niệm vì nó gắn liền với lời nói đẹp - ái ngữ. Chính niệm là sự tỉnh thức, sáng suốt làm cho con người thanh tịnh lướt qua mọi sân si. Chính niệm giúp mọi hành vi con người trở nên đúng đắn. Có Chính niệm sẽ dẫn đến Chính định và Chính ngữ. Chính ngữ là không nói lời dối trá thêu dệt kiểu đòn xóc hai đầu có thể gây ra bất hòa và nguy hiểm. Lời nói làm tâm trí an nhiên, vui vẻ đó là chính ngữ. Lời nói hay, nói đẹp làm người ta phấn khởi là ái ngữ. Đó là lời nói êm ái, dịu dàng xuất phát từ tứ vô lượng tâm từ tình yêu thương con người. Đó không phải là Lộng ngữ tức là khoe khoang, tâng bốc quá mức khiến người ta lầm tưởng ảo vọng hay còn gọi là Ngoa ngữ. Người ta không có cái đó mà mình cứ khen đại, khen phứa dẫn tới họ xấu hổ. Loạn ngôn dẫn đến thói xấu, cái giả danh lên ngôi và một khi xã hội không chính danh thì mọi đầu mối sẽ loạn theo và tất nhiên phong hóa đạo đức, trật tự xã hội sẽ không còn và điều nguy hại sẽ đến tiếp theo. Tuy nhiên với người xấu nhất là phụ nữ mà chúng ta cứ thật thà chê: trên đời này không còn ai xấu như em, thì lại gây ra sự sụp đổ phản cảm, tước hết động lực sống của họ. Ở đây, câu nói: sự thật mất lòng là thế. Thực hành ái ngữ tránh cho người vạ miệng hay khẩu nghiệp. Như lời bài hát: “Khi đi

em hỏi, khi về em chào. Miệng em chúm chím mẹ có yêu không nào" đã nói lên tất cả. Gia đình là nơi sum vầy của trẻ em, là nơi biểu hiện sự dịu dàng, nhường nhịn, hòa nhã giữa các thành viên. Lời ái ngữ dễ nghe, dễ cảm hóa con cháu, tạo sự hòa đồng giữa các thành viên. Cách nói, giọng nói cũng giữ vai trò quan trọng trong xã giao giữa người với người. Giọng nói êm ái, ngọt ngào sẽ dễ thu phục lòng người hơn là sự to tiếng, ồn ào, chanh chua, cạnh khóe. Ca dao có câu: Chim khôn tiếng hót rảnh rang. Người khôn tiếng nói dịu dàng dễ nghe. Điều đó cho thấy ái ngữ có vai trò rất lớn trong việc tạo ra không khí vui tươi, hòa bình, thân thiện trong gia đình, nhà trường và mở rộng ra cả xã hội tạo thành một tâm thế vui vẻ, an bình giữa người với người trong một thế giới đại đồng.

Trong kinh A hàm Phật tổ dạy: "Tâm khẩu nhất như" nghĩa là tâm nghĩ sao miệng nói vậy một cách nhất quán. Còn tâm nghĩ một đàng, miệng nói một nẻo thì đó là người xảo trá, ít đức. Lời nói như tên bắn, người thông thái sẽ biết lựa lúc nói cái gì và lúc nào không nói vì họ lường trước được hệ quả. Cũng có câu: tai vách, mạch rừng để tránh thói nói xấu sau lưng có khi cũng đến tai đối tượng và hậu quả khôn lường. Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật có dạy: "Không phải vì nói nhiều mới xứng danh bậc, an ổn không oán sợ, thật đáng gọi là bậc trí" (Pháp Cú 258). Hơn thế, Phật tổ còn giảng kỹ: "Không phải vì nói nhiều là thọ trì chánh pháp, người nghe ít diệu pháp nhưng trực nhận viên dung, chính pháp không buông lung tà thọ trì Phật Pháp" (Pháp Cú 259). Hơn thế nữa, chính ngữ và chính niệm liên quan mật thiết đến Cấm nói dối hại người trong Ngũ giới. Và trong Thập thiện có đến 3 điều liên tiếp, liên quan đến nói. Chẳng hạn, điều 4, không nói dối hại người mà nói lời chân thực đem lại lợi ích cho người. Điều 5, không nói lưỡi hai chiều gây ly gián chia rẽ, mà nói những lời khiến cho mọi người hòa hợp, đối xử thân ái tốt với nhau. Điều 6, không nói lời thô lỗ, chửi mắng tệ ác mà nói lời nhu hòa, êm ái, thuận tình, dễ nghe. Và dứt sạch nghiệp nói càn sẽ được 4 quả thiện báo là được chư Thiên yêu mến và ủng hộ; được người nghe sinh tín tâm và thực hành; khiến cho ai cũng yêu mến tin nhận; sinh tâm hoan hỉ và có ngày chứng quả vô thượng bồ đề. Nếu dứt sạch nghiệp lưỡng thiệt thì được 4 quả thiện báo: hòa thuận không cãi nhau; ai cũng yêu kính; đời sau được hưởng 5 quả báo tốt đẹp và được vui vẻ đến tận khi nhập diệt7. Ba điều trong Thập Thiện giáo dục trực tiếp trẻ em cách nói năng thật thà ngăn cản những sân hận và chướng nghiệp có thể có, tạo sự vui vẻ hòa nhã cho trẻ trong ứng xử với mọi người. Từ đó tránh được các quả báo nói dối, quả báo nói lưỡi hai chiều, quả báo ác

7. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), Sự tích Nam hải quán âm, Nxb. Tôn giáo, tr. 50 và 56-58.

khẩu, quả báo ỷ ngữ tức lời nói người ta không tin và nói năng không rõ ràng8. Kinh Tăng Chi căn dặn kỹ lưỡng: "Ai thành tựu thân làm ác với cha mẹ, lời nói ác với cha mẹ, ý nghĩ ác với cha mẹ, không biết ơn, không trả ơn, sẽ tương xứng rơi vào địa ngục và

hiện đời sẽ bị đau khổ.”9 Tóm lại: không thể kể hết các luận điểm nhằm giáo dục đạo đức của Phật giáo đối với trẻ em. Ở đây (trong phạm vi nhân bàn đến cách nói năng), phần cuối bài viết chỉ dành thời lượng chủ yếu nói về khẩu nghiệp và liên quan đến lời nói, cách nói, giọng nói và thái độ nói liên quan nhiều đến trẻ em của Phật giáo nhằm góp phần tạo ra những trẻ em biết nói năng đúng phép, cũng là cách hạn chế các sân hận, vọng ngữ để vào đời với tâm thế hòa bình, an lạc cho xã hội đẹp tươi, phát triển vững bền. Với một tri thức đầy đủ cả về trí tuệ lẫn đạo đức, trẻ em sẽ bước vào đời một cách tự tin, vui tươi và an lạc. Đó cũng chính là mong mỏi của gia đình, nhà trường, xã hội đối với trẻ em - tương lai của đất nước, nhân loại. Đúng như Tôn chỉ của nhà Phật được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “… tôn chỉ, mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng một cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm”10.

***

8. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), Sự tích Nam hải quán âm, Nxb. Tôn giáo, tr. 46-47. 9. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2009), Kinh Tăng Chi, Nxb. Tôn giáo, tr.637. 10. Hồ Chí Minh toàn tập (2002), tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 290.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO CHO TRẺ EM ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI 405

Tài liệu tham khảo Luật trẻ em số 102/2016/QH13 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em Tuyết Mai, “Việt Nam có 176.000 trẻ bị bỏ rơi, mồ côi”, trang tin 24h, ngày 29/03/2013. “Tội phạm vị thành niên: Ngăn chặn ngay từ nhà trường”, Báo Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Hồi Loan, “Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong công tác xã hội hiện nay”, Cổng thông tin Phật giáo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nguyễn Duy Cần (2008), Tinh hoa Phật giáo, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), Sự tích Nam hải quán âm, Nxb. Tôn giáo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2009), Kinh Tăng Chi, Nxb. Tôn giáo. Hồ Chí Minh toàn tập (2002),, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia.

GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO THIẾU NHI
HƯỚNG ĐẾN THỰC HÀNH LUẬT NHÂN-QUẢ

TS. Huỳnh Lâm Anh Chương
NCS. Lý Siêu Hải*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ Luật Nhân-Quả là luật ngàn đời của đạo Phật. Trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, luật Nhân-Quả đã trở thành triết lý sống cho hàng triệu triệu người từ trước đến nay và trong tương lai. Có nhiều phương cách để thực hiện luật Nhân-Quả, trong đó có việc đề xuất các nội dung giáo dục, từ cấp quốc gia đến cấp trường học, từ giáo dục cho trẻ con đến thanh niên và người trưởng thành. Bài viết này đề cập đến việc đề xuất nội dung gồm 8 kỹ năng sống cần giáo dục cho thiếu nhi nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục tiểu học hiện nay và nhằm hướng đến thực hành luật Nhân-Quả. 2. NỘI DUNG 2.1. Khái niệm kỹ năng sống Kỹ năng sống là khả năng của mỗi người có được những hành vi, hành động, việc làm để thích ứng với cuộc sống hàng ngày và cao hơn là làm chủ cuộc sống và sống tốt đẹp. *. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Kỹ năng sống của mỗi người không phải sinh ra đã có mà phải được dạy và tập luyện từ nhỏ do cha mẹ, thầy cô và những người lớn khác thực hiện. Cần có sự thống nhất giữa các đối tượng người lớn để giáo dục trẻ, và cần thực hiện hàng chục năm. 2.2. Quá trình hình thành kỹ năng sống ở mỗi người Quá trình hình thành kỹ năng sống diễn ra như sau: Bước 1. Con người tiếp thu, lĩnh hội các chuẩn mực/ kiến thức. Bước 2. Con người bày tỏ thái độ với chuẩn mực/ kiến thức. Ủng hộ các việc làm đúng chuẩn mực/ kiến thức đã và phản đối các việc làm ngược lại. Bước 3. Con người thực hiện việc làm, hành động, hành vi theo chuẩn mực/ kiến thức đã nhận thức. Bước 4. Thực hiện lặp đi, lặp lại các việc làm, hành động, hành vi tương tự ở nhiều tình huống, hoàn cảnh khác nhau trong cuộc sống; và cần có thời gian nhiều năm hoặc nhiều chục năm. Bước 5. Hình thành thói quen về các chuẩn mực/ kiến thức (kỹ năng sống) Bước 6. Hình thành giá trị con người (giá trị sống) Trong 6 bước nêu trên, Nhân và Quả có sự hiện diện. 2.3. Các kỹ năng sống cần giáo dục cho thiếu nhi Như tin đã đưa, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) đã công bố Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới. Đây là một sự kiện giáo dục rất quan trọng được dư luận xã hội quan tâm và chờ đợi liên tục trong vài năm gần đây, từ lúc có đề án biên soạn cập nhật. Trong chương trình này có một phần rất quan trọng đó là Chuẩn phẩm chất của học sinh Việt Nam trong tương lai gồm 5 phẩm chất là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Ở mỗi phẩm chất đều có chia 3 mức độ yêu cầu khác nhau dành cho học sinh tiểu học (thiếu nhi), học sinh trung học cơ sở (thiếu niên) và học sinh trung học phổ thông (thanh niên).

GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO THIẾU NHI HƯỚNG ĐẾN THỰC HÀNH LUẬT NHÂN-QUẢ 409

Gần đây hơn, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Chỉ thị số 2268/ CT-BGDĐT ngày 8/8/2019 của Bộ trưởng về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019 - 2020 của ngành Giáo dục, mục nhiệm vụ 3.5 đã viết: Tăng cường hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; chú trọng xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn cho học sinh trong quá trình đưa đón, thăm quan, dã ngoại; triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong trường học, các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường; xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy gắn với các hoạt động giáo dục bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Phát huy hiệu quả các hoạt động Đoàn, Hội, Đội trong trường học. Thực hiện tốt chương trình giáo dục thể chất, đẩy mạnh các hoạt động tập luyện thể dục thể thao, công tác y tế trường học; phát động phong trào học bơi và hướng dẫn phòng, chống đuối nước cho học sinh, sinh viên. Hai cơ sở pháp lý trên đã định hướng cho việc giáo dục kỹ năng sống cho giới trẻ Việt Nam nhằm rèn luyện nhân cách, thành người, thành nhân. Sau đây là các kỹ năng sống do tác giả đề xuất để giáo dục cho thiếu nhi Việt Nam vừa đáp ứng chương trình giáo dục mới vừa đáp ứng thực hành luật Nhân-Quả (trích trong Bộ sách Giáo dục Kỹ năng sống cho học sinh từ mầm non đến lớp 9 do tác

giả là chủ biên, Nxb. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2018) 5 phẩm chất, 3 năng STT lực cần thiết trong Các kỹ năng sống cần giáo dục Chương trình giáo cho thiếu nhi dục thiếu nhi (Học sinh tiểu học) 1 Kỹ năng sống thể hiện sự tự tin (hiểu Yêu nước bản thân, thể hiện giá trị bản thân,...)

2 Kỹ năng sống thể hiện lòng tự trọng Trách nhiệm 3 Kỹ năng sống thể hiện lòng trung Trung thực thực 4 Kỹ năng sống thể hiện tính hợp tác Năng lực giao tiếp, hợp tác 5 Kỹ năng sống thể hiện lòng yêu Nhân ái thương 6 Kỹ năng sống thể hiện tính kỷ luật Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo 7 Kỹ năng sống thể hiện tính kiên trì Chăm chỉ 8 Kỹ năng sống thể hiện tính tự lập Năng lực tự chủ, tự lập Cụ thể hơn, sau đây là việc phân tích một kỹ năng sống số thứ tự 3 (các kỹ năng sống khác cũng tương tự như vậy). STT Các bước giáo dục Kỹ năng sống Sự thể hiện của thể hiện lòng trung thực cho Nhân và Quả thiếu nhi (kỹ năng số 3)

1 B1. Cung cấp kiến thức về lòng NHÂN trung thực cho thiếu nhi 2 B2. Khuyến khích thiếu nhi ủng hộ NHÂN những việc làm trung thực 3 B3. Thiếu nhi thể hiện các việc làm QUẢ trung thực, lời nói trung thực 4 B4. Thiếu nhi thể hiện các việc làm VỪA CÓ QUẢ trung thực, lời nói trung thực với nhiều tình huống khác nhau trong VỪA GIEO NHÂN thời gian 5 năm, từ 6 tuổi đến 11 tuổi; và tiếp tục về sau

5 B5. Thiếu nhi có thói quen trung QUẢ BỀN VỮNG, thực ỔN ĐỊNH 6 B6. Thiếu nhi được đánh giá là QUẢ BỀN VỮNG, cháu trung thực/bé trung thực ỔN ĐỊNH 7 B7. Thiếu nhi tiếp tục thực hiện cho QUẢ RẤT BỀN đến lúc trưởng thành để được đánh giá VỮNG, RẤT ỔN là cậu bé trung thực, chàng thanh niên ĐỊNH trung thực, người đàn ông trung thực Từ bảng trên ta thấy: Nhân là gieo, tương ứng với Bước 1 và 2. Quả là gặt, tương ứng với các bước còn lại; mà muốn gặt được lâu bền thì phải thực hiện Bước 4, 5. Ví dụ, một thiếu nhi làm được ở Bước 3 là bắt đầu hái quả, quả ở đây là em ấy có được một việc làm tốt, em ấy thích ứng được với hoàn cảnh sống của mình, tự tin với chính mình, được khen ngợi là trung thực. Nhưng không dừng lại ở đó, em ấy cần thể hiện việc làm ấy ở nhiều nơi, nhiều lúc khác nữa, với nhiều đối tượng con người hơn nữa để em ấy có được một tầm nhìn rộng lớn hơn và đầy đủ hơn, để em ấy khẳng định tính đúng đắn của việc làm mà mình đã chọn, để hình thành bản lĩnh cho em ấy rằng nó đúng cho dù có lúc nó cũng bị sóng gió xô đẩy. Để được như vậy, em ấy cần kiên trì thực hiện trong vài năm hoặc vài chục năm với sự hỗ trợ của cha mẹ, thầy cô và nhiều người lớn khác để giá trị trung thực trở thành bản chất, thành máu thịt trong con người của em ấy. 3. KẾT LUẬN Luật Nhân-Quả là luật ngàn đời của đạo Phật, có giá trị khoa học và thực tiễn. Việc đề xuất các kỹ năng sống cần giáo dục cho thiếu nhi Việt Nam trong thời gian tới cần hướng theo xu hướng phát triển giáo dục Việt Nam nhưng tất cả không đi chệch ra khỏi quỹ đạo của luật Nhân-Quả.

Tài liệu tham khảo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT ngày 8/8/2019 của Bộ trưởng về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2019 2020 của ngành Giáo dục. Huỳnh Lâm Anh Chương (Chủ biên) (2018), Giáo dục Kỹ năng sống cho học sinh lớp 1, 2, 3, 4, 5, Nxb. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Walpola Rahula (2013), Những lời Phật dạy, Lê Kim Kha biên dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Thích Nhật Từ (2015), Nghi thức tụng niệm, Nxb. Hồng Đức.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO CHO THIẾU NHI TRONG CUỘC SỐNG

NCS. Lý Siều Hải (PD. Huệ Hải)

TS. Huỳnh Lâm Anh Chương (PD. Tịnh Chương)*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ Phật giáo Việt Nam đã trải qua hàng thế kỷ từ những buổi sơ khai cho đến cận đại và thời đại hiện nay của chúng ta. Trong diễn trình thời gian đó, Phật giáo cũng đã dần thay đổi từng bước để hội nhập và phát triển theo xu thế của thời đại, có như thế mới phát triển và hội nhập. Theo các nhà khoa học nghiên cứu, trong đó có các nhà nghiên cứu về Phật học, tâm lý Phật học cho rằng, việc hình thành và phát triển con người trong giáo dục, đặc biệt là nhân cách, phẩm chất đạo đức ở tuổi thiếu nhi là hết sức quan trọng và nó được phát triển theo từng qui luật của những lứa tuổi ấy, được bắt đầu từ lúc khởi đầu (thọ thai) cho đến lúc trưởng thành. Do đó, việc tích hợp giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi trong thực tiễn là điều hết sức nên làm và thực hiện theo từng giai đoạn, đều có sự phát triển và những đặc điểm riêng của chúng. Phật giáo bao giờ và luôn luôn cũng hướng

*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

các em đến những giá trị CHÂN, THIỆN MỸ để gieo lòng hướng thiện, tâm. Giáo dục Phật giáo cũng không tách biệt các đặc điểm ấy, luôn giáo dục thông qua từng đặc điểm riêng biệt, từng lứa tuổi riêng biệt. Mỗi thế hệ, mỗi lứa tuổi, cụ thể là thiếu nhi chúng ta phải giáo dục từ những đặc điểm tâm sinh lý theo từng giai đoạn phát triển, từ nội dung cơ bản đến sự phát triển lâu dài, từng nội dung ấy đều có cách thức riêng để phù hợp. 2. KHÁI NIỆM VỀ TÍCH HỢP VÀ DẠY HỌC TÍCH HỢP Tích hợp (Integration) có nguồn gốc từ tiếng Latinh (integer): integration với nghĩa là: xác lập lại cái chung, cái toàn thể, cái thống nhất trên cơ sở những bộ phận riêng lẻ. Có nghĩa là sự phối hợp các hoạt động khác nhau, các thành phần khác nhau của một hệ thống để bảo đảm sự hài hòa chức năng và mục tiêu hoạt động của hệ thống ấy. Theo Từ điển Tiếng Việt1: “Tích hợp là sự kết hợp những hoạt động, chương trình hoặc các thành phần khác nhau thành một khối chức năng. Tích hợp có nghĩa là sự thống nhất, sự hòa hợp, sự kết hợp”. Theo Từ điển Giáo dục học2: “Tích hợp là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học”. Dạy học tích hợp3 là tạo ra các tình huống liên kết tri thức các môn học, đó là cơ hội phát triển các năng lực của học sinh. Khi xây dựng các tình huống vận

dụng kiến thức, học sinh sẽ phát huy được năng lực tự lực, phát triển tư duy sáng tạo". Tích hợp giáo dục Phật giáo, ta giáo dục từ những kinh tạng, những lời giáo huấn của chư Phật kết hợp với thực tiễn trong đời sống thường nhật để giáo hóa cho nhân loại và chúng sinh, đặc biệt trong bài tham luận này chủ yếu dành cho thiếu nhi/ trẻ em.

1. Hoàng Phê (1997), Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng. 2. Bùi Hiền (2001), Từ điển giáo dục học, Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, tr. 383, 3. Nguyễn Văn Khải (2008), Báo cáo đề tài cấp Bộ về dạy học tích hợp.

ĐỀ XUẤT NỘI DUNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO THIẾU NHI 415

Trong Phật giáo, chủ trương giáo dục thiếu nhi rất cụ thể và rõ ràng đã được cố Đại lão Hoà thượng Thích Minh Châu4 chỉ dạy rất cụ thể trong tài liệu Gia đình Phật tử năm 1952 và sau này là một trong những phần không thể thiếu về việc hướng dẫn Phật tử và gia đình Phật tử của Ban Hướng dẫn Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Trung ương đến các cơ sở học viện, chùa, tự viện, tịnh xá, tịnh thất. Cụ thể giáo dục từ lúc thai nhi chưa lọt lòng đến khi chào đời và cả trường thành sau này, mà nội dung giáo dục, hình thức và phương pháp giáo dục, cách thức tổ chức giáo dục phải có những nét riêng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thiếu nhi với đầy đủ nhận thức và tâm sinh lý5 và tâm lý giáo dục, được tính từ lúc thọ thai (0 tuổi) cho đến lúc trưởng thành thiếu nhi/trẻ em (15 tuổi). Chúng tôi xin phép trình bày một vài hình thức và sự việc giáo dục thiếu nhi/trẻ em thông qua sự nhận thức Phật pháp của bản thân như sau: 3. NỘI DUNG TÍCH HỢP TRONG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO 3.1. Nhận thức về tích hợp giáo dục Phật giáo thiếu nhi từ thuở còn thơ hay từ bao giờ Mỗi gia đình đều có cách giáo dục Phật pháp khác nhau và riêng biệt cho con trẻ, đây cũng là nhiệm vụ khá quan trọng đối với những ai đã là Phật tử, người tu học Phật, theo từng lứa tuổi khác nhau, từng giai đoạn khác nhau và từng tầng lớp gia đình xã hội cũng khác nhau. Trước đây, giáo dục Phật giáo hầu như chỉ có ở những người trưởng thành hay gọi chung là người lớn, quan trọng thông qua các bài Pháp thoại, lời kinh tiếng kệ hàng đêm, các băng từ thuyết giảng

4. Thích Minh Châu (1918-2012) là một tu sĩ Phật giáo người Việt Nam. Ông là một tăng sĩ thâm niên trong hàng giáo phẩm, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Ông từng là Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế, Phó chủ tịch Hội Phật giáo châu Á vì Hòa bình (ABCP) và là Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam. Ông còn là một học giả và là một dịch giả với nhiều công trình phiên dịch kinh Tạng Pàli. 5. Huỳnh Lâm Anh Chương (2017), Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm.

416 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

của các bậc tôn túc giảng sư ở các cơ sở tự viện, tịnh xá, tịnh thất. Ngày nay sự phát triển vượt bậc của thế giới cách mạng công nghệ ngày một vươn cao, các Phật tử lại được hưởng thụ các công nghệ ấy ngày một gia tăng thông qua các buổi ghi hình thuyết

giảng, các băng đĩa tụng kinh, giảng pháp phổ biến trên mạng internet, các trang mạng YouTube, Facebook rồi dần thông qua các chuyến đi, các chuyến đi tham quan, chuyến đi thập tự vào những ngày lễ hội lớn hay đầu năm mới, các chuyến đi từ thiện… chủ yếu tổ chức dành cho người lớn. Do đó, trẻ thơ được giáo dục Phật giáo vào thời điểm nào sẽ thích hợp và tốt đẹp nhất, hay đợi các trẻ lớn hoặc trưởng thành rồi thì hãy giáo dục Phật giáo song song với xã hội, e rằng có thể là không kịp, vì xã hội ngày một phát triển, mà nhân cách của trẻ cũng hình thành từ đó, cho nên không đợi trưởng thành mà ta nên giáo dục Phật giáo từ sớm, như vậy thì trẻ có sự định hướng phổ cập kiến thức càng sớm sẽ càng sâu rộng hơn, kỹ năng giáo dục tiếp cận như vậy phần nào đem lại sự hạnh phúc và tốt đẹp cho trẻ lợi tha và bi mẫn. Như trong kinh Đại phẩm6, Đức Phật đã dạy các chư Tỳ kheo rằng: “Hãy đi vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngả, hãy truyền bá Chánh pháp”. 3.2. Tích hợp giáo dục Phật giáo ở trẻ những điều gì Rõ ràng là phải dạy cho trẻ những tư duy, những hiểu biết về Phật pháp, tất cả những lời dạy ấy đều chứa trong tất cả các tạng kinh mà Đức Phật đã lưu truyền cho nhân thế qua hàng ngàn năm, hàng thế kỷ đối với những bậc tu sĩ nói chung và tại gia cư sĩ hay gọi là Phật tử tại gia nói riêng. Trẻ thơ có những suy nghĩ còn non nớt và sự thấu hiểu cũng còn hạn hẹp, cho nên việc tích hợp giáo dục Phật học cho thiếu nhi phải đi từ thực tiễn trong cuộc sống, không thể lấy nguyên vẹn các ý kinh để nói với trẻ mà ta phải trích từng ý

6. Đại phẩm 19-20, Luật tạng kinh.

hay, từng ý phù hợp thông qua từng câu chuyện để có quá trình giáo dục đạt hiệu quả cao nhất, đơn giản hóa và cụ thể hóa giáo lý đạo Phật để truyền đạt cho thế hệ trẻ là điều rất cần thiết. 3.3. Tích hợp giáo dục Phật giáo về giáo lý căn bản với thực tế xã hội Trong cuộc sống hằng ngày, giáo lý Phật học chỉ ra rằng con người chúng ta luôn có “Khổ, Tập, Diệt và Đạo”, than vãn đó là do tâm bực bội, một khi trẻ có điều gì đó cảm thấy bực bội thì ta lý giảiđó chính là Khổ, mà khổ từ tâm sinh ra thì sẽ dẫn đến sự không an lạc; mọi sự việc hằng ngày, trẻ thường hay tham luyến, khoe kho- ang các bạn khác từ những cái đẹp, cái xấu mà mỗi ngày chúng có đó chính là Tập, nảy sinh qua từng ngày lâu dần sẽ dẫn đến sự tham lam tột cùng trong tâm trí trẻ, do đó phải giảm trừ đoạn diệt cái tập dần dần sẽ bớt đi tính xấu; cũng chính từ đó, những trạng thái không tốt đẹp ngày qua ngày dẫn trẻ đi theo con đường tốt trong đạo đó là Diệt; Một ngày nào đó, trẻ nhận thức ra rằng, mọi thứ xung quanh có tốt, có xấu và không thực hành theo cái xấu ấy nữa, đoạn diệt chúng đi và hành theo cái tốt đẹp mà được cha mẹ, các sư, các thầy hướng dẫn đó chính là Đạo. Phật pháp rất cao thượng, trong sáng nhưng cũng rất tư duy, nhưng trẻ thì luôn có sự hạn chế về tư duy đó, tùy mỗi lứa tuổi mà tư duy được ứng phó với trí tuệ, được soi sáng dẫn đường từ cha mẹ mà các trẻ sẽ được phát triển phong phú hơn và sẽ biết được thêm một vài khái niệm về Phật pháp. Chẳng hạn, trong thực tế, chúng ta lấy triết lý Nhân – Quả, thuyết giảng cho trẻ

biết được cái nào tốt (Nhân) và cái nào xấu (Quả) qua từng câu chuyện cụ thể trong đời sống hàng ngày trong gia đình, trong học tập thì trẻ sẽ tránh được các điều ác, và thực hiện thêm các điều lành để áp dụng một cách linh hoạt trong mọi tình huống. 3.4. Tích hợp giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi những phẩm chất và hành vi tốt thông qua ngũ giới Trí tuệ của trẻ lúc nào cũng trong sáng và luôn hướng đến những cái đẹp, nếu cha mẹ và môi trường xung quanh dạy cho chúng những

giá trị CHÂN, THIỆN, MỸ thì trẻ sẽ đạt được những điều hay và lẽ phải ở đời và hiểu đúng chánh pháp. Học và hành theo đúng chánh pháp đạo Phật, con trẻ cũng như người Phật tử chúng ta sẽ luôn an lạc, chuyển biến mọi cái tiêu cực thành tích cực để nuôi dưỡng đạo tâm và phát huy đạo tâm được rốt ráo, tinh chuyên để từ bỏ bản ngã, kiêu căng để thực hành sống đời sống an lạc, vị tha, từ bi, hỷ xả... Trong thực tế, nếu ta tích hợp giáo dục Phật giáo cho con trẻ ngay từ đầu, ở cấp bậc chúng nhận biết sơ khởi từ lúc 5 tuổi về ngũ giới7 từ thấp đến cao. Tuy nhiên trẻ chưa hiểu hết được ngũ giới là gì, mà các bậc cha mẹ, quí chư Tăng ni phải tích hợp vào đó những câu chuyện thực tế có ảnh hưởng hay sức hút thực tế cho trẻ thấy đó là việc không nên làm theo Phật pháp mà giáo lý nhà Phật đã nêu ra trong từng bộ kinh và tạng kinh, chẳng hạn: Thấy trẻ chơi đùa và giết kiến, sâu bọ... thì đấy là phạm giới cấm sát sinh, hại mạng, ta nói trẻ không được hành theo những việc như thế vì mọi loài chúng sinh đều có sự sống. Lấy những đồ vật, hay lấy những đồ vật của bạn bè trong lớp hoặc những cái không thuộc về mình mà không xin phép thì đấy là phạm lỗi tham lam hay trộm cắp. Trẻ hay nói những điều không đúng sự thật với người lớn, thầy cô, bạn bè trong giao tiếp, hay gọi là xảo ngữ, thì đấy phạm vào lỗi nói dối, ta khuyên trẻ nên tránh xa cái dối trá hay nói dối đấy để có sự chân thật. Mọi sự sống xung quanh đều có mọi cám dỗ từ những chất kích thích, chẳng hạn trẻ uống nhiều loại nước có tính kích thích, dễ dãi với bản thân theo sự ham muốn và tìm tòi cái mới, thì dễ dẫn đến phạm giới, đấy là lỗi phạm dễ dãi uống rượu và say sưa các chất kích thích. Giới thứ năm là tránh xa sự tà dâm, đây là một giới, ở tuổi thiếu nhi, các trẻ sẽ không nhận thức được là những việc gì, do đó ta chú trọng đến bốn (04) giới trên mà giáo dục, còn sau này phát triển tư duy thì dần dần sẽ giảng thêm trong giáo lý.

7. Giới: là những điều ngăn cấm các việc xấu của thân, khẩu, ý.

Qua những thực tế trên, sự lồng ghép giáo lý nhà Phật và năm giới cấm hướng dẫn các trẻ, thiếu nhi thì việc làm gương hạnh lành từ các bậc cha mẹ là điều hết sức quan trọng, để động viên các thiếu nhi hướng lành làm thiện, cũng như phân tích những điều sâu rộng cho các em thấm nhuần và nhận ra được mối tương quan giáo lý nhà Phật có ảnh hưởng như thế nào về Nhân – Quả trong cuộc sống và Ngũ giới mà chúng thọ lãnh. 3.5. Tích hợp giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi thông qua các hình thức lễ hội hàng năm, sinh hoạt hàng ngày, và các câu chuyện về Đức Phật dành cho thiếu nhi Mỗi năm, trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng, có rất nhiều lễ hội mà Phật giáo luôn

hiện hữu. Chẳng hạn, đầu năm ta dẫn trẻ cùng gia đình đến chùa, lạy Phật, chúc tết các vị chư Tăng, chư Ni và mừng xuân Di lặc. Từ đó giải thích cho trẻ thế nào là lạy Phật, lạy Phật ta được gì, lạy Phật thế nào cho đúng. Thế nào là lạy Phật: ta lạy Phật là một sự việc đáng để làm do tâm ta thanh tịnh và luôn tôn kính bậc/đấng Từ phụ Thế tôn, bậc chánh đẳng chánh giác mà ta hằng ngày tôn kính, cũng như ta tôn kính ông bà, cha mẹ và các bậc tôn túc. Lạy Phật ta được gì: ta được sự kính trọng của một người hành theo chánh pháp, theo giáo lý nhà Phật mà ta tôn kính, hay nói cách khác lạy Phật để tâm ta được thanh tịnh hơn trong từng cái hành lễ, để diệt bỏ được mọi sự ham muốn, sân si như đã nói trên về khổ, tập, diệt và đạo. Ta dạy trẻ lạy Phật để được may mắn, luôn gặp nhiều suôn sẻ trong học tập và phát triển trí tuệ. Lạy Phật thế nào cho đúng: đây là hình thức lạy mà ta phải dạy cho trẻ thực hành hàng ngày, theo sự hướng dẫn và trẻ bắt chước từ các vị chư Tăng, chư Ni và cha mẹ hàng ngày đến chùa. Khi lạy ta phải khuỵu sát đất, đầu phải ấp vào lòng bàn tay theo cánh hoa sen để tỏ lòng tôn kính chư Phật. Mỗi hệ phái, hay tông phái đều có cách hành lễ / lạy khác nhau. Theo truyền thống Phật giáo đến tháng tư âm lịch hàng năm là

mùa Phật đản, cũng là lễ mừng Đức Phật ra đời, ta dẫn trẻ đến chùa lạy Phật, tắm Phật và tụng kinh cầu nguyện, kể cho trẻ nghe từng câu chuyện về Đức Phật nhất là những câu chuyện về tiền thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ra đời như thế nào, lớn lên ra sao và giáo dục trẻ học tập được gì qua những câu chuyện ấy. Song không kém phần quan trọng trong các lễ hàng năm của đạo Phật đó chính là lễ Vu lan Báo hiếu, tại sao có lễ này, lễ này nhằm mục đích gì, các câu chuyện kể về lễ này thì có câu chuyện về bà Thanh đề và Đức Mục Kiền liên cứu mẹ từ địa ngục, dùng thần thông nhãn hóa để cứu lấy mẹ mình bị sa vào địa ngục, và nhiều câu chuyện báo hiếu từ lòng thanh mẫn của con người, báo đáp ân sanh thành. Hơn nữa, hiện nay ở rất nhiều các đạo tràng trong nước đều có những khóa tu học một ngày, một tuần hoặc hai tuần trong những dịp lễ lớn, nhất là mùa hè dành cho thiếu nhi, thanh thiếu niên, nên cho trẻ đến đó để bắt chước tu học và tìm hiểu giáo lý rõ ràng hơn từ các vị chư Tăng giảng dạy. Thực tế có rất nhiều câu chuyện mà quí chư Tăng giảng cần gợi ý bằng các câu hỏi mở, các em mới nhận ra điều cần học đem lại sự thấm nhuần trong giáo lý. Chính vì thế, khi giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi hay trẻ em, thì chúng ta luôn để ý những hành động nhỏ và tư duy trong sáng nhằm để khơi dậy sự tĩnh tâm rõ ràng, chứ không cần dạy những điều cao siêu, tư duy quá rộng, mà thực tế bằng những hành động hàng ngày, trong đời sống, trong thực tế xã hội, vì Đạo và Đời luôn cùng song hành với nhau mọi lúc và khắp thế gian. Ông bà ta ngày xưa có câu: “Mưa dầm thấm lâu/đất” là một điều cần thiết để chủ tâm “ươm, cấy” vào trong tâm các em những hành vi và phẩm chất cao quý cần có của người Phật tử thông qua các môi trường giáo dục khác nhau và cần phải xuyên suốt, nhất quán hướng về các phẩm chất này như là tâm điểm và xuyên qua mọi hoạt động thường ngày, tận dụng mọi môi trường giáo dục để xâu kết, hướng các em về tâm điểm này. Để quá trình này diễn ra hiệu quả hơn, chúng ta cần phải hiểu rõ tâm lý trẻ, cần gì, muốn gì, hiểu gì, cũng như tìm hiểu rõ tâm sinh lý, thói quen, tính cách của trẻ để việc giáo dục Phật pháp trở nên nhẹ

nhàng hơn, thú vị hơn và có kết quả nhiều hơn, song cũng phải biết cách giáo dục trẻ biết yêu thương nhau để tìm được tiếng nói chung và để cùng nhau thực hành lời Phật dạy một cách triệt để. Phật giáo hay xã hội, giáo dục cũng phải tận tâm, tận lực giáo dục, đem Phật pháp đến với trẻ ngày một lớn sẽ tạo được niềm tin, yên tâm hơn khi chúng trưởng thành và tự tin bơi ra biển lớn của xã hội như trong kinh Pháp cú8 có câu "Pháp thí hơn mọi thí". Thay vì ta dạy chúng cách kiếm tiền, hay cho chúng tiền bạc, thì hãy dành thời gian chia sẻ, đồng hành cùng các con để mọi thành viên trong gia đình cùng sống theo tinh thần Phật pháp sẽ đem lại hạnh phúc nhiều hơn và bền vững hơn theo cách hiểu biết của chúng ta trong xã hội và trong giáo lý nhà Phật. Cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu đã soạn thảo và nêu rằng thiếu nhi cũng là một bộ phận Phật tử không nhỏ trong lòng Giáo hội, có ba nguyên nhân9 chính đó là: Một số lớn các em nhờ sự may mắn, sống trong một hoàn cảnh vật chất quá đầy đủ, do vậy không chịu lo học, lo tập sống tự lập, chỉ biết sống ỷ lại vui chơi; Gia đình Phật tử sẽ cố gắng làm một trường luyện tập các em biết sống đoàn thể, biết tự lập, biết tháo vát để sau này gặp những hoàn cảnh khó khăn, các em có thể biết ứng dụng, sống ích lợi cho mình, cho mọi người. Cuộc chiến tranh đã qua và hiện tại đã làm một số em mồ côi cha mẹ lưu lạc gia đình, sống cô quạnh, không lý tưởng. Gia đình Phật tử ra đời, thể theo lòng từ bi của chư Phật, nguyện tiếp đón các em, sống trong đại gia đình Phật tử, mong đem những gì vui tươi, trong sạch của tuổi trẻ cho các em. Gia đình Phật tử lại có cao vọng giới thiệu một phương pháp giáo dục đặc biệt dựa trên giáo pháp Phật dạy, và một đời sống lý tưởng đúng với tinh thần đạo Phật. Từ những nguyên nhân trên mà Hòa thượng đã rút ra được ba

8. Pháp cú số 354. 9. Hòa thượng Thích Minh Châu (1952), Vì sao gia đình Phật tử ra đời.

vấn đề lớn để quan tâm về giáo dục thiếu nhi thông qua Bi, Trí và Dũng như sau được thể hiện ở (1) Luôn Từ bi, Tôn trọng sự sống; (2) Trong sạch và An tịnh; (3) Hỷ xả. 4. KẾT LUẬN Để kết thúc bài tham luận này, chúng tôi xin mượn lời của vị Tổng thống đời thứ 41 của Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ, người luôn có sự giáo dục và quan tâm đến trẻ em trên đất nước Hoa Kỳ nói riêng và cả thế giới nói chung như sau: "Tôi nhận ra một điều rằng cuộc sống không có nghĩa gì nhiều nếu bạn không sẵn lòng đóng góp phần nhỏ bé của mình nhằm để lại cho con cháu chúng ta - tất cả con cháu chúng ta - một thế giới tốt đẹp hơn. Kẻ ngốc nào cũng có thể có con. Điều đó không khiến bạn trở thành một người cha. Chính lòng can đảm trong việc nuôi dạy đứa trẻ mới khiến bạn là một người cha. (What I've realized is that life doesn't count for much unless you're willing to do your small part to leave our children — all of our children — a better world. Any fool can have a child. That doesn't make you a father. It's the courage to raise a child that makes you a father)." Qua đây, chúng tôi luôn mong rằng tất cả các bậc cha mẹ biết sử dụng thời gian khôn ngoan, nỗ lực và tận tâm hơn trong việc giáo dục Phật pháp cho con trẻ đặc biệt là bậc thiếu nhi những nền tảng Phật pháp ngay từ thuở sơ khai để dần hình thành nhân cách theo giáo lý Phật pháp ngày một tăng trưởng và tinh tấn, như có

câu “Tu mau kẻo muộn”.

***

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VỀ “THIỆN” CHO TRẺ EM TỪ GÓC ĐỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY TS. Phạm Thị Quỳnh*

ĐẶT VẤN ĐỀ Trong bối cảnh hiện nay, giáo dục được Đảng và Nhà nước ta coi trọng “là quốc sách” hàng đầu. Giáo dục đạo đức cho trẻ em càng có ý nghĩa cấp thiết hơn bao giờ hết. Bởi đây chính là thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước. Ngày nay, cùng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), giáo dục toàn diện không chỉ là cung cấp kiến thức mà còn phải phát triển trí tuệ cùng giáo dục đạo đức cho công dân. Trong các lý thuyết giáo dục đạo đức thì cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức đặc biệt và phù hợp với truyền thống của người Việt. Giáo dục đạo đức theo quan niệm của Phật giáo là quá trình tu tập chuyển hóa nội tại (thân tâm), phát huy mặt tốt, cải tạo mặt chưa tốt của mỗi người học (“tu là chuyển nghiệp”). Phật giáo chỉ rõ nguồn gốc của mọi khổ đau là do “vô minh” (thập nhị nhân duyên) và cũng chỉ rõ con đường “diệt khổ” hướng tới hạnh phúc, an lạc (“Giải thoát”, “Niết bàn”). “Giải thoát”, “Niết bàn” chính là mục đích/cảnh giới của an lạc, hạnh phúc viên mãn!

*. Khoa Triết học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ Việt Nam (năm 2009) có khoảng 6.802.318 tín đồ Phật giáo. Theo số liệu thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trong phạm vi cả nước có khoảng 45 triệu tín đồ quy y Tam bảo, trong đó có 839 đơn vị gia đình Phật tử và khoảng 44.498 Tăng Ni, hơn 14.775 tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường1. Trăn trở với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ của nước nhà, tác giả đã mạnh dạn đề xuất nghiên cứu “Giáo dục Phật giáo về “Thiện” cho trẻ em từ góc độ gia đình ở Việt Nam hiện nay”. 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU 2.1. Sự cần thiết của việc giáo dục “Thiện” theo Phật giáo cho trẻ em từ góc độ gia đình hiện nay Theo Điều 1, Luật Trẻ em 2016 “trẻ em là người dưới 16 tuổi”. Theo Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010, UNICEF Việt Nam, số vụ vi phạm pháp luật hành chính và hình sự của trẻ em dưới 18 tuổi từ năm 2001 đến 2006:2

Theo số liệu báo cáo của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về

2. Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010, UNICEF Việt Nam, tr.234.

trật tự xã hội – Bộ Công an: nửa đầu năm 2017 cả nước xảy ra 2.258 vụ vi phạm pháp luật do 3.340 trẻ em và người chưa thành niên gây ra. Trong đó: 36 vụ giết người với 63 đối tượng; 59 vụ cướp tài sản với 103 đối tượng; 302 vụ cố ý gây thương tích với 574 đối tượng; 896 vụ trộm cắp tài sản với 1.200 đối tượng...; theo lứa tuổi: dưới 14 tuổi 174 đối tượng, chiếm tỷ lệ 5,2%; từ 14 đến dưới 16 tuổi 818 đối tượng, chiếm 24,5%; từ 16 đến

dưới 18 tuổi 2.348 đối tượng, chiếm 70,3%....3 Theo thống kê của Cục Cảnh sát hình sự – Bộ Công an: trong vòng ba năm từ 2016 đến 2018 toàn quốc đã phát hiện 13.794 vụ với 20.367 đối tượng là người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong đó: giết người 183 vụ với 293 đối tượng; cướp tài sản 475 vụ với 830 đối tượng; cưỡng đoạt tài sản 88 vụ với 111 đối tượng; cố ý gây thương tích 2.017 vụ với 3.797 đối tượng; trộm cắp tài sản 5.565 vụ với 7.611 đối tượng; cướp giật tài sản 505 vụ với 627 đối tượng; Ngoài các tội danh trên, người dưới 18 tuổi còn phạm các tội khác với 4.961 vụ, 10.895 đối tượng. Về lứa tuổi phạm tội: dưới 14 tuổi chiếm 6%, từ 14 đến dưới 16 tuổi chiếm 23%, từ 16 đến dưới 18 tuổi chiếm 71%4. Nghiên cứu nguyên nhân từ hồ sơ các vụ việc trên cho thấy, đa số trẻ em vi phạm pháp luật là do gia đình: gia đình có hoàn cảnh đặc biệt, có thành viên gia đình (bố/mẹ/anh chị em…) vi phạm pháp luật, đi tù, nghiện ma túy… sống trái với những chuẩn mực xã hội; hoặc bố mẹ mải làm ăn, ít có thời gian quan tâm con cái; hoặc bố mẹ quá nuông chiều con cái; hoặc bố mẹ dạy con không đúng cách… Ngoài nguyên nhân từ phía gia đình là chủ yếu, còn một số nguyên nhân khác từ phía nhà trường và xã hội. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ phân tích vai trò của gia đình trong

3. Hội thảo khoa học "Nâng cao công tác của lực lượng QLHC về TTXH trong phòng ngừa trẻ em và người chưa thành niên (TE và NCTN) làm trái pháp luật tại cồng đồng dân cư" của Tổng cục Cảnh sát – Bộ Công an (ngày 18/9/2017 tại Thành phố Hồ Chí Minh)/ 4. Phạm Minh Tuyên (2019), "Phòng ngừa người dưới 18 tuổi phạm tội thông qua hoạt động xét xử của Tòa án – Hạn chế và kiến nghị", Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử - Cơ quan của Tòa án nhân dân tối cao (ISSN: 2588-1434).

việc giáo dục đạo đức cho trẻ em. Bởi theo quan điểm của chủ ng- hĩa duy vật lịch sử, đạo đức và pháp luật là những hình thái ý thức xã hội có mối quan hệ tác động qua lại biện chứng với nhau. Đạo đức và pháp luật đều nhằm điều chỉnh hành vi của con người, đều chống lại cái ác, bảo vệ cái thiện đem lại cuộc sống thanh bình cho cá nhân, gia đình và xã hội. Song, đạo đức điều chỉnh hành vi của con người mang tính tự nguyện, từ động cơ bên trong; còn pháp luật điều chỉnh hành vi của con người mang tính cưỡng chế, từ bên ngoài. Đạo đức điều chỉnh hành vi thông qua dư luận xã hội, phong tục, tập quán, truyền thống, và cơ chế điều chỉnh của đạo đức chủ yếu là tự mình lựa chọn hành vi, cách ứng xử đúng đắn, hợp lẽ phải và mang tính tự nguyện, dựa vào lòng tin, thói quen, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Chính vì vậy, mỗi công dân nếu được giáo dục ngay từ nhỏ để trở thành người có đạo đức tốt thì cũng sẽ trở thành những công dân mẫu mực trong việc tuân thủ pháp luật. Lịch sử dân tộc đã chứng minh, trong các lý thuyết giáo dục đạo đức thì cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức đặc biệt và phù hợp với truyền thống của gia đình Việt. Hơn nữa, cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục "Thiện" cũng rất gần gũi với phong tục, tập quán của người Việt từ xưa tới nay. 2.2. Nội dung cơ bản của "Thiện" theo Phật giáo 2.2.1. Thiện (akusa) và bất thiện (akusala): Thiện (akusa) và bất thiện (akusala) trong Phật giáo không phải là vốn có hay do đấng siêu nhiên quy định mà

nguyên nhân sâu xa là do “vô minh” nên con người “chấp ngã”, từ đó nảy sinh dục vọng “tham sân si” và tạo tác tích thành “nghiệp”. Nguyên nhân của bất thiện là do tham, sân, si. Nguyên nhân của thiện là do không tham, không sân, không si. Và “tu là chuyển nghiệp”, khi đạt tới “giải thoát” thì con người không còn chấp “thiện” hay “bất thiện” nữa, và đạo đức trở thành bản tính tự nhiên, tự tại của con người. 2.2.2. Ngũ giới và Thập thiện “Giới” là sự cụ thể hóa quan niệm “Thiện” của Phật giáo

thành các chuẩn mực đạo đức cần phải thực hành trong quá trình tu tập. “Ngũ giới” gồm: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không dùng chất kích thích. “Thập thiện” gồm: tránh ba nghiệp bất thiện của thân (không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm); tránh bốn nghiệp bất thiện của khẩu (không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời độc ác, không nói lời điêu toa); tránh ba nghiệp bất thiện của ý (không tham, không sân, không si). “Ngũ giới” và “Thập thiện” là chuẩn mực đạo đức của Phật giáo. “Ngũ giới” và “Thập thiện” giúp cho mỗi con người tự giác kiểm soát bản thân (thân, khẩu, ý) để tạo nghiệp thiện và tránh nghiệp bất thiện. 2.2.3. Thuyết nhân - quả, nghiệp báo “Con người là chủ nhân của Nghiệp, đồng thời con người cũng là thừa tự của Nghiệp”. Con người hoàn toàn chịu trách nhiệm đạo đức về tất cả mọi hành động (thân, khẩu, ý) của bản thân. Đau khổ hay hạnh phúc chính là “quả” do nghiệp (thiện hay bất thiện) mình đã tạo ra “nhân”. Con người hành động bằng ý chí tự do của mình, con người tất yếu phải chịu hậu quả chính hành động của mình. Tuy nhiên, con người cũng hoàn toàn có thể “chuyển nghiệp” với một nỗ lực đạo đức tối đa. Khi con người làm chủ được “Tâm” thì sẽ làm chủ được lời nói, hành động và sẽ tạo nghiệp thiện, tránh tạo nghiệp bất thiện. Vì vậy, việc hiểu thấu đáo thuyết “nhân quả, nghiệp báo” của đạo Phật sẽ tạo cho mỗi cá nhân sự rèn luyện ý thức trách nhiệm cao nhất với bản thân và cộng đồng. Phật giáo chỉ rõ nguồn gốc của mọi khổ đau là do “vô minh”. “Vô minh” là trạng thái mê mờ, không sáng suốt, không tỉnh thức, không thấy được thực tính của các pháp, không thấy không biết sự khổ và nguyên nhân của khổ, không thấy tiến trình sinh diệt của ngũ uẩn, Thập nhị nhân duyên. Vì thế, chúng sinh bị trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi vô định. “Thập nhị nhân duyên” là mười hai nhân duyên

của luân hồi là một dây chuyền liên tục, trong một đời cũng như trong nhiều đời (quá khứ, hiện tại, tương lai). Do “vô minh” sinh “hành”, “hành” sinh “thức”, “thức” sinh “danh sắc”, “danh sắc” sinh “lục nhập”, “lục nhập” sinh “xúc”, “xúc” sinh “thọ”, “thọ” sinh “ái”, “ái” sinh “thủ”, “thủ” sinh “hữu”, “hữu” sinh “sinh”, “sinh” sinh “lão tử”. Như vậy, trong mười hai nhân duyên của luân hồi thì “vô minh” là nguyên nhân căn bản. Chỉ khi nào diệt được “vô minh” thì mới giác ngộ, chỉ khi nào diệt được “hành” thì mới hết “sinh tử”. Phật giáo đồng thời cũng chỉ rõ con đường “diệt khổ” hướng tới hạnh phúc, an lạc viên mãn. “Tứ diệu đế” (bốn chân lý màu nhiệm) gồm: “Khổ đế” (thực trạng đau khổ của con người - Bát khổ: sinh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán

tăng hội, thụ ngũ uẩn); “Tập đế” (nguồn gốc của khổ - Thập nhị nhân duyên), “Diệt đế” (sự chấm dứt khổ) và “Đạo đế” (con đường/phương pháp thực hiện để chấm dứt khổ - “Bát chính đạo” gồm: 1. Chính kiến; 2. Chính tư duy; 3. Chính ngữ; 4. Chính nghiệp; 5. Chính mệnh; 6. Chính tinh tấn; 7. Chính niệm; 8. Chính định). “Bát chính đạo” chính là con đường, là phương pháp thực hành để đạt được an lạc trong đời sống hằng ngày và cao hơn là “Giải thoát”/ “Niết Bàn” (hạnh phúc tuyệt đối). Như vậy, đức Phật đã chỉ ra con đường tu tập - “Đạo đế” là con đường nỗ lực tự thân của mỗi hành giả. “Bát chính đạo” cũng chính là ba bước của “Tam học” (Giới, Định, Tuệ). Trong đó “Giới” là “Chính ngữ”, “Chính nghiệp”, “Chính mệnh”; “Định” là “Chính tinh tấn”, “Chính niệm”, “Chính định”; “Tuệ” là “Chính kiến” và “Chính tư duy”. “Giới, Định, Tuệ” cũng là nội dung căn bản nhất trong hệ thống giáo dục Phật giáo, thể hiện toàn bộ giáo lý Phật giáo. Học Phật và tu theo Phật mục đích cuối cùng là đạt tới Tuệ giác, chứng ngộ và giải thoát khỏi sinh tử, nghiệp báo, luân hồi (duy Tuệ thị Nghiệp). Đặc biệt, giáo lý “Tứ diệu đế” có thể thực hành cho cả người xuất gia và tại gia, bất kỳ ai cũng có thể tu tập được để giải thoát, đạt tới cảnh giới của an lạc, hạnh phúc viên mãn! Ngoài ra, Phật giáo còn có các phạm trù: “Tứ vô lượng tâm” gồm bốn tâm thiện: tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả; “Tứ chính” trong

quá trình tu dưỡng đạo đức (tự tiếp tục duy trì và phát triển điều thiện đã sinh, tự mình làm sinh khởi điều thiện chưa sinh, tự mình đoạn trừ điều bất thiện đã sinh, tự mình không cho phép sinh khởi điều bất thiện); “Lục độ” (pháp môn tu Bồ tát thừa/ Ba la mật gồm: bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ)... Phật giáo cũng quy định những chuẩn mực đạo đức làm người của các tín đồ tu tại gia như: “Tứ pháp” (đạo đức nghề nghiệp): phương tiện đầy đủ (có nghề nghiệp chính đáng), bảo vệ, giữ gìn đầy đủ (thành quả lao động), thiện tri thức, chính mệnh đầy đủ; “Tứ ân”: ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn quốc gia, ơn Tam bảo; “Lục phương lễ” (phép tắc đối xử trong các mối quan hệ giữa người với người): cha mẹ, anh em, vợ con, bạn bè, cấp dưới và vị thầy tôn giáo; ... Đạo đức Phật giáo không chỉ quy định trong giáo lý mà thể hiện sống động qua những khuôn mẫu ứng xử hằng ngày, trong từng sát na, suốt kiếp này và vô lượng kiếp. Mỗi cá nhân biểu hiện thường xuyên bằng ý nghĩ đạo đức, lời nói đạo đức và hành động đạo đức (ý, khẩu, thân). Phật giáo xây dựng mẫu hình nhân cách lý tưởng; từ bi hỷ xả và trí tuệ viên mãn. Nội dung đạo đức của Phật giáo là khuôn mẫu ứng xử tốt đẹp nhất cho nhân loại/xã hội con người phù hợp ở mọi thời đại. Như vậy, nội dung giáo dục “Thiện” của Phật giáo chính là quá trình hướng dẫn tu tập chuyển hóa nội tại (cả thân và tâm), phát huy mặt tốt, cải tạo mặt chưa tốt của mỗi người và góp phần chuyển hóa xã hội (“tu là chuyển nghiệp”). Phật giáo chỉ rõ nguồn gốc của mọi khổ đau là do “vô minh” (thập nhị nhân duyên) và cũng chỉ rõ con đường diệt khổ - “đạo đế” hướng tới hạnh phúc, an lạc (“Giải thoát”, “Niết Bàn”). 2.3. Giáo dục “Thiện” theo Phật giáo cho trẻ em từ góc độ gia đình hiện nay 2.3.1. Thực trạng việc giáo dục “Thiện” theo Phật giáo cho trẻ em từ góc độ gia đình ở Việt Nam hiện nay Theo số liệu thống kê lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo tính đến ngày

20/10/2018 của Ban Tôn giáo Chính phủ: tổng số tôn giáo được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động là 16 tôn giáo, trong đó có Phật giáo.5 Theo số liệu thống kê của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, (tính đến ngày 01/04/2019) cả nước có 26.870.079 hộ gia đình, bình quân mỗi hộ gia đình có 3,5 người6. Trong khi đó, nếu theo số liệu thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trong phạm vi cả nước có khoảng 839 hộ gia đình Phật tử. Đây là một con số rất khiêm tốn so với tổng số hộ gia đình hiện tại ở Việt Nam. Cho đến nay chưa có một khảo sát nào về thực trạng giáo dục đạo đức Phật giáo từ góc độ gia đình Phật tử, cũng như các gia đình không phải là Phật tử (theo tôn giáo khác hoặc không theo tôn giáo nào). Song từ góc độ nhận định chủ quan của mình, chúng tôi cho rằng, có một con đường gián tiếp giáo dục đạo đức Phật giáo nói chung, giáo dục "Thiện" nói riêng cho đa số người Việt chính là sự thẩm thấu văn hóa, văn hiến hơn hai ngàn năm của người Việt đã trở thành triết lý sống của dân tộc. Theo sử sách, đạo Phật du nhập vào nước ta từ rất sớm, ngay từ đầu công nguyên. Triết lý của đạo Phật gần gũi với đời sống tinh thần của người Việt nên được người Việt tự nguyện tiếp thu và cải biến. Từ đó tới nay, triết lý đạo Phật được xem như một phần tất yếu trong đời sống tinh thần của người Việt, tạo thành đức tin thiêng liêng bên trong như một sự thẩm thấu tự nhiên của đa số người dân Việt. Nó chi phối nhận thức, hành vi, chuẩn mực đạo đức của mỗi người đối với chính mình, với tự nhiên và với cộng đồng xã hội. Chính vì vậy, giáo dục quan điểm "Thiện" trong đạo đức Phật giáo đến trẻ em từ góc độ gia đình hiện nay không chỉ do giáo dục trực tiếp tại các gia đình Phật tử. Đó còn là do một quá trình thẩm thấu tự nhiên những chuẩn mực, triết lý đạo đức Phật giáo thông qua phong tục tập quán, lối sống, nếp nghĩ đã ăn sâu vào tiềm thức

linh_vuc_tin_nguong_ton_giao

mỗi người dân Việt Nam từ thuở lọt lòng. Song, vấn đề hiện nay là, làm thế nào để có thể kế thừa và phát huy tốt nhất những giá trị đạo đức Phật giáo cao đẹp đó cho trẻ em từ góc độ gia đình trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa? 2.3.2. Một số đề xuất giải pháp Là một người mẹ có hai con đang trong tuổi vị thành niên, bản thân tôi luôn trăn trở với phương pháp dạy con, đôi khi "dạy con trong hoang mang", thực sự không biết dạy con theo "lối" nào. Thật may mắn, tôi đã tìm được giải pháp từ giáo dục đạo đức Phật giáo. Qua trải nghiệm của một người nghiên cứu, đồng thời là một người mẹ, tôi xin đưa ra một số đề xuất giải pháp như sau: * Từ phía gia đình Phật tử: Đối với gia đình Phật tử, nên coi trọng hơn nữa giáo dục đạo đức Phật giáo nói chung, giáo dục "Thiện" cho trẻ em nói riêng ngay từ thuở lọt lòng. Không nên đợi trẻ lớn rồi mới giáo dục. Mặc dù giáo lý của đạo Phật vốn dĩ rất cao siêu, song theo các nghiên cứu về giáo dục học và thực tế chứng minh, trẻ em huân tập giáo lý rất nhanh nhạy bất kể tôn giáo nào. Để giáo dục "Thiện" cho trẻ em tại gia đình hiệu quả, cha mẹ và những thành viên trong gia đình cần "đơn giản hóa" giáo lý Thiện (akusa) và bất thiện (akusala) bằng nhiều hình thức sinh động qua lời nói, hành động và những câu chuyện kể hằng ngày.

Dạy con biết cách kiểm soát thân, khẩu, ý ngay từ nhỏ. Dạy cho trẻ nhận biết mối tương quan giữa ý nghĩ, lời nói, hành động và kết quả/hậu quả (nhân – quả). Muốn vậy, những Phật tử thành viên trong gia đình, đặc biệt cha mẹ, ông bà hãy luôn nêu gương tu tập cho con cháu. Bởi trẻ em học tập nhanh nhất qua "hình mẫu" mà chúng tiếp xúc nhiều nhất hằng ngày. Gia đình cần cho trẻ em được bao bọc, đắm mình trong môi trường Phật giáo, thân tâm luôn thấm đẫm giáo lý đạo Phật bằng nhiều cách: - Kể chuyện về Đức Phật và Phật pháp cho trẻ nghe mỗi ngày. - Tương tác, giao lưu với trẻ trong quá trình trẻ tìm hiểu về Phật pháp.

- Cho trẻ nghe ca nhạc, video về các đề tài liên quan đến Phật giáo. - Cho trẻ nghe sách, video về các bài giảng Pháp của các Quý Thầy Tăng Ni thường xuyên. - Thường xuyên cho trẻ lên chùa, tham dự các khóa lễ, các khóa tu, nghe các bài giảng pháp trực tiếp từ các quý thầy trong chùa. - Thường xuyên tổ chức và cho trẻ đi làm từ thiện. - Nếu có thể, dạy cho trẻ ăn chay hằng ngày. - Nếu có thể, dạy cho trẻ tập thiền hằng ngày. - Nếu có thể, dạy cho trẻ cầu nguyện, tụng kinh hằng ngày. .... Thiết nghĩ, nếu mỗi gia đình Phật tử đều làm được như vậy, trẻ em sẽ là những người hạnh phúc nhất, và từ đó gia đình hạnh phúc, xã hội hạnh phúc! * Từ phía gia đình không theo Phật giáo (nhưng có thiện cảm với đạo Phật): bên cạnh việc giáo dục đạo đức cho con trẻ theo các lý thuyết khác, thì cũng nên vận dụng kết hợp giáo dục "Thiện" theo đạo đức Phật giáo. Ngoài ra, để việc giáo dục "Thiện" theo đạo đức Phật giáo cho trẻ em hiệu quả hơn nữa, mong các quý thầy vì sứ mệnh hoằng dương Phật pháp có những sự quan tâm, giúp đỡ đặc biệt bằng nhiều hình thức khác nhau như: tổ chức các khóa tu mùa hè, các khóa tu ngắn ngày, thuyết pháp, giảng pháp... với nhiều chủ đề thiết thực của cuộc sống, gần gũi với thiếu nhi. Thêm nữa, từ phía xã hội và các Phật tử: cần có nhiều dự án hỗ trợ hoặc tổ chức các hoạt động thiện nguyện đồng hành trẻ em Việt Nam trong quá trình giáo dục đạo đức Phật giáo vì sự phát triển chung của xã hội. Như vậy, giáo dục "Thiện" theo Phật giáo cho trẻ em Việt Nam hiện nay nên và cần thiết phải là một phần tất yếu trong nội dung giáo dục đạo đức tại gia đình. Nếu có được sự kết hợp hiệu quả các

đề xuất giải pháp trên đây giữa các bên liên quan thì sẽ phát huy được tối đa trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững. KẾT LUẬN Giáo dục "Thiện" theo Phật giáo cho trẻ em từ góc độ gia đình ở Việt Nam hiện nay góp phần hoàn thiện nhân cách cho thế hệ tương lai của đất nước là việc làm vô cùng cần thiết. Trên cơ sở kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức của dân tộc và nhân loại, việc kết hợp các đề xuất giải pháp giáo dục "Thiện" theo quan niệm của Phật giáo cho trẻ em tại gia đình Phật tử sẽ góp phần vào quá trình kiến tạo nên những con người hạnh phúc, và từ đó gia đình hạnh phúc; đồng thời lan tỏa những giá trị tốt đẹp, thiện lành cho cộng đồng xã hội hạnh phúc!

***

Tài liệu tham khảo Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010, UNICEF Việt Nam. Hội thảo khoa học "Nâng cao công tác của lực lượng QLHC về TTXH trong phòng ngừa trẻ em và người chưa thành niên (TE và NCTN) làm trái pháp luật tại cộng đồng dân cư" của Tổng cục Cảnh sát – Bộ Công an (ngày 18/9/2017 tại Thành phố Hồ Chí Minh). Luật Trẻ em (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2018), NXB. Chính trị Quốc gia. Trịnh Thị Kim Ngọc (2013), "Tình trạng gia tăng tội phạm ở người chưa thành niên – một cảnh báo cấp thiết với phát triển bền vững xã hội ở nước ta", Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 2 (65), tr. 45-58. Quyết định số 219/QĐ-TTG ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo. Phạm Minh Tuyên (2019), "Phòng ngừa người dưới 18 tuổi phạm tội thông qua hoạt động xét xử của Tòa án – Hạn chế và kiến nghị", Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử - Cơ quan của Tòa án nhân dân tối cao (ISSN: 2588-1434). So_lieu_thong_ke_linh_vuc_tin_nguong_ton_giao htt p s : / / w w w.g so.gov.v n / d e f au l t .a s px ? tab i d = 3 8 2 & i d mid=2&ItemID=19277

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VỀ GIÁ TRỊ SỐNG CHO TRẺ VỊ THÀNH NIÊN HIỆN NAY NCS. Nguyễn Thị Thanh Tùng*

1. LỜI NÓI ĐẦU Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới, đã du nhập vào nước ta từ 2.000 năm trước và có những ảnh hưởng tích cực lên mọi mặt của đời sống xã hội từ chính trị, văn hóa đến đạo đức, lối sống,... Với triết lý từ bi, hỷ xả, cứu khổ cứu nạn,... Phật giáo dễ dàng đi vào từng đời sống của từng cá nhân, gia đình, hướng con người tới những điều tốt đẹp như lối sống vị tha, bình đẳng, khoan dung, yêu thương, đoàn kết, tương thân tương ái. Các tôn chỉ, triết lý của Phật giáo phù hợp với tư tưởng, đạo đức, lối sống của người Việt Nam, dần dần dung nhập vào đời sống tín ngưỡng, văn hóa bản địa của người Việt và đã có những đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trải qua dặm dài lịch sử, chứng kiến biết bao thăng trầm, biến đổi của đất nước, đạo Phật vẫn đồng hành với dân tộc Việt Nam và góp phần không nhỏ trong sự phát triển của các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, chính trị, xã hội... Trong lĩnh vực giáo dục, cùng với các

*. Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

cơ chế chính thống của nhà nước là hệ thống các trường học từ cấp mầm non đến đại học, Phật giáo cũng đã song hành với gia đình Việt trong hình thành và nuôi dưỡng các giá trị sống tốt đẹp cho cá nhân, nhất là giới trẻ. Tuy nhiên, với những biến đổi xã hội hiện nay, các giá trị sống của con người đang dần dần thay đổi. Lối sống theo chủ nghĩa cộng đồng vì gia đình, xã hội đang được thay thế bằng lối sống theo chủ nghĩa vị kỷ cá nhân. Tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong khó khăn, hoạn nạn "lá lành đùm lá rách" được thay bằng sự vô tâm, vô cảm. Các tệ nạn xã hội như ma túy, cướp giật,... đang trở thành nỗi lo của tất cả mọi người. Đặc biệt đối với thanh thiếu niên, nhất là vị thành niên, vấn đề này càng trở nên nghiêm trọng hơn bao

giờ hết. Trong thời gian qua, các phương tiện truyền thông đại chúng không ngừng đưa thông tin về các băng nhóm cướp giật táo tợn, các vụ giết người man rợ, các nhóm trẻ tụ tập hút chích ma túy… và không ít thủ phạm trong số đó đang ở độ tuổi vị thành niên. Chính vì vậy, việc giáo dục để hình thành những giá trị sống tốt đẹp cho tầng lớp thanh thiếu niên, chủ nhân tương lai của đất nước - nhất là trẻ vị thành niên, lứa tuổi có những biến đổi tâm sinh lý quan trong - càng được quan tâm hơn bao giờ hết. Và Phật giáo với vai trò là một tôn giáo lâu đời, có những đóng góp cho sự phát triển của đất nước cũng được nhắc tới trong việc chung tay với các thành phần thể chế khác trong xã hội góp sức giáo dục, hình thành các giá trị sống theo tiêu chí duy trì các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếp thu các giá trị văn hóa mới có chọn lọc theo hướng tích cực cho tầng lớp này. 2. NỘI DUNG 2.1. Trẻ vị thành niên, họ là ai? Vị thành niên - được hiểu là người sắp đến tuổi trưởng thành, là độ tuổi giữa trẻ em và thanh niên, là một khái niệm chưa được thống nhất về độ tuổi. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thì vị thành niên được quy định nằm trong lứa tuổi 10 - 19. Tuy nhiên, theo đặc trưng về dân số của mối quốc gia thì có những quy định khác nhau. Ở một số quốc gia như Australia, New Zealand, Ấn Độ,

Philippines, Brazil, Croatia và Colombia, trẻ vị thành niên được xác định là người dưới tuổi 18. Trong khi đó Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan và Hàn Quốc, trẻ vị thành niên là người dưới 20 tuổi. Tại Việt Nam, trẻ vị thành niên là trẻ ở lứa tuổi từ 10 đến 19 tuổi. Tuổi vị thành niên còn được chia thành 3 nhóm, cụ thể: - Nhóm vị thành niên sớm (10 - 13 tuổi) - Nhóm vị thành niên giữa (14 - 16 tuổi) - Nhóm vị thành niên muộn (17 - 19 tuổi) Sự phân chia các nhóm như vậy là dựa trên sự phát triển thể chất, tâm lý xã hội của từng thời kỳ. Sự phân chia này cũng chỉ mang tính chất tương đối vì trong thực tế yếu tố tâm sinh lý, phát triển thể lực của mỗi em có những đặc điểm riêng biệt, không hoàn toàn đúng theo như sự phân định. Theo quy định của pháp luật nói chung và Luật Trẻ em của Việt Nam năm 2016 nói riêng, trẻ em được luật pháp bảo vệ chăm sóc giáo dục là dưới 16 tuổi. Về mặt luật pháp trẻ vị thành niên là trẻ dưới 18 tuổi. Theo các nhà nghiên cứu, có những lý do về mặt sinh học khiến họ tin rằng cần phải mở rộng khái niệm vị thành niên, trong đó thuyết phục nhất là việc sau tuổi 18, 19, cơ thể con người vẫn tiếp tục phát triển. Chẳng hạn não người vẫn tiếp tục hoàn thiện hơn sau tuổi 20 để hoạt động nhanh và hiệu quả hơn. Chưa kể với không ít người, răng khôn chỉ bắt đầu xuất hiện khi họ đã bước vào tuổi 25. Cùng với lý do sinh học, những xu hướng lựa chọn cuộc sống mới của người trẻ cũng là lý do để nhóm nghiên cứu đề xuất việc “xét lại” độ tuổi vị thành niên. Trên thực tế, người trẻ hiện nay đã và đang ngày càng kết hôn, có con muộn hơn1. Tuổi vị thành niên là thời kỳ có những thay đổi lớn lao trong cơ thể cả sinh lý lẫn tâm lý. Đây là giai đoạn mà con người đứng

xau-cho-tre-va-gia-dinh

trước ngã ba đường, là giai đoạn sôi nổi nhưng cũng phức tạp nhất của con người. Ở tuổi này, nếu bắt đầu cuộc sống một cách thuận lợi họ có thể có được một sức sống và ý chí chiến đấu để làm việc, tạo dựng cuộc sống tốt đẹp trong tương lai, nhưng họ cần giúp đỡ, được tạo cơ hội và có được một mạng lưới an toàn hỗ trợ khi va vấp. Những khả năng phát triển mới tạo ra những hành vi mới. Những hành vi này không những tùy theo giới tính và sự trưởng thành về thể lực, trí tuệ và những quan hệ xã hội của các cá nhân của mỗi vị thành niên mà còn phụ thuộc vào hoàn cảnh gia đình, môi trường xã hội, hoàn cảnh kinh tế, văn hóa, vật chất nơi họ sống. Điểm đánh dấu cho tuổi vị thành niên là sự thay đổi về mặt thể chất, tâm lý và hành vi ở một đứa trẻ. Về mặt thể chất đó là sự thay đổi hormone dẫn tới những thay đổi về chiều kích các bộ phận cơ thể như ngực, chiều cao,...; sự thay đổi giọng nói và sự xuất hiện râu của bé trai, mụn trứng cá ở cả nam lẫn nữ; các cơ phát triển dẫn đến cân nặng tăng nhanh;... Về mặt tâm lý, hormone không chỉ ảnh hưởng đến thể chất mà còn ảnh hưởng đến cả cảm xúc của trẻ. Thanh thiếu niên là độ tuổi nằm giữa tuổi trưởng thành và trẻ em. Vì vậy, trẻ thường hay bị nhầm lẫn về vai trò và trách nhiệm của một người trưởng thành với những mong muốn của trẻ nhỏ. Tâm trạng của trẻ rất dễ thay đổi. Bất cứ thứ gì cũng có thể khiến trẻ hạnh phúc, vui mừng hoặc tức giận. Trẻ thường rất dễ khóc. Sự thay đổi về tâm trạng thường xảy ra ở cả bé trai lẫn bé gái. Cơ thể thay đổi khiến trẻ trở nên thiếu tự tin. Trẻ dậy thì sớm có thể cảm thấy khác thường. Cảm giác về sự thấp kém hoặc ưu thế có thể phát triển ở giai đoạn này. Bên cạnh, thanh thiếu niên là độ tuổi mà trẻ bắt đầu có những cảm giác về tình dục. Những suy nghĩ và cảm giác này có thể khiến trẻ cảm thấy tội lỗi. Chính những thay đổi về mặt thể chất và tâm lý đưa tới những thay đổi về hành vi ở trẻ như sự bốc đồng, có thể gây hại cho trẻ cũng như những người khác. Trẻ phát triển và thực hiện sự độc lập của mình, dẫn đến việc trẻ đặt câu hỏi về các quy tắc của cha mẹ và "đứng lên đấu tranh" vì những gì mà trẻ tin là đúng. Sự thay đổi của hormone có thể tạo những mâu thuẫn về thể chất. Trẻ có thể muốn thử những điều mới và trong một số

trường hợp khiến trẻ dễ gặp rủi ro như thử hút thuốc, uống rượu. Đôi khi, áp lực từ bạn bè và nhu cầu "muốn giống mọi người" có thể khiến trẻ hành động và phát triển những thói quen rất khó bỏ. Trang phục, kiểu tóc và phong cách thời trang của bé gái cũng thay đổi. Đa phần là sẽ khác với quan điểm của bố mẹ và họ không thể chấp nhận. Nói dối có thể là vấn đề thường gặp ở trẻ độ tuổi này. Trẻ nói dối để tránh đối đầu với cha mẹ2. Trong giai đoạn này, nếu như trẻ có sự định hướng tốt từ phía gia đình và nhà trường, trẻ sẽ bắt đầu một hành trình tươi đẹp trong cuộc đời của mình, và ngược lại nếu không có sự hỗ trợ sẽ đưa tới những hành vi lệch chuẩn ở trẻ. Các hành vi lệch chuẩn trong độ tuổi vị thành niên thường rất đa dạng như trốn học, đối đầu lại với bố mẹ và thầy cô, tham gia các băng nhóm có hành vi bạo lực, trộm cắp, cướp giật thậm chí giết người,... Theo số liệu thống kê của Bộ Công an, trong năm 2012, tình hình tội phạm do người chưa thành niên (từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi) thực hiện có chiều hướng gia tăng và chiếm tỷ lệ cao nhất, khoảng 60%. Hành vi phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chiếm khoảng 32% và dưới 14 tuổi chiếm khoảng 8% trong tổng số các

vụ phạm tội do người chưa thành niên và trẻ em thực hiện. Số liệu phân tích cũng chỉ ra, năm 2012, cả nước xảy ra 8.820 vụ vi phạm pháp luật (tăng 231 vụ so với năm 2011) do 13.300 trẻ em, người chưa thành niên gây ra. Trong đó, độ tuổi từ 14 đến 16 chiếm 31,9% và từ 16 đến 18 chiếm 61,1%; tập trung nhiều nhất ở bậc trung học cơ sở (41,8%), sau đó là trung học phổ thông (31,9%)3. Trẻ trong độ tuổi vị thành niên còn có hành vi sử dụng và lạm dụng chất gây nghiện. Điều này có thể xuất phát từ các nguyên nhân như sức ép của bạn bè là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy trẻ hút thuốc, uống rượu hoặc dùng ma túy; xu hướng muốn mạo hiểm khuyến khích trẻ thử hút thuốc hoặc uống rượu ngay cả khi trẻ chưa đủ tuổi. Lúc ban đầu nó có thể là một "sự kích động" nhưng lâu dần, nó sẽ trở thành một thói quen khó kiểm soát. Nếu có ai đó

3. Huyền Nga, "Bạo lực học đường – SOS", Báo Nhân dân, thứ sáu, ngày 20/9/2013.

hút thuốc hoặc uống rượu ở nhà, trẻ nhỏ có thể sẽ bắt chước. Sự thiếu tự tin và mong muốn trở thành người "phong cách" có thể thúc đẩy trẻ hút thuốc hoặc uống rượu. Và quan trọng hơn là việc trẻ quá dễ dàng tiếp cận với các chất gây nghiện như thuốc lá, rượu, ma túy. Ngoài các hành vi trên, với những áp lực từ sự thay đổi tâm sinh lý cơ thể, áp lực từ những người xung quanh, không ít trẻ đã không chịu đựng được, lại không có sự hỗ trợ từ các mạng lưới cần thiết đã lựa chọn tự tử để giải thoát cuộc sống. Theo TS.BS. Đỗ Minh Loan - phụ trách khoa Sức khỏe vị thành niên, bệnh viện Nhi Trung ương - thì tỉ lệ trẻ vị thành niên bị trầm cảm là 26,3%, trẻ có suy nghĩ về cái chết là 6,3%, ngoài ra trẻ còn lập kế hoạch tự tử và cố gắng tự tử4. Đây là một vấn đề thật sự báo động và cần sự quan tâm đối với các bậc phụ huynh, thầy cô giáo cũng như cộng đồng xã hội trong thời gian vừa qua. 2.2. Vai trò của giáo dục Phật giáo trong hình thành các giá trị sống cho trẻ vị thành niên Trong công cuộc đổi mới đất nước, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với các thành tựu đạt được trên các lĩnh vực thì quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế cũng làm xuất hiện nhiều hiện tượng đáng lo ngại về đạo đức, lối sống, nhất là ở trẻ vị thành niên. Tình trạng tệ nạn xã hội gia tăng, văn hóa đạo đức truyền thống xuống cấp, lối sống mới mang tính hưởng thụ vật chất, chạy theo lợi ích kim tiền ngày càng trở nên phổ biến. Trẻ vị thành niên đang trong độ tuổi dễ bị tác động bởi những cái mới càng là nhóm dễ rơi vào sự suy thoái này. Trước tình hình trên, gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội cần chung tay trong việc giáo dục để hình thành lối sống tích cực cho trẻ vị thành niên để tạo nên một thế hệ có tầm cao về tri thức, thể chất cường tráng, đời sống tinh thần và đạo đức trong sáng, giàu bản lĩnh, có trách nhiệm với xã hội. Trong đó Phật giáo là một trong các thiết chế tôn giáo được ưu tiên nhắc tên.

4. Lê Nguyễn, Sức khỏe và đời sống, ngày 27/4/2019.

Theo tác giả Vũ Ngọc Định trong bài viết "Giáo dục đạo đức Phật giáo cho thanh thiếu niên trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay" thì mô hình kết hợp giáo dục đạo đức và tôn giáo đã được nhiều quốc gia ở khu vực Đông Nam Á và châu Á thực hiện. Như ở

Indonesia, các nhà giáo dục lo ngại thế hệ trẻ không hiểu rõ giá trị tinh thần cốt lõi, dẫn đến hành vi sai lệch, mất định hướng trong tương lai. Vì thế năm 2013, các nhà chức trách đã đẩy mạnh giáo dục đạo đức theo triết lý tôn giáo lên ngang hàng với các môn học truyền thống ở trường như ngôn ngữ học, toán học. Ở một số nước phương Tây, các nhà thờ là nơi để mọi người tập trung sinh hoạt, nghe giảng giáo lý với mục đích chính là hướng con người tới lối sống tốt đẹp, tạo nên những con người đức hạnh5. Như vậy, tại Việt Nam, việc kết hợp giữa giáo dục truyền thống với tôn giáo, trong đó có đạo Phật, một trong các tôn giáo có từ lâu đời của dân tộc, gần gũi, thâm nhập vào đời sống văn hóa tín ngưỡng của người Việt là một trong những cách để định hướng lối sống đạo đức cho mọi người nói chung và trẻ vị thành niên nói riêng. Với tư cách là tôn giáo có hơn 2.000 năm đồng hành cùng thăng trầm trong lịch sử phát triển của đất nước. Đạo Phật từ khi mới du nhập vào Việt Nam đã được người dân đón nhận vì tính nhân văn của nó với tinh thần cứu khổ, cứu nạn, từ bi hỷ xả. Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của mình, đạo Phật đã không ngừng truyền bá các giáo lý và tư tưởng đạo đức hướng tới giá trị sống nhân văn. Sự truyền bá không chỉ ảnh hưởng giới hạn trong Phật tử mà còn lan rộng ra các tầng lớp nhân dân khác. Đạo Phật cùng với tôn giáo truyền thống của dân tộc đã tạo nên những lớp người sống vì cộng đồng, có tinh thần trượng nghĩa, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạn nạn, khó khăn. Theo Nguyễn Thị Liên trong "Giáo dục Phật giáo cùng thiếu niên vượt qua khủng hoảng tuổi dậy thì" thì giáo dục Phật giáo

5. Xem Vũ Ngọc Định, "Giáo dục đạo đức Phật giáo cho thanh thiếu niên trong xu thế toàn cầu hóa", Trích Thích Nhật Từ (chủ biên) (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, NXB. Tôn giáo, tr. 339.

được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu giáo lý Phật giáo, qua đó bồi dưỡng, phát triển con người hoàn thiện hơn về mặt trí thức và tâm thức để trở thành những con người tốt hơn, có phẩm hạnh và có đạo đức, trở thành những người tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, trở thành những con người có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội thay đổi hàng ngày. Giáo dục Phật giáo là để phát triển trí tuệ, thấu hiểu bản chất thật sự của các pháp, hiểu được những điều chân thật và có giá trị. Học Phật là đi theo con đường đức Phật đã dạy để nhận sự chân thật, qua đó loại bỏ những điểm sai lầm, trái đạo đức. Bên cạnh, giáo dục Phật giáo giúp cho con người có niềm tin chân chính, quyết tâm thực hành chánh pháp để trở thành những con người hoàn thiện có đầy đủ tâm (từ bi) và tầm (trí tuệ)6. Hiện nay, đạo Phật đã được ghi nhận trong hỗ trợ giáo dục cho giới trẻ, trong đó có vị thành niên. Một số trường đại học khối Khoa học xã hội có ngành Tôn giáo, Nhân học, Văn hóa học,... đã đưa các môn học liên quan đến Phật giáo vào chương trình giảng dạy. Bên cạnh, sinh viên ngoài ngành cũng được tiếp cận các triết lý, nhân sinh quan của Phật giáo thông qua các môn học đại cương như Cơ sở Văn hóa Việt Nam, Triết học phương Đông, Nhân học đại cương,... Ngoài ra, một số hội thảo, nghiên cứu, nói chuyện chuyên đề chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến triết lý nhân sinh của Phật giáo cũng được

kết hợp giữa các trường và Giáo hội với sự tham gia đông đảo của giảng viên và sinh viên. Điều này mang đến cho sinh viên có những hiểu biết nhất định về văn hóa, giá trị đạo đức, lịch sử của quốc gia và nhân loại. Từ đó, giúp cho các bạn trẻ hình thành được lối sống tích cực như sự từ bi, yêu thương, nhân ái, chân thật trong ứng xử để tạo dựng lòng tin trong các mối quan hệ của mình. Tại các chùa, trong thời gian qua đã bắt đầu triển khai và phổ biến rộng rãi các khóa tu sinh viên hướng về Phật pháp. Ví dụ chùa

6. Thích Nhật Từ (chủ biên) (2019), sđd, tr. 99.

Hoằng Pháp (Thành phố Hồ Chí Minh), chương trình thường được tổ chức 2 tháng/lần vào ngày chủ nhật. Khóa tu kéo dài 1 ngày từ 6h đến 17h với số lượng khoảng 1.000 bạn trẻ trong độ tuổi từ 15 đến 25. Chùa Giác Ngộ, khóa tu được tổ chức đều đặn 2 tuần/lần, thời gian từ 13h tới 17h với khoảng 500 người trẻ tham dự. Tại Pháp viện Minh Đăng Quang, khóa tu có tên là Tuổi trẻ và đạo Phật, tổ chức 1 tháng/ lần từ 7h đến 17h với sự tham gia của khoảng 700 bạn trẻ. Tất cả khóa tu trên đều được miễn phí hoàn toàn. Tham dự tại đây, các bạn trẻ cùng nhau tụng kinh, được nghe thuyết giảng, tập huấn các kỹ năng sống (giải quyết mâu thuẫn, xây dựng và trao nhau yêu thương, lập nghiệp,...) với những giáo viên có kinh nghiệm. Thông qua chương trình này, các em học hỏi được sự tịnh tâm, tình yêu thương, hướng đến những giá trị sống tích cực. Một trong những khóa tu hiện được nhiều bạn trẻ biết đến và mong muốn tham dự, trong đó có rất nhiều em trong độ tuổi sinh viên là khóa tu mùa hè. Điển hình tại chùa Hoằng Pháp, khóa tu thường diễn ra vào cuối tháng 7 dương lịch, kéo dài 7 ngày 7 đêm với sự tham gia của khoảng 3.000 người. Tại khóa tu, các bạn trẻ được trải nghiệm các hoạt động tu học và hoằng pháp với sự tham gia hỗ trợ của các giảng sư nổi tiếng, các khách mời có uy tín. Từ đó, giúp các bạn trẻ tiếp cận gần hơn với giáo lý Phật giáo, tư tưởng triết lý nhân sinh của Phật và hình thành cho các bạn một định hướng sống tốt đẹp7. Bên cạnh các khóa tu, các chùa hiện cũng đang tổ chức các khóa tu thiền dành cho tất cả mọi Phật tử có quan tâm, trong đó có các em trong độ tuổi vị thành niên. Các khóa tu thiền được tổ chức với nhiều cấp độ và thời gian khác nhau để dành cho người mới bắt đầu và người có kinh nghiệm: có thể là 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày hoặc 1 tháng liên tục. Thông qua khóa tu thiền dưới sự hướng dẫn của các vị thiền sư, đã giúp cho các bạn trẻ tĩnh tâm, suy nghĩ về các giá trị

7. Xem Thích Huệ Đạo, "Đạo đức Phật giáo với việc giáo dục đạo đức con người Việt Nam hiện nay", Trích Thích Nhật Từ (chủ biên) (2019), sđd, tr. 309.

sống tích cực, hình thành nên tích cách ôn hòa, biết cách giải quyết các mâu thuẫn nội tại của bản thân và với những người xung quanh mình. Ngoài ra, theo tác giả Vũ Ngọc Định thì ở các tỉnh thành phía Bắc, mô hình câu lạc bộ thanh thiếu niên Phật tử đang ngày càng phổ biến. Đây là một tổ chức tự nguyện tham gia của những thanh thiếu niên Phật tử có lòng mến mộ Phật pháp, ham thích các hoạt động Phật sự hoặc là nơi tu học của những bạn trẻ có nhu cầu tìm hiểu về giáo lý Phật pháp, là tổ chức được hoạt

động dựa trên nguyên tắc tự giác, tự nguyện của các cá nhân thành viên với mục đích chủ yếu là có cơ hội được giao lưu, học hỏi, tìm hiểu đạo Phật và nâng cao nhận thức cơ bản về Phật học. Thông qua các hoạt động như mở các khóa tu an lạc, bồi dưỡng giáo lý cho cư sĩ - Phật tử trẻ, hội trại Phật giáo với tuổi trẻ, các chuyến đi từ thiện tới các cơ sở xã hội, vùng sâu vùng xa, Vu lan báo hiếu,... đã giáo dục nhân cách cho các bạn trẻ trong độ tuổi vị thành niên, tạo nên các giá trị sống từ bi, hỷ xả, hướng tới cộng đồng, biết tự học hỏi và rèn luyện bản thân hướng tới chân - thiện - mỹ. Trải nghiệm các hoạt động Phật sự giúp cho các bạn trẻ biết hướng thiện, biết giữ gìn tam quy, ngũ giới, hành thập thiện, biết làm những việc đáp ứng theo chuẩn mực xã hội, vì mọi người và cũng vì mình. Trên cơ sở này, đưa các bạn trẻ quay về với các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, biết gắn bó yêu thương gia đình và cộng đồng thay vì chủ nghĩa cá nhân hiện đang ngày càng phổ biến trong xã hội8. 3. KẾT LUẬN Đất nước đang ở trong giai đoạn có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Song song với việc cải thiện cuộc sống của người dân về cả vật chất và tinh thần thì cũng mang đến những rủi ro tiềm ẩn trong việc suy thoái các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, hình thành lối sống tiêu cực, mang tính vị lợi, nhất là đối với giới trẻ trong độ tuổi vị thành niên - độ tuổi nhạy cảm, rất dễ bị tác động bởi các yếu tố tác động từ bên ngoài. Vì vậy, việc giáo

8. Thích Nhật Từ (chủ biên) (2019), sđd, tr. 339.

dục để hình thành nên các giá trị sống tích cực - có sự kết hợp giữa văn hóa truyền thống và hiện đại là điều hết sức quan trọng. Cùng với giáo dục của gia đình, nhà trường thì vai trò của giáo dục Phật giáo trong định hướng và hình thành giá trị sống cho trẻ vị thành niên đã được ghi nhận trong thời gian qua. Điều này cũng phần nào thể hiện cho việc đạo Phật đã gắn liền với đời, đồng hành cùng với cộng đồng xã hội để tạo nên những điều tốt đẹp. Hy vọng trong thời gian tới, các giá trị nhân văn của Phật giáo dưới các hoạt động cụ thể và thiết thực sẽ ngày càng lan tỏa trong mọi tầng lớp dân cư để cùng với các thiết chế xã hội khác tạo nên một xã hội đại đồng với tình yêu thương, sự chia sẻ và đoàn kết.

***

Tài liệu tham khảo Thích Nhật Từ (chủ biên) (2019), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, NXB. Tôn giáo. de-tranh-hau-qua-xau-cho-tre-va-gia-dinh doi-o-tre-vi-thanh-nien/ Huyền Nga, “Bạo lực học đường – SOS”, Báo Nhân dân, thứ sáu, ngày 20/9/2013. Lê Nguyễn, Sức khỏe và đời sống, ngày 27/4/2019.

GIÁO DỤC TRẺ EM NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHẬT GIÁO Trần Thị Thanh Hà ThS. Đoàn Thị Vịnh

Sau lời tuyên bố “phiên tòa kết thúc” của vị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, đứa trẻ bỗng òa lên khóc nức nở gọi hai tiếng “Bố ơi”. Tiếng gọi ấy vang mãi, vang mãi như xé tan

từng khúc ruột và ánh mắt nó như tuyệt vọng cho đến khi bóng của người cha khuất dần trên chiếc xe chở phạm nhân đặc biệt của lực lượng Công an và rồi nó như lịm người đi khi không còn sức để khóc nữa. Một bàn tay nhẹ nhàng đặt trên vai nó với giọng ấm áp "nín đi con, sau này bố sẽ trở về". Nhưng nó đâu biết rằng đó là lần cuối cùng nó được nhìn thấy bố, bố nó đã phải lĩnh án tử hình với tội danh Mua bán trái phép chất ma túy và cũng từ ngày phiên tòa kết thúc, đứa trẻ ấy tên Nghiệp không còn bố, không còn mẹ, phải sống với bà nội 80 tuổi già yếu đang sống bằng tiền trợ cấp xã hội ít ỏi. Mẹ Nghiệp là một phụ nữ có nhan sắc, không chịu được cảnh gia đình nghèo khó đã bỏ nhà đi theo mối tình mê muội với một người đàn ông ngoại quốc. Từ đó bố Nghiệp trở nên cáu gắt, thường xuyên uống rượu, lúc tỉnh lúc say và lầm đường lạc lối đi theo những kẻ buôn ma túy xuyên quốc gia đến một cái kết với án tử hình, không hẹn ngày trở lại. Nghiệp không còn cha không còn mẹ, không còn ai dạy dỗ, bảo ban, bị các bạn ở lớp, trường học xa lánh vì hoàn cảnh gia đình, rồi Nghiệp bỏ học và sa lầy nghiện ngập. Sau một lần chích hút phê ma

túy bị ảo giác Nghiệp đã dùng dao đâm bạn nghiện gây tử vong khi Nghiệp mới 17 tuổi. Câu chuyện trên như khép lại một phần về tuổi thơ, cuộc đời của Nghiệp nhưng mở ra bức tranh, sự nhìn nhận về vai trò của giáo dục nói chung, giáo dục Phật giáo nói riêng, giáo dục, dạy dỗ như thế nào đối với trẻ em trong sự nghiệp trồng người của dân tộc và nhân loại. Trẻ em là hạnh phúc của gia đình, là những mầm non, những người chủ tương lai của đất nước. Cái mầm có xanh thì cây mới vững, cái búp có xanh thì lá mới tươi quả mới tốt, con trẻ có được nuôi dưỡng giáo dục hẳn hoi thì dân tộc mới tự cường tự lập. Nhìn lại giá trị tầm nhìn của Đức Phật về trẻ em, Ngài không nói cụ thể như chúng ta ngày nay nhưng trong kinh A Hàm Ngài dạy các thầy Tỳ kheo 4 điều không nên xem thường: "Một đốm lửa nhỏ, một con rắn nhỏ, một Tu sĩ trẻ và một Thái tử". Những điều đó cho chúng ta thấy Đức Phật rất coi trọng trẻ thơ hay nói cách khác một thế hệ trẻ vì chính những con người này là sức mạnh cho một ước vọng tương lai của tôn giáo nói riêng hay của cộng đồng xã hội nói chung. Một đốm lửa nhỏ có thể hủy hoại mọi công trình của nhân loại, một con rắn nhỏ có thể cắn chết nhiều người nếu ai đụng đến nó, một vị Tu sĩ trẻ sẽ trở nên bậc tôn túc lãnh đạo, là lực lượng kế thừa cho sự phát triển Phật giáo và một vị Thái tử sẽ nối nghiệp vua cha trị vì đất nước. Tất cả bốn điều trên nếu một người có tầm nhìn cho chiến lược, phải biết kính nể không nên xem thường. Từ quan điểm của Đức Phật cho chúng ta biết sự quan tâm của Ngài về mầm non tương lai của nhân loại và không phải chỉ đề cập bốn điều không nêm xem thường mà qua nhiều bài kinh, pháp thoại khác. Kế thừa và phát huy giá trị tinh hoa của Đức Phật, các vị tiền bối tổ sư có quan niệm nhằm hướng tới tương lai, đào tạo chuyển hóa, thắp sáng ngọn đèn vì những thế hệ trẻ "tre tàn măng mọc" hoặc "tục diệu âm truyền đăng, tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức". Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, bên cạnh những mầm xanh tương lai được chúng ta vun trồng, chăm sóc, bồi dưỡng yêu thương

trở thành những thế hệ kế cận đầy đủ tâm lực, sức lực, trí lực xây dựng đất nước hùng mạnh, tự cường tự lập, còn bao em nhỏ sống trong cảnh bơ vơ, đòn roi, bạo lực, bị chà đạp cả về thể chất và tinh thần trong môi trường gia đình hoặc trường học do nhiều đối tượng gây ra, dẫn đến tỷ lệ gia tăng tội phạm trẻ em ngày một báo động. Con số đưa ra tại Hội thảo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng UNICEF tổ chức tại Hà Nội 18/4/2019 thống kê trung bình mỗi năm vẫn có khoảng 2.000 trẻ em bị bạo lực, xâm hại, cả nước xảy ra 1.547 vụ xâm hại trẻ em, trong đó có 1.293 em bị xâm hại tình dục; ở Việt Nam, 68,4% trẻ em từng bị cha mẹ, người chăm sóc bạo lực tại nhà, xếp thứ 27 trên 75 quốc gia. Bạo lực học đường diễn ra ngày càng nhiều, học sinh đánh nhau trong và ngoài trường học, thầy cô giáo cũng có những hành vi bạo lực với trẻ em. Phân tích các số liệu trẻ em bị bạo hành của năm 2018 được cập nhật qua tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 cho thấy: 60% đối tượng xâm hại tình dục trẻ em là người quen, hàng xóm; trên 21% đối tượng là người thân; giáo viên, nhân viên nhà trường chiếm hơn 6%; các đối tượng khác gần 14%. Mới gần đây, vụ án dâm ô trẻ em tại thang máy của một tòa nhà chung cư dư luận phản ứng gay gắt bởi người thực hiện hành vi xâm hại cháu gái là người đã từng làm việc, từng là lãnh đạo, công tác trong ngành tư pháp nên Tòa án nhân dân xử mức án nghiêm khắc, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung những tội phạm xâm hại trẻ em. Bên cạnh đó, ở Việt Nam, trong những năm gần đây tội phạm chưa thành niên có chiều hướng ngày càng gia tăng cả về số lượng và mức độ phạm tội do bồng bột, thiếu suy nghĩ, hoàn cảnh gia đình, môi trường xung quanh tác động như thân phận và cuộc đời em Nghiệp nêu trên, tội phạm vị thành niên ngày càng gia tăng, chiếm 15-18%. Hàng năm các cơ quan thi hành pháp luật bắt giữ, truy tố hơn 115 nghìn người, trong đó có 16-18 nghìn trẻ vị thành niên... với diễn biến như vậy, theo phép tính nhân thì ước tính chỉ sau 5-10 năm nữa đất nước chúng ta sẽ có gần 1 triệu người có tiền án tiền sự, trong đó có 200 nghìn người dưới 30 tuổi. Đặc biệt, vụ thảm án

tại tiệm vàng Ngọc Bích ở Bắc Giang mà người phạm tội Lê Văn Luyện chưa đến 18 tuổi, vụ nữ sinh Nguyễn Thị Giang giết bạn học ở Hưng Yên mới 15 tuổi. Đây chính là con số đáng báo động về sự gia tăng của tình trạng phạm tội ở lứa tuổi vị thành niên. Câu hỏi đặt ra, tại sao tình trạng xâm hại trẻ em ngày một gia tăng, chính công tác giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, nhà trường chưa được quan tâm đúng mức; các thành viên trong gia đình, giáo viên, học sinh chưa biết rõ các kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình, học đường; trách nhiệm phát hiện thông báo, tố giác hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em thực hiện chưa đầy đủ. Thiếu các dịch vụ bảo vệ trẻ em, nguồn lực triển khai không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Công tác giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực thi pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em chưa quyết liệt, chưa kịp thời và chưa thường xuyên nên những vấn đề nóng về trẻ em, trong đó có bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em chưa được các thành viên của tổ chức, cộng đồng dân cư quan tâm, phát hiện và chung tay giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Và tại sao ngày nay tình trạng trẻ em phạm tội ngày càng nhiều, phải chăng do cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Đối với nguyên nhân chủ quan, các công

trình nghiên cứu khoa học về độ tuổi ở nước ta và một số nước trên thế giới đều đi đến kết luận: Người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) về thể chất và tinh thần mới phát triển ở một mức độ nhất định. Vì vậy, trong nhận thức và hành động của mình, người chưa thành niên còn hạn chế về kiến thức nói chung và kiến thức xã hội nói riêng, không làm chủ được hành động của mình thường bị kích động, rủ rê, lôi kéo và hay bị người khác lợi dụng; người chưa thành niên, chưa được học hành, trang bị đầy đủ kiến thức đặc biệt là kiến thức pháp luật nên nhận thức không hết thậm chí không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là phạm tội. Điều đặc biệt, do chính nguyên nhân khách quan những hành vi xâm hại trẻ em, bạo lực trong gia đình, trường học, hành vi thiếu chuẩn mực của người làm cha, người làm mẹ đã không nuôi dạy, chăm sóc, yêu thương, bảo vệ, đẩy con trẻ vào con đường bất cần,

sa đà với những tệ nạn xã hội và nhiều nguyên nhân khác, trong đó có trách nhiệm của cộng đồng xã hội, các tổ chức xã hội, pháp luật. Trước những thực trạng trên, mỗi chúng ta cần chung tay chung sức có những giải pháp để bảo vệ, nuôi dưỡng những mầm xanh tương lai của đất nước được yêu thương, được phát triển trí tuệ và thể chất đầy đủ để trở thành những công dân tốt cho xã hội và nhân loại. Trong giới hạn của bài viết, tác giả đi sâu vào khía cạnh giáo dục trẻ em nhìn từ góc độ Phật giáo với vai trò quan trọng của gia đình. Dưới góc độ đạo Phật: Ở nhà, nên kính trọng các bậc tôn trưởng, hiếu thuận với cha mẹ, mến yêu, nhường nhịn anh chị em. Ở trường, nên tôn trọng thầy cô giáo, thương mến bạn đồng học và nghe theo sự dạy dỗ hướng dẫn của thầy cô và nhà trường. Đối với hàng xóm láng giềng nên vui hòa, thân thiện, biết kính trên nhường dưới. Bất cứ ai, nếu rủi gặp phải điều không may, chúng ta nên thương xót, giúp đỡ. Đó là những việc làm tốt mà ai cũng có thể làm được, dù đó là việc nhỏ, đúng là "tuổi nhỏ làm việc nhỏ". Việc giáo dục cho trẻ em những hành vi, những đức tính thiện lành thì tấm gương của cha mẹ trong gia đình và thầy cô trong nhà trường là ảnh hưởng sâu sắc nhất, lớn nhất đến nhân cách, đạo đức của trẻ. Mặc dù, con trẻ sinh ra có nghiệp riêng của mình, do sự chi phối của dòng nghiệp trong các đời quá khứ, đời sống của con trẻ có thể hoàn toàn khác với cách mà cha mẹ nuôi dưỡng chúng. Nhưng bởi những điều xảy ra với chúng cũng còn phụ thuộc vào các nhân và duyên khác nữa, cho nên cha mẹ có trách nhiệm giáo dưỡng con cái một cách tối đa. Cha mẹ cần phải có một kế hoạch rõ ràng để giáo dưỡng con trẻ. Nếu không thể hướng cuộc đời chúng theo hướng tích cực, tương lai của con cái sẽ bất định và cơ hội giúp đỡ chúng sẽ bị lỡ, cha mẹ nuôi dưỡng con cái cần phải dựa vào một trái tim thiện lành hơn là sự bám chấp và luyến ái. Trước hết, cha mẹ cần nuôi dưỡng con cái bằng Bồ đề tâm, luôn gần gũi con trẻ để thấu hiểu, để thấy con trẻ của mình là người đáng trân quý nhất và thân thương nhất trong cuộc đời. Khi con trẻ làm điều gì hài lòng, ưa thích hoặc làm điều gì khiến cha mẹ thất vọng

thì cha mẹ vẫn phải hạnh phúc, hoan hỷ chăm sóc con trẻ, không thất vọng hay sân giận, phiền não. Có như vậy, con trẻ mới được lớn lên trong sự bình an và nuôi dưỡng

tâm bồ đề ngay chính môi trường gia đình, thân thương gần gũi nhất để được giác ngộ, sống từ bi, vì lợi ích những người xung quanh, cộng đồng, chúng sinh. Trong các kinh văn Phật giáo đã nói rằng, thậm chí đức Phật Di Lặc phát tâm từ bi và Bồ đề tâm sớm hơn đức Phật Thích Ca, nhưng đức Phật Thích Ca đã thành tựu giác ngộ trước bởi vì tâm từ bi của ngài mạnh mẽ hơn. Tâm từ bi của ngài mạnh mẽ hơn giúp ngài tích lũy được công đức rộng lớn và tịnh hóa được những nghiệp bất thiện to lớn đã tích lũy trong quá khứ. Ví như, trong một đời quá khứ, hai anh em hoàng tử là tiền thân của hai ngài đã gặp một gia đình của năm chú hổ đói, ngài Di Lặc đã không cúng dường thân mình cho chúng trong khi đức Phật Thích Ca lại cúng dường cả thân mình cho các chú hổ. Thứ hai, cha mẹ là những người thiện hành để nuôi dưỡng trái tim thiện lành cho trẻ nhỏ, dạy cho trẻ biết nhân ái, trái tim yêu thương luôn giúp đỡ người khác. Hàng ngày, các bậc cha mẹ thực hành đạo Phật, cầu nguyện, trì tụng… vì lợi ích của hết thảy hữu tình, các hữu tình trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, Atula để giúp con trẻ có một đời sống có ý nghĩa nhất. Thứ ba, cha mẹ nên dạy con có lòng từ bi, hoan hỷ, kiên nhẫn, biết tha thứ, biết đủ, biết nhận lỗi, tự tin để con trẻ luôn yêu thương mọi người, biết vui vẻ trước những niềm vui, thành công của người khác, nhẫn nại trong mọi hoàn cảnh xảy ra, không chấp, hoàn thiện bản thân mình khi mắc lỗi, biết đủ không tham lam và tự tin mang lại sức mạnh tinh thần cần thiết để phát triển các phẩm chất, đức tính thiện lành, có thể lợi ích người và đóng góp cho sự thành công chung, vượt qua được thử thách, từ bỏ được dòng tâm ích kỷ. Thứ tư, cha mẹ dạy cho con trang bị những kỹ năng để phòng vệ trước những sự tấn công, xâm hại sức khỏe của những phần tử xấu trong xã hội ngày nay. Thứ năm, cha mẹ dạy cho con trẻ biết tích lũy công đức, biết đảnh lễ trước tượng Phật, đưa con cái của mình đến chùa tham dự

những khóa tu mùa hè rất bổ ích và mang tính nhân văn sâu sắc. Đã có những đổi thay, những câu chuyện rất cảm động sau khóa tu, những bé tưởng như khó bảo, khó dạy sau khóa tu đã trở thành một con người khác hẳn theo chiều hướng tích cực. 5 điều Bác Hồ dạy cho thiếu niên nhi đồng được kết hợp với 5 giới của người Phật tử được nhà chùa giảng dạy đã chạm vào trái tim của không chỉ con trẻ mà cả những bậc phụ huynh khi tham gia cùng con trong các hoạt động của khóa tu… đã hóa giải khúc mắc giữa các cá nhân trong gia đình, gắn kết các thành viên trong gia đình nhiều hơn. Bên cạnh đó, nhà trường, cộng đồng xã hội và pháp luật có những cơ chế bảo vệ trẻ em kịp thời, trừng trị nghiêm khắc những hành vi, đối tượng, tội phạm đối với trẻ em, đưa những chương trình giảng dạy lồng ghép với những điều đức Phật dạy vào nhà trường nhằm giáo dục tư tưởng, hành vi cho các em học sinh hướng đến thiện lành, trí tuệ. Có như vậy mới đảm bảo trẻ em được chăm sóc, bảo vệ, phát triển toàn diện cả về thể chất và trí tuệ để xây dựng đất nước mai sau cường thịnh và độc lập.

***

Tài liệu tham khảo xam-hai-20190418102323645.htm tich-ho-chi-minh-voi-uom-mam-xanh-tuong-lai-cua-dat-nuoc. html day-do-dung-cach-de-con-minh-co-trai-tim-thien-lanh/

GIÁO DỤC PHẬT PHÁP CHO THANH THIẾU NIÊN HIỆN NAY ĐĐ. Thích Tâm Thông

1. DẪN NHẬP Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, trở thành một phần quan trọng trong đời sống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Với triết lý từ bi hỷ xả và cứu khổ, cứu nạn..., Phật giáo dễ dàng đi vào lòng người, hướng con người đến lối sống vị tha, bình đẳng, khoan dung. Triết lý Phật giáo phù hợp với tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam, nên đóng góp tích cực cho nền tảng đạo đức xã hội của dân tộc Việt Nam. Từ khi đổi mới đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự tác động bởi mặt trái nền kinh tế thị trường, xuất hiện nhiều hiện tượng đáng lo ngại về lối sống và đạo đức. Đó là sự xuống cấp trầm trọng của nền đạo đức truyền thống của dân tộc: Tệ nạn xã hội gia tăng, lối sống chạy theo đồng tiền và thực dụng trong quan hệ đang chi phối và ảnh hưởng đến nhiều người. Tình trạng tham nhũng, tệ nạn xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật "Theo thống kê gần nhất của Bộ Công an, tỷ lệ gây án theo lứa tuổi ở tuổi vị thành niên trên địa bàn cả nước là 5,2% đối với người dưới 14 tuổi, 24,5% đối với người từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và 70,3% đối với người từ 16 đến

dưới 18 tuổi. Từ đánh giá tổng thể có thể thấy, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật do trẻ vị thành niên gây ra tiếp tục diễn biến phức tạp với tính chất, mức độ phạm tội nguy hiểm hơn, gây hậu quả nghiêm trọng và đang dần làm băng hoại các giá trị cũng như thuần phong mỹ tục của dân tộc"1. Một bộ phận thanh niên sa vào con đường ăn chơi, hưởng thụ, sống không mục đích, không lý tưởng. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh dự mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò,... đặc biệt các đối tượng vi phạm pháp luật ngày càng trẻ hóa. Đây là điều quan tâm lo ngại của cơ quan nhà nước và cả xã hội làm sao xây dựng đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc2. Để đạt được mục tiêu đó thì ngoài các nhiệm vụ khác, chúng ta cũng phải nhìn lại những giá trị đạo đức truyền thống, tìm ra những thành tố nào có thể góp phần cho việc giảng dạy đạo đức trong nhà trường, đi đôi với việc giáo dục đạo đức và lối sống cho toàn xã hội. Đây cũng là một vấn đề cần đặt ra và phải giải quyết cấp bách. Với hệ thống giáo lý mang đậm tính nhân bản, Phật giáo đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong đời sống tâm linh, văn hóa, đạo đức của người Việt Nam, đặc biệt là với thế hệ trẻ. Bởi vì, họ là một tầng lớp quan trọng trong xã hội, là tương lai của đất nước, là những người đóng góp quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, những hoạt động liên quan đến giáo dục đạo đức Phật giáo phát triển khá mạnh, với sự định hướng của Giáo hội Phật giáo, các chức sắc Phật giáo và các Phật tử, các hoạt động giáo dục Phật giáo cho bộ phận thanh thiếu niên là tu sĩ, thanh thiếu niên Phật tử và thanh

thiếu niên nói chung trên cả nước đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Ban đầu, giáo dục Phật giáo chủ yếu nhằm đến đối tượng

toi-thong-qua-hoat-dong-xet-xu-cua-toa-an-han-che-va-kien-nghi. Truy cập ngày 5/9/2019. 2. Luật Giáo dục, 2012.

GIÁO DỤC PHẬT PHÁP CHO THANH THIẾU NIÊN HIỆN NAY 457

là tu sĩ, nhưng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của dân cư thì cho đến nay, nền giáo dục Phật giáo đã mở rộng hơn, bên cạnh các hệ thống giáo dục Phật giáo được đào tạo từ sơ cấp và đại học Phật giáo cho các tu sĩ thì còn có các khóa tu, khóa thiền cho rất nhiều người, điển hình cho giới trẻ. Đặc biệt phải kể đến như việc tổ chức các khóa tu ngắn hạn (một ngày hay một vài ngày, một tuần…) cho thanh niên, sinh viên tại nhiều ngôi chùa trên khắp các địa phương trong cả nước. Từ những giá trị đạo đức Phật giáo, giáo dục Phật giáo và tác động biện chứng của nó với nền văn hóa, đạo đức của dân tộc, sự đóng góp tích cực của giáo dục Phật giáo đối với giáo dục đạo đức cho thanh niên ở nước ta hiện nay là điều cần quan tâm. Vì thế, bài viết tập trung tìm hiểu giáo dục Phật giáo cho Thanh thiếu niên hiện nay góp phần làm sáng tỏ chủ đề này. 2. NỘI DUNG 2.1. Khái niệm giáo dục Phật giáo Giáo dục học là khoa học về việc giáo dục con người, khoa học về sự huấn luyện đạo đức, trí tuệ và hình thành con người nhân cách và con người hạnh phúc. Giáo dục là nâng cao trình độ học vấn, rèn luyện tri thức và đào tạo con người ngành nghề, con người chân, thiện và mỹ, có khả năng hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, kĩ thuật, tôn giáo… Trong sự phát triển xã hội, giáo dục luôn có những xu thế mở không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn quốc tế nữa. Giáo dục Phật giáo là toàn bộ nội dung giáo pháp Đức Phật dạy. Nói đến giáo dục thế gian, người ta đã tiến đến lý thuyết 4W, đó là: Who, Whom, What, How.3 Who là ai dạy - Là Phật, Bồ tát và thời sau Phật là đệ tử Phật. Whom là dạy ai - Dạy tất cả chúng sinh, đối tượng là con người. What là dạy cái gì - Đó là Giáo pháp, Giáo pháp gồm 3 tạng: kinh tạng là giáo thuyết Phật giáo nói để khai ngộ chúng sinh,

458 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

đạt chứng Niết bàn và hóa độ hữu tình. Nói theo thế tục là Phật giáo nhằm đưa con người đạt đến đỉnh cao của trí tuệ và tình cảm của con người toàn vẹn. Kinh được coi là khế kinh. Khế nghĩa là phù hợp, phù hợp chân lý, phù hợp cơ duyên và phù hợp với thời gian. Luật tạng là giới luật Phật dạy cho các đối tượng tu dưỡng, nói theo thông thường là luật lệ quy tắc sinh hoạt, là quy luật đạo đức cần thiết cho tất cả mọi người dù sống độc cư hay trong tập thể, trong cộng đồng. Luận tạng là tất cả những nghị luận, biện luận làm sáng tỏ nghĩa lý các giáo thuyết do Phật nói, được các La hán, Bồ tát, các vị tổ sư, rút trong kinh tạo ra Luận. How là dạy như thế nào - Là các phương pháp ứng dụng để giáo dục đạt hiệu quả. Theo giáo sư Minh Chi: “Cho đến nay, chúng ta thường hạn chế số người làm chức năng giáo dục trong tăng sĩ, và giờ giáo dục Phật giáo trong các buổi thuyết pháp hay là lên lớp ở các trường Phật học cơ bản và cao cấp. Một quan niệm hẹp như vậy làm giảm sút hiệu quả của giáo dục Phật giáo rất nhiều. Tất cả

những người không kể là xuất gia hay tại gia, một khi đã tin vào chân lý của những giá trị triết lý đạo đức của đạo Phật và sống theo đúng những giá trị đó, đều mặc nhiên trở thành những nhà giáo dục Phật giáo, bằng thân giáo, bằng mọi hành vi và lời nói của mình".4 Vì vậy, giáo dục Phật giáo được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu giáo lý Phật giáo. Qua đó, bồi dưỡng, phát triển con người hoàn thiện hơn về mặt trí thức và tâm thức, để trở thành những con người tốt hơn, có phẩm hạnh và có đạo đức, trở thành những người tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, trở thành những con người có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội. Giáo dục Phật giáo là để phát triển trí tuệ, thấu hiểu bản chất thật sự của các pháp, hiểu được những điều chân thực và có giá trị. Học Phật là đi theo con đường đức Phật đã dạy để nhận sự chân thật, qua đó loại bỏ những quan điểm sai lầm, trái đạo đức.

4. Thích Minh Chi (2001)"Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại", trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại", Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (Nhiều tác giả), Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr. 88.

GIÁO DỤC PHẬT PHÁP CHO THANH THIẾU NIÊN HIỆN NAY 459

Theo Thượng tọa Thích Viên Trí: "Cần lưu ý rằng giáo dục Phật giáo không dính dáng gì đến đức tin, cầu nguyện hay nghi lễ mang ý nghĩa tôn giáo. Nó cũng không phải là một hệ thống triết thuyết mang tính giáo điều, răn đe, mà là một con đường dẫn đến nếp sống an lạc, hạnh phúc, hoàn toàn giải thoát nhờ vào sự hoàn thiện đạo đức, tri thức và tâm linh"5. 2.2. Mối quan hệ giữa Phật giáo và Thanh thiếu niên Những năm gần đây, Phật giáo có nhiều thành tựu mới thu hút giới trẻ đi chùa làm thay đổi phong thái của một thời Phật giáo bị xem nhẹ chỉ dành cho người già hoặc lúc lâm chung. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan làm cho một bộ phận thế hệ trẻ không tham hiểu và có thể tiếp cận sâu sắc và toàn diện giáo lý của nhà Phật. Tuy nhiên, Phật giáo là dành cho tất cả mọi người kể cả xuất gia lẫn tại gia. Người lớn tuổi hiểu được nhân sinh thế thái, đắng cay ngọt bùi dĩ nhiên cần phải học Phật, thanh niên hay trung niên cũng cần học Phât. Điểm đặc biệt trong giáo lý Phật giáo như hành Bồ tát hạnh, thực hiện hạnh nguyện nào cũng được khuyến khích học hỏi sáng tỏ 5 điều (ngũ minh6) để có thể đem lại an lạc hạnh phúc cho nhiều người7. Đừng cho rằng tuổi trẻ bận rộn, đợi tuổi già mới đi chùa học đạo, nếu có suy nghĩ như vậy sẽ hối hận không kịp, trần lao phiền não lôi kéo, ném tuổi thanh xuân vào trong uế nhiễm, khó thoát cảnh mê đắm, cơ hội hoàn lương cũng lắm nhiêu khê. Đến tuổi già sự nghiệp long đong, lực bất tòng tâm, muốn thực hiện những việc thiện cũng không được. 5. TT.TS. Thích Viên Trí (2014), Giáo dục và giáo dục Phật giáo. In trong: Thích Nhật Từ - Thích Đức Thiện (chủ biên), Giáo dục Phật giáo và chương trình đại học, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo, tr. 173. 6. 1. Nội minh: Đây là môn học cung cấp cho người hoằng pháp nền tảng của giáo nghĩa Phật đà. 2. Nhân minh: Môn học này dạy cho chúng ta phương pháp luận lý logic dựa trên lập trường nhân quả. 3. Thanh minh: Đây là môn học không chỉ chú trọng về ngôn ngữ trong giao tiếp mà còn đề cập đến vai trò của văn học trong việc chú thích, trước tác, phiên dịch, giảng giải kinh luận luận. 4. Công xảo minh: Môn học này đặc biệt chú trọng đến việc thông thạo công nghệ kỹ thuật, toán học, và các môn khoa học. 5. Y

phương minh: Đây là môn học đòi hỏi người hoằng pháp ngoài việc trau dồi tam tạng Thánh điển để chữa lành tâm bịnh cho mình và tha nhân, còn phải biết về phương pháp trị bệnh, thân bệnh. 7. Nguyên Hồng (2004), Giáo dục học Phật giáo, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo, tr. 33-34.

Trong năm 2014, Phân ban Thanh Thiếu Nhi Phật tử đã tổ chức Hội trại tuổi trẻ - Phật giáo lần thứ 9, chủ đề "Sáng mãi niềm tin" từ ngày 19 – 20/7/2014 số lượng 1. 100 bạn trẻ tham dự. 2015, tại Cần Thơ Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 10 với chủ đề "Niềm tin & Hội nhập" tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam. Năm 2017, Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần 11 với chủ đề "Nghĩa tình miền Tây" với số lượng 2.000 bạn trẻ tham dự. 2018, tại Thiền viện Phước Sơn Hội trại "Hào khí miền Đông" lần 12 với sự tham gia của 3.500 bạn trẻ. 2019, hội trại Tuổi trẻ & Phật giáo lần 13 tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam, Cần Thơ với chủ đề "Tình đất Phương Nam" với sự tham dự hơn 2.000 bạn trẻ. Cũng trong năm 2019 tại chùa Khai Nguyên, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, hội trại Tuổi trẻ & Phật giáo với chủ đề "Hào khí Thăng Long" với số lượng 3.500 bạn trẻ tham dự8. 2.3. Chương trình giáo dục và lợi ích từ khóa tu mùa hè Theo Thượng tọa Thích Nhật Từ: "Giới trẻ là tương lai của đất nước, do đó ở độ tuổi ấu niên, thiếu niên, thanh niên, tráng niên, mà không được huấn luyện về các phẩm chất sống, kỹ năng sống, lý tưởng sống, thì các cháu sẽ dễ mất phương hướng, một khi mất phương hướng rồi thì dù cho có tiền bạc và tri thức trong tay thì chưa chắc có được hạnh phúc. Cho nên tập chung vào giới trẻ cũng là cách tốt nhất chăm sóc tương lai của đất nước và tương lai của các gia đình"9. Về mặt giáo lý: Tùy vào đối tượng và hoàn cảnh thực tế mà uyển chuyển hơn trong vấn đề phổ cập giảng giải giáo lý Phật đà. Các chương trình tu học liên tục được cập nhật và thay đổi để đáp ứng những mong muốn của giới trẻ. Việc ứng dụng công nghệ nghe, nhìn trực quan và nội dung giáo lý cũng cần quan tâm nhiều hơn để chương trình đạt hiệu quả sinh động, hấp dẫn trong thời đại kỹ thuật số như hiện nay. Đối với Thanh thiếu niên, cần dạy các giáo lý căn bản của Phật

8. Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII (2017-2022), tr. 101 và Số liệu từ Phân Ban Thanh Thiếu Nhi Phật Tử Trung ương. 9. Bản tin VTC1: Đưa Phật giáo đến gần hơn với giới trẻ, Khóa tu Tuổi trẻ hướng Phật tại chùa Bình Lâu - Thành phố Hải Dương, ngày 6.5.2018 (nhằm ngày 21.3 Mậu Tuất).

giáo như Tam quy, Ngũ giới, Nhân quả, Tội chướng, Nghiệp báo, Luân hồi, Bát chánh đạo... để giới trẻ có cái nhìn về con người và thế giới theo quan điểm của Phật giáo và thấy được những giá trị đạo đức thiết yếu trong mối quan hệ cuộc sống cá nhân với cộng đồng. Điều quan trọng là giúp giới trẻ có một niềm tin sâu sắc vào pháp môn tu tập vừa cụ thể vừa thực tiễn, có hiệu quả để các bạn có thể giải quyết được những mâu thuẫn, giảm thiểu xung đột trong các mối quan hệ với cha mẹ, với anh chị em trong gia đình bạn bè, các đồng nghiệp và ngoài xã hội bằng những phương pháp như thực hành thiền, sống chánh niệm, phương pháp trị liệu căng thẳng trong tâm, tập nhận diện và

chuyển hóa những sân, hận, sợ hãi, đau buồn... giúp các bạn biết cách cảm thông và yêu thương những người xung quanh, ngay cả những người chưa yêu thương mình. Một khi các bạn cảm thông được trước những nghịch cảnh cuộc đời sẽ phát khởi được lòng tin yêu cuộc sống, niềm tin nơi Tam bảo. Vấn đề nghi thức tụng niệm, để phù hợp với giới trẻ trong thời đại ngày nay, các nghi thức, khóa lễ cần đa dạng phù hợp, xen kẽ những bài nhạc lễ kết hợp như thiền ca, thiền định, thiền hành, thiền trà, pháp đàm... để tạo sự sinh động cũng như không khí trẻ trung và đảm bảo trang nghiêm như pháp. Vấn đề giảng kinh thuyết pháp, đạo Phật có đến được với giới trẻ hay không là tùy vào sự chuyển tải nội dung kinh điển từ phía các thầy hướng dẫn, quí thầy trong Ban Hoằng pháp, các vị trụ trì. Các bài giảng, chuyên đề phải thực tiễn linh hoạt với giới trẻ, phải đáp ứng và giải quyết những trăn trở, lo lắng, khúc mắc trong cuộc sống, và định hướng tương lai cũng như đạo đức ứng xử sau này. Đa dạng hóa các chương trình tu học, sinh hoạt là điều cần thiết. Để hướng dẫn giới trẻ tu tập, thanh lọc tâm thức thì mô hình sinh hoạt văn hóa rất cần thành lập các đội văn nghệ, các lớp nữ công gia chánh, cắm hoa, nấu ăn, thêu may, các lớp hội họa, thư pháp, chơi nhạc để hướng dẫn giới trẻ về các thẩm mỹ văn hóa Phật giáo. Đây là loại hình sinh hoạt rất quan trọng trong việc thu hút và đưa giới trẻ đến chùa.

462 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Giáo dục đạo đức với thực trạng như hiện nay khi tệ nạn xã hội ngày càng tăng tốc mà đối tượng phần lớn là Thanh thiếu niên thì việc giáo dục Nhân quả cần được xem xét và đưa vào chương trình dạy tại các trường học để các bạn sớm nhận ra được nhân quả rất công bằng với mọi người “Ai làm ác phải chịu ác, ai làm thiện sẽ được quả tốt”, đồng thời nhắc nhở giới trẻ nên cân nhắc cẩn trọng trong từng suy nghĩ, lời nói, việc làm của mình để tránh xa con đường tội lỗi, tệ nạn xã hội như nghiện ngập, cướp của giết người,... Làm được như vậy các bạn sẽ sống có ý nghĩa hơn, sẽ cân nhắc từng ý nghĩa việc làm và có cái nhìn yêu đời hơn. Bạn trẻ Nguyễn T.N.H đang là sinh viên năm hai Trường Đại học Công nghiệp (quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh) chia sẻ: “Mình không được lành lặn nên đi học hay bị bạn bè trêu chọc, cũng không dám thương ai. Có lúc từng nghĩ đến chuyện rời bỏ cuộc đời luôn, nhưng khi tình cờ đến chùa, định bụng là lạy Phật rồi đi, thì mình thấy các bạn ngồi hàng dài trong chánh điện, có một vị thầy đang thuyết giảng. Thấy mình lóng ngóng nhìn, các bạn ngồi phía sau vẫy mình vào ngồi cùng , lúc đó mình nghĩ: “Các bạn không ghê sợ ngoại hình của mình, không xa lánh mình”, và đó là lần đầu từ khi lên Sài Gòn, mình cảm nhận được tình cảm từ người khác. Đặc biệt hơn, khi nghe quý thầy thuyết về nhân quả, mình thấu được nghiệp tội của mình ở quá khứ và nỗ lực hơn ở hiện tại để có quả tốt cho đời sau. Từ đó, mình vui từ tận đáy lòng, cởi mở hơn và làm như thầy dạy: “từ bi với mình và đời””. Những hoạt động cần thiết cho giới trẻ biết làm các công ích xã hội, từ thiện, bảo vệ môi trường. Trong khóa tu nên hướng dẫn các bạn trẻ tham gia công tác để phụng sự xã hội, tạo nên không khí sinh hoạt tập thể, học tập san sẻ kiến thức kinh nghiệm, phụng sự chung để thực tập và nuôi dưỡng tình thương nơi bản thân mình và những người khác, như chăm sóc người già neo đơn, trẻ em cơ nhỡ, tàn tật, tặng quà cho những hoàn cảnh khó khăn giúp họ nhận ra được giá

trị sống, phát triển tâm từ, tôn trọng và bảo vệ các công trình văn hóa, trồng cây xanh, tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường,... 2.4. Mô hình và kinh nghiệm tiêu biểu Như Bác Hồ nói: "Hiền dữ phải đâu là tính sẵn, phần nhiều do giáo dục mà nên". Một đứa trẻ nếu còn nhỏ mà ham bắt bướm, bắn chim, câu cá, lâu dần sẽ trở thành thói quen dẫn tới việc xem thường mạng sống. Khi huân tập nghiệp sát nhiều thì khả năng dẫn đến phạm tội giết người càng cao. Vì vậy, trong bối cảnh xã hội đang thay đổi như hiện nay việc giáo dục và hình thành nhân cách đạo đức cho giới trẻ cần có mối quan hệ giáo dục giữa gia đình, trường học và xã hội, cha mẹ nên nâng cao kiến thức và kỹ năng của mình cho phù hợp với xu hướng giáo dục xã hội hiện đại, có phương pháp dạy các con từ lúc nhỏ vui chơi giải trí mang tính nhân đạo nhân văn10. Mối liên hệ mật thiết giữa giới trẻ và Phật giáo, các giá trị truyền thống lâu đời của dân tộc ta, như: tinh thần yêu nước, tinh thần cộng đồng, lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, trọng tình nghĩa, chăm chỉ cần cù, linh hoạt sáng tạo, giản dị trong cuộc sống. Trong các khóa tu mùa hè dành cho giới trẻ những năm gần đây bài kinh Phước Đức11 do Thượng tọa Thích Nhật Từ dịch được đưa vào giảng dạy và cho các bạn trẻ học thuộc lòng trước khi kết thúc khóa tu, truyền tải thông điệp đức Phật muốn giáo dục cho mọi người: "Muốn sống hạnh phúc phải gieo trồng phước báu". • Nguyên nhân phước báu 1 Tránh người cảnh xấu ác, Để không bị vạ lây, Tôn trọng bậc hiền đức, Để học được điều hay. Tránh xa môi trường xấu, người xấu là rất khó. Thân cận bậc hiền đức với mục tiêu học hỏi các điều hay, đó mới chính là một mục đích quan trọng, đây là cộng hưởng tích cực.

10. Trương Thị Khánh Hà (2016), Giáo dục giá trị cho trẻ em trong gia đình, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 128. 11. Sa môn Thích Nhật Từ (2016), Kinh Phật cho người tại gia, Tái bản lần 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức, tr. 259-262.

• Nguyên nhân phước báu 2 Xây dựng môi trường tốt, Để gây tạo nhân lành Quyết tâm theo đạo đức, Để cuộc sống thanh bình. Môi trường góp phần làm cho cuộc sống con người được bình an và hạnh phúc hơn. Người tu học Phật không chỉ tu học cho riêng mình vì quá dễ, mà phải mở ra một môi trường trong đó có nhiều người có thể tham gia hơn để được lợi lạc lớn hơn. Đức Phật dạy phải năng động, tích cực, tạo các nhân lành trên nền tảng quyết tâm hướng về đời sống đạo đức, từ đó biến nhân lành thành Bồ-tát hộ vệ chúng ta trên mọi nẻo đường. • Nguyên nhân phước báu 3 Siêng học tay nghề hay, Có lương tâm đạo đức, Luôn nói lời chân thật, Từ ái với tha nhân. Sự lập nghiệp bắt đầu bằng sự học, cần phải học vì học tập tới nơi tới chốn thì lập nghiệp sẽ dễ dàng hơn. Con đường học vấn là con đường ngắn nhất đi đến sự thành công trong lập nghiệp và đây là con đường tồn tại bền vững. Có học vấn, chúng ta sẽ có nghề ổn định, nhưng nếu thiếu lương tâm và đạo đức sẽ trở thành mối đe dọa cho người khác. Khi mình nói lời chân thật bằng tâm từ ái sẽ làm cho hiệu quả truyền thông và góp ý là có thật. • Nguyên nhân phước báu 4 Luôn hiếu dưỡng song thân, Luôn chăm sóc gia đình, Chọn làm nghề thích hợp, Sự nghiệp phát triển nhanh. Lòng hiếu thảo chăm sóc cha mẹ và thân bằng quyến thuộc là phương diện phước báu tác động tích cực đến sự

phát triển nghề nghiệp. Việc chăm sóc phải thực hiện bằng nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể: chu cấp tài chính, chăm sóc sức khỏe, chăm lo đời sống tâm linh... chúng ta sẽ đạt được uy tín xã hội, đáng được kính trọng và tin yêu. Chọn nghề thích hợp, sở trường "nhất nghệ tinh nhất thân vinh" sẽ giúp cho chúng ta sớm thành công trong sự nghiệp.

• Nguyên nhân phước báu 5 Sống chân thật bố thí, Giúp xã hội người thân, Nhân cách luôn cao thượng, Hành xử như chân nhân. Hạnh chân thật sẽ làm cho uy tín ngày càng tăng trưởng. Người tu học Phật muốn có phước báu còn phải tu hạnh bố thí cúng dường, làm bằng cái tâm rộng lượng không hề mưu cầu hạnh phúc cho bản thân, ứng xử trên nền tảng của lòng từ bi. Bản chất của các hành vi thiện có giá trị truyền thông lớn, ảnh hưởng rộng rãi thì phước báu đạt được là rất lớn. Khi làm việc thiện phải có nhân cách cao thượng, hành xử cao thượng như một chân nhân, không mong cầu thì quả phước sẽ lớn hơn chúng ta mong đợi. • Nguyên nhân phước báu 6 Quyết không làm điều ác, Không ma túy rượu say Thích việc lành đạo đức, Theo đuổi sống thẳng ngay. Rượu là nguyên nhân tiềm ẩn của các vấn nạn gia đình và xã hội, do vậy, chúng ta phải tránh xa. Để thay thế những đam mê tiêu cực, đức Phật khuyên thích việc lành, đạo đức, thẳng ngay và kiên trì, bền vững. Phải có lý tưởng, theo đuổi bền bỉ không bỏ cuộc giữa chừng, không chán nản, theo đuổi lý tưởng đến cùng sẽ tích tụ được tinh hoa tri thức và kinh nghiệm quý giá, đây chính là nền tảng của đời sống thiện. • Nguyên nhân phước báu 7 Sống lễ độ khiêm cung, Biết ơn và đền đáp, Không tham và biết đủ, Siêng học pháp cao sâu. Đó là những đức tính giúp con người trở nên sống ý nghĩa và giá trị. Người khiêm cung có lối sống bình dị, không màu mè, liêm khiết tri thức. Biết ơn và đền ơn là một biểu hiện văn hóa và đạo đức. Không tham và biết đủ là hai phương diện của hài lòng tích cực, phấn đấu nỗ lực có phương pháp, có tâm huyết, kết quả thế nào hoan hỷ với nó, từ đó sẽ rút ra nhiều kinh nghiệm, bài học hay. Siêng

học Phật pháp là một trong những yếu tố mang lại hạnh phúc cho người tại gia, vì chánh pháp cao sâu là ánh sáng soi đường, khiến chúng ta trở thành người minh triết từ kiến thức đến thực hành, sẽ trở thành người hữu dụng trong cuộc đời. • Nguyên nhân phước báu 8 Sống kiên nhẫn phục thiện, Thân cận các bậc thầy, Học hỏi và cầu tiến, Nghe pháp học điều hay. Biển Phật pháp là mênh mông. Hạnh kiên nhẫn, bền gan, theo đuổi, bám sát chân lý, dẫn đến thành quả phước báu là điều không thể phủ nhận. Sự phục thiện trước nhất là nhu cầu, sau là sự chuyển nghiệp. Học hỏi điều hay từ các bậc thầy phải có tâm cầu tiến, không lệ thuộc vào thành quả. • Nguyên nhân phước báu 9 Sống chánh niệm tỉnh thức, Hành Phật pháp nhiệm mầu Quyết tâm theo chân lý, Đạt Niết Bàn an vui. Thực tập Phật pháp là tiêu thụ năng lượng, chuyển hóa vào đời sống thực tiễn. Chân lý thường rất đơn giản, thực tập Phật pháp đòi hỏi kiến thức đúng và vững. Để theo chân lý tới nơi tới chốn, hành giả phải đạt được hạnh phúc mà đỉnh cao là Niết Bàn trong kiếp sống hiện tại này, từ đó mới có niềm tin sâu sắc hơn, sống có lý tưởng để đem lại lợi lạc cho tha nhân. • Nguyên nhân phước báu 10 Đến đi trong nhân gian, Tùy duyên nhưng bất biến, Tâm không hề lay chuyển, Chuyển hóa hết não phiền.

Khích lệ tinh thần ứng dụng tùy duyên nhưng bất biến, phải nhận biết được cứu cánh mình đạt được là gì. Cốt lõi học thuyết tùy duyên là tâm không hề lay động, không tùy theo duyên nghịch mà tận dụng nó để làm các việc giá trị được hiển hách hơn. Lập trường, ý chí, quyết tâm, cam kết được diễn ra cao độ. Truy nguyên, điểm mặt gốc rễ của bế tắc, não phiền từ đó có phương pháp giải quyết

vấn nạn. Chuyển hóa là một nghệ thuật thay thế, giải phóng các nguyên nhân khổ đau. Theo đức Phật, mười nguyên nhân phước báu trên đem lại đời sống hạnh phúc. Tiến trình nhân quả nếu ai làm một đến mười điều trên chắc chắn đời sống của mình được hạnh phúc và bền vững, "ở đâu cũng hạnh phúc, tới đâu cũng bình an". 3. KẾT LUẬN Nền tảng của giáo dục Phật giáo là một con đường có mục đích, nhắm đến việc đào luyện nhận thức và phẩm chất con người cho đời sống xã hội toàn cầu hóa hiện tại và mai sau. Liên quan đến con đường có mục đích này, nó phải gồm đủ tám hạng mục, tức là "Bát Thánh đạo" (1) khoa học như thật (chánh kiến), (2) triết học như thật (chánh tư duy), (3) ngôn ngữ học như thật (chánh ngữ), (4) chính trị học như thật (chánh nghiệp), (5) xã hội học như thật (chánh mạng), (6) đạo đức học và luật học như thật (chánh tinh tấn), (7) đạo học, tâm lý học và phân tâm học như thật (chánh niệm), (8) tôn giáo học (chánh định). Vì vậy, các điều kiện để phát triển giáo dục phải là một sự cân bằng giữa sở học bao la và thực tiễn hành động. Với xu hướng giáo dục nhập thế của Phật giáo thông qua khóa tu mùa hè là một hoạt động tích cực góp phần xoa dịu nỗi đau, giảm những tệ nạn xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật làm băng hoại các giá trị cũng như thuần phong mỹ tục của dân tộc. Định hướng cho các bạn trẻ có mục đích và lý tưởng sống, hướng đến những hoạt động thiện nguyện của Phật giáo. Việc các chùa hiện nay tổ chức thường xuyên các khóa tu, điển hình như Chùa Giác Ngộ có khóa tu "Búp sen từ bi" là một mô hình giáo dục cho Thanh thiếu niên với nhiều độ tuổi khác nhau. Mục đích của các khóa tu là góp phần vào sự nghiệp trồng người, tạo không gian lành mạnh bổ ích cho các bạn trẻ, tạo môi trường giúp các bạn trẻ giảm trừ căng thẳng, hóa giải những nỗi khổ niềm đau, thực hành con đường đạo đức tâm linh Phật giáo. Ngoài ra, còn phải kể đến một số khóa tu dành cho giới trẻ điển hình như:

• "Khóa tu cho thiếu nhi" tại Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên (Vĩnh Phúc). Khóa học về đạo lý nhà Phật, hướng các em đến việc hiếu lễ với ông bà, cha mẹ. • "Khóa tu mùa hè" tại Thiền viện Sùng Phúc (Quận Long Biên, Hà Nội). Khóa tu nhằm hướng dẫn các em hiểu rõ về lòng thương yêu, đạo đức đối với mọi người. • "Lớp kỹ năng sống" tại chùa Phật Quang (Bà Rịa Vũng Tàu). Khóa tu hướng các em học tập về đạo lý nhà Phật, giúp cai nghiện game và tránh xa các vấn đề tiêu cực. • "Lớp học rèn luyện kỹ năng sống" tại chùa Hoằng Pháp (Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Qua lớp học này, các em sẽ hiểu được trách nhiệm của người con, xây dựng nét đẹp học đường và định hướng lối sống lành mạnh. • Đặc biệt chùa Giác Ngộ, Quận 10 có các khóa tu dành cho giới trẻ định kỳ vào chủ nhật mỗi tháng, thu hút được nhiều bạn trẻ tham gia. Là một trong những người mẹ thường xuyên cùng con tham gia các khóa tu tại nhiều ngôi chùa, chị Đặng

Thị Nguyệt (quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh) chia sẻ: “Do bận rộn với công việc, tôi ít có thời gian giảng dạy, chia sẻ nhiều với con. Vì vậy, với việc các chùa mở khóa tu cho trẻ cùng tham dự như vậy, cải thiện rất nhiều tính cách cho trẻ, những điều mà đôi khi nhà trường và phụ huynh “quên” tận tình dẫn dạy cho cháu. Về phía cháu, cháu được nghe, được xem những bộ phim về chư Phật, Bồ-tát, được quý thầy, quý cô giải thích cặn kẽ về lòng yêu thương muôn loài, về sự hiếu thuận với ba mẹ là ra sao, từ đó bớt ngỗ nghịch thấy rõ. Thậm chí khi về nhà, bé còn biết tự mình dọn dẹp phòng, ăn cơm, nhường đồ chơi cho bạn… Về phía tôi, tôi thấy hiểu con hơn khi nhìn cháu vui chơi và chia sẻ với các bạn, cũng là một việc phụ huynh chúng tôi ít làm được. Kết quả đạt được thông qua khóa tu giáo dục cho Thanh thiếu

niên là các bạn có những chuyển biến tích cực đáng kể cả về mặt suy nghĩ và hành động. Hình ảnh ngôi chùa đã trở nên gần gũi thân thiện và là chỗ dựa tinh thần cho các bạn trẻ trong hoàn cảnh xã hội đầy biến đổi như hiện nay.

***

Tài liệu tham khảo Nguyên Hồng (2004), Giáo dục học Phật giáo, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo. Sa môn Thích Nhật Từ (2016), Kinh Phật cho người tại gia, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức. Thích Minh Chi (2001) “Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại”, trong: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại”, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. TP. Hồ Chí Minh. Trương Thị Khánh Hà (2016), Giáo dục giá trị cho trẻ em trong gia đình, Hà Nội, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội. Thích Nhật Từ - Thích Đức Thiện (chủ biên) (2014), Giáo dục Phật giáo và chương trình đại học, Hà Nội, Nx.b Tôn giáo.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO CHO THIẾU NHI ThS.SC. Thích Nữ Hòa Nhã

1. LỜI DẪN Hiện nay, nền khoa học hiện đại phát triển tột bật. Khi vật chất có xu hướng phát triển càng cao, thì đạo đức con người có nguy cơ đe dọa xuống dốc trầm trọng. Tệ nạn xã hội như xì ke, ma túy, đua xe, cướp giật v.v... ngày càng nhiều, nhất là ở giới thanh thiếu niên. Trong hoàn cảnh xã hội đầy tệ đoan như thế, trẻ em là đối tượng cần quan tâm chú trọng hơn ai hết, đây là thành phần hạt nhân kết nối giữa các thế hệ hiện tại và tương lai. Các em sẽ vừa là người kế thừa trong gia đình, gánh vác việc gia tộc, vừa là những chủ nhân ông gìn giữ, xây dựng và phát triển đất nước sau này. Hơn nữa, nếu là Phật tử các em sẽ trở thành người hộ trì chánh pháp, đem lại lợi ích cho đạo pháp và dân tộc trong tương lai. Như trên đã trình bày cho chúng ta thấy rõ trách nhiệm giáo dục giới trẻ, không chỉ ở phạm vi gia đình, nhà trường và xã hội, mà Phật giáo cũng cần quan tâm đến khả năng giáo dục thế hệ tương lai. Bởi đạo Phật không chỉ dành riêng cho những vị lớn tuổi như quan niệm xưa nay. Sự đóng góp xây dựng đạo đức con người của Phật giáo, luôn luôn hướng con người đến chân thiện mỹ. Vấn đề được đặt ra ở đây là “Làm thế nào để các phụ huynh Phật tử có thể dạy giáo lý cho con cái của mình hiệu quả nhất?”. Bởi chỉ có phụ

huynh là những người gần gũi, sát cánh với con mình hơn ai hết, vả lại họ sẽ hiếm khi có cơ hội dạy đạo Phật cho những đứa trẻ khác, dạy cho con của chính mình dễ dàng hơn. Nên chúng ta hãy khoan nói tới con cái của các phụ huynh không phải là Phật tử, vị trí của thiếu nhi trong gia đình Phật tử thì lợi thế hơn và đây cũng chính là đề tài nan giải cho đại đa số: "Giáo dục Phật giáo cho thiếu nhi", người viết muốn gián tiếp gửi đến lời kêu gọi mọi giới, mọi ngành cùng các bậc phụ huynh, mong có những phương cách hay, mới thật thiết thực để có thể giải tỏa phần nào những nỗi băn khoăn, lo lắng về con em mình và hiệu quả trước những thái độ sống thác loạn của giới trẻ trong thời hiện đại. Hãy giúp đỡ các em! Hãy mở rộng lòng từ thương yêu các em bằng những phương pháp giáo dục đạo đức ưu việt nhất, làm kim chỉ nam cho các em hướng đến một chân trời mới đầy hoa thơm cỏ lạ tinh anh. Lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng đã có những bậc tiền bối rất quan tâm đến nền giáo dục thiếu nhi gắn liền với những hoạt động Phật sự như: Hòa thượng Tố Liên, Hòa thượng Minh Châu, Hòa thượng Nhất Hạnh,... với những tác phẩm đã được ấn bản và phổ biến rộng rãi như: Thương yêu theo phương pháp Bụt dạy, Kinh tạng Nykàya của Hòa thượng Minh Châu, Giáo dục thiếu nhi theo quan điểm Phật giáo của Thượng tọa Thích Phước Đạt1, Khoan dung là một cách giáo dục của Giang Văn Toàn (Nxb. Lao động, 2007), Nghệ thuật sống của Thiện Tri Thức (Nxb. Văn hóa Thông tin), Sống đẹp của Lưu Dung (Nxb. Phụ nữ, 2004)... Tuy nhiên, đa phần vẫn còn nặng về lý thuyết, mà Phật giáo không chỉ đơn thuần với lý thuyết suông. Vì "Giáo lý của Đức Phật được gọi là ehi-passika, mời bạn đến để thấy chớ không phải đến để tin"2. 2. ĐỐI TƯỢNG GIÁO DỤC Khi nói đến đối tượng giáo dục thì người ta thường nghĩ đến thiếu niên từ 13 tuổi đến 17 tuổi và thiếu nhi từ 3 tuổi đến 12 tuổi. 1. Theo phoquang.org 2. Walpola Rahula, dịch giả Thích Nữ Trí Hải (2000), Đức Phật đã dạy những gì, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 30.

Bởi vì, trẻ em là đối tượng cần quan tâm chú trọng hơn ai hết, đây là thành phần hạt nhân kết nối giữa các thế hệ hiện tại và tương lai, vì giới trẻ là mùa xuân xã hội, là mầm non đất nước nên mọi người đều yêu thương, từ xã hội, gia đình, nhà trường, các em sẽ vừa là người kế thừa trong gia đình, gánh vác việc gia tộc, vừa là những chủ nhân ông gìn giữ, xây dựng và phát triển đất nước sau này. Bác Hồ đã dạy: "Thiếu niên nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà. Vì vậy, chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải làm kiên trì, bền bỉ... Vì tương lai của con em ta, dân tộc ta, mọi người, mọi ngành phải có quyết tâm chăm sóc và giáo dục các cháu bé cho tốt. Tất cả các quốc gia dân tộc trên thế giới muốn tồn tại và phát triển bền vững, đều phải quan tâm bảo vệ chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng."3 Hơn thế nữa, nếu là Phật tử các em sẽ trở thành người hộ trì Chánh pháp, thậm chí xuất gia học đạo, hành đạo đem lại lợi ích cho đạo pháp và dân tộc trong tương lai. Do thiếu nhi mang tầm vóc quan trọng như thế, cho nên khi xưa với tầm nhìn xa rộng Đức Phật đã khuyến cáo vua Ba Tư Nặc (Basennadhi): "Này Đại vương! Có bốn thứ tuy nhỏ, nhưng không nên xem thường. Những gì là bốn? Đó là Vương tử nhỏ tuổi dòng

Sát-lợi, không nên xem thường, rắn con còn nhỏ không nên xem thường, đốm lửa tuy nhỏ không nên xem thường và Tỳ-kheo nhỏ tuổi không nên xem thường.”4 Một vị vương tử nhỏ sẽ nối nghiệp vua cha trị vì thiên hạ, một con rắn nhỏ có thể cắn chết người, một đốm lửa nhỏ có thể thiêu hủy công trình lớn và một vị Tỳ kheo nhỏ sẽ có thể giác ngộ, kế thừa mạng mạch Phật pháp trong tương lai. Những điều trên, đã cho chúng ta thấy rõ trách nhiệm giáo dục trẻ thơ, không chỉ ở phạm vi gia đình, nhà trường và xã hội mà Phật giáo cũng rất quan tâm đến khả năng giáo dục thế hệ tương lai.

3. Hồ Chí Minh (1/6/1969), Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu nhi, tr. 467. 4. Thích Minh Châu (1995), Kinh tạp A-Hàm số 1226, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, tr. 378.

474 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Để thanh xuân hóa đạo Phật, bằng cách đưa Phật giáo đến với giới trẻ, giới đại diện của sức mạnh, của sự trẻ trung bầu nhiệt huyết tràn đầy và sung mãn. Thanh thiếu niên là thỏi vàng son của một kiếp sống con người, nên sẽ rất dễ dàng tiếp thu giáo lý Phật đà. Vì thế cho nên, sự đóng góp giáo dục đạo đức của người con Phật, luôn luôn hướng đến việc hoàn thiện con người và thăng hoa xã hội một cách tích cực, bất luận nam nữ lão ấu hay sang hèn. Nhà nước và các tổ chức cộng đồng, trong đó có Phật giáo đã thực thi chú trọng mục đích giảng dạy trẻ thơ học pháp và hành pháp, hình thành nhân cách một con người Phật tử trí đức vẹn toàn. Hoạt động này, không thể tiến hành một cách tuỳ tiện theo những ý muốn chủ quan hay kinh nghiệm riêng rẽ mà phải dựa trên sự hướng dẫn có tính khoa học, có phương pháp hẳn hoi. Giảng dạy đạo lý cho nhi đồng, thiếu nhi, và thiếu niên mới lớn, cần phải cân nhắc cẩn thận, dựa vào tâm sinh lý, căn cơ và trình độ phát triển của trẻ sao cho phù hợp với từng lứa tuổi. Vì những lý do đó, cho nên một người tu sĩ Phật giáo không thể không biết tới các phương thức dạy trẻ hữu hiệu nhất, hầu chung tay xây dựng tốt đời, đẹp đạo. Hoài bão thiết tha của những người con Phật luôn luôn thể hiện tinh thần tự độ và độ tha, tất cả vì lý tưởng giác ngộ giải thoát, vì mạng mạch Phật pháp trường tồn. Và vì mầm non tương lai của dân tộc. cha mẹ càng có sự liên kết giáo dục gia đình, nhà trường, nhà chùa và xã hội chặt chẽ đối với vấn đề giáo dục các em hoàn thiện. Người mẹ lúc này càng gần gũi con hơn bao giờ hết. Phải biết để ý sự phát triển tâm lý, theo dõi sự dậy thì tránh sự lo âu khi cơ thể biến chuyển về sinh lý cho các em gái, kể cả các em trai, đồng thời dạy cho các em hiểu biết về giới tính, có cách thức hành xử đúng khi quan hệ, tiếp xúc với người khác giới. Tuổi này các em bắt đầu ham chơi, thích mơ mộng và mong muốn được cưng chiều. Vì vậy phải khéo léo kết nối yêu thương vỗ về nhưng cũng phải nghiêm khắc cần thiết. Quan tâm và tạo các điều kiện học tập tốt nhất và vui chơi lành mạnh mà cha mẹ có thể đáp ứng.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO CHO THIẾU NHI 475

Môi trường của các em tiếp xúc lúc này khá rộng, hiểu biết nhiều. Vì vậy cha mẹ Phật tử phải dành nhiều thì giờ chăm lo để các em phát triển nhân cách theo định hướng

của gia đình, nề nếp của gia phong. Liên lạc thường xuyên với các thầy cô giáo để theo dõi việc học, tìm hiểu bạn bè của các em để nắm rõ tình hình sinh hoạt ở bên ngoài. Khi có điều kiện sinh hoạt gia đình thông qua bữa cơm, húy kỵ, tiệc mừng sinh nhật, chúc thọ... cần nói rõ ý nghĩa lễ và khơi dậy tình thương yêu, biết chia sẻ niềm vui với người khác, cũng như giảng rõ về sự bất hạnh đối với ai thiếu tình thương với cha mẹ. Độ tuổi này các bậc cha mẹ phải kết hợp quý thầy khéo léo giảng dạy các em về niềm tin và lẽ sống; tin Tam bảo, tin nhân quả, dạy phân biệt chính tà, thiện ác, nhất là biết tin vào chính mình. Có điều kiện nên cho các em đi chùa cùng với gia đình để bước đầu học hỏi giáo lý Phật đà, sự quy y và biết sống theo năm giới như một nếp sống đạo đức Phật giáo. Khi cha mẹ đi chùa hành hương thì nên cho các em đi theo, tiếp cận sự tin yêu, tôn kính ba ngôi Tam bảo, sự bố thí cúng dường, thực hành các việc phước thiện... Các chùa hiện nay đều có tổ chức thuyết giảng sáng Chủ nhật, tu Bát quan trai, lớp học giáo lý, hướng dẫn các em thực hành nếp sống tri túc, hướng dẫn lối sống đạo đức Phật giáo, cho các em tham gia đi hành hương, từ thiện nên tạo điều kiện cho các em học tập và thực hiện. Dần dần, các em sẽ biết hình thành nhân cách hoàn thiện sống có ích và thực hiện ước mơ hoài bão của chúng theo định hướng của gia đình, xã hội yêu cầu. 3. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC Chúng ta cần tìm phương pháp làm sao các em có được một hướng đi nhằm đem lại hạnh phúc thật sự, hạnh phúc từ chính nội tâm trong sáng và trí tuệ hiểu biết. Làm sao các em có thể sớm nhận ra rằng người ta có thể rất giàu sang nhưng vẫn đau khổ thật nhiều nếu không có sự bình yên và định tĩnh của tâm hồn. Rõ ràng hạnh phúc không phải do đời sống vật chất, nhưng vì do lầm tưởng, con người luôn tìm kiếm hạnh phúc ở bên ngoài. Với thiếu nhi trọng tâm học văn hóa, vài tiết hướng nghiệp trong tuần để hướng nghiệp

các em, song song những tiết dạy hướng nghiệp, thiết nghĩ cũng nên giáo dục tính thiểu tri túc trong Phật giáo. a. Giáo dục gia đình Gia đình là một trong những nguyên nhân quan trọng tác động đến việc hình thành nhân cách của trẻ. Các nghiên cứu thống kê cho thấy, với một gia đình mà cha mẹ nghiện ngập hay phạm pháp thì những đứa con sinh ra luôn có xu hướng làm những gì mà cha mẹ từng trải qua. Cha mẹ thiếu quan tâm đến con cái, dễ dãi thái quá, không nghiêm khắc, không kỷ luật, ly thân hay ly hôn v.v... sẽ tác động mạnh đến quá trình phát triển nhân cách của trẻ. Bởi vì, lớp trẻ là tương lai của xã hội, tương lai của Phật pháp. Các em không những cần được chăm sóc đầy đủ về dinh dưỡng, mà còn về trí tuệ, tâm hồn, đạo đức để có một sức đề kháng trước cái xấu, cái ác, cha mẹ cần lưu tâm từng hành vi ứng xử của trẻ trong học tập, tâm lý, dạy cho chúng biết tin yêu gia đình, thầy cô tự tin tham dự Gia đình Phật tử, làm việc công quả ở chùa những khóa tu thiện nguyện, giúp người khiếm thị, tham gia vào các ngày lễ của Phật giáo. Phật giáo đang góp phần tích cực vào công cuộc giáo dục đó. Với lòng nhiệt huyết tràn đầy, rất muốn chung tay góp phần xây dựng ngôi nhà giáo dục thêm xán lạn, bằng phương pháp giáo dục. Chúng con hy vọng nhiều lớp Phật học thiếu nhi sẽ được mở ra khắp các tỉnh thành, để có hàng triệu, hàng triệu công dân trẻ Việt Nam sớm được tiếp cận với nền giáo dục tốt đẹp của Phật đà, trở thành những người hữu dụng cho đất nước, cho nhân loại. Đức Phật dạy: Lời nói phải chân thật, cái

chậu như là thân của mình, nước như là tâm của mình, cả hai điều phải thanh khiết. Bởi vì, tuổi trẻ là kiểng non, nhờ cha mẹ, thầy cô, anh chị chăm sóc uốn nắn mà trở nên giá trị: "Uốn tre, uốn thuở măng non, Dựng gầy hướng đạo khi còn tuổi thơ" cha mẹ cần phải khéo léo uốn nắn dạy dỗ con em trong việc ứng xử hành vi, lễ phép tôn trọng người lớn và biết học tập theo chương trình dạy ở trường. b. Giáo dục nhà trường và nhà chùa Ngoài sự giáo dục của gia đình, nhà trường, cha mẹ phải dẫn

con lên chùa gần gũi chư Tăng. Sự tiếp xúc này sẽ để lại ấn tượng tốt thông qua lễ lạy, nghe những lời dạy của quý thầy, những câu chuyện đạo lý trong Phật giáo về việc tôn trọng sự thật, sự vâng lời mẹ cha, biết yêu thương đồng loại. Như câu chuyện Sa di La Hầu La thường hay nói dối được giáo hóa qua bài kinh Giáo giới La Hầu La. Sa di nọ nhờ cứu đàn kiến mà được khỏe mạnh, sống lâu. Hoặc những bài kệ ngắn gọn đơn giản trong kinh Pháp cú v.v... Bên cạnh đó, chúng ta phải cảm ơn các khóa tu mùa hè và một số chùa ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam đã quyết tâm tổ chức những khoá tu dành cho thanh thiếu niên. Nhờ đó mà nhiều nội dung giáo dục Phật giáo đã đến với các em. Gia đình và nhà trường đều nhìn nhận các khóa tu dành cho người trẻ tuổi do các chùa tổ chức là một sân chơi bổ ích cho tinh thần và sức khỏe của các em. Điều quan trọng hơn là từ sau những khóa tu ấy, các em có nhân duyên được tiếp cận với quý thầy, quý sư cô để học hỏi nhiều về Phật pháp. Giáo dục Phật giáo sẽ góp thêm chút niềm vui, cũng như cho các em thiếu nhi trong thời gian học Phật. Do đó, khi trợ duyên cho lớp trẻ nên quan tâm giữ gìn, khôi phục và phát huy các phẩm chất, giá trị mang tính nhân bản trước tiên. Trước hết phải biết khơi dậy, nuôi dưỡng "khí phách làm người". Trong kho tàng lịch sử, triết học, đạo đức của nhân loại có vô số những tấm gương sống động, người tu sĩ Phật giáo nên vận dụng những gương ấy để khơi dậy trong thanh thiếu niên "nguyên khí", lòng tự trọng và đức hy sinh, dám xả thân vì lẽ phải, sự công bằng, vì tha nhân, vì tiền đồ dân tộc. Ngoài thời gian hướng dẫn các em tập ngồi thiền, tịnh tu, niệm Phật, thì phần pháp thoại, giáo dục đạo đức rất quan trọng với những nội dung căn bản tùy duyên mà chúng ta triển khai như sau: Thuyết giảng những lời Phật dạy thông qua Kinh điển, dẫn chứng cuộc đời Đức Phật và chư Bồ tát. Kể ra những mẩu chuyện gương sáng của người xưa cao đẹp như Hư Vân Hòa thượng, Bồ tát Quảng Đức. Dẫn chứng những châm ngôn, danh ngôn của Đức Phật vì Phật đường là môi trường phát triển tánh tốt, hạn chế tánh xấu. Đến chùa thất rửa lần tội lỗi. Đọc sách kinh tắm gội linh hồn. "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Cho nên: Nếu sống với hận thù. Trẻ học cách gây gổ. Nếu sống với

bao dung. Trẻ học lòng kiên nhẫn. Nếu sống trong khích lệ. Trẻ học lòng tự tin. Nếu sống trong ca ngợi. Trẻ học các tặng khen. Nếu sống trong công bằng. Trẻ học lòng độ lượng. Nếu sống trong bình an. Trẻ học lòng tin cậy. Nếu sống trong tình thương. Trẻ học yêu chính mình. Nếu trẻ em được lớn lên với sự đón nhận và tình yêu thương. Các em sẽ tìm thấy tình yêu thương trong đời. Cho nên cha mẹ phải quan tâm dạy dỗ con cái nhiều hơn vì chúng sợ cha mẹ nhiều hơn thầy cô. Cha mẹ cần biết cách dạy dỗ như

phải nêu gương sáng cho con bắt chước cũng như không nên bênh vực con một cách vô lý. Và cha mẹ phải liên kết với nhà trường cùng tin cậy và biết ơn thầy cô giáo. c. Giáo dục xã hội Xã hội còn rất nhiều trẻ em mồ côi nghèo cần sự giúp đỡ, thế kỷ XXI đã lan khắp hang cùng ngõ hẻm; phim ảnh, trò chơi mang tính bạo lực phát triển mạnh mẽ đã khiến cho trẻ em sa lầy vào đó để thoả mãn nhu cầu bạo lực, lối sống ảo, xa rời cuộc sống thực tế đã khiến cho nhân cách các em phát triển theo chiều hướng lệch lạc. Trẻ em như tấm giấy trắng, những hành động của người lớn sẽ là tấm gương để trẻ noi theo. Để góp phần chung tay xây dựng một môi trường giáo dục tốt đời đẹp đạo giải pháp giáo dục Phật giáo thiết nghĩ mỗi tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường chư Tôn đức Tăng, Ni thường xuyên quan tâm đến thế hệ trẻ qua việc mở các lớp giáo lý để hướng dẫn dạy dỗ các em thanh thiếu niên đi theo con đường thiện, từ bỏ con đường ác. Các khoá học giáo lý không nên đặt nặng về phần giáo lý mang tính nghiên cứu, triết lý cao siêu như Tánh không, Vô thường, Vô ngã, mà chỉ nên truyền tải những nội dung mang tính thời sự xã hội. Xã hội và các em cần gì thì chúng ta hướng dẫn cái đó, không nên dạy những gì mình có. Gần đây các khóa tu mùa hè mở ra khắp ba miền Bắc, Trung, Nam dành cho các em thanh thiếu niên, đã góp phần rất lớn vào việc giáo dục đạo đức và hướng đạo cho các em. Việc ấy đã mang lại kết quả rất tốt. Tiêu biểu như các khóa tu chùa giác Ngộ, chùa Hoằng Pháp, Quan Âm tu viện, quận Phú Nhuận với chủ đề “Bạo

lực học đường” đã được quý thầy cô đặt ra nhiều tình huống “bạo lực học đường” để các tu sinh trẻ trực tiếp tham dự, trực tiếp giải quyết và xử lý vấn đề với vai trò là người trong cuộc, sau đó quý thầy cô sẽ nhận xét và tư vấn thêm cho các bạn trẻ dựa trên kinh nghiệm và nền tảng giáo lý Phật giáo là một mô hình đáng được khuyến khích mở rộng. Tóm lại, Phật giáo có đi vào đời sống hay không, có giúp ích gì cho xã hội hay không là tuỳ thuộc vào sự nhận thức và nhập thế của những người ‘tải đạo vào đời’. Xã hội khiếm khuyết vấn đề gì thì Phật giáo nhanh nhạy chung tay giải quyết vấn đề đó, miễn đừng trái với luân thường đạo lý, trái với đạo đức xã hội và trái với lời Phật dạy; thì lúc đó giáo lý Phật giáo mới phát huy tối đa tâm nguyện từ bi cứu khổ ban vui như những gì mà Đức Phật đã khuyên chúng đệ tử của Ngài du hành thuyết pháp độ sinh cách đây hơn 2.600 năm: “Này các Tì-kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người”.5 4. LỜI KẾT Đối với đời sống hiện nay, xã hội đang phải đối mặt với nhiều vấn nạn như nghiện hút tuổi học trò, lạm dụng tình dục thanh thiếu niên, HIV,... Vai trò của những nhà giáo dục nhất là Tăng ni đối với thiếu nhi, phải có trách nhiệm hoằng pháp. Đưa giáo lý phù hợp để cảm hóa, hướng thượng, hoàn thiện nhân cách giúp các em đứng vững trên cuộc đời. Mỗi các em là một búp măng lớn mạnh sẽ tô điểm cho rừng trúc hạnh phúc. Hơn ai hết, hàng xuất gia trẻ chúng ta phải là người tiên phong thay Phật tuyên dương Chánh pháp, đem Phật pháp vào lòng người và nhất là cho giới trẻ, như dòng nước mát len lỏi vào khắp hang cùng ngõ hẻm, để mọi người đều có thể thưởng thức hương vị ngọt ngào Pháp nhũ của Đức Thế Tôn. Như vậy, chúng ta đã báo được Phật ân đức trong muôn một. Và

5. Tương ưng Bộ Kinh(1993), Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành

để rồi mai đây, cuối cuộc đời chúng ta sẽ không hổ thẹn với một kiếp sống tu hành. Một đời trong khuôn viên tu viện khép kín, hàng ngày khắc khổ với cháo rau đạm bạc. Đó là thế giới của lớp người trẻ nhưng quyết tâm đoạn tuyệt với mọi thứ mà người đời gọi là huy hoàng và sôi động nhất của tuổi trẻ, sống cho hoài bão mà luôn được ân cần nhắc nhở bởi quý sư trưởng ngay từ ngày đầu tiên dứt áo ra đi: “Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, trấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu.” Cho nên, sự thành lập gia đình Phật tử các khóa tu mùa hè và phương pháp qui y Tam bảo là giáo trình đắc nhất lực để giáo dục các em, là nhịp cầu nối giữa gia đình và giáo hội, giữa cá nhân và xã hội. Tuy nhiên, đâu đâu cũng thấy các em học Phật và cũng cần phải có các trò chơi lành mạnh, xen lẫn phút giây tĩnh tọa để lắng động tâm tư, những buổi trại hè để các em tiếp xúc với thiên nhiên. Các em sẽ biết yêu màu xanh của trái đất, ý nghĩa tập làm từ thiện để trái tim biết rung động thương yêu. Nếu thực hiện được như thế, mỗi gia đình sẽ có một bông hoa, xã hội sẽ được một rừng hoa, làm cho thế giới ngày mai tốt đẹp hơn. Trường học là nơi cung cấp chất xám cho mọi lứa tuổi khác nhau, nên cách truyền đạt giáo án các nguồn tri thức mang tính khoa học khác nhau. Với những trọng trách của “kỹ sư tâm hồn” là ngoài việc trao truyền kiến thức, còn có cả sự định hướng đạo đức cho các em. Để góp phần trong việc xây đắp nền tảng đạo đức cho các em, cần phải có sự chung tay của bậc phụ huynh bên cạnh giúp các em định hướng và có đủ niềm tin vào cuộc sống. Cho nên, trước hết bậc làm cha mẹ phải là những người gương mẫu, là bài học đầu tiên tạo nên nhân cách cho con cái sau này. Cũng chân thành rất mong mọi người đồng tình ủng hộ quan điểm giáo dục thiếu nhi như đã trình bày ở trên. Và danh xưng “thiếu nhi học Phật” sớm được hình thành để trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai luôn nở trên môi nụ cười trọn vẹn.

Tài liệu tham khảo Walpola Rahula, dịch giả Thích Nữ Trí Hải (2000), Đức Phật đã dạy những gì, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. Hồ Chí Minh (1/6/1969), Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu nhi. Thích Minh Châu (1995), Kinh tạp A-Hàm số 1226, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành. Hoà thượng Thích Minh Châu dịch (1993), Tương ưng Bộ Kinh, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.

VẬN DỤNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Lê Thị Hạnh*

TÓM TẮT Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và đã trở thành một phần trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam. Với triết lý từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn..., Phật giáo đã dễ dàng đi vào lòng người, hướng con người đến lối sống

vị tha, bình đẳng, khoan dung. Triết lý Phật giáo phù hợp với tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam và đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: "Tôn trọng và phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của các tôn giáo"1. Vì vậy, việc vận dụng tư tưởng vào việc giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên các trường đại học hiện nay là rất cần thiết. 1. MỞ ĐẦU Ngày nay, trong xu thế hội nhập quốc tế và phát triển cuộc cách

*. Phó trưởng khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.
1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2011, tr. 81.

mạng 4.0, khi con người đang tiến những bước dài trên con đường phát triển, hướng đến xã hội tri thức, xã hội mở thì nhiều "nguy cơ" lớn đặt ra cho toàn xã hội, trong đó sự xuống cấp về đạo đức, lối sống đang trở thành một vấn nạn toàn cầu, đặc biệt, tình trạng đó lại diễn ra nhiều nhất trong thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên – những chủ nhân tương lai của xã hội. Sinh viên các trường đại học ở Việt Nam là một trong những quốc gia đang cần gióng lên hồi chuông báo động về đạo đức, lối sống. Đứng trước yêu cầu phát triển bền vững của đất nước, giáo dục đại học cần thiết phải xây dựng một phương pháp giáo dục đạo đức mới, phù hợp với thời đại trên cơ sở kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho các em sinh viên hiện nay. 2. NỘI DUNG 2.1. Giáo dục đại học và giáo dục đạo đức Phật giáo 2.1.1. Giáo dục đại học Theo định hướng phát triển giáo dục trong thời đại mới, Ủy ban khoa học, giáo dục và văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) đã đề xướng mục đích học tập là: "Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình". Hiểu một cách ngắn gọn là: Học để phát triển toàn diện, hài hòa về trí tuệ, kỹ năng, lẫn đạo đức, lối sống. Giáo dục là quá trình được tổ chức có ý thức, hướng tới mục đích khơi gợi hoặc biến đổi nhận thức, năng lực, tình cảm, thái độ của người dạy và người học theo hướng tích cực, nghĩa là góp phần hoàn thiện nhân cách người học bằng những tác động có ý thức từ bên ngoài, góp phần đáp ứng các nhu cầu tồn tại và phát triển của con người trong xã hội đương đại. Giáo dục bao gồm việc dạy và học, giáo dục là nền tảng cho việc truyền thụ, phổ biến văn hóa từ thế hệ này đến thế hệ khác. Giáo dục là phương tiện để đánh thức và nhận ra khả năng, năng lực tiềm ẩn của chính mỗi cá nhân, đánh thức trí tuệ của mỗi người. Theo quan điểm của các nhà giáo dục, giáo dục thông qua 3 môi trường chính, đó là: gia đình, nhà trường và xã hội.

Giáo dục đại học (Higher education) là giai đoạn giáo dục bậc cao thường diễn ra ở các trường đại học, trường cao đẳng, học viện, và viện công nghệ, bao gồm các bậc sau trung học phổ thông như cao đẳng, đại học và sau đại học. Giáo dục đại học bao gồm các hình thức giáo dục diễn ra ở các cơ sở học tập bậc sau trung học, cuối khóa học

thường được trao văn bằng học thuật hoặc cấp chứng chỉ. Các cơ sở giáo dục đại học không chỉ bao gồm các trường đại học và viện đại học mà còn các trường chuyên nghiệp, trường sư phạm, trường cao đẳng, trường đại học công lập và tư thục hệ hai năm, và viện kỹ thuật. Điều kiện nhập học căn bản đối với hầu hết các cơ sở giáo dục đại học là phải hoàn thành giáo dục trung học, và tuổi nhập học thông thường là 18 tuổi. Giáo dục đại học bao gồm các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, thực tập (như trong các trường y khoa và nha khoa), và phụng sự xã hội của các cơ sở giáo dục đại học. Các hình thức giáo dục đại học bao gồm: giáo dục tổng quát (general education), thường bao gồm đáng kể những yếu tố lý thuyết và trừu tượng cùng với những khía cạnh ứng dụng; giáo dục chú trọng đến các ngành khai phóng (liberal arts education), bao gồm các ngành nhân văn, khoa học, nghệ thuật; giáo dục mang tính huấn nghệ (vocational educa- tion), kết hợp cả việc giảng dạy lý thuyết lẫn những kỹ năng thực hành; giáo dục chuyên nghiệp (professional education), như trong các ngành kiến trúc, kinh doanh, luật, y khoa, v.v... Ở nhiều quốc gia phát triển, có tới 50tram% dân số theo học trong các cơ sở giáo dục đại học. Giáo dục đại học do đó rất quan trọng đối với kinh tế quốc gia, với tư cách là một ngành kinh tế và là nơi giáo dục và đào tạo nhân lực cho phần còn lại của nền kinh tế. Những người theo học đại học thường kiếm được mức lương cao hơn và ít có khả năng bị thất nghiệp hơn so với những người có học vấn thấp hơn. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến hết năm học 2016-2017, cả nước hiện có 37 viện nghiên cứu khoa học được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, 235 trường đại học và học

viện, bao gồm cả phân viện và các cơ sở (trong đó có 170 trường công lập) và 33 trường cao đẳng sư phạm, 2 trường trung cấp sư phạm2. Năm học 2016-2017, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học đăng ký xét tuyển vào đại học là 74%, tỉ lệ học sinh đậu vào đại học, cao đẳng khoảng 41%. Về quy mô đào tạo, tổng quy mô đào tạo tiến sĩ là 15.112 nghiên cứu sinh, quy mô đào tạo thạc sĩ là 105.801, sinh viên đại học là 1.767.879 sinh viên, quy mô sinh viên cao đẳng sư phạm là 47.800 sinh viên3. Về số lượng giảng viên các trường đại học công lập hiện tại khoảng 55.400 người, số lượng giảng viên các trường đại học tư thục hiện tại khoảng 14.190 người4. Về ngân sách chi cho giáo dục, theo thống kê năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chính phủ đã chi 248,1 nghìn tỉ đồng cho lĩnh vực giáo dục, chiếm 20% ngân sách nhà nước, trong đó chi cho đơn vị giáo dục bậc đại học chiếm 9%. Cùng với quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, giáo dục đại học Việt Nam cần được đổi mới trên cơ sở vẫn giữ được những nét đặc thù của giáo dục đại học trong nước, đồng thời tiệm cận được các chuẩn chung của thế giới. Việt Nam chỉ xếp thứ 70/100 về nguồn lực và 81/100 về lao động có chuyên môn cao. Rõ ràng, yêu cầu quan trọng nhất để chuẩn bị cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đối với bất kỳ quốc gia nào là cải thiện nguồn vốn con người để có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, về kỹ năng liên tục thay đổi trong môi trường lao động mới. Trong bối cảnh này, hệ thống giáo dục phải tập trung vào phát triển phẩm chất và năng lực của người học thông qua việc định hướng các con đường phù hợp nhất cho các nhóm học sinh, sinh viên khác nhau để giúp họ phát huy được tiềm

năng của mỗi cá nhân. Điều này cần được áp dụng ở tất cả các cấp học, ở tất cả các trình độ đào tạo. Đặc biệt, đối với các trường đại học: “Thành công của một trường đại học không chỉ đơn thuần là tỷ lệ sinh viên tốt

2. “Đại học cần được cấu trúc lại”, Báo Tuổi trẻ, 22/09/2015. 3. “Những con số “biết nói” về giáo dục đại học Việt Nam”, Báo điện tử VietNamNet. 4. “Ngân sách chi cho giáo dục tăng thế nào 5 năm qua?”,Báo VnExpress.

nghiệp, là khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên hay là vị trí trên bảng xếp hạng quốc tế, mà còn là sự phát triển bền vững và lâu dài, là khả năng sẵn sàng chấp nhận rủi ro, là năng lực đổi mới và sáng tạo của sinh viên.” 2.1.2. Giáo dục Phật giáo Giáo dục Phật giáo được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu giáo lý Phật giáo. Qua đó, bồi dưỡng, phát triển con người hoàn thiện hơn về mặt trí thức và tâm thức, để trở thành những con người tốt hơn, có phẩm hạnh và có đạo đức, trở thành những người tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, trở thành những con người có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội. Giáo dục Phật giáo là để phát triển trí tuệ, thấu hiểu bản chất thật sự của các pháp, hiểu được những điều chân thực và có giá trị. Học Phật là đi theo con đường Đức Phật đã dạy để nhận sự chân thật, qua đó loại bỏ những quan điểm sai lầm, trái đạo đức. Từ góc độ giáo dục Phật giáo, giáo dục không chỉ là việc dạy và việc học mà còn là quá trình chuyển hóa nội tâm, cải tạo cái xấu, thay thế, bồi dưỡng và phát huy cái tốt, trang bị cho mỗi cá nhân những nhận thức chính kiến, đức tin chân chính và những phẩm chất tâm linh cao thượng để mỗi người có thể làm hành trang tư lượng cho đời sống an lạc, hạnh phúc cá nhân, gia đình, học đường và cộng đồng xã hội. Giáo dục Phật giáo nhằm trang bị và hoàn bị cho con người có thể sống an lạc và hạnh phúc, phục vụ cho tha nhân, góp phần xây dựng một quê hương đất nước giàu đẹp, một xã hội công bằng văn minh. Giáo dục Phật giáo không đào tạo con người trở thành con người nghề nghiệp mà giáo dục con người trở thành con người an lạc và hạnh phúc. Con đường giáo dục của Phật giáo khá thiết thực và thực tiễn. Vậy, giáo dục Phật giáo là giảng dạy hệ thống giáo lý Phật giáo cho con người, hướng đến sự phát triển toàn diện của con người qua các mặt của đời sống, đặc biệt là tâm thức, nhằm kiến tạo một đời sống trí tuệ và hạnh phúc. Về mục tiêu giáo dục Phật giáo: Giáo dục là giáo dục con người. Vậy phải hình dung ra con người là như thế nào, bản tính ra sao.

Phật giáo chủ trương có ba tính thiện, bất thiện, vô ký, bản chất con người là duyên khởi và vô ngã. Con người là một hữu thể có đặc tính như vậy. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi từ giã cõi thế đã dặn bảo đệ tử hãy lấy giáo pháp mà Ngài đã trao truyền làm người hướng dẫn. Ngài chính là một nhà giáo dục vĩ đại, đã dành cả cuộc đời mình đi khắp mọi nơi trao truyền chính pháp. Giáo dục Phật giáo hướng đến là giúp tất cả các Tăng ni, Phật tử tại gia theo Phật là để đạt được thanh tịnh tâm ý, để đạt đến trạng

thái giải thoát, trạng thái niết bàn. Đức Phật đã nêu rõ: “Cũng như nước biển chỉ có một vị là vị mặn, này Paharada, Pháp và Luật của ta chỉ có một vị, là vị giải thoát”. Hạnh phúc chỉ đến thật sự khi giải thoát đồng nghĩa với tinh thần vô ngã, tâm linh con người thoát khỏi tham, sân, si… bỏ qua tất cả phiền não và an vui trong cảnh giới niết bàn. Giáo dục Phật giáo không phải là phương tiện để thực hiện địa vị và quyền thế và cũng không phải là nghề nghiệp để mưu cầu sinh sống, mà phải là cứu cánh để thực hiện chí nguyện độ sanh và để giải thoát khổ đau. Đức Phật đã dạy: “Nước bốn biển trong đại dương chỉ có một “vị mặn”, cũng vậy, giáo pháp của Ta chỉ có một “vị giải thoát”. Giáo dục Phật giáo chỉ rõ con người xã hội trong mối tương quan biện chứng hai chiều giữa cá nhân và xã hội, tạo thành động lực giữa xã hội hỗ tương và phát triển. Tức là nền giáo dục trong đó bao gồm sự phát triển tâm linh, sự quan hệ huyết thống và sự quan hệ xã hội trong những chuẩn mực nhất định. Giáo dục con người cá nhân là nhắm vào các đặc tính sẵn có và đánh thức những gì tiềm ẩn trong con người trỗi dậy, nhằm đưa mọi người đến chỗ giải thoát mọi khổ đau, nhưng giáo pháp của Đức Phật có phân biệt từng trường hợp, từng hoàn cảnh, tùy theo căn cơ của từng chúng sinh mà hướng dẫn từng cá nhân đi theo những con đường nhanh hay chậm, trực tiếp hay gián tiếp. Giáo dục Phật giáo hướng đến giúp con người biết phát triển tâm linh cao thượng, biết nuôi dưỡng tinh thần độc lập tự do, tự chủ và tự do sáng tạo. Xây dựng con người hữu ích, hạnh phúc, có nhân cách tốt, con người chân thiện mỹ, có một đời sống trọn vẹn hạnh đức, tâm đức và tuệ đức để con người đó có thể góp phần xây dựng một nếp sống tốt đạo, đẹp đời và xây dựng một nền

văn hóa văn minh cho nhân loại. Đào tạo những con người có kiến thức sống động, những tâm tư mới lạ, sáng suốt, có tính sáng tạo, biết khơi dậy và đánh thức những hạt giống hạnh phúc và giác ngộ nơi tự thân, những con người có tấm lòng tương trợ, tương thân, tương ái, tương kính, có tình yêu nhân loại. Như vậy, giá trị của giáo dục Phật giáo là hướng đến sự phát triển toàn diện của con người qua các mặt của đời sống, đặc biệt là tâm thức, nhằm kiến tạo một đời sống trí tuệ và hạnh phúc thật sự ngay tại con người này và trong cuộc đời này, nhắm đến mục tiêu đặc biệt giúp con người có hạnh phúc đích thực, biết tu tập, chuyển hóa tham, sân, si; biết thanh lọc ác pháp tham, sân, si thành thiện pháp vô tham, vô sân, vô si; biết chuyển hóa phiền não thành bồ đề; biết vun trồng và tưới ẩm những hạt giống chính niệm ở trong tâm thức của mỗi con người. Về phương pháp giáo dục: Giáo dục Phật giáo nhằm hoàn thiện con người, con người là một chúng sinh có khả năng thành Phật. Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Phật giáo khu- yên con người phát huy tính tự lực, tự thân, nỗ lực hoàn thiện mình trên lộ trình giải thoát. Phương pháp giáo dục là lĩnh vực hoạt động của khoa học giáo dục về việc giảng dạy và học tập, tổ chức các phương tiện giáo dục, soạn thảo các chương trình giáo dục, giáo hóa và truyền bá chánh pháp, nhằm đáp ứng với mọi trình độ căn cơ của chúng sinh, với sự thật, lẽ phải, thực tế, với các nhu cầu lý luận, với các nhu cầu thời đại và hoàn cảnh xã hội. Như vậy, phương pháp giáo dục trong Phật giáo là phương pháp kinh nghiệm, phương pháp giáo dục từ kinh nghiệm

thực tế. Trong giai đoạn đầu tổ chức, giáo dục Phật giáo nhắm đối tượng là tu sĩ, nhưng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của dân cư thì cho đến nay, nền giáo dục Phật giáo đã mở rộng hơn, bên cạnh các hệ thống giáo dục Phật giáo được đào tạo từ cấp tiểu học, trung học, sơ cấp và đại học Phật giáo cho các tu sĩ thì còn có các khóa tu, khóa thiền cho tất cả mọi người. Phương pháp giáo dục Phật giáo cần phải đáp ứng được mục

đích của từng nhóm đối tượng. Như đối với người bình thường các tỳ kheo cũng ra sức giảng pháp, đem tinh thần Phật giáo để truyền đạt cho mọi người mà không cần hệ thống tổ chức đầy đủ, giáo trình và môn học nghiêm ngặt như giáo dục cho các tu sĩ. Phương pháp soạn thảo chương trình, tổ chức học tập bằng phương pháp soạn thảo chương trình và tổ chức học tập, việc giáo dục Phật giáo đã phát triển rất sâu rộng trong tất cả mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là thế hệ thanh niên, học sinh, sinh viên. Ngày nay, chương trình giáo dục của Phật giáo đang bước vào một thời đại mới, thời đại hòa nhập xã hội thông tin. Ở đó, cái chậm chạp, thụ động, khép kín phải nhường chỗ cho cái nhạy bén, sáng tạo, cởi mở. Con người phải hòa nhập vào cuộc sống, vào xã hội như một mạng lưới đan xen vào nhau và phủ trùm lên mọi ngõ ngách nhận thức. Phật giáo là tôn giáo có thiết chế mang đậm tính tương tác với xã hội. 2.2. Nội dung giáo dục đạo đức của Phật giáo Thích nghi với xã hội là cái cần thiết cho Phật giáo ngày hôm nay nói chung và nội dung trong chương trình giáo dục của Phật giáo nói riêng theo chiều hướng thích nghi, để định hướng phát triển cho mỗi một thành viên trong cộng đồng. Trong đó, bộ phận giới trẻ luôn là những đối tượng mà chương trình giáo dục của Phật giáo hướng đến. Chính vì vậy, việc soạn thảo chương trình giáo dục của Phật giáo phù hợp với nhiều lứa tuổi. 30 người trở thành mẫu mực, đạo đức, an lạc và hạnh phúc. Những giáo lý đó là nền giáo dục đặc thù của Phật giáo được Đức Phật truyền đạt cách đây đã trên 2.500 năm và đến nay vẫn còn nguyên giá trị và rất thiết thực. Đức Phật dạy: “Các ngươi phải siêng năng tu tập các điều thiện mà được mạng sống lâu dài, nhan sắc thắm tươi, sống yên ổn, vui vẻ, của cải dồi dào, uy tín đầy đủ”. Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm”5. Trong quá trình tu tập và bảo vệ sự sống của muôn loài, con người phải hiểu rõ về lòng từ bi.

5. Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập IV, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, tr.39.

Thứ nhất, xây dựng các mối quan hệ bình đẳng, khoan dung, tôn trọng lẫn nhau trong gia đình, xã hội. Đức Phật Thích Ca là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đấu tranh cho tự do và công bằng xã hội, cho bình đẳng giữa các giai cấp và giữa con người với con người trong xã hội. Tư tưởng bình đẳng trong Phật giáo được đề cao. Phật giáo cho rằng mọi người đều như nhau, mọi người đều bình đẳng, phải yêu thương lẫn nhau. Hãy nhìn thế giới xung quanh bằng ánh mắt vị tha hơn, bao dung hơn. Với tâm từ bi,

với lòng yêu thương con người, Phật giáo đã phá đi hàng rào ngăn cách vô nhân đạo giữa con người với con người. Phật giáo không tách rời lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội mà nhấn mạnh đồng thời, lợi ích cá nhân và xã hội phải đi cùng để tạo ra một sự hạnh phúc cho nhân loại. Triết lý này của Phật giáo có thể bắt gặp trong năm giới, chuẩn mực nền tảng đạo đức của Phật giáo. Con người nên tuân giữ năm giới để làm cho cuộc sống không bị tổn hại, không vi phạm pháp luật quốc gia, vì lợi ích cá nhân và lợi ích cho cả xã hội. Phật giáo muốn đem lại cho các tín đồ của mình một triết lí sống vị tha, nhân bản. Khi đã thấu suốt được chân lý này, con người sẽ vươn lên khỏi cuộc sống vị kỉ mà sống theo tinh thần "Từ bi, hỷ, xả, vô ngã, vị tha", có tinh thần nhân ái, yêu thương mọi người, thông cảm sâu sắc với những nỗi đau khổ của người khác như nỗi đau khổ của chính mình, tìm cách giảm nhẹ nỗi đau khổ cho họ, thành thực chia sẻ niềm vui với người khác như chính là niềm vui của mình, làm tất cả mọi việc có ích cho mọi người mà trong tâm không một chút đắn đo tính toán, không mong được báo đáp, không vị lợi, không cầu danh. "Chính mệnh" trong Bát chính đạo của Phật giáo còn có nghĩa là biết làm chủ cuộc sống, không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc. Biết chăm lo cuộc sống của người thân, quyến thuộc, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau. Đức Phật dạy rằng các cư sĩ sống bình thường ở gia đình có 4 điều lạc thú: (1) được hưởng cảm giác an toàn do có của cải và cơ sở kinh tế có được bằng phương pháp chính đáng; (2) có thể khảng khái sử dụng của cải ấy cho mình, cho người nhà và cho bạn hữu, đồng thời dùng nó đề làm nhiều việc từ thiện; (3) không bị khổ sở vì nợ nần; (4) có thể sống cuộc đời thanh tịnh,

không lỗi lầm. Đạo Phật đã chỉ dẫn cho con người cần đào luyện một số đức tính của một tình thương chân chính với những tình cảm trong sáng tốt đẹp và đầy tình người: không thể giẫm đạp lên hạnh phúc của người khác để xây dựng hạnh phúc cho riêng mình, phải sống một cách chân chính, bằng chính sức lực và mồ hôi của mình, và, cuộc sống đầy rẫy đau khổ, không nên gây thêm đau khổ cho người khác mà phải đến với mọi người với hạnh "bố thí", với tình thương yêu, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau vượt qua những khó khăn đầy rẫy trong cuộc sống. Thứ hai, giáo dục đạo đức môi trường là nhằm giúp con người hiểu rõ được môi trường, tham gia cải thiện môi trường. Môi trường tốt thì con người khỏe mạnh, phát triển tốt, môi trường xấu thì con người bị đối mặt với bệnh tật, thiên tai… Giáo dục môi trường là giáo dục ý thức thức tỉnh con người phải có trách nhiệm tự bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường tức là bảo vệ chính mình. Môi trường là nơi cho mọi loài sinh sống và tồn tại, trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển như hiện nay, dưới sự tác động của rất nhiều khí thải công nghiệp, nạn chặt phá rừng… môi trường đã bị biến đổi, bị tổn hại rất nghiêm trọng. Vì thế, giáo dục Phật giáo cũng hướng con người đến việc bảo vệ môi trường làm cho cuộc sống muôn loài được bình yên. Đức Phật khuyên con người nên thực hành giáo lý Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) vào trong đời sống hàng ngày. Tu tập lòng từ để đối trị lòng sân, tu tập lòng từ bi để không hại người hại vật, tu tập lòng hỷ để trừ diệt lòng ganh ghét và tu tập hạnh xả để đoạn diệt hận thù. Từ và bi là tâm thương yêu tất cả chúng sinh muôn loài như loài thủy tộc, chim bay, thú chạy, côn trùng, cỏ cây, rừng núi, sông ngòi, biển… Hỷ

và xả là tâm vui vẻ và vô chấp. Cái tâm bình đẳng, đồng nhất, hài hòa với thiên nhiên. Từ, bi, hỷ, xả là nguồn năng lượng vô biên, nó giúp con người có thể xây dựng được môi trường tốt đẹp, an bình và hạnh phúc giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Chúng ta đến với môi trường thiên nhiên như con ong đến với hoa, chỉ hút nhụy rồi đi chứ không làm tổn thương hương sắc của hoa. Kinh Pháp cú kệ số 49 ghi: "Như ong đến với hoa Không hại sắc và hương Che chở hoa,

lấy nhụy Bậc Thánh đi vào làng". Môi trường tốt là môi trường trong đó đất, nước, không khí không bị ô nhiễm, muôn thú tồn tại, trăm hoa đua nở, cỏ cây rừng núi xanh tươi, tăng chúng và Phật tử tu học nghiêm túc để đem lại niềm an lạc hạnh phúc cho mình, cho xã hội. Với tinh thần Từ bi, đạo Phật đem lại cho con người tình thương yêu muôn loài, không được hủy diệt cuộc sống thì quyền sống của thú vật và cây cỏ cũng được tôn trọng như con người. Trong thuyết "Thập Nhị Nhân Duyên", yếu tố Danh sắc có nghĩa là thân thể. Đạo Phật tán dương một nếp sống hài hòa với thiên nhiên hài hòa với loài người, tán thán lòng từ bi, khích lệ thương người thương vật, đề cao hạnh thiểu dục, tri túc, sống đời sống lành mạnh và giản dị, với mục đích xây dựng một môi trường sống xanh và sạch. Đây là cơ sở để thiết lập nền hòa bình cho nhân loại. Từ quan điểm sống hài hòa với thiên nhiên mà Đức Phật đã thực thi, chúng ta cần rút ra những bài học, biện pháp xây dựng một môi trường sống hạnh phúc thật sự. Quan điểm giáo dục của Phật giáo về thái độ sống bảo vệ môi sinh trong điều kiện hiện nay là: (1) Giáo dục con người nhận thức rõ con người có mối liên hệ mật thiết với thiên nhiên và môi trường sống. Học thuyết Duyên khởi của Phật giáo chỉ ra rằng không ai có thể sống một mình mà không có sự liên hệ với một cá nhân, cộng đồng, xã hội, với môi trường sống. Con người là tập hợp Ngũ uẩn và có một mối liên chặt chẽ với thiên nhiên, vì thế hãy tự nguyện sống hòa mình vào thiên nhiên, trên hết là tự nguyện bảo vệ môi sinh là bảo vệ nền hòa bình cho nhân loại; (2) Dựa vào thành tựu khoa học để giải thích sự ô nhiễm môi sinh là do thiếu ý thức bảo vệ môi sinh, khai thác tài nguyên thiên nhiên để chạy theo lợi nhuận kinh tế thị trường; (3) Giáo dục mọi người thực hành nếp sống trên nền tảng đạo đức Phật giáo là hướng thiện, tôn trọng sự sống, thực thi hạnh từ bi hỷ xả. Vì thế, mọi người hãy sống gần thiên nhiên, yêu thiên nhiên là yêu sự sống của chính mình và của cộng đồng; (4) Nhận thức mọi ham muốn của bất cứ ai về sự mong cầu hưởng lợi lộc từ việc khai thác các nguồn năng lượng dự trữ của thiên nhiên vô ý thức để trục lợi làm giàu thì sẽ bị thiên nhiên trừng phạt vì đã phá vỡ sự mất cân bằng về sinh thái, gây ra khổ đau cho con người.

Có biện pháp cụ thể, thiết thực không chỉ dựa trên văn bản của luật bảo vệ môi sinh, hay trông chờ vào thành tựu của ngành khoa học của môi sinh mà trên hết vẫn là thực hành nếp sống yêu thiên nhiên, hài hòa với thiên nhiên, tôn kính thiên nhiên để tự nguyện bảo vệ hành tinh quý giá này. Thứ ba, giáo dục lối sống lành mạnh, tích cực, hướng đến hạnh phúc, an lạc. Phật giáo khuyên con người sống ở đời phải nhớ "Tứ ân"

là bốn ơn lớn: ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn quốc gia, ơn Tam bảo. Công lao sinh thành, nuôi nấng, dạy bảo của cha mẹ cả đời mỗi người cũng không thể đền đáp hết. Giáo dục Phật giáo hướng: con người phải hiếu hạnh, luôn biết cung kính cha mẹ, vâng lời và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ. Ơn thầy bạn, vì đó là những người đem đến cho ta những tri thức để ta trưởng thành, khôn lớn, có đạo đức, chúng ta phải siêng năng học hành, lễ phép, chân thành, kính thầy mến bạn. Ơn Tổ quốc, vì nhờ đó ta có được cuộc sống bình an. Ơn Tam bảo, là ơn Đức Phật đã xây dựng nên một học thuyết đạo đức với những điều Giới luật khuyên răn con người sống vì lòng từ bi, bình đẳng, luôn tu dưỡng rèn luyện đạo đức và hoàn thiện nhân cách. Có nhận định viết rằng: "Làm người ở đời, được sống thành đạt chút gì là nhờ công ơn của ông, bà, cha, mẹ sinh thành, của mọi người, bạn bè thầy cô, của xã hội... Nên những ai muốn thành tựu nhân cách, muốn nhận rõ ý nghĩa của đời sống tương quan không thể không biết đến bốn ân và những phương pháp đền đáp". Là một trong những thành tố tạo nên nền văn hoá dân tộc trong suốt hàng nghìn năm, Phật giáo ngày nay vẫn lưu giữ những giá trị tích cực có thể góp phần xây dựng đạo đức lối sống cho con người Việt Nam. Tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo; lòng từ bi, bác ái góp phần cứu giúp người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ. Giáo lý nhà Phật khuyên con người luôn nhớ đến "đạo hiếu", lấy chữ hiếu làm đầu: "hạnh hiếu là hạnh Phật, tâm hiếu là tâm Phật", "muôn việc ở thế gian không gì hơn công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ"... Đó

là những giá trị tích cực, thiết thực góp phần giáo huấn con người, giúp cho thế hệ trẻ vững bước trước những cám dỗ của cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân bản. Phật giáo khuyên con người giữ ngũ giới, nếu bất cứ ai thực hành các chỉ dẫn này sẽ gặt hái được ích lợi. Trong Ngũ giới, Giới không sát sinh với ý nghĩa giáo dục con người không sát hại loài vật, không tự mình giết, không bảo người giết, không chấp nhận, không tán thành người giết trong tâm thức hay trong cách sống, có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sống và sự sống của muôn loài trong đó có con người, con vật, thực vật... Tôn trọng và bảo vệ đời sống của mọi loài là động lực hữu ích nhất và thiết thực nhất để tôn trọng và bảo vệ đời sống của chính bản thân mình. Giữ giới không sát sinh có nghĩa là phải biết quý trọng, bảo vệ, làm phong phú và nâng cao giá trị sự sống của muôn loài trong mọi hình thức, là phải xây dựng cho mình một nếp sống đạo đức, một nếp sống từ, bi, hỷ, xả từ trong thâm tâm thì con người mới thực sự xây dựng một gia đình hạnh phúc, xã hội an bình và thịnh vượng. Hạnh phúc theo quan niệm của Phật giáo là con người phải biết quay về với đời sống tinh thần tu tập, diệt trừ mọi phiền não để tâm hồn thanh tịnh, an lạc ngay trong kiếp sống hiện tại, là con người biết quay về với đời sống tâm linh cao cả, đó là phần tinh túy nhất của con người, được sống quay về với chính mình và hiện tại. Hạnh phúc mà Phật muốn dạy con người chính là đạt đến cảnh giới Niết bàn tại tâm. Có thể nói, đến với giáo dục Phật giáo là đến với con đường và phương pháp đạt được cuộc

sống hạnh phúc trong đời này và đời sau. Ngay từ khi mới du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã được quần chúng nhân dân đón nhận một cách nồng nhiệt bởi tư tưởng của Phật giáo rất gần gũi với văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Cùng với chiều dài lịch sử dân tộc, những giá trị đạo đức Phật giáo như: tinh thần đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, rất gần gũi với tâm tư, tình cảm của người dân Việt Nam. Tư tưởng "từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn" của nhà Phật đã hòa quyện với tư tưởng yêu nước,

nhân nghĩa của Việt Nam. Trong suốt quá trình tồn tại, đạo Phật đã không ngừng truyền bá các giáo lý và tư tưởng đạo đức của mình. Sự truyền bá đó không chỉ có ảnh hưởng đến các Phật tử, mà còn có ảnh hưởng rộng rãi đến quần chúng nhân dân. 2.3. Vận dụng giáo dục đạo đức Phật giáo trong việc giáo dục đạo đức, lối sống sinh viên ở các trường đại học hiện nay Trong xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học kỹ thuật đã, đang và sẽ ngày càng tiến bộ, nền kinh tế của nhân loại sẽ ngày càng phát triển theo xu thế văn minh, hiện đại. Theo đó, đạo đức và lối sống của con người cũng cần phải biến đổi để phù hợp với hoàn cảnh sống mới, nhưng biến đổi, đạo đức và lối sống của con người luôn phải dựa trên các chuẩn mực của những giá trị nhân bản truyền thống và "không thể tách rời đạo đức khỏi những quy tắc tôn giáo" như cựu tổng thống Nga V. Putin đã nói. Rõ ràng bất cứ tôn giáo nào ngoài hệ thống những giá trị đặc thù để bảo vệ niềm tin tôn giáo, còn có những chuẩn mực đạo đức mang tính nhân bản sâu sắc, như sống hiếu thảo với cha mẹ, trung thực, nhân ái, hướng thiện… Vì vậy, việc giáo dục đạo đức lối sống trước đây và hôm nay không thể tách rời khỏi đạo đức và lối sống của tôn giáo, nhất là Phật giáo. Điều đó có nghĩa là chúng ta cần phải có những giải pháp để phát huy hơn nữa những giá trị đạo đức tốt đẹp của tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng trong việc xây dựng nhân cách đạo đức lối sống cho sinh viên Việt Nam – những chủ nhân của tương lai. Thứ nhất, về mặt nhận thức, nên xem tư tưởng Phật giáo về giáo dục và giáo dục đạo đức là một trong những tư tưởng giáo dục tiến bộ trong lịch sử nhân loại. Ở Việt Nam tư tưởng chính thống là chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những tư tưởng này không chỉ có ý nghĩa trong đời sống chính trị - xã hội mà còn được vận dụng và mang lại nhiều hiệu quả tích cực trong lĩnh vực giáo dục. Tuy nhiên, giáo dục đại học cần phải vận dụng nhiều phương thức giáo dục khác nhau nhằm đạt đến những giá trị cao nhất của con người, nhất là giáo dục

về đạo đức, lối sống. Nghĩa là, chúng ta cần phải tìm kiếm và vận dụng những tư tưởng giáo dục tiến bộ vốn có trong lịch sử giáo dục của nhân loại từ phương Đông sang phương Tây có ý nghĩa giáo dục góp phần đem lại cho con người một cuộc sống chân – thiện – mỹ thực sự… Phật giáo hàm chứa nhiều giá trị quí báu về giáo dục nhân cách sống cho con người, đó là điều đã được khẳng định. Hơn nữa, Phật giáo có ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống văn hóa tinh thần của người Việt và là cái dễ đi vào nơi sâu thẳm nhất của lòng người và lưu lại đó một cách bền vững. Có thể nói, Phật giáo thế giới

cũng như Phật giáo Việt Nam đều nhằm giáo dục và xây dựng con người thành những người có ích, vì thế nó cũng có thể phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giáo dục đại học Việt Nam hiện nay, nhất là đối với việc giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên. Thứ hai, kết hợp tư tưởng Phật giáo với các tư tưởng khác để tuyên truyền và giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trong giảng dạy cũng như các hoạt động giáo dục khác. Tư tưởng về con người và cuộc sống của con người, đó là vấn đề "khổ" và "cứu khổ" bằng "Bát chánh đạo và Tam học", được thể hiện rõ nét trong học thuyết Tứ diệu đế. Tuy vậy, để sinh viên quan tâm và thực hành những lời dạy tốt đẹp của Đức Phật về cách làm người thì việc cố vấn, chỉ dẫn và định hướng của các thầy giáo, cô giáo và những người làm công tác giáo dục là rất cần thiết. Để làm được điều này, người dạy cần phải có những hiểu biết và nhận thức nhất định về Phật giáo nói chung và giá trị về đạo đức, lối sống của Phật giáo nói riêng; quan trọng hơn, họ phải biết cách lồng ghép, đưa vào một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, hợp lý, hợp tình những tư tưởng đó vào các tiết dạy, những bài nói chuyện, những buổi hoạt động ngoại khóa, những lời căn dặn, khuyên bảo về kỹ năng, cách sống… cho sinh viên. Thứ ba, khuyến khích sinh viên tìm về những giá trị đạo đức tốt đẹp của nhân loại được chứa đựng trong các tôn giáo, đặc biệt là "Bát chánh đạo" và "Tam học" của Phật giáo Ngày nay, từ phương Tây cho đến phương Đông, giáo dục thường nhắm đến hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội, do vậy thường nghiêng về giáo dục những tri

thức về khoa học kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp cho người học mà coi nhẹ việc phổ biến những giá trị đạo đức cho họ. Trong khi đó, giáo dục ở nhiều nơi đều nhấn mạnh phải phát triển toàn diện cho người học. Trong thực tế, giáo dục nhân cách sống cho người học là một việc vô cùng quan trọng nhưng không hề đơn giản, thậm chí còn khó khăn hơn rất nhiều lần so với việc trang bị về tri thức, kỹ năng. Thứ tư, giáo dục nhà trường cần phải kết hợp với các tổ chức xã hội, với các cơ sở tôn giáo (trong đó có Phật giáo) trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh – sinh viên. Thiết nghĩ, những sự kết hợp này sẽ không những làm đa dạng, phong phú hoạt động giáo dục mà còn tận dụng và phát huy được các ưu thế của những tổ chức xã hội, cơ sở tôn giáo vào việc giáo dục đạo đức, lối sống cho người học. Thứ năm, sinh viên tự ý thức tầm quan trọng của việc rèn luyện nhân cách sống và khuyến khích họ chủ động tìm về những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc, giá trị đạo đức, lối sống của Phật giáo… Các thầy cô gợi ý, động viên, khuyến khích cho sinh viên, phải để sinh viên tự nguyện, lựa chọn, tự "chiêm nghiệm", tự "tu tập" tư tưởng đạo đức Phật giáo hay bất kỳ một giá trị đạo đức tốt đẹp nào khác mà họ thấy phù hợp và yêu thích. 3. KẾT LUẬN Giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên các trường đại học hiện nay ở Việt Nam là một nội dung cơ bản, thường xuyên, nhưng trong từng giai đoạn cụ thể thì giáo dục cần phải vận dụng những tư tưởng, phương thức giáo dục phù hợp thì mới có thể mang lại hiệu quả. Trong giai đoạn hiện nay, đất nước đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tồn tại nhiều phong tục, tập quán, quan điểm lỗi thời. Bên cạnh đó, tiếp nhận cái tiến bộ, cái mới của sự hội nhập quốc tế. Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra cho chúng ta cơ hội mới và thách thức không nhỏ, ảnh hưởng đến môi trường giáo

dục đại học có những thay đổi phù hợp. Giáo dục đạo đức cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay là hết sức quan trọng.

VẬN DỤNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC 499

Vận dụng tư tưởng Phật giáo có thể mang lại những hiệu quả tích cực trước mắt và lâu dài cho việc giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên ở Việt Nam trong thời đại hiện nay, bởi Phật giáo "sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể, gồm mọi phương diện trên, trong cái nhất thể đầy ý nghĩa"6.

***

500 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Tài liệu tham khảo Daisets Teitaro Suzuki (2000), (người soạn dịch: Thuần Bạch), Thiền, Nxb. TP. Hồ Chí Minh. Thích Minh Châu (1972), Trường Bộ Kinh (Digha-Nikaya), Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1998), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. Văn tuyển (2004), Lịch sử tư tưởng Việt Nam, t.2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (Nhiều tác giả), "Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại", Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2001. Giáo dục Việt Nam trước yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 - Nam-truoc-yeu-cau-cua-cach-mang-cong-nghiep-40/308970. vgp. PGS. TS. Nguyễn Cúc (2017), "Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam và gợi ý chính sách cho Việt Nam", Học viện Chính trị khu vực I – Báo điện tử baomoi.com, ngày 27/8/2017. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam và gợi ý chính sách cho Việt Nam, Báo điện tử baomoi.com.vn, ngày 27/08/2017.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO THANH NIÊN HIỆN NAY TS. Nguyễn Thị Liên*

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và đã trở thành một phần trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam. Với triết lý từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn..., Phật giáo đã dễ dàng đi vào lòng người, hướng con người đến lối sống vị tha, bình đẳng, khoan dung. Triết lý Phật giáo phù hợp với tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam và đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong sự nghiệp đào tạo con người, việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ chiếm một vị trí rất quan trọng. Những giá trị tích cực, thiết thực của Phật giáo đã góp phần giáo dục thế hệ trẻ vững bước trước những cám dỗ của cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân bản. Có thể nói, đến với giáo dục Phật giáo là đến với con đường và phương pháp đạt được cuộc sống hạnh phúc, an lạc trước những biến đổi trong đời sống xã hội hiện nay. 1. GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VÀ XU HƯỚNG THẾ TỤC Ở VIỆT NAM 1.1. Giáo dục Phật giáo Việt Nam - công tác tổ chức và đào tạo hiện nay Không phải ngẫu nhiên ngày nay, Phật giáo

được nhân loại tôn

*. Tiến sĩ Lịch sử, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

vinh là một trong những tôn giáo có một triết lý sống nhân văn và thiết thực nhất. Đạo Phật là tôn giáo xuất phát từ hiện thực con người và vì con người, nhằm hướng con người đi đến hạnh phúc an lạc. Sở dĩ được tôn vinh như vậy là do toàn bộ giáo lý của Đức Phật thể hiện một nếp sống đạo đức với những đặc trưng riêng biệt, nổi bật mà khi chúng ta trải nghiệm sẽ nhận được các giá trị hạnh phúc. Trong quá trình phát triển tại Việt Nam, đạo Phật không chỉ đơn thuần truyền tải niềm tin của con người mà còn có vai trò góp phần duy trì đạo đức xã hội vì thế có thể xem nó như một phần tài sản văn hóa dân tộc. Ngoài những điểm phù hợp với tình cảm đạo đức của con người, giáo dục Phật giáo còn thực hiện thông qua tình cảm, tín ngưỡng, niềm tin vào giáo lý. Do đó, giáo dục Phật giáo được người Việt tiếp thu, tạo thành đức tin thiêng liêng bên trong và chi phối hành vi ứng xử của quần chúng trong các quan hệ cộng đồng. Cùng với việc truyền đạt các tư tưởng đạo đức, giáo lý, Phật giáo còn tích cực đào tạo một đội ngũ trí thức. Chính đội ngũ trí thức tôn giáo này làm nòng cốt trong việc bảo tồn và phát triển đạo Phật, đồng thời làm phong phú thêm hệ thống tri thức đạo đức Phật giáo ở Việt Nam thông qua việc dịch kinh sách nhà Phật, truyền đạt, giảng dạy những tri thức đạo đức Phật giáo mới tạo điều kiện, cơ sở cho việc hình thành những quan niệm sống tích cực, nhân văn. Kể từ ngày thống nhất Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nền giáo dục Phật giáo đã và đang trên đà phát triển cùng với xu hướng hội nhập của đất nước, Phật giáo Việt Nam cũng có những bước phát triển khá toàn diện trên mọi lĩnh vực, trong đó hệ thống giáo dục Phật giáo phát triển phải kể đến như Phật giáo Việt Nam đã có 3 Học viện Phật giáo Bắc tông, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer. Hệ thống giáo dục các cấp đang từng bước được hoàn thiện, cả nước có chương trình giáo dục, nội dung giáo dục cũng đi vào giai đoạn hoàn chỉnh, số lượng tăng ni, cư sĩ tham gia ngày càng đông đảo. Nhằm đào tạo một thế hệ Tăng ni trẻ có trình độ về Phật học và thế học, chương trình giáo dục và đào tạo Tăng ni luôn được

Giáo hội quan tâm đặc biệt. Giáo hội thường xuyên tổ chức các buổi làm việc, trao đổi với các Học viện Phật giáo Việt Nam, các trường Trung cấp Phật học và các lớp Cao đẳng Phật học, để nắm tình hình sinh hoạt tại các điểm trường, hướng dẫn và giải quyết các vấn đề phát sinh; trao đổi, thảo luận việc thực hiện cải cách giáo dục các cấp; tổ chức biên soạn sách giáo trình và các buổi Hội thảo về giáo dục Phật giáo. Để phát triển, nâng cao hệ thống giáo dục đào tạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, theo đề nghị của Ban thường trực Hội đồng Trị sự, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Trung ương Giáo hội mở thí điểm đào tạo thạc sĩ (MA) chuyên ngành Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh. Sau gần 5 năm thực hiện thí điểm, đã có 19 Tăng ni sinh tốt nghiệp MA và 45 Tăng ni sinh đang bảo vệ luận văn tốt nghiệp và đã

chiêu sinh khóa II. Ngày 22/8/2017, tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội đã diễn ra Hội nghị để đánh giá việc đào tạo thí điểm thạc sĩ tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh với sự tham dự của Trung ương Giáo hội, 04 Học viện Phật giáo Việt Nam và các Bộ ngành Trung ương có liên quan. Sau khi thảo luận và đánh giá, các Bộ ban ngành của Chính phủ đã chấp nhận chủ trương cho Giáo hội chính thức đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ Phật học tại 04 Học viện Phật giáo Việt Nam. Đây được đánh giá là bước tiến lớn trong Giáo dục Phật giáo bởi nó đánh dấu sự phát triển của giáo dục Phật giáo Việt Nam sánh vai với bạn bè thế giới đồng thời có những bước tiến lớn đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc.1 Trong thời gian 2012 - 2017, đã có 2.460 Tăng ni sinh tốt nghiệp cử nhân Phật học hệ chính quy; 156 cử nhân Phật học hệ đào tạo từ xa; đang đào tạo 1.655 Tăng ni sinh hệ chính qui; 680 sinh viên hệ đào tạo từ xa ; Học viện Phật giáo Nam tông Khmer có 30 Tăng sinh tốt nghiệp cử nhân Phật học khóa II, đang đào tạo khóa III và IV. Ngoài ra, các Học viện Phật giáo trong toàn quốc còn liên kết

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, Hà Nội, 2017, tr. 24,

với các trường mở các lớp Hán Nôm, lớp Sư phạm mầm non, Tôn giáo học để các Tăng ni đủ điều kiện theo học. Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ Phật học: Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh: 108 học viên đã và đang chuẩn bị thực hiện đề cương Luận văn thạc sĩ Phật học khóa I (2017 - 2019). 04 học viên đủ điều kiện làm nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; Đã có 59 học viên trúng tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ khóa I Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; 54 thí sinh trúng tuyển khóa II (2018 - 2022) thạc sĩ Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình đào tạo cử nhân Phật học: Năm 2018, có 632 Tăng ni sinh tốt nghiệp cử nhân Phật học; Đang đào tạo: 2.075 Tăng ni sinh; 08 lớp cao đẳng Phật học đã tốt nghiệp và đang đào tạo 679 Tăng ni sinh cao đẳng Phật học; 5.446 Tăng ni sinh hệ trung cấp Phật học; trên 1.500 Tăng ni sinh theo học các lớp sơ cấp Phật học tại các tỉnh, thành.2 Ngoài ra, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh liên kết tổ chức đào tạo cử nhân Sư phạm mầm non khóa I (2015 - 2019), với 66 sinh viên; đào tạo 03 khóa (2015 - 2019; 2017 - 2021; 2018 - 2022) về môn Y học Cổ truyền cơ bản với tổng số 358 Tăng ni theo học.3 Do tính đặc thù của Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer, chương trình giáo dục đào tạo dành cho Hệ phái đều có sự quan tâm hỗ trợ của các cấp. Phật giáo Nam tông khmer đã tổ chức các lớp dạy Vini, Pàli Khmer ngữ và bổ túc văn hóa cấp 1, 2, 3; mở lớp dạy Anh văn, tin học cho chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer. Nhiều chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer theo học các trường đại học, cao đẳng với các ngành như: Luật, công nghệ thông tin, kế toán, du lịch, Anh văn, Chính trị, điêu khắc gỗ và 75 chư Tăng đang du học tại các

2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Báo cáo Tổng kết hoạt động Phật sự năm 2018 của Hội đồng Trị sự - Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 01/2019. 3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Báo cáo Tổng kết hoạt động Phật sự năm 2018 của Hội đồng Trị sự - Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 01/2019.

nước như Myanmar, Thái Lan, Ấn Độ. Giáo hội tiếp tục ủng hộ và tạo điều kiện cho 250 Tăng ni sinh toàn quốc du học các nước về chương trình cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ Phật học và các chuyên ngành khác. Về công tác giảng dạy và nội dung học tập tại các trường có sự kết hợp hài hòa giữa nội điển và ngoại điển. Thái độ học tập của Tăng ni sinh nghiêm túc, chuyên cần. Nề nếp sinh hoạt của nhà trường cũng như đời sống tu học của Tăng ni sinh luôn được Ban Giám hiệu và Ban Trị sự quan tâm giúp đỡ và nâng cao.4 1.2. Giáo dục Phật giáo - xu hướng thế tục đồng hành cùng dân tộc Ngoài việc đào tạo ra đội ngũ trí thức tôn giáo và các chức sắc cho Phật giáo Việt Nam, giáo dục Phật giáo còn có vai trò rất lớn trong việc phát triển đời sống văn hóa tinh thần và tâm linh của con người, góp phần giảm thiểu các hủ tục trong đời sống xã hội của nhân dân thông qua hoạt động của các chùa, khóa tu, các giờ giảng đạo, chương trình từ thiện... Phật giáo đã đi vào tâm thức của hầu hết người dân Việt Nam, lấy chùa làm nơi tu tập, tìm chốn bình yên cho tâm hồn. Mục đích của Phật giáo không phải chỉ đem lại cho Phật tử cảm giác yên ổn, nơi hiện thế mà xa hơn là đem lại sự an lạc miên viễn. Sự an lạc của tâm hồn chan hòa với một xã hội phồn vinh, thực hiện phương châm tốt đời, đẹp đạo. Đạo Phật còn chỉ ra phương pháp, con đường để đạt tới hạnh phúc, con đường để tạo ra một con người hoàn chỉnh. Thượng tọa Thích Chơn Thiện khi nói về mục tiêu giáo dục Phật giáo cũng có nhận định: “một đường hướng giáo dục tốt luôn luôn nhắm đến hai mục tiêu đó là đào tạo con người xã hội và con người chính nó. Nếu thiếu đi một trong hai mục tiêu ấy là một nền giáo dục không hoàn chỉnh”.5 Hệ thống giáo dục Phật giáo Việt Nam đã từng bước hiện thực hóa mục đích này bằng con đường xã hội hóa, lý tưởng của Phật

4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, Hà Nội, 2017, tr. 24, 5. Dẫn theo Minh Chi, Về những dòng tư tưởng cơ bản ảnh hưởng đến sự hình thành nền văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam. Một số vấn đề về lịch sử tư tưởng Việt Nam, tr. 60, Viện Triết học, Hà Nội, 1984.

Pháp là làm cho chúng sinh đều được giác ngộ, tức là đưa đạo Phật vào đời, thực hiện thông điệp cứu khổ của Đức Phật đến với từng cá nhân, từng nhóm người, từng tập thể, tiến đến việc phổ biến cho quảng đại quần chúng. Đạo Phật truyền đến nước ta vào khoảng những năm đầu công nguyên và đã trở thành một trong những hệ tư tưởng tôn giáo có sức sống lâu dài và có ảnh hưởng khá sâu rộng trong đời sống văn hóa - xã hội ở Việt Nam. Cùng với sự phát triển của xã hội, Phật giáo đang có xu hướng thế tục hóa, ngày càng có sự thay đổi để thích ứng với điều kiện xã hội mới. Những sinh hoạt Phật giáo theo hướng văn hóa với những giá trị nhân văn đích thực phù hợp với công cuộc đổi mới đã có tác dụng tích cực trong sự phát triển xã hội. Đạo đức truyền thống Việt Nam thường tập trung vào các quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội trong quá trình bảo vệ nền độc lập dân tộc vì thế chuẩn mực về đạo đức và khái niệm thiện - ác có những điểm khác với phương Tây. Lịch sử Phật giáo Việt Nam

gắn với lịch sử dân tộc Việt Nam, vì thế Phật giáo Việt Nam và những chuẩn mực đạo đức Phật giáo là một bộ phận quan trọng của di sản đạo đức và văn hóa quí báu của dân tộc. Trải qua bao bước thăng trầm lịch sử, Phật giáo Việt Nam luôn sát cánh với dân tộc, hòa nhập vào dân tộc như nước với sữa đúng như thi sĩ Hồ Dzếnh viết: "Trang sử Phật, đồng thời là trang sử Việt, trải qua bao độ hưng suy, có nguy mà chẳng mất". Khi Đức Phật răn dạy: "này các Tỷ kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự dứt khổ".6 Lời dạy của Đức Phật đều hướng đến mục đích duy nhất là cứu khổ độ sanh. Đức Phật lại khuyên các đệ tử xuất gia: "Hãy tu hành vì hạnh phúc của quần sanh, vì an lạc cho quần sanh, vì lòng thương tưởng cho đòi, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và loài người".7 Một lời dạy liên hệ giữa đạo đức và hạnh

6. Kinh Kim Cương, (Người dịch: Thích Duy Lực), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 384, 7. Kinh Tương Ưng I, (Người dịch: Thích Minh Châu), trang 128, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, 1972.

phúc cho người và cho chính mình. Đối với Đức Phật, một đời sống có đạo đức là một đời sống có hạnh phúc, một đời sống có hạnh phúc là một đời sống có đạo đức. Nếp sống mà Đức Phật giới thiệu là nếp sống trung đạo, không ham mê dục lạc, không ép xác khổ hạnh. Đó là nếp sống theo năm giới, mười thiện - được các nhà đạo đức học hiện đại đánh giá cao. Nhà nghiên cứu Albert Schweitzer - người Đức đã nhận xét: "Đức Phật đã sáng tạo ra một nền đạo đức nội tâm hoàn thiện nhất, và trong lĩnh vực này, Đức Phật đã nói lên những chân lý đạo đức có giá trị bất hủ, nền đạo đức không phải của riêng đất nước Ấn Độ mà của cả loài người nói chung. Đức Phật là một trong những nhà đạo đức học vĩ đại nhất...".8 Những quy tắc nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội - chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội đó là đạo đức. Nếu nhìn nhận từ khía cạnh đạo đức xã hội truyền thống với những khái niệm cơ bản như thiện và ác, thì tôn giáo Phật giáo có nhiều giá trị đạo đức tương đồng và giữa chúng có sự ảnh hưởng, xâm thấu lẫn nhau.9 Trong điều kiện hiện nay, để thích ứng với xã hội, Phật giáo phải tiếp thu nhiều tư tưởng, quy phạm đạo đức để hoàn thiện quy phạm và giới luật của mình. Phật giáo chú trọng nhiều đến đời sống xã hội hiện thực và đời sống kiếp này. Mục tiêu cứu cánh của Phật giáo có thể thành đạt trong chính kiếp sống này.10 Chú trọng đời sống hiện thực, chủ trương "Phật giáo trần gian" nhưng Phật giáo Việt Nam không hề xa rời ý tưởng tôn giáo "Phật pháp là đời sống, đời sống là Phật pháp".11

8. Thích Minh Châu, Chánh Pháp và hạnh phúc, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 208, 9. Nehru, Phát hiện Ấn Độ, (Người dịch: Phạm Thúy Ba), tập I, Nxb. Văn học, 1990, tr. 119. 10. Naradathela, Đức Phật và Phật Pháp, (Người dịch: Phạm Kim Khánh), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, tr. 9. 11. Tôn giáo và đời sống hiện đại, tập II, Chuyên đề

Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội,

508 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Lục tổ Huệ Năng nói: "... Phật pháp tại thế gian. Bất ly thế gian giác. Ly thế mích Bồ Đề, Kháp như cầu thố giác..." .12 Như vậy, thế tục hóa chính là việc đưa tôn giáo vào đời sống thường ngày, thật sự thể hiện tinh thần gắn bó với cuộc sống con người của các định chế tôn giáo, biến những giáo lý khô cứng hướng đến giải thoát của tôn giáo thành những bài học sống động để có thể áp dụng vào việc xây dựng một xã hội hiền thiện. Với xu hướng thế tục hóa tôn giáo theo quan điểm vừa nêu, ngoài nỗ lực hướng đến một cuộc sống giải thoát dành cho những vị xuất gia đã hoàn toàn từ bỏ cuộc sống thế tục chuyên tâm tu hành, hoạt động Phật giáo còn hướng vào các vấn đề của đời sống xã hội, thể hiện được tinh thần Phật giáo gắn bó với con người và dân tộc, đồng hành cùng đất nước, phát huy được truyền thống yêu nước và tinh thần xây dựng đất nước, tạo được một khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng các lĩnh vực hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo như: nuôi trẻ mồ côi, cứu trợ người tàn tật, ủng hộ người có hoàn cảnh hiểm nghèo, thực hiện nồi cháo tình thương tại bệnh viện, xây dựng nhà tình thương, tham gia cứu trợ cho đồng bào bị lũ lụt, tham gia các dự án tăng cường khả năng đáp ứng của tôn giáo trong hoạt động phòng chống HIV/AIDS...; từ đó, khẳng định thái độ "nhập thế" của hạnh nguyện Bồ - tát trong giáo lý nhà Phật. Nhấn mạnh vai trò của trí tuệ, Phật giáo không ngừng nâng cao trình độ của con người bằng các hoạt động giáo dục, nghiên cứu, xuất bản kinh sách, tạp chí... Cùng với sự phát triển của xã hội, Phật giáo Việt Nam ngày càng gắn bó với đời sống hiện thực bằng nhiều phương thức sinh hoạt và cống hiến cho xã hội trên nhiều lĩnh vực. Vì thế, Phật giáo luôn tìm thấy chỗ đứng của mình trong lòng dân tộc.

1998, tr. 106. 12. Kinh Pháp bảo đàn, Kệ vô tướng (Người dịch: Thích Thiện Hoa), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO THANH NIÊN 509

2. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO Hướng tới thế tục, Phật giáo hết sức chú trọng đến khía cạnh đạo đức xã hội. Trên phương diện đạo đức, Phật pháp là một hệ thống luân lý truyền dạy con đường dẫn đến hạnh phúc, an bình. Tôn giáo này được mệnh danh là con đường chân chính của cuộc sống, một hệ thống đạo đức triết học và một tôn giáo giải thoát và trí tuệ với việc khuyên con người thực hành ba điều chính: Loại bỏ những điều ác; thực hiện các hạnh lành; giữ ý thanh tịnh. Phật giáo ngày càng tỏ ra hấp dẫn đối với không ít bộ phận quần chúng trong xã hội hiện đại. Thế tục hóa của Phật giáo chính là xây dựng nền đạo đức trong xã hội hiện thực để đem lại dấu ấn trong đời sống đạo đức vẫn còn được bảo lưu như một nếp sống, một thói quen suy nghĩ và giao tiếp, hòa nhập vào phạm trù văn hóa dân tộc. Ngay từ khi mới du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã được quần chúng nhân dân đón nhận một cách nồng nhiệt bởi tư tưởng của Phật giáo rất gần gũi với văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc ta. Cùng với chiều dài lịch sử dân tộc, tư tưởng "Từ bi, bác ái, cứu

khổ, cứu nạn" của nhà Phật đã hòa quyện với tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa của Việt Nam. Trong suốt quá trình tồn tại, đạo Phật đã không ngừng truyền bá các giáo lý và tư tưởng đạo đức của mình. Sự truyền bá đó không chỉ có ảnh hưởng đến các Phật tử, mà còn có ảnh hưởng rộng rãi đến quần chúng nhân dân. Giáo dục Phật giáo là để tạo nên một con người tự do, có đạo đức, có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội, điều này còn có ý nghĩa đặc biệt đối với giới trẻ Việt Nam hiện nay. Giáo dục Phật giáo, theo quan điểm của Đức Phật, thể hiện trong Kinh Pháp Cú chương 11 đã chỉ ra 4 nội dung giáo dục cho giới trẻ: - Giáo dục trí tuệ: Giáo dục trí tuệ giúp cho những người trẻ tuổi luôn luôn biết tư duy và hành động một cách đúng đắn. - Giáo dục đạo đức: Nhằm giúp cho người trẻ tuổi biết về các chuẩn mực đạo đức trong xã hội, biết đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

- Giáo dục về sức khỏe: Giúp tuổi trẻ hiểu rõ về bản thân và đóng góp của bản thân cho nhân loại. - Giáo dục thiên hướng nghề nghiệp: Một người trẻ tuổi khi đến tuổi trưởng thành thì phải thông thạo nghề nghiệp để nuôi sống mình và góp phần phụng dưỡng cha mẹ và người thân.13 Giáo dục Phật giáo được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu giáo lý Phật giáo. Qua đó, bồi dưỡng, phát triển con người hoàn thiện hơn về mặt trí thức và tâm thức, để trở thành những con người tốt hơn, có phẩm hạnh và có đạo đức, trở thành những người tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, trở thành những con người có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội. Giáo dục Phật giáo là để phát triển trí tuệ, thấu hiểu bản chất thật sự của các pháp, hiểu được những điều chân thực và có giá trị. Học Phật là đi theo con đường Đức Phật đã dạy để nhận sự chân thật, qua đó loại bỏ những quan điểm sai lầm, trái đạo đức. Ngày nay, trước những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0 đang đến gần, những biến đổi trong đời sống xã hội... thanh niên Việt Nam cần phải giữ cho mình một bản lĩnh chính trị vững vàng, lối sống lành mạnh, nhân ái, biết đoàn kết, yêu thương con người, biết vươn lên làm chủ bản thân. Giáo lý Phật giáo hướng con người hành thiện, nhân ái, bao dung dần đi vào tâm thức con người Việt Nam nói chung, thanh niên Việt Nam nói riêng, góp phần xây dựng cuộc sống phồn vinh, tốt đời đẹp đạo. Giáo dục Phật giáo với rất nhiều giáo lý khuyên răn con người, xây dựng cho họ lối sống lành mạnh. Phật giáo khuyên con người sống ở đời phải nhớ "Tứ ân" là bốn ơn lớn: ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn quốc gia, ơn Tam bảo. Công lao sinh thành, nuôi nấng, dạy bảo của cha mẹ cả đời mỗi người cũng không thể đền đáp hết. Giáo dục Phật giáo hướng lớp trẻ phải hiếu hạnh, luôn biết cung kính cha mẹ, vâng lời và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ, ơn thầy, ơn bạn,

13. Thích Nhật Từ (dịch), Kinh Cú Pháp - 423 Lời vàng của Đức Phật, Nxb. Hồng Đức, 2018.

vì đó là những người đem đến cho ta những tri thức để ta trưởng thành, khôn lớn, có đạo đức. Ơn Tổ quốc, vì nhờ đó ta có được cuộc sống bình an. Ơn Tam bảo, là ơn Đức Phật đã xây dựng nên một học thuyết đạo đức. Những điều Giới luật trên đã góp phần hướng quảng đại quần chúng nói chung, thanh niên nói riêng sống vì lòng từ bi, bình đẳng, luôn tu dưỡng rèn luyện đạo đức và hoàn thiện nhân cách bản thân. Có thể nói, quan niệm về từ bi hỷ xả và làm việc thiện là một trong những quan niệm giá trị nhất của Phật giáo không chỉ giúp con người sống cuộc đời đạo đức, lành mạnh mà còn giúp ngăn ngừa và vượt qua các tệ nạn xã hội, đồng thời nó kích thích con người yêu thương lẫn nhau và làm nhiều việc thiện. Nghiêm túc thực hành các điều hướng thiện như trong kinh Phật răn dạy thì chúng ta sẽ xây dựng được một cộng đồng chia sẻ, đùm bọc nhau trong tình thân ái. Vì thế, Hồ Chủ tịch đã nhận xét: "Tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm". 14 Bên cạnh đó, Phật giáo còn góp phần rèn luyện lối sống kham nhẫn. Đó là những hình thức tu tập kiên nhẫn, vượt qua những cám dỗ của cuộc đời để lòng được thanh cao, tâm hồn được giải thoát. Để đạt được điều đó người tu hành phải kiên nhẫn thực hành Giới - Định - Tuệ. Giới là giới luật mà tín đồ phải tuân theo nhằm không phạm phải lỗi lầm về tư tưởng, lời nói và hành động; Định là thiền định bài trừ tạp niệm; Tuệ là trí tuệ, bài trừ dục vọng, bao gồm văn tuệ (học hành mà có được), tư tuệ (suy nghĩ mà có tuệ), tu tuệ (thực hành mà có tuệ). Muốn đạt được Tam học của Phật giáo, tín đồ Phật tử phải có lối sống kiên nhẫn, chịu đựng, khắc kỷ. Giáo sư Lương Ninh15 đã nhắc đến mặt tích cực này của Phật giáo khi đề cập đến tính cách của người Nhật: "Người Nhật rất thực tế. Họ từng có Nho học, theo Nho giáo không độc tôn mà lưu giữ như một yếu tố có tác dụng giáo dục ý thức bổn phận và sự ứng xử hợp lý, đồng thời

14. Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch (tập 4), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, tr.39. 15. Lương Ninh (2009), Một con đường sử học, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

duy trì yếu tố Thần đạo để giáo dục ý thức phục tùng, võ sĩ đạo để rèn luyện bản thân, tinh thần tự trọng và đề cao Phật giáo để giáo dục tinh thần nhẫn nại, khắc kỷ". Trong cuộc sống hiện đại hôm nay, có không ít người, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên, có lối sống liều lĩnh, bất chấp tất cả, thiếu kiên nhẫn, ít có khả năng chịu đựng, gặp thất bại dễ buông xuôi... thì lối sống khiêm cung, nhẫn nại của Phật giáo càng có ý nghĩa giáo dục tính cách lối sống cho bộ phận này. Ngoài ra, hệ thống Giới luật chặt chẽ, phong phú với nội dung được thể hiện chủ yếu trong Ngũ giới, Giới luật Phật giáo vừa chỉ ra con đường tu tập để thoát khỏi mọi khổ đau trên thế gian này, vừa chỉ ra những lời khuyên răn, khuôn khổ của hành động, phạm vi đạo đức và con đường tu dưỡng, rèn luyện của mỗi người. Bằng tinh thần tự giác, tự nguyện giữ gìn Giới luật, trước những biến động của đời sống, thanh niên Việt Nam sẽ có được lối sống lành mạnh, nhân văn, an lạc. Phật giáo khuyên con người giữ Ngũ giới, nếu bất cứ ai thực hành các chỉ dẫn này sẽ gặt hái được ích lợi. Thực hành Ngũ giới, lớp trẻ sẽ hạn chế sát sinh, có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sống, sự sống của muôn loài, trong đó có con người, con vật, thực vật... Tôn trọng và bảo vệ đời sống của mọi loài là động lực hữu ích nhất và thiết

thực nhất để tôn trọng và bảo vệ đời sống của chính bản thân. Giữ giới không trộm cắp là không tàng trữ những của cải phi pháp, không buôn lậu, không tham nhũng, không khai khác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi, giới trẻ dưỡng mình phải sống trung thực, sống lương thiện, sống vị tha, sống đạo đức, không tham sân si, sống biết đủ với của cải của mình tạo ra, không xâm phạm tài sản của người. Giữ được giới không tà dâm cuộc sống sẽ luôn bình thản, không sợ tình cảm gia đình sứt mẻ, không sợ xã hội chê bai, thăng tiến trên đường đời, đường đạo. Dù là Phật tử hay không phải Phật tử, nếu giữ được giới này thì bản thân luôn được an lành, gia đình an lạc, đoàn kết, hòa hợp, không bị tan vỡ.

Không nói dối sẽ giữ được niềm tin ở tất cả mọi nơi, nó đem lại hòa bình, hòa hợp, đoàn kết cho mọi người. Giới không uống rượu là bởi các thứ ấy dễ khiến cho con người ta mất minh mẫn, hành động và lời nói thường dẫn đến những điều sai trái, không kiểm soát được. Việc giữ gìn giới không uống rượu và các chất kích thích khác là để bảo vệ an ninh trật tự và hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội. Một đời sống có đạo đức là một đời sống hạnh phúc. Đạo đức mà tôn gáo này hướng tới là nền đạo đức dựa trên sự hiểu biết, đây cũng là phương tiện để con người tự nguyện hành trì giới luật. Người hiểu biết “có khả năng đâm thủng được vô minh để cuối cùng được giải thoát”.16 Trong sự giải thoát trí khởi nên biết rằng “ta đã giải thoát”. Người ấy biết: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm. Sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”.17 Sự hiểu biết tạo thêm sức mạnh cần thiết để con người làm chủ được bản thân, làm chủ được hoàn cảnh, “tự mình là ngọn đèn cho chính mình”; “hãy tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa gì khác”.18 Thuở xa xưa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã rời bỏ hoàng cung, từ chối giàu sang và quyền lực vào ở ẩn trong núi Tuyết Sơn để tu tập thiền định. Qua thực tế tu hành, Tất Đạt Đa hiểu ra rằng, từ cuộc sống giàu sang tràn đầy vật chất, thỏa mãn dục vọng lẫn cuộc sống khổ hạnh ép xác đều đi chệch khỏi con đường đúng đắn. Con đường đúng đắn là con đường tự mình đào sâu suy nghĩ để nhận thức chân lý, con đường dẫn tới yên tĩnh và sự bừng sáng của tâm hồn trí tuệ, đó là con đường đạt được cuộc sống hạnh phúc của quảng đại quần chúng nhân dân. Điều này được hiểu rộng ra là: tốt đời đẹp đạo luôn là biểu hiện bên trong và bên ngoài của lối sống tích cực, an lành, là mối quan hệ hữu cơ trong đời sống xã hội của 16. Thích Minh Châu, Chánh Pháp và hạnh phúc, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 57. 17. Thích Minh Châu (dịch), Kinh Trung I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, 1972, tr. 279. 18. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, (Người dịch: Thích Trí Tịnh), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

đồng bào có đạo và cả đồng bào không có đạo, sự đồng thuận trong suy nghĩ của Phật tử và các tầng lớp nhân dân với đạo đức Phật giáo nhằm xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh.19 3. KẾT LUẬN Là một trong những thành tố tạo nên văn hóa dân

tộc trong suốt hàng nghìn năm, Phật giáo ngày nay vẫn lưu giữ những giá trị tích cực góp phần xây dựng đạo đức lối sống cho con người Việt Nam. Tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo; tư tưởng bình đẳng, hòa bình của Phật giáo phù hợp với lối sống cởi mở của dân tộc; lòng từ bi, bác ái góp phần xây dựng nhân cách, tạo nên lối sống hòa đồng giữa người với người; tinh thần hỷ xả, cứu khổ cứu nạn góp phần cứu giúp những người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ... Phật giáo là một tôn giáo không chỉ góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống mà còn có tác dụng giữ gìn môi trường tự nhiên cân bằng sinh thái. Đó là những nhân tố thúc đẩy sự phát triển bền vững xã hội nước ta trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Vì thế, giáo dục Phật giáo là một công việc cần thiết phải làm thường xuyên, có hệ thống và rộng khắp cho nhiều đối tượng, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên. Tuy nhiên, đáng tiếc là đã có không ít nhận thức lệch lạc trong việc thế tục hóa tôn giáo, dẫn đến việc gắn đời sống tu hành với thái độ thực dụng, với tinh thần thụ hưởng của nền kinh tế thị trường và xã hội tiêu thụ, chạy theo các giá trị vật chất... Hướng tới thế tục là một xu hướng của Phật giáo, tuy nhiên, do sự suy thoái của một bộ phận Tăng ni trong một thời gian dài mà ở một số nơi, sinh hoạt tín ngưỡng trở nên thần bí, xa rời những giáo lý khai minh, từ bi của nhà Phật. Chùa chiền như một ốc đảo để ẩn náu, an tâm cho những ai mệt mỏi khiếp sợ trước các chấn động của cá nhân hoặc thời đại. Phật dạy: "Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không

19. Dẫn theo Ngô Hữu Thảo, Công tác tôn giáo từ quan điểm Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012, tr. 164.

thực hành thì chẳng hưởng được phần lợi ích của Sa môn, khác nào kẻ chăn bò thuê lo đếm bò cho người".20 Vì vậy, hơn bao giờ hết, giáo dục Phật giáo cần quan tâm đến một số vấn đề trọng tâm sau để đưa Phật pháp gần hơn, thiết thực hơn với đời sống xã hội Việt Nam trong bối cảnh hiện nay: Đưa nếp sống đạo và giáo dục Phật giáo hòa vào đời sống xã hội, các Tăng ni Phật tử cần nhập thế hơn nữa, nâng cao tinh thần bác ái, cứu khổ cứu nạn của người tu sĩ đối với cộng đồng. Từ những hoạt động đó giáo lý Phật giáo góp phần xây dựng nhân cách, lối sống đạo đức lành mạnh, an lạc cho mọi người. Các hoạt động từ thiện của Phật giáo cũng cần phải đẩy mạnh, thông qua thái độ từ bi, không nề hà việc cưu mang, cứu vớt những số phận bất hạnh mà Phật giáo đã cảm hóa được con người, dẫn dắt họ làm điều thiện, tránh xa tội ác, bỏ qua lối sống vô cảm, lạnh lùng để quan tâm đến con người và xã hội. Sự lan tỏa đạo đức và triết lý Phật giáo một phần chủ yếu từ các nhà sư có nhân cách đạo đức, thanh tao thực hiện. Chính nhân cách của họ đã cảm hóa con người, họ được xem như những nhà mô phạm có tâm hồn cao đẹp, những vị thầy tâm linh có khả năng hướng dẫn con người xa rời tội lỗi. Vì vậy, các Tăng ni Phật tử phải thường xuyên học tập chánh pháp, tu luyện bản thân. Đó là điều kiện quan trọng để Phật giáo truyền bá sâu rộng và tồn tại lâu bền cùng với dân tộc, góp phần xây dựng những giá trị đạo đức và lối sống cho con người

Việt Nam hiện nay. Chú trọng phát triển loại hình du lịch tâm linh, du lịch thiện nguyện để cảnh chùa, tính cách, lối sống của Phật tử, các hoạt động Phật sự thu hút đông đảo du khách. Bản thân vẻ đẹp, sự trang ng- hiêm, thanh tịnh của ngôi chùa, khu vườn chùa, lối sống từ bi hỷ xả của các Tăng ni, Phật tử là nội dung thông điệp giáo dục Phật giáo gửi đến công chúng thông qua du khách.

20. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, (Người dịch: Thích Hoàn Quan), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

Đổi mới chương trình đào tạo ở các học viện Phật học cũng là một nội dung cần chú trọng. Nên chăng bổ sung một số môn học mới để phù hợp với sự biến đổi Phật giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Tăng ni Phật tử không chỉ học triết học, giáo lý lễ nghi Phật giáo, lịch sử văn học Phật giáo mà còn phải học các môn học có nội dung Phật giáo trong môi trường đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Phật giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Phật giáo với các gia đình Phật tử và chương trình đào tạo không chỉ bó hẹp trong học viện, chốn chùa chiền mà còn phải mở rộng ra ngoài xã hội bằng các chương trình ngoại khóa, thực tế, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án với những đề tài gắn Phật giáo với đời, lấy Phật giáo giải quyết những vấn đề đang đặt ra hiện nay trong xã hội nước ta. Tóm lại, mặc dầu trong sự nghiệp giáo dục con người, triết lý từ bi, vô vi xuất thế, lấy bình yên làm cứu cánh đã làm bớt đi tham vọng, sống nhẫn nhịn, an phận thủ thường… ít nhiều còn mang yếu tố hạn chế, nhưng nổi bật hơn cả là yếu tố tích cực trong giáo dục Phật giáo, đưa con người đến với đức tin, hướng thiện, góp phần duy trì và phát huy những giá trị tốt đẹp và nếp sống đạo đức trong sáng của dân tộc. Giáo dục Phật giáo Việt Nam đã, đang và sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Ngày nay, toàn cầu hóa đã làm biến đổi toàn bộ đời sống xã hội. Nhưng cũng vì thế mà những mâu thuẫn nội tại trong nhận thức của con người ngày một tăng mà không thể giải quyết hết bằng khoa học hiện đại. Trong miền sâu thẳm của nhận thức, con người vẫn còn những khoảng trống chưa lý giải được. Giáo dục Phật giáo là giáo hóa con người, giúp cho thế hệ trẻ vững bước trước những cám dỗ của cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân bản, coi trọng thiên nhiên, nêu cao tinh thần “cư trần lạc đạo”. Kể từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã thích ứng với hoàn cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, trở thành một cái gì đó rất gần gũi,

thân thương với dân tộc Việt, với con người Việt, đúng như một nhà thơ đã ca ngợi: “Mái chùa che chở hồn dân tộc, Nếp sống muôn đời của tổ tông”. Nếp sống và nhịp sống của người dân Việt Nam từ xa xưa đã quyện chặt với nếp sống của nhà chùa, của Phật giáo. Và chất siêu tục toát lên từ nếp sống đó hẳn đã giúp cho người dân Việt, khi cần, có thể vượt lên trên những cái tầm thường của đời sống thế tục như danh vọng, hơn thua… để hướng tới những giá trị đạo đức và tâm linh cao cả.

***

518 GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Tài liệu tham khảo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, Hà Nội, 2017. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Báo cáo Tổng kết hoạt động Phật sự năm 2018 của Hội đồng Trị sự - Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 01/2019. Minh Chi, Về những dòng tư tưởng cơ bản ảnh hưởng đến sự hình thành nền văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam. Một số vấn đề về lịch sử tư tưởng Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, 1984. Thích Minh Châu, Chánh Pháp và hạnh phúc, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996. Thích Minh Châu (dịch), Kinh Trung I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, 1972. Nehru, Phát hiện Ấn Độ, (Người dịch: Phạm Thúy Ba), tập I, Nxb. Văn học, 1990. Naradathela, Đức Phật và Phật Pháp, (Người dịch: Phạm Kim Khánh), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1991. Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch (tập 4), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958. Lương Ninh (2009), Một con đường sử học, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, (Người dịch: Thích Trí Tịnh), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994. Kinh Pháp bảo đàn, Kệ vô tướng (Người dịch: Thích Thiện Hoa), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO THANH NIÊN 519

Tôn giáo và đời sống hiện đại, tập II, Chuyên đề Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998. Dẫn theo Ngô Hữu Thảo, Công tác tôn giáo từ quan điểm Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, (Người dịch: Thích Hoàn Quan), Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1995. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội (2009), Văn hóa tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRƯỚC LỐI SỐNG VÔ CẢM CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt*

Đại văn hào Nga Marsim Gorky đã từng quan niệm: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình thương”. Tình thương chính là nền tảng để xây dựng những chuẩn mực đạo đức trong xã hội, phân biệt giữa người và ác thú. Thế nhưng, trong thanh niên nước ta hiện nay, một số cá nhân chạy theo lối sống vật chất, ngày càng trở nên ích kỉ và vô cảm. Không những thế, hiện tượng vô cảm có xu hướng lan rộng, ảnh hưởng đến nhiều người trong xã hội. Lối sống vô cảm là một vấn đề nan giải trong xã hội nước ta ngày nay. Ngay khi được truyền vào, từ thế kỷ đầu, đạo Phật đã nhanh chóng thích nghi với lối sống của người dân Việt và trong quá trình hình thành và phát triển trên dải đất hình chữ S, đạo lý của Phật giáo Việt Nam cũng đã ăn sâu vào nếp sống, nếp nghĩ của người dân Việt và đã trở thành những giá trị tinh thần vô giá cho người dân Việt Nam. Trong gần 2.000 năm tồn tại ở Việt Nam, đạo Phật đã chứng minh sự hiện hữu của mình trong hầu hết các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã

hội… và có những đóng góp, những

*. Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị và KHXHNV – Đại học Phòng cháy chữa cháy.

ảnh hưởng tích cực vào các mặt nói trên. Để thanh niên là nguồn lực lao động mạnh mẽ của đất nước, là lớp người sẽ thay thế các bậc cha anh làm chủ đất nước, Phật giáo chung tay cùng cộng đồng xã hội giải quyết vấn nạn "vô cảm" hiện nay. 1. NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA LỐI SỐNG VÔ CẢM CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY Jean Valjean trong "Những người khốn khổ" của văn hào Pháp Vic- tor Hugo, cả đời chỉ tâm niệm một điều: "Trên đời này chỉ có một điều duy nhất ấy thôi, đó là thương yêu nhau". Nhưng, đáng buồn thay khi một bộ phận con người, đặc biệt là thanh niên trong xã hội chúng ta hiện nay đi ngược lại, càng ngày càng vô tình, thờ ơ với mọi thứ xung quanh. Đứng trước cái xấu xa, cái đê hèn, mà không cảm thấy đau xót, phẫn nộ; không cảm thấy nhức nhối trái tim. Đứng trước điều tốt đẹp, những nhân cách cao thượng mà không cảm thấy ngưỡng mộ, cảm phục; không cảm thấy rung động tâm can. Dường như, họ đang sống theo quan niệm: "Đèn nhà ai, nhà nấy rạng", ích kỉ, thiếu tính cộng đồng. Họ không biết vui trước niềm vui của người khác, không biết đau trước những nỗi đau của con người, chỉ bo bo nghĩ tới bản thân mình, sống xa lánh mọi người. Đó là căn bệnh của lối sống vô cảm. Vô cảm là gì? Vô cảm là không có cảm xúc, dửng dưng trước những sự việc, những hiện tượng xảy ra xung quanh mình. Xét từ góc độ tâm lí, vô cảm không phải là một căn bệnh mà là kết quả của quá trình tác động tiêu cực của gia đình, nhà trường và xã hội. Lối sống vô cảm là gì? Sống vô cảm là lối sống vị kỉ thiếu cởi mở. Người vô cảm thiếu sự nhạy cảm đối với những vấn đề xã hội, của đất nước. Họ không quan tâm, không chia sẻ với những người xung quanh. Thậm chí vô tâm trước lợi ích của người khác, của cộng đồng, của đất nước. Những biểu hiện của lối sống vô cảm trong thanh niên: Sống vô cảm là lối sống khá phổ biến ở khắp mọi nơi, mọi giới, mọi lứa tuổi. Nhất là ở tầng lớp thanh niên. Thanh niên có lối sống vô cảm thường bàng quan trước cái xấu,

cái ác trong xã hội. Họ không phân biệt đúng – sai, phải trái. Họ cũng không dám tố cáo những hành vi sai trái, độc ác, gây tổn hại cho xã hội. Đặc biệt, hiện nay, tình trạng để lộ lọt thông tin của người tố cáo; không ít trường hợp người tố cáo không được bảo vệ, bị trả thù, trù dập; các hành vi trả thù, trù dập chưa được phát hiện, xử lý nghiêm. Việc biểu dương, khen thưởng người tố cáo đúng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt việc bảo vệ người tố cáo chưa được quan tâm… Chính bởi thế, nhiều người thường tránh những phức tạp, phiền lụy xảy đến với mình. Rất nhiều thanh niên hiện nay vô cảm khi thấy người khác gặp khó khăn hoạn nạn thường ngoảnh mặt làm ngơ. Thấy người đang trong nguy kịch họ cũng dửng dưng như không. Trên đường phố, khi người khác xảy ra tai nạn, người vô cảm thường chỉ biết đứng nhìn. Họ vì tò mò mà đến xem chứ không phải để hỗ trợ giúp đỡ người bị nạn. Chắc hẳn ai cũng nhớ đến vụ cô gái bất

động trong đêm bên hè phố Sài Gòn hồi tháng 6/2019 vừa qua. Dư luận ai cũng phẫn nộ với không chỉ tài xế taxi Vinasun đã gây ra tai nạn cho cô gái mà cả những người đã tham gia giao thông khi đó. Tất cả chỉ đi lướt qua, hoặc có chăng chỉ đứng lại nhìn, xem xét một hồi rồi bỏ đi. Giá như được cấp cứu kịp thời chắc không xảy ra vụ việc đáng tiếc như vậy. Một số người trẻ không những dửng dưng trước nỗi đau của người khác mà còn không dám bảo vệ kẻ yếu thế. Họ không muốn liên lụy khi can thiệp hay hỗ trợ người khác. Đối với họ "an toàn là thượng sách". Gặp người bị cướp trên đường, người vô cảm thường hay lánh đi. Thấy người khác làm việc sai trái hay phạm pháp, người vô cảm xem như không thấy. Họ luôn sống trong sợ hãi, chỉ biết lo an toàn cho bản thân, mặc kệ người khác. Trong giai đoạn cuối tháng 3 và đầu tháng 4/2019, hàng loạt vụ bạo lực giữa học sinh với nhau xảy ra ở khắp các tỉnh, thành như Hưng Yên, Nghệ An, Quảng Ninh, Phú Yên... Trung bình mỗi ngày, ở Việt Nam vẫn còn tới 5 vụ học sinh đánh nhau chủ yếu là ở lứa tuổi học sinh THCS và THPT. Bạo lực xảy ra ngay trên bục giảng, trong lớp học, ngoài hành lang,

sân trường... Đây là những nơi thường tập trung đông người, nhất là học sinh nhưng sự việc này vẫn xảy ra, thậm chí có sự việc còn được sự hò reo, tán thưởng của một số bạn đứng ngoài. Không ít người trẻ sống theo kiểu thực dụng chỉ biết "nhận" chứ không biết "cho". Họ ít khi nghĩ về người khác. Họ bất chấp thủ đoạn, dù biết là vi phạm pháp luật, thuần phong mỹ tục, để đạt được cái mà mình cần, mình muốn bằng mọi giá. Bởi thế, người vô cảm thường hay lợi dụng công việc, lợi dụng người khác để chuộc lợi riêng mình. Một lần đứng trước cổng trường chờ đón con, lọt vào tai những điều không muốn nghe. Có bác gái tầm 70 tuổi phàn nàn "Bọn trẻ bây giờ ích kỷ thật, lên xe buýt thấy người lớn tuổi không nhường ghế, mắt cứ trơ ra". Góp lời vào câu chuyện, một bác trai cũng trạc lục tuần ý kiến "Mấy cô cậu sinh viên ở trọ gần nhà tôi cứ chờ lúc tối, không có ai thì mang rác ra đổ. Rất kém ý thức. Chỉ biết sạch nhà mình, còn ngõ đường dơ như thế nào thì mặc kệ". Nhiều người cho biết, họ gặp những người trẻ ích kỷ, sống không quan tâm đến mọi thứ xung quanh. Có những gia đình cạnh quán hát karaoke cả đêm không ngủ vì tiếng nhạc, tiếng hát. Người vô cảm luôn sống lạnh nhạt, thờ ơ với bạn bè, hàng xóm. Họ ngại giao tiếp, không muốn chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. Người vô cảm thiếu đoàn kết, yêu thương, không gắn bó với mọi người. Họ khép kín cuộc đời mình trong một thế giới riêng. Bởi lẽ, họ sợ người khác phát hiện những sai trái của mình. Đi giữa thành phố Hà Nội, có những hình ảnh không biết cười hay khóc. Một gia đình đang có tang gia bối rối, nhạc hiếu nổi lên. Ngay sát vách nhà đó, hoạt động buôn bán vẫn tấp nập, không những thế, nhạc quảng cáo được bật lên với âm lượng không thể lớn hơn. Hai và thậm chí là nhiều tiếng nhạc đan xen nhau tạo nên một khung cảnh hỗn độn. Người Việt chúng ta có truyền thống "tình làng, nghĩa xóm", xong với thời buổi kinh tế thị trường hiện nay, truyền thống đó đã ngày bị mai một? Người vô cảm không quan tâm đến những công việc chung của tập thể, của đất nước. Đối với họ, tập thể hay đất nước đều vô nghĩa.

Chỉ có họ và lợi ích của họ là tồn tại. Giới trẻ hôm nay có thể thuộc lòng một bài hát được xếp hạng MTV hằng tuần nhưng lại không hát nổi một câu dân ca; có thể thuộc lòng tiểu sử các ngôi sao ngoại quốc như Bi Rain, Phạm Băng Băng, Chương Tử Di… nhưng lại mơ hồ về những danh nhân lịch sử như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Bội Châu…; và có thể biết được game nào hiện nay đang hot trên cộng đồng mạng nhưng không biết được tình hình trong nước hiện nay có những vấn đề gì…. Trên đây là một số biểu hiện vô cảm của một bộ phận thanh niên hiện nay. Lối sống vô cảm không chỉ đơn thuần làm hủy hoại nhân cách con người mà còn làm xói mòn nền tảng đạo đức, làm rối loạn trật tự xã hội và xa hơn nữa là kìm hãm sự phát triển của đất nước. Không khó nhận ra bệnh vô cảm, nhưng làm sao để chữa được bệnh thì không hề đơn giản. Sự mất lòng tin trong xã hội, sự ích kỷ, tính thực dụng trong lối sống của một bộ phận xã hội làm cho bệnh thêm nặng. Tuy không phải là tất cả nhưng đó cũng là một hồi chuông cảnh tỉnh cho những người làm công tác xã hội nói chung và công tác giáo dục đạo đức Phật giáo nói riêng khi muốn đồng hành cùng dân tộc. Vậy những nguyên nhân nào dẫn đến lối sống vô cảm của thanh niên hiện nay? 2. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN LỐI SỐNG VÔ CẢM CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam từ khi được triển khai tới nay đã đạt được nhiều thành quả tích cực, tuy nhiên với những quy luật cạnh tranh khắc nghiệt cũng cho thấy những mặt trái của nó. Tư tưởng thực dụng đang ăn sâu, len lỏi vào trong đời sống của đại bộ phận các gia đình. Cuộc cạnh tranh khốc liệt về việc làm và lợi ích khiến con người bất chấp thủ đoạn để đạt lấy lợi ích. Họ không quan tâm đến vấn đề tình cảm hay đạo đức nghề nghiệp. Bởi ai thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển đi lên. Ai thất bại sẽ gánh lấy nợ nần và nghèo khổ. Người trẻ không có việc làm luôn chiếm chiếm tỷ lệ cao so với thất nghiệp chung của cả nước, năm 2018, cả nước có trên 511.000

thanh niên thất nghiệp. Bởi thế, để tìm kiếm một việc làm ổn định, có thu nhập cao đôi khi người ta không ngại ngần bêu xấu, hãm hại lẫn nhau. Mặt khác, lối sống ích kỷ của người Việt Nam có ảnh hưởng không nhỏ đến căn bệnh “vô cảm” này. Người Việt vừa có lối sống cộng đồng cởi mở, lại vừa khép kín theo từng nhóm xã hội nhỏ. Nhóm này công kích nhóm kia nhằm giành lấy một lợi ích nào đó. Trước mặt thì niềm nở vui tươi vì tế nhị. Sau lưng thì xì xầm, chỉ trích vì không hài lòng hoặc đố kỵ. Việc cưng chiều con quá mức, đáp ứng đầy đủ những nhu cầu của con cái một cách vô lối cũng là nguyên nhân dẫn đến lối sống vô cảm của thanh niên ngày nay. Cha mẹ sẵn sàng đáp ứng tất cả những yêu cầu của con một cách vô điều kiện và thiếu suy nghĩ. Cha mẹ dạy con cái biết đề phòng và tránh xa cái xấu, cái ác. Nhưng lại không dạy con cái biết chia sẻ, quan tâm và sống có trách nhiệm với người thân, với bạn bè. Con cái tiếp nhận một chiều bởi thế ngày càng ích kỉ, vô tâm hơn. Nhiều bậc cha mẹ bận rộn với công việc, không thường xuyên quan tâm giáo dục con cái. Thậm chí, có gia đình còn ỷ thác con

cái cho người khác chăm sóc và giáo dục. Xã hội nảy sinh quá nhiều vấn đề hệ trọng như tệ nạn xã hội, ma túy, trộm cướp, tham nhũng,... không còn thời gian quan tâm đến sự phát triển tâm lí và hành vi của giới trẻ. Thanh niên ngày nay ít được trang bị kĩ năng sống đầy đủ và cần thiết. Nội dung giáo dục trong nhà trường nặng về rèn luyện tri thức và kĩ năng nghề nghiệp. Chương trình giáo dục ít quan tâm đến văn hóa ứng xử và đạo đức đời thường. Đặc biệt là kỹ năng sống thân thiện, giàu tình yêu thương và năng lực kết nối cộng đồng. Phương pháp giáo dục nặng về những bài học đạo đức khô khan, thiếu thực tiễn. Vai trò của Đoàn, Đội còn nhiều bất cập, chưa đổi mới và chưa có sức hút các lực lượng thanh niên tham gia vào công tác đoàn thể. Do chính cách sống vô cảm của người lớn đã ảnh hưởng đến

tính cách người trẻ. Ở nhà, nếu nghe cha mẹ nói chuyện, cư xử với những người khác theo kiểu thực dụng thì những đứa con cũng có cách sống thực dụng. Khi chơi với bạn, chúng sẽ tính toán xem mình được lợi gì. Ở trường, nếu có học sinh bị bạn bè ức hiếp, tẩy chay nhưng giáo viên không hề quan tâm, giúp đỡ, thì các em sẽ dần mất đi sự rung cảm trước mọi việc và thiếu lòng nhân. Một phần rất lớn xuất phát từ bản thân thanh niên. Họ thiếu năng động trong việc tiếp cận và tiếp nhận các giá trị nhân văn trong xã hội. Họ lười biếng và ỷ lại gia đình. Trước cuộc sống tiện nghi, họ đua đòi, chạy theo lối sống thời thượng, không lo bồi dưỡng nhân cách, đạo đức. Họ thích giải trí tầm thường, không quan tâm đến nghệ thuật. Đặc biệt là loại hình nghệ thuật có tính giáo dục cao. Họ cũng chê bai các giá trị truyền thống, xem đó là lạc hậu, lỗi thời. Họ tiếp nhận và tôn vinh các giá trị văn hóa lệch lạc, tầm thường. Họ thần tượng những nhân vật mang tính giải trí nhất thời. Từ đó đạo đức bị suy thoái trầm trọng, lệch lạc cả trong suy nghĩ và hành động. Đạo Phật là người bạn đồng hành cùng nhân loại, đối tượng trung tâm của đạo Phật là con người, mục đích của đạo Phật là xây dựng thế giới an lạc tại thế giới này. Cũng như tất cả các ngành khoa học chân chính trên thế giới, Phật giáo nhận thấy rằng cải tạo xã hội không gì khác hơn là phải cải tạo từ mỗi cá nhân, những phần tử cấu tạo nên xã hội đó. Một khi những cá nhân trong đó được hoàn thiện thì xã hội tự nhiên trở nên thanh bình. Trước lối sống vô cảm của thanh niên hiện nay, Phật giáo cũng không thể ngồi yên. 3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO CHO THẾ HỆ THANH NIÊN HIỆN NAY Phật dạy “Sự chấp trước của ta ngày hôm nay sẽ là niềm hối hận cho mai sau, bởi vì ta đã làm tổn thương đến nhiều người dù có ăn năn hối lỗi, trái tim ta vẫn rỉ máu.” Người cũng căn dặn “Người Phật tử hãy coi nhẹ danh lợi, sống đơn giản, dấn thân đóng góp vì lợi ích chung và bằng lòng với những gì đang có trong hiện tại”. Cha ông ta xưa có câu:

“Mái chùa che chở hồn dân tộc Nếp sống muôn đời của tổ tông”. Hiện nay, với phương châm “Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, Phật giáo cần chung tay cùng xã hội phân tích, tuyên truyền những điều hay, ý đẹp, việc làm tốt góp phần xóa bỏ lối sống vô cảm trong xã hội. Giáo dục mỗi cá nhân trong xã hội: Trong sự nghiệp giáo dục giới

trẻ hiện nay không nên xem thường yếu tố "Tâm". Dưới góc độ tôn giáo, các Tăng ni, Phật tử cũng có thể đóng góp công sức của mình vào giáo dục giới trẻ hiện nay, thông qua việc giáo hóa cái "Tâm" cho họ theo quan niệm nhà Phật. Bởi Phật giáo cho rằng, muốn chữa khỏi bệnh, trước hết phải chữa từ trong "Tâm". Nghĩa là "Tâm" phải từ bỏ tham, sân, si, dục, hiềm, ố. Khi nào con người từ bỏ được những điều đó, khi ấy con người mới thực sự "thâm tâm an lạc, phúc trí trang nghiêm". Một biện pháp nữa để giải quyết vấn đề nêu trên là phải dùng lòng từ bi để kết nối mọi người với nhau. Lòng từ bi giúp cho các trục quan hệ trong xã hội Việt Nam thời kỳ mở cửa và hội nhập quốc tế vẫn không đánh mất đi tính nhân văn cao cả của người Việt Nam. Từ bi kết hợp với nhau tạo thành nguyên tắc vì lợi ích chúng sinh mà hành động. Nhiều nhà triết học gọi đó là chủ nghĩa vị tha. Lòng vị tha này đã tạo nên cốt cách của người Việt Nam. Thông qua các kênh thông tin của Phật giáo, chúng ta có thể giúp con người hướng tới lòng từ bi, hướng thiện. Khuyên giải con người biết sống vì mọi người; biết yêu thương, chia sẻ, đoàn kết và tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống; biết cảm thông sâu sắc đối với nỗi đau thương, mất mát của người khác. Đây không chỉ là những bài thuyết giảng đơn thuần mà hướng người trẻ từ những câu chuyện thật, người thật, việc thật đến hành động trực tiếp của họ. "Anh hùng Lý Thường Kiệt khơi nguồn tâm linh, mở trang sử mới cho người dân nước Việt. Phật hoàng Trần Nhân Tông đưa đạo vào đời, phá trừ mê tín làm rạng rỡ tổ tiên". Những cội nguồn đó cần

được cho thế hệ thanh niên hiện nay biết và hiểu được giá trị của nó. Từ đó, người trẻ biết quý trọng những thành quả do cha ông để lại. Biết tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc. Biết yêu nước và quyết tâm xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại mới. Phật giáo tồn tại lâu đời ở Việt Nam, đạo đức Phật giáo dần trở thành chuẩn mực đạo đức của con người Việt Nam. Việc tuyên truyền, phổ biến những giá trị tốt đẹp những chuẩn mực đạo đức Phật giáo để cho thế hệ thanh niên hiện nay tôn trọng và làm theo là việc làm thiết thực. Nhờ đó, sẽ nâng cao tinh thần trách nhiệm trước xã hội và tích cực xây dựng lối sống trong sạch, vững mạnh cho mỗi người trẻ hiện nay. Chỉ có một lối sống vững mạnh, nền tảng đạo đức chắc chắn mới giúp con người vượt qua cám dỗ, trở thành người tốt đẹp. Giáo hội cũng cần mở rộng các chương trình thiện nguyện thu hút được đông đảo giới trẻ tham gia, nhằm bồi dưỡng tình cảm và tình yêu thương con người của mỗi cá nhân trong xã hội. Giáo dục trong mỗi gia đình: Con cái luôn là một phần hết sức quan trọng. Vì vậy, gia đình phải chú trọng giáo dục con cái về nhân cách, nhân phẩm. Định hướng hành vi, ứng xử của con cái theo những chuẩn mực tốt đẹp của dân tộc. Cha mẹ phải nêu gương sáng để con cái noi theo. Hãy lấy những tấm gương sáng về đạo đức và sự thành công trong xã hội làm bài học giáo dục cho con. Lấy cái tốt, cái mẫu mực hình thành và phát triển những đức tính tốt cho con cái. Hạn chế cho con cái tiếp xúc với cái xấu, cái ác, cái phản văn hóa. Đề cao cái tốt đẹp, cái hữu ích trong cuộc sống. Cha mẹ hãy lắng nghe và đáp ứng những nguyện vọng chính đáng của con cái. Đôi khi, sự cấm đoán của cha mẹ chính là nguyên nhân gây nên sự vô cảm của con người. Hãy cho các em cơ hội để thể hiện mình và định

hướng các hành động theo hướng đúng đắn, tích cực.

Mỗi sự trừng phạt phải có lí do. Hãy dạy cho các em lòng biết ơn, biết kính trọng và quý trọng tình cảm của người khác dành cho mình. Hãy khuyến khích hoặc cùng con cái tham gia các hoạt động cộng đồng để gắn kết tình thân. Hoạt động xã hội giúp các em phát triển khả năng giao tiếp và tình cảm cộng đồng. Hãy giáo dục con cái biết phân biệt điều phải trái, sống công bằng. Quyết liệt chóng lại cái bất công trong xã hội nếu có thể. Văn hóa gia đình chính là cội rễ của nhân cách. Nó là nguồn sống quyết định nhân cách và hành vi của con người sau này. Có làm được như vậy, chúng ta mới hi vọng cái xấu, cái ác, cái vô cảm trong xã hội bị đẩy lùi, không còn trong cuộc sống này nữa. Để làm được điều này, đó là trách nhiệm của mỗi gia đình. Bên cạnh đó, Phật giáo cần tổ chức các hoạt động nhằm gắn kết gia đình, giúp con người dễ dàng nói lên những tâm tư, tình cảm, ước nguyện của con người. Ví như lễ Vu lan rằm tháng bảy hàng năm đã đưa con người xích lại gần nhau hơn. Không chỉ có lễ Vu lan, hàng năm Giáo hội Phật giáo cần đưa thêm nhiều hoạt động gia đình hơn nữa nhằm cải thiện sự lỏng lẻo gia đình thời hiện đại. Đối với giáo dục Phật tử hiện nay: Trong những năm gần đây, trong các dịp nghỉ hè của học sinh, sinh viên trên cả nước, nhiều chùa trên toàn quốc đã mở ra các Khóa tu mùa hè dành cho các bạn trẻ, cho các em học sinh, sinh viên tham dự. Rất nhiều các bạn trẻ và các bậc phụ huynh quan tâm đến các khóa tu này với mong muốn cho bản thân, cho con em mình có những sinh hoạt ý nghĩa trong giai đoạn tạm rời xa việc học hành tại trường lớp. Các khóa tu là những cơ hội rộng mở để giúp cho các em có thể được vui chơi lành mạnh, được giao lưu học hỏi với nhau, và hơn hết là được học hiểu những điều hay, ý đẹp về đời, trải nghiệm đời sống tu hành chốn thiền môn, được học giáo lý, được nghe giảng các bài pháp phù hợp với lứa tuổi của mình. Khóa tu sẽ là cầu nối yêu thương giữa các bạn và gia đình, tư vấn, tháo gỡ những khúc mắc về các vấn đề tâm lý đạo đức trong đời sống. Khóa

tu còn là cơ hội lắng nghe, thấu hiểu, tìm lại chính mình, nhận diện cuộc sống và chuyển hóa những nỗi khổ đau để sống an lành hạnh phúc. Có thể thấy rằng, ở Việt Nam, khi những môn học về tâm lý, đạo đức và các kĩ năng mềm còn nhiều hạn chế thì việc các chùa, tự viện mở khóa tu vào mùa hè như vậy là cần thiết. Nó không chỉ giúp các bạn trẻ có một cuộc sống lành mạnh hơn mà còn hướng thiện con người ngay từ khi ở vào độ tuổi đang phát triển cả về thể chất lẫn tâm hồn. Khóa tu mùa hè có một sức ảnh hưởng lớn đối với nhận thức của các bạn trẻ, các bạn trẻ khi tham gia khóa tu mùa hè đều có những chuyển biến tích cực về mặt nhận thức và biết sống tốt hơn. Ngoài ra, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng cần quản lý chặt chẽ các khóa tu tránh để xảy ra vụ việc đáng tiếc xảy ra như ở Bình Thuận (8/2019) vừa qua. 4. KẾT LUẬN Tình cảm như những hạt mưa, hạt mưa càng to, càng nặng thì càng dập tắt được những ngọn lửa của lòng thù hận, ghen ghét, bi ai và nó cũng như một ngọn lửa thổi bùng cháy mãnh liệt trong tâm hồn để nuôi dưỡng tiếp nguồn sống cho chúng ta. Giáo dục

đạo đức Phật giáo như những hạt mưa thấm dần vào tâm hồn con người những xúc cảm cao đẹp, giúp con người trao đi yêu thương và nhận thật nhiều thương yêu. Phật giáo luôn đồng hành cùng xã hội trong việc nuôi dưỡng tâm hồn con người Việt Nam hướng tới xã hội tốt đẹp nhất.

***

Tài liệu tham khảo TS. Ngô Thị Lan Anh, Chữ Tâm nhà Phật và ảnh hưởng của "Tâm" đối với đời sống đạo đức ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014. Ngô Thị Lan Anh, "Ảnh hưởng "Tâm" Phật giáo với văn hóa người Việt Nam hiện nay", tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 5 – 2008. Trần đình Hượu, "Vai trò của Phật giáo trong đời sống hiện đại", tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 2 – 2006. Hoàng Thị Thơ, "Đạo đức Phật giáo với việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam", tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 1 – 2002. Hoàng Thị Thơ, "Đạo đức Phật giáo với kinh tế thị trường", tạp chí Triết học, số 7 – 2002. Thích Nhật Từ (chủ biên), Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức, Nxb. Tôn giáo, 2019. Lê Hữu Tuấn, "Ảnh hưởng của những tư tưởng triết học Phật giáo trong đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam", Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1999.

KHÓA TU MÙA HÈ - MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO GIỚI TRẺ HIỆN NAY TS. Lương Minh Chung*

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh giá trị văn hóa truyền thống, người ta nhận thấy nhiều giá trị mới giao thoa, nhập tịch và tác động không nhỏ đến giới trẻ. Trước thực tế ấy, lựa chọn một lối ứng xử phù hợp, giàu giá trị nhân văn giúp giới trẻ học tập, hoàn thiện nhân cách và giúp cho cộng đồng phát triển là một nội dung được nhiều người quan tâm. Trong đó, dù muốn hay không, người ta cũng phải thừa nhận những lợi ích của khóa tu mùa hè ở một số chùa có sức hút và có sức lan tỏa những giá trị tốt đẹp. Tìm hiểu nội dung giáo dục Phật giáo, cách thức triển khai trong thực tế và nhận diện, đưa ra những giải pháp gợi ý cho khóa tu mùa hè là ba nội dung quan tâm của bài viết này. 1. NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA KHÓA TU MÙA HÈ Thực tế cho thấy, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế Việt Nam vận hành theo cơ chế thị trường, kéo theo việc hình thành một số giá trị mới. Trong đó, yếu tố tăng trưởng ngày càng nổi lên. Người ta coi tốc độ tăng trưởng là mục tiêu thứ nhất.

*. Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuy nhiên, hệ lụy của việc tăng trưởng quá nhanh sẽ tạo ra những gánh nặng về môi trường, sự phân hóa giàu nghèo và khó đảm bảo về an sinh xã hội. Rõ ràng, tăng trưởng kinh tế là điều tất yếu, bình thường của một nền kinh tế chuyển từ giai đoạn bao cấp sang giai đoạn hội nhập, thịnh vượng. Tuy nhiên, nó cũng tạo ra những bức xúc về mặt xã hội. Quan sát các nước theo đạo Phật trong khu vực như Thái Lan,

Campuchia, Myanmar, chúng ta thấy sự vận động ấy chậm hơn. Chính sự "xô đẩy" của cơ chế thị trường làm cho các giá trị về hiểu biết, tôn trọng, sáng tạo và tự do phần nhiều bị ảnh hưởng. Tăng trưởng kinh tế cũng tác động không nhỏ đến một bộ phận giới trẻ, khiến họ bị cuốn trôi theo lối sống thực dụng, tha hóa, vô cảm, chạy theo đồng tiền. Mặt khác, trong bối cảnh phát triển của văn hóa truyền thông đa phương tiện, giới trẻ cũng dễ dàng tiếp nhận một giao diện rộng về thông tin, kiến thức. Học có nhiều cơ hội chuẩn bị những tri thức, kỹ năng cần thiết để trở thành công dân toàn cầu. Tuy nhiên, người ta cũng nhận thấy sự phát triển của truyền thông thiếu định hướng làm cho nhiều giá trị văn hóa đẹp đẽ bị mai một, thậm chí xuống cấp. Với sự ảnh hưởng của phim ảnh, game, mạng xã hội dày đặc khiến cách nhìn, cách nghĩ của họ bị ảnh hưởng, vênh lệch phần nào. Chính sự tác động của thông tin bên ngoài đã ảnh hưởng phần nào đến tâm lý giới trẻ, gây ra nhiều lo lắng, trăn trở đối với các bậc cha mẹ trong việc giáo dục, định hướng cho con em phát triển hài hòa về trí tuệ, cảm xúc và thẩm mĩ. Hơn nữa, "Tài liệu Giáo dục công dân" ở trường phổ thông còn mang tính hàn lâm, nặng về lý thuyết. Xét về cấu trúc, người ta thấy môn học này được chia làm hai học kỳ. Học kỳ I dành cho giáo dục đạo đức. Học kỳ II dành cho việc giáo dục ý thức chấp hành luật pháp, ý thức công dân. Vì thế, nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh còn gián đoạn và chưa liên tục. Thực tế cho thấy, Thiên Chúa giáo, Phật giáo đảm nhận một phần nội dung giáo dục đạo đức. Cách làm của nhà thờ và các chùa hiệu quả và thành công hơn vì những giá trị ấy gần gũi, sinh động và có tác dụng an ủi con người bằng niềm tin. Rộng hơn nữa là cách

KHÓA TU MÙA HÈ - MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO GIỚI TRẺ HIỆN NAY 535

"thực hiện thế giới trong tinh thần cảm thông với một tình cảm và thú vui hòa bình"1. Vì thế, việc nắm bắt tâm lý tuổi vị thành niên, xác định nội dung giáo dục đạo đức là trách nhiệm chung của xã hội. Trong đó, việc giáo dục những giá trị đạo đức Phật giáo trong khóa tu mùa hè đã được nhiều gia đình quan tâm. Nói cách khác, giáo dục đạo đức Phật giáo là bồi dưỡng cho người học thực hành trên ba phạm trù: tu, học và hạnh, giúp giới trẻ nhận thức sâu sắc hiện tại, điềm tĩnh và an bằng khi hướng tới tương lai. Giáo dục Phật giáo giúp người ta hiểu được cốt lõi của sự tu hành, còn gọi là ba thắng học: Giới học, Định học và Huệ học. Giới học tức là tích thiện, hay còn gọi là điều răn, phòng ngừa điều ác do thân - khẩu - ý sinh ra. Định học tức là tập trung định hướng loại trừ tạp niệm, tạo sự an bằng, thanh sạch cho tinh thần. Huệ học tức là khả năng thấu hiểu, nỗ lực tu tâm dưỡng tính, giác ngộ nhằm đạt đến sự trong suốt về trí tuệ. Ba phạm trù trên giúp chúng sinh tu học, trau dồi và gìn giữ như là "lý tưởng sống của Phật tử"2. Dựa vào khuôn phép ấy, mỗi thiền sinh nỗ lực phấn đấu không ngừng nhằm đạt đến cảnh giới an lạc tự tại trong cuộc sống. Từ giao diện trên, chiếu vào việc giáo dục đạo đức của Phật giáo cho giới trẻ qua khóa tu mùa hè, chúng tôi nhận thấy rằng, khi nào bậc tu hành thực hiện thành công một bài giảng hấp dẫn, khi ấy họ sẽ góp thêm một lần đánh thức những giá trị tốt đẹp. 2. KHÓA TU MÙA HÈ - KHƠI DẬY NHỮNG GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP Nền tảng của triết lý giáo dục Phật giáo là giúp chúng sinh nhận ra nguyên nhân của nỗi khổ và con đường tu hành xuất - xử cứu

vớt chúng sinh và cứu giúp cả muôn loài. Do cái gốc của Phật giáo là tính thiện, nên khi du nhập vào Việt Nam, Thiền học đã tích hợp với tín ngưỡng bản địa người Việt, với truyền thống yêu nước thương nòi, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước thịnh trị thái bình tạo nên những giá trị nhân văn vạm vỡ. Nhìn từ góc độ lịch sử - tư

1. Nguyễn Đăng Thục, Thiền học Việt Nam, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 233. 2. Thích Mãn Giác, Đạo đức học Đông Phương, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, 2007, tr. 133.

tưởng, chúng ta nhận thấy ba yếu tố Nho - Phật - Lão ở Việt Nam luôn dung hợp, hòa quyện vào nhau, tạo thành hệ giá trị và bản sắc văn hóa Việt. Đó là triết lý tu thân của Nho giáo, lòng từ bi của Phật giáo và cách ứng xử nhẹ nhàng của Đạo giáo. Trong bối cảnh xã hội bị chi phối bởi cơ chế thị trường, khóa tu mùa hè chính là sự khơi dậy, đánh thức và phục hồi những giá trị văn hóa truyền thống đẹp đẽ. Nói cách khác, đây là sự phục hồi lại những giá trị phổ quát của nhân loại, là cách bồi dưỡng cho thiền sinh một nhân sinh quan góp phần hoàn thiện bản thân mình. Trước hết, khóa tu mùa hè góp phần giáo dục lòng từ bi cho thiền sinh. Theo quan niệm của đạo Phật, lòng từ bi của đức Phật là vô biên. Từ bi tức là khả năng nhận biết nỗi khổ của côn trùng, cây cỏ, con người, đồng thời có khát vọng giác ngộ mãnh liệt nhằm giải thoát cho chúng sinh và bản thân. Bồi dưỡng lòng từ bi cho thiền sinh là phương cách góp phần gia tăng trí tuệ. Đạo Phật nhìn quá trình hoạt động của con người như một sự tương tác giữa lục thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) và lục cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp). Trong đó, phần ý thức trong sáng, không bị phiền tạp bởi chấp ngã, tham, sân, si chính là hiện hữu của trí huệ. Tiếp nữa, khóa tu mùa hè còn giúp người học có cơ hội trải nghiệm thanh tịnh nơi cửa Phật, sân chùa giúp thiền sinh tìm lại sự an bằng, thư thái trong tâm hồn. Thiền sinh sẽ được cảm nhận vị thuần khiết của ăn chay, biết tuân thủ giờ giấc, có ý thức rèn luyện thân thể; biết tôn trọng, hòa đồng với mọi người xung quanh. Từ đó, nhân lên tình yêu thương, niềm lạc quan, suy nghĩ tích cực, có ý nghĩa về gia đình và xã hội. Thêm nữa, với một xã hội đang chuyển mình hối hả theo hướng công nghiệp, thì dù muốn hay không nhiều bậc cha mẹ vẫn bị cuốn vào đó, khiến thời gian dành cho con cái là không nhiều. Cũng vậy, với áp lực học tập, thi cử quá tải khiến nhiều học sinh không còn thời gian giải trí, nghỉ ngơi và dành khoảng lặng cần thiết cho bản thân. Trong bối cảnh ấy, khóa tu mùa hè còn là nơi hóa giải những căng thẳng, giúp thiền sinh sống chậm, suy nghĩ sâu sắc và chín chắn hơn.

Cũng vậy, bồi dưỡng nền tảng đạo đức cho con người phải bắt đầu từ ứng xử của con cái trong tổ ấm gia đình. Vì thế, khóa tu mùa hè khắc sâu vào nhận thức của thiền sinh phạm trù đạo đức hiếu hạnh. Hiếu hạnh có nội dung rộng, nhưng theo cách nhìn của chúng tôi ở đây là tấm lòng tôn kính, biết ơn tổ tiên ông bà; công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, có ý thức phấn đấu học tập, làm việc siêng năng, phụng dưỡng cha mẹ,

giữ gìn nề nếp gia đình, còn gọi là hiếu thuận. Thiền sinh biết nhận ra chữ hiếu là cực thiện, chữ bất hiếu là cực ác. Về phương diện bổn phận và trách nhiệm, lòng hiếu thảo của con cái không chỉ ở việc quan tâm, phụng dưỡng về vật chất, mà rộng hơn nữa là ý thức trợ duyên, khích lệ, an ủi về mặt tinh thần giúp cha mẹ thực hành nghe pháp, cúng dường, tụng kinh, niệm Phật. Một nội dung quan trọng trong việc giáo dục đạo đức là cắt nghĩa cho thiền sinh hiểu sâu hơn cội nguồn của cái thiện. Chẳng hạn, khi xem những bài giảng của các Thiền sư trên kênh YouTube, chúng tôi nhận thấy những bậc thầy giảng pháp thường lấy ví dụ từ chuyện cổ tích, hay lời cảnh tỉnh của người xưa, giúp thiền sinh nhận ra những bài học về quy luật nhân quả, về lẽ công bằng. Tất nhiên, để phân biệt, những bậc tu hành thường phải cắt nghĩa cho thiền sinh hiểu như thế nào là cái ác. Cái ác là những điều gây buồn khổ, có hại cho người khác và cho chính mình, còn cái thiện là cái hữu ích, tốt lành, an vui. Dạy cho thiền sinh hiểu về cái thiện, không phạm vào năm điều trái nghịch, không làm mười điều ác, nên làm mười điều lành. Đối với thiền sinh vị thành niên, nên giải thích cặn kẽ vì sao chúng ta nên phóng sinh, bố thí, tịnh hạnh. Vì sao mỗi người nên nói lời chân thật, ngay thẳng, dịu ngọt; nên mở lòng từ bi, nhẫn nại, suy nghĩ cẩn thận. Người làm việc thiện ở hiện tại vừa đem lại niềm hạnh phúc cho bản thân, vừa gieo những hạt giống thiện lành, cần thiết cho tương lai. Bên cạnh đó, nhà chùa còn hướng dẫn cho thiền sinh thực hành pháp môn niệm Phật, ngồi Thiền. Niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” giúp am tường sâu sắc về Giới, Định, Huệ, nhằm giải thoát xoa dịu

cho chính mình và người xung quanh khỏi những phiền não. Niệm Phật khởi từ tâm, nhiếp tâm thành ý, giúp cho thiền sinh tín niệm, nhẫn nại. Niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” là góp phần giữ cho tâm an trú nơi câu pháp ngôn, tránh sự bấn loạn, chìm trong mê tối. Niệm Phật, ngồi Thiền giúp chúng ta cảm nhận được cái yên ổn, thanh bình, biết quý trọng những khoảnh khắc của hơi thở, của tồn tại và cái lay thức vi diệu bên trong của con người trên hành trình giác ngộ Phật pháp. Rõ ràng, bài dạy của nhà chùa đã mở ra những lớp lang về nhận thức, từ cái riêng đến cái chung. Nói cách khác, nhà chùa đã dạy cho thiền sinh bài học ứng xử, hiểu về chân giá trị của đạo làm người thông qua các mối quan hệ xã hội. Dĩ nhiên, các mối quan hệ xã hội phải được xây dựng trên triết lý ở hiền gặp lành. Ở hiền là cách ứng xử nhẫn nại, biết quan tâm đến người thân trong gia đình; thành tâm với tổ tiên, họ hàng; thật thà, bình dị với bạn bè; cảm thông với những người có cảnh ngộ không may mắn. Mở rộng ra, người ở hiền là người sống nghĩa tình, biết chia sẻ khó khăn với hàng xóm láng giềng; tôn trọng nội quy tập thể, có ý thức xây dựng đời sống văn hóa của khu phố, thôn, ấp. Ở hiền gặp lành là một phẩm chất đạo đức, nhân cách kết tinh có tầm ảnh hưởng tới người xung quanh, góp phần làm lan tỏa, nhân lên những giá trị phẩm chất tốt đẹp của con người trong cộng đồng. Thêm nữa, những năm gần đây, trong bối cảnh biến đổi bất thường của khí hậu, việc giáo dục cho thiền sinh biết chung sống hòa đồng với cỏ cây hoa lá, chim chóc muông thú, có ý thức chăm sóc bảo vệ rừng, không xả rác thải nhựa ra môi trường và xem đó là trách nhiệm của công dân trong việc giữ gìn sự sống. Đến với khóa tu mùa hè, thiền sinh sẽ được hít thở trong môi sinh thanh sạch, tĩnh lặng, thanh bình.

Đồng thời, nhận ra muôn mặt đắp đổi luân hồi của chúng sinh, hiểu “cái nhẹ vượt lên và hiệp lại thành Trời, cái nặng thì chìm xuống thành Đất”3. Mặt khác, thiền sinh còn nhận

3. Đoàn Trung Còn, Lịch sử nhà Phật, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2011, tr. 229.

ra rằng, không gian nhà chùa là một bối cảnh của tồn tại hoàn toàn khác biệt với cuộc sống hàng ngày. Bởi đến với khóa tu mùa hè, thiền sinh không chỉ học được những kỹ năng rèn luyện sức khỏe từ lợi ích của việc ăn chay, tập thể dục, cách mặc y phục sao cho kín đáo, nhã nhặn, phù hợp, mà còn rèn cho mình kỹ năng tự phục vụ bản thân. Chính các kỹ năng trên sẽ giúp thiền sinh cân bằng nhịp nhàng giữa cái động và cái tĩnh. Đồng thời, vừa giữ cho hơi thở trong lòng thêm khỏe khoắn, trong suốt, vừa hiểu về sự gắn bó mật thiết của bản thân mình với thiên nhiên. Một nội dung quan trọng nữa không thể thiếu trong khóa tu mùa hè là trang bị cho thiền sinh kỹ năng sinh hoạt nhóm. Bởi lẽ “Học Phật phải có một sự thực nghiệm bản thân thì mới hiểu rõ được cái diệu lý của nó”4. Trong chuỗi ngày tu học, nhằm giúp thiền sinh thắt chặt tình đoàn kết, vui tươi, nhà chùa thường tổ chức các hoạt động từ thiện vì cuộc sống cộng đồng, hoặc xen kẽ các trò chơi dân gian, biểu diễn theo nhạc Phật, hát bài ca dâng Phật… Qua các sinh hoạt nhóm, thiền sinh sẽ được trải nghiệm, hòa mình vào nhiều khoảnh khắc gần gũi, an toàn và ý nghĩa bậc nhất. Bên cạnh đó, nhiều chùa còn khéo léo lựa chọn thời điểm hợp lý tổ chức “Đêm thắp hoa đăng tri ơn cha mẹ”. Trong không khí tĩnh lặng, sâu lắng của màn đêm và nỗi nhớ gia đình, thiền sinh sẽ được lắng nghe lời Phật dạy trong kinh “Báo hiếu phụ mẫu trọng ân”. Lễ dâng hoa đăng thắp lên ánh sáng của lòng từ bi, trí tuệ, xua bớt vô minh và chạm đến miền giá trị linh thiêng sâu thẳm nhất của con người. Vì thế, lễ dâng hoa thắp đèn có tác dụng thức tỉnh thiền sinh, khiến họ biết nhận ra những lỗi lầm, biết sám hối bằng niềm xúc động và giọt nước mắt của tình yêu thương. Có thể nói, trong không gian chùa chiền, con người có cơ hội được trải nghiệm qua các phạm trù của thế giới thiêng liêng bậc nhất, vì chùa chiền là một nhịp cầu nối liền giữa con người và thế giới tâm linh, giữa hữu hạn và vĩnh hằng. Ở đó, người tu học sẽ nhận

4. Thu Giang Nguyễn Duy Cần, Phật học tinh hoa, Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr. 67.

ra một bài học của niềm tin, nói như Thiền sư Thích Nhất Hạnh “Nếu không có niềm tin, sự hiểu biết và lòng thương yêu thì cuộc đời sẽ đau khổ lắm”5. Rõ ràng, chỉ khi con người thức nhận, ngộ ra về sự tồn tại của chính mình trong cõi sống, người ta mới có ý thức giữ gìn những giá trị chân chính nhất của cuộc đời. Đó chính là phương cách giúp cộng đồng phát triển bền vững. 3. NHỮNG GIẢI PHÁP TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GÓP PHẦN LÀM LAN TỎA KHÓA TU MÙA HÈ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY Trước hết, về cách thức tổ chức, để khóa tu mùa hè được triển

khai nhịp nhàng trong hai tháng hè với số lượng thiền sinh tham gia nhiều hơn, Ban Hoằng pháp và Giáo hội Phật giáo các tỉnh/ thành phố cần có sự tham mưu cho Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhằm đưa ra kế hoạch chỉ đạo các Ban Trị sự trực thuộc nhân rộng mô hình trên ra các chùa cùng địa bàn, chứ không dừng lại ở các công văn mang tính khích lệ, động viên. Nếu các cấp quản lý Phật giáo triển khai đồng bộ giải pháp về tổ chức khóa tu mùa hè thì sẽ góp phần làm lan tỏa những giá trị tốt đẹp. Lý do là lâu nay, mỗi tỉnh, thành phố chỉ có một số ngôi chùa thực hiện đều đặn các khóa học này, chẳng hạn: Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên (Vĩnh Phúc); chùa An Hồng (Hải Phòng); chùa Bằng, Hòa Phúc, Pháp Vân (Hà Nội); chùa Phước Duyên, Huyền Không (Huế); Thiền viện Bồ Đề, chùa Long Hoa (Đà Nẵng); chùa Từ Quang (Gia Lai); chùa Viên Giác Thiền Tự (Đồng Nai); chùa Phật Quang, Hộ Pháp (Bà Rịa - Vũng Tàu); chùa Hoằng Pháp (thành phố Hồ Chí Minh); chùa Hòa Thành (Tây Ninh), chùa Khánh Ninh (Long An)... Vì thế, các bậc phụ huynh thường có thói quen gửi con em mình vào những chùa đã từng tổ chức khóa tu mùa hè thành công. Một số chùa khác mặc dù có cơ sở vật chất tốt, có Đại đức, tăng, ni am hiểu về giáo dục, nhưng khi triển khai những khóa tu này chưa thu hút được sự quan tâm nhiều của mọi người. Hơn nữa, khi có ý kiến chỉ đạo từ cấp quản lý, Giáo hội Phật giáo các tỉnh/ thành phố sẽ có cơ sở để

5. Thích Nhất Hạnh, Đường xưa mây trắng, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr.446.

quản lý con người, kiểm tra những điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, điều kiện ăn ở, sinh hoạt và có những góp ý giúp các chùa triển khai khóa tu mùa hè bài bản, chuyên nghiệp hơn. Thứ hai, về chương trình đào tạo, thực tế cho thấy, khóa tu mùa hè của các chùa có nhiều chuyên đề hay. Bao gồm hai phần lý luận về đạo đức Phật giáo và thực hành triết lý nhà Phật trong cuộc sống. Hai nội dung này được các bậc trụ trì tổ chức biên soạn, xuất bản thành các giáo trình lưu hành nội bộ. Trong đó, nhiều chuyên đề được các bậc học giả, Đại đức truyền giảng sinh động, hấp dẫn. Tuy nhiên cũng cần thống nhất và các chuyên đề này thành các modun phù hợp với tâm lý, nhận thức của lứa tuổi. Về lâu dài, căn cứ vào các bài giảng, Học viện Phật giáo Việt Nam nên tổ chức các hội thảo, chuyên đề, những nghiên cứu chuyên sâu nhằm xây dựng giáo trình dạy - học có chất lượng cho khóa tu mùa hè. Tất nhiên, những bộ giáo trình này được xây dựng theo hướng mở, bao gồm kiến thức Phật học nền tảng và phần kiến thức kỹ năng thực hành mềm dẻo, giúp người dạy và người học sáng tạo hơn. Thêm nữa, cũng cần quan tâm đến nguyên tắc dạy học phát triển năng lực, lấy thiền sinh làm trung tâm. Thứ ba, về đào tạo đội ngũ giảng viên, trong chương trình đào tạo của các trường Phật học đã có nhiều chuyên đề về kỹ năng thuyết trình, viết văn bản, hoạt động nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin..., còn phần lớn các Đại đức, Trụ trì thì phần lớn truyền giảng theo năng lực. Những năm gần đây, Học viên Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh có mở hai ngành đào tạo là Công tác xã hội và Sư phạm mầm non, nhưng số lượng sinh viên theo học cũng chưa nhiều. Vì thế, xét về lâu dài thì cần có chương trình

đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ về nghệ thuật sư phạm và phương pháp đứng lớp cho đội ngũ kế cận. Đặc biệt là kỹ năng dạy học truyền cảm hứng cho thiền sinh. Mặt khác, cũng cần nắm được cách xây dựng kịch bản cho lớp học, bao gồm các bước dẫn nhập, khắc sâu kiến thức trọng tâm, giúp thiền sinh hiểu bài tốt hơn. Tất nhiên, để mỗi người thầy tham gia giảng dạy có sức hút lớn, việc

sử dụng ngôn ngữ, cách dẫn dắt, thuyết trình, phát vấn hoặc nghệ thuật hùng biện thuyết phục người nghe là rất quan trọng. Thứ tư, về việc quảng bá, kết nối, vận động kinh phí, các chùa cần thông qua kênh Phật tử, kênh hình, kênh ảnh giới thiệu các khóa tu mùa hè thật sự ngắn gọn, súc tích. Trong đó, cần đặt những câu hỏi như: Tại sao các bậc cha mẹ quan tâm đến khóa tu mùa hè? Khóa tu mùa hè giảng dạy những kiến thức gì? Những kiến thức Phật học có ý nghĩa như thế nào trong việc bồi đắp lòng vị tha, hướng thiện cho con người? Những nội dung hữu ích trên trước hết sẽ giúp phụ huynh yên tâm lựa chọn khóa học hợp con em, sau nữa là khẳng định niềm tin của nhà chùa khi thực hành Phật pháp. Quan trọng hơn là khẳng định vai trò, trách nhiệm của nhà chùa góp phần xây dựng cộng đồng phồn vinh, hạnh phúc. Về cách thức vận động kinh phí, mỗi chùa cần thông qua kế hoạch tổ chức khóa tu mùa hè, thành lập ban vận động kinh phí, triển khai từ gia đình Phật tử, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong xã hội. Thứ năm, về rút kinh nghiệm, hàng năm sau khóa tu mùa hè, Giáo hội Phật giáo các tỉnh, thành phố cần có hội nghi tổng kết, tôn vinh những Đại đức, Tăng Ni, gia đình Phật tử, mạnh thường quân và thiền sinh có đóng góp cho khóa học. Tôn vinh là một cách khích lệ, động viên, giúp cho khóa tu ở các mùa hè tiếp theo tổ chức tốt hơn. Mặt khác, nhờ tổ chức tổng kết mà Giáo hội Phật giáo cũng hiểu được những cách làm hay, hiệu quả, những hình ảnh đẹp đẽ "kính Phật trọng Tăng" (chữ dùng của Đoàn Trung Còn) giàu giá trị nhân văn giúp cho cộng đồng phát triển. Như vậy, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, bên cạnh việc giáo dục kiến thức, kỹ năng và ngoại ngữ giúp giới trẻ chuẩn bị những điều kiện, chủ động trở thành công dân toàn cầu, thì giáo dục giá trị đạo đức Phật giáo cho giới trẻ qua khóa tu mùa hè là một nội dung cần thiết. Đó là cách nuôi dưỡng, bồi đắp cho một thế hệ công dân tương lai biết trau dồi, gìn giữ vẻ đẹp trong sáng của tâm hồn, biết ứng xử lễ nghĩa, bao dung với người thân, bạn bè; có ý thức sâu sắc về bảo vệ động vật, gìn giữ thiên nhiên. Cao hơn nữa, khóa tu mùa

hè còn góp phần hình thành ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng. Trong bối cảnh nền kinh tế đất nước vận hành theo cơ chế thị trường, khóa tu mùa hè là một hoạt động giáo dục đạo đức có ý nghĩa. Tất nhiên, để cho các giá trị nhân văn của Phật giáo lan tỏa trong cộng đồng, phải chăng rất cần những nghiên cứu chuyên sâu, những định hướng từ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, những bậc học giả, nhà nghiên cứu và sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, góp phần bồi đắp những giá trị nhân văn, giúp con người sống bình tĩnh, hạnh phúc, an lạc.

***

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 - Fax: 024.39260031
***

PHẬT HỌC VIỆT NAM THỜI HIỆN ĐẠI: BẢN CHẤT, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Thích Nhật Từ chủ biên

***

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Trình bày: Ngọc Ánh
***

Liên kết xuất bản: HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP.HCM 750 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM. Số XNĐKXB: 3950 - 2019/CXBIPH/32 - 64/HĐ. Số QĐXB của NXB: 740/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 18-11- 2019. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-3603-7

VÀI NÉT VỀ CÁC TÁC GIẢ

TS. Huỳnh Lâm Anh Chương, sinh năm 1971. Giảng viên Bộ môn Quản lý giáo dục Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu: Phát triển chương trình giáo dục và quản trị nhà trường. TS. Hoàng Thị Anh Đào, sinh năm 1989, chuyên môn nghiên cứu Tôn giáo và Văn hóa. Quan tâm nghiên cứu và giảng dạy các học phần liên quan đến Văn hóa và tư tưởng phương Đông, trong đó có Phật giáo như: Các tôn giáo trên thế giới, Lịch sử tư tưởng phương Đông, Di sản thế giới ở phương Đông, Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản, Di sản văn hóa ở Hàn Quốc... Tác giả có 30 bài viết công bố trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế; sách in chung nhiều tác giả. Trong đó, có một số bài nghiên cứu về Phật học và đã tham gia Hội thảo tại Đại lễ Vesak 2019 tại chùa Tam Chúc, Hà Nam. NCS.ĐĐ. Thích Huệ Đạo, sinh năm 1985. Nghiên cứu sinh Tiến sĩ Triết học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. HCM. Chuyên nghiên cứu về Đạo đức Phật giáo và Triết học phương Đông. Giải nhất Nghiên cứu khoa học cấp Trường với đề tài: “Đạo đức Nho giáo với việc xây dựng các giá trị đạo đức gia đình Việt Nam hiện nay” và được

tặng giấy khen vào ngày 22/09/2009 của Hiệu trưởng Trường Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM. “Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn”, Tạp chí Phát triển nhân lực số 3, (24) trang 3 năm 2011. “Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo Nam tông đến đời sống văn hóa tinh thần người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí Khoa học Chính trị, chỉ số ISSN 1859 - 0187, số 01 - 2018,

tr. 75-78. “Sự tương đồng giữa quan niệm về đạo đức của các nhà triết học cổ đại với Phật giáo”, Tạp chí Khoa học Chính trị, chỉ số ISSN 1859 - 0187, số 03 - 2018, tr. 69-74. NCS.ĐĐ. Thích Chấn Đạo, trú xứ chùa Tra Am, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu sinh Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. Đang làm việc tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế. TS. Dương Quang Điện (Hòa thượng Thích Thanh Điện), Phó Tổng Thư ký - Chánh Văn phòng GHPGVN, là tác giả của các tác phẩm quen thuộc gồm Cẩm nang người Phật tử (Đồng chủ biên), Đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam trong 30 năm đổi mới (viết chung), Quá trình hình thành và phát triển của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn từ 1981 đến nay (Chủ biên), Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn lực trí thức trong quá trình hội nhập quốc tế (viết chung), Tư tưởng chính trị “Dân là gốc” trong lịch sử Việt Nam (viết chung), Một số nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay (Đồng chủ biên), Trí thức Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (viết chung). Ngoài ra là tác giả, đồng tác giả nhiều bài viết khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, kỷ yếu đề tài nghiên cứu khoa học. ThS. Vũ Ngọc Định, sinh năm 1976. Chuyên môn nghiên cứu Hán Nôm, Phật giáo và Di tích Phật giáo. Trong những năm gần đây, tác giả đã dành nhiều thời gian nghiên cứu về Phật giáo. Đã công bố một số nghiên cứu riêng về Phật giáo cùng một số nghiên cứu liên ngành có liên quan đến Phật giáo. Tiêu biểu là 4 tập sách về Chùa xứ Thanh, hành trạng chư Tăng Ni Thanh Hóa và Văn bia chùa Thanh Hóa; có bài tham luận và được chọn xuất bản ở 3 hội thảo Quốc tế gồm: Hội thảo Quốc tế Phật giáo nhập thế và các vấn đề đương đại năm 2017, Hội thảo Quốc tế Trần Nhân Tông – Đặc sắc tư tưởng văn hóa năm 2018 và Hội thảo Học thuật quốc tế Vesak năm 2019. Cùng nhiều bài trên các tạp chí, Hội thảo các cấp.

Trần Thị Thanh Hà, công tác tại Phân viện nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội. NCS. Lý Siêu Hải, sinh năm 1976. Giảng viên bộ môn Tiếng Anh tại Trường Cao đẳng nghề TP.HCM và đang là Nghiên cứu sinh ngành Quản lý Giáo dục tại Bộ môn Quản lý giáo dục thuộc Khoa Khoa học Giáo dục Trường Đại học Sư phạm TP.HCM. TS. Lê Đức Hạnh, chuyên môn Nhân học. Một số nghiên cứu chính: Ảnh hưởng của Công giáo đối với sự phát triển văn hóa, xã hội; Hôn nhân và gia đình dưới nhãn quan tôn giáo học; Lý luận về tôn giáo và những vấn đề nhân học tôn giáo; Tôn giáo dưới tác động của toàn cầu hóa; Vai trò của tôn giáo trong các mối quan hệ xã hội, chính trị ở Trung Đông. Đang công tác tại Viện Nghiên cứu Kinh thành, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. TS. Lê Thị Hạnh, Phó trưởng khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Tài

chính – Quản trị Kinh Doanh. Chuyên đi sâu nghiên cứu về nguồn nhân lực chất lượng cao, như kinh tế tri thức, cách mạng công nghiệp 4.0. Đã tham gia nghiên cứu 3 đề tài nghiệm thu xuất sắc, được công nhận sáng kiến cấp bộ. Tác giả 4 cuốn sách chuyên khảo, 8 sách đề cương, bài tập cho hệ đào tạo Đại học và Thạc sĩ của trường. Chủ trì một hội thảo cấp quốc gia và in sách. Đã tham gia viết 6 bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế. Gần 30 bài báo đã đăng trên tạp chí trong nước. ThS. Đinh Đức Hiền, sinh năm 1986, chuyên môn nghiên cứu Triết học. Tác giả có nhiều bài viết được đăng trên tạp chí "Góp phần nhìn nhận xu hướng thế tục hóa trong Phật giáo hiện nay - Vấn đề và giải pháp", Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 5, năm 2012, tr.15- 17; "Bàn về tư tưởng giải thoát của Phật giáo", Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 5, năm 2013, tr.18-20; "Phát huy vai trò của Phật giáo trong việc xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị qua thực tế tại thành phố Đà Nẵng" đăng trên Kỷ yếu Đại lễ Vesak LHQ 2019, phát hành tháng 5 năm 2019. TS.ĐĐ. Thích Quảng Hợp, sinh năm 1980. Tốt nghiệp Tiến sĩ

Triết học Học viện Khoa học Xã hội Hà Nội năm 2016. Nghiên cứu về lĩnh vực Hệ thống tư tưởng giáo lý Phật giáo như Tính Không, chính niệm, Tứ đế, Duyên sinh, khổ - vui với cuộc sống nhân sinh. Thường tham gia các hội thảo khoa học về Phật giáo, tham gia giảng dạy giáo lý cho các đạo tràng Phật tử, sáng tác thơ văn, kệ về thiền Phật giáo. TS.NS. Thích Nữ Hằng Liên, hoàn thành Thạc sĩ Phật học tại trường Đại học Delhi (1994-1996) và nhận được học bổng Giao lưu Văn hóa Ấn – Việt do chính phủ Ấn Độ cấp tặng (1996-2001) với nghiên cứu "Chủ nghĩa bình đẳng trong đạo Phật". Ni sư tiếp tục hoàn thành luận án Tiến sĩ Triết học tại Trường Đại học Punjab - Chandigarh (2001-2006). Hiện là giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM. Trụ trì Thiền viện Pháp Sơn với trách nhiệm Trưởng Ban Hoằng pháp Phật giáo huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, hướng dẫn các khóa thiền Vipassana cho hàng ngàn thiền sinh. TS. Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1979. Chuyên ngành Lịch Sử, Khoa Lý luận chính trị - Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Nghiên cứu về Chủ trương và sự chỉ đạo công tác vận động chức sắc, Phật tử của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp; Giáo dục Phật giáo - những đóng góp tích cực cho đời sống văn hóa - xã hội Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam với vấn đề dân tộc - tôn giáo - tín ngưỡng trong những năm 1930 – 1954; Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc. ThS. Lê Tấn Lộc (ĐĐ. Thích Trúc Thành Minh). Tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh từ trường Đại học Victoria (Úc). Tác giả có gần 8 năm giảng dạy tiếng Anh cho đối tượng từ thiếu nhi cho đến người lớn. Với đối tượng là thanh thiếu niên, ở lứa tuổi được xem là rất khó dạy, bằng cách ứng dụng Phật pháp, tác giả đã rất thành công khi dạy đối tượng này. Khi sống đời sống của một tu sĩ (hiện là thiền sinh tại Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp, tỉnh Tuyên Quang), tác giả lại được phân công phụ trách công tác thanh thiếu niên. Từ đó, đạo đức Phật giáo với thanh thiếu

niên, và ứng dụng thiền trong giáo dục thanh thiếu niên là hai mảng đề tài tác giả quan tâm. Hiện tại, tác giả là Nghiên cứu sinh chuyên ngành Phật học tại Viện Trần Nhân

Tông, Đại học quốc gia Hà Nội. TS. Trần Hồng Lưu, sinh năm 1960. Chuyên nghiên cứu và giảng dạy về Triết học, Lịch sử Triết học, Mỹ học, Tôn giáo học tại Đại học Đà Nẵng. Vừa giảng dạy và nghiên cứu, tác giả đã viết được trên 120 bài báo đăng trong các tạp chí Triết học, Khoa học xã hội Việt Nam, Lý luận chính trị... và hội thảo quốc gia và quốc tế cùng hơn 10 đầu sách đã xuất bản ở NXB Chính trị Quốc gia, Thông tin và Truyền thông, Đà Nẵng... Đã hướng dẫn 15 học viên Cao học ngành Triết học bảo vệ thành công, trong đó có Đại đức Thích Pháp Bảo (Đinh Văn Hùng), trụ trì chùa Nam Thanh, Đà Nẵng bảo vệ luận văn Thạc sĩ với đề tài: Nhân sinh quan Phật giáo trong kinh Trung bộ, đạt loại xuất sắc năm 2017. TS.SC. Thích Nữ Tường Nghiêm, (2009) Cử nhân Phật học, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM; (2012) Thạc sĩ Phật học Đại học Delhi, Ấn Độ; (2013) hoàn tất Luận án hậu Thạc sĩ tại Đại học Gautam Buddha, Ấn Độ; (2019) Tiến sĩ Phật học Đại học Gautam Buddha, Ấn Độ. TS. Trần Đức Nguyên, sinh năm 1977. Tiến sĩ ngành Văn hóa học. Phó Trưởng khoa Di sản văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Một số công trình nghiên cứu đã công bố: Chủ trì 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp trường và tham gia 4 đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh. Công bố khoảng 15 bài viết trong các tạp chí chuyên ngành (được tính điểm phong học hàm Phó giáo sư, Giáo sư). Đăng khoảng 30 bài viết trong các Kỷ yếu hội thảo khoa học ở các cấp khác nhau như: Quốc tế, quốc gia, tỉnh/thành phố, Học viện, Viện nghiên cứu. ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt, sinh năm 1986. Thạc sĩ Triết học, Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị và Khoa học Xã hội Nhân văn, chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Phòng cháy chữa cháy. Tham luận “Đạo đức Phật giáo trong thời đại “vạn vật kết nối” tại Đại lễ Phật đản Liên hiệp quốc 2019. Tác giả nhận thấy, sự

gần gũi giữa Phật giáo và chủ nghĩa xã hội khoa học mà tác giả đang giảng dạy, đó là sự đấu tranh vì hạnh phúc của con người. ThS.SC. Thích Nữ Hòa Nhã, sinh năm 1981. Chuyên ngành Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Nghiên cứu Lịch sử Phật giáo Việt Nam đặc biệt Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam đương đại; Tham gia Hội thảo Học thuật và Đại lễ vesak Liên Hiệp Quốc 2019 Việt Nam; Hội thảo Trần Nhân Tông Phật giáo Trúc Lâm đặc sắc tư tưởng văn hóa – Đại học Quốc Hà Nội, Viện Trần Nhân Tông tổ chức; Hội thảo Di sản Như Thanh kế thừa- phát triển Ni giới Việt Nam - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn kết hợp báo Hoa Đàm; tham gia hoạt động Báo chí tại báo Hoa Đàm, Phật sự online. Nghiên cứu tác phẩm: Tư tưởng Thiền học Phật giáo đời Trần; Vận dụng nội dung , phương pháp giáo dục của Phật giáo vào đời sống xã hội hiện nay; Vai trò hoằng pháp của Tuệ Trung Thượng Sĩ; Sư Trưởng Như Thanh và tổ chức Ni giới đầu tiên ở Nam bộ; Hoằng pháp giáo dục thanh thiếu niên gia đình Phật tử; Cuộc đời và sự nghiệp - Ni trưởng Như Đức. TS.ĐĐ. Thích Nguyên Pháp, chuyên ngành Tâm lý học. Hiện đang làm việc tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. TS.HT. Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Thông tin - Truyền thông Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện trưởng Phân viện nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trú xứ chùa Liên Phái, Hà Nội. NCS. Tạ Thị Minh Phương, sinh năm 1990. Hiện đang là Nghiên cứu sinh năm thứ 3 của Khoa Toán, trường Đại học Sư phạm Huế. TS.SC. Thích Nữ Thanh Quế, Ủy viên Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM. Trụ trì chùa Bảo Quang, Đài Trung, Đài Loan. TS. Phạm Thị Quỳnh, sinh năm 1976. Chuyên môn nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Triết học. Tác giả có những bài viết và nghiên cứu liên quan đến Phật giáo như: Sự ảnh hưởng của Nho

giáo đến Thiền sư Khuông Việt (Đồng tác giả), Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: "Quốc sư Khuông Việt và Phật giáo Việt Nam đầu kỷ nguyên độc lập", Giáo hội Phật giáo Việt Nam 2011 (tr. 194 - 199); Giáo dục đạo đức Phật giáo cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: "Cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức toàn cầu – Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức", Giáo hội Phật giáo Việt Nam, NXB Tôn giáo 2019 (tr. 361-368). TS. Trần Minh Đức, chuyên ngành Nhân học, nghiên cứu chính là các vấn đề về nhân học kinh tế, dân tộc học, văn hóa, xã hội, tôn giáo. Hiện là giảng viên Khoa KHXH&NV, trường đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngoài giảng dạy, Tiến sĩ Trần Minh Đức thường xuyên tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên, và là thành viên Ban nội dung, Ban biên tập Hội thảo khoa học các cấp tại trường đại học Thủ Dầu Một. ThS. Lưu Ngọc Thành, sinh năm 1984. Thạc sĩ Văn hóa học. Lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy chuyên môn: Bảo tàng học, Quản lý di sản văn hóa và một số lĩnh vực khác: Xây dựng đời sống văn hóa. Tham gia 3 đề tài cấp Bộ và 2 đề tài cấp tỉnh/thành phố. Công bố khoảng 5 bài viết trong các tạp chí chuyên ngành (được tính điểm phong học hàm Phó giáo sư, Giáo sư). Đăng tải khoảng 50 bài viết trong các Kỷ yếu hội thảo khoa học ở các cấp khác nhau: Quốc tế, quốc gia, tỉnh/thành phố, Học viện, Viện nghiên cứu. TS.TT. Thích Nguyên Thành, sinh năm 1968. Thạc sĩ Phật học (2003) và Tiến sĩ Phật học (Delhi, Ấn Độ, 2007), Ủy viên Thư ký Hội đồng Chỉ đạo và Ấn hành Đại tạng kinh VN (1997), Ủy viên Ban Văn hóa TW (1998), Phó Văn phòng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (1999), Phó Thư ký Ban Phật giáo Quốc tế TW (2000), Chánh Thư ký Ban Giáo dục Tăng Ni TW (2008). Hiện là Ủy viên HĐTS, Phó trưởng ban Giáo dục Phật giáo TW, Phó Viện trưởng kiêm Trưởng phòng Đào tạo Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

ĐĐ. Thích Tâm Thông, sinh năm 1988. Trú xứ tại chùa Phổ Thiện Hòa, Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ủy viên phân Ban Thanh thiếu nhi Phật tử TW, Trưởng phân Ban Thanh thiếu nhi Phật tử tỉnh Bình Dương. Tốt nghiệp cử nhân Phật Học tại Học viên Phật giáo Việt Nam, TP. HCM. NCS.ĐĐ. Thích Pháp Tịnh, sinh năm 1986. Chuyên môn nghiên cứu về Phật học, Tâm lý học Phật giáo. Đã tham gia nghiên cứu và viết một số công trình liên quan đến Tâm lý, giáo dục, xã hội. Trong đó đối tượng hướng đến là tín đồ Phật giáo như "Mức độ trầm cảm của cư sĩ Phật tử thành phố Huế". Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Tâm lý học đường lần thứ 5 "Phát triển tâm lý học đường trên thế giới và ở Việt Nam"; "Ứng phó với trầm cảm của cư sĩ Phật tử thành phố Huế", tạp chí Tâm lý học xã hội tháng 2/ 2019. ThS. Đào Văn Trưởng, sinh năm 1990. Nghiên cứu về lịch sử, tôn giáo, Phật giáo nhập thế tại Việt Nam; Quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo tại Tây Bắc. Một số công trình nghiên cứu về Phật giáo:

Nghiên cứu vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ vì xã hội bền vững của Phật giáo Việt Nam thời đại nhà Trần với "Hào khí Đông A" và thời đại Hồ Chí Minh với tuyên ngôn "Không có gì quý hơn độc lập tự do"; Vận dụng tư tưởng của đức vua, Phật hoàng Trần Nhân Tông trong xây dựng nền quản trị quốc gia tại Việt Nam hiện nay; Nghiên cứu Phật giáo Bình Định dưới thời các chúa Nguyễn; Nghiên cứu Phật giáo tại Sơn La cuối thế kỷ XIX... PGS.TS. Nguyễn Thanh Tú, chuyên nghiên cứu và giảng dạy về văn hoá, văn học Việt Nam thời trung đại. Trong đó, đi sâu vào văn học Phật giáo và sự ảnh hưởng của Phật giáo trong văn học Việt Nam. Ông hiện đang công tác tại Tạp chí Văn nghệ Quân đội, đã có nhiều bài viết về thơ thiền, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh... TS.TT. Thích Nhật Từ, hiện là Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, Phó Ban Phật giáo Quốc tế, Phó Ban Giáo dục Phật giáo

VÀI NÉT VỀ CÁC TÁC GIẢ 553

Trung ương, Phó Ban Hoằng pháp Trung ương, Chủ tịch sáng lập Quỹ Đạo Phật Ngày Nay từ năm 2000. Thầy là Tổng biên tập của Phật điển Việt Nam (ấn bản sách nói), Tổng biên tập Đại tạng Kinh Việt Nam và Chủ biên Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay (hơn 250 đầu sách), biên tập hơn 200 album âm nhạc Phật giáo. Thầy là tác giả của hơn 80 quyển sách Phật học ứng dụng, du hành nhiều quốc gia, giảng pháp cho cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ, Canada, châu Úc, châu Âu với hơn 4.500 video pháp thoại về nhiều chủ đề. Một số trường Đại học nước ngoài trao tặng 5 bằng Tiến sĩ danh dự và các tổ chức Phật giáo quốc tế và GHPGVN tặng nhiều bằng khen, giải thưởng cao quý nhằm ghi nhận các đóng góp của thầy Nhật Từ về giáo dục, nghiên cứu, phụng sự xã hội và lãnh đạo trong cộng đồng Phật giáo quốc tế. ThS. Nguyễn Thị Thanh Tùng, sinh năm 1984, chuyên môn Công tác xã hội, Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM. Vai trò của Phật giáo trong các hoạt động liên quan đến công tác xã hội như hoạt động từ thiện, hoạt động an sinh xã hội hỗ trợ cho các nhóm đối tượng khó khăn, như người cao tuổi, trẻ em bị bỏ rơi, không nơi nương tựa, trẻ có HIV/ AIDS... Tham luận Hội thảo: "Mối quan hệ giữa Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu qua hoạt động thờ cúng và lễ hội tại các di tích hội quán của người Hoa ở Hội An (Quảng Nam)". Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia "Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam". Hội thảo do Viện nghiên cứu tôn giáo (Viện Hàn lâm KHXH VN) và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội (Giáo hội Phật giáo Việt Nam) tổ chức năm 2018. ThS. Đoàn Thị Vịnh, sinh năm 1982, chuyên môn Kiểm sát; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 - Fax: 024.39260031
***

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG TRƯỜNG HỌC VÀ XÃ HỘI

Thích Nhật Từ chủ biên

***

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Trình bày: Ngọc Ánh
Phụ trách ấn tống: Giác Thanh Nhã
***

Liên kết xuất bản: HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP.HCM 750 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

Ấn tống:
CHÙA GIÁC NGỘ
QUỸ ĐẠO PHẬT NGÀY NAY
92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM
In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM. Số XNĐKXB: 3950 - 2019/CXBIPH/32 - 64/HĐ. Số QĐXB của NXB: 740/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 18-11- 2019. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-3603-7

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.